THAY LỜI TỰA

Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Suraṃgama sùtra) được thành lập trước Thế Kỷ thứ III (Thời Đại Tổ Long Thọ). Lập trường của Kinh này là y vào sức Tam Muội (Samàdhi_ Chính Định) để phát huy lực tác dụng của sự giải thoát bất tư nghị. Nếu y vào **Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội** (Suraṃgama Samàdhi) thì hiểu rõ tất cả Pháp đều là KHÔNG ('Sùnya_ Trống rỗng) và thể hiện ra lực dụng của Diệu Hữu. Về nội dung thì Kinh Thủ Lăng Nghiêm minh họa rõ ràng: Giáo, Lý, Hành, Quả, các thứ bậc tu chứng và những điều nguy hiểm mà người hành Thiền phải trải qua. Chính vì thế, thuở xưa các vị vua Ấn Độ đã xem Kinh Lăng Nghiêm là vật báu của nước nên giữ gìn nghiêm mật, không cho truyền bá ra nước ngoài.

Theo truyền thống Hoa Văn, vào cuối đời Hán (178- 189) Ngài Câu Chi La Sấm (Lokarakṣa_ Hộ Thế) đã phiên dịch Kinh Lăng Nghiêm gồm 2 quyển. Đến đời Tây Tấn (265_ 317) nhóm các Ngài **Vô La Xoa** (219) Ưu Bà Tắc Trúc Thục Lam, Bạch Viễn, Pháp Cự, Chi Pháp Độ (301) đã phiên dịch nhiều Bộ Kinh Đại Thừa trong đó có Kinh Lăng Nghiêm.Vào khoảng năm 344_ 413 Ngài Cưu Ma La Thập (Kumàrajiva) đã phiên dịch Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội gồm 2 quyển… nhưng hầu hết các bản phiên dịch ấy đều không đủ bộ.

Do hay biết sự ích lợi quý báu của Kinh Lăng Nghiêm nên Ngài Trí Khải Đại Sư (588_ 597) đã sớm chiều , một ngày hai lần quay mặt về phương Tây, quỳ lạy cầu khẩn ròng rã suốt 18 năm để mong cho Kinh Lăng Nghiêm sớm được truyền bá đầy đủ trên đất nước Trung Hoa nhằm đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Khoảng 100 năm sau, vào đời Đường (618_ 907) có vị Tăng nước Ấn Độ tên là **Bát Lạt Mật Đế** (Paramiti) đã nhiều lần tìm cách đem Kinh Lăng Nghiêm đến truyền bá cho nước Trung Hoa nhưng không được kết quả vì luật nước nghiêm cấm và kiểm soát quá chặt chẽ. Cuối cùng Ngài ghi chép Kinh Văn lên miếng lụa mỏng, cuốn lại rồi xẻ thịt bắp đùi, nhét cuốn lụa vào bên trong. Xong băng lại làm như người đang bị mụn nhọt lớn. Nhờ thế mới đem cuốn kinh ra khỏi nước được.

Khi đến đất Nam Thuyên ở Trung Hoa, Ngài Bát Lạt Mật Đế gặp được vị Thừa Tướng **Phòng Dung**, vốn là một Học Giả uyên thâm lại hâm mộ Đạo Phật. Khi ấy, Ngài Bát Lạt Mật Đế liền trình bày giá trị của Kinh Lăng Nghiêm mà Ngài đã hy sinh mang đến. Nghe xong Thừa Tướng Phòng Dung rất mừng rỡ và mau chóng đem cuốn lụa ra. Nhưng cuốn Kinh vì bị máu mủ bám dính lâu ngày nên bị mất cả Kinh Văn. May sao, nhờ có một vị phu nhân của quan ThừaTướng biết các nấu cuốn lụa trong một chất thuốc hóa học nên máu mủ đều tan biến theo nước thuốc và lưu lại nét mực của Kinh Văn. Bấy giờ, Thừa Tướng Phòng Dung liền thỉnh cầu Ngài Bát Lạt Mật Đế phiên dịch chữ Phạn ra chữ Hán. Khi công việc tiến hành thì có Ngài **Di Già Thích Ca** (Sa Môn của nước Ô Trường) phụ dịch từ ngữ còn quan Thừa Tướng thì nhuận sắc. Nhờ vậy trọn bộ Kinh Lăng Nghiêm gọi đủ tên là **Đại Phật Đỉnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh** gồm 10 quyển được lưu truyền rộng rãi khắp nơi (Đời Vua Đường Trung Tôn , niên hiệu Thần Long 704_ 705). Tuy nhiên theo một số nhà học giả thì 10 quyển Kinh này không có bản Phạn Ngữ nên cho rằng Bộ Kinh này là sự

sáng tạo đặc thù của các bậc Đạo Sư Phật Giáo Trung Hoa.Vì lý do này mà trong một khoảng thời gian dài, Kinh Lăng Nghiêm không được phổ biến và nghiên cứu.

Đến đời Minh (1366_ 1661) tư tưởng Kinh Lăng Nghiêm được các giới Trung Lưu, các hàng Long Tượng để tâm nghiên cứu và ra sức phát huy Diệu Lý của Kinh. Mỗi Ngài chú giải, sớ thích theo sức hiểu biết của mình như Ngài Vân Thê Châu Hoằng (1535_ 1615) đã soạn **Lăng Nghiêm Kinh Mô Tượng Ký** 1 quyển, Ngài Ngẫu Ích Trí Húc (1599_ 1655) soạn **Lăng Nghiêm Kinh Huyền Nghĩa** 2 quyển, Ngài Hàm Thị soạn quyển **Lăng Nghiêm Trực Chỉ** ….Do có nhiều vị sớ giải Kinh một cách mơ hồ nên một số Phật Tử bị ảnh hưởng bởi những tư tưởng huyễn hoặc hoang đường và không có cách giải lý chân chính được. Thấy vậy, Ngài Thích Truyền Đăng phải biên soạn **Lăng Nghiêm Viên Thông Sớ Tiền Mao** 2 quyển để báo động về sự sai lầm của những nhà Sớ Giải đã vô tình gieo mầm mống mê tín dị đoan khiến cho con đường Giác Ngộ Giải Thoát hầu như không có hy vọng thực hiện được. Ngài Chân Giám cũng than phiền tương tự trong Bộ **Thủ Lăng Nghiêm Chính Mạch**.

Tại Việt Nam, nhiều Bậc tiền bối đã phiên dịch Kinh Lăng Nghiêm ra Việt Ngữ rất nhiều như : Ban dịch Kinh Lăng Nghiêm của chùa Quán Sứ Hà Nội, Ban dịch Kinh của Linh Sơn Phật Hội, Thượng Tọa Thích Từ Quang, Thượng Tọa Thích Thiện Hoa, Thượng Tọa Thích Từ Thông, Cư Sĩ Tâm Minh (Lê Đình Thám), cư sĩ Tuệ Quang. Riêng Ngài Thích Duy Lực và cư sĩ Mai Văn Hạnh đã lược bỏ Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm trong bản dịch của mình. Ngày nay, Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam thường dùng Bộ **Thủ Lăng Nghiêm Trực Chỉ** của Ngài Hàm Thị để giảng dạy trong Giáo Trình tu học.

Do trong quyển thứ 7 của Bộ Kinh Thủ Lăng Nghiêm có ghi nhận bài **Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Đà La Ni** (Mahà Sitàtapatra uṣṇìsa dhàraṇì) thường gọi là **Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú** (Sùraṃgama Mantra) kèm theo phương cách xây dựng Đạo Trường (Maṇḍala), công năng lợi ích và lời thề nguyện ủng hộ giúp đỡ người tu hành của các vị Kim Cương, các vị Trời, các vị Thần, các vị Quỷ Vương…. Nên một số Bậc Đạo Sư đã dùng bài Chú này làm pháp tu hành cho mình và giòng phái của mình, đồng thời mở rộng thành pháp tu cho người khác, nổi bật nhất là Khóa Tụng buổi sáng **Lăng Nghiêm Đại Bi Thập Chú** được nhiều người tuân thủ tu hành.

Tuy nhiên, do phương cách Mật Truyền, truyền âm chẳng truyền nghĩa , truyền thụ theo cách ghi nhớ cộng với dòng thời gian lưu truyền trên nhiều địa phương khác nhau… nên đã xuất hiện nhiều bài Chú Lăng Nghiêm khác nhau. Đại đa số các vị Đạo Sư, các Bậc Long Tượng đều công nhận các câu chữ cuối của bài Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Đà La Ni chính là **Tâm Chú** (Città Mantra) của Thủ Lăng Nghiêm còn các câu trước được xem là Mật Ngữ của Phật, mỗi chữ mỗi câu hàm chứa nhiều ý nghĩa cho nên xưa nay vẫn để nguyên âm chữ và các Dịch Giả đều không chịu phiên dịch ngoại trừ một vài Dòng Phái hoặc các nhà nghiên cứu.

Thật ra Dhàraṇì hay Tổng Trì bao gồm cả hai phần là Minh Chú (Vidya Mantra) và Thần Chú (Mantra) tức là hàm chứa cả hai phần **Hiển** và **Mật .**

Minh Chú (Vidya Mantra): Là bài Chú Nguyện có ý nghĩa sáng tỏ hay phá tan sự ám chướng mê mờ đồng thời vạch ra một hướng đi chân chính cho những người muốn tu tập Pháp giải thoát

Thần Chú (Mantra): Là câu Chú Nguyện có nhiều âm ngữ bí mật như Chủng Tử (Bìja), các cảnh giới nội chứng, các tần số âm thanh liên hệ với Thế Giới vô hình, các hiện tượng không có ở Thế Giới này… và đây là lý do mà ít ai chịu dịch Thần Chú ra hiển ngữ.

Nếu căn cứ vào ý nghĩa này thì bài Bát Nhã Tâm Kinh (Mahà Prajñà Pàramita Hṛdaya Sùtra) có phần trên được dịch theo hiển ngữ (tức Minh Chú) còn các câu cuối chỉ phiên âm Phạn (tức là Thần Chú). Tương tự như vậy, nhiều bậc Đạo Sư của Trung Hoa và Nhật Bản đã phiên dịch nghĩa thú phần Minh Chú của bài chú Thủ Lăng Nghiêm và dịch âm phần Tâm Chú Thủ Lăng Nghiêm.

Riêng Hòa Thượng Linh Nghiêm , sau khi đã phiên dịch bài Đại Phật Đỉnh Chân Ngôn (tức Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm) của Tam Tạng Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG đã dựa vào ý nghĩa của phần Minh Chú mà minh định bài Đại Chân Ngôn này được hình thành qua sự kết hợp của 5 Phật Đỉnh Minh (Kim Luân Phật Đỉnh, Phổ Thông Thành Tựu Phật Đỉnh, Bạch Tản Cái Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh, Biện Sự Phật Đỉnh) và chia Đại Chân Ngôn này thành 4 đoạn kèm theo ý nghĩa từng phần của mỗi đoạn.

ĐOẠN MỘT : Kim Luân Phật Đỉnh, có 6 phần

1) Phần Quy Mệnh **:** có 2 phần là Tổng và Biệt

a) Tổng Quy Mệnh

b) Biệt Lễ (Kính lễ quy mệnh riêng)

2) Minh hay trừ các nạn**:**

a) Riêng xưng tán Bản Tôn **Vô Năng Cập Giả**

b) Chính trừ các nạn (Niệm Công Đức của Chú)

3) Biệt Năng Hộ Giả (Các bậc hay hộ trì riêng)

4) Cầu Nguyện

5) Nói Chú

6) Cầu Nguyện

ĐOẠN HAI : Phổ Thông Thành Tựu Phật Đỉnh, có 4 phần là:

1) Khen ngợi tướng đặc biệt lỳ lạ của Bản Tôn

2) Đạo Trường Sở Trú của Minh

3) Nói Chú

4) Cầu Nguyện

ĐOẠN BA : Bạch Tản Cái Phật Đỉnh và Quang Tụ Phật Đỉnh, có 7 phần là:

1) Các nạn riêng biệt

2) Các Quỷ Túy riêng biệt

3) Các Thực Quỷ riêng biệt

4) Cắt đứt các Thần Chú Thuật riêng biệt

5) Cầu Nguyện

6) Đỉnh lễ Bản Tôn

7) Nói Chú trừ nạn

ĐOẠN BỐN : Biện Sự Phật Đỉnh, có 12 phần là:

1) Loại Tâm ác riêng biệt sinh ra từ mình

2) Thực Quỷ riêng biệt

3) Nơi nhiễu túy của loài Quỷ có tâm ác riêng biệt

4) Bệnh nhiệt của Ngược Quỷ riêng biệt

5) Nơi đau nhức của các bệnh riêng biệt

6) Đẳng loại Quỷ riêng biệt

7) Loại ung nhọt riêng biệt

8) Não nạn riêng biệt

9) Đức hay trừ tai nạn của Minh

10) Hạn lượng kết phương ngung và phần cột trói các chướng của Minh

11) Chính thuyết Chân Ngôn trừ nạn kết Giới trói buộc

12) Quy mệnh kính lễ Chân Ngôn. Tự nói*: "Khiến cho Chân Ngôn thành tựu, đã xong"*

_ Một số Đạo Sư khác của Nhật Bản lại chia bài Thần Chú Lăng Nghiêm làm 4 phần là:

1) Đề Danh Chú

2) Minh Chú

3) Thần Chú (Tâm Chú Thủ Lăng Nghiêm)

4) Tán Thán Chú

_ Nhiều vị Đạo Sư của Trung Hoa chia bài Thần Chú Lăng Nghiêm ra làm 5 Hội

1) **Hội thứ nhất**: Minh họa các Đức Trang Nghiêm của thân Phật và các Sứ Giả Trì Minh (Vidyadhàra). Hội này biểu thị cho Phương Tiện Cứu Cánh

2) **Hội thứ hai**: Minh họa công năng của hai chủng tử HÙM̀ và BHRÙM̀ trong đó HÙM̀ biểu thị cho **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) là nơi phát sinh hằng hà sa Công Đức của Diệu Thể Chân Như Bất Cộng của tất cả Như Lai và BHRÙM̀ biểu thị cho nơi Quy Thú mọi Công Đức của chư Phật. Do vậy Hội này biểu thị cho sự phát Tâm Bồ Đề tức là gieo nhân tu hành Pháp **Bồ Đề Vô Thượng** (Anuttara Buddhi)

3) **Hội thứ ba:** Minh họa Tâm Nguyện cắt đứt và xa lìa tất cả Chú Ngữ của muôn loài chúng sinh. Hội này biểu thị cho sự tinh tiến tu tập Chính Pháp của Phật Giáo

4) **Hội thứ tư**: Minh họa Ý Nguyện phá bại và vượt qua các Tâm Hữu Tình. Hội này biểu thị cho sự chứng ngộ Chính Pháp của Phật Giáo

5) **Hội thứ năm**: Minh họa cho uy lực điều phục được tất cả ách nạn trong Thế Gian. Hội này biểu thị cho sự hoàn thiện Nghiệp Thức tức là thành tựu **Tâm Kim Cương** (Vajra-citta)

_ Trong Nhị Khóa Hiệp Giải (Hòa Thượng THÍCH KHÁNH ANH dịch) thì Ngài Quán Nguyệt Pháp Sư ghi nhận tên gọi của 5 Hội là:

1) Hội thứ nhất là: **Tát Đát Đa Bát Đát Lam**

2) Hội thứ nhì là: **Tác Đát Tha Bát Lật Xá Tất Đa**

3) Hội thứ ba là: **Tô Ba La Noa Ma Ha Bát Thu Bát Đát Dạ**

4) Hội thứ tư là: **Tát Đát Đa Bát Đát Ra**

5) Hội thứ năm là: **Tất Đát Đa Bát Đát Ra**

Hoặc nhập 5 Hội làm một, kêu chung một tên là **Phật Đảnh Quang Minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra Vô Thượng Thần Chú**

_ Lại có vị Đạo Sư nhận định 5 Hội này theo cách khác là;

1 *) Hội thứ nhất*: Minh họa Pháp Môn sinh thân quyến thuộc của Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai (Vairocana Tathàgata) nên được gọi là **Tỳ Lô Chân Pháp Hội**

2) *Hội thứ hai*: Minh họa sinh thân quyến thuộc của Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai ('Sàkyamuṇi Tathàgata) nên được gọi là**Thích Ca Ứng Hóa Hội** hay **Lăng Nghiêm Giáo Chủ Hội**

Ba Hội cuối minh họa Pháp Môn của các vị Bồ Tát (Bodhisatva) còn đang trong thời gian dùng Bi (Kàruṇa), Trí (Jñàna) để **Trên cầu thành Phật , dưới hóa độ chúng sinh**. Nói riêng rẽ là:

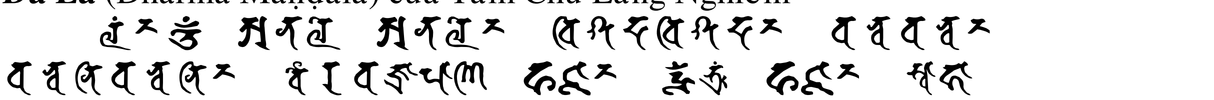
3) *Hội thứ ba*: Minh họa Pháp Môn Viên Thông mọi Chú Ngữ nên được gọi là **Quán Âm Hợp Đồng Hội**

4) *Hội thứ tư*: Minh họa cho Pháp Môn Chiết Phục điều tà ác, nhiếp thọ điều thiện nên gọi là **Kim Cương Tạng Chiết Nhiếp Hội**

5) *Hội thứ năm*: Minh họa Pháp Môn thực hiện sự điều phục, đẩy lui các ách nạn của Thế Gian và giúp cho chúng sinh thành tựu mọi sự cát tường qua sự kết buộc Ấn Khế của Tâm Chú Lăng Nghiêm. Điều này biểu thị cho diệu dụng thuộc Trí Tuệ của Diệu Cát Tường Bồ Tát (Mañju'srì Bodhisatva_ Văn Thù Bồ Tát) nên được gọi là **Văn Thù Hoằng Truyền Hội**

Do diệu dụng của Chú Đà La Ni là tạo ra sự suy nghĩ cho Hành Giả, giữ gìn và thâu tóm nghĩa lý làm tiền đề cho sự tham khảo của Hành Giả tạo nên đề mục quán tưởng trì niệm nhằm đi vào Chính Định để phát sinh Trí Tuệ. Còn Thần Chú là ngôn ngữ bí mật được phát ra do sức Thiền Định nên có thần lực không thể đo lường. Vì thế các bậc Đạo Sư Mật Giáo đã đề ra một phương pháp trì niệm là: Đọc tụng nghĩa lý của Đà La Ni trước (Phần Minh Chú) sau đó trì tụng Âm Phạn của Đà La Ni (Phần Thần Chú) nhằm phối hợp viên dung cả hai phần Hiển và Mật. Đây cũng là nét chính của bản Kinh **Phật Thuyết Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni**

Lại nữa, vì *hình sắc của chữ* biểu thị cho **Thân Mật**, *âm thanh của chữ* biểu thị cho **Khẩu Mật**, *ý nghĩa của chữ* biểu thị cho **Ý Mật** cho nên một số Đạo Sư Mật Giáo đã đề ra phương pháp tu hành là: "Mắt quán sát hình sắc của chữ, miệng đọc tụng âm thanh của chữ, tâm ý quán tưởng ý nghĩa của chữ" nhằm nâng cao và hợp nhất sự gia trì của 3 Mật để thanh lọc tịnh hóa Thân, Khẩu, Ý mau chóng chứng được Trí Tuệ giải thoát. Đây chính là đường nét căn bản của cách tu tập **Pháp Mạn Đa La** (Dharma Maṇḍala) của Tâm Chú Lăng Nghiêm



LAṂ _ OṂ ANALE ANALE _ VI'SADA VI'SADA _ BANDHA BANDHA _ BANDHANI BANDHANI _ VAIRA VAJRAPÀṆI PHAṬ _ HÙṂ BHRÙṂ PHAṬ _ SVÀHÀ

LAM̉ ( ) có màu trắng tinh khiết mang ý nghĩa là : Ánh sáng Trí Tuệ che trùm khắp Pháp Giới Chúng Sinh. Đây chính là Chủng Tự (Bìja) của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh , chủng tử này cũng biểu thị cho chân nghĩa **Vô Tướng chẳng thể đắc** hoặc **tất cả Pháp Tướng chẳng thể đắc**

OṂ ( ) : Cảnh giác nhiếp triệu

ANALE ( ): Ngọn lửa của Thần Linh. Anale được lập lại 2 lần minh họa sự kêu gọi Lửa Trí Tuệ hãy mau chóng tịnh hóa lửa 3 Độc tham, sân , si cho ta và người

VI'SADA ( ) : Sự thanh tịnh. Vi'sada được lập lại 2 lần minh họa cho sự cần phải mau chóng làm cho Nội Chướng và Ngoại Chướng được thanh tịnh

BANDHA ( ) : Cột trói. Bandha được lập lại 2 lần minh họa cho sự mau chóng cột trói Nội Chướng và Ngoại Chướng có tính chất hiển hiện mạnh mẽ hung bạo.

BANDHANI ( ) : Cột trói. Bandhani được lập lại 2 lần minh họa cho sự mau chóng cột trói Nội Chướng và Ngoại Chướng có tính chất ẩn tàng, âm ỷ, sâu kín

VAIRA ( ) : Sự chống lại, sự can đảm dũng cảm, có năng lực khác thường

VAJRAPÀṆI ( ) : Kim Cương Thủ. Đấng cầm chày Kim Cương

PHAṬ ( ) : Phá bại mọi chướng

HÙṂ ( ) : Chủng Tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề

BHRÙṂ ( ) : Chủng tử biểu thị cho nơi quy thú của mọi công đức

PHAṬ ( ) : Phá bại mọi chướng

SVÀHÀ ( ) : Quyết định thành tựu

Trên đây là bài Tâm Chú Thủ Lăng Nghiêm do Ngài Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG (Amogha Vajra : Bất Không Kim Cương) truyền thụ cho Đệ Tử đã Quán Đỉnh tu Quán Niệm. Còn thông thường thì truyền dạy là

TADYATHÀ : OṂ _ ANALE ANALE _ VI'SADA VI'SADA _ BANDHA BANDHA _ BANDHANI BANDHANI _ VAIRA VAJRAPÀṆI PHAṬ _ HÙṂ BHRÙṂ PHAṬ _ SVÀHÀ

Ngoài ra còn có thêm 6 bài Lăng Nghiêm Tâm Chú với những chỗ đồng dị như sau

1 _ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Đức Dalai Lama thứ 7 (Ghi trong quyển Meditations on the Lower Tantras, A Sitataptra Sadhana , tr 126):

TADYATÀ , OṂ ANALE ANALE, PIṢHADE PIṢHADE PIṢHADE , VAIRA VAIRA , VAJRADHARÌ , BANDA BANDUNÌ HÙṂ PHAṬ SVÀHÀ

2 _ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Tam Tạng Pháp Sư SA BA LA:

OṂ _ ANALE ANALE _ VI'SUDDHE VI'SUDDHE _ VIRE VIRE _ VAJRADHÀRI_ BANDHA BANDHA _ VAJRAPÀṆI PHAṬ _ HÙṂ HÙṂ PHAṬ PHAṬ _ HÙṂ ṬRÙṂ BANDHA PHAṬ _ SVÀHÀ

3 _ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Thiên Trúc Đại Sư TUẤN BIỆN:

OṂ _ ANALE ANALE _ VI'SUDDHE VI'SUDDHE _ VÌRA VAJRADHÀRI _ BANDHA BANDHA _ VAJRAPÀṆI PHAṬ _ HÙṂ HÙṂ PHAṬ PHAṬ _ HÙṂ ṬRÙṂ PHAṬ _ SVÀHÀ

4 _ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Ngài Bát Lạt Mật Đế (Bản Phổ Thông):

OṂ _ ANALE VI'SUDDHE _ VAIRA VAJRADHÀRI _ BANDHA BANDHANI _ VAJRAPÀṆI PHAṬ _ HÙṂ BHRÙṂ (? HÙṂ ṬRÙṂ) PHAṬ _ SVÀHÀ

5 _ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Ngài Bát Lạt Mật Đế (Bản ghi trong Kinh Lăng Nghiêm trong Mật Tạng Bộ 2) :

OṂ _ ANALE VI'SUDHE _ VAIRA VAJRADHÀRI _ BANDHA BANDHANI _ VAJRAPÀṆI PHAṬ _ HÙṂ ṬRÙṂ _ SVÀHÀ

OṂ _ HÙṂ VI'SUDDHE _ SVÀHÀ

6 _ Riêng phần Chân Ngôn trong cuối bản Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni do Đức Phật Sống NẶC NA truyền thụ thì có nhiều nét sai khác vơi Chân Ngôn do các Ngài SA BA LA và TUẤN BIỆN truyền dạy. Chân Ngôn ấy là :

TADYATHÀ : OṂ _ ANALE ANALE _ KHASAME KHASAME _ VAIRE VAIRE _ SOME SOME _ 'SANTA 'SANTA _ DÀNTE DÀNTE _ VIṢADE VIṢADE _ VÌRI VÌRI _ DEVI _ VAJRADHÀRI _ BANDHA BANDHANI _ VAJRAPÀṆI PHAṬ

OṂ _ HÙṂ HÙṂ ṬRÙṂ ṢṬOṂ PHAṬ _ SVÀHÀ

HÙṂ ṬRÙṂ BANDHA PHAṬ _ VADAGALA 'SRUTA 'SIG _ SVÀHÀ

OṂ _ VAJRAPÀṆI BANDHA BANDHA _ VAJRA PRA'SENA MAMA _ SARVA DUṢṬOṂ VINAYAKA HÙṂ HÙṂ PHAṬ PHAṬ _ SVÀHÀ

Tuy nhiên Đức Phật Sống NẶC NA lại truyền dạy bài Lăng Nghiêm Tâm Chú ở nơi khác như sau:

TADYATHÀ : OṂ _ ANALE ANALE _ VI'SUDDHE VI'SUDDHE _ VIRE VIRE _ SOME SOME _ VAJRADHÀRIṆI _ CCHINDHA CCHINDHA _ BHINDHA BHINDHA _ VAJRAPÀṆI HÙṂ PHAṬ _ SVÀHÀ

HÙṂ ṬRÙṂ BANDHA PHAṬ _ SVÀHÀ

Qua sự khảo cứu các bản truyền thừa trên, ta nhận thấy Chủng Tử của Tâm Chú Lăng Nghiêm được truyền dạy ở Tây Tạng là HÙṂ ṬRÙṂ , còn truyền thừa ở Trung Hoa và Nhật Bản là HÙṂ BHRÙṂ

Nếu căn cứ vào bản phiên âm của Trong Hoa và Nhật Bản là **Hổ-hồng, đô-lô-ung** kèm với bài **Kim Cương Xí Thịnh Quang Minh Phật Đỉnh Luân Vương Tự Tại Thập Tự Chân Ngôn**

NAMO VAIROCANÀYA (Quy y Đại Nhật) NAMO BHAGAVATE UṢṆÌṢÀYA (Quy y Thế Tôn Phật Đỉnh) ÀḤ (Đại Phật Đỉnh) TRÙṂ (Quang Tụ Phật Đỉnh) ṬRÙṂ (Phát Sinh Phật Đỉnh) DHRÙṂ (Tản Cái Phật Đỉnh) DRÙṂ

(Thắng Phật Đỉnh) HRÙṂ (Trừ Chướng Phật Đỉnh) 'SRÙṂ (Quảng Phật Đỉnh) BHRÙṂ (Tối Thắng Phật Đỉnh) SRÙṂ (Vô Lượng Thanh Phật Đỉnh) HÙṂ (Phổ Thông Phật Đỉnh) BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA (10 Phật Đỉnh)

Thì **Hổ-hồng, đô-lô-ung** chỉ có thể là phần phiên âm của HÙṂ ṬRÙṂ hoặc HÙṂ DHRÙṂ. Tại sao các bậc Đạo Sư Mật Giáo ở Trung Hoa lại dùng 2 chủng tử HÙṂ BHRÙṂ ? Phải chăng các Ngài đã dùng 2 chủng tử HÙṂ BHRÙṂ để nhấn mạnh nghĩa thú căn bản để tu chứng của Đà La Ni này ? ! …

_ Nếu dựa vào ý nghĩa thì HÙṂ ( ) là chủng tử biểu thị cho **Tâm Bồ Đề** hoặc **Sự Thành Tựu**

BHRÙṂ ( ) là chủng tử biểu thị cho **nơi quy thú của mọi Công Đức** .

ṬRÙṂ ( ) là chủng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra tất cả các Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn**

DHRÙṂ ( ) là chủng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra sự giữ gìn tàn lọng Từ Bi trắng tinh để che chở cho Chúng Sinh**

Khi đi liền nhau thì HÙṂ BHRÙṂ biểu thị cho nghĩa **Tâm Bồ Đề là nơi quy thú của mọi Công Đức**

HÙṂ ṬRÙṂ biểu thị cho ý nghĩa **Nhờ Tâm Bồ Đề mà Tự Ngã phát sinh ra tất cả các Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn**

HÙṂ DHRÙṂ biểu thị cho ý nghĩa **nhờ Tâm Bồ Đề mà Tự Ngã phát sinh ra sự giữ gìn tàn lọng Từ Bi trắng tinh để che chở cho chúng sinh**

Theo ý kiến riêng của chúng tôi thì **Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú** chính là **Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Đà La Ni .** Trên căn bản thì Pháp tu trì Bạch Tản Cái Phật Đỉnh chuyên về Pháp **Tức Tai** ('Sàntika : Cách thức ngăn ngừa và dứt trừ mọi tai họa, tội chướng) nhằm hỗ trợ cho người tu Thiền Định mau chóng dứt trừ Nội Chướng và Ngoại Chướng mà thực chứng Trí Tuệ giải thoát. Ngài QUÁN NGUYỆT Pháp Sư cũng nhận định rằng*: "Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú có công năng điều trị mầm mống Ngũ Dục nhằm mau chóng hiển bày tính màu nhiệm của Như Lai Tạng*". Nhưng muốn mau chóng thực chứng được Chính Pháp Giải Thoát thì không thể nào không biết cách phát khởi Tâm Bồ Đề và nuôi lớn Tâm Đại Bi như Kinh Đại Nhật, quyển 1 có ghi *: "Tâm Bồ Đề là Nhân, Bi là gốc rễ và Phương Tiện là Cứu Cánh"*. Do đó 2 chủng tự HÙṂ DHRÙṂ có thể thỏa mãn được tinh thần này. Hơn nữa DHRÙṂ lại là chủng tử của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh cho nên rất phù hợp với Pháp tu trì Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú.

Nói theo cách khác. Như chúng ta đã biết sự truyền thừa Chính Pháp Giải Thoát của Phật Giáo được biến đổi hình thức giảng dạy cho phù hợp với căn cơ của từng người, từng địa phương miễn là thật sự giúp ích cho người đó, địa phương đó thâm nhập chứng ngộ được mùi vị giải thoát.Vì Tây Tạng là xứ của Quỷ Thần nên tâm Kiêu Mạn ham thích Thần Thông rất phát triển và khó cải hóa nên các Bậc Đạo Sư cần phải dùng chủng tử HÙṂ ṬRÙṂ để đánh phạt và nhắc nhở. Còn ở Trung Hoa, vốn đã có nền văn hóa phát triển, dân cư đông đúc kèm với sự phát triển của 2 Đạo: Khổng và Lão nên đại đa số chúng sinh ở vùng này ưa thích ham

chuộng các Công Đức tối thắng siêu việt nên các Bậc Đạo Sư dùng chủng tử HÙM BHRÙM cũng như sắp đặt lại thứ tự quy kính các Tôn trong Bài Đà La Ni để khuyến tấn. Đây cũng là lý do cho chúng ta nhận thấy bản Chú Lăng Nghiêm của Ngài Bát Lạt Mật Đế có cách sắp xếp thứ tự các Tôn rất phù hợp với Kinh Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni của Tây Tạng, còn bài Đại Phật Đỉnh Đà La Ni của Ngài Bất Không Tam Tạng thì sắp thứ tự các Tôn ngược lại. Vì Nhật Bản lại theo học Trung Hoa nên cũng thường dùng 2 chủng tử HÙM BHRÙM. Riêng chủng tử DHRÙM của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh không được phổ biến nên chỉ dùng để truyền thụ riêng cho một số người có căn tính thích hợp mà thôi.

Vào năm 1994, dưới sự khích lệ của sư cô Thích Nữ Trí Hải, tôi đã soạn dịch quyển **Lăng Nghiêm Đại Thần Chú**. Đến năm 1995, dưới sự khuyến khích Thầy THÍCH QUẢNG TRÍ, tôi gắng phiên dịch Quyển **Phật Thuyết Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni** do Đức Phật Sống NẶC NA truyền thụ và đệ tử là Ngô Nhuận Giang biên thuật. Tiếp theo tôi cố gắng biên dịch các bản **Lăng Nghiêm Đại Bi Thập Chú.** Nhưng do thiếu tài liệu và sở học còn kém cỏi nên đã sai sót khá nhiều về văn nghĩa của Chú Lăng Nghiêm cũng như cho rằng Chú Lăng Nghiêm và Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni là 2 bản khác nhau !...

Sau này nhờ sự giúp đỡ của Thầy Pháp Quang, sự khuyến tấn của Thầy Thích Quảng Trí và sự hỗ trợ của các bạn đồng tu. Tôi đã nhận được một số tài liệu về Tự Điển Phạn Anh, sách Mật Giáo ghi bằng tiếng Anh, vài quyển Đại Tạng Kinh có liên quan đến Thần Chú Lăng Nghiêm nên tôi đã tham cứu kiểm tra lại và nhận ra rằng: Sở dĩ Kinh Văn khác nhau là do cách phiên dịch và sắp xếp một vài đoạn văn khác nhau. Ngoài ra tùy theo sự truyền thừa nên số câu của các bài này nhiều (hoặc ít hơn) hơn bài kia. Nên mạnh dạn xác định rằng Chú Lăng Nghiêm và Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni chính là một loại. Mong rằng các vị nghiên cứu hãy xem xét kỹ và đối chiếu các Kinh Bản mà tôi đã cố gắng sưu tập, phiên dịch và ghi chép trong tập sách này. Riêng ở phần này, tôi xin mạn phép minh họa vài cách phiên dịch khác nhau từ một câu Phạn Ngữ

NAMO BHAGAVATE TATHÀGATA KULÀYA
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Kính lễ Xuất Hữu Hoại Như Lai Chủng Phật
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc
Ngài SA BA LA dịch là: Nam mô Bạc Già Phạm Như Lai Câu La Gia

NAMO BHAGAVATE RUDRÀYA UMÀPATI SAHEYÀYA
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Kính lễ Khẩn Uy Cụ Mỹ hay đẩy lui khuất phục người chủ về Khổ Hạnh
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Quy mệnh Thế Tôn Đại Tự Tại Thiên, Thiên Hậu với hàng quyến thuộc
Ngài SA BA LA dịch là: Nam mô Lô Đà La Gia, Ô Ma bát đế, sa hê dạ gia

NAMO NÀRAYAṆÀYA RAKṢAṂMI SAHEYÀYA PAṂCA MAHÀ MUDRA NAMAḤ SKṚTÀYA

Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Kính lễ Cụ Mỹ Nghiêm Ngũ Thủ Ấn là nơi quy kính của Vô Ái Tử

Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Quy mệnh Na La Diên Thiên ủng hộ cho tôi với hàng quyến thuộc, Người tác lễ 5 Đại Ấn

Ngài SA BA LA dịch là: Nam mô Vô Ái Tử, Ngũ Đại Ấn mà chúng kính lễ

NAMO MAHÀ KÀLÀYA TRIPURA NAGARA VIDRAPAṆA KARÀYA ADHIMUKTOKA 'SMA 'SÀNA NIVASINI MÀTṚGAṆA NAMAḤ SKṚTÀYA

Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Kính lễ Cụ Mỹ hay tồi hoại 3 tầng cung thành, trú ngụ ở gò mả, là nơi quy kính của tất cả Âm Mẫu

Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Quy mệnh Đại Hắc Thiên phá hoại 3 trùng thành, là nơi quy kính của Mẫu Chúng vui thích ở gò mả

Ngài SA BA LA dịch là: Nam mô Tồi Tam Giới Thành Lạc Xứ Hàn Lâm Mẫu Quỷ cung kính Ma Ha Ca Lạt Chúng

APARAJITÀGURA
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Vô Hữu Năng Địch Đại Khẩn Mẫu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Vô Năng Cập Giả
Ngài SA BA LA dịch là: Vô Địch Đại Thế Lực

MAHÀ CAṆṬHANAṂ (? MAHÀ CAṆḌANÀṂ)
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Đại Xuyết Phác Mẫu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Đại Lực Sân Nộ
Ngài SA BA LA dịch là: Bạo Ác Đại Lực Mẫu

MAHÀ DÌPTÀṂ
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Đại Xí Nhiên Mẫu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Đại Uy Quang

MAHÀ TEJAṂ
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Đại Uy Lực Mẫu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Đại Uy Diệu
Ngài SA BA LA gom dịch cả 2 câu trên là: Xí Thịnh Uy Quang Mẫu

MAHÀ 'SVETAṂ JVALA
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Đại Bạch Tản Mẫu

Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Đại Bạch Thiên Chi Quang Diễm (Ngọn lửa sáng của Đại Bạch Thiên)

MAHÀ BÀLA 'SRÌYA
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Đại Lực Cát Tường Mẫu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Đại Lực Cát Tường
Ngài SA BA LA gom dịch cả 2 câu trên là: Bạch Cái Đại Lực Mẫu

PAṆḌARA VÀSINÌṂ
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Xí Nhiên Giải Anh Bạch Y Mẫu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Bạch Y Mẫu
Ngài SA BA LA dịch là: Diễm Man Bạch Y Mẫu

ÀRYA TÀRÀ
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Thánh Cứu Độ Mẫu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Thánh Cứu Độ Tôn
Ngài SA BA LA dịch là: Đa La

BHṚKUṬÌṂ
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là : Cụ Sân Nộ Mẫu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là : Phẫn Nộ Mẫu
Ngài SA BA LA dịch là : Tần Tức Tướng

CIVA VIJAYA VAJRA MALETI VI'SRÙTAṂ
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Thắng Thế Kim Cương Xưng Niệm Châu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Danh Xưng Anh Tướng Thắng Kim Cương
Ngài SA BA LA dịch là: Xưng Man Thắng Kim Cương

PADMÀKMAṂ (? PADAMÀGAṂ) VAJRA JIHVACAḤ
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Liên Hoa Chiêu Minh Kim Cương Danh
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Liên Hoa Anh Tướng Kim Cương Thiệt
Ngài SA BA LA dịch là: Liên Tướng Kim Cương Tướng

MALÀ CIVÀPRÀJITAḤ
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Vô Hữu Năng Địch Cụ Niệm Châu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Anh Lạc Thắng Diệu Vô Năng Cập
Ngài SA BA LA dịch là: Cụ Man Vô Năng Địch

VAJRA DAṆḌI VI'SALÀCA
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Kim Cương Tường Đẳng Tồi Hoại Mẫu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Kim Cương Xử Thiên Thần Lực Sĩ
Ngài SA BA LA dịch là: Kim Cương Tường Tồi Mẫu

'SÀNTÀVAIDEHA PÙJITAḤ
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Nhu Thiện Phật Đẳng Cúng Dường Mẫu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Nhu Thiện Thiên Chúng Cúng Dường
Ngài SA BA LA dịch là: Chư Thiện Thiên cung kính

SAUMI RÙPÀ MAHÀ 'SVETÀṂ
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Nhu Tướng Uy Lực Cụ Đại Mẫu

Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Thiện Mạo Đại Bạch Thiên
Ngài SA BA LA dịch là: Thiện Tướng Đại Uy Quang
ÀRYA TÀRÀ MAHÀ BÀLAḤ
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Thánh Cứu Độ Tôn Đại Lực
Ngài SA BA LA dịch là: Cứu Độ Đại Lực Mẫu

APÀRÀ VAJRA 'SAṄKHARA CIVAḤ
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Bất Một Kim Cương Thiết Đỉnh Mẫu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Bất Thiết Kim Cương Liên Tỏa Tối Thắng
Ngài SA BA LA dịch là: Kim Cương Đĩnh , các Đẳng

VAJRA KAUMARÌḤ KULANDHÀRI
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Kim Cương Thiếu Đồng Trì Chủng Mẫu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ
Ngài SA BA LA dịch là: Kim Cương Đồng Trì Chủng

MAHÀ VIDYA TATHÀ KAṂPANA MALIKAḤ
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là : Kim Cương Niệm Châu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là : Đại Minh Chân Kim Anh Giả
Ngài SA BA LA dịch là : Trì Xử Chủng Kim Man

KUSUṂBHA RATNA CIVA
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Đại Xích Sắc với Bảo Châu Mẫu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Hồng Lam Bảo Tối Thắng
Ngài SA BA LA dịch là: Xích Sắc Bảo Châu Mẫu

VAIROCANA CODÀRTHA UṢṆÌṢA _ VIJṚṂBHA MÀṆACA VAJRA
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Chủng Minh Kim Cương Xưng Đỉnh Kế và Chủng Tướng Yểu Điệu Kim Cương Mẫu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Phổ Chiếu Kế Xưng La Sát Thần Nữ
Ngài SA BA LA dịch là: Quang Minh Kim Cương Man và Yểu Điệu Mẫu Trì Xử

KANAKA PRABHÀ LOCANAḤ
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Như Kim Sắc Quang Cụ Nhãn Mẫu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Uy Thế Quang Liên Hoa Mục
Ngài SA BA LA dịch là: Nhãn Như Kim Quang Mẫu

VAJRA TUṆḌÌCA (? VAJRA TUṆḌIKA) 'SVETÀCA
Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Kim Cương Chúc (Cây đuốc Kim Cương) với Bạch Sắc Mẫu
Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Kim Cương Nhãn Bạch

Ngài SA BA LA dịch là: Kim Cương Cự và Bạch Mẫu

'SA'SI PRABHÀ

Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Nguyệt Quang Mẫu

Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Nguyệt Quang

Ngài SA BA LA dịch là: Liên Hoa Nhật Nguyệt Quang

BHAGAVAṂ STATHÀGATA UṢṆÌṢA SITATAPATRAṂ

Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Xuất Hữu Hoại Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu

Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Thế Tôn Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái

MAHÀ PRATYUṄGIRE

Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Dư Vô Năng Địch Đại Quýnh Già Mẫu

Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Đại Năng Điều Phục

Ngài SA BA LA gom cả 2 câu trên dịch là: Bà Già Bà Đế Phật Đỉnh Đại Bạch Tản Cái Kim Cương Đỉnh Man Bát La Đương Kế La Mẫu

MAHÀ SAHASRA BHÙYE

Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Cụ Đại Thiên Tý Mẫu

Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Đại Thiên Tý

SAHASRÀ 'SIRṢAI

Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Hữu Thiên Đại Thủ Mẫu

Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Thiên Đầu

KOṬI 'SATA SAHASRA NETRE

Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Cụ Thập Vạn Câu Đê Mục

Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Ức Bách Thiên Nhãn

ABHEDYA JVALATA NAṬANAKA MAHÀ VAJRODÀRA _ TṚBHUVANA MAṆḌALA

Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Bất Nhị Xí Nhiên Cụ Chủng Tướng Kim Cương Khoan Quảng Đại Bạch Mẫu và Tam Giới Trùng Vi Mẫu

Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Nội Diễm Cụ Chủng Tướng Đại Kim Cương Tác Quảng Tam Hữu Đàn Trường

Ngài SA BA LA gom 4 câu trên dịch là: Vị Mẫu Kim Cương Khoan Quảng Đại, có tướng Xí Thịnh không hai có ngàn bàn tay ngàn cánh tay, trăm ngàn câu đê con mắt được tự tại trong Tam Giới

BHṚṂGIRIṬIKA NANDIKE'SVARA GAṆÀPATI SAHEYA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Minh Chú do Tỳ Lị Ngật Đế (Đấu Chiến Thần) Hỷ Chủ, Tật Chủ tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm chày đánh phạt

Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của các hàng Chiến Đấu Quỷ, Hỷ Tự Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với hàng quyến thuộc của họ

Ngài SA BA LA dịch là : Minh Chú tuyên nói của Tỳ Ngật Lợi Đế, Dục Lạc Tự Tại Tập Chủ Đẳng Chúng thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

NAGNA 'SRAMAṆA KṚTÀMṂ VIDYÀMṂ, CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI

Nhóm CHÂN TRÍ dịch là : Minh Chú do hàng Vô Thiện Tĩnh tạo ra . Dùng Pháp này quyết cắt đứt , cầm chày đánh phạt

Ngài BẤT KHÔNG dịch là : Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo lõa thể

Ngài SA BA LA dịch là : Minh Chú tuyên nói của Vô Y Động Thiện thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết .

ARHANTA KṚTÀMṂ VIDYÀMṂ CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Nhóm CHÂN TRÍ dịch là: Minh Chú do hàng Hoại Oán tạo ra. Dùng chày quyết cắt đứt, cầm chày đánh phạt

Ngài BẤT KHÔNG dịch là: Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng A La Hán

Ngài SA BA LA dịch là:Minh Chú tuyên nói của A La Hán thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết .

Như vậy, tuy cùng một loại nhưng toàn bài Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm được ghi nhận theo cách phiên âm tiếng Phạn và bài Đại Bạch Tản Cái Tổng trì Đà La Ni thì dịch nghĩa các hội: Một, Ba, Năm (Riêng hội thứ năm thì phiên âm Tâm Chú ở cuối Hội) dịch âm Phạn Ngữ các Hội: Hai, Bốn. Còn lý do thuyết Chú khác nhau và số câu nhiều ít, chẳng qua chỉ tùy theo sự truyền thụ của từng vị Đạo Sư mà thôi.

Hiện nay có khá nhiều bản Chú Lăng Nghiêm đang được lưu truyền nhưng gút lại chỉ có 2 loại là Quảng Bản và Lược Bản trong đó bài Chú của Ngài **Bát Lạt Mật Đế** là Lược Bản (Bản ngắn), còn lại đều là Quảng Bản (Bản dài).

Vào năm 2006, các phần tham cứu và biên dịch có liên quan đến Thần Chú **Thủ Lăng Nghiêm** đã được in ấn thành quyển **Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú Pháp**. Tuy nhiên bản in ấy vẫn còn nhiều chỗ sai sót và thiếu phần Thủ Ấn với các Tôn Tượng của **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh.** Nay được em **Tống Phước Khải** hỗ trợ thêm tư liệu, nên tôi soạn dịch lại tập ghi chép này nhằm giúp cho người đọc có thể tự mình tham cứu một cách thuận lợi hơn. Mọi sai sót của các bản ghi chép trước, tôi xin chân thành cúi đầu sám hối trước Tam Bảo và xin lỗi các vị đã đọc qua. Nguyện xin Tam Bảo và các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực giúp cho con và tất cả chúng sinh tránh được mọi sự sai lầm, mau chóng thực chứng được Chính Pháp Giải Thoát.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên Hương Linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**), Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**), Giác Linh của sư

cô **Thích Nữ Trí Hải** là những bậc Thầy đầu tiên giúp cho con soạn dịch tập sách này.

Con xin bày tỏ lòng tri ân đến các Thầy **Thích Quảng Trí, Pháp Quang** với các sư cô **Như Hạnh, Như Trí, Như Nguyệt, Như Thông** và bác Vọng Chi (**Nguyễn Chí Viễn**) là các bậc Thầy đã khuyến tấn và giúp đỡ cho con cả về tinh thần lẫn vật chất trong suốt thời gian soạn dịch.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến các bậc Tiền Bối đã soạn dịch các Kinh Bản giúp cho tôi hoàn thành phần ghi chép này. Đồng thời tôi cũng cám ơn các anh **Viên**, **Triệu Anh Tuấn**, các em: **Sang, Nguyễn Chí Cao**, Mật Trí (**Tống Phước Khải**), Diệu Lý (**Nguyễn Thị Mộng Lý)** đã hỗ trợ phần tài liệu và đánh bản vi tính cho tập sách. Ngoài ra tôi cũng rất vui mừng khi được con trai tôi (**Nguyễn Vũ Tuân** và **Nguyễn Vũ Nguyên**) đã download vài bản Chú Lăng Nghiêm trong trang Web (www.siddham_sanskit.com) và tạo một số chữ Tất Đàn mà đĩa Cd (CBETA Điện Tử Phật Điển Đại Chính Tạng) còn thiếu nhằm bổ sung cho tập ghi chép này.

Tôi xin chân thành cảm ơn anh **Nguyễn Đình Tạc**, chị **Nguyễn Thị Mộng Hương** và nhóm Phật Tử của Đạo Tràng **Phổ Độ** đã thường xuyên hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong suốt thời gian soạn dịch Kinh bản.

Tôi cũng xin chân thành cảm tạ người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) là người đã chịu nhiều phần thiệt thòi và từ bỏ mọi thú vui chơi trong cuộc sống để hỗ trợ cho tôi bước đi trên con đường tìm hiểu Giáo Lý Giải Thoát của Đấng Phật Đà .

Cuối cùng nguyện xin các bậc ân nhân của tôi cùng với toàn thể chúng Hữu Tình trong ba nẻo sáu đường đều mau chóng vượt qua mọi chướng nạn và chứng đạt được Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Đầu mùa Xuân năm Quý Tỵ (2013)
HUYỀN THANH (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

BẠCH TẢN CÁI PHẬT ĐỈNH

Bạch Tản Cái Phật Đỉnh có tên Phạn **Sitàtapatra** Uṣṇìṣa (dịch âm là Tất đát bát đát la Ô Sắt Nị Sa) hay **Uṣṇìṣa Sitàtapatra** (dịch âm là Ô Sắt Nị Sa Tát đát đa bát đát la). Dịch nghĩa là Bạch Tản Phật Đỉnh, Tản Cái Phật Đỉnh, Tản Phật Đỉnh, Bạch Tản Cái Phật Đỉnh.

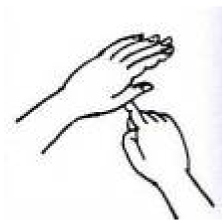
Bạch Tản Cái Phật Đỉnh là cái lọng màu trắng của Phật Đỉnh, biểu thị cho Đức Tính **Đại Bi trắng tinh của Phật**

Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Kinh có ghi: "Lúc bấy giờ Đức Phật Thích Ca hiện thân thành **Phật Đỉnh Vương** (Uṣṇìṣa Ràjan) đứng dưới cái lọng trắng, thân hình giống như một cái lọng trắng che trùm cả 3 ngàn Đại Thiên Thế Giới này"

Do Đức Tính Từ Bi tươi trắng của Phật mà Bạch Tản Cái Phật Đỉnh còn biểu thị cho sự **Dùng Tĩnh Đức của Phật che trùm tất cả Tam Giới**)

Trong Mật Giáo, **Phật Đỉnh Tôn** (Uṣṇìṣa 'Spaskatà) là các Tôn Hình biểu hiện cho sự tối thắng của **Phật Trí** (Buddha Jñàna) thông qua hình thái **Chuyển Luân Vương** (Cakravarttin) thống lãnh 4 Châu thiên hạ do Đức Thích Ca Như Lai nhập vào **Chuyển Luân Vương Tam Ma Địa** (Cakravartti Ràja Samàdhi) mà thị hiện. Các Tôn này được bố trí ở bên trái và bên phải của Viện Thích Ca trong Thai Tạng Giới Mạn Đà La (Garbha dhàtu maṇḍala). Phía trái có 5 Tôn gọi là Ngũ Phật Đỉnh biểu thị cho 5 Trí của Đức Thích Ca Như Lai, hay 5 Tôn này biểu thị cho công đức của Như Lai Vô Kiến Đỉnh Tướng (Tướng nhục kế của Như Lai không thể thấy biết được)

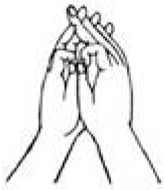
1) **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh** (Sitàtapatra Uṣṇìṣa): Biểu thị cho mọi tướng của Như Lai. Tôn này có chủng tử (Bìja) là LAṂ ( ). Ấn Khế căn bản là*:"Chưởng trái hơi mở các ngón tay rồi úp chưởng xuống. Tay phải nắm thành quyền, dựng đứng ngón trỏ chỉ vào tâm lòng bàn tay trái thành hình cái lọng"*



Chân Ngôn của Ấn này là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ LAṂ _ SITÀTAPATRA UṢṆÌṢA _ SVÀHÀ

2) **Thắng Phật Đỉnh** (Jaya Uṣṇìṣa): Biểu thị cho Đại Tịch của Như Lai. Chủng Tử của Tôn này là 'SAṂ ( ). Ấn Khế là: "Chấp 2 tay lại, vê cuốn 2 ngón trỏ lại rồi đặt trên 2 ngón cái như hình cây đao". Đây còn gọi là **Đại Tuệ Đao Ấn.**



Chân Ngôn của Ấn này là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ 'SAṂ _ JAYA UṢṆÌṢA _ SVÀHÀ

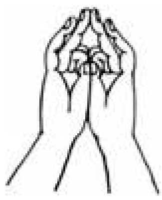
3) **Tối Thắng Phật Đỉnh** (Vijaya Uṣṇìṣa): Biểu thị cho Thần Thông thọ lượng bí mật của Như Lai. Chủng Tử của Tôn này là 'SÌ ( ). Ấn Khế là*:"Hai tay đem 5 ngón cùng hàng lần lượt nghiêng vào cùng móc nhau, Riêng 2 ngón cái cong đầu cùng hướng vào nhau"*. Đây còn gọi là **Thắng Nguyện Cát Tường Pháp Luân Ấn**.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ 'SÌ SI _ VIJAYA UṢṆÌṢA _ SVÀHÀ

4) **Quang Tụ Phật Đỉnh** (Tejora'si Uṣṇìṣa): Biểu thị cho ánh sáng Định Tuệ của Như Lai hay phá trừ sự ám chướng. Chủng Tử của Tôn này là TRÌṂ ( ). Ấn Khế là*: "Hai tay đem các ngón út , ngón vô danh cài chéo nhau rồi nắm chặt lại, dựng thẳng 2 ngón trỏ sao cho đầu ngón dính nhau, đem 2 ngón trỏ đặt mặt ngón trên lưng 2 ngón giữa, duỗi song song 2 ngón cái".*



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ TRÌṂ _ TEJORA'SI UṢṆÌṢA _ SVÀHÀ

5) **Trừ Chướng Phật Đỉnh** hay **Xả Trừ Phật Đỉnh** (Vikiraṇa Uṣṇìṣa): Biểu thị cho Lực Vô Sở Úy Thần Thông của Như Lai, có năng lực dứt sạch các ô nhiễm của Nghiệp khiến cho tất cả chúng sinh đều được an vui. Chủng Tử của Tôn này là HRÙṂ ( ). Ấn Khế là*: "Hai tay đem các ngón cài chéo nhau trong lòng bàn tay*

rồi nắm lại thành quyền, nâng ngón trỏ phải lên rồi hơi co lại”. Đây còn gọi là ***Trừ Nghiệp Phật Đỉnh Ấn****.*



Chân Ngôn là:

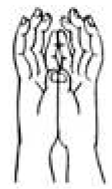
NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ_ HRÙṂ _ VIKÌRAṆA PAṂCA UṢṆÌṢA _ SVÀHÀ

Phía bên phải có 3 Phật Đỉnh biểu thị cho Đức Tính của 3 Bộ trong Thai Tạng Giới

1) **Quảng Đại Phật Đỉnh:** Biểu thị cho Đức của Phật Bộ (Buddha Kulàya) là con đường giác ngộ viên mãn, Lý Trí đầy đủ

Ấn Khế là **Như Ý Bảo Ấn**:

Chắp tay lại giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng), hai ngón út, ngón cái cùng hợp nhau , hơi co các ngón tay còn lại như hoa sen hé nở.

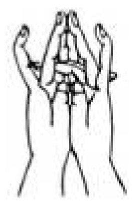


Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ_ ṬRÙṂ _ UṢṆÌṢA_ SVÀHÀ

2) **Cực Quảng Đại Phật Đỉnh:** Biểu thị cho Đức của Liên Hoa Bộ (Padma Kulàya) là Đại Tuệ Tam Muội của Như Lai hay làm cho rạng rỡ muôn điều lành

Ấn Khế là: Chắp hai tay lại, co ngón vô danh cùng cài chéo nhau để bên ngoài, hai ngón út, hai ngón giữa cùng hướng lên trên giữ nhau, duỗi ngón trỏ co lóng thứ ba khiến chẳng dính nhau, giống như hạt lúa mạch, hai ngón cái hơi co.



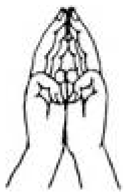
Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ_ ‘SRÙṂ _ UṢṆÌṢA_ SVÀHÀ

3) **Vô Biên Âm Thanh Phật Đỉnh:** Biểu thị cho Đức của Kim Cương Bộ (Vajra Kulàya) là sức tác dụng Trí Tuệ của Như Lai hay nghiền nát 3 chướng (Hoặc, Nghiệp, Khổ) của tất cả chúng sinh.

Ấn Khế là Pháp Loa Ấn:

Pháp Loa Ấn tức là hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, đem hai ngón trỏ quấn đè bên trên ngón cái sao cho móng ngón tay cùng chạm dính nhau.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ_ HÙṂ JAYOṢṆÌṢA _ SVÀHÀ

_ Chân Ngôn chung của 3 Phật Đỉnh này là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ HÙṂ HÙṂ SAṂ HÙṂ HÙṂ ṬRÙṂ

Do sức Bản Thệ Nguyện của Như Lai cho nên 8 Phật Đỉnh Tôn này đều có thể làm thỏa mãn đầy đủ tất cả các Nguyện của chúng sinh. Ngoài ra trong Thích Ca Viện còn ghi nhận thêm 30 Tôn nữa, tất cả 38 Tôn này đều là Quyến Thuộc của Đức Thích Ca Như Lai, biểu thị cho Đức **Phương Tiện Nhiếp Hóa**, dùng 2 Đức Trí (Jñàna) và Bi (Kàruṇa) để tế độ chúng sinh.

Trong Viện này, Bạch Tản Cái Phật Đỉnh có tướng mạo Bồ Tát rất vui vẻ đoan nghiêm. Thân hình màu vàng. Tay trái cầm hoa sen, trên sen có cái lọng màu trắng. Tay phải hơi gập cánh tay co đều 5 ngón ngang vai, ngón cái vịn đầu ngón trỏ. Ngồi Kiết Già trên tòa sen màu đỏ.





Về ý nghĩa của màu sắc thì:

.) Màu trắng tượng trưng cho Tâm tinh sạch, thường dùng để tu Pháp Tịch Tai (‘Sàntika_ Tức Tai)

.) Màu vàng tượng trưng cho Phước Đức, thường dùng để tu Pháp Tăng Ích (Puṣṭika)

.) Màu đỏ tượng trưng cho Uy Đức, thường dùng để tu Pháp Hàng Phục hay Giáng Phục (Abhicàruka)

Tam Muội Gia Hình của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh là cái lọng trắng đặt trên hoa sen, biểu thị cho Bản Nguyện **Dùng tàn lọng Từ Bi trắng tươi để che chở cho chúng sinh**

Chủng Tử của Ngài là LAṂ (ḷ) có ý nghĩa là **Ánh sáng Trí Tuệ che trùm Pháp Giới chúng sinh** đồng thời chữ LAṂ cũng biểu thị cho chân nghĩa **Vô Tướng chẳng thể đắc** hoặc **Tất cả Pháp Tướng chẳng thể đắc**

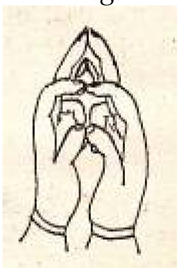
Mật Hiệu của Ngài là **Dị Tướng Kim Cương**

_ Căn cứ vào Phẩm Mật Ấn của Kinh Đại Nhật với 4 Bộ Nghi Quỹ thì Ấn Khế căn bản của Ngài là **Tản Cái Ấn** (như trên). Trong Ấn này thì 5 ngón tay trái biểu thị cho 5 Đại của chúng sinh, còn ngón trỏ của tay phải biểu thị cho Phật Giới. Ấn này còn có ý nghĩa là **Sinh ra cái lọng Bất Nhị của Phật để che chở giúp đỡ cho chúng sinh.** Chân Ngôn (như trước) hoặc đọc tắt là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ LAṂ

_ Trong Đạo Trường Kinh lại ghi thêm **Đại Ấn Căn Bản** của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh , dùng gia trì Pháp Lực cho Đạo Trường là*: “Chắp 2 tay lại giữa trống*

không (Không Tâm Hợp Chưởng) co 2 ngón vô danh vào lòng bàn tay, đặt mặt 2 ngón cái trên móng 2 ngón vô danh, co tròn 2 ngón trỏ giống như hình cái lọng”.



Đặt Ấn ngang trái tim, tụng Chân Ngôn 7 lần xong bung Ấn trên đỉnh đầu. Chân Ngôn là:

Nẵng mạc tam mãn đa bột đà nam, a bát la để hạ đa xã sa nẵng nẫm. Án. Đát tha nghiệt đổ sắt ni sa, a nẵng phộc lộ cát đề mẫu lật đà, bạc ngật-la phộc la đề. Án ma ma, hồng, nễ



NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNAṂ APRATIHATA ‘SASANÀNÀṂ (Kính lễ khắp cả chư Phật và các Bậc nói Pháp không chướng ngại)

OṂ TATHÀGATOṢṆÌṢA (Quy mệnh Như Lai Đỉnh) ANÀVALOKITE MUDRA (Tuân theo Ấn Quán Chiếu) CAKRA VARTTI (Xoay chuyển bánh xe Pháp)

OṂ (Nhiếp triệu) MAMA (Tôi) HÙṂ (Thành tựu) NI (Danh Tướng tốt đẹp)

_ Đại Phật Đỉnh Pháp có ghi thêm **Tội Chướng Trừ Ấn** là*: “10 ngón tay buộc chặt nhau trong lòng bàn tay (Kim Cương Nội Phộc Quyền Ấn) co 2 ngón giữa như đỉnh kế”*. Tụng Chân Ngôn là:



TADYATHÀ : OṂ _ ANALE ANALE _ VI’SADA VI’SADA _ BANDHA BANDHA _ BANDHANI BANDHANI _ VAIRA VAJRAPÀṆI PHAṬ _ HÙṂ BHRÙṂ PHAṬ _ SVÀHÀ

Quán chữ của Chân Ngôn này sinh ra từ miệng tràn khắp 10 phương Pháp Giới đều thành Thân Phật, mỗi một thân Phật phóng ra vô lượng ánh sáng gia trì Người Niệm Tụng. Bấy giờ thân tâm của Hành Giả an vui, đột nhiên được **Pháp Minh Đạo** (Đường lối sáng tỏ của Pháp) chẳng chuyển nhục thân, hiện chứng Bồ Đề Vô Thượng.

_ Theo Hòa Thượng LINH NGHIÊM thì bài Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Đà La Ni được kết hợp bởi 5 Phật Đỉnh nên có thể dùng 5 Ấn Chú của 5 Phật Đỉnh để gia trì Pháp Lực

1) **Kim Luân Phật Đỉnh Ấn:** Kèm 2 bàn tay dựng thẳng đứng, co 2 ngón cái (2 lóng tay ngang bằng nhau) sao cho đầu ngón dính nhau ở trong lòng bàn tay.



Đặt Ấn ngang trái tim, tụng Chân Ngôn là:

Bột-lỗ Án

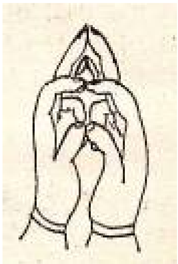
BHRÙṂ

2) **Phổ Thông Thành Tựu Phật Đỉnh Ấn:** Hai tay kết Hư Tâm Kim Cương Hợp Chưởng như hoa ở ngay trong chưởng, tụng Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

Án_ Sa ngật-la vạt để, án, hồng

OṂ CAKRA VARTTI – OṂ HÙṂ

3) **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn:** Hai ngón cái vịn trên 2 móng ngón vô danh cùng hợp nhau, co 2 ngón trỏ như hình cái lọng, hơi co 2 ngón giữa lại.

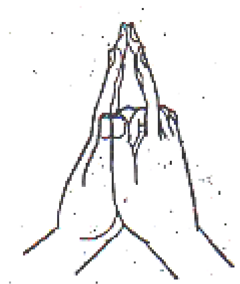


Chân Ngôn là:

Án_ Ma ma nặc

OṂ MAMA NIḤ

4) **Quang Tụ Phật Đỉnh Ấn:** Y theo Bạch Tản Cái Phật Đỉnh lúc trước, chỉ tách mở 2 ngón trỏ.

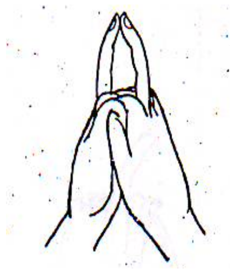


Chân Ngôn là:

Nhập phộc la, nhập phộc la, đà ca, đà ca, vĩ đà ca, vĩ đà ca, ná la, ná la, vi ná la, vi ná la, sân ná, sân ná, tần ná, tần ná, hồng hồng, phát tra, sa ha

JVALA JVALA _ DAKA DAKA _ VIDAKA VIDAKA _ DARA DARA _ VIDARA VIDARA _ CCHINDHA CCHINDHA _ BHINDHA BHINDHA _ HÙMỊ HÙMỊ PHAṬ _ SVÀHÀ

5) **Nhất Thiết Biện Sự Phật Đỉnh:** Hai tay cài chéo các ngón bên trong, dựng 2 ngón giữa rồi co lóng trên như cây kiếm. Chuyển bên trái 3 vòng thành Tịch Trừ, chuyển bên phải 3 vòng thành Kết Giới.



Chân Ngôn là:

Án_ Tra-lỗ-án

OṂ _ ṬRÙṂ

_ **Đại Diệu Kim Cương Đại Cam Lộ Quân Trà Lợi Diễm Man Xí Thịnh Phật Đỉnh Vương Kinh** có ghi nhận cách tu trì Đàn Pháp của các Phật Đỉnh (Do Sa Môn THÍCH Quảng Trí dịch ra tiếng Việt) là:

"Khi thân Đức Thế Tôn hiện ra tướng nhiếp tất cả Phật Đỉnh Luân Vương, tay cầm bánh xe vàng 8 căm, ngồi trên bảy tòa Sư Tử, thân phóng ra vô lượng trăm ngàn ánh sáng, ánh sáng lửa rực rỡ của cái lọng trên đỉnh đầulại xuất hiện một câu chi thân Phật phóng ánh sáng lớn xoay vần ngay bên trên cái lọng. Như vậy Đức Thế Tôn dùng Ấn và bánh xe vàng 8 căm, 8 phương 8 màu . Trong bánh xe hiện ra 8 loại Hoa Tòa có các cờ xí, có 8 hằng hà sa câu chi Phật Thân vây chung quanh, mỗi mỗi đều phóng ra vô lượng các ánh sáng đủ màu rực rỡ. Cách cái lọng trên đỉnh đầu hiện ra một câu chi Phật phóng ra ánh sáng lớn, mỗi mỗi tự xoay vần.

Trước mặt Như Lai ở phương Đông , ánh sáng trong bánh xe màu đỏ hiện ra **Quang Tụ Phật Đỉnh Luân Vương**, tay kết Như Lai Đỉnh Ấn phóng ra đám ánh sáng lớn, ngồi trên hoa sen đỏ.

Bên góc phải Đức Như Lai (hướng Đông Nam) trong bánh xe màu vàng hiện ra **Nhất Thế Phật Đỉnh Luân Vương**, tay cầm hoa sen vàng, phóng ra ánh sáng màu vàng , ngồi trên hoa sen này

Bên phải Đức Như Lai (phương Nam) trong bánh xe màu trắng hiện ra **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Luân Vương**, tay cầm cái lọng trắng, phóng ra ánh sáng trắng,ngồi trên hoa sen trắng

Phía sau Đức Như Lai , bên góc phải (hướng Tây Nam) trong bánh xe nhiều màu hiện ra **Thắng Đỉnh Luân Vương**, tay cầm cây kiếm sắc bén, phóng ra ánh sáng nhiều màu, ngồi trên hoa sen đủ màu.

Phía sau Đức Như Lai (phương Tây) trong bánh xe màu đỏ hiện ra **Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Phật Đỉnh Luân Vương**, tay cầm hoa sen đỏ, bên trên hoa có cái móc câu, phóng ra ánh sáng màu đỏ, ngồi trên hoa sen đỏ

Phía sau Đức Như Lai, bên góc trái (hướng Tây Bắc) trong bánh xe màu xanh hiện ra **Thanh Sắc Phật Đỉnh Luân Vương** , tay cầm chày Kim Cương ba chỉa (Tam Cổ Kim Cương) phóng ra ánh sáng màu xanh, ngồi trên hoa sen xanh.

Bên trái Đức Như Lai (phương Bắc) trong bánh xe màu xanh lục hiện ra **Nhất Tự Tối Thắng Phật Đỉnh Luân Vương**, tay cầm bánh xe vàng 8 căm, phóng ra ánh sáng màu xanh lục, ngồi trên hoa sen màu xanh lục.

Trước mặt Đức Như Lai, bên góc trái (hướng Đông Bắc) trong bánh xe màu tím hiện ra **Vô Biên Âm Thanh Phật Đỉnh Luân Vương**, tay cầm vỏ ốc trắng, phóng ra ánh sáng màu tím, ngồi trên hoa sen tím.

Như thế 8 phương Phật Đỉnh, mỗi vị đều phóng ra ánh sáng theo mỗi phương, đều có 8 hằng hà sa câu chi Phật vây quanh và ngồi trên tòa sen có màu theo Bản Phương, các vị đều có một câu chi cõi Phật và trên đỉnh đầu đều có cái lọng che.

Khi ấy tất cả Phật Đỉnh Luân Vương ngồi ở 8 phương, các vị đều hiện ra tướng của 8 Phật Đỉnh Luân Vương xong. Thời Đức Thế Tôn lại hiện 7 báu quyến thuộc: Người nữ báu, con ngựa báu, Chủ Tàng Thần báu, bánh xe báu, con voi báu, Ngọc Như Ý báu, bình báu… vây chung quanh bốn mặt bánh xe lớn (Đại Luân)

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nhập vào Câu Triệu Tam Ma Địa, câu triệu khắp hết Hư Không Pháp Giới. Vì muốn an lập tất cả Hữu Tình mau được Vô Thượng Bồ Đề, vì muốn ở trong sinh tử chứng được Phật Thân. Thời 10 phương câu chi chư Phật nghe tiếng câu triệu của Nhất Thế Phật Đỉnh Luân Vương, liền ở trong Định hiện ra Thần Thông, tuôn mưa các hoa báu, vòng hoa báu, hương báu, đèn báu…. Cho đến Hư Không Pháp Giới Đại Kim Cương Phong Lâu Các ở trong hư không tụ lại rồi nói rằng*:" Thế Tôn ! Sao không nói Pháp 10 chữ khiến cho tất cả Hữu Tình hiện đời mau chứng Phật Thân ?"*

Lúc đó Nhiếp Nhất Thiết Phật Đỉnh Vương nghe lời nói này, vì muốn hiện đại thần thông, muốn nói căn bản nơi tu hành chứng đắc của chư Phật, các Pháp tu hành của chư Phật quá khứ, các Pháp tu hành của Phật hiện tại, các Pháp tu hành của chư Phật vị lai khiến cho kẻ trai lành người nữ thiện chỉ trong đời này không chuyển nhục thân mà hay làm việc Phật lớn lao, vì lợi ích các Hữu Tình được thành Thân Phật. Liền nói **Kim Cương Xí Thịnh Quang Minh Phật Đỉnh Luân Vương Tự Tại Thập Tự Chân Ngôn** là:

NAMO VAIROCANÀYA

NAMO BHAGAVATOṢṆÌṢÀYA

ÀḤ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

TRÙṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

ṬRÙṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

DHRÙṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

DRÙṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

HRÙṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

‘SRÙṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

SRÙṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

BHRÙṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

HÙṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

(Dị Bản của bài Chú này đã được ghi ở phần trên)

_ Theo Truyền Thống của Mật Giáo Tây Tạng thì Bạch Tản Cái Phật Đỉnh được thờ phụng dưới hình thức Bạch Tản Cái Phật Mẫu.

Đức Dalai Lama đời thứ 7 (1708 _ 1757) ghi nhận Tôn Tượng có 3 mặt 6 tay. Mỗi một mặt đều có 3 mắt. Mặt chính giữa màu trắng, mặt bên phải màu xanh dương, mặt bên trái màu đỏ. Ba tay bên phải lần lượt cầm cái lọng, mũi tên, móc câu. Ba tay bên trái lần lượt là: Kết Ấn Phẫn Nộ, cầm cây cung, cầm cây kiếm. Tóc kết thành một búi ngay trên đỉnh đầu, thân đeo mọi loại trang sức quý báu, mặc quần áo lụa mềm mại, ngồi Kiết Già ở chính giữa vòng hào quang trong suốt sáng rực.





Truyền Thống khác ghi nhận Tôn Tượng Bạch Tản Cái Phật Mẫu có 3 mặt, mỗi mặt có 3 mắt, tóc kết thành một búi trên đỉnh đầu, có các vật báu trang sức. Thân khoác áo lụa mỏng, mặc quần lụa thêu hoa văn, có 8 tay. Bốn tay bên phải theo thứ tự cầm cái lọng, chày Tam Cổ Kim Cương, mũi tên, móc câu. Bốn tay bên trái theo thứ tự cầm cái bình báu, bánh xe 8 căm, cây cung, sợi dây



三面八臂大白傘蓋佛母（龍藏經・台北故宮藏）



Chân Ngôn thường dùng để xưng tụng 2 Tôn Tượng trên là:

OṂ _ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRE (Quy mệnh Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái) HÙṂ PHAṬ (Khủng bố phá bại)

HÙM̀ (Tâm Bồ Đề) MAMA (Tôi) HÙM̀ (Hộ vệ) NI (Danh tướng tốt đẹp) SVÀHÀ (Quyết định thành tựu)





Ngoài ra các vị Đạo Sư Tây Tạng còn truyền dạy Tôn Tượng Thiên Thủ Thiên Diện Bạch Tản Cái Phật Mẫu với thân hình màu vàng, cởi trần chỉ quấn các dải lụa màu trắng và màu xanh vòng qua vai buông rũ quanh thân. Hạ thể mặc quần lụa 5 màu: hồng, xanh lá cây lợt, đỏ, xanh dương, vàng đất có điểm hoa văn. Đeo 3 chuỗi anh lạc rũ quang cổ, ngực, bụng. Các tay đều đeo vòng xuyến, các tai đều đeo vòng khuyên. Hai tay co trước ngực, tay phải cầm chày Kim Cương, tay trái cầm cây lọng trắng. Các tay còn lại đều bao quanh thân thành những vòng tròn, mỗi cánh tay đều có một con mắt. Một ngàn mặt, mỗi mặt đều có 3 mắt. Mặt chính giữa hơi nghiêng đầu về bên phải, bên trái có 2 mặt, bên phải có 2 mặt. Các đầu còn lại theo thứ tự từng cái một chồng lên cao từ đỉnh đầu của mặt chính. Thân đứng duỗi chân phải, co đầu gối chân trái, cả 2 chân đều đạp trên các loại chúng sinh và tất cả đều

ở trên tòa sen nhiều màu. Chung quang Tôn Tượng đều rực lửa thành hào quang bầu dục có đỉnh nhọn.



Chân Ngôn thường dùng để xưng tụng Tôn Tượng này là:

OṂ SITÀTAPATRE PARÀJITE (Quy mệnh Bạch Tản Cái Năng Thắng) SARVA GRAHAṂ (Tất cả các Chấp) TRÀ'SAYA TRÀ'SAYA (3 nơi cư trú) HANA HANA (Đánh đập) ṬRÙṂ ṬRÙṂ (chủng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra tất cả các Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn**) HÙṂ HÙṂ (Khủng bố) PHAṬ PHAṬ (Phá bại) SVÀHÀ (Quyết định thành tựu)

Kinh **Phật Thuyết Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni** ghi nhận rằng: "**Bạch Tản Cái Phật Mẫu** (Sitàtapatra Buddha Màtṛ) có một mặt 2 tay và 3 con mắt, ngồi theo thế Kim Cương Già Phu, tay phải tác Vô Bố Úy Ấn, tay trái cầm cái lọng trắng để ngang ngực, nghiêm sức bằng mọi thứ Anh Lạc. Thân màu trắng tinh khiết như ánh mặt trời chiếu soi trên núi Tuyết, có đủ tướng vui vẻ, hiển **Vô Tự Tính** (Không có Tự Tính)"







Riêng Kinh Đại Bạch Tản Cái Đà La Ni có ghi nhận thêm 5 Tiểu Chú mà Thần Chú Lăng Nghiêm không ghi nhân là:

1) **Đại Bạch Tản Cái Phẫn Nộ Kim Cương Khiển Ma Ủng Hộ Chú :**

TADYATHÀ (Liền nói Chú là) OṂ (Quy mệnh) ṢṬOṂ (Chủng tử) BANDHA BANDHA (Cột trói) MAMA (Tôi) RAKṢA RAKṢA MÀṂ (Ủng hộ thủ hộ tôi)

OṂ (Nhiếp triệu) HÙṂ ṢṬOṂ (Chủng tử) _ BANDHA BANDHA (Cột trói) _ VAJRA MAMA (Đấng Kim Cương của tôi) RAKṢA RAKṢA MÀṂ (Ủng hộ thủ hộ tôi) _ VAJRAPÀṆIYE (Kim Cương Thủ Đẳng) HÙṂ PHAṬ (Khủng bố phá bại) SVÀHÀ (Quyết định thành tựu)

2) **Đại Bạch Tản Cái Thường Hằng Trì Tâm Chú:**

OṂ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA (Quy mệnh tất cả Như Lai Đỉnh) AVÀLOKITEC (Tuân theo sự quán chiếu) URṆATE (Bạch Hào tướng) JVALASÌ (Quang Minh)

OṂ (Nhiếp Triệu) JVALA JVALA (Phóng quang) DHAKA DHAKA (Uy quang) DARA DARA (Giáng phục) VIDARA VIDARA (Giáng phục khắp) CCHINDHA CCHINDHA (Cắt đứt) BHINDHA BHINDHA (Xuyên thấu) HÙṂ HÙṂ (Khủng bố) PHAṬ PHAṬ (Phá bại) SVÀHÀ (Quyết định thành tựu)

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là **Phật Đỉnh Tâm Chú**:

Namo sarva-jñāya

Oṃ_ tathāgatoṣṇīṣa (Quy mệnh Như Lai Đỉnh Kế) **anāvalokita mūrdha tejorāsī** (tuân theo sự quán chiếu ánh sáng rực rỡ ở đỉnh đầu) **hūṃ** (thành tựu)**_ jvala jvala, dhaka dhaka, vidhaka vidhaka, dara dara, vidara vidara, cchinda cchinda, bhinda bhinda, hūṃ phaṭ phaṭ svāhā**]

3) **Đại Bạch Tản Cái Tăng Trưởng Thân** (Gần gũi) **Thân** (Thể xác) **Chú:**

OṂ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA (Quy mệnh tất cả Như Lai Đỉnh) HÙṂ (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) SVÀHÀ (Quyết định thành tựu)

4) **Đại Bạch Tản Cái Nhiếp Thọ Chú :**

TADYATHÀ (Liền nói Chú là) ANALE ANALE (Ngọn lửa linh thiêng) KHASAME KHASAME (Thôi thúc tôi, thúc đẩy tôi) VAIRE VAIRE (Tinh tiến dũng mãnh) SOME SOME (Rượu bất tử, sự tốt lành) SARVA BUDDHA ADHIṢṬHANA (Thần lực của tất cả chư Phật) ADHIṢṬATE (Gia trì) SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRE (Tất cả Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái) HÙṂ (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) SVÀHÀ (Quyết định thành tựu)

5) **Đại Bạch Tản Cái Kiên Giáp Chú :**

HÙṂ (Tâm Bồ Đề) MAMA HÙṂ (Hộ vệ cho tôi) NI (Danh tướng tốt đẹp) SVÀHÀ (Quyết định thành tựu)

_ Bản ghi nhận của Ngài Tây Khang **Nặc Na** Hô Đồ Khắc Đồ có đôi chỗ sai khác (Tham khảo ở phần Kinh Bản). Ngoài ra Ngài **Nặc Na** còn truyền thụ riêng bài **Lăng Nghiêm Trường Chú** là:

NAMO GURUBHYAḤ (Quy mệnh Thượng Sư Đẳng)

NAMO BUDDHÀYA (Quy y Phật Đẳng)

NAMO DHARMÀYA (Quy y Pháp Đẳng)

NAMO SAÑGHÀYA (Quy y Tăng Đẳng)

HÙṂ (Hộ vệ khắp) BHAGAVAN STHATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRAṂ (Xuất Hữu Hoại Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu) MAHÀ VAJROṢṆÌṢA MAHÀ PRATIYUṄGIRE (Đại Kim Cương Đỉnh Kế Đại Quýnh Già Mẫu) SAHASRA 'SIRSAI [Thiên diện (Đầu) Thánh Mẫu] KOṬI 'SATA SAHASRA NETRE (Thiên Vạn Nhãn Thánh Mẫu) ABHEṂDYA JVALATA NAṬANAKA MAHÀ VAJRODÀRA (Cụ Chủng Tướng Kim Cương Khoan Quảng Đại Bạch Mẫu) TṚBHUBANA MAṆḌALA (Chủ Tể Tam Giới Trùng Vi Mẫu)

ALAKṢNA GRAHÀ (Ma không có tướng) LAKṢNA GRAHÀ (Ma có tướng) PRACAKRA BHAYA (Nạn do quân binh xứ khác gây ra) RAKṢA RAKṢA MÀṂ SARVA SATVANÀṂCA (Ủng hộ thủ hộ cho tôi và tất cả chúng sinh)

OṂ (Quy mệnh) AṢITA ANALARKA (Hào quang trắng rõ ràng) PRABHA SPHUṬAVIKA (Hiển hiện lửa tối thắng) SITÀTAPATRE (Bạch Tản Cái)

OṂ (Nhiếp triệu) JVALA JVALA (Phóng quang) KHÀDA KHÀDA (Ăn nuốt, tàn phá, tiêu hủy) HANA HANA (Đánh đập) DAHA DAHA (Thiêu đốt)

DARA DARA (Giáng phục) VIDARA VIDARA (Giáng phục khắp) CCHINDHA CCHINDHA (Cắt đứt) BHINDHA BHINDHA (Xuyên thấu) HÙṂ HÙṂ (Khủng bố) PHAṬ PHAṬ (Phá bại) SVÀHÀ (Quyết định thành tựu)

TADYATHÀ (Như vậy) OṂ (Nhiếp triệu) ANALE ANALE (Ngọn lửa linh thiêng) KHASAME KHASAME (Thúc đẩy tôi) VAIRE VAIRE (Chống lại 2 loại chướng) SOME SOME (Cát tường) 'SÀNTI 'SÀNTI (Tịch tĩnh, bình yên) DÀNTE DÀNTE (Kiểm soát điều chỉnh) VI'SUDDHE VI'SUDDHE (Khiến cho thanh tịnh) VÌRE VÌRE (Tinh tiến dũng mãnh) DEVI (Thiên Nữ) VAJRADHÀRI (Kim Cương Trì Nữ) BANDHA BANDHA (Cột trói) VAJRAPÀṆI (Kim Cương Thủ) PHAṬ (Phá bại)

OṂ (Nhiếp triệu) HÙṂ HÙṂ (Thành tựu) ṬRÙṂ ṢṬOṂ (Chủng tử) PHAṬ (Phá bại) SVÀHÀ (Quyết định thành tựu)

HÙṂ ṬRÙṂ (Chủng tử) BANDHA (Cột trói) PHAṬ (Phá bại) VATAGALA (Nhìn xuống) 'SRUTA (Nghe biết) 'SA'SIG (Nguyệt quang tối thắng) SVÀHÀ (Thành tựu)

OṂ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRE (Quy mệnh nhất thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái) HÙṂ (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) HÙṂ (Tâm Bồ Đề) MAMA HÙṂ (Hộ vệ cho tôi) NI SVÀHÀ (Quyết định thành tựu danh tướng tốt đẹp)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 15/02/2013

PHẬT ĐỈNH ĐẠI BẠCH TẢN CÁI
ĐÀ LA NI KINH

Hán dịch : Tam Tạng Pháp Sư SA BA LA phụng chiếu dịch
Việt dịch : HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe, một thời Đức Bạc Già Phạm ngự tại Thiện Pháp Đường trên cõi Tam Thập Tam Thiên cùng với các vị Tỳ Kheo, các Đại Bồ Tát, Thiên Chủ Đế Thích, vô lượng chúng đến dự.

Bấy giờ Đức Bạc Già Phạm ngồi kiết già, liền nhập vào Ô SẮT VĨ SA Tam Muội (Uṣṇīṣa Samàdhi _ Đỉnh Kế Tam Muội). Thời đột nhiên từ nhục kế của Đức Bạc Già Phạm diễn ra Pháp Hạnh vi diệu bí mật:

Nam mô tất cả chư Phật, chư Đại Bồ Tát chúng
Nam mô Phật Đà Gia
Nam mô Đạt Ma gia
Nam mô Tăng Già gia
Nam mô bảy câu đê (700 Triệu) Phật, chư Đại Thanh Văn chúng
Nam mô hết thảy chúng A La Hán của Thế Gian
Nam mô tất cả Dự Lưu chúng
Nam mô tất cả Nhất Lai chúng
Nam mô tất cả Bất Hoàn chúng
Nam mô Thế Gian chư Chính Hạnh chúng
Nam mô chư Hướng Chính Hạnh chúng
Nam mô chư Đại Thiên Tiên chúng hay dùng Chú Trớ Yểm đảo cũng hay làm việc nhiêu ích
Nam mô Thành tựu Trì Minh chúng
Nam mô Đại Phạm Thiên Vương chúng
Nam mô Thiên Chủ Đế Thích chúng
Nam mô Lô Đà La Gia (Tự Tại Thiên) Ô Ma Bát Đế (Thiên Hậu) Sa Hê Dạ Gia (cùng với hàng quyến thuộc) chúng
Nam mô Vô ái Tứ Ngũ Đại Thủ Ấn mà chúng kính lễ
Nam mô Tồi Tam Giới Thành Lạc Xứ Hàn Lâm Mẫu quỷ cung kính Ma Ha Ca Lạt chúng
Nam mô Bạc Già Phạm Như Lai câu la gia (Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc)
Nam mô Liên Hoa Câu La gia (Liên Hoa Bộ Tộc)
Nam mô Kim Cương câu la gia (Kim Cương Bộ Tộc)
Nam mô Bảo Châu câu La Gia (Bảo Bộ Tộc)
Nam mô Đại Tượng câu la gia (Đại Tượng Bộ Tộc)
Nam mô Nhu Đồng câu la gia (Nhu Đồng Bộ Tộc)
Nam mô Long Chủng câu la gia (Long chủng Bộ Tộc)

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Dũng Kiên Bộ Khí Giới Vương Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Vô Lượng Quang Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Bất Động Tôn Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Sa La Thọ Hoa Phổ Biến Khai Phu Vương Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Bảo Tràng Vương Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Phổ Hiền Vương Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Tỳ Lô Giá Na Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Quảng Mục Ưu Bát La Hoa Hương Tràng Vương Phật

Như vậy kính lễ các Phật đẳng xong.

Đức BÀ GIÀ BÀ ĐẾ (Thế Tôn) PHẬT ĐỈNH ĐẠI BẠCH TẢN CÁI VÔ HỮU NĂNG CẬP BÁT-LA ĐƯƠNG KÊ LA Mẫu hay diệt tất cả Bộ Đa Quỷ Mỵ, cắt đứt các Minh Chú, giải thoát sự trói buộc. Mau chóng xa lìa sự chết yểu, chết đột ngột, ưu não, mộng ác. Tồi hoại 84 ngàn yêu Ma với 8 vị Chấp Diệu, lại hay khiến cho 28 vị Tinh Tú sinh vui vẻ lớn. Cũng hay dời qua tất cả oán hại, tiêu diệt hết thảy tất cả loài khởi độc hại và các mộng ác. Lại hay cứu trừ các nạn về thuốc độc, khí giới, nước, lửa...

Vô Địch đại thế lực
Bạo ác đại lực Mẫu
Xí thịnh uy quang Mẫu
Bạch Cái đại lực Mẫu
Diễm man Bạch Y Mẫu
Đa La Tần Tức Tướng
Xưng Man thắng Kim Cương
Liên Tướng Kim Cương Tướng
Cụ Man Vô Năng Địch
Kim Cương Tường Tồi Mẫu
Chư Thiện Thiên cung kính
Thiện Tướng Đại uy Quang
Cứu Độ Đại lực Mẫu
Kim Cương Đĩnh (khối Kim Cương), các Đẳng
Kim Cương Đồng Trì chủng
Trì Xử chủng Kim Man
Xích Sắc Bảo Châu Mẫu
Quang Minh Kim Cương Man
Yểu Điệu Mẫu Trì Xử
Nhãn như Kim Quang Mẫu
Kim Cương Cự, Bạch Mẫu
Liên Hoa, Nhật Nguyệt Quang

Các chúng Thủ Ấn, nguyện ủng hộ cho con, nguyện ủng hộ cho con

- Án lị sắt yết noa bát-la xả tất-đa gia (OṂ ṚṢI GAṆA PRA'SASTA)

- Tát lị-phộc đát tha già đá (SARVA TATHÀGATA)

- Ô sắt ni sa tất đát đa bát đế-lị, hồng đỗ-lô-úng (UṢṆÌṢA SITÀTAPATRE HÙṂ ṬRÙṂ)

- Tạm bát noa ca lị, hồng đỗ-lô-úng (JAMBHANA KARI HÙṂ ṬRÙṂ)

- Tất-đam phộc noa ca lị, hồng đỗ-lô-úng (STAMBHANA KARI HÙṂ ṬRÙṂ)

- Ma nghiệt noa già lị, hồng đỗ-lô-úng (MABHANA KARI HÙṂ ṬRÙṂ)

- Ma ha bức điệt-gia ma la khư noa ca lị, hồng đỗ-lô-úng (MAHÀ VIDYÀ SAMBHAKṢAṆA KARI HÙṂ ṬRÙṂ)

- Bát-la bức điệt-gia tam phộc khư noa ca lị, hồng đỗ-lô-úng (PARAVIDYÀ SAMBHAKṢAṆA KARI HÙṂ ṬRÙṂ)

- Tát lị-phộc đỗ sắt-đát nẫm (SARVA DUṢṬANÀṂ)

- Tất đam bát noa ca lị, hồng đỗ-lô-úng (STAMBHANA KARI HÙṂ ṬRÙṂ)

- Tát lị-phộc dược xoa la sát tát khất-la ha nẫm (SARVA YAKṢA RÀKṢASA GRAHÀNÀṂ)

- Tỳ đam tát noa ca lị, hồng đỗ-lô-úng (VIDHVAṂSANA KARI HÙṂ ṬRÙṂ)

- Tạt đỗ la thi để nẫm (CATUR A'SÌTÌNÀṂ)

- Khất-la ha tát ha tất-la nẫm (GRAHA SAHASRÀNÀṂ)

- Tỳ đam tát noa ca lị, hồng đỗ-lô-úng (VIDHVAṂSANA KARI HÙṂ ṬRÙṂ)

- A thất-đán tần xá đế nẫm (AṢṬA VIṂ'SATÌNÀṂ)

- Noa xoa đát-la nẫm (NAKṢATRÀNÀṂ)

- Bát-la tát đát noa ca lị, hồng đỗ-lô-úng (PRASADÀNA KARI HÙṂ ṬRÙṂ)

- A thất-đán nẫm (AṢṬANÀṂ)

- Ma ha khất-la ha nẫm (MAHÀ GRÀNÀṂ)

- Tỳ tát noa ca lị, hồng đỗ-lô-úng (VIDHVAṂSANA KARI HÙṂ ṬRÙṂ)

- La xoa la xoa hàm (RAKṢA RAKṢA MÀṂ)

Nguyện ủng hộ cho con, nguyện ủng hộ cho con

Bà Già Bà Đế PHẬT ĐỈNH ĐẠI BẠCH TẢN CÁI KIM CƯƠNG ĐỈNH MAN BÁT-LA ĐƯƠNG KẾ LA Mẫu là vị Mẫu Kim cương Quảng Đại có tướng Xí thịnh không hai, có ngàn bàn tay ngàn cánh tay, trăm ngàn câu đê na con mắt được tự tại trong tam giới

Nguyện ủng hộ cho con, nguyện ủng hộ cho con.

ÁN - quốc vương bố (vua chúa làm cho sợ hãi), tặc quan bố, hỏa bố, thủy bố, độc dược bố, binh khí bố, tha binh lai xâm bố, cơ cận (đói khát) bố, oan nạn bố, bệnh tật bố, phích lịch bố (sét đánh làm cho sợ hãi), phi thời yểu tử bố, địa chấn động bố, tinh xạ (sao sa) bố, ngục bố, thiên (Trời) bố, Long (rồng) bố, Điểu (Chim) bố, phi không (Bay trên hư không) bố, ác mộng bố

Lại có : Thiên mỵ, Long Mỵ, Phi Thiên Mỵ, Phong Thần mỵ, Phi Không Mỵ, Tầm hương mỵ, Nhân phi nhân mỵ, Đại Phúc hành mỵ, Thí ngại mỵ, La xoa mỵ, Ngạ quỷ mỵ, Không hành mẫu mỵ, Thực nhục (Ăn thịt) mỵ, Bộ Đa mỵ, Úng phúc (bụng như cái lọ) mỵ, Xú quỷ (Quỷ có mùi hôi thối) mỵ, Cực Xú quỷ mỵ, Tấc Kiền Đà mỵ, Hôn vọng Mỵ, Điên mỵ, Ma mỵ, Phục (nằm sát) mỵ, Lị Bát Đế mỵ

Đối với các quỷ mỵ, nguyện cho con được an ổn

- Lại có: Loài ăn tinh thần, loài ăn tinh khí, loài ăn thai, loài ăn máu, loài ăn dầu mỡ, loài ăn thịt, loài ăn mỡ, loài ăn tủy, loài ăn thứ sinh sản, loài cướp đoạt mệnh, loài ăn thứ nhổ ra, loài ăn thứ bất tịnh, loài ăn thứ tiểu tiện, loài ăn nước dò rỉ, loài ăn thứ dư sót, loài ăn thứ nôn mửa, loài ăn nước rãi, loài ăn nước mũi, loài ăn mủ, loài ăn đồ thí thực, loài ăn tóc, loài ăn hương, loài ăn mùi thơm, loài cướp đoạt ý, loài ăn hoa, loài ăn qủa, loài ăn ngũ cốc, loài ăn thứ thiêu đốt bố thí,

Đối với nhóm này, nguyện cho con được an ổn

Minh Chú tuyên nói của các Quỷ mỵ với nhóm như vậy thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương quyết

Minh Chú tuyên nói của hàng Biến Hành thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của Không hành Không Hành Mẫu thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương quyết

Minh Chú tuyên nói của Đại Bát Tu Bát Đế thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của Vô ái Tử thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của Phi Không Chính Chúng thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của Ma Ha Ca Lạt (Đại Hắc Thiên Thần), chư Mẫu Quỷ chúng thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của kẻ cầm đầu lâu thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của kẻ Năng Thắng, Tác Mật, biện chư sự nghiệp thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của bốn chị em Thần Nữ thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của Tỳ Ngật lợi Đế Dục Lạc Tự Tại Tập Chủ Đẳng chúng thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của Vô Y Động Thiện thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của a La Hán thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của hàng Ly Dục thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của Mật Tích Kim Cương Thủ thảy đều đoân trừ, đóng Kim Cương Quyết

Nam mô Bà Già Bà Đế Phật Đỉnh Đại Bạch Tản Cái Mẫu nguyện ủng hộ cho con, nguyện ủng hộ cho con.

1) Án, a tất đát, a noa lạt la-ca bát-la bà tất-phổ tra tỳ ca, tất đát đát bát đế-lị (OṂ ASITA ANALA ARAKAḤ PRABHA SPHUṬA VIKACA SITÀTAPATREḤ)

2) Tạt lạt, tạt lạt (JVALA JVALA)

3) Ca đát ca đát đà la đà la (KHÀDA KHÀDA , DARA DARA)

4) Tỳ đà la, tỳ đà la (VIDARA VIDARA)

5) Đỗ đà , đỗ đà (CCHINDA CCHINDA)

6) Tần đà, tần đà (BHINDA BHINDA)

7) Hồng hồng (HÙṂ HÙṂ)

8)Phát tra, phát tra, sa-phộc ha (PHAṬ PHAṬ SVÀHÀ)

9) Hê hê, phát tra (HE HE PHAṬ)

10) Hô hô phát tra (HO HO PHAṬ)

11) A mâu nghiệt gia phát tra (AMOGHÀYA PHAṬ)

12) A bát-la đế ha đát gia, phát tra (APRATIHATÀYA PHAṬ)

13)Bát la bát-la đát gia, phát tra (VARA PRADÀYA PHAṬ)

14) A tố la mạo đát-la bà noa ca la gia, phát tra (ASURA VIDRAPAṆA KARÀYA PHAṬ)

15) Tát lị-phộc đề bệ tỳ-dược, phát tra (SARVA DEVEBHYAḤ PHAṬ)

16) Tát lị-phộc noa ca tỳ-dược, phát tra (SARVA NAGEBHYAḤ PHAṬ)

17) Tát lị-phộc A tố lị tỳ-dược, phát tra (SARVA ASUREBHYAḤ PHAṬ)

18) Tát lị-phộc Ma lộ đế na tỳ-dược, phát tra (SARVA MARUDÌYE BHYAḤ PHAṬ)

19) Tát lị-phộc ca lô đế tỳ-dược, phát tra (SARVA GARUDEBHYAḤ PHAṬ)

20) Tát lị-phộc kiến đạt-lị mạo tỳ-dược, phát tra (SARVA GANDHARVEBHYAḤ PHAṬ)

21) Tát lị-phộc khẩn na la tỳ-dược , phát tra (SARVA KINNARE BHYAḤ PHAṬ)

22) Tát lị-phộc ma hô la khất tỳ-dược, phát tra (SARVA MAHORAGEBHYAḤ PHAṬ)

23) Tát lị-phộc dạ xoa tỳ-dược, phát tra (SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAṬ)

24) Tát lị-phộc la xoa sa tỳ-dược, phát tra (SARVA RÀKṢASEBHYAḤ PHAṬ)

25) Tát lị-phộc tỳ-lị đế tỳ-dược, phát tra (SARVA PRETEBHYAḤ PHAṬ)

26) Tát lị-phộc bệ xà chất tỳ-dược, phát tra (SARVA PI'SACE BHYAḤ PHAṬ)

27) Tát lị-phộc bộ đế tỳ-dược , phát tra (SARVA BHÙTEBHYAḤ PHAṬ)

28) Tát lị-phộc câu-lô ban đế tỳ-dược, phát tra (SARVA KUMBHAṆḌEBHYAḤ PHAṬ)

29) Tát lị-phộc bổ đát vĩ tỳ-dược, phát tra (SARVA PÙTANEBHYAḤ PHAṬ)

30) Tát lị-phộc ca tra bổ đan ni tỳ-dược, phát tra (SARVA KAṬA PUTANEBHYAḤ PHAṬ)

31) Tát lị-phộc tất kiền đế tỳ-dược, phát tra (SARVA SKANDEBHYAḤ PHAṬ)

32) Tát lị-phộc ngộ ma đế tỳ-dược, phát tra (SARVA UNMÀDEBHYAḤ PHAṬ)

33) Tát lị-phộc xà di tỳ-dược, phát tra (SARVA CCHÀYEBHYAḤ PHAṬ)

34) Tát lị-phộc a bá tất-ma lị tỳ-dược, phát tra (SARVA APASMÀRE BHYAḤ PHAṬ)

35) Ô tất-đát la khất đế tỳ-dược, phát tra (AUSTARAKEBHYAḤ PHAṬ)

36) Tát lị-phộc đổ-lô cái khất-lị đế tỳ-dược, phát tra (SARVA DURLAṂGHYEBHYAḤ PHAṬ)

37) Tát lị-phộc cứu sắt tỳ-lị khế để tỳ-dược, phát tra (SARVA DUṢPREKṢITEBHYAḤ PHAṬ)

38) Tát lị-phộc tạt lị tỳ-dược, phát tra (SARVA JVAREBHYAḤ PHAṬ)

39) Tát lị-phộc khất-lị đát-na ca-la ma vĩ ca-la đế tỳ-dược, phát tra (SARVA KRITYA KARMAṆI KÀKHORDEBHYAḤ PHAṬ)

40) Khất la noa bệ đát đát-la tỳ-dược, phát tra (KIRAṆA VETÀḌE BHYAḤ PHAṬ)

41) Chất xa bát-la sa ca , tát lị-phộc đột xà-lị địa đế tỳ-dược, phát tra (CICCHA PRE'SÀKA SARVA TU'SCARDETEBHYAḤ PHAṬ)

42) Đột-lô bổ đế tỳ-dược, phát tra (DURU BHUKTEBHYAḤ PHAṬ)

43) Tát lị-phộc để-lị đề khất tỳ-dược, phát tra (SARVA TÌRTHIKE BHYAḤ PHAṬ)

44) Tát lị-phộc sa-la ma ni tỳ-dược, phát tra (SARVA 'SRAMANI BHYAḤ PHAṬ)

45) Tát lị-phộc tỳ chí-gia đát lị tỳ-dược, phát tra (SARVA VIDYÀ DHAREBHYAḤ PHAṬ)

46) Tạt gia yết la ma độ yết la gia tỳ-dược, phát tra (JAYA KARA, MADHU KARÀYA EBHYAḤ PHAṬ)

47) Tát lị-phộc a lị-đạt tát đát ngật tỳ-dược, phát tra (SARVA ARTHA SÀDHAKEBHYAḤ PHAṬ)

48) Tỳ điệt-gia tạt lị tỳ-dược, phát tra (VIDYÀ CARYEBHYAḤ PHAṬ)

49) Tạt bộ-lô tất-dược bà ngật ni di tỳ-dược, phát tra (CATURBHYO BHAGENÌBHYAḤ PHAṬ)

50) Tát lị-phộc qua ma lị di tỳ-dược, phát tra (SARVA KAUMÀRI BHYAḤ PHAṬ)

51) Bệ điệt-gia la già di tỳ-dược, phát tra (VIDYÀRÀJEBHYAḤ PHAṬ)

52) Ma ha bát-la đương kê la tỳ-dược, phát tra (MAHÀ PRATYUṄGIREBHYAḤ PHAṬ)

53) Phộc nhật-la thương ca lạt bát-la đương kê la la gia, phát tra (VAJRA 'SAṄKARÀYA PRATYUṄGIRA RÀJAYA PHAṬ)

54) Ma ha ca lạt gia ma đế-lị già noa gia ma tất ngật-lị đát di, phát tra (MAHÀ KÀLÀYA MATṚGAṆÀYA NAMASKṚTÀYE PHAṬ)

55) Giải sắt-noa bệ di, phát tra (VIṢṆAVÌYE PHAṬ)

56) Bột-la ha-mâu ni di, phát tra (BRÀHMÌṆÌYE PHAṬ)

57) A kỳ ni di, phát tra (AGNIYE PHAṬ)

58) Ma ha yết lị di, phát tra (MAHÀ KÀLÌYE PHAṬ)

59) Yết lạt đàn trì di, phát tra (KÀLADAṆḌIYE PHAṬ)

60) Nhân đế-lị di, phát tra (AINDRÌYE PHAṬ)

61) Lô đế-lị di, phát tra (RAUDRÌYE PHAṬ)

62) Qua ma lị di, phát tra (KAUMARÌYE PHAṬ)

63) Bà la hê di, phát tra (VÀRÀHÌYE PHAṬ)

64) Tạt môn đế di, phát tra (CAMUṆḌÌYE PHAṬ)

65) Lô để-lị di, phát tra (RUDRÌYE PHAṬ)

66) Yết lạt la để-lị di, phát tra (KÀLARÀTRÌYE PHAṬ)

67) Gia ma đan đế di, phát tra (YAMADAṆḌÌYE PHAṬ)

68) Yết bát lật di, phát tra (KAPÀLÌYE PHAṬ)

69)A địa mục đế thi ma xá noa bà tất ni di, phát tra (ADHIMUKTE ‘SMA ‘SÀNA VASINÌYE PHAṬ)

Nếu có chúng sinh đối với ta là: kẻ khởi tâm oán hại, kẻ khởi tâm ác độc, loài ăn tinh thần, loài ăn tinh khí, loài ăn thai, loài ăn máu, loài ăn dầu mỡ, loài ăn thịt, loài ăn mỡ, loài ăn tủy, loài ăn thứ sinh sản, loài cướp đoạt mệnh, loài ăn thứ khạc nhổ, loài ăn đồ bất tịnh, loài ăn thứ tiểu tiện, loài ăn chất nước dò rỉ tuôn chảy, loài ăn thực phẩm dư thừa, loài ăn thứ nôn mửa, loài ăn nước rãi, loài ăn nước mũi, loài ăn mủ, loài ăn thực phẩm bố thí, loài ăn tóc, loài ăn hương, loài ăn mùi thơm, loài cướp đoạt ý, loài ăn hoa, loài ăn qủa, loài ăn ngũ cốc, loài ăn thứ thiêu đốt bố thí.

Lại có loài khởi tâm sân hận, loài khởi tâm độc hại, loài khởi tâm bạo ác, chúng Thiên mỵ, chúng Long mỵ, chúng Phi Thiên Mỵ, chúng Phong Thần mỵ, chúng Tầm Hương mỵ, chúng Nhân Phi Nhân mỵ, chúng Đại Phúc Hành mỵ, chúng Dược Xoa mỵ, chúng La Sát mỵ, chúng Ngạ Quỷ mỵ, chúng Không Hành Mẫu mỵ, chúng Thực Nhục mỵ, chúng Bộ Đa mỵ, chúng Ung Phúc (Bụng như cái lọ) mỵ, chúng Xú Quỷ mỵ, chúng Cực Xú Quỷ mỵ, chúng Tấc Kiền Đà mỵ, chúng Hôn Vọng mỵ, chúng Điên mỵ, chúng Ma mỵ, chúng Phục (nằm sát đất) mỵ, Chúng Lỵ Bát Đế mỵ, chúng Diễm Ma mỵ, chúng Cầm (loài chim) mỵ , chúng Mẫu quỷ hỷ mỵ, chúng Biến La mỵ, chúng Trừ Cức (cây nhiều gai) mỵ...

Hoặc có bệnh sốt rét phát bệnh theo chu kỳ : 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày, 4 ngày phát một lần. Hoặc thường bị bệnh nhiệt, bệnh cực phiền nhiệt, bệnh phát theo thời tiết, bệnh do quỷ Bộ Đa gây ra, bệnh Phong Hoàng Đàm, bệnh do mọi thứ hòa hợp.

Hết thảy bệnh nhiệt, bệnh đau đầu, bệnh đau nửa đầu... nguyện đều tiêu trừ.

Lại có bệnh ngạnh ế (mắt có hột cứng che mờ) bệnh về mắt, bệnh mũi, bệnh miệng, bệnh sau cổ, bệnh tim, bệnh cổ họng, bệnh tai, bệnh răng, đau tim, đau óc, đau lưng, đau bụng, đau eo, đau nơi ẩn mật, đau dạ dày, đau ngón tay, đau bàn tay,

đau bàn chân, đau nhức mọi chi tiết... Nguyện khiến tiêu trừ, nguyện khiến ủng hộ cho con.

Đại Bạch Tản Cái Kim Cương Đỉnh Kế Bát-La Đương Kế La Mẫu kết Kim Cương Giới trong 12 do tuần. Hết thảy loài Bộ Đa, Không Hành Mẫu và Quỷ, bệnh nhiệt, bệnh ghẻ chóc, bệnh hắc lào, bệnh cùi, bệnh thần kinh, bệnh ung thư, bệnh nhọt ngứa, bệnh kinh phong, Bảo độc trùng, yểm đảo độc , nước ,lửa, oan gia oán hận não hại, chết yểu đột ngột...loài Để Ma Bổ Già, Phong Để Lạt Đát, loài rắn lớn, bò cạp, chuột độc, rồng, cọp, gấu chó, gấu heo, chó, sói, như các loài ong độc cướp đoạt hại mạng.

Như vậy đều dùng Minh Chú cột trói (Hệ Phộc), cột buộc uy thần, cột buộc các Minh Chú, hết thảy Quỷ Mỵ cũng đều cột buộc

1) Đát chí-gia tha : Án (TADYATHÀ : OṂ)

2) A noa lê, a noa lê (ANALE ANALE)

3) Bí sắt đế, bí sắt đế (VI'SUDDHE VI'SUDDHE)

4) Tị la, tị la (VIRE VIRE)

5) Phộc nhật-la đà lị (VAJRA DHÀRI)

6) Ban đà, ban đà (BANDHA BANDHA)

7) Phộc nhật-la bạt ni, phát tra (VAJRAPÀṆI PHAṬ)

8) Hồng hồng, phát tra phát tra (HÙṂ HÙṂ PHAṬ PHAṬ)

9) Hồng đổ-lỗ-úng ban đà , phát tra, sa-phộc ha (HÙṂ ṬRÙṂ BANDHA PHAṬ SVÀHÀ)

(ND : câu Chú trên là **Lăng Nghiêm Tâm Chú**)

Nếu nhập vào ngang bằng với Phật Đỉnh Đại Bạch Tản Cái Bát-la Đương Kê La Mẫu Đà La Ni Kinh này. Hoặc dùng vỏ cây hoa, Cụ Diệp Tố giao (chất keo dán) viết chép Kinh này rồi đeo trên thaân hoặc đeo trên cổ, nên biết người đó cho đến cuối đời chẳng thể bị chất độc làm hại. Các khí giới, nước, lửa, Bảo Độc Trùng, Chú Trớ độc chẳng thể hại, cũng không bị chết yểu chết đột ngột. Hết thảy chúng Quỷ Mỵ nhìn thấy đều sinh vui vẻ, lại có 84000 Kim Cương Bộ chúng sinh vui vẻ lớn thường theo phòng hộ. Ở trong 84000 kiếp được Túc Mệnh Trí. Đời đời kiếp kiếp chẳng sinh vào loài Dạ Xoa, La Sát, Phú Đan Na, Ca Tra Phú Đan Na, Tất Độ Đa quỷ... với các nẻo ác. Cũng chẳng thọ sinh vào nơi bần cùng hạ tiện (nghèo túng thấp hèn) đắc được nhóm phước đức của vô lượng vô biên hằng hà sa số chư Phật.

Nếu có người trì Phật Đỉnh Đại Bạch Tản Cái Bát-La Đương Kê La Mẫu Đà La Ni Kinh này thì chẳng có Phạm Hạnh cũng thành Phạm Hạnh, chẳng Trì Giới cũng thành Trì Giới, chẳng Thanh Tịnh cũng thành Thanh Tịnh, Chẳng có Bố Tát cũng thành Bố Tát, chẳng có **Thanh Trai** (Trai giới trong sạch) cũng thành Thanh Trai. Nếu bị 5 tội Vô Gián và hết thảy tai họa có từ thời vô thủy đến nay, tội nghiệp xa xưa thảy đều diệt hết không còn sót.

Nếu gặp người bị bệnh, gia súc bị bệnh, bệnh dịch não hại, đấu tranh bức bách, binh nước khác xâm nhiễu với tất cả ách nạn thì đem Phật Đỉnh Đại Bạch Tản Cái Vô Hữu Năng Địch Bát-La Đương Kê La Mẫu Đà La Ni này cột trên đầu cây phướng rồi cúng dường rộng rãi , làm đại Phật Sự, phụng nghinh Chú đó đặt ở 4 cửa Thành hoặc ở các tụ lạc, đô ấp, thôn dã lễ bái cung kính nhất tâm cúng dường thì

hết thảy binh trận liền tiêu diệt ngay. Các bệnh dịch lệ, các bệnh não hại, đấu tranh, binh nước khác xâm nhiễu , tất cả tai ách thảy đều tiêu diệt .

1) Đát điệt-gia tha

2) Án, sắt đổ lô-úng

3) Ban đà ban đà

4) Nguyện ủng hộ con, nguyện ủng hộ con, sa-phộc ha_ La xoa la xoa hàm

♦ TADYATHÀ : OṂ _ ṢṬOṂ BANDHA BANDHA MAMA RAKṢA RAKṢA MÀMṂ

1) Án, hồng sắt, đổ-lô-úng

2) Ban đà ban đà

3) Phộc nhật-la nguyện ủng hộ con

4) La xoa la xoa hàm

5) Phộc nhật-la bát ni di, hồng phát tra, sa-phộc ha

♦ OṂ HÙṂ ṢṬOṂ BANDHA BANDHA VAJRA MAMA RAKṢA RAKṢA MÀMṂ _ VAJRAPÀṆIYE HÙṂ PHAṬ SVÀHÀ

(ND: Hai câu Chú trên chính là **Đại Bạch Tản Cái phẫn nộ Kim Cương khiển Ma ủng hộ Chú**)

1) Án, tát lị-phộc đa tha già đá

2) Ô sắt ni sa

3) A phộc lô kê đế

4) Mâu-lị đà đế tả la sắt

♦ OṂ SARVA TATHÀGATA UṢṆÌSA AVALOKITEC URṆATE JVARASÌ

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là **Phật Đỉnh Tâm Chú**:

Namo sarva-jñāya

Oṃ_ tathāgatoṣṇīṣa (Quy mệnh Như Lai Đỉnh Kế) **anāvalokita mūrdha tejorāsī** (tuân theo sự quán chiếu ánh sáng rực rỡ ở đỉnh đầu) **hūṃ** (thành tựu)**_ jvala jvala, dhaka dhaka, vidhaka vidhaka, dara dara, vidara vidara, cchinda cchinda, bhinda bhinda, hūṃ phaṭ phaṭ svāhā**]

1) Án, tạt lạt tạt lạt

2) Già đà già đà

3) Đà la đà la

4) Bí đà la, bí đà la

5) Thân đà, thân đà

6) Tần đà, tần đà

7) Hồng hồng, phát tra phát tra, sa-phộc ha

♦ OṂ _ JVALA JVALA _ DHAKA DHAKA _ DARA DARA _VIDARA VIDARA _ CCHINDHA CCHINDHA _ BHINDHA BHINDHA _ HÙṂ HÙṂ PHAṬ PHAṬ_ SVÀHÀ

(ND: Hai câu Chú trên là **Đại Bạch Tản Cái thường hằng trì Tâm Chú**)

♦ **Án, tát lị-phộc đa tha già đá_ Ô sắt ni sa _ Hồng phát tra phát tra_ sa-phộc ha**

♦ OṂ _ SARVA TATHÀGATA UṢṆÌṢA HÙṂ PHAṬ PHAṬ _ SVÀHÀ

(ND: Câu chú trên là : **Đại Bạch Tản Cái tăng trưởng thân** (gần gũi) **thân** (thể xác) **Tâm Chú**)

1) Đát điệt-gia tha

2) Án, a noa lệ

3) A noa lệ

4) Già tát di

5) Già tát di

6) Tị la

7) Tị la

8) Sá di

9) Sá di

10) Tát lị-phộc phật đà

11) A đế sắt-tha noa

12) A đế sắt-đề đế

13) Tát lị-phộc đa tha già đá

14) Ô sắt ni sá

15) Tất đát đa bát để-lị

16) Hồng phát tra, sa-phộc ha

♦ TADYATHÀ: OṂ _ ANALE ANALE _ KHASAMI KHASAMI _ VAIRE VAIRE _ SOME SOME _ SARVA BUDDHA ADHIṢṬHANA ADHIṢṬHITE _ SARVA TATHÀGATA UṢṆÌṢA SITÀTAPATRE HÙṂ PHAṬ_ SVÀHÀ

(ND: Câu Chú trên là : **Đại Bạch Tản Cái Nhiếp Thụ Chú**)

17) Hồng ma ma hồng ni

18) Sá-phộc ha

♦ HÙṂ MAMA HÙṂ NI SVÀHÀ

(ND: Câu Chú trên là :**Đại Bạch Tản Cái Kiên Giáp Chú**)

Nếu hay y theo Phật tu tập thì hết thảy các Trời Long Vương đều tùy thuận giáng mưa ngon ngọt đúng theo thời tiết

Bấy giờ tất cả chư Phật, chư Đại Bồ Tát, Trời, Rồng, Dược Xoa, Kiền đạt Phộc, A Tố Lạc, Yết Lộ Trà, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, Người, Phi Nhân... Tất cả Đại Chúng nghe lời Phật nói thảy đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

PHẬT ĐỈNH ĐẠI BẠCH TẢN CÁI ĐÀ LA NI KINH
(HẾT)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 11/02/2010

Mật Tạng Bộ 2 _ No.977 (Tr.404_ Tr.407)

PHẬT THUYẾT
ĐẠI BẠCH TẢN CÁI TỔNG TRÌ ĐÀ LA NI KINH

Hán dịch : Đời Nguyên_ Thiên Trúc TUẤN BIỆN Đại Sư, Tức Nại Mính Đắc Lị Liên Đắc La Ma Ninh với Dịch Chủ Tăng là nhóm CHÂN TRÍ dịch

Việt dịch : HUYỀN THANH

Kính lễ **tất cả Thượng Sư Tối Diệu** !

Phàm muốn tu tập **Bạch Tản Cái Phật Mẫu** . Ở trong phòng thất vắng lặng, ngồi trên cái chăn mềm ấm rồi phát nguyện rằng:” *Vì tất cả Hữu Tình của 6 nẻo đang ở trong Luân Hồi , khiến cho họ được giải thoát. Nguyện cho tôi được thành Cứu Cánh Chính Giác* ”

Phát nguyện xong, tưởng Bạch Tản Cái Phật Hội hiện trong khoảng không trước mặt. Tại Hội ấy, dùng tâm chân thật niệm ba Quy Y. Xong, Phật Hội liền tiêu dung thành ánh sáng hòa nhập vào thân của mình, thân của mình liền thành ánh sáng. Sau đó niệm Chú **Sa Mạt Oát** (Svabhàva Mantra_ Thần Chú Tự Tính) tưởng tất cả đều Không (‘Sùnya_ Trống rỗng). Nơi cái **Không** ấy, tưởng chữ ÁN (_ OṂ) màu trắng trên đóa hoa trong vành trăng. Chữ ÁN tỏa ánh sáng phóng ra rồi quay trở lại, Chủng của chữ biến thành cái lọng có cán vàng, trên cán có chữ ÁN.Chữ ấy tỏa ánh sáng phóng ra rồi lại quay về, chủng của chữ biến thành **Bạch Tản Cái Phật Mẫu** (Sitàtapatra Buddha Màtṛ) có một mặt 2 tay và 3 con mắt, ngồi theo thế Kim Cương Già Phu, tay phải tác Vô Bố Úy Ấn, tay trái cầm cái lọng trắng để ngang ngực, nghiêm sức bằng mọi thứ Anh Lạc. Thân màu trắng tinh khiết như ánh mặt trời chiếu soi trên núi Tuyết, có đủ tướng vui vẻ, hiển **Vô Tự Tính** (Không có Tự Tính). Nên quán như hình tượng tự nhiên ở trong gương.

Lúc muốn tụng Chú, ở ngay hoa sen trong vành trăng trên trái tim của mình có Tâm Chú với nhóm Tổng Trì dài ngắn vây quanh chữ ÁN. Ở đấy phóng ra ánh sáng khiển trừ tất cả tội chướng với sự gián đoạn của Ta và Người. Tưởng xong, sau đó tán tụng.

Nếu lúc bị mệt mỏi.muốn dâng Thí Thực. Liền đặt Thí Thực ấy ở trước mặt, niệm Chú có 3 chữ là ÁN Á HỒNG (OṂ ÀḤ HÙṂ) nhiếp thụ biến thành Cam Lộ. Trong Hư Không trước mặt, triệu thỉnh Bạch Tản Cái Phật Mẫu làm đầu, các vị Âm Mẫu cư ngụ ở 22 gò mả trên núi (Sơn Trủng), 7 Chủng Phật với Chính Giác ở 10 phương có 3 hàng Cụ Mỹ, Tĩnh Phạm, Đế Thích vây bên cạnh. Tưởng cái lưỡi biến thành hình cái ống tỏa ánh sáng Kim Cương (Kim Cương Quang Đồng). Tụng Phụng Thực Chú là:

“Án, tát lật-oát đát đạt yết đá, ô thất nễ chiết, tịch nại đát mạt đắc lị, hồng, phát. Y đảm mạt lị, khát khát, khát hề khát hề “

OṂ _ SARVA TATHÀGATA UṢṆÌṢA SITÀTAPATRE HÙṂ PHAṬ_ IDAṂ VALIṂ KHAKHA KHAHI KHAHI

Tụng 3 biến hoặc 5 biến xong. Tụng Thán Thán Đảo Chúc (Khẩn cầu) cầu Sách Nguyện Sự Đẳng. Xong, phụng tống Phật Hội rồi bỏ thức ăn cúng thí (Thí Thực) ấy ở nơi sạch sẽ , hồi hướng căn lành.

Át linh già, đát đạt yết đá, thất nễ chiết, tây nại đát mạt đát-lị, nại ma. Á mạt la tức đá, nại la nễ. (Phạn Ngữ)

ÀRYA TATHÀGATA UṢṆÌṢA SITÀTAPATRE NAMAḤ APÀRAJITA DHÀRAṆÌ

Thánh Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu Dư Vô Năng Địch Tổng Trì. Kính Lễ Tam Bảo Tối Thượng (Hoa Ngữ)

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Xuất Hữu Hoại (Bhagavàn_ Thế Tôn) ngự tại Thiện Pháp Diệu Hảo ở cõi Tam Thập Tam Thiên là nơi cư ngụ của chư Thiên, cùng với Đại Tỳ Kheo, Đại Bồ Đề Mãnh Thức, Thiên Chủ Đế Thích và Đồ Chúng tập hội.

Bấy giờ, Đức Xuất Hữu Hoại ngồi trên Tòa Hoa Sen , nhập vào Tam Muội **Phổ Quán Đỉnh Kế** . Đột nhiên từ trong đỉnh kế của Đức Xuất Hữu Hoại hiện ra **Tổng Trì Mật Chú Pháp Hạnh** như vầy

*) Kính lễ Chính Giác với tất cả Bồ Đề Mãnh Thức

Kính lễ Chính Giác

Kính lễ Diệu Pháp

Kính lễ Đại Chúng

Kính lễ 7 Câu đê Chân Thật Cứu Cánh Chính Giác với hàng Đại Chúng Thanh Văn

Kính lễ hết thảy hàng Hoại Oán ở Thế Gian

Kính lễ hết thảy hàng Thuận Lưu

Kính lễ hết thảy hàng Bất Hoàn

Kính lễ hết thảy hàng Siêu Việt Chân Thật ở Thế Gian

Kính lễ hết thảy hàng Nhật Thật

Kính lễ Chú Trớ với năng lực giúp đỡ của Thiên Tiên

Kính lễ hết thảy hàng Tụng Trì Minh Chú Thành Tựu

Kính lễ Tĩnh Phạm

Kính lễ Đế Thích

Kính lễ Khẩn Uy Cụ Mỹ hay khiến đẩy lui khuất phục hàng chủ về Khổ Hạnh

Kính lễ Cụ Mỹ Nghiêm Ngũ Thủ Ấn là nơi quy kính của Vô Ái Tử

Kính lễ Cụ Mỹ hay tồi hoại ba tầng cung thành trú ngụ ở gò mả (Mộ Địa) là nơi quy kính của tất cả Âm Mẫu.

Kính lễ Xuất Hữu Hoại Như Lai Chủng Phật

Kính lễ Liên Hoa Chủng Phật

Kính lễ Kim Cương Chủng Phật

Kính lễ Bảo Châu Chủng Phật

Kính lễ Đại Tượng Chủng Phật

Kính lễ Thiếu Đồng Chủng Phật

Kính lễ Long Chủng Phật

Kính lễ Dũng Cố Bộ Khí Giới Vương Phật
Kính lễ Vô Lượng Quang Phật
Kính lễ Bất Động Phật
Kính lễ Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật
Kính lễ Sa La Chủ Vương Hoa Thực Viên Mãn Phật
Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Phật
Kính lễ Bảo Thượng Vương Phật
Kính lễ Tối Diệu Phổ Hiền Phật
Kính lễ Chúng Minh Chủ Phật
Kính lễ Mục Viên Mãn Ô Ba Lạp Hương Thượng Vương Phật
Kính lễ Đẳng Xứ ấy xong.

_ Xuất Hữu Hoại Mẫu, Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu,Dư Vô Năng Địch Đại Quýnh Già Mẫu

Dùng Pháp này chém đứt tất cả Tà Ma ăn hơi thở ra vào
Cũng hay chém đứt tất cả Minh Chú của loài khác
Cũng hay ngăn che sự chết yểu không đúng thời
Cũng hay khiến cho Hữu Tình giải thoát tất cả sự cột trói
Cũng hay ngăn che tất cả sự ghét bỏ nghi ngờ, mộng ác
Cũng hay tồi hoại 8 vạn 4 ngàn Tà Ma
Cũng hay làm cho 28 vị Tinh Tú vui vẻ
Cũng hay chiết phục 8 vị Đại Phòng Tú
Cũng hay ngăn che tất cả oán thù
Cũng hay tồi hoại sự bạo ác tối cực, tất cả sự ghét bỏ nghi ngờ, mộng ác
Cũng hay cứu độ các nạn: Thuốc độc, khí giới, nước, lửa

_ Vô Hữu Năng Địch Đại Khẩn Mẫu
Đại Xuyết Phác Mẫu, Đại Lực Mẫu
Đại Xí Nhiên Mẫu, Đại Uy Lực
Đại Bạch Tản Mẫu, Đại Lực Mẫu (Đại Lực Cát Tường Mẫu)
Xí Nhiên Giải Anh Bạch Y Mẫu
Thánh Cứu Độ Mẫu, Cụ Sân Nộ (Bhṛkuṭi)
Thắng Thế Kim Cương Xưng Niệm Châu
Liên Hoa Chiêu Minh, Kim Cương Danh
Vô Hữu Năng Địch Cụ Niệm Châu
Kim Cương Tường Đẳng Tồi Hoại Mẫu
Nhu Thiện Phật Đẳng Cúng Dường Mẫu
Nhu Tướng Uy Lực Cụ Đại Mẫu
Thánh Cứu Độ Mẫu Đại Lực Mẫu
Bất Một Kim Cương Thiết Đỉnh Mẫu
Kim Cương Thiếu Đồng Trì Chủng Mẫu
Kim Cương Thủ, Kim Cương Niệm Châu
Đại Xích Sắc với Bảo Châu Mẫu
Chủng Minh Kim Cương Xưng Đỉnh Kế
Chủng Tướng Yểu Điệu Kim Cương Mẫu
Như Kim Sắc Quang Cụ Nhãn Mẫu

Kim Cương Chúc với Bạch Sắc Mẫu

Liên Hoa Nhãn với Nguyệt Quang Mẫu

Thủ Ấn gom tụ tất cả lực của nhóm ấy. Nguyện khiến ủng hộ cho con, ủng hộ cho con

* *) **Án_ Linh thất khát nại , bất-la chiến nại tha, đát đạt yết đá, ô thất nễ chiết, tịch nại đát ba đắc-lị, hồng, năng-long**

Tịch đát mạt nại, cát la , hồng,năng-long

Ma hạt mịch-tha mạt thất khát nại la, hồng, năng-long

Phát la mịch-năng-nhạ mạt thất khát nại, cát la, hồng, năng-long

Tát oát đinh thất đạt nại, tịch đảm mạt nại, cát la, hồng, năng-long

Tát oát tha thất khát, la thất khát tát, ngật la hạt nại, mịch nại tát nại, cát la, hồng, năng-long

Tạt đinh la, thất đế nại, ngật la hạt, tát hạt tất la,mịch nại tát nại, cát la, hồng, năng-long

Á thất nại, chiết đế nại, nại sắc cát đắc đắc la nại ma, bất la tát đát nại, cát la, hồng, năng-long

Á hy đát nại, ma ma khát, ngật la hạt nại, mịch nại tát nại, cát la, hồng, năng-long

La tắc khắc la, am

Ủng hộ cho con

OṂ _ ṚSÌGAṆA PRA'SATRA TATHÀGATA UṢṆÌṢA SITÀTAPATRE (Quy mệnh Tiên Chúng Thắng Thiện Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái) HÙṂ (Chủng Tử biểu thị cho **Tâm Bồ Đề**) ṬRÙṂ (Chủng Tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra tất cả Pháp xa lìa bụi dơ Kiêu Mạn**)

STAMBHANA KARA (Tác áp lãnh) HÙṂ ṬRÙṂ

MAHÀ VIDYA SAMBHAKṢAṆA KARA (Tác hoàn thiện Đại Minh Chú) HÙṂ ṬRÙṂ

PARAVIDYA SAMBHAKṢAṆA KARA (Tác hoàn thiện Minh Chú khác) HÙṂ ṬRÙṂ

SARVA DUṢṬANÀṂ STAMBHANA KARA (Tác trấn hộ tất cả nhóm ác) HÙṂ ṬRÙṂ

SARVA YAKṢA RAKṢASA GRAHÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KRARA (Tác tiêu diệt tất cả sự quấy nhiễu của Dạ Xoa, La Sát) HÙṂ ṬRÙṂ

CATUR A'SÌTINAṂ GRAHA SAHASRANÀṂ VIDHVAṂSANA KARA (Tác tiêu diệt 84000 Tà Ma) HÙṂ ṬRÙṂ

AṢṬA VIṂ'SATÌNAṂ NAKṢATRANÀṂ PRASÀDANA KARA (Làm cho 28 vị Tinh Tú vui vẻ) HÙṂ ṬRÙṂ

AṢṬANAṂ MAHÀ GRAHANAṂ VIDHVAṂSANA KARA (Tác tiêu diệt 8 đại Ác Tinh) HÙṂ ṬRÙṂ

RAKṢA (Ủng hộ) RAKṢA MÀṂ (Ủng hộ cho con)

Xuất Hữu Hoại Mẫu, Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu, Kim Cương Đỉnh Kế Đại Quýnh Già Mẫu, Cụ Đại Thiên Tý Mẫu, Hữu Thiên Đại Thủ Mẫu, Cụ Thập Vạn Câu Đê Mục, Bất Nhị Xí Nhiên Cụ Chủng

Tướng Kim Cương Khoan Quảng Đại Bạch Mẫu, Chủ Tể Tam Giới Trùng Vi Mẫu trong tất cả thời ủng hộ cho con, ủng hộ cho con

* * *) Ấn. Nạn vua chúa, nạn giặc cướp, nạn lửa, nạn nước, nạn thuốc độc, nạn khí giới, nạn quân binh của nước ngoài, nạn đói khát, nạn oán thù, nạn bệnh tật, nạn sét đánh, nạn chết yểu không đúng thời, nạng động đất, nạn sao băng, nạn hình phạt của quốc vương, nạn Trời, nạn Rồng, nạn sấm chớp, nạn bay trên không (Phi Không), nạn ác thú phẫn nộ.

Lại có: Thiên Ma, Long Ma, Phi Thiên Ma, Phong Thần Ma, Phi Không Ma, Tầm Hương Ma, Nghi Thần Ma, Đại Phúc Hành Ma, Thí Nghi Ma, Dạ Xoa Ma, Ngạ Quỷ Ma, Không Hành Mẫu Ma, Thực Nhục Ma, Xuất Giả Ma, Bình Đại Ma (Ma có hình như cái bình cái túi), Xú Ma (Ma hôi thối), Thân Xú Ma, Linh Khô Sấu Ma (Ma khiến cho héo gầy), Linh Vong Ma (Ma khiến cho quên lãng), Linh Điên Cuồng Ma, Linh Yểm Mỵ Ma, Linh Trấn Phục Ma, Quái Tú Ma…Trong tất cả nhóm ấy, nguyện cho con được sự an ổn tốt lành.

Lại có : Đoạt Uy Lực Quỷ, Đoạt Dung Nhan Quỷ, Thực Sản Cung Quỷ, Ẩm Huyết Quỷ, Thực Bào Thai Quỷ, Thực Nhục Quỷ, Thực Chi Quỷ (Quỷ ăn mỡ),Thực Tủy Quỷ, Thực Chi Y Quỷ (Quỷ ăn màng mỡ), Thủ Mệnh Quỷ (Quỷ cướp lấy sinh mệnh), Thực Ẩu Thổ Quỷ (Quỷ ăn thứ nôn mửa), Thực Đại Tiện Quỷ, Thực Tiểu Tiện Quỷ, Thực Khiếu Lưu Quỷ, Thực Tàn Quỷ (Quỷ ăn thừ dư thừa), Thực Thóa Quỷ (Quỷ ăn thứ khạc nhổ), Thực Thế Quỷ (Quỷ ăn nước mũi), Thực Tiên Quỷ (Quỷ ăn nước rãi), Thực Nùng Quỷ (Quỷ ăn mủ của ung nhọt), Thực Thí Thực Quỷ (Quỷ ăn thức ăn bố thí), Thực Man Quỷ (Quỷ ăn tóc), Thực Hương Khí Quỷ, Đoạt Ý Quỷ, Thực Hoa Quỷ, Thực Quả Quỷ, Thực Miêu Quỷ (Quỷ ăn cây non), Thực Thiêu Thí Quỷ (quỷ ăn thức thiêu đốt rồi cho)…Trong tất cả nhóm đó, nguyện cho con đạt được sự an ổn tốt lành.

Tất cả Minh Chú do nhóm ấy và tất cả Ma tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Biến Du Hành tạo ta. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Không Hành và Không Hành Mẫu tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chú do Đại Thú Chủ tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Vô Ái Tử tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Phi Không và hàng Chân Thật Tác tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Đại Hắc và Âm Mẫu tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Trì Nhân Đầu Khí (Cầm vật khí có đầu người) tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Linh Thắng, Tác Phong Mật, Linh Nghĩa, Cam Thành tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chú do 4 chị em Thần Nữ tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chú do Tỳ Ngật Lị Đế (Đấu Chiến Thần), Hỷ Chủ, Tật Chủ tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Vô Thiện Tĩnh tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Hoại Oán tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Nan Dục tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chú do Mật Chủ Kim Cương Thủ tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

* * * *) Kính lễ Xuất Hữu Hoại Mẫu, Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu. Ủng hộ cho con, ủng hộ cho con

Án_ Á tịch đát, nại lạt thất khát, bất la mạt, tất bất đát linh khát, tắc nại đát mạt đắc lị

Tát lạt, tát lạt _Hát nại, hát nại_Nại la, nại la_Mịch nại, mịch nại_Tần nại, tần nại_Mịch nại, mịch nại_Hồng, hồng_Phát, phát_Sa hạt

Hê hê, phát
Hòa hoà, phát
Ác mẫu ngật anh, phát
Ác bất la đế hạt đát, phát
Bất la mạt la đát, phát
Ác tu la mệnh đắc la mạt khát, phát
Tát lật mạt, đế tính quần, phát
Tát lật mạt, tính kinh quần, phát
Tát lật mạt, ác tu lị quần, phát
Tát lật mạt, ma lỗ ninh quần,phát
Tát lật mạt, cát lỗ đinh quần, phát
Tát lật mạt, hạt nại mệnh quần, phát
Tát lật mạt, tất ngật-lị nại quần, phát
Tát lật mạt, ma hòa la ninh quần, phát
Tát lật mạt, dã tắc kinh quần, phát
Tát lật mạt, la tắc ngật la tinh quần, phát
Tát lật mạt, bất lị đinh quần, phát
Tát lật mạt, mệnh chiết xưng quần, phát
Tát lật mạt, mẫu đinh quần, phát
Tát lật mạt, trảo mạt ninh lật , phát
Tát lật mạt, mạt đát đinh quần, phát
Tát lật mạt, cát đát bố đát nễ quần, phát
Tát lật mạt, tư cát ninh quần, phát
Tát lật mạt, ô ma ninh quần, phát
Tát lật mạt, tạt anh quần, phát

Tát lật mạt, ác bất tắc ma lị quần, phát
Tát lật mạt, a đát la diêu đế quần, phát
Tát lật mạt, đinh lãnh lạt ngật đinh quần, phát
Tát lật mạt, đinh lãnh tính lãnh ngật đinh quần, phát
Tát lật mạt, toát lị quần, phát
Tát lật mạt, ngật lị đát, cát la ma nễ cát qua lãnh đinh quần, phát
Ngật la nại tính đốt đát quần, phát
Tức đắc nại, bất la chiến cát, đinh nại lành đế đinh quần, phát
Đá lãnh trực bố ngật đinh quần, phát
Tát lật mạt, đế lị đề ngật quần, phát
Tát lật mạt, thất la ma nễ quần, phát
Tát lật mạt, mệnh đắc dạ nại quần, phát
Tạt gia cát la, ma đinh cát la-dã quần, phát
Tát lật mạt, ác đạt tát đát kinh quần, phát
Mịch nại dã tạt lị quần, phát
Tạt định diệt mạt ngật nễ anh quần, phát
Tát lật mạt, qua ô ma lị anh quần, phát
Mệnh đát dã la nễ anh quần, phát
Ma hạt bất la đát ngật lị quần, phát
Mạt tắc la, sơn cát lạt dã, bất la đát ngật la, la tạt dã, phát
Ma hạt cát lạt dã, ma đắc lị cát nại, nại ma tắc ngật lị đát anh, phát
Miệt chiết nại tính anh, phát
Bất la hắc mạt nễ dã, phát
Ác ngật ái nễ anh, phát
Ma hạt cát lị anh, phát
Cát lạt nại đế anh, phát
Y đắc lị anh, phát
Lãng đắc lị anh, phát
Trảo danh lị anh, phát
Bất la hột anh, phát
Tạt ma đế anh, phát
La đắc lị anh, phát
Cát lạt la đắc lị, phát
Gia ma đát đế anh, phát
Ca bát lị anh, phát
Ác đế ma ngật đế, tắc ma chiết nại, mạt tịch nại anh, phát

OṂ_ ASITA ANALA ARAKAḤ PRABHA SPHUṬA VIKACA SITÀTAPATREḤ (Quy mệnh Bạch Tản Cái với hào quang lửa màu trắng tinh phóng tỏa ánh sáng rực rỡ long lanh)

JVALA JVALA (Phóng quang)_HANA HANA (Đánh đập)_ DARA DARA (Gíang phục) _ CCHINDA CCHINDA (Cắt đứt) _ BHINDA BHINDA

(Xuyên thấu) _ CCHINDA CCHINDA (Cắt đứt) _ HÙṂ HÙṂ (Khủng bố) _ PHAṬ PHAṬ (Phá bại) _ SVÀHÀ (Thành tựu)

HE HE PHAṬ (Kêu gọi phá bại)

HO HO PHAṬ (Vui vẻ phá bại)

AMOGHÀYA PHAṬ (Bất Không Thiên Sứ phá bại)

APRATIHATÀYA PHAṬ (Phá bại không chướng ngại)

VARA PRADÀYA PHAṬ (Nguyện ban cho phá bại)

ASURA VIDRÀPAKÀ PHAṬ (Phá bại sự phá hoại của A Tu La)

SARVA DEVEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Thiên Chúng)

SARVA NÀGEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Long Chúng)

SARVA ASUREBHYAḤ (Phá bại tất cả Phi Thiên Chúng)

SARVA MARÙTEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Phong Thần Chúng)

SARVA GARUḌEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Kim Xí Điểu Chúng)

SARVA KIṂNAREBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Nghi Thần Chúng)

SARVA GANDHARVEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Tầm Hương Chúng)

SARVA MAHORAGEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Đại Phúc Hành Thần Chúng)

SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Dược Xoa Chúng)

SARVA RÀKṢASEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả La Sát Chúng)

SARVA PRETEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Ngạ Quỷ Chúng)

SARVA PI'SÀCEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Xí Trung Quỷ Chúng)

SARVA BHÙTEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Hóa Sinh Quỷ Chúng)

SARVA KUṂBHÀṆḌEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Ung Hình Quỷ Chúng)

SARVA PÙTANEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Xú Quỷ Chúng)

SARVA KAṬAPÙTANEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Kỳ Xú Quỷ Chúng)

SARVA SKANDEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Thiên Thần (vẹo môi) Quỷ Chúng)

SARVA UMÀDEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Ác Sinh Chúng)

SARVA CCHÀYEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Ảnh Quỷ Chúng)

SARVA APASMÀREBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Dương Đầu Quỷ Chúng)

SARVA AUṢṬARAKEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Lạc Đà Hình Quỷ Chúng)

SARVA DURLAṂGHÌTEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Ngộ Tưởng Quá Chúng)

SARVA DUṢPRAKṢITEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Ngộ Kiến Quá Chúng)

SARVA JVAREBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Nhiệt Ngược Quỷ Chúng)

SARVA KṚTYA KARMAṆI KAKKOLIKEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Chủng Loại Tác Nghiệp Chúng)

KIRAṆA VETÀḌEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại Khởi Thi Quỷ Chúng)

CICIṆDA (Bình Đại Ma) PRA’SAKA (Linh Khô Sấu ma) ‘SCARDITEBHYAḤ (Linh Vong Ma Chúng) PHAṬ (Phá bại)

DHURA BHUKTEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại Linh Trấn Phục Ma Chúng)

SARVA TÌRTHIKEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Ngoại Đạo Chúng)

SARVA ‘SRAMAṆEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Trì Chú Chúng)

SARVA VIDYADHÀREBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Trì Minh Chúng)

JAYA KARA (Tác Thắng) MADHU KARÀYEBHYAḤ (Tác Mật Chúng) PHAṬ (Phá bại)

SARVA ARTHA SÀDHANEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Thành Tựu Nghĩa Lợi Chúng)

VIDYACÀRYEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại Trì Chú Bác Sĩ Chúng)

CATURBHAGINÌBHYAḤ PHAṬ (Phá bại Tứ Tỷ Muội Thần Nữ Chúng)

SARVA KAUMARÌBHYAḤ PHAṬ (Phá bại Kim Cương Đồng Nữ Chúng)

VIDYARÀJEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại Minh Vương Chúng)

MAHÀ PRATYUÑGIREBHYAḤ PHAṬ (Phá bại Đại Điều Phục Chúng)

VAJRA ‘SAṄKARÀYA PRATYUṄGIRA RÀJÀYA PHAṬ (Phá bại Kim Cương Tỏa Điều Phục Vương Đẳng)

MAHÀ KÀLÀYA MÀTṚGAṆA NAMASKṚTÀYE PHAṬ (Phá bại Đại Hắc Thiên Thần , nơi kính lễ của Âm Mẫu Chúng)

VIṢṆAVÌYE PHAṬ (Phá bại Tỳ Nữu Thiên Phi Đẳng)

BRÀHMIṆIYE PHAṬ (Phá bại Phạm Thiên Phi Đẳng)

AGNÌYE PHAṬ (Phá bại Hỏa Thiên Phi Đẳng)

MAHÀ KÀLÌYE PHAṬ (Phá bại Đại Hắc Thiên Phi Đẳng)

KÀLADAṆḌÌYE PHAṬ (Phá bại Đại Quỷ Súy Hắc Áo Thần Đẳng)

INDRÌYE PHAṬ (Phá bại Đế Thích Thiên Phi Đẳng)

RAUDRÌYE PHAṬ (Phá bại Sân Nộ Thần Nữ Đẳng)

KAUMARÌYE PHAṬ (Phá bại Đồng Nữ Thần Đẳng)

VÀRAHÌYE PHAṬ (Phá bại Trư Đầu Thần Nữ Đẳng)

CÀMUṆḌÌYE PHAṬ (Phá bại Nộ Thần Nữ Đẳng)

RUDRÌYE PHAṬ (Phá bại Tự Tại Thiên Nữ Đẳng)

KÀLA RÀTRÌYE PHAṬ (Phá bại Hắc Dạ Thần Nữ Đẳng)

YAMADAṆḌÌYE PHAṬ (Phá bại Diêm Ma Quỷ Súy Thần Đẳng)

KAPÀRÌYE PHAṬ (Phá bại Độc Lâu Thần Nữ Đẳng)

ADHIMUKTIKA ‘SMA ‘SANA VÀSINÌYE PHAṬ (Phá bại Chúng Quỷ Nữ vui thích cư ngụ ở gò mả)

* * * * *) Phàm có Hữu Tình đối với Ta khởi Tâm ganh ghét nghi kỵ, khởi tâm bạo ác hay tranh đoạt uy lực.

Lại có nhóm Quỷ tranh đoạt dung nhan, nhóm Quỷ ăn Tử Cung, nhóm Quỷ ăn máu huyết, nhóm Quỷ ăn thứ giống như mỡ, nhóm Quỷ ăn thịt, nhóm Quỷ ăn mỡ, Nhóm Quỷ ăn tủy, Nhóm Quỷ ăn vỏ bào thai, nhóm Quỷ cướp đoạt sinh mệnh, nhóm Quỷ ăn thứ nôn mửa, nhóm Quỷ ăn đồ đại tiện, nhóm Quỷ ăn đồ tiểu tiện, nhóm Quỷ ăn thứ tuôn chảy từ các khiếu, nhóm Quỷ ăn thứ dư thừa, nhóm Quỷ ăn nước rãi, nhóm Quỷ ăn nước mũi, nhóm Quỷ ăn thứ khạc nhổ, nhóm Quỷ ăn mủ của

gân thịt thối nát, nhóm Quỷ ăn thứ thí thực, nhóm Quỷ ăn tóc, nhóm Quỷ ăn mùi thơm, nhóm Quỷ ăn hương, nhóm Quỷ ăn hoa, nhóm Quỷ ăn quả trái, nhóm Quỷ ăn cây non, nhóm Quỷ ăn thứ thiêu đốt rồi cho, nhóm có đủ tâm tội lỗi sai lầm, nhóm có đủ tâm oán ghét tỵ hiềm, nhóm có đủ tâm bạo ác.

Lại có nhóm Ma của hàng Trời, nhóm Ma của loài Rồng, nhóm Ma của hàng Phi Thiên, nhóm Ma của hàng Thần Gió, nhóm Ma của hàng Phi Không, nhóm Ma của hàng Tầm Hương, nhóm Ma của hàng Nghi Thần, nhóm Ma của hàng Đại Phúc Hành, nhóm Ma của hàng Thí Nghi, nhóm Ma của hàng Dạ Xoa, nhóm Ma của loài Quỷ Đói, nhóm Ma ăn thịt, nhóm Ma ăn hơi thở, nhóm Ma có hình cái túi, nhóm Ma hôi thối, nhóm Ma có thân hôi thối, nhóm Ma khiến cho bị héo gầy, nhóm Ma khiến cho bị điên cuồng, nhóm Ma khiến bị Yểm Mỵ, nhóm Ma khiến cho quên lãng, nhóm Ma của hàng Trấn Phục, nhóm Ma của hàng Không Hành Mẫu, nhóm Ma của các vì sao quái, nhóm Ma của hàng Ngục Đế, nhóm Ma của hàng Âm Mẫu Linh Hỷ, nhóm Ma của hàng Du Hàng Cụ Anh, nhóm Ma của hàng Bạt Lạt.

Lại có bệnh dịch trong 1 ngày, bệnh trong 2 ngày, bệnh trong 3 ngày, bệnh trong 4 ngày, bệnh trong 7 ngày, bệnh dịch thường xuyên, bệnh dịch không bao giờ hết, bệnh đau sói đầu, bệnh do hơi thở ra vào và theo gió khởi, bệnh theo trái mật khởi, bệnh theo đàm khởi, bệnh theo câu tập khởi, tất cả bệnh tật, bệnh của thân…Nguyện khiến tiêu trừ.

Lại có bệnh của thân thể, bệnh do ăn uống chẳng đủ, bệnh mắt, bệnh mũi, bệnh miệng, bệnh cổ, bệnh tim, bệnh cổ họng, bệnh tai, bệnh răng, bệnh nóng bức của tim, bệnh óc não, bệnh xương sườn, bệnh lóng xương ở lưng (Bối Tiết), bệnh về bụng, bệnh eo lưng, bệnh cốc đạo, bệnh bắp đùi, bệnh bắp chân, bệnh bàn tay, bệnh bàn chân, bệnh từng chi, bệnh mọi chi…Nay nguyện khiển trừ, nay nguyện ủng hộ.

Dùng **Bạch Tản Cái Phật Mẫu Kim Cương Đỉnh Kế Đại Quýnh Già Mẫu** thì trong khoảng 12 Do Tuần , các nhóm ấy đều phải đi ra khỏi nơi đó.

Xác chết đứng dậy đi, Không Hành Mẫu với các bệnh tật: Nhọt ghẻ, nhọt ngứa ngáy, nhọt đậu mùa, nhọt bệnh cùi, nhọt do da bị lạnh nứt nẻ, nhọt trĩ, nhọt do bị thiêu đốt, nhọt do bệnh lao, nhọt Diệu (?), bệnh do sợ hãi mà héo gầy, chất độc của vật báu, chất độc do hòa hợp pha chế, chất độc do ếm đối cầu đảo, nạn lửa, nạn nước, mọi tổn hoại do đấu tranh kết oán, nạn chết yểu không đúng thời.

Lại có loài Trùng Đắc-Lị Ma Bố Cát, loài Trùng Đắc Lị Lạt Đát, bò cạp độc, rắn lớn, chuột, sói, sư tử, cọp, gấu, bi, gấu chó, loài thú dưới nước, loài giống như con ruồi con nhặng… hay cướp đoạt sinh mệnh của loài khác.

Tất cả Minh Chú của Đẳng ấy, thảy đều cột trói

Tất cả uy nghi, thảy đều cột trói

Tất cả Minh Chú của loài khác, thảy đều cột trói

Tất cả Minh Chú của các loài Ma , thảy đều cột trói.

“Đát điệt tha : Án_ Ác nại linh, ác nại linh, mệnh chiết đế, mệnh chiết đế, mệnh la mạc tắc la nại lị, mạt nại mạt nại, mạt tắc la bát nễ, phát, hồng hồng, phát phát. Hồng, năng-long, mạt nại, phát_Sa hạt “

TADYATHÀ (Liền nói Chú là) OṂ (Nhiếp triệu) ANALE ANALE (Ngọn lửa Thần Linh) VI’SUDDHE VI’SUDDHE (Khiến cho thanh tịnh) VÌRA VAJRADHÀRI (Dũng Mãnh Kim Cương Trì) BANDHA BANDHA (Cột trói)

VAJRAPÀṆI (Kim Cương Thủ) PHAṬ (Phá bại) HÙṂ HÙṂ (Khủng bố hộ vệ khắp) PHAṬ PHAṬ (Phá bại) HÙṂ ṬRÙṂ (Tâm Bồ Đề xa lìa kiêu mạn) PHAṬ (Phá bại) SVÀHÀ (Thành tựu)

(Theo người dịch thì phần trên là một Dị Bản của Chú Lăng Nghiêm)

Phàm có Hành Nhân đem **Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu Dư Vô Năng Địch Đại Quýnh Già Mẫu** này, hoặc tô vẽ trên vỏ cây hoa, giấy trắng, vỏ cây rồi đeo trên cổ thì có thể cho đến lúc chết dùng độc chẳng thể hại, dùng khí giới chẳng thể hại, dùng lửa chẳng thể đốt, dùng nước chẳng thể cuốn chìm, dùng chất độc của vật báu (Bảo độc) chẳng thể bị trúng,dùng chất độc do hòa hợp chế biến (Hòa Độc) chẳng thể hại, dùng Chú Độc chẳng thể hại, Phi Thời Yểu Mệnh chẳng thể xâm phạm. Tất cả oan Ma và mọi bạn bè ác…. Với tất cả nơi đều khởi yêu thích mà kính yêu người ấy.

Lại có Hằng Hà Sa Câu Đê 8 vạn 4 ngàn Đẳng loại Kim Cương cũng ủng hộ, cứu hộ, che chở. Đẳng ấy khởi tâm yêu thích mà kính yêu người ấy.

Lại nữa trong 8 vạn 4 ngàn Đại Kiếp được Túc Mệnh Trí. Sinh ra ở Thế Gian chẳng thọ nhận làm loài Thí Nghi, La Sát, Quỷ đói, loài hôi thối, loài có thân hôi thối. Lại trong cõi Người chẳng thọ thân nghèo túng, được đầy đủ Phước Đức của vô lượng vô số hằng hà sa số Chính Giác Xuất Hữu Hoại (Buddha Bhagavan_ Phật Thế Tôn).

Lại hàng ngày thọ trì **Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu Dư Vô Năng Địch Đại Quýnh Già Mẫu** ắt chẳng hành Phạm Hạnh cũng thành Phạm Hạnh, chẳng thể Nhẫn cũng hay thành Nhẫn, chẳng thanh tĩnh ắt được thanh tĩnh, không có Giới Cận Trụ cũng được Giới Cận Trụ, chẳng giữ Trai Giới cũng thành Trai Giới.

Thiết Nĩ có nói*: "5 tội Vô Gián cũng có thể thanh tĩnh không còn sót, nghiệp chướng quá khứ thảy đều tiêu diệt*"

Nếu người nữ cầu con ắt có thể thọ trì **Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu Dư Vô Năng Địch Đại Quýnh Già Mẫu** sẽ được con cái có đầy đủ thọ mệnh, Phước Đức, uy lực. Sau khi chết vãng sinh về cõi Cực Lạc (Sukha-vatì).

Lại nữa bệnh của người, bệnh của bò, bệnh của gia súc, bệnh dịch, sự tổn hoại do bệnh tật gây ra, chiến đấu với người khác trong tất cả quân binh… ắt có thể đem **Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái Phật Mẫu Dư Vô Năng Địch Đại Quýnh Già Mẫu** này đặt trên đầu cây phướng, tác cúng dường rộng lớn. Rồi đem cây phướng này đặt trên cửa thành lớn; hoặc trong cung điện, nhà cửa; hoặc trong thôn phường , tụ lạc.Hoặc đặt cây phướng ấy trong sông, suối, nơi tịch tĩnh. Đối với **Dư Vô Năng Địch Đại Quýnh Già Mẫu** tác cúng dường rộng lớn ắt hay mau chóng khiến cho quốc thổ được an ninh, cũng hay làm an lành sự chướng ngại của bệnh dịch và sự tổn hoại do đấu tranh với tất cả quân binh của xứ khác.

1) Mạc Tắc La Bát Nễ (Vajrapàṇi_Kim Cương Thủ) Khiển Ma Ủng Hộ Chú:

Ninh đắc tha đạt: Án_ Thất đá một, mạt nại mạt nại. Ủng hộ cho con, ủng hộ cho con, sa hạt

La thất khát, la thất khát ma. Án, hồng thất đá một, mạt năng nại mạt năng nại, mạt tắc la ủng hộ cho con. La thất khát , la thất khát ma, mạt tắc la mạt nễ, hồng phát, sa hạt.

TADYATHÀ (Liền nói Chú là) OṂ (Nhiếp Triệu) ṢṬOṂ (Chủng Tử) BANDHA BANDHA (Cột trói) MAMA (Tôi, con) RAKṢA RAKṢA (Ủng hộ) SVÀHÀ (Quyết định thành tựu)

RAKṢA RAKṢA MÀMṂ (Ủng hộ, ủng hộ cho con) HÙMṂ ṢṬOṂ (Chủng tử) BANDHANI BANDHANI (Trói buộc) VAJRA (Kim Cương) MAMA RAKṢA (Ủng hộ cho con) RAKṢA (Ủng hộ).VAJRAPÀṆI (Kim Cương Thủ) HÙMṂ (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) SVÀHÀ (Quyết định thành tựu)

(ND : Bản Tây Tạng thay câu **Rakṣa rakṣa màmṃ Hùmṃ** bằng chữ **Oṃ** và thay 2 chữ **Bandhani** bằng 2 chữ **Bandha**)

2) Hằng Thường Trì Tâm Chú :

Án_ Tát lạt mạt, đát đạt yết đá, ô thất nễ chiết, ác oát lãng ngật đế ma nại đinh tạng la thất nễ

Án, nại lạt nại lạt, nại khát, nại la nại la, mịch nại la mịch nại la, tần nại tần nại, mịch nại mịch nại, hồng hồng, phát phát, sa hạt

OṂ SARVA TATHÀGATA UṢṆÌṢA (Quy mệnh tất cả Như La Đỉnh) ANÀVALOKITEC (Tuân theo sự quán chiếu) URṆATE (Bạch Hào Tướng) JVALASÌ (Quang minh)

OṂ (Nhiếp Triệu) JVALA JVALA (Phóng quang) DHAKA DHAKA (Uy quang) DARA DARA (Giáng phục) VIDARA VIDARA (Giáng phục khắp) CCHINDA CCHINDA (Cắt đứt) BHINDA BHINDA (Xuyên thấu) HÙMṂ HÙMṂ (Khủng bố) PHAṬ PHAṬ (Phá bại) SVÀHÀ (Thành tựu)

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là **Phật Đỉnh Tâm Chú**:

Namo sarva-jñāya

Oṃ_ tathāgatoṣṇīṣa (Quy mệnh Như Lai Đỉnh Kế) **anāvalokita mūrdha tejorāsī** (tuân theo sự quán chiếu ánh sáng rực rỡ ở đỉnh đầu) **hūṃ** (thành tựu)**_ jvala jvala, dhaka dhaka, vidhaka vidhaka, dara dara, vidara vidara, cchinda cchinda, bhinda bhinda, hūṃ phaṭ phaṭ svāhā**]

3) Tăng Trưởng Thân (Gần Gũi) Thân (Thể xác) Chú:

Án_ Tát lạt mạt, đát đạt yết đá, ô thất nễ chiết, hồng phát, sa hạ

OṂ SARVA TATHÀGATA UṢṆÌṢA (Quy mệnh tất cả Như Lai Đỉnh) HÙMṂ (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) SVÀHÀ (Quyết định thành tựu)

4) Nhiếp Thọ Chú :

Ninh dã đạt : Án, ác nại linh ác nại linh, khát tát mính khát tát mính, mệnh la mệnh la, tinh tinh

Tát lạt mạt mạc nại, ác nhược thất đạt nại, ác nhược thất đắc đinh

Tát lạt mạt, đát đạt yết đá, ô thất nễ chước, tịch đát đát mạt đắc lị, hồng phát, sa hạt

TADYATHÀ (Liền nói Chú là) ANALE ANALE (Ngọn lửa linh thiêng) KHASAME KHASAME (Thôi thúc tôi, thúc đẩy tôi) VAIRE VAIRE (Tinh tiến dũng mãnh) SOME SOME (Rượu bất tử, sự tốt lành)

SARVA BUDDHA ADHIṢṬHANA (Thần lực của tất cả chư Phật) ADHIṢṬATE (Gia trì)

SARVA TATHÀGATA UṢṆÌṢA SITÀTAPATRE (Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái) HÙṂ (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) SVÀHÀ (Quyết định thành tựu)

5) Kiên Giáp Chú :

Hồng, ma ma, hồng, nễ, sa hạt

HÙṂ (Tâm Bồ Đề) MAMA HÙṂ (Hộ vệ cho con) NI (Tướng tốt đẹp) SVÀHÀ (Quyết định thành tựu)

Nếu tác Minh (Vidya) tu tập đủ thì hết thảy hàng Long Vương (Nàgaràja) sẽ y theo Thời tuôn mưa. Các Đấng Chính Giác (Phật , Bồ Đề Mãnh Thức (Bồ Tát), Trời với Phi Thiên, loài Người, hàng Tầm Hương, tất cả Thế Gian… đều rất vui vẻ. Ở trước nơi Đức Xuất Hữu Hoại giảng nói, thảy đều khen ngợi.

PHẬT THUYẾT ĐẠI BẠCH TẢN CÁI TỔNG TRÌ ĐÀ LA NI KINH

(Hết)

15/02/2010

PHẬT THUYẾT ĐẠI BẠCH TẢN CÁI TỔNG TRÌ ĐÀ LA NI KINH

Hán dịch: Đời Nguyên _Nước Thiên Trúc: TUẤN BIỆN Đại Sư cùng với Dịch Chủ Tăng là nhóm CHÂN TRÍ dịch.
Tạng văn: Tây Khang NẶC NA Hô Đồ Khắc Đồ
Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH.

Kính lễ tất cả Thượng Sư tối diệu.

Phàm muốn tu tập BẠCH TẢN CÁI PHẬT MẪU thì ở trong phòng thất vắng lặng,ngồi trên cái chăn mềm ấm,sau đó phát nguyện: "**Vì tất cả hữu tình đang luân hồi trong 6 nẻo,khiến cho họ được giải thoát.Nguyện cho con thành Cứu Cánh Chính Giác**".Phát nguyện xong hướng lên không trung tưởng Bạch Tản Cái Phật hội.Ngay nơi ấy dùng Tâm chân thật niệm TAM QUY xong thì Phật hội tan dần thành ánh sáng rực rỡ nhập vào thân tâm của mình rồi thân mình hoá thành ánh sáng.Sau đó niệm chú SA BA OÁT (Svabhàva Mantra _ Thần Chú Tự Tính),tưởng tất cả đều trống rỗng ('Sùnya_ Không). Nơi cái KHÔNG ấy,tưởng chữ ÁN (ॐ _ OṂ) màu trắng ở trên hoa sen trong vành trăng.Chữ ÁN phóng ánh sáng toả ra rồi quay trở lại,chủng tự biến thành cái lọng trắng cán vàng,trên cán có chữ ÁN.Chữ đó phóng ánh sáng toả ra rồi quay trở lại, chủng tự biến thành BẠCH TẢN CÁI PHẬT MẪU: một mặt, hai tay, đủ ba mắt, ngồi theo thế Kim Cương Già Phu,tay phải tác Vô Bố Úy ấn,tay trái cầm cái lọng trắng đặt ngang ngực, nghiêm sức bằng mọi thứ anh lạc, thân màu trắng tinh khiết như ánh mặt trời soi trên núi tuyết, tướng vui vẻ, hiển VÔ TỰ TÍNH. Nên quán như hình tượng ở trong gương.

Khi muốn tụng Chú thì ngay trong trái tim của mình,trong vành trăng trên hoa sen có Tâm Chú với nhóm Tổng Trì dài ngắn vây quanh chữ ÁN. Nơi đấy phóng ra ánh sáng khiến trừ tất cả tội chướng với sự gián đoạn của Ta và Người khác.Tưởng xong ,sau đó tán tụng.

*)TỊNH TAM NGHIỆP CHÂN NGÔN:

OṂ_ SVABHÀVA 'SUDDHA SARVA DHARMAḤ SVABHÀVA VI'SUDDHOHAṂ

Kính lễ TAM BẢO TỐI THƯỢNG.

Như vậy tôi nghe, một thời Đức XUẤT HỮU HOẠI (Bhagavàn_ Thế Tôn) trú ở Thiện Pháp Diệu Hảo của cõi Tam Thập Tam Thiên là nơi cư ngụ của chư Thiên cùng với Đại tỳ kheo, Đại Bồ Đề Mãnh Thức, vua Trời Đế Thích và đồ chúng cùng tập hội.Bấy giờ Đức XUẤT HỮU HOẠI ngồi trên toà sen nhập vào Tam muội PHỔ QUÁN ĐỈNH KẾ,đột nhiên từ trong đỉnh kế của Đức XUẤT HỮU HOẠI hiện ra Hành Pháp Mật Chú Tổng Trì như sau:

Kính lễ Chính Giác với tất cả Bồ Đề Mãnh Thức.

Kính lễ Đại chúng.

Kính lễ bảy câu đê Chân Thật Cứu Cánh Chính Giác với hàng Đại chúng Thanh Văn.

Kính lễ tất cả Đẳng Thế Gian Hoại Oán.

Kính lễ tất cả Đẳng Thuận Lưu.

Kính lễ tất cả Đẳng Nhất Lai.

Kính lễ tất cả Đẳng Bất Hoàn.

Kính lễ tất cả Đẳng Thế Gian Chân Thật Siêu Việt.

Kính lễ tất cả Đẳng Nhập Thật.

Kính lễ Chú Trớ với năng lực gia hộ của Đẳng Đại Tiên.

Kính lễ Đẳng Trì Tụng Minh Chú được thành tựu.

Kính lễ Tịnh Phạm.

Kính lễ Đế Thích.

Kính lễ Khẩn Uy Cụ Mỹ hay đẩy lui người chủ về khổ hạnh.

Kính lễ Cụ Mỹ Nghiêm Ngũ Thủ Ấn,là nơi quy kính của Vô Ái Tử.

Kính lễ Cụ Mỹ hay tồi hoại ba tầng cung thành,trú ngụ nơi gò mả,là nơi quy kính của tất cả Âm Mẫu.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI NHƯ LAI CHỦNG PHẬT.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI LIÊN HOA CHỦNG PHẬT.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI KIM CƯƠNG CHỦNG PHẬT.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI BẢO CHÂU CHỦNG PHẬT.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI ĐẠI TƯỢNG CHỦNG PHẬT.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI DIỆU ĐỒNG CHỦNG PHẬT.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI LONG CHỦNG PHẬT.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri DŨNG BỘ CỐ KHÍ GIỚI VƯƠNG Phật.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri VÔ LƯỢNG QUANG Phật.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri BẤT ĐỘNG Phật.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG VƯƠNG Phật.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri SA LA CHỦ VƯƠNG Phật.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri HOA BẢO VIÊN MÃN Phật.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri THÍCH CA MÂU NI Phật.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri BẢO THƯỢNG VƯƠNG Phật.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri TỐI DIỆU PHỔ HIỀN Phật.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri CHÚNG MINH CHỦ Phật.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri MỤC VIÊN MÃN Ô BA LẠP HƯƠNG THƯỢNG VƯƠNG Phật.

Kính lễ các Đẳng ấy xong.

Dùng XUẤT HỮU HOẠI MẪU , Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất BẠCH TẢN CÁI PHẬT MẪU ,DƯ VÔ NĂNG ĐỊCH ĐẠI QUÝNH GIÀ MẪU, quyết đoạn tất cả Tà Ma ăn hơi thở ra vào.

Cũng hay quyết đoạn tất cả Minh Chú của các loài khác.

Cũng hay ngăn che sự chết yểu phi thời.

Cũng hay khiến Hữu Tình giải thoát tất cả sự cột trói.

Cũng hay ngăn che sự ghét bỏ nghi ngờ, ác mộng.

Cũng hay phá nát tám vạn bốn ngàn Tà Ma.

Cũng hay làm cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ.

Cũng hay chiết phục tám vị Đại Phòng Tú.

Cũng hay ngăn che tất cả oán thù.

Cũng hay tồi hoại sự tối cực bạo ác,tất cả sự ghét bỏ nghi ngờ,ác mộng.

Cũng hay cứu độ nạn về thuốc độc,khí giới nước lửa,.

*) Vô Hữu Năng Địch Đại Khẩn Mẫu.

Đại xuyết Phác Mẫu,Đại Lực Mẫu.

Đại Xí Nhiên Mẫu Đại uy Lực.

Đại Bạch Tản Mẫu, Đại lực Mẫu.

Xí Nhiên Giải Anh Bạch Y Mẫu.

Thánh Cứu Độ Mẫu , Cụ Sân Nộ.

Thắng Thế Kim Cương xưng niệm châu.

Liên Hoa Chiêu Minh Kim Cương Danh.

Vô Hữu Năng Địch Cụ Niệm Châu.

Kim Cương Tường Đẳng Tồi Hoại Mẫu.

Nhu Thiện Phật Đẳng Cúng Dường Mẫu.

Nhu Tướng Uy Lực cụ Đại Mẫu.

Thánh Cứu Độ Mẫu ,Đại Lực Mẫu.

Bất Một Kim Cương,Thiết Đỉnh Mẫu.

Kim Cương Thiếu Đồng Trì Chủng Mẫu.

Kim Cương Thủ Chủng Kim Niệm Châu.

Đại Xích Sắc với Bảo Châu Mẫu.

Chủng Minh Kim Cương Xưng Đỉnh Kế.

Chủng Tướng Yểu Điệu Kim Cương Mẫu.

Như Kim Sắc Quang Cụ Nhãn Mẫu.

Kim Cương Chúc với Bạch Sắc Mẫu.

Liên Hoa Nhãn với Nguyệt Quang Mẫu.

Vì tất cả lực của Thủ Ấn nhóm tụ cho nên nay ủng hộ cho con,ủng hộ cho con với các chúng sinh.

OṂ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRE HÙṂ ṬRUṂ HRÌḤ ṢṬOṂ.

JAMBHANA KARI HÙṂ ṬRUṂ HRÌḤ ṢṬOṂ.

STAMBHANA KARI HÙṂ ṬRUṂ HRÌḤ ṢṬOṂ.
MOHANA KARI HÙṂ ṬRUṂ HRÌḤ ṢṬOṂ.
LAMBHANA KARI HÙṂ ṬRUṂ HRÌḤ ṢṬOṂ.
MABHANA KARI HÙṂ ṬRUṂ HRÌḤ ṢṬOṂ.
PARAVI ṢABHAKSANA KARI (? PARAVIDYA SAṂBHAKṢANA KARI) HÙṂ ṬRUṂ HRÌḤ ṢṬOṂ.
SARVA DUṢṬÀ PRADUṢṬAṆÀM STAMBHANA KARI HÙṂ ṬRUṂ HRÌḤ ṢṬOṂ.
SARVA YAKṢASA (?YAKṢA RÀKṢASA) GRAHAṆÀM VIDHVAṂSANA KARI HÙṂ ṬRUṂ HRÌḤ ṢṬOṂ.
SARVA PARAVITYÀ (? PARAVIDYA) CCHEDANA KARI HÙṂ ṬRUṂ HRÌḤ ṢṬOṂ.
CATUR A'SITÌNÀṂ GRAHA SAHASRANÀṂ VIDHVAṂSANA KARI HÙṂ ṬRUṂ HRÌḤ ṢṬOṂ.
AṢṬA VI'SATINAṂ (? AṢṬA VIṂ'SATÌNÀṂ) NAKṢATRANÀṂ PRASÀDANA KARI HÙṂ ṬRUṂ HRÌḤ ṢṬOṂ.
AṢṬANÀṂ MAHÀ GRAHANÀM VIDHVAṂSANA KARI HÙṂ ṬRUṂ HRÌḤ ṢṬOṂ.
RAKṢA RAKṢA MÀṂ SARVA SATVAṂSCA. (?SARVA SATVÀNÀṂCA)

Xuất Hữu Hoại Mẫu, Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu , Kim Cương Đỉnh Kế Quýnh Già Mẫu, Cụ Thiên Thủ Thánh Mẫu,Thiên Diện Thánh Mẫu,Bách Thiên Vạn Nhãn Thánh Mẫu, Bất Nhị Xí Nhiên Cụ Chủng Tướng Kim Cương Khoan Quảng Đại Bạch Mẫu, Chủ Tể Tam Giới Trùng Vi Mẫu.Trong tất cả Thời ủng hộ cho con với các chúng sinh thường được an ổn.

Chủng Tướng Yểu Điệu Kim Cương Mẫu, Như Kim Sắc Quang Nhãn Mẫu, Kim Cương Chúc, Bạch Sắc Mẫu, Liên Hoa Nhãn, Nguyệt Quang Mẫu, Liên Hoa Chiêu Minh, Kim Cương Danh, Kim Cương Thiếu Đồng Trì Chủng Mẫu, tất cả chư Phật.Vì tất cả lực của Thủ Ấn, Chân Ngôn nhóm tụ cho nên nay ủng hộ cho con với các chúng sinh.

OṂ RIṢIGAṆA (? ṚṢÌGAṆA) PRA'SÀTÀ (? PRA'SASTA) SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRE HÙṂ ṬRUṂ.
JAMBHANA KARI HÙṂ ṬRUṂ.
STAMBHANA KARI HÙṂ ṬRUṂ.
MAHÀ VIDYÀ SAṂBHAKṢANA KARI HÙṂ ṬRUṂ.
PARAVIDYÀ SAṂBHAKṢANA KARI HÙṂ ṬRUṂ.
SARVA DUṢṬAṆÀM STAMBHANA KARI HÙṂ ṬRUṂ.
SARVA YAKṢA RAKṢASA GRAHÀṆÀṂ VIDHVAṂSANA KARI HÙṂ ṬRUṂ.
CATUR A'SITÌṆÀṂ GRAHA SAHASRAṆÀṂ VIDHVAṂSANA KARI HÙṂ ṬRUṂ.
AṢṬA VI'SATÌNÀṂ (? AṢṬA VIṂ'SATÌNÀṂ) NAKṢATRÀNÀṂ PRASÀDANA KARI HÙṂ ṬRUṂ.

AṢṬANÀṂ MAHÀ GRAHÀṆÀṂ VIDHVAṂSANA KARI HÙṂ ṬRUṂ.

HÙṂ HÙṂ PHAṬ PHAṬ.

RAKṢA RAKṢA MÀṂ SVÀHÀ.

Xuất Hữu Hoại Mẫu, Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu, Kim Cương Đỉnh Kế Đại Quýnh Già Mẫu, Cụ Thiên Thủ Thánh Mẫu, Thiên Diện Thánh Mẫu, Bách Thiên Vạn Nhãn Thánh Mẫu, Bất Nhị Xí Nhiên Cụ Chủng Tướng Kim Cương Khoan Quảng Đại Bạch Mẫu, Chủ Tể Tam Giới Trùng Vi Mẫu.

Con với các chúng sinh gặp các nạn vua chúa, nạn trộm cướp, nạn lửa, nạn nước, nạn thuốc độc, nạn khí giới, nạn quân binh, nạn đói khát, nạn oán thù, nạn bệnh dịch, nạn sét đánh thình lình, nạn chết yểu phi thời, nạn động đất, nạn sao băng, nạn vua chúa trừng phạt, nạn chư Thiên hại, nạn Rồng hại, nạn sấm sét, nạn do hàng Hư Không Hành gây ra, nạn thú dữ, nạn giận dữ...

Lại gặp: ma của hàng Thiên, ma của hàng Rồng, ma của hàng Phi Thiên, ma của hàng Thần Gió, ma của hàng Phi Không (bay trên hư không) , ma của hàng Tầm Hương,ma của hàng Nghi Thần, ma của hàng Đại Phúc Hành, ma của hàng Thí Đắc, ma của hàng Dạ Xoa, ma của hàng Ngạ Quỷ,ma của hàng Không Hành Mẫu, ma ăn thịt, ma ăn hơi thở ra vào, ma có hình cái bình cái túi, ma hôi thối, ma có thân hình hôi thối, ma khiến cho héo gầy, ma hay trù yếm, ma khiến bị điên cuồng, ma khiến cho quên lãng, ma khiến bị trấn phục, ma của vị Sao quái.....Trong tất cả các nạn ấy nguyện cho con được an ổn tốt lành.

Lại có: Quỷ đoạt uy lực, Quỷ đoạt dung nhan, Quỷ ăn tử cung, Quỷ uống máu, Quỷ ăn bào thai, Quỷ ăn thịt, Quỷ ăn mỡ, Quỷ ăn tủy, Quỷ ăn da ngón tay, Quỷ cướp đoạt mạng sống, Quỷ ăn thứ nôn mửa, Quỷ ăn đồ đại tiện, Quỷ ăn đồ tiểu tiện, Quỷ ăn thứ tuôn chảy từ các khiếu, Quỷ ăn thứ dư thừa, Quỷ ăn thứ khạc nhổ, Quỷ ăn mủ của gân thịt thối nát, Quỷ ăn nước rãi, Quỷ ăn nước mũi, Quỷ ăn đồ thí thực, Quỷ ăn tóc, Quỷ ăn hương, Quỷ ăn mùi hương, Quỷ đoạt ý, Quỷ ăn hoa, Quỷ ăn quả trái, Quỷ ăn cây non...Trong tất cả hàng ấy,nguyện cho con được an ổn tốt lành.

Các Minh Chú do các loài Quỷ và tất cả loài Ma nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Không Hành và Không Hành Mẫu nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do Đại Thú Chủ nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Vô Ái Tử nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Phi Hành và Chân Thật Tác nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Đại Hắc và Âm Mẫu nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Trì Nhân Đầu Khí nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Linh Thắng, Tác Phong Mật,Linh Nghĩa, Cam,Thành nói...

dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do 4 chị em Thần Nữ nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do Tất Ly Kê Ly Đề, Hỷ Chủ và Tập Chủ nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Vô Thiện Tĩnh nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Nan Dục nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dúng chày đánh phạt.

Minh Chú do Mật Chủ Kim Cương Thủ nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI MẪU, NHẤT THIẾT NHƯ LAI ĐỈNH KẾ TRUNG XUẤT BẠCH TẢN CÁI PHẬT MẪU Hãy ủng hộ cho con,ủng hộ cho con với các chúng sinh.

OṂ ASITA ANALÀRKA PRABHA SPUṬAVIKA (? SPHUṬA VIKACA) SITÀTAPATRE.

OṂ JVALA JVALA KHÀDA KHÀDA HANA HANA DAHA DAHA DARA DARA VIDARA VIDARA CCHINDA CCHINDA BHINDA BHINDA HÙMṂ PHAṬ.

AMOGHA PHAṬ.
APRATIHATÀYA PHAṬ.
VARADÀYA PHAṬ.
VARAPRATÀYA (? VARA PRADÀYA) PHAṬ.
PRATYASGIRÀTÀYA (? PRATYUṄGÌRÀYA) PHAṬ.
ASURA VIDRAVAṆA KARÀYA (? VIDARA PÀKÀYA) PHAṬ.
PARAVIDRAVAṆA KARÀYA (? PARAVIDARA PÀKÀYA) PHAṬ.
SARVA DEVEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA NAGEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA RAKṢASEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA BHÙTEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA PRETEBHYAḤ PHAṬ
SARVA PE'SACEBHYAḤ (?PI'SÀCEBHYAḤ) PHAT.
SARVA KUMBHAṆḌEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA PÙTANAMṂ BHYAḤ (? PUTANEBHYAḤ) PHAṬ.
SARVA KHAṬAPÙTANEBHYAḤ (?KAṬAPUTANEBHYAḤ) PHAṬ.
SARVA SKANDEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA UMMÀDEBHYAḤ (? UNMÀDEBHYAḤ) PHAṬ.
SARVA CCHÀYEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA APÀSMAREBHYAḤ PHAṬ.

SARVA OSTARAKEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA ḌÀKIṆÌBHYAḤ PHAṬ.
SARVA REVATÌBHYAḤ PHAṬ.
SARVA YANAYEBHYAḤ (?YAMÀYEBHYAḤ) PHAṬ.
SARVA ‘SAKUNIBHYAḤ PHAṬ.
SARVA TREGAṆEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA KAMPÙKIMANIBHYAḤ (? KÀMBOJINÌBHYAḤ) PHAṬ.
SARVA ALAṂBAKEBHYAḤ (? LAMBIKEBHYAḤ) PHAṬ.
SARVA KATADANIBHYAḤ (? KAṆṬAPÀNÌBHYAḤ) PHAṬ.
SARVA GANDEBHYAḤ (?GANDHEBHYAḤ) PHAṬ.
SARVA GANDÀRVEBHYAḤ (? GANDHARVEBHYAḤ) PHAṬ.
SARVA ASUREBHYAḤ PHAṬ.
SARVA KINNAREBHYAḤ PHAṬ.
SARVA GARUḌREBHYAḤ (?GARUḌEBHYAḤ) PHAṬ.
SARVA MAHORAGEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA DURLAṂGÌTEBHYAḤ (?DURLAṂGHYEBHYAḤ) PHAṬ.
SARVA DUPRAKṢITEBHYAḤ (? DUṢPREBHYAḤ) PHAṬ.
SARVA JVAREBHYAḤ PHAṬ.
SARVA BHAYEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA UPADRAVEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA UPASARGEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA KRITYA KARMAṆI KÀKHORDEBHYAḤ PHAṬ.
KIRAṆA VETÀḌEBHYAḤ PHAṬ.
CICCHA PRE’SÀKA SARVA TU’SCARDETEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA DURU BHUKTEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA TÌRTHIKEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA ‘SRAMAṆIBHYAḤ (? ‘SRAMAṆEBHYAḤ) PHAṬ.
SARVA PÀTAKEBHYAḤ PHAṬ.
SARVA VIDYÀDHAREBHYAḤ PHAṬ.

JAYA KAMARA DHUKARA SARVA ARTHASADHAKEBHYO VIDYÀ CAREBHYAḤ (? SARVA JAYAKARA MADHUKARA SARVÀRTHA SÀDHANEBHYAḤ VIDYACÀRYEBHYAḤ) PHAṬ.

CATURBHYO BHAGENIBHYAḤ (?CATUR BHAGINÌBHYAḤ) PHAṬ.

VAJRA KORÀNÌ (?VAJRA KAUMÀRI) VAJRA KULANDHARI VIDYÀCARYEBHYAḤ PHAṬ.

SARVA MAHÀ PRATYAṂGIREBHYAḤ (?MAHÀ PRATYUṄGÌREBHYAḤ) PHAṬ.

VAJRA ‘SAṂKALAYA PRATYAṂGIRE RÀJAYA (?VAJRA ‘SAṄKARÀYA PRATYUṄGÌRA RÀJAYA) PHAṬ.

MAHÀ KÀLÀYA MÀTYEKAṆA NAMASKRITÀYE (?MAHÀ KÀLÀYA MÀTṚGAṆÀYA NAMASKṚTÀYA) PHAṬ.

BRAHMAṆÌYE PHAṬ.
VIṢṆAVÌYE PHAṬ.
MAHÀ ‘SRARÌYE PHAṬ.
RODRÌYE (? RUDRÌYE) PHAṬ.
MAHÀ KÀLÌYE PHAṬ.
CAMUṆḌÌYE PHAṬ.
KOMARÌYE (? KAUMÀRÌYE) PHAṬ.
VÀRÀHÌYE PHAṬ.
INDRAYE PHAṬ.
AKNÀYE (? AGNÌYE) PHAṬ.
YAMÀYE PHAṬ
NIRÌDIYE (? AINDRÌYE) PHAṬ.
VARUṆYE PHAṬ
MARUDÌYE PHAṬ
SOMAYE PHAṬ
I’SANÌYE PHAṬ
KÀLADAṆDÌYE PHAṬ
KÀLARÀTRÌYE PHAṬ
YAMADAṆDÌYE PHAṬ
RODRÌYE (? RAUDRÌYE) PHAṬ
KAPÀLIYE PHAṬ
ADHIMUKHE ‘SMA’SÀNA SINÌYE (? ADHIMUKTIKA ‘SMA ‘SANA VASINÌYE) PHAṬ
OṂ ṢṬOṂ BANDHA BANDHA RAKṢA RAKṢA MAṂ SVÀHÀ.

Phàm có Hữu Tình đối với ta khởi Tâm ganh ghét hoài nghi, Tâm bạo ác hoặc hay tranh đoạt uy lực.

Lại có: nhóm Quỷ đoạt dung nhan, nhóm Quỷ ăn tử cung, nhóm Quỷ ăn máu, nhóm Quỷ ăn thứ giống như mỡ, nhóm Quỷ ăn thịt, nhóm Quỷ ăn mỡ, nhóm Quỷ ăn tủy, nhóm Quỷ ăn vỏ bào thai, nhóm Quỷ cướp đoạt sinh mạng, nhóm Quỷ ăn thứ nôn mửa, nhóm Quỷ ăn đồ đại tiện, nhóm Quỷ ăn đồ tiểu tiện, nhóm Quỷ ăn thứ tuôn chảy từ các khiếu, nhóm Quỷ ăn thứ dư thừa, nhóm Quỷ ăn nước rãi, nhóm Quỷ ăn nước mũi, nhóm Quỷ ăn thứ khạc nhổ, nhóm Quỷ ăn mủ của gân thịt thối nát, nhóm Quỷ ăn thức thí thực, nhóm Quỷ ăn tóc, nhóm Quỷ ăn hương, nhóm Quỷ ăn mùi hương, nhóm Quỷ ăn hoa, nhóm Quỷ ăn quả trái, nhóm Quỷ ăn cây non, nhóm Quỷ ăn thức thiêu đốt rồi cho, nhóm có đầy đủ Tâm tội lỗi sai lầm, nhóm có đủ Tâm oán ghét tị hiềm.

Lại có nhóm ma của hàng Trời, nhóm ma của hàng Rồng, nhóm ma của hàng Phi Thiên, nhóm ma của hàng Thần Gió, nhóm ma của hàng bay trên không (Phi Không), nhóm ma của hàng Tầm Hương, nhóm ma của hàng Nghi Thần, nhóm ma của hàng Đại Phúc Hành, nhóm ma của hàng Thí Đắc, nhóm ma của hàng Dạ Xoa, nhóm ma của hàng Ngạ Quỷ, nhóm ma ăn thịt, nhóm ma ăn hơi thở ra vào, nhóm ma có hình cái bình cái túi, nhóm ma hôi thối, nhóm ma có thân hình hôi thối, nhóm ma khiến bị héo gầy, nhóm ma khiến bị điên cuồng, nhóm ma khiến bị ếm

đối, nhóm ma khiến cho quên lãng, nhóm ma của hàng Trấn Phục, nhóm ma của hàng Không Hành Mẫu, nhóm ma của các vì Sao quái, nhóm ma của hàng Ngục Đế, nhóm ma của hàng Âm Mẫu và Linh Hỷ, nhóm ma của hàng Biến Du Hành Cụ Anh, nhóm ma Bạt Lạt.

Lại có: bệnh dịch trong một ngày,bệnh trong hai ngày, bệnh trong ba ngày, bệnh trong bốn ngày, bệnh trong bảy ngày,bệnh dịch thường xuyên,bệnh dịch không bao giờ hết,bệnh đau sói đầu,bệnh do hơi thở ra vào,bệnh theo gió khởi,bệnh theo trái mật khởi,bệnh theo đàm khởi, bệnh theo câu tập khởi, tất cả bệnh tật,bệnh của thân.....Tất cả đẳng ấy nguyện khiến khiển trừ.

Lại có: bệnh của thân thể,bệnh chẳng đủ ăn uống, bệnh mắt, bệnh mũi, bệnh phiá sau cổ, bệnh miệng, bệnh tim, bệnh yết hầu, bệnh lỗ tai, bệnh răng, bệnh nhiệt não của tim, bệnh óc não, bệnh xương sườn, bệnh ngón tay ngón chân, bệnh của bụng, bệnh eo lưng, bệnh bắp chân, bệnh bàn tay, bệnh bàn chân, bệnh của tay chân....Nay nguyện miễn trừ. Nay nguyện ủng hộ.

Dùng Đại Bạch Tản Cái Phật Mẫu, Kim Cương Đỉnh Kế Đại Quýnh Già Mẫu thì trong khoảng 12 do tuần,các hàng ấy đều phải xuất ra.

Xác chết đứng dậy đi, hàng Không Hành Mẫu với các bệnh tật: nhọt ghẻ, nhọt ngứa ngáy, nhọt đậu mùa, nhọt bệnh hủi, nhọt do da bị lạnh nứt nẻ, nhọt trĩ, nhọt do bị đốt, nhọt do bệnh lao, nhọt Diệu(?). Lại nữa, bệnh do sợ hãi héo gầy, thuốc độc do hoà hợp các thứ độc, thứ độc do ếm đối cầu đảo, nạn lửa, nạn nước, nạn tổn hoại do kết oán đấu tranh, nạn chết yểu phi thời.

Lại có: loài trùng ĐẠT LẠT MA BÔ CÁT, loài trùng ĐẮC HÔ LẠP ĐỒNG, bò cạp độc, rắn độc, chuột dữ tợn tàn nhẫn, sư tử, cọp, gấu, bi, gấu dữ, thú dưới nước với loài giống như con ruồi, con nhặng...hay cướp đoạt tính mệnh của loài khác.

Tất cả Minh Chú của hàng ấy thảy đều cột trói.

tất cả uy nghi, thảy đều cột trói.

Tất cả Minh Chú của hàng khác,thảy đều cột trói.

Tất cả Minh Chú của ma,thảy đều nguyện khiến cột trói.

TADYATHÀ : OṂ ANALE ANALE KHASAME KHASAME VAIRE VAIRE SOME SOME 'SANTA 'SANTA DÀNTE DÀNTE VIṢADE VIṢADE VÌRI VÌRI DEVI VAJRADHÀRI BANDHA BANDHANI VAJRAPÀṆI PHAṬ.

OṂ HÙṂ HÙṂ ṬRUṂ ṢṬOṂ PHAṬ SVÀHÀ. HÙṂ ṬRUṂ BANDHA PHAṬ VADAGALA 'SRUTA 'SIG SVÀHÀ.

OṂ VAJRAPÀṆI BANDHA BANDHA VAJRA PRA'SENA MAMA SARVA DUṢṬOṂ VINAYAKA HÙṂ HÙṂ PHAṬ PHAṬ SVÀHÀ.

Phàm có Hành Nhân đem NHẤT THIẾT NHƯ LAI ĐỈNH KẾ TRUNG XUẤT BẠCH TẢN CÁI PHẬT MẪU , DƯ VÔ NĂNG ĐỊCH ĐẠI QUÝNH GIÀ MẪU hoặc tô vẽ trên vỏ cây hoa, giấy trắng,vỏ cây rồi đeo trên cổ thì có thể đến lúc chết dùng độc chẳng thể hại, dùng khí giới chẳng thể hại, dùng lửa chẳng thể đốt, dùng nước chẳng thể cuốn chìm, dùng thứ thực độc chẳng bị trúng, dùng thứ hoà hợp độc chẳng thể hại, dùng chú độc chẳng thể hại, sự chết yểu phi thời chẳng thể

xâm phạm. Tất cả Oan Ma, mọi bạn ác và tất cả nơi đều khởi vui thích mà kính yêu người đó.

Lại có hằng sa câu đê tám vạn bốn ngàn đẳng Kim Cương đều ủng hộ, cứu hộ, che chở và khởi ý vui thích mà kính yêu người đó.

Lại nữa,trong bốn ngàn đại kiếp chẳng thọ thân làm loài Thí Đắc, loài La Sát, loài Ngạ Quỷ, loài Xú Quỷ, loài thân Xú Quỷ. Lại chẳng thọ thân nghèo hèn trong cõi người, được gặp đầy đủ vô lượng vô số hằng hà sa số bậc Chính Giác,được phước lộc của Đức XUẤT HỮU HOẠI.

Lại nữa,hằng thọ trì NHẤT THIẾT NHƯ LAI ĐỈNH KẾ TRUNG XUẤT BẠCH TẢN CÁI PHẬT MẪU, DƯ VÔ NĂNG ĐỊCH ĐẠI QUÝNH GIÀ MẪU tức chẳng hành Phạm Hạnh cũng thành Phạm Hạnh,chẳng có thể Nhẫn ắt cũng hay thành Nhẫn,chẳng thanh tịnh ắt được thanh tịnh,không có giới CẬN TRỤ cũng được giới Cận Trụ, chẳng giữ Trai Giới cũng thành Trai Giới.

THIẾT NI có nói: "Năm tội Vô Gián ắt có thể thanh tĩnh không sót. Mọi nghiệp chướng bị cảm ứng sau khi chết ắt được tiêu diệt hết".

Nếu người nữ muốn cầu con thì có thể thọ trì NHẤT THIẾT NHƯ LAI ĐỈNH KẾ TRUNG XUẤT BẠCH TẢN CÁI PHẬT MẪU, DƯ VÔ NĂNG ĐỊCH ĐẠI QUÝNH GIÀ MẪU ắt sẽ được đứa con có đầy đủ thọ mệnh, phước đức, uy lực. Sau khi chết vãng sinh về Thế Giới Cực Lạc.

Lại nữa bệnh của người, bệnh của bò, bệnh của gia súc, bệnh dịch, sự tổn hoại gây ra do tật hạn, chiến đấu với người khác, hoặc trong tất cả quân binh ắt có thể dùng NHẤT THIẾT NHƯ LAI ĐỈNH KẾ TRUNG XUẤT BẠCH TẢN CÁI PHẬT MẪU, DƯ VÔ NĂNG ĐỊCH ĐẠI QUÝNH GIÀ MẪU an trí ở đỉnh cây phướng, tác Pháp cúng dường rộng lớn. Xong đem cây phướng đặt trên cửa thành lớn,hoặc trong cung điện, nhà ở, thôn, phường, tụ lạc hoặc đặt cây phướng trong sông suối hay chỗ tịch tĩnh. Tác cúng dường rộng lớn nơi DƯ VÔ NĂNG ĐỊCH ĐẠI QUÝNH GIÀ MẪU ắt có thể trong phút chốc sẽ an ổn được quốc giới cũng có thể làm an lành các hạn tật dịch, sự tổn hại do đấu tranh với người khác hay bị quân binh vây hãm.

*)PHẪN NỘ KIM CƯƠNG KHIỂN MA ỦNG HỘ CHÚ:

TADYATHÀ: OṂ ṢṬOṂ BANDHA BANDHA MAMA RAKṢA RAKṢA SVÀHÀ.

OṂ ṢṬOṂ BANDHA BANDHA VAJRA MAMA RAKṢA RAKṢA VAJRAPÀṆI HÙṂ PHAṬ

*) HẰNG THƯỜNG TRÌ TÂM CHÚ:

OṂ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA ANALE AVALOKITEC URṆATE JVARASÌ.

OṂ JVALA JVALA DHAKA DHAKA DARA DARA VIDARA VIDARA CCHINDHA CCHINDHA BHINDHA BHINDHA HÙṂ HÙṂ PHAṬ PHAṬ SVÀHÀ.

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là **Phật Đỉnh Tâm Chú**:

Namo sarva-jñāya

Oṃ_ tathāgatoṣṇīṣa (Quy mệnh Như Lai Đỉnh Kế) **anāvalokita mūrdha tejorāsī** (tuân theo sự quán chiếu ánh sáng rực rỡ ở đỉnh đầu) **hūṃ** (thành tựu)**_ jvala jvala, dhaka dhaka, vidhaka vidhaka, dara dara, vidara vidara, cchinda cchinda, bhinda bhinda, hūṃ phaṭ phaṭ svāhā**]

*) TĂNG TRƯỞNG THÂN (thể xác) THÂN (gần gũi) TÂM CHÚ:

OṂ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA HÙṂ PHAṬ SVÀHÀ.

*) NHIẾP THỤ CHÚ:

TADYATHÀ: OṂ ANALE ANALE KHASAMI KHASAMI VAIRE VAIRE SOME SOME SARVA BUDDHA ADHIṢṬHANA ADHIṢṬHATE SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRE HÙṂ PHAṬ.

*) KIÊN GIÁP CHÚ:

HÙṂ MAMA HÙṂ NI SVÀHÀ.

Nên tác Minh,tu tập đủ thì tất cả hàng Long Vương sẽ đúng thời làm mưa. Các Bậc Chính Giác, Bồ Đề Mãnh Thức, hàng Trời, hàng Phi Thiên, loài người, hàng Tầm Hương, tất cả thế gian......đều vui vẻ, ở trước nơi giảng thuyết của Đức XUẤT HỮU HOẠI thảy đều ca ngợi.

16/02/2010.

ĐẠI BẠCH TẢN CÁI PHẬT MẪU TỔNG TRÌ TÁN THÁN ĐẢO CHÚC KỆ

Việt dịch: HUYỀN THANH

ÁN_ Diệu toà trong trăng trên hoa sen.
Kim Cương Già Phu, thân sắc trắng
Tay trái ngang ngực cầm lọng trắng
Đủ nơi lọng trắng, xưng tán lễ.
Tay phải kết nơi Vô Úy Ấn.
Khuôn mặt cười tươi,thân yểu điệu.
Phật Mẫu nhiếp thọ mọi Chính Giác.
Tất cả xưng tán lễ nơi ấy
Điều phục tất cả chốn Hữu Tình
Tùy loại hóa hiện muôn thứ Thân.
Đại Bảo trang nghiêm cực mỹ diệu.
Duyệt Ý Mẫu xứ , xưng tán lễ.
ÁN _Vô Hữu Năng Địch Đại Khẩn Mẫu.
Đại xuyết Phác Mẫu, Đại Lực Mẫu.
Đại Xí Nhiên Mẫu, Đại Uy Mẫu.
Đại Bạch Cái Mẫu, Đại Lực Mẫu.
Xí Nhiên Giải Anh Bạch Y Mẫu.
Thánh Cứu Độ Mẫu Đại Sân Trứu (Sân Nộ Mẫu)
Thánh Thế Kim Cương Xưng Niệm Châu.
Liên Hoa Chiêu Minh, Kim Cương Danh.
Vô Hữu Năng Địch Cụ Niệm Châu.
Kim Cương Tường Đẳng Tồi Hoại Mẫu.
Nhu Thiện Phật Đẳng Cúng Dường Mẫu.
Nhu Thiện Uy Lực Cụ Đại Mẫu.
Thánh Cứu Độ Mẫu , Đại Lực Mẫu.
Bất Một Kim Cương Thiết Đỉnh Mẫu.
Kim Cương Thiếu Đồng Trì Chủng Mẫu.
Kim Cương Thủ Chủng , Kim Niệm Châu.
Đại Xích Sắc với Bảo Châu Mẫu.
Chủng Minh Kim Cương Xưng Đỉnh Kế.
Chủng Tướng Yểu Điệu Kim Cương Mẫu.
Như Kim Sắc Quang Cụ Nhãn Mẫu.
Kim Cương Chúc với Bạch Sắc Mẫu.
Liên Hoa Mục với Nguyệt Quang Mẫu.
Xưng tán lễ nơi tụ Thủ Ấn

Xuất Hữu Hoại Mẫu, Bạch Cái Mẫu.
Thích Ca Đỉnh Kế Trung Xuất Mẫu.
Kim Cương Đỉnh Kế Quýnh Già Mẫu.
Thiên Tý Thiên Thủ Đại Cụ Mẫu.
Đại Cu Đê Chi Cụ Nhãn Mẫu
Bất Nhị Xí Nhiên Cụ Chủng Tướng.
Kim Cương Quảng Bác Đại Bạch Mẫu.
Chủ Tể Tam Giới Trùng Vi Mẫu.
Tối cực nơi con, cầu ủng hộ.
Tối cực nơi con, xin che giúp.

ÁN-Quốc vương,giặc cướp,nước,lửa, độc.
Khí giới, đói khát, Tà Ma, tật.
Sét đánh phi thời và chết yểu.
Động đất, hình phạt của quốc vương.
Sấm sét, Phi Không, các Bố tán.
Loài cọp,thú ác trong nạn lớn.
Trong tất cả Thời xin che giúp.
Thiên Ma, các Ma gây trở ngại
Loài đoạt uy lực và Quỷ đói
Nhóm Phong, Đảm, Đàm trong đại bệnh
Trong tất cả Thời xin che giúp
Nhóm Tham, Sân, Si , các phiền não
Mười nghiệp bất thiện, năm vô gián
Ngăn che Tự Tính , gây Tội nghiệp
Nẻo ác, quả khổ trong sợ hãi
Ngu tư (Vốn Tính ngu muội) nay con cầu che giúp
Dùng Thiết câu của Đại Từ bi
Giống như Ái Tử (con yêu) xin hộ trì
Trong tất cả Thời ủng hộ con .

ĐẠI BẠCH TẢN CÁI TỔNG TRÌ TÁN THÁN ĐẢO CHÚC KỆ
(Hết)

17/ 11/ 2001

Mật Tạng Bộ 2 _ No.975 (Tr.398_ Tr.401)

BẠCH TẢN CÁI ĐẠI PHẬT ĐỈNH VƯƠNG TỐI THẮNG VÔ TỶ ĐẠI UY ĐỨC KIM CƯƠNG VÔ NGẠI ĐẠI ĐẠO TRƯỜNG ĐÀ LA NI NIỆM TỤNG PHÁP YẾU

Hán dịch : Vajrayana VÔ ĐẲNG
Việt dịch : HUYỀN THANH

Quy mệnh khắp Pháp Giới
Trần Sát các Như Lai
Hóa Tướng Tôn kỳ đặc
Giòng Phật Đỉnh tối thắng
Kính lễ Bậc Đại Bi
Chúng Bồ Tát cầm hoa
Tĩnh trừ nghiệp chướng cấu
Lợi khắp các Hữu Tình
Quy y Bí Mật Chủ
Kim Cương Thủ Tạng Vương
Theo Phật nhận gian khó
Hộ trì cho tất cả
Chúng Đại Tiên, Minh Tôn
Hàng Thanh Văn, Duyên Giác
Trời, Rồng, A Tô La
Ngày đêm thường cung kính
Đại Bạch Tản Cái này
Che khắp cả Đại Thiên
Thần biến lìa tư nghị
Hư Không không chướng ngại
Chư Phật hoặc ca ngợi
Gọi **Đại Phật Đỉnh Vương**
Nhân đây chứng Bồ Đề
Hay chuyển Pháp vô thượng
Chúng Thánh cùng du học
Con cũng tùy thuận tu
Nghĩa toát lược bí yếu
Hoặc nguyện xin gia hộ
Dùng **Hồng** (Hùm) vào Đạo Trường
Ngửa mặt quán chư Phật
Trước dùng **Tịnh Tam Nghiệp**
Ngộ **Bản Tính không dơ**
Thân, Vật đều trong sạch

Thể đồng chư Như Lai
Tràn đầy khắp Hư Không
Vận tâm kính lễ khắp
Sám hối vô biên tội
Đồng quy Pháp Tính Không
Khuyến Thỉnh các Như Lai
Thường trụ Thế chẳng diệt
Tùy hỷ Phước Trời Người
Lợi ích khắp quần sinh
Hồi Hướng dùng nhất tâm
Cùng phát **Tát Bà Nhã** (Sarva Jñà_ Nhất Thiết Trí)
Phát Nguyện từ nay trở về sau
Thường được Quảng Hạnh Bồ Tát Đạo
Tĩnh Khí Thế Giới Chân Ngôn là :

“**Nẵng mạc tát phộc bột đà mạo địa tát đát phộc. Án thuật điện nỗ thú đà nẵng dã, sa-phộc hạ** “

NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATVA_ OṂ ‘SUDDHE ANU’SUDDHANÀYA SVÀHÀ

Đại Thanh Tịnh Minh này thông dụng cho Như Lai Bộ. Thoạt tiên dùng Táo Sái (Phép tẩy rửa bằng cách rưới nước) liền kết phòng thất niệm tụng. Do tụng xong 7 biến thì ba Nghiệp Thân, Khẩu, Ý cho đến khắp cả Pháp Giới, tất cả đều thanh tịnh

_ Tiếp nên Phổ Lễ tất cả Như Lai

Chân Ngôn là: “**Án_ Tát phộc đát tha nghiệt đa bá na, mãn đà nẵng nam ca lô nhĩ** “

OṂ _ SARVA TATHÀGATA KÀYA VAK CITTA VANDANAṂ KARA UMI

Do tụng Chân Ngôn 3 lần, vận tâm đồng Pháp Giới tràn khắp cõi vi trần, việc lễ đều viên mãn

_ Tiếp Sám Hối Vô Thủy Tội Chướng Chân Ngôn là :

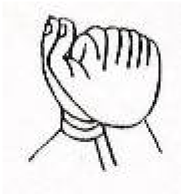
“**Án_ Tát phộc bá bà na hạ nẵng phộc nhật-la dã, sa-phộc hạ**”

OṂ _ SARVA PÀPA DAHANA VAJRÀYA _ SVÀHÀ

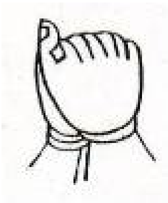
Do tụng Chân Ngôn 3 lần, Sám Hối tất cả lỗi. Tội Vô Gián như cỏ bị đốt cháy hết không còn sót

Bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo tất cả Bồ Tát với Đại Chúng rằng: “Này Thiện Nam Tử ! Các ông nên thọ nhận 10 Tam Ma Địa sinh ra từ tất cả Như Lai là: Vô Tỷ Siêu Thắng, Nhất Thiết Như Lai Trụ Chân Ngôn Thân, Nhất Thiết Như Lai Tộc, Chân Thật Đại Ấn Chân Ngôn, Vô Tỷ Quang Thần Thông, Duyên Sinh Vô Biên Kỳ Đặc Đại Uy Thần, Năng Sinh Nhất Thiết Bồ Tát, Năng Tồi Phục Nhất Thiết Câu Đê Ma Chúng, Nhiếp phục tất cả người khó điều phục, Khởi nơi tâm Từ thảy hay làm tất cả sự nghiệp lợi ích chúng sinh.

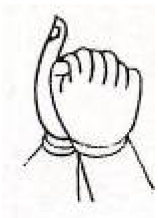
Nay nói Đại Ấn. Tiếp, đối diện Bản Tôn ngồi theo thế Du Già, dùng dầu thơm xoa tay kết **Chư Phật Bồ Tát Kim Cương Tam Muội Gia Ấn**. Hai tay cùng cài bên trong thành Quyền, Thiền Trí (2 ngón cái) kèm nhau duỗi thẳng. Tùy câu cú tụng Chân Ngôn, đem Ấn đặt ở đỉnh đầu. Đây là **Nhất Thiết Như Lai Tâm Đại Ấn.**



_ Tiếp, co Trí (Ngón cái Trái) vào trong lòng bàn tay. Đây là **Trì Liên Mật Ấn** . Tùy câu cú tụng Chân Ngôn, dời Ấn đặt bên phải đỉnh đầu



_ Tiếp, co Thiền (Ngón cái phải) vào trong lòng bàn tay. Rút Trí Độ (Ngón cái trái) ra và duỗi thẳng. Đây là Mật Ấn sở trì của tất cả Kim Cương Tộc. Tùy tụng Chân Ngôn Cú, dời Ấn đặt bên trái đỉnh đầu.



Tất cả cùng một Minh, 3 Bộ thảy đầy đủ. Chân Ngôn là :

"**Nẵng mạc tát phộc bột đà mạo địa tát đát phộc nam. A vĩ la hồng khiếm**"

NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATVANÀṂ_ AVIRA HÙṂ KHAṂ

Do kết Đại Ấn của tất cả Như Lai Đẳng, dùng Tâm Chân Ngôn của Đại Cần Dũng, Pháp chân thật của tất cả Như Lai gia trì cho nên hết thảy hay giải thoát: Địa Ngục, Bàng Sinh, Diễm Ma, nẻo ác. Hay khiến tất cả Bồ Tát, Thánh Chúng. Hay Triệu chư Thiên, Phạm Vương, Đế Thích, Dạ Ma, Thủy Thiên, Câu Vĩ La… Hàng Bồ Tát 10 Địa và hàng Đại Tự Tại còn có thể Thỉnh Triệu được huống chi là hàng khác.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Giáp Trụ Hộ Thân Ấn.** Hai Vũ (2 bàn tay) kết Câu Quyền. Tay trái để nằm ngang, ngửa dưới rốn, trái tim, my gian (Tam Tinh) yết hầu, đỉnh đầu. Tụng Chân Ngôn là :

"**Nẵng mạc tam mãn đa bột đà nam. Án, bộ, nhập phộc la, đế nhạ hồng**"

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ OṂ BHUḤ JVALA TEJA HÙṂ

Dùng Giáp Trụ Minh này, người tu hành nên ấn khắp cả thân mình liền thành Đại Gia Hộ. Trong tất cả Phật Đỉnh, Ấn này có uy đức lớn, chư Ma chẳng thể lấn hiếp. Mặc áo Giáp giống như vị vua hay thành tất cả việc, mau chóng được Tất Địa.

_ Tiếp nên kết Đại Luân Ấn Kim Cương Luân.

_ Tiếp , kết Vô Năng Thắng Đại Ấn, Minh Vương Tịch Trừ Ma Chướng Ấn. Nên quỳ gối phải, giữ thẳng gối trái. Tay trái hướng ra phía sau tác Đáp Khế. Quyền phải dựng thẳng ngón trỏ để ngang trái tim. Lấn thân về phía trước mặt là thành hình trạng. Chân Ngôn là :

"**Nẵng mạc tam mãn đa bột đà nam. Án_ Thi lỗ, thi lỗ, chiến noa lý, ma đặng đề, sa-phộc hạ**"

NAMAḤ SAMANTABUDDHÀNÀṂ_ OṂ HURU HURU CAṆḌARI MATAṄGI SVÀHÀ

Vô Năng Thắng Đại Minh Vương là nơi mà Đức Phật đã nói, hay nghiền nát tất cả Ma, hay tịch trừ các điều chướng kể cả **Đại Lực Dục Tự Tại** (Mahà bala Kàme'svara), **Thế Gian Ma Quân Vương** (Loka-Màra-sena-ràja), **Ba Tuần** (Papyan)… cũng được tự tại . Bậc Đại Uy Đức của Thế Thiên, vô lượng Câu Đê Ma khiến muốn gây điều chướng ngại thì hóa hiện muôn loại tướng trạng, hình Ma Quân đáng sợ. Do kết Ấn tụng Minh cho nên tất cả tự nhiên lui tan. Vì thế nên dùng làm Gia Trì, thành tựu Pháp Phật Đỉnh. Ở nơi đại chướng thường được đại gia hộ.

_ Tiếp, kết **Ngưỡng Thỉnh Ấn**. Hai Vũ (2 bàn tay) cài bên trong thành Quyền, Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) duỗi thẳng hợp nhau rồi co lóng trên như móc câu, đưa qua đưa lại thành Ngưỡng Thỉnh.



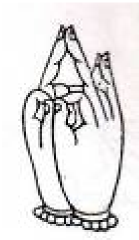
Phổ Thông Phụng Thỉnh Nhất Thiết Phật Đỉnh Vương Chân Ngôn là :

"**Nẵng mạc bà nga phộc đổ ổ sắt ni sáp dã, ê hê duệ tứ, bà nga noan đạt ma ma la nhạ, bát-la để sai nẵng ma la-già đà, bổ sáp-ba độ ma mạt-lân tả hàm, giả tích-la khất-sái, bát-la để hạ đa, ma la phả-la ngột la ma dã, sa-phộc hạ**"

NAMAḤ BHAGAVATE UṢṆÌṢÀYA_ EHYEHI BHAGAVAṂ DHARMA RÀJA PRATÌCCHA NAMÀRGHATA PUṢPA , DHÙPA , VALIṂSYA MAṂCA CAKRÀKṢA APRATIHATA _ MARA PṚKRAMAYA _ SVÀHÀ

Kết Ấn tụng Minh 3 lần cảnh giác tất cả Phật, ngưỡng thỉnh các Như Lai thảy đều giáng phó.

_ Tiếp, kết **Quang Tụ Ấn**. Đàn Tuệ (2 ngón út) kèm nhau duỗi thẳng, Giới Phương (2 ngón vô danh) co lóng trên dính đầu ngón, Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) cùng hợp bền chắc, Tiến Lực (2 ngón trỏ) co lại dính nhau và đè trên đầu ngón Thiền Trí (2 ngón cái), xoay cột buộc thành Kết Giới.



Chân Ngôn là :

"**Nẵng mạc tam mãn đa bột đà nam, a bát-la để hạ đa xả sa nẵng nam. Án_ Đát tha nghiệt đế đổ sắt nga sa, a nẵng phộc lộ chỉ đá, mộ lật đà nẵng đế, phộc la thi, hồng, nhập-phộc la nhập-phộc la, đà ca đà ca, vĩ đà ca vĩ đà ca, nại la nại la, vĩ đà la vĩ đà la, đổ na đổ na, tần na tần na, hồng hồng, phán tra phán tra, sa-phộc hạ**"

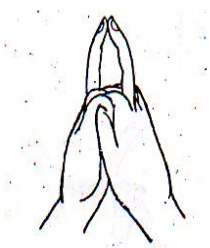
NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ APRATIHATA'SASANANÀṂ _ OṂ TATHÀGATA UṢṆÌṢA ÀNAVALOKITEC URṆATE JVALASÌ HÙṂ_ JVALA JVALA , DHAKA DHAKA , VIDHAKA VIDHAKA , DARA DARA , VIDARA VIDARA , CCHINDHA CCHINDHA , BHINDHA BHINDHA , HÙṂ HÙṂ PHAṬ PHAṬ _ SVÀHÀ

Nếu dùng Hộ Thân tức là Tam Cổ Kim Cương Xử Ấn.



Nếu thỉnh triệu Bản Tôn liền dùng Xử Ấn. **Cổ**: 2 ngón trỏ là 2 móc câu đi qua lại. Đại Phật Đỉnh Vương này hiệu là Quang Minh Tụ, lửa hừng hực mạnh mẽ như hang động của kiếp hỏa. Xong uy lực khó luận bàn, hay tồi hoại tất cả **Thiên Ma** (Deva Màra), chúng Ngoại Đạo, **Ma Hê Thấp Phộc La** (Mahe'svara _Đại Tự Tại), Đại Lực Na La Diên và các hàng chư Thiên khác, kể cả Thần Thông của tất cả nhóm ấy cũng đều diệt hết không còn sót. Trì Minh Đại Bồ Tát , Mã Đầu Mnh Vương…. Khai tụng Chân Ngôn này thì uy quang như lửa tụ. Nơi Phật Đỉnh Bộ diệt trừ các chướng nạn trong 12 Do Tuần hoặc là Đại Kết Giới Địa.

_ Tiếp, kết **Biện Sự Ấn**. Hai Vũ (2 bàn tay) cài bên trong thành Quyền, Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) duỗi co hợp nhau thì hay thành biện tất cả.



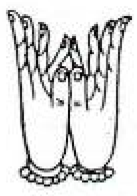
Xoay bên trái 3 vòng là thành. Biện Trừ Chân Ngôn là :

"**Nẵng mạc tam mãn đa bột đà nam. Tra-lỗ-hồng, mãn đà mãn đà, hồng phán tra phán tra, sa-phộc hạ**"

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ ṬRÙṂ BANDHA BANDHA HÙṂ HÙṂ PHAṬ PHAṬ _ SVÀHÀ

Biện Sự Chân Ngôn này là Tâm của tất cả Phật Đỉnh. Do duyên ức niệm (ghi nhớ) cho nên loài gây chướng ở dưới nước trên cạn , tất cả muốn gây tổn hại thì hết thảy bị cấm khẩu. Kết Ấn đặt ở trái tim và gia trì 5 nơi.

_ Tiếp, kết Liên Hoa Ấn như hoa sen tám cánh nở, là Tòa ngồi của chư Phật Như Lai.



chí tâm phụng hiến, tụng 7 lần Chân Ngôn :

"**Nẵng mạc tát phộc bột đà mạo địa tát đát-phộc nam. Án, Hồng ca ma la dã, sa-phộc hạ**"

NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATVÀNÀṂ_ OṂ HÙṂ KÀMALÀYA SVÀHÀ

Do sự phụng hiến này mà chư Phật nhận Tòa ngồi. Ngày sau Hành Giả sẽ đạt được Tòa Kim Cương thắng diệu.

_ Tiếp, kết **Ứ Già Quảng Đại Chân Thật Cúng**. Nơi chỗ đứng dùng hương, hoa trắng mà thành tâm phụng hiến. Liền nắm Kim Cương Quyền. Dựng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) hợp đầu ngón, co Tiến Lực (2 ngón trỏ) sau lưng vừa vặn khớp gốc Tiến (ngón trỏ Phải). Chân Ngôn là :

"**Nẵng mạc bà nga phộc đổ sắt-ni sái. Ê hàm hưởng đàm , bổ sáp-ba, độ ẩm, vị cảnh nễ bán giả, bát-la để sai, hạ la hạ la. Tát phộc bộ đà địa sắt xỉ đế, đạt ma la nhạ, bát-la để hạ đá sã, sa-phộc hạ**"

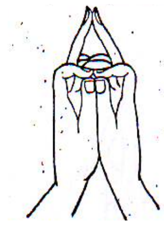
NAMO BHAGAVATE UṢṆÌṢA _ IDÀṂ ARGHAṂ PUṢPA DHÙPE GHANDHA NAIVYVEDYE PAṂCA PRATICCHA HÀRA HÀRA SARVA BUDDHA ADHIṢṬITE DHARMARÀJA APRATIHATÀYA SVÀHÀ

Do tụng Chân Ngôn này phụng hiến Như Lai cho nên khắp mọi cõi vi trần đều thành chúng Diệu Cúng.

_ Tiếp, kết **Phật Nhãn Ấn**. Trong tất cả Phật Đỉnh nên dùng Đại Ấn này, thanh tĩnh mà thọ trì, tối thắng diệt các tội. Nơi các Phật Đỉnh Vương thường kết Ấn Khế này, quyết định được Tất Địa chẳng bị thiếu sót, hết thảy thành tựu tất cả Phật

Pháp. Giả sử gom chứa Phước trong 100 Kiếp, nếu được Ấn Minh này thì được Phước bằng nhau. Phật Nhãn Chân Ngôn này hay thành tựu tất cả sự nghiệp, là nơi thọ trì của 10 Câu Đê Phật Như Lai. Do duyên ức niệm Minh thì tất cả Thánh Tiên đều hiện, tất cả Chân Ngôn Giáo Pháp đều được thành tựu. Đứng trước sự bạo ác, sân oán nên tụng thì sẽ được vui vẻ. Các Quỷ Thần ác khó điều phục sẽ tùy thuận giáng phục. Ở nơi đấu tranh, tụng thì tất cả đều vắng lặng. Sau đó tụng 7 biến sẽ mau chóng thành chứng nghiệm.

_ Tiếp, kết **Kim Luân Phật Đỉnh Nhất Tự Vương Ấn**. Hai Vũ (2 bàn tay) cài bên trong thành Quyền. Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) kèm nhau duỗi hợp rồi co lóng thứ ba, mở Tiến Lực (2 ngón trỏ) rồi co đầu ngón. Bình đẳng duỗi Thiền Trí (2 ngón cái).



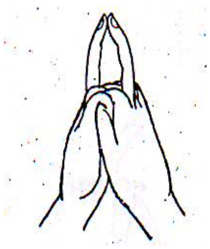
Tụng 7 lần Chân Ngôn là :

“**Nẵng mạc tam mãn đa bột đà nam. Án,bộ-lỗ-án**”

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ_ OṂ BHRÙṂ

Chân Ngôn này là sở thuyết của hằng ha sa số lượng Như Lai. Phật hiện tại đang nói, Phật vị lai sẽ nói. Ấn này gọi là Đại Ấn, tên là **Đỉnh Luân Vương**. Ấn này tức là Phật, lợi ích các Hữu Tình. Do uy đức lớn của **Minh** (Vidya) chế phục các Hiền Thánh, ở trong 5 Do Tuần khiến các Tôn khác chẳng thể giáng hiện. Các Bồ Tát 10 Địa còn mê muội trước Bản Chú huống chi các loại Chú nhỏ khác làm sao có thể hiện Thần Lực được. Nếu ở đây kết Ấn Xứ thì các Ác Quỷ và loài gây chướng chẳng dám trú ngụ. Nếu xưng dương lực Công Đức thì trong 100 Câu Đê Kiếp, 1000 hằng sa Kiếp cho đến vô lượng vô số hằng hà sa Kiếp cũng chẳng thể nói hết Công Đức và Phước Lợi của Chú này. Bậc Trí nếu thọ trì thì thường chẳng bị bại hoại. Như Lai Đại Sư nói: “*Chẳng có thể ca ngợi hết được*”. Ở nơi Pháp tu Phật Đỉnh sẽ mau chóng được thành tựu.

_ Tiếp, kết **Phổ Thông Nhất Thiết Phật Đỉnh Thành Tựu Ấn**. Hai Vũ (2 bàn tay) cài bên trong thành Quyền. Duỗi thẳng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) cùng co lóng trên là Phổ Thông Nhất Thiết Dụng.



Tụng Chân Ngôn 7 lần. Ấn ở trên đỉnh đầu bung tán.

“**Nẵng mạc tam mãn đa bột đà nam. Án, noa-lỗ-án, mãn đà, sa-phộc hạ**”

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ_ OṂ DHRÙṂ BANDHA SVÀHÀ

Do Ấn này như quán thấy chư Phật. Do uy đức của Minh này nên các loài Dược Xoa khó điều phục, chúng Rồng với Tu La, tất cả La Sát ác và các Ma La thảy đều kinh sợ và tiêu tan hết. Nếu có được Thủ Ấn này thì có thể hộ cho các sự an lạc.Ở nơi vua chúa Thế Gian… thường được lợi ích. Muốn cầu điều Pháp Lợi thì quyết định đạt được. Ấy là quả báo thành tựu của Phổ Thông Chân Ngôn Vương.

_ Tiếp, kết **Nhất Thiết Phật Biến Phú Đại Thiên Thân Bất Biến Kỳ Biên Tế Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Vương Đại Ấn** hoặc kết **Bách Ức Chư Phật Đồng Tâm Ấn**. Tụng Đại Chân Ngôn 7 lần.

_ Tiếp kết **Đại Ấn Căn Bản của Bạch Tản Cái**. Chắp 2 tay lại giữa rỗng. Co Giới Phương (2 ngón vô danh) vào lòng bàn tay, co Tiến Lực (2 ngón trỏ) lại khiến thành hình tròn. Đấy là **Bạch Tản Cái Ấn**.



Tụng Chân Ngôn 7 lần rồi bung Ấn trên đỉnh đầu.Chân Ngôn là :

“**Nẵng mạc tam mãn đa bột đà nam, A bát-la để hạ đa xả sa nẵng nam. Án, đát tha nghiệt đổ sắt-ni sa, a nẵng phộc lộ cát đế, mẫu lật-đà bạt ngật-la phộc la đề. Án, ma ma hồng nễ** “

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ APRATIHATA’SASANÀNÀṂ_ OṂ TATHÀGATA UṢṆÌṢA ÀNAVALOKITE MUDRA CAKRA VARTTI _ OṂ MAMA HÙṂ NI

Đại Phật Đỉnh Vương này thù thắng không có hàng nào có thể ngang bằng, là lực Đại Bi của Phật, tuôn ra tiếng rống của Sư Tử, tất cả Phật gia trì, Đại Bi soi chiếu ưu ám, biết Vô Cấu thâm sâu khiến tác mọi cát tường, Bồ Tát với chư Thiên chẳng thể làm bại hoại, đắc được Bất Thoái Chuyển, tất cả đều an vui, mọi độc chẳng thể gây thương tật, Trời Rồng chẳng thể lại gần hại. Nếu tô vẽ và tụng trì sẽ mau chóng chứng Tất Địa.

_ Tiếp, trì Niệm Châu. Gia trì 7 biến rồi nâng lên đỉnh đội, xong mới niệm tụng 108 biến hoặc 1080 biến. Lấy tràng hạt đặt ở Bản Xứ

_ Lại kết Bản Tôn Ấn, trụ ở Tam Ma Địa, ca ngợi Công Đức Phật,cúng dường hiến như trước.

_ Lại kết Tam Muội Gia hộ thân, lễ Phật rồi lui ra.

Niệm Chân Ngôn Ấn. Dùng 2 tay, đem Thiền Trí (2 ngón cái) đều vịn móng Giới Phương (2 ngón vô danh) đè lên móng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa), co Tiến Lực (2 ngón trỏ) phía sau Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) niệm châu mà niệm tụng.

Nếu muốn trụ Phật Nghi thì làm Tòa Dũng Kiện, ngay thẳng thân mình ngồi Kiết Già, kết Ấn Phật Khất Để. Tay trái ngửa lòng bàn tay lên trên, tay phải bên ngoài dùng Kiên Chưởng, đem Thiền (Ngón cái phải) nắm móng Giới (ngón vô danh phải), đem Tiến (ngón trỏ phải) co sau lưng Nhẫn (ngón giữa phải). Tụng Chân Ngôn 7 lần, xong nhập vào Tam Ma Địa. Chân Ngôn là :

"**Nẵng mạc tam mãn đa bột đà nam. Vĩ nhạ duệ, ma hạ thước khất-đề đà dã, hồng, phán tra, trà-nga-lô-hồng, phán tra, sa-phộc hạ**"

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ_ VIJAYE MAHÀ 'SÀKTI DHÀYA HÙṂ PHAṬ_ ṬRÙṂ PHAṬ _ SVÀHÀ

Nếu kết Ấn, chẳng ai có thể đoạt được uy lực ấy. Khiến cho đời này và đời khác đắc được lực Như Lai. Nếu tụng Chân Ngôn này thì chư Phật đều gia hộ. Tu trì Phật Đỉnh Vương, 3 thời thường ức niệm sẽ mau chóng được thành tựu. Trong 3 cõi không bị chướng ngại. Vì Mật Ấn Pháp của Đại Phật Đỉnh Vương này có vô số lượng cho nên chỉ khiến người tu hành lược tập các Mật Yếu tinh diệu. Nếu ưa thích Đại Pháp thì phải theo Thầy cầu Quán Đỉnh, được truyền cho Tam Muội Gia, cần phải học hỏi rộng rãi về Pháp niệm tụng của Đại Bạch Tản Cái Đại Phật Đỉnh.

Bí mật của Pháp này, nếu người chưa được Quán Đỉnh thì chẳng được nghe ngay. Người tu hành kia muốn được thành tựu, nếu tính tu cầu Tất Địa và làm Bản Tôn thì chẳng được truyền thụ Mật Ấn cho người khác.

Đại Tam Muội Gia Nghiêm Mật Chân Ngôn là :

"**Án, khư yết dã, ma hạ tam muội diêm, mãn đà mãn đà, sa-phộc hạ**"

OṂ GUHYA MAHÀ SAMAYAṂ BANDHA BANDHA SVÀHÀ

Gia Trì Niệm Châu Chân Ngôn là :

"**Nẵng mạc bà nga phộc đế tiễn đệ , sa đạt dã , tất đà la-thê, sa-phộc hạ**"

OṂ NAMO BHAGAVATI SUSIDDHI SÀDHAYA SIDDHA ARTHA SVÀHÀ

Tĩnh Niệm Châu Chân Ngôn, chấp tay nâng tràng hạt.

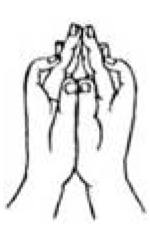
"**Án, a na-bộ đế , vĩ nhạ duệ, tất địa, tất đà la-thê, sa-phộc hạ**"

OṂ ADBHUTE VIJAYE SIDDHI SIDDHA ARTHA SVÀHÀ

BẠCH TẢN CÁI PHẬT ĐỈNH DU GIÀ BÍ YẾU LƯỢC NIỆM TỤNG
(MỘT QUYỂN_ Hết)

Ghi chú thêm của người dịch :

Phật Nhãn Ấn: Chấp 2 tay lại, 2 ngón cái đều co vào lòng bàn tay, 2 ngón trỏ phụ lưng lóng thứ nhất của 2 ngón giữa như 2 con mắt đối nhau.

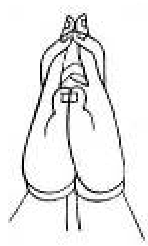


Thành Ấn rồi, gia trì 5 nơi là vầng trán, vai phải, vai trái, trái tim, cổ họng rồi bung Ấn trên đỉnh đầu.

Chân Ngôn là :

NAMO BHAGAVATE UṢṆÌṢÀYA _ OṂ RURU SPHURU JVALA TIṢṬA SIDDHA LOCANI SARVA ARTHA SÀDHANI _ SVÀHÀ

Đại Luân Kim Cương Ấn: Hai tay cài chéo các ngón bên trong, dựng thẳng 2 ngón trỏ khít nhau, lấy 2 ngón giữa quấn 2 ngón trỏ ở trước lóng thứ nhất sao cho chạm đầu ngón, 2 ngón cái giáp thẳng nhau. Kết Ấn để ngang trái tim ,tụng Mật Ngữ.



Chân Ngôn là: (Đại Luân Kim Cương Đà La Ni)

NAMAḤ STRYIDHVIKÀNÀṂ TATHÀGATANÀṂ _OṂ VIRAJI VIRAJI _ MAHÀ CAKRA VAJRI _ SATA SATA _ SARATE SARATE _ TRAYI TRAYI _ VIDHAMANI SAṂBHAṂJANI TRAMATI SIDDHA AGRIYE TRÀṂ SVÀHÀ

Hiệu chỉnh xong vào ngày 20/02/2010

ĐẠI PHẬT ĐỈNH NHƯ LAI PHÓNG QUANG TẤT ĐÁT ĐA BÁT ĐÁT LA ĐÀ LA NI

Dịch âm Phạn Hán : Chùa Đại Hưng Thiện- Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí

BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Dịch âm Hán Việt : HUYỀN THANH

I _

Nẵng mạc tát phộc mẫu đà , mạo địa tát đá-phệ tỳ-dược

Nẵng mô sáp đá nẫm, thảm miệu thảm mẫu đà, câu chi nẫm, sa thất-la phộc ca, tăng già nẫm

Nẵng mô lô kê, a la-hãn đá nẫm

Nẵng mô tố-lỗ đá bạn nẵng nẫm

Nẵng mô tắc khất-lị đá nga nhĩ nẫm

Nẵng mô a nẵng nga nhĩ nẫm

Nẵng mô lộ kế , thảm miệu nga đá nẫm, thảm miệu bát-la để bán nẵng nẫm

Nẵng mô la đát-nẵng đát-la dạ gia

Nẵng mô bà nga phộc đế, nễ-lị trà, du la, thất nẵng, bát-la ha la noa, la nhạ gia, đát tha nga đá gia, a la-ha đế, thảm miệu thảm mẫu đà gia

Nẵng mô bà nga phộc đế, a nhĩ đá bà gia, đát tha nga đá gia, a la-ha đế, thảm miệu thảm mẫu đà gia

Nẵng mô bà nga phộc đế, a khuất-số tệ-dạ gia, đát tha nga đá gia, a la-ha đế , thảm miệu thảm mẫu đà gia

Nẵng mô bà nga phộc đế, bối sát nĩ-gia, ngu lỗ, phệ nữ ly-gia, bát-la bà , la nhạ gia, đát tha nga đá gia, a la-ha đế, thảm miệu thảm mẫu đà gia

Nẵng mô bà nga phộc đế, thảm bổ sáp-tỷ đá, sa lang ná-la, la nhạ gia, đát tha nga đá gia, a la-ha đế, thảm miệu thảm mẫu đà gia

Nẵng mô bà nga phộc đế, xả chỉ-dã mậu nẵng duệ, đát tha nga đá gia, a la-ha đế, thảm miệu thảm mẫu đà gia

Nẵng mô bà nga phộc đế, la đá-nẵng, câu tô ma, kê đô, la nhạ gia, đát tha nga đá gia, a la-ha đế, thảm miệu thảm mẫu đà gia

Nẵng mô bà nga phộc đế, đát tha nga đá, câu la gia

Nẵng mô bà nga phộc đế, bát ná-ma, câu la gia

Nẵng mô bà nga phộc đế, phộc nhật-la, câu la gia

Nẵng mô bà nga phộc đế, ma ni, câu la gia

Nẵng mô bà nga phộc đế, nghiệt nhạ, câu la gia

Nẵng mô ni phộc, lị-sử nẫm

Nẵng mô tất đà , vĩ nễ-dã đà la nẫm

Nẵng mô tất đà, vĩ nễ-dã đà la, lị-sử nẫm, xá bá nộ nghiệt-la ha, sa mạt la-tha nẫm

Nẵng mô một-la ha-ma ni

Nẵng mô ấn nại-la gia

Nẵng mô bà nga phộc đế, lỗ nại-la già, ô mãng bát để, sa hê dạ gia

Nẵng mô nẵng la diên noa gia, lạc khất-mạo di, sa hê dạ gia

Bán già, ma ha mẫu nại-la, nẵng ma tắc khất-lị

Nẵng mô ma ha ca la gia, để-lị bổ la nẵng nga la, vĩ nại-la bả noa, ca la gia, a địa mục đắc ca xả-ma xả nẵng, phộc tất bễ, ma để-lị nga noa, nẵng mô tắc khất-lị đá gia.

Ế biều, nẵng mô tắc khất-lị đá phộc

Y mị, bà nga phộc đế, sa-đá tha nga đổ sắt-nị sam, tất đàn đá bát đá-lam, nẵng mãng

Bả la nĩ đá, bát-la để-dựng kỳ-lam. Tát phộc ni phộc nẵng ma tắc khất-lị đam

Tát phộc ni phệ tỳ-dược, bố nĩ đam

Tát phộc ni phệ thi-xa bả lị bá lý đam

Tát phộc bộ đa nga-la ha, nễ nga-la ha, ca lị-diễm

Bả la vĩ nễ-dã, thiết ná nẵng, ca lị-diễm

Nột nan đá nẫm, tát đá-phộc, ná ma kiếm

Nột sắt-tra nẫm, nễ phộc la ni-diễm, a ca la một-lị để-dữu, bát-la xa ma nẵng, ca lị-diễm

Tát phộc mãn đà nẵng, mục khất-nhận nẵng, ca lị-diễm

Tát phộc nỗ sắt-tra , nột tắc-phộc bát-nẵng, nễ phộc la ni-diễm, giả đô la , thí để nẫm, nghiệt-la ha, sa ha sa-la nẫm, vĩ đặc-phụng sa nẵng, ca lị-diễm

A sắt-tra vĩ-dựng xả để nẫm, nhược khất-sát đa-la nẫm, bát-la sa ná nẵng, ca lị-diễm

A sắt-tra nẫm, ma ha nga-la ha nẫm, vĩ đặc-phụng sa nẵng, ca lị-diễm

Tát phộc xả đốt-lỗ, nễ phộc la ni-diễm, ngu lam, nộ sa-phộc bát nẵng nan, giả nẵng xả nễ-diễm

Vĩ sa, thiết sa đá-la, a kỳ-nễ, ô ná ca, ô đát-la ni-diễm

A bả la nĩ đá ngu lam

Ma ha chiến-noa nẫm

Ma ha điếm bột-đam

Ma ha đế nhiễm

Ma ha thủy-phệ đam, nhập-phộc la

Ma ha mạt la, thất-lị gia

Bán noa la phộc tỷ nễ-diễm

A lị-gia đá la

Tỳ-lị câu tri-diễm

Chế phộc nhiễm, phộc nhật-la, ma lỗ-để, vĩ du-lỗ đam

Bát nột-ma mỵ

Phộc nhật-la, nễ hạ-phộc giả

Mãng la, chế phộc, bả la nễ đá

Phộc nhật-la nan nị, vĩ xá la giả

Phiến đá phệ ni ha, bố nĩ đá

Táo mê lỗ ba, ma ha thủy-phệ đá

A lị-gia đá la, ma ha mạt la
A bả la, phộc nhật-la thương ca la, chế phộc
Phộc nhật-la, ha sa-đá giả
Ma ha vĩ nễ-dã, đát tha kiến giả nẵng, ma lý ca
Câu lỗ-án bà, la đá-nẵng
Chế phộc, phệ lô giả nẵng, câu ná la-thố sắt-nị sa
Vĩ tích-lâm ba, ma noa giả, phộc nhật-la
Ca nẵng ca, bát-la ba, lỗ giả nẵng
Phộc nhật-la đốn nị giả
Thủy-phệ đá giả
Ca ma la khất-xoa
Xả thí, bát-la ba
Y để-duệ đế, mẫu nại-la nga noa, tát phệ, lộ khất-xuyến, câu la-vãn đổ, ma ma tả

II _
Án, lị-sử nga noa, bát-la xả sa-đá, đát tha nghiệt đố sắt-nị sa, hồng, bố-lâm
Nhiễm bà nẵng, hồng, bố-lâm
Sa-đảm bà nẵng, hồng, bố-lâm
Mạo ha nẵng, hồng, bố-lâm
Ma tha nẵng, hồng, bố-lâm
Bả la vĩ nễ-dã, thảm bạc khất-xoa noa, ca la, hồng, bố-lâm
Tát phộc nột sắt-tra nẫm, sa-đảm bà nẵng, ca la, hồng, bố-lâm
Tát phộc dược xoa, la sát sa, nga-la ha nẫm, vĩ đặc-phụng sa nẵng, ca la, hồng, bố-lâm
Giả đốt la, thí để nẫm, nghiệt-la ha, sa ha sa-la nẫm, vĩ nghiệt xả nẵng, ca la, hồng, bố-lâm
A sắt-tra vĩ-dựng, thiết để nẫm, nhược khất-xoa đát-la nẫm, bát-la sa ná nẵng, ca la, hồng, bố-lâm
A sắt-tra nẫm, ma ha nga-la ha nẫm, vĩ đặc-phụng sa nẵng, ca la, lạc khất-xoa, lạc khất-xoa, mỵ
Bà nga noan, sa-đá tha nga đố sắt-nị sái
Ma ha bát-la để-dựng nghi-lệ
Ma ha sa ha sa-la bộ thệ
Sa ha sa-la thi lị-sái
Câu chi, xá đá, sa ha sa-la, ninh đế-lê
A tiện-dã, nhập-phộc-lý, đá nẵng tra nẵng ca, ma ha phộc nhật-lộ ná la
Để-lị bộ phộc nẵng, mạn noa la
Án, sa-phộc tất-để la-bà phộc đổ, ma ma

III _
La nhạ, bà gia
Chủ la, bà gia
A nghi-nễ,bà gia

Ô ná ca, bà gia
Vĩ sa, bà gia
Xả sa đá-la, bà gia
Bả la chước khất-la, bà gia
Nột tích khất-xoa, bà gia
A xả nễ, bà gia
A ca la mật-lị để-dữu, bà gia
Đà la ni, bộ di, kiếm ba, bà gia
Ô lặc-ca ba đá, bà gia
La nhạ nan noa, bà gia
Nẵng nga, bà gia
Vĩ nễ-dữu, bà gia
Tô bát-la ni, bà gia
Dược khất-xoa, nga-la ha
La khất-xoa sa, nga-la ha
Tất-lệ đa, nga-la ha
Tỳ xá già, nga-la ha
Bộ đá, nga-la ha
Cưu bàn noa, nga-la ha
Bố đan nẵng, nga-la ha
Yết tra bố đan nẵng, nga-la ha
Tắc-kiến ná, nga-la ha
A bả sa-ma la, nga-la ha
Ổn mãng ná, nga-la ha
Xa gia, nga-la ha
Lệ phộc để, nga-la ha
Ô nhạ , ha lị nhạ
Nghiệt bà, ha lị nhạ
Nhạ đá, ha lị nhạ
Nhĩ vĩ đá, ha lị nhạ
Lỗ địa la, ha lị nhạ
Phộc sa, ha lị nhạ
Mãng sa, ha lị nhạ
Mê ná, ha lị nhạ
Mạt nhạ, ha lị nhạ
Vạn đá, ha lị nhạ
A du già, ha lị nhạ
Chất già, ha lị nhạ

Đế sam, tát phệ sam, tát phộc nghiệt-la ha nẫm, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ

Ba lị một-la nhạ ca, khất-lị đam, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ

Noa ca, noa chỉ nễ, khất-lị đam, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ

Ma ha bả du bả để, lỗ nại-la, khất-lị đam, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ

Đát đá-phộc, nghiệt lỗ noa, tố hê gia, khất-lị đam, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ

Ma ha ca la, ma để-lị nga noa, khất-lị đam, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ

Ca bả lý ca, khất-lị đam, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ

Nhạ gia ca la, mạt độ ca la, tát phộc la-tha sa đà nẵng, khất-lị đam, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ

Giả đốt-la bạc nghĩ nễ, khất-lị đam, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ

Bột-lăng nghĩ lị trí ca, nan nễ kê thi-phộc la, nga noa bả để, sa hê gia, khất-lị đam, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ

Nẵng nga-nẵng thất-la ma noa, khất-lị đam, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ

A la-hãn đá, khất-lị đam, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ

Vĩ đá la nga noa, khất-lị đam, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ

Phộc nhật-la bá ni, khất-lị đam, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ

Một-la ha-ma, khất-lị đam, lỗ ná-la, khất-lị đam, nẵng la diên noa, khất-lị đam, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ

Phộc nhật-la bá ni ngọc hê-dã ca địa bát để, khất-lị đam, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ

Lạc khất- xoa, lạc khất-xoa, mỵ (xưng tên…)

IV _

Bà nga phạm, tất đát đá bát đát-la, ná mô tố-đổ đế

A tỷ đá nẵng la la-ca, bát-la bà, sa-phổ tra vĩ ca, tất đát đá bát đát-lệ, nhập-phộc la nhập-phộc la, đà ca đà ca, vĩ đà ca vĩ đà ca, ná la ná la, vĩ ná na vĩ ná la, sân ná sân ná, tần ná tần ná, hồng hồng, phán tra phán tra, sa-phộc hạ

He hê, phán tra

A mục già gia, phán tra

A bát-la để ha đa gia, phán tra

Phộc la bát-la ná gia, phán tra

A tố la vĩ ná-la bả ca gia, phán tra

Tát phộc nễ phộc tỳ-dược, phán tra

Tát phộc nẵng nghê tệ-gia, phán tra

Tát phộc dược khất-sái tệ-gia, phán tra

Tát phộc la khất-sái tế tệ-gia, phán tra

Tát phộc nga lỗ nhĩ tệ-gia, phán tra

Tát phộc hiến đạt phệ tệ-gia, phán tra

Tát phộc a tố lệ tệ-gia, phán tra

Tát phộc khẩn ná lệ tệ-gia, phán tra

Tát phộc ma hộ la nghê tệ-gia, phán tra

Tát phộc bộ đế tệ-gia, phán tra

Tát phộc tỳ xá chế tệ-gia, phán tra

Tát phộc Cung bàn nô tệ-gia, phán tra

Tát phộc bố nan nễ tệ-gia, phán tra

Tát phộc yết tra bố đan nễ tệ-gia, phán tra
Tát phộc nột lăng kỳ đế tệ-gia, phán tra
Tát phộc nỗ sắt bát-la khất-sử đế tệ-gia, phán tra
Tát phộc nhập-phộc lệ tệ-gia, phán tra
Tát phộc a bả sama lệ tệ-gia, phán tra
Tát phộc thất-la ma nễ tệ-gia, phán tra
Tát phộc để lật-thể kê tệ-gia, phán tra
Tát phộc ổn mãng nhĩ tệ-gia, phán tra
Tát phộc vĩ nễ-dã già lị-duệ tệ-gia, phán tra
Nhạ gia ca la, mạt độ ca la, tát phộc lật-tha sa đà kê biều, vĩ nễ-dã già lị-duệ tệ-gia, phán tra
Giả đốt-la bạc nghi nễ tệ-gia, phán tra
Phộc nhật-la kiểu mãng lị câu lan đà lị, vĩ nễ-dã la thệ tệ-gia, phán tra
Ma ha bát-la để-dựng nghi lệ tệ-gia, phán tra
Phộc nhật-la thương ca la gia, bát-la để-dựng nghĩ la, la nhạ gia, phán tra
Ma ha ca la gia, mãng để-lị nga noa, nẵng mãng tắc khất-lị đá gia, phán tra
Ấn ná-la, phán tra
Một-la ha-nhĩ nễ duệ, phán tra
Lỗ ná-la gia, phán tra
Vĩ sắt-noa vĩ duệ, phán tra
Vĩ sắt-nãi vĩ duệ, phán tra
(? Một-la ha-mê duệ, phán tra)
Vật-la ha-di duệ, phán tra
A nghi-nệ duệ, phán tra
Ma ha ca lý duệ, phán tra
Lao niết-lị duệ, phán tra
Ca la nan đề duệ, phán tra
Ai viết-lị duệ, phán tra
Mang để-lị duệ, phán tra
Già muộn nị duệ, phán tra
Ca la ca để-lị duệ, phán tra
Ca bả lý duệ, phán tra
A địa mục khất-đức ca, xả-ma xá nẵng phộc tất nễ duệ, phán tra
Duệ kế, chất đá, sa đát-phộc, ma ma

V _
Nột sắt-tra, chất đá
Bá bả, chất đá
Lao ná-la, chất đá
Vĩ nễ-phệ sa, chất đá
A muội đát-la, chất đá
Ô đá-bả ná diễn để
Chỉ la diễn để
Mạn đát-la diễn để

Nhạ bán để
Thô hãn để
Ô nhạ, ha la
Nghiệt bà, ha la
Ô địa la, ha la
Mãng sa, ha la
Mê ná, ha la
Mạt nhạ, ha la
Phộc sa, ha la
Nhạ đá , ha la
Nhĩ vĩ đá, ha la
Mạt lược, ha la
Phộc lược, ha la
Hiến đà, ha la
Bổ sắt-ba, ha la
Phả la, ha la
Tát tả, ha la
Bá bả, chất đá
Nỗ sắt-tra ,chất đá
Ni phộc, nghiệt-la ha
Nẵng nga , nghiệt-ha la
Dược khất-xoa, nghiệt-la ha
La khất-sát sa , nghiệt-la ha
A tố la, nghiệt-la ha
Nghiệt lỗ noa, nghiệt-la ha
Khẩn ná la, nghiệt-la ha
Ma hộ la già, nghiệt-la ha
Tất-lệ đa, nghiệt-la ha
Bộ đa, nghiệt-la ha
Bố đan nẵng, nghiệt-la ha
Ca tra bố đan nẵng, nghiệt-la ha
Cưu bàn noa, nghiệt-la ha
Tắc-kiến noa, nghiệt-la ha
Ôn mãng đá, nghiệt-la ha
Xa gia, nghiệt-la ha
A bả sa-mãng la, nghiệt-la ha
Noa ca, noa chỉ nễ, nghiệt-la ha
Lệ phộc để, nghiệt-la ha
Nhạ nhĩ ca, nghiệt-la ha
Thước câu nễ, nghiệt-la ha
Nan nễ ca, nghiệt-la ha
Lam vĩ ca, nghiệt-la ha
Kiến tra bá ni, nghiệt-la ha

Nhập-phộc la, ế ca hê ca, nễ-phệ để dã ca, để-lệ để dã ca, giả đốt tha ca, nễ để-gia nhập-phộc la, vĩ sa-ma nhập-phộc la

La để ca
Bối để ca
Thủy-lệ tham-di ca
Tán nễ bả để ca
Tát phộc nhập-phộc la
Thủy lỗ lật-để
A la-đà phộc bệ đà ca
A lỗ giả ca
A khất-sử lỗ nghiêm
Mục khư lỗ nghiêm
Yết-lị nột lỗ nghiêm
Yết la-noa , du lam
Nan đa, du lam
Khất-lị ná gia, du lam
Mạt ma, du lam
Bá la thi-phộc, du lam
Bát-lị sắt-xá, du lam
Ô ná la, du lam
Ca trí, du lam
Phộc sa-để, du lam
Ô lô, du lam
Thường già, du lam
Hạ sa-đa, du lam
Bá ná, du lam
Tát võng nga, bát-la để-dựng nga, du lam
Bộ đá phệ đá noa
Noa ca, noa chỉ nễ
Nhập-phộc la ná nột-lô
Kiến nhẫn, chỉ trí
Bà lỗ đá phệ
Tát bả lỗ ha
Lăng nga
Du sa đát-la
Sa nga la
Vĩ sái dụ nga
A nghi-nễ
Ô ná ca
Mạt la phệ la
A ca la một-lị để-dữu
Bế-lệ mục ca
Đế-lệ la tra ca
Một-lị thủy-chỉ ca

Tát bả
Nẵng câu la
Tư-dựng hạ
Vĩ-dã già-la
Lị khất-sa
Đá la lị khất-sa
Già mạt la, nhĩ vĩ tỳ

Đế sam, tát phệ sam, tất đát đa bát đá-la, ma ha phộc nhật-lỗ, ô sắt-nị sam, ma ha bát-la để-dựng nghi lam

Dạ phộc, ná-phộc ná xả, dụ nhạ nẵng tiện đa lệ noa

Sam mãng, mãn đăng, ca lỗ nhĩ
Nễ xả, mãn đăng, ca lỗ nhĩ
Bả la vĩ nễ-dã, mãn đăng, ca lỗ nhĩ
Hạ sa-đá, mãn đăng, ca lỗ nhĩ
Bá ná, mãn đăng, ca lỗ nhĩ
Tát võng nga , bát-la để-dựng nga, mãn đăng, ca lỗ nhĩ

Đát nễ-dã tha : Án, a nẵng lệ a nẵng lệ, vĩ xá ná vĩ xá ná, mãn đà mãn đà, mãn đà nễ mãn đà nễ, phệ la phộc nhật-la bá ni phán tra, hồng bố-lâm phán tra, sa-phộc a

Nẵng mô sa-đá tha nga đá gia, tô nga đá gia, la-ha đế, tam miệu tam một đà gia, tất điện đổ, man đát-la bả ná, sa-phộc ha

Đời Đường, chùa Thanh Long, Nội Cung Phụng Sa Môn ĐÀM TRINH tu sửa bản bia Chân Ngôn

Nguyên Lục, năm thứ 16, tháng 02, ngày 06 dùng bản của Hoà Thượng TĨNH NGHIÊM xem xét xong_ TÔN GIÁO

19/01/1999

Mật Tạng Bộ 2 _ No.944B (Tr.102 _ Tr.105)

ĐẠI PHẬT ĐỈNH ĐẠI ĐÀ LA NI

Phạn Văn : Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí
BẤT KHÔNG
Dịch âm : HUYỀN THANH

STATHÀGATOṢṆÌṢÀṂ SITÀTAPATRAṂ APARÀJITAṂ PRATYUṄGIRAṂ DHARAṆI

I _

NAMAḤ SARVA BUDDHÀ BODHISATVEBHYAḤ

NAMO SAPTÀNÀṂ SAMYAKSAṂBUDDHÀ KOṬÌNÀṂ SA'SRÀVAKA SAṂGHANÀṂ

NAMO LOKE ARHANTÀNÀṂ

NAMO SROTÀPANNÀNAṂ

NAMO SUKṚTÀGÀMINÀṂ

NAMO ANÀGÀMINÀṂ

NAMO LOKE SAMYAGGATÀNÀṂ SAMYAKPRATIPANNNÀNÀṂ

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMO BHAGAVATE DṚḌHA 'SURASENA PRAHARAṆA RÀJÀYA TATHÀGATAYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

NAMO BHAGAVATE AMITÀBHÀYA TATHÀGATAYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

NAMO BHAGAVATE AKṢOBHYÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

NAMO BHAGAVATE BHAIṢAIJYA GURU VAITÙRYA PRABHA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

NAMO BHAGAVATE SAṂPUṢPÌTA SÀLENDRA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

NAMO BHAGAVATE 'SÀKYAMUNAYE TATHÀGATAYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

NAMO BHAGAVATE RATNA KUSUMA KETU RÀJÀYA TATHÀGATAYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

NAMO BHAGAVATE TATHÀGATÀ KULÀYA

NAMO BHAGAVATE PADMA KULÀYA

NAMO BHAGAVATE VAJRA KULÀYA

NAMO BHAGAVATE MAṆI KULÀYA

NAMO BHAGAVATE GARJA KULÀYA

NAMO DEVA RṢÌṆÀṂ

NAMO SIDDHÀ VIDYÀ DHARÀṆÀṂ

NAMO SIDDHÀ VIDYÀ DHARÀ RṢÌṆÀṂ

'SÀPANU GRAHA SAMARTHÀNÀṂ

NAMO BRAHMAṆE

NAMO INDRAYA

NAMO BHAGAVATE RUDRÀYA UMÀPATÌ SAHEYÀYA

NAMO NARÀYAṆÀYA RAKSAṂMI SAHEYÀYA

PAṂCA MAHÀ MUDRA NAMASKṚTÀYA

NAMO MAHÀ KÀLÀYA TRIPURANAGA VIDRÀPAṆA KÀRÀYA ADHIMUKTO 'SMA'SÀNA VASINI MÀTṚGAṆA NAMAḤ SKṚTÀYA

EBHYO NAMAḤ SKṚTVÀ

IMÀṂ BHAGAVATE STATHÀGATOṢṆÌṢÀṂ SITÀTAPATRAṂ NAMA

APARÀJITÀṂ PRATYUṄGIRAṂ

SARVA DEVA NAMASKṚTÀṂ

SARVA DEVEBHYAḤ PÙJITAṂ

SARVA DEVE'SCA PARIPÀLITAṂ

SARVA BHÙTA GRAHA NIGRAHA KARÌṂ

PARAVIDYÀ CCHEDANA KARÌṂ

DUNAṂ TANAṂ SATVÀNÀṂ DAMAKAṂ DUṢṬÀNÀṂ NÌVÀRAṆÌṂ

ÀKÀLA MṚTYU PRA'SAMANA KARÌṂ

SARVA BANDHANA MOKṢANA KARÌṂ

SARVA DUṢṬA DUSVAPNA NIVÀRAṆÌṂ

CATURA SÌTÌNÀṂ GRAHA SAHASRÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KARÌṂ

AṢṬAVIṂ 'SATÌNAṂ NAKṢATRÀNÀṂ PRASÀDANA KARÌṂ

AṢṬANÀṂ MAHÀ GRAHÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KARÌṂ

SARVA 'SATRÙ NIVÀRAṆÌṂ

GURÀṂ DUSVAPNANÀṂ CANÀ'SANÌṂ

VIṢA , 'SASTRA, AGNI, UDAKA UTRAṆÌṂ

APARÀJITÀ GURÀ

MAHÀ CAṆṬHANA

MAHÀ DÌPTÀṂ

MAHÀ TEJAṂ

MAHÀ ‘SVETÀṂ JVALA

MAHÀ BALÀ ‘SRÌYA

PAṆḌARA VÀSINÌṂ

ARYA TÀRÀ

BHṚKUṬÌṂ

CEVAJAṂ VAJRA MALETI VI’SRÙTÀṂ

PADMAKMÀṂ

VAJRA JIHVACAḤ

MALÀ CEVÀPARÀJITAṂ

VAJRA DAṆḌI VI’SALÀCA

‘SANTÀ VAIDEHA PÙJITÀḤ

SAUMI RÙPÀ MAHÀ ‘SVETÀṂ

ÀRYA TÀRÀ MAHÀ BALÀḤ

APARÀ VAJRA ‘SAṄKALA CEVAḤ

VAJRA KAUMÀRIḤ KULANDHARÌ

VAJRA HASTÀCA

MAHÀ VIDYÀ TATHÀ KÀṂCANÀ MÀLIKAḤ

KUSUṂBHA RATANA CEVA

VAIROCANA KUDARTHOṢṆÌṢA

VIJṚṂBHA MÀṆÀCA VAJRA

KANAKA PRABHA LOCANAḤ

VAJRA TUṆḌÌCA

‘SVETÀCA

KAMALÀKṢA

‘SA’SI PRABHÀ

ITEYETE MUDRA GAṆAḤ SARVE RAKṢAṂ KURBBANTU MAMASYA

II _

OṂ _ ṚṢÌGAṆA PRA’SASTA TATHÀGATOṢṆÌṢÀ _ HÙṂ BHRÙṂ

JAMBHANA HÙṂ BHRÙṂ

STAMBHANA HÙṂ BHRÙṂ

BOHÀNAḤ HÙṂ BHRÙṂ

MATHÀNA HÙṂ BHRÙṂ

PARAVIDYÀ SAMBHAKṢAṆA KARA _ HÙṂ BHRÙṂ

SARVA DUṢṬANÀṂ STAMBHANA KARA _ HÙṂ BHRÙṂ

SARVA YAKṢA RÀKṢASA GRAHÀṆÀṂ VIDHVAṂSANA KARA _ HÙṂ BHRÙṂ

CATURÀ ‘SÌTÌNÀṂ GRAHA SAHASRÀNÀṂ VINÀ’SANA KARA _ HÙṂ BHRÙṂ

AṢṬAVIṂ ‘SATÌNÀṂ NAKṢATRÀNÀṂ PRASÀDANA KARA _ HÙṂ BHRÙṂ

AṢṬANÀṂ MAHÀ GRAHÀṆÀṂ VIDHVAṂSANAKARA _ RAKṢA RAKṢA MÀṂ

BHAGAVÀṂ STATHÀGATOṢṆÌṢA

MAHÀ PRATYUṄGIRE

MAHÀ SAHASRÀ BHUYE

SAHASRA 'SIRṢAI

KOṬI 'SATA SAHASRA NETRE

ABHEṂDYA JVALITANAṬANAKA MAHÀ VAJRODARA TṚBHUVANA MAṆḌALA

OṂ _ SVASTIRBHAVATU MAMA

III_

RÀJA BHAYA

CORA BHAYA

AGNI BHAYA

UDAKA BHAYA

VIṢA BHAYA

'SASTRA BHAYA

PARACAKRA BHAYA

DURBHIKṢA BHAYA

A'SANI BHAYA

AKÀLA MṚTYU BHAYA

DHARAṆÌ BHUMI KAṂPA BHAYA

ULKAPÀTA BHAYA

RAJADAṆḌA BHAYA

NAGA BHAYA

VIDYU BHAYA

SUPARṆI BHAYA

YAKṢA GRAHÀ

RAKṢASA GRAHÀ

PRETA GRAHÀ

PI'SÀCA GRAHÀ

BHUTA GRAHÀ

KUṂBHAṆḌA GRAHÀ

PÙTANA GRAHÀ

KAṬAPÙTANA GRAHÀ

SKANDA GRAHÀ

APASMÀRA GRAHÀ

UNMÀDA GRAHÀ

CCHÀYÀ GRAHÀ

REVATI GRAHÀ

ÙJA AHÀRIṆYA

GARBHA AHÀRIṆYA

JÀTA AHÀRIṆYA

JÌVITA AHÀRIṆYA

RUDHIRA AHÀRIṆYA

BASA AHÀRIṆYA

MAṂSA AHÀRIṆYA

MEDA AHÀRIṆYA

MAJJA AHÀRIṆYA

BÀNTA AHÀRIṆYA

A'SUCYA AHÀRIṆYA

CITTA AHÀRIṆYA

TEṢÀṂ SARVEṢÀṂ SARVA GRAHÀṆÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

PARIBRÀJAKA KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

ḌÀKA ḌÀKIṆÌ KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

MAHÀ PA'SUPATI RUDRA KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

TATVA GARUḌA SAHEYA KṚTÀṂ VIDYÀṂ_ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

MAHÀ KÀLA MATṚGAṆA KṚTÀṂ VIDYÀṂ_ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

KÀPÀLIKA KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

JAYAKARA, MADHUKARA, SARVÀRTHA SÀDHANA KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

CATURBHAGINÌ KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

BHṚṂGIRIṬIKA , NANDIKE'SVARA, GAṆAPATI , SAHEYA KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

NAGNA 'SRAMAṆA KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

ARHÀNTA KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

VÌTARÀGAṆA KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

VAJRAPÀṆI KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

BRAHMA KṚTÀṂ , RUDRA KṚTÀṂ , NARÀYAṆA KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

VAJRAPÀṆI GUHYAKÀDHIPATI KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

RAKṢA RAKṢA MÀṂ

IV _

BHAGAVÀṂ SITÀTAPATRA NAMOSTUTE

ASITA ANALÀRKAḤ PRABHA SPHUṬA VIKA SITÀTAPATEḤ *(? SITÀTAPATREḤ)* _ JVALA JVALA _ DHAKA DHAKA _ VIDHAKA VIDHAKA _ DARA DARA _ VIDARA VIDARA _ CCHINDA CCHINDA _ BHINDA BHINDA _ HÙṂ HÙṂ _ PHAṬ PHAṬ _ SVÀHÀ

HE HE PHAṬ

AMOGHAYÀ PHAṬ

APRATIHATÀYA PHAṬ

VARA PRÀDÀYA PHAṬ

ASURA VIDRÀPAKÀYA PHAṬ

SARVA DEVEBHYAḤ PHAṬ

SARVA NÀGEBHYAḤ PHAṬ

SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAṬ

SARVA RAKṢASEBHYAḤ PHAṬ

SARVA GARUḌEBHYAḤ PHAṬ

SARVA GANDHARVEBHYAḤ PHAṬ

SARVA ASUREBHYAḤ PHAṬ

ARVA *(? SARVA)* KINDAREBHYAḤ PHAṬ

ARVA *(? SARVA)* MAHORAGEBHYAḤ PHAṬ

SARVA PHI'SACEBHYAḤ (?*PI'SÀCEBHYAḤ)* PHAṬ

SARVA KUṂBHAṆḌEBHYAḤ PHAṬ

SARVA PÙTANEBHYAḤ PHAṬ

SARVA KAṬAPÙTANEBHYAḤ PHAṬ

SARVA DURLAṂGHIṂTEBHYAḤ PHAṬ

SARVA DUṢPREKṢIREBHYAḤ PHAṬ

SARVA JVAREBHYAḤ PHAṬ

SARVA APASMAREBHYAḤ PHAṬ

SARVA 'SRAMAṆEBHYAḤ PHAṬ

SARVA TÌRTHIKEBHYAḤ PHAṬ

SARVA UNMÀṂDEBHYAḤ PHAṬ

SARVA VIDYÀCARYEBHYAḤ PHAṬ

JAYÀKARA, MADHUKARA, SARVÀRTHA SADDHÀHEBHYO, VIDYÀCARYEBHYAḤ PHAṬ

CATURBHAGINÌBHYAḤ PHAṬ

VAJRA KAUMÀRÌ KULANDHARÌ VIDYÀRAJEBHYAḤ PHAṬ

MAHÀ PRATYUṄGIREBHYAḤ PHAṬ

VAJRA 'SAṄKALÀYA PRATYUṂGIRA RÀJAYA PHAṬ

MAHÀ KÀLÀYA MÀTṚGAṆA NAMASKṚTÀYA PHAṬ

INDRÀYA PHAṬ

BRAHMÌṆÌYE PHAṬ

RUDRÀYA PHAṬ

VIṢṆAVIYE PHAṬ

VIṢṆEVIYE PHAṬ

BRAHMÌYE PHAṬ

VARAKIYE PHAṬ

AGNIYE PHAṬ

MAHÀ KÀLÌYE PHAṬ

RAUDRÌYE PHAṬ

KÀLADAṆḌÌYE PHAṬ

AINDRÌYE PHAṬ

MÀTRÌYE PHAṬ

CÀMUṆḌÌYE PHAṬ

KÀLARÀTRÌYE PHAṬ

KÀPÀRÌYE PHAṬ

ADHIMUKTO ‘SMA’SÀNA VÀSINÌYE PHAṬ

V _

YEKE CITTÀ SATVÀ MAMA

DUṢṬA CITTÀ

PÀPA CITTÀ

RAUDRA CITTÀ

VIDVAIṢA CITTÀ

AMAITRA CITTÀ

UTPÀDA YANTI

KÌLA YANTI

MANTRA YANTI

JÀPA YANTI

JOHANTI

UJA AHÀRÀ

GARBHA AHÀRÀ

RUDHIRA AHÀRÀ

MAṂSA AHÀRÀ

MEDA AHÀRÀ

MAJJA AHÀRÀ

BASA AHÀRÀ

JÀTA AHÀRÀ

JÌVITA AHÀRÀ

MALYA AHÀRÀ

BALYA AHÀRÀ

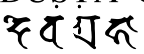
GANDHA AHÀRÀ

PUṢPA AHÀRÀ

PHALA AHÀRÀ

SASYA AHÀRÀ

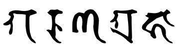
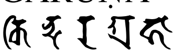
PÀPA CITTÀ


DUṢṬA CITTÀ

DEVA GRAHÀ

NAGA GRAHÀ

YAKṢA GRAHÀ

RAKṢASA GRAHÀ

ASURA GRAHÀ

GARUṆA GRAHÀ

KINDARA GRAHÀ

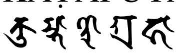
MAHORAGA GRAHÀ

PRETA GRAHÀ

PI'SÀCA GRAHÀ

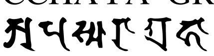
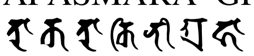
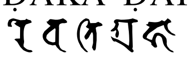
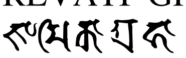
BHÙTA GRAHÀ

PÙTANA GRAHÀ

KAṬAPÙTANA GRAHÀ

KUṂBHAṆḌA GRAHÀ

SKANDA GRAHÀ

UNMÀDA GRAHÀ

CCHÀYA GRAHÀ

APASMÀRÀ GRAHÀ

ḌÀKA ḌÀKIṆÌ GRAHÀ

REVATI GRAHÀ

JAMIKÀ GRAHÀ

‘SAKUNI GRAHÀ

NADÌKE GRAHÀ

LAṂVIKA GRAHÀ

KAṆṬHAPÀṆI GRAHÀ

JVALÀ, EKÀHIKÀ , DVAITIYAKÀ , TRETIYAKÀ, CATURTHAKÀ , NITYÀ JVARÀ

VIṢAMA JVARÀ

VÀTIKA

PAITTIKÀ

‘SLEṢMIKÀ

SANDIPATIKÀ

SARVA JVARÀ

‘SIRORTTI

ARVÀVABHEDHAKA

AROCAKA

AKṢI ROGAṂ

MUKHA ROGAṂ

HṚDROGAṂ

KARṆḌA ‘SÙLAṂ

DANDA ‘SÙLAṂ

HṚDAYA ‘SÙLAṂ

MARMA ‘SÙLAṂ

PÀRÀ’SVA ‘SÙLAṂ

PARIṢṬI ‘SÙLAṂ

UDARA ‘SÙLAṂ

KAṬI ‘SÙLAṂ

BASTI ‘SÙLAṂ

ÙRÙ ‘SÙLAṂ

JAṂGHA ‘SÙLAṂ

HASTA ‘SÙLAṂ

PÀDA ‘SÙLAṂ

SARVÀṄGA PRATYUṄGA ‘SÙLAṂ

BHÙTA VETÀḌA

ḌAKÀ ḌÀKIṆÌ

JVARA DADRUKAṆTYU

KIṬI

BHALOTÀVAI

SARPALOHÀ

LIṄGA

‘SOṢATRÀ

SAGARA

VIṢA YOGA

AGNI

UDAKA

MARAVERA

KÀNTARA

AKÀLA MṚTYU

TRAIMUKA TRAILAṬAKA

BṚ'SCIKA

SARPA

NAKULA

SÌṂHÀ

VYÀGHRA

RIKṢA

TARARIKṢA

CAMARA JÌVIBHE

TEṢÀṂ SARVEṢÀṂ SITÀTAPATRA MAHÀ VAJROṢṆÌṢAṂ MAHÀ PRATYUṄGIRAṂ

YÀBA DVÀDA'SA YOJANÀBHYÀNTAREṆA

SÀMA BANDHAṂ KAROMI

DI'SA BANDHAṂ KAROMI

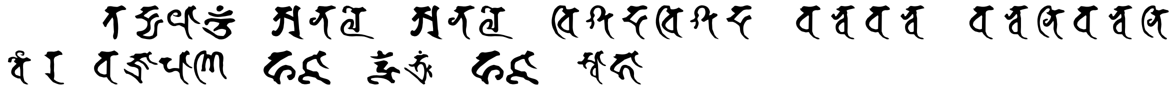
PARAVIDYA BANDHAṂ KAROMI

TEJO BANDHAṂ KAROMI

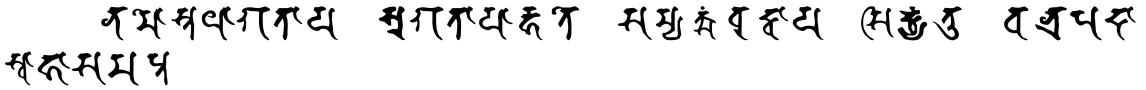
HASTÀ BANDHAṂ KAROMI

PÀDA BANDHAṂ KAROMI

SARVÀṄGA PRATYUṄGA BANDHAṂ KAROMI



_ TADYATHÀ : OṂ _ ANALE ANALE _ VI'SADA VI'SADA – BANDHA BANDHA _ BANDHANI BANDHANI _ VAIRA VAJRA-PÀṆI PHAṬ _ HÙṂ BHRÙṂ PHAṬ _ SVÀHÀ



NAMO STATHÀGATÀYA SUGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA SIDDHYAṂTU VANTRA PADÀ _ SAMAPTA

10/10/2006

中英梵楞嚴咒

如來頂髻 Stathagatoshnisham · 白傘蓋 Sitalapatram · 無有 Apa-

能及 rajitam · 甚能調伏 Pratyungiram · 陀羅尼 Dharani

皈命 Namah · 一切 sarva · 佛 Buddha · 菩薩等 Bodhisatvebhyah

皈命 Namo · 七億 saptanan · 正等覺 samyaksambuddha · kotinan

聲聞眾 sasrabakasanghanan · 皈命 Namo · 世間 Loke

應供 Arhantanan · 皈命 Namo · 預流果眾 Srotapannanan · 皈命 Namo

一來果眾 Sukritagaminan · 皈命 Namo · 不還果眾 Anagaminan

皈命 Namo · 世間 Loke · 正至 Samyaggatanan · 正行 Samyakpratipannanan

皈命 Namo · 三寶 Ratnatrayaya · 皈命 Namo

世尊 Bhagavate · 堅固勇猛眾 dridasurasenapraharana

王 Rajaya · 如來 Tathagataya · 應供 Arhate

正等覺 Samyaksambuddhaya · 皈命 Namo · 世尊 Bagavate

無量光 Amitabhaya · 如來 Tathagataya · 應供 Arhate

正等覺 Samyaksambuddhaya · 皈命 Namo · 世尊 Bhagavate

阿閦 Akshobhyaya · 如來 Tathagataya · Arhate

Samyaksambuddhaya · Namo · Bhagavate

藥師 Bhaishajyaguru · 琉璃光王 Bainuryaprabharajaya

如來 Tathagataya · Arhate · Samyaksambuddhaya

Namo Bhagavate 開敷花 Sampushpitasalendra

王 Rajaya 如來 Tathagataya

應供 Arhate, 正等覺 Samyaksambuddhaya 皈命世尊 Namo Bhagavate

釋迦牟尼 Sakyamunaye 如來 Tathagataya

Arhate Samyaksambuddhaya Namo Bhagavate

寶華幢王 Ratnakusumaketurajaya

如來 Tathagataya Arhate Samyaksambuddhaya

皈命世尊 Namo Bhagavate 如來 Tathagata

部族 Kulaya 皈命世尊 Namo Bhagavate 蓮花部族 Padmakulaya

Namo Bhagavate 金剛部族 Vajrakulaya

Namo Bhagavate 寶部族 Manikulaya

Namo Bhagavate 明鑠部族 Garjakulaya

Namo 天仙衆 Devarshinan Namo 成就持明衆 siddhavidyadharanan

Namo 成就持明仙衆 siddhavidyadhararshinan

賜恩伸攝衆 sapanugrahasamarthanan Namo

梵天衆 brahmane Namo 帝釋天 indraya Namo

Bhagavate 大自在天天后 Rudrayaumapati 及眷屬等 saheyaya

Namo 那羅延天 Narayannaya 守護於我 rakshammi

及眷屬等 sahaynya 五大印 pamtsamahamudra

Nama sKritaya Namo Maha Kalaya

tripuranagara vidrapanakaraya

adhimuktokasmasanavasinimatrigana

Namah skritaya Ebhyo Namahskritva

Emam Bhagavate stathagatashnisham

sitatapatram Nama parajitam

pratyungiram Sarva Devanamaskritam

Sarva, Devebhyahpujitam Sarva

Devestsaparipalitam Sarva bhutagraha

nigrahakarim paravidya Chedanakarim

dunantanan satvanan damakam

dushtanannivaranim Akalamrityuprasamanakarim

Sarva bandhana

mokshanakarim Sarva dushtadusvapna nivaranim

tsaturasitinan grahn sahasranan

vidhvamsanakarim ashtabimsatinan

nakshatranan prasadanakarim ashtanan

mahagrahanan vidhvamsanakarim sarva

satrunivaranim guramdusvapnanan

tsanasanim vishasastra agni Udaka

utranim aparajitagura mahatsantnan

附錄 中英梵楞嚴咒

mahadiptam Mahatejam mahasvetam

jvala mahabalasriya pandaravasinim

Aryatara Brikutim Tsevajam Vajra

maletivisrotam Padmaknam Vajra jihvatsah

malatsebaparajitah Vajra dandi

visalatsa santavaidehapujitah somi-

rupa mahasveta Aryatara mahavalah

Apara Vajra sankalatsevah Vajra

keomarih kulandhari Vajra hastatsa Maha

vidya tathakamtsanamalikah kusumbha

ratnatseva vairotsana kudarthoshnisha

vijrimbhamanatsa Vajra kanaka prabha

lotsanah Vajra tunditsa svetatsa Kamalaksha

sasiprabha ityetemudraganah

sarva raksham kurbbantu mamasya

II

Om rishigana prasasta tathagatashnisha

hum bhrum jambhana hum bhrum stambhana hum bhrum

bohanah Hum bhrum mathana hum bhrum paravidya

sambhakshanakara hum bhrum sarva

dushtanan stambhanakara hum bhrum sarva yaksha

rakshasa grahanan vidhvamsanakara hum bhrum

tsaturasitinan graha sahasranan

vinasanakara hum bhrum ashtabimsatinan

nakshatranan prasadanakara hum bhrum

ashtanan maha grahanan vidhvamsanakara

raksha raksha mam

Bhagavan stathagatoshnisha maha pratyungire

maha sahasrabhuje sahasra

sirshei kotisatasahastra netre

abhemdya jvalitanatanaka maha

vajrodara tribubana mandala

Om svastirbhavatu mama

Rajabhaya tsorabhaya Agnibhaya

udakabhaya vishabhaya sastrabhaya

paratsakrabhaya durbhikshabhaya

asanibhaya akalamrityubhaya

dharanibhumikampabhaya ulkopatabhaya

rajadandabhaya nagabhaya

vidyubhaya suparnibhaya yakshagraha

rakshasagraha pretagraha pisatsagraha

化生鬼魅 bhutagraha　魘形鬼魅 kumbhandagraha

臭鬼魅 putanagraha　奇臭鬼魅 kataputanagraha

僞毘鬼魅 skandagraha　羊癎鬼魅 apasmaragraha

顛狂鬼魅 unmadagraha(oonmadagraha)　魍影鬼魅 chayagraho　revati

魅 graha　食生人氣色者 ujaharinya　食胎胞者 garbha-

harinya　食生氣者 jataharinya　食壽命者 jivitaharinya

食血者 rudhiraharinya　食脂者 basaharinya　食肉者 mamsa-

harinya　食脂者 medaharinya　食髓者 majjaharinya

食出息者 bantaharinya　食不淨者 asutsyaharinya

食心者 tsittaharinya　如是一切鬼魅 teshamsarvesham　sarva grahanan

所有咒曰 vidyam　我今斷之 chindayami　我今擱之 kilayami

外道賊 paribrajaka　所作咒語 kritamvidyam　我今斷之 chindayami

我今擱之 kilayami　狐魅 dakadakini　所作咒語 kritamvidyam

chindayami　kilayami　大獸主(即大自在天) maha pasupatirudra

kritamvidyam　chindayami　kilayami

金翅鳥及眷屬 tatvagarudasaheya　kritamvidyam

chindayami　kilayami　大 maha　黑母衆 kalamatrigana

kritamvidyam　chindayami　kilayami

髑髏外道 kapalika　kritamvidyam　chindayami　kilayami

作勝者 jayakara　作甘者 madhukara　及一切義成就者 sarvarthasadana

所作咒語 kritamvidyam　我今斷之 chindayami　我今擱之 kilayami

tsaturbhagini kritamvidyam chindayami

kilayama bhrimgiritika nandikesvara

ganapati saheya kritamvidyam chindayami

kilayami nagnasramana kritamvidyam

chindayami kilayami arhanta kritam-

vidyam chindayami kilayami vitaragana

kritamvidyam chindayami kilayami

Vajra pani kritamvidyam chindayami kila-

yami brahma kritam rudra kritam narayamna

kritamvidyam chindayami kilayami vajra

pani guhyakadhipati kritamvidyam chinda-

yami kilayami raksha raksha mam

Bhagavan sitatapatra namostute

Asitanalarkah prabha sputavika sitata-

patreh jvala jvala dhaka dhaka vidhaka

vidhaka dara dara vidara vidara

chinda chinda bhinda bhinda hum hum pat

pat svaha hehe pat amoghaya

pat apratihataya pat vara-

pradaya pat asura vidrapakaya pat

IV

附錄 中英楞嚴咒

sarva Devebhyah pat sarva nagebhyah

pat sarva yakshebhyah pat sarva raksha-

sebhyah pat sarva garudebhyah pat

sarva gandharbebhyah pat sarva asurebhyah

pat sarva kindarebhyah pat

sarva mahc-agabhyah pat sarva bhutebhyah

pat sarva pisatsebhyah pat

sarva kumbhandebhyah pat sarva putanebhyah

pat sarva kataputanebhyah pat

sarva durlamghitebhyah pat sarva

dushprekshitebhyah pat sarva jvarebhyah pat

sarva apasmarebhyah pat sarva sramana-

bhyah pat sarva tirthikebhyah pat

sarva oonmandebhyah pat sarva vidya

tsaryebhyah pat jayakara madhukara

sarva arthasaddhakebhyo vidyatsaryebhyah pat

tsaturbhaginibhyah pat vajra

kaumari kulandhari vidyarajebhyah pat

maha pratyungirebhyah pat vajra

sankalaya pratyungiracajeya pat

大 黑天神鬼神眾 作禮者
Maha kalayamatrigana Namaskritaya

帝釋天 梵天妃
pat Indraya pat Brahminiye

自在天 毘紐天子
pat Rudraya pat Vishneviye pat

毘紐天妃 梵天
Vishneviye pat Brahmiya pat

猪頭神 火天
Varakiye pat Agniye pat

大黑天妃 瞋怒神
Mahakaliye pat Raudriye pat

大鬼帥黑夜神 帝釋
Karadandiye pat Aindriye pat

鬼神 怒神
Matriye pat Tsamoondiye pat

黑夜神 髑髏神女
Kaleratriye pat Kapariye pat

樂居塚間女
Adhimuktoka smasanavasiniye

賤心有情 我
pat yekelsittasatva mama

V

惡心 罪心 忿怒心 瞋恚心
Dushtatsitta papatsitta raudratsitta vidvaisha-

無慈心 生也
tsitta amaitratsitta utpadayanti

結也 密語也 誦也
kilayanti mantrayanti japanti

生也 食精氣鬼 食胎鬼
johanti ujahara garbhahara

食血鬼 食肉鬼 食脂鬼
rudhirahara mamsahara medahara

食髓鬼 食初產者
majjahara vasahara

食生氣者 食壽命者 食鬘者
jatahara jivitahara malyahara

食力者 食香氣者
balyahara gandhahara

食花者 食果者 食種子者
pushpahara palahara sasyahara

罪心 p·patsitta　惡心 dushtatsitta　天魅 devagraha

龍魅 nagagraha　夜叉魅 yakshagraha　羅剎鬼魅 rakshasagraha

阿修羅魅 asuragraha　迦樓羅魅 garunagraha

緊那羅魅 kindaragraha　大腹行神魅 mahoragagraha

餓鬼魅 pretagraha　食肉鬼魅 pisatsagraha　化生鬼魅 bhutagraha

臭鬼魅 putanagraha　奇臭鬼魅 kataputanagraha

甕形鬼魅 kumbandagraga　偏形鬼魅 skandagraha　狂鬼魅 oonmadagraha

影鬼魅 chayagraha　羊頭鬼魅 apasmaragraha

厭蠱夜鬼魅 dakadakinigraha　偶兒鬼魅 revatigraha

如馬鬼魅 jamikagraha　鳥形鬼魅 sakunigraha

貓形鬼魅 nandikagraha　蛇形鬼魅 lamvikagraha　雞形 kanta-

鬼魅 panigraha　瘧鬼 jvala(jvara)　一日瘧 ekahika　二日瘧 dvaiti-

yaka　三日瘧 tretiyaka　四日瘧 tsaturthaka　常 nitya-

壯熱 jvara　壯熱 vishamajvara　風病 vatika

黃病 paittika　痰癊 sleshmika　相挾 sandipatika

一切熱病 sarvajvara　頭痛 sirortti　半頭痛 ardhavabhedhaka

不食病 arotsaka　眼痛 akshirogam　口痛 mukharogam

總痛 hridrogam　耳痛 korndasulam　牙痛 dandasulam

心痛 hridayasulam　骨節疼痛 marmasulam　脅痛 parasvasulam

背痛 prishtasulam　腹痛 udarasulam

附錄 中英梵楞嚴咒

腰痛 katisulam · 胯痛 bastisulam · 腿膝痛 urusulam

腕痛 jamghasulam · 手痛 hastasulam · 腳痛 padasulam

一切支節疼痛 sarvangapratyungasulam · 起屍鬼 bhutavetada

眠鬼 dakadakini · 天行鬼 jvara dadrokantyu · 蜘蛛瘡 kiti

丁瘡 bholotavai · 浸淫瘡 sarpaloha · 赤瘡 linga · (未詳) soshatra

(未詳) sagara · 蠱毒 vishayoga · 火 agni · 水 udaka

(未詳) maravera · 獸 kantara · 非時夭死 akalamrityu

(蟲名) traimuka · (蟲名) trailataka · 蝎 bristsika · 蛇 sarpa

鼠狼 nakula · 獅子 simha · 虎 byaghra · 熊 riksha · 羆 tara-

riksha · 猫牛 tsamara jivibhe · 如是一切諸難 tesham sarvesham

是白傘蓋 sitatapatram · 大金剛頂 Maha Vajroshnisham · 大能調伏 Maha

令諸難自然退散 pratyungiram · 乃至十二由旬 yaba dvadasa yojana

內 bhyantarena · 我作結界 simabandhamkaromi

我作十方結縛 disabandhamkaromi · 我作能勝明結縛 paravidy bandhamkaromi

我作光聚結縛 tejobandhamkaromi · hasta-

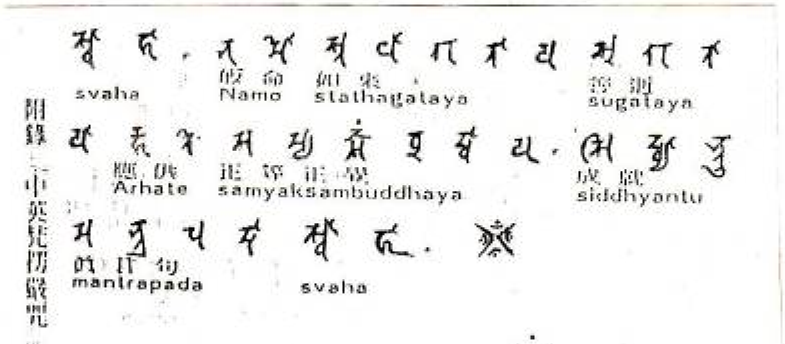
我作手結縛 bandhamkaromi · 我作足結縛 padabandhan. romi

我作一切支節結縛令彼諸難不得入也 sarvangapratyungabandhamkaromi

即說咒曰 Tadyatha · Om · Anale · Anale · Visada

Visada · Bandha · bandha · bandhani · bandhani

vairu · Vajra · pani · pat · hum bhrum pat



svaha 皈命 Namo 如來 stathagataya 善逝 sugataya

應供 Arhate 正等正覺 samyaksambuddhaya 成就 siddhyantu

真言句 mantrapada svaha

此真言是唐朝大廣智不空三藏所譯由日本密宗阿闍梨秘藏本鈔錄流通。



CHÚ LĂNG NGHIÊM
(PHẠN, ANH , HOA)

Phạn Hán : Tam Tạng Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG
Dịch Phạn âm : HUYỀN THANH
Dịch Hán Việt : VỌNG CHI

*STATHÀGATOṢṆÌṢÀṂ (*Như Lai Đỉnh Kế*) SITÀTAPATRAṂ (*Bạch Tản Cái*) APARÀJITAṂ* (Vô Hữu Năng Cập*) PRATYUṄGIRAṂ (*Thậm Năng Điều Phục*) DHARAṆI (*Tổng Trì*)*

I _

NAMAḤ (Quy mệnh) SARVA BUDDHÀ BODHISATVEBHYAḤ (Nhất thiết Phật Bồ Tát Đẳng)

NAMO (Quy mệnh) SAPTÀNÀṂ (7 Ức) SAMYAKSAṂBUDDHÀ (Chính Đẳng Giác) KOṬÌNÀṂ SA'SRÀVAKA SAṂGHANÀṂ (Thanh Văn Chúng)

NAMO (Quy mệnh) LOKE (Thế Gian) ARHANTÀNÀṂ (Ứng Cúng)

NAMO (Quy mệnh) SROTÀPANNÀNAṂ (Chư Dự Lưu Quả Chúng)

NAMO (Quy mệnh) SUKṚTÀGÀMINÀṂ (Nhất Lai Quả Chúng)

NAMO (Quy mệnh) ANÀGÀMINÀṂ (Bất Hoàn Quả Chúng)

NAMO (Quy mệnh) LOKE (Thế Gian) SAMYAGGATÀNÀṂ (Chính Chí) SAMYAKPRATIPANNNÀNÀṂ (Chính Hạnh)

NAMO (Quy mệnh) RATNATRAYÀYA (Tam Bảo)

NAMO (Quy mệnh) BHAGAVATE (Thế Tôn) DṚḌHA 'SURASENA PRAHARAṆA (Kiên Cố Dũng Mãnh Kích) RÀJÀYA (Vương) TATHÀGATAYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng) SAMYAKSAṂBUDDHÀYA (Chính Đẳng Giác)

NAMO (Quy mệnh) BHAGAVATE (Thế Tôn) AMITÀBHÀYA (Vô Lượng Quang) TATHÀGATAYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng) SAMYAKSAṂBUDDHÀYA (Chính Đẳng Giác)

NAMO (Quy mệnh) BHAGAVATE AKṢOBHYÀYA (Thế Tôn Bất Động Như Lai) TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

NAMO BHAGAVATE BHAIṢAJYA GURU (Dược Sư) VAITÙRYA PRABHA RÀJÀYA (Lưu Ly Quang Vương) TATHÀGATÀYA (Như Lai) ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

NAMO BHAGAVATE SAṂPUṢPÌTA SÀLENDRA (Khai Phu Hoa) RÀJÀYA (Vương) TATHÀGATÀYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng) SAMYAKSAṂBUDDHÀYA (Chính Đẳng Giác)

NAMO BHAGAVATE 'SÀKYAMUNAYE TATHÀGATAYA (Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai) ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

NAMO BHAGAVATE RATNA KUSUMA KETU RÀJÀYA TATHÀGATAYA (Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai) ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

NAMO (Quy mệnh) BHAGAVATE (Thế Tôn) TATHÀGATÀ KULÀYA (Như Lai Bộ Tộc)

NAMO (Quy mệnh) BHAGAVATE (Thế Tôn) PADMA KULÀYA (Liên Hoa Bộ Tộc)

NAMO BHAGAVATE VAJRA KULÀYA (Kim Cương Bộ Tộc)

NAMO BHAGAVATE MAṆI KULÀYA (Bảo Bộ Tộc)

NAMO BHAGAVATE GARJA KALÀYA (Khố Tàng Bộ Tộc)

NAMO DEVA RṢÌṆÀṂ (Thiên Tiên Chúng)

NAMO SIDDHÀ VIDYÀ DHARÀṆÀṂ (Thành Tựu Trì Minh Chúng)

NAMO SIDDHÀ VIDYÀ DHARÀ RṢÌṆÀṂ (Thành Tựu Trì Minh Tiên Chúng) 'SÀPANU GRAHA SAMARTHÀNÀṂ (Nhiếp Ác Tác Thiện Chúng)

NAMO BRAHMAṆE (Phạm Thiên Chúng)

NAMO INDRAYA (Đế Thích Thiên)

NAMO BHAGAVATE RUDRÀYA UMÀPATÌ (Đại Tự Tại Thiên, Thiên Hậu) SAHEYÀYA (Cập Quyến Thuộc Đẳng : Với hàng Quyến Thuộc)

NAMO NARÀYAṆÀYA (Na La Diên Thiên) RAKSAṂMI (Ủng Hộ ư Ngã: Ủng hộ cho tôi) SAHEYÀYA (Với hàng Quyến Thuộc)

PAṂCA MAHÀ MUDRA (5 Đại Ấn) NAMASKṚTÀYA (Tác lễ giả: Người làm lễ)

NAMO MAHÀ KÀLÀYA (Đại Hắc) TRINAGARA (3 cung thành) VIDRÀPAṆA KÀRÀYA (Phá hoại) ADHIMUKTO 'SMA'SÀNA VASINI MÀTṚGAṆA (Lạc Tủng Cư Mẫu Chúng: Hàng Âm Nữ thích cư ngụ ở gò mả) NAMAḤ SKṚTÀYA (Tác lễ giả)

EBHYO NAMAḤ SKṚTVÀ (Như thị tác lễ : Tác lễ như vậy)

IMÀṂ (Dĩ tất : Đã xong)

BHAGAVATE STATHÀGATOṢṆÌṢÀṂ SITÀTASPATRAṂ NAMA APARÀJITAṂ PRATYUṄGIRAṂ (Quy mệnh Thử Bạch Tản Cái Đại Phật Đỉnh Thế Tôn Tối Thắng Điều Phục Vô Năng Cập Giả)

SARVA DEVA NAMASKṚTÀṂ (Nhất thiết Thiên Chúng tác lễ giả)

SARVA DEVEBHYAḤ PÙJITAṂ (Nhất thiết Thiên Chúng cúng dường giả)

SARVA DEVE'SCA PARIPÀLITAṂ (Nhất thiết Thiên Nữ đẳng giai vệ hộ)

SARVA BHÙTA GRAHA (Nhất thiết Ác Quỷ Túy) NIGRAHA KARÌṂ (Thậm năng giáng phục)

PARAVIDYÀ CCHEDANA KARÌṂ (Năng già đoạn kỳ Chú lực : Hay chận cắt Chú lực khác)

DUNAṂ TANAṂ SATVÀNÀṂ DAMAKAṂ (Năng giáng phục nan giáng phục giả chúng sinh: Hay giáng phục chúng sinh khó giáng phục) DUṢṬÀNÀṂ NÌVÀRAṆÌṂ (Chư ác già chỉ : Hay ngăn chận các điều ác)

ÀKÀLA MṚTYU PRA'SAMANA KARÌṂ (Năng miễn trừ phi thời yểu tử: Hay miễn trừ sự chết yểu không đúng thời)

SARVA BANDHANA MOKṢANA KARÌṂ (Nhất thiết chư phộc giải thoát: Giải thoát tất cả các sự trói buộc)

SARVA DUṢṬA DUSVAPNA NIVÀRAṆÌṂ (Năng tịch nhất thiết ác mộng: Hay làm mất tất cả mộng ác)

CATURA SÌTÌNÀMṂ GRAHA SAHASRÀNÀMṂ VIDHVAṂSANA KARÌṂ (Thậm năng tồi hoại bát vạn tứ thiên phiền não: Rất hay đập nát 84000 phiền não)

AṢṬAVIṂ 'SATÌNAṂ NAKṢATRÀNÀMṂ PRASÀDANA KARÌṂ (Nhị thập bát Tú hoan hỷ : 28 vị Tinh Tú vui vẻ)

AṢṬANÀMṂ MAHÀ GRAHÀNÀMṂ VIDHVAṂSANA KARÌṂ (Năng tồi hoại bát căn bản phiền não: Hay đập nát 8 phiền não căn bản)

SARVA 'SATRÙ NIVÀRAṆÌṂ (Nhất thiết oan gia già chỉ : Ngăn chận tất cả oan gia)

GURÀMṂ DUSVAPNANÀMṂ CANÀ'SANÌṂ (Trọng ác mộng đẳng tiêu diệt: Tiêu diệt tất cả mộng ác nặng nề)

VIṢA (Độc, chất độc), 'SASTRA (Đao trượng : Dao gậy), AGNI (Hỏa: Lửa), UDAKA (Thủy: Nước) UTRAṆÌṂ (Độ thoát)

APARÀJITÀ GURÀ (Vô năng cập giả : Đấng không có gì không làm kịp)

MAHÀ CAṆṬHANA (Đại lực phẫn nộ)

MAHÀ DÌPTÀMṂ (Đại uy quang)

MAHÀ TEJAṂ (Đại uy diệu)

MAHÀ 'SVETÀMṂ JVALA (Đại Bạch Thiên chi quang diễm: Lửa ánh sáng của Đại Bạch Thiên)

MAHÀ BALA 'SRÌYA (Đại lực cát tường)

PAṆḌARA VÀSINÌṂ (Bạch Y Mẫu)

ARYA TÀRÀ (Thánh Cứu Độ Tôn)

BHṚKUṬÌṂ (Phẫn Nộ Mẫu)

CEVAJAṂ VAJRA MALATI VI'SRÙTÀMṂ (Danh Xưng Anh Tướng Thắng Kim Cương)

PADMAKMÀMṂ VAJRA JIHVACAḤ (Liên Hoa Anh Tướng Kim Cương Thiệt)

MALÀ CEVÀPARAJITÀḤ (Xa Xưng Thiên Nữ Kim Cương Man)

VAJRA DAṆḌI VI'SALÀCA

'SANTÀ VAIDEHA PÙJITÀḤ (Nhu Thiện Thiên Chúng cúng dường)

SAUMI RÙPA MAHÀ 'SVETÀMṂ (Thiện Mạo Đại Bạch Thiên)

ÀRYA TÀRÀ MAHÀ BALÀḤ (Thánh Cứu Độ Tôn Đại Lực)

APARÀ VAJRA 'SAṄKALÀ CEVAḤ (Kim Cương Liên Tỏa Tối Thắng)

VAJRA KAUMÀRIḤ KULANDHARÌ (Kim Cương Đồng Nữ Tính Trì Nữ)

VAJRA HASTÀCA (Kim Cương Thủ)

MAHÀ VIDYÀ TATHÀ KÀMṂCANÀ MÀLIKAḤ (Đại Minh Chân Kim Anh Giả)

KUSUMṂBHA RATNA CEVA (Hồng Lam Bảo Tối Thắng)

VAIROCANA KUDÀRTHOṢṆÌṢA VIJṚMBHA MÀṆÀCA (Phổ Chiếu Kế Xưng La Sát Thần Nữ)

VAJRA KANAKA PRABHÀ (Kim Cương Uy Thế Quang)

LOCANÀḤ (Liên Hoa Mục)

VAJRA TUṆḌÌCA ‘SVETÀCA (Kim Cương Nhãn Bạch)

KAMALÀKṢA (Liên Hoa Nhãn)

‘SA’SI PRABHÀ (Nguyệt Quang)

ITEYETE MUDRA GAṆAḤ (Như thị Ấn Chúng: Mọi Ấn như vậy) SARVE RÀḤKṢAṂ KURBBANTU MAMASYA (Nhất thiết thủ hộ ư ngã: Tất cả thủ hộ cho tôi)

II _

OṂ _ ṚṢÌGAṆA PRA’SASTA TATHÀGATOṢṆÌṢÀ (Quy Kính Tiên Chúng Thiện Tướng Như Lai Đỉnh Kế) HÙṂ BHRÙṂ (Chủng Tử)

JAMBHANA (Lược thủ : Cướp lấy) HÙṂ BHRÙṂ

STAMBHANA (Trấn hộ) HÙṂ BHRÙṂ

BOHÀNAḤ (Mê hoặc ý) HÙṂ BHRÙṂ

MATHÀNA (Tồi phá) HÙṂ BHRÙṂ

PARAVIDYÀ (Tha Minh : Bài Minh khác) SAMBHAKṢAṆA KARA (Vị tường : Chưa biết rõ ?) HÙṂ BHRÙṂ

SARVA DUṢṬANÀṂ STAMBHANA KARA (Trấn nhất thiết chư ác: Trấn tất cả các ác) HÙṂ BHRÙṂ

SARVA YAKṢA RÀKṢASA GRAHÀṆÀṂ VIDHVAṂSANA KARA (Phá chiết nhất thiết Dược Xoa La Sát tác Túy) _ HÙṂ BHRÙṂ

CATURA ‘SÌTÌNÀṂ GRAHÀ SAHASRÀṆÀṂ VINÀ’SANA KARA (Tiêu diệt 84000 Quỷ Thần) HÙṂ BHRÙṂ

AṢṬAVIṂ ‘SÀTÌNÀṂ NAKṢATRÀNÀṂ PRASADANA KARA (28 vị Tinh Tú vui vẻ) HÙṂ BHRÙṂ

AṢṬANÀṂ MAHÀ GRAHÀṆÀṂ VIDHVAṂSANA KARA (Phá hoại đại ác tinh) RAKṢA RAKṢA MÀṂ (Ủng hộ cho tôi)

BHAGAVÀṂ (Thế Tôn) STATHÀGATOṢṆÌṢA (Như Lai Đỉnh Kế)

MAHÀ PRATYUṄGIRE (Đại Năng Điều Phục)

MAHÀ SAHASRÀ BHUYE (Đại Thiên Tý : 1000 cánh tay to lớn)

SAHASRA ‘SIRṢAI (Thiên Đầu : 1000 cái đầu)

KOṬI ‘SATA SAHASRÀ NETRE (Ức Bách Thiên Nhãn: 100 triệu trăm ngàn con mắt)

ABHEṂDYA (Nội : bên trong) JVALITANAṬANAKA (Diễm cụ chủng tướng) MAHÀ VAJRODARA TṚBHÙVANA MAṆḌALA (Đại Kim Cương tác quảng Tam Hữu Đàn Trường)

OṂ _ SVASTIRBHAVATU MAMA (Nguyện Ngã đẳng cập nhất thiết chúng sinh giai hoạch cát tường: Nguyện cho chúng tôi với tất cả chúng sinh đều được tốt lành)

III_

RÀJA BHAYA (Vương nạn: Nạn do vua chúa gây ra)

CORA BHAYA (Tặc nạn : nạn giặc cướp)

AGNI BHAYA (Hỏa nạn : Nạn lửa thiêu đốt)
UDAKA BHAYA (Thủy nạn : nạn nước cuốn chìm)
VIṢA BHAYA (Độc nạn : nạn vướng chất độc)
'SASTRA BHAYA (Đao trượng nạn : Nạn do dao gậy)
PARACAKRA BHAYA (Binh nạn : nạn do quân binh)
DURBHIKṢA BHAYA (Cơ cận nạn :nạn đói khát)
A'SANI BHAYA (Bạc nạn :nạn mưa đá)
AKÀLA MṚTYU BHAYA (Phi thời tử nạn : nạn chết không đúng thời)
DHARAṆÌ BHUMI KAṂPA BHAYA (Địa chấn nạn: nạn động đất)
ULKOPÀTA BHAYA (Hiểm lộ nạn : Nạn trên đướng đi nguy hiểm)
RÀJADAṆḌA BHAYA (Vương hình nạn : nạn bị hình phạt của vua chúa)
NAGA BHAYA (Long nạn: nạn do Rồng hại)
VIDYU BHAYA (Lôi nạn : nạn bị sét đánh)
SUPARṆI BHAYA (Kim Xí Điểu nạn)
YAKṢA GRAHÀ (Dạ Xoa tác túy: hàng Dạ Xoa gây ra điều ma quái)
RÀKṢASA GRAHÀ (La Sát Túy: điều ma quái của hàng La Sát)
PRETA GRAHÀ (Ngạ Quỷ Túy)
PI'SÀCA GRAHÀ (Thực huyết nhục Quỷ Túy)
BHÙTA GRAHÀ (Hóa Sinh Quỷ Túy)
KUMBHAṆḌA GRAHÀ (Ung Hình Quỷ Túy)
PÙTANA GRAHÀ (Xú Quỷ Túy)
KAṬAPÙTANA GRAHÀ (Kỳ Xú Quỷ Túy)
SKANDA GRAHÀ (Thiên Thần Quỷ Túy: Điều ma quái của hàng Quỷ vẹo môi)
APASMARA GRAHÀ (Dương Đầu Quỷ Túy)
UNMÀDA GRAHÀ (Điên Cuồng Quỷ Túy)
CCHÀYÀ GRAHÀ (Lô Hình Quỷ Túy)
REVATI GRAHÀ (Não Nhi Quỷ Túy)
UJA AHÀRIṆYA (Thực sinh nhân khí sắc giả : Loài ăn khí sắc của người sống)
GARBHA AHÀRIṆYA (Thực bào thai giả)
JÀTA AHÀRIṆYA (Thực sinh khí giả)
JÌVITA AHÀRIṆYA (Thực thọ mệnh giả)
RUDHIRA AHÀRIṆYA (Thực Huyết giả)
BASA AHÀRIṆYA (Thực sản giả)
MAṂSA AHÀRIṆYA (Thực nhục giả : loài ăn thịt)
MEDA AHÀRIṆYA (Thực ám giả)
MAJJA AHÀRIṆYA (Thực Tủy giả)
BÀNTA AHÀRIṆYA (Thực Xuất tức giả : Loài ăn hơi thở ra vào)
A'SÙCYA AHÀRIṆYA (Thực bất tĩnh giả)
CITTA AHÀRIṆYA (Thực tâm giả : loài ăn tâm thức)

TEṢÀṂ SARVEṢÀṂ SARVA GRAHÀṆÀṂ (Như thị nhất thiết Quỷ Túy) VIDYÀṂ (Sở hữu Chú Ngữ) CCHINDA YÀMI (Ngã kim đoạn chi : Nay ta cắt đứt) KÌLA YÀMI (Ngã kim cấm chi : nay ta ngăn cấm)

PARIBRÀJAKA (Ngoại Đạo tặc : Giặc Ngoại Đạo) KṚTÀṂ VIDYÀṂ (Sở tác Chú Ngữ) CCHINDA YÀMI (Ngã Kim Đoạn chi) KÌLA YÀMI (Ngã kim cấm chi)

ḌÀKA ḌÀKIṆÌ (Ly Mỵ) KṚTÀṂ VIDYÀṂ _(Sở tác Chú Ngữ) CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

MAHÀ PA'SUPATI RUDRA (Đại Thú Chủ tức Đại Tự Tại Thiên Vương) KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

TATVA GARUḌA SAHEYA (Kim Xí Điểu cập Quyến thuộc : Kim Xí Điểu với quyến thuộc) KṚTÀṂ VIDYÀṂ_ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

MAHÀ KÀLA MATṚGAṆA (Hắc Mẫu Chúng) KṚTÀṂ VIDYÀṂ_ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

KAPÀLIKA (Độc Lâu Ngoại Đạo) KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

JAYAKARA (Tác Thắng giả) MADHUKARA (Tác Cam giả) SARVÀRTHA SÀDHANA (với Nhất Thiết Thành Tựu giả) KṚTÀṂ VIDYÀṂ (Sở tác Chú Ngữ) CCHINDA YÀMI (Ngã kim đoạn chi) KÌLA YÀMI (Ngã kim cấm chi)

CATURBHAGINÌ (Tứ Tỷ Muội Thần Nữ : 4 chị em Thần Nữ) KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

BHṚṂGIRIṬIKA (Đấu Chiến Quỷ) NANDIKE'SVARA (Hỷ Tự Thiên) GAṆAPATI (Hoan Hỷ Thiên) SAHEYA (với Quyến thuộc) KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

NAGNA 'SRAMAṆA (Khỏa hình Ngoại Đạo : Ngoại đạo khỏa thân) KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

ARHANTA (A La Hán) KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

VÌTARÀGAṆA (Khởi Thi Quỷ) KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

VAJRAPÀṆI (Kim Cương Thần) KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

BRAHMA KṚTÀṂ (Phạm Thiên sở tác) RUDRA KṚTÀṂ (Tự Tại Thiên sở tác) NARÀYAṂṆA (Na La Diên Thiên) KṚTÀṂ VIDYÀṂ (Sở tác Chú Ngữ) CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

VAJRAPÀṆI GUHYAKÀDHIPATI (Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ) KṚTÀṂ VIDYÀṂ _ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

RAKṢA RAKṢA MÀṂ (Ủng hộ cho tôi với Đại Chúng)

IV _

BHAGAVÀṂ SITÀTAPATRA NAMOSTUTE (Quy mệnh đỉnh lễ Bạch Tản Cái Thế Tôn)

ASITA ANALÀRKAḤ (Bạch Quang phân minh) PRABHA (Quang diễm: lửa của ánh sáng) SPHUṬA VIKA (Hiển hiện tối thắng) SITÀTAPATREḤ (Bạch Tản Cái) JVALA JVALA (Phóng quang) DHAKA DHAKA (Uy quang) VIDHAKA VIDHAKA (Biến uy quang) DARA DARA (Giáng phục) VIDARA

VIDARA (Biến giáng phục : giáng phục khắp cả) CCHINDA CCHINDA (Tuyệt tuyệt : cắt đứt) BHINDA BHINDA (Xuyên xuyên : xỏ qua, đục qua) HÙMṂ HÙMṂ (Khủng bố) PHAṬ PHAṬ (Phá bại) SVÀHÀ (Thành tựu)

HE HE (Hô triệu) PHAṬ (Phá bại)

AMOGHAYÀ (Bất Không Thiên Sứ) PHAṬ (Phá bại)

APRATIHATÀYÀ (Vô chướng ngại : Không có chướng ngại) PHAṬ (Phá bại)

VARA PRÀDÀYÀ (Dữ Nguyện) PHAṬ (Phá bại)

ASURA VIDRÀPAKÀYA (A Tu La) PHAṬ (Phá bại)

SARVA DEVEBHYAḤ (Tất cả Thiên Chúng) PHAṬ (Phá bại)

SARVA NÀGEBHYAḤ (Tất cả Long Chúng) PHAṬ (Phá bại)

SARVA YAKṢEBHYAḤ (Tất cả Dược Xoa Chúng) PHAṬ (Phá bại)

SARVA RÀKṢASEBHYAḤ (La Sát Chúng) PHAṬ

SARVA GARUḌEBHYAḤ (Kim Xí Điểu Chúng) PHAṬ

SARVA GANDHARVEBHYAḤ (Hương Thực Thần Chúng) PHAṬ

SARVA ASUREBHYAḤ (A Tu La Chúng) PHAṬ

SARVA KINDAREBHYAḤ (Nghi Thần Chúng) PHAṬ

SARVA MAHORAGEBHYAḤ (Đại Phúc Hành Thần Chúng) PHAṬ

SARVA BHÙTEBHYAḤ (Hóa Sinh Quỷ Chúng) PHAṬ

SARVA PI'SÀCEBHYAḤ (Xí trung Quỷ Chúng : Chúng Quỷ ở trong nhà cầu) PHAṬ

SARVA KUMBHAṆḌEBHYAḤ (Ung Hình Quỷ Chúng) PHAṬ

SARVA PÙTANEBHYAḤ (Xú Quỷ Chúng : Chúng Quỷ hôi thối) PHAṬ

SARVA KAṬAPÙTANEBHYAḤ (Kỳ Xú Quỷ Chúng : Chúng Quỷ hôi thối lạ kỳ) PHAṬ

SARVA DURLAṂGHITEBHYAḤ (Ngộ Tưởng Quá Chúng : Chúng có lỗi là tưởng sai lầm) PHAṬ

SARVA DUṢPREKṢITEBHYAḤ (Ngộ Kiến Quá Chúng : Chúng có lỗi là thấy sai lầm) PHAṬ

SARVA JVAREBHYAḤ (tất cả Nhiệt Bệnh Quỷ) PHAṬ

SARVA APASMÀREBHYAḤ (Kiện Vong Quỷ Chúng) PHAṬ

SARVA 'SRAMAṆEBHYAḤ (Trì Chú Chúng) PHAṬ

SARVA TÌRTHIKEBHYAḤ (Ngoại Đạo Chúng) PHAṬ

SARVA UNMÀṂDEBHYAḤ (Ác Sinh Chúng) PHAṬ

SARVA VIDYÀCARYEBHYAḤ (Trì Chú Bác Sĩ) PHAṬ

JAYAKARA (Tác Thắng giả) MADHUKARA (Tác Cam giả) SARVÀRTHA SADDHÀKEBHYO, VIDYÀCARYEBHYAḤ (Cập Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu Giả chi Minh Chú) PHAṬ

CATURBHAGINÌBHYAḤ (4 chị em Thần Nữ) PHAṬ

VAJRA KAUMÀRÌ KULANDHARÌ VIDYÀ RAJEBHYAḤ (Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Minh Vương) PHAṬ

MAHÀ PRATYUṄGIREBHYAḤ (Đại Điều Phục giả) PHAṬ

VAJRA ‘SAÑKALÀYA PRATYUṂGIRA RÀJAYA (Kim Cương Liên Tỏa Điều Phục Vương) PHAṬ

MAHÀ KÀLÀYA MÀTṚGAṆA (Đại Hắc Thiên Thần Quỷ đẳng) NAMASKṚTÀYA (Tác lễ giả) PHAṬ

INDRÀYÀ (Đế Thích Thiên) PHAṬ

BRAHMÌṆÌYE (Phạm Thiên Phi) PHAṬ

RUDRÀYA (Tự Tại Thiên) PHAṬ

VIṢṆAVIYE (Tỳ Nữu Thiên Tử) PHAṬ

VIṢṆEVIYE (Tỳ Nữu Thiên Phi) PHAṬ

BRAHMÌYE (Phạm Thiên) PHAṬ

VARAKIYE (Trư Đầu Thần : Thần đầu heo) PHAṬ

AGNIYE (Hỏa Thiên) PHAṬ

MAHÀ KÀLÌYE (Đại Hắc Thiên Phi) PHAṬ

RAUDRÌYE (Sân Nộ Thần) PHAṬ

KÀLADAṆḌÌYE (Đại Quỷ Súy Hắc Áo Thần) PHAṬ

AINDRÌYE (Đế Thích) PHAṬ

MÀTRÌYE (Quỷ Thần) PHAṬ

CÀMUṆḌÌYE (Nộ Thần) PHAṬ

KALARÀTRÌYE (Hắc Dạ Thần) PHAṬ

KÀPÀRÌYE (Độc Lâu Thần Nữ) PHAṬ

ADHIMUKTO ‘SMA’SANA VÀSINÌYE (Lạc Tủng cư gian Nữ) PHAṬ

V _

YEKE CITTÀ SATVÀ (Phát tâm Hữu Tình) MAMA (Ngã : Tôi)

DUṢṬA CITTÀ (Tâm ác) PÀPA CITTÀ (Tâm tội) RAUDRA CITTÀ (Tâm phẫn nộ) VIDVAIṢA CITTÀ (Tâm sân khuể) AMAITRA CITTÀ (Tâm không hiền) UTPADA YANTI (Sinh dã)

KÌLA YANTI (Cấm dã) MANTRA YANTI (Mật Ngữ dã) JÀPA YANTI (Tụng dã) JOHANTI (Sinh dã)

UJA AHÀRÀ (Thực Tinh Khí Quỷ) GARBHA AHÀRÀ (Thực Thai Quỷ) RUDHIRA AHÀRÀ (Thực Huyết Quỷ) MAṂSA AHÀRÀ (Thực Nhục Quỷ) MEDA AHÀRÀ (Thực Chi Quỷ : Quỷ ăn mỡ) MAJJA AHÀRÀ (Thực Tủy Quỷ) BASA AHÀRÀ (Thực Sơ Sản Quỷ) JÀTA AHÀRÀ (Thực Sinh Khí giả) JÌVITA AHÀRÀ (Thực Thọ Mệnh giả) MALYA AHÀRÀ (Thực Man giả : Loài ăn tóc) BALYA AHÀRÀ (Thực Lực giả : Loài ăn sức lực) GANDHA AHÀRÀ (Thực Hương Khí giả) PUṢPA AHÀRÀ (Thực Hoa giả) PHALA AHÀRÀ (Thực Quả giả) SASYA AHÀRÀ (Thực Chủng Tử giả)

PÀPA CITTÀ (Tâm tội) DUṢṬA CITTÀ (Tâm ác) DEVA GRAHÀ (Thiên Túy) NAGA GRAHÀ (Long Túy) YAKṢA GRAHÀ (Dạ Xoa Túy) RÀKṢASA GRAHÀ (La Sát Quỷ Túy) ASURA GRAHÀ (A Tu La Túy) GARUṆA GRAHÀ (Ca Lâu La Túy) KINDARA GRAHÀ (Khẩn Na La Túy) MAHORAGA GRAHÀ (Đại Phúc Hành Thần Túy) PRETA GRAHÀ (Ngạ Quỷ Túy) PI’SÀCA GRAHÀ (Thực Nhục Quỷ Túy) BHÙTA GRAHÀ (Hóa Sinh Quỷ Túy) PÙTANA GRAHÀ (Xú Quỷ Túy) KAṬAPÙTANA GRAHÀ (Ký Xú Quỷ Túy) KUMBHAṆḌA

GRAHÀ (Ung Hình Quỷ Túy) SKANDA GRAHÀ (Thiên Thần Quỷ Túy) UNMÀDA GRAHÀ (Cuồng Quỷ Túy) CCHÀYA GRAHÀ (Ảnh Quỷ Túy) APASMÀRÀ GRAHÀ (Dương Đầu Quỷ Túy) ḌÀKA ḌÀKIṆÌ GRAHÀ (Yểm Cổ Nữ Quỷ Túy) REVATI GRAHÀ (Não Nhi Quỷ Túy) JAMIKÀ GRAHÀ (Như Mã Quỷ Túy) 'SAKUNI GRAHÀ (Điểu Hình Quỷ Túy) NANDÌKÀ GRAHÀ (Miêu Hình Quỷ Túy) LAṂVIKA GRAHÀ (Xà Hình Quỷ Túy) KAṆṬHAPÀṆI GRAHÀ (Kê Hình Quỷ Túy)

JVALÀ (Ngược Quỷ : Quỷ gây bệnh sốt rét) EKÀHIKÀ (Nhất nhật ngược) DVAITIYAKÀ (Nhị nhật ngược) TRETIYAKÀ (Tam nhật ngược) CATURTHAKÀ (Tứ nhật ngược) NITYA JVARÀ (Thường tráng nhiệt) VIṢAMA JVARÀ (Tráng nhiệt) VÀTIKA (Phong bệnh) PAITTIKÀ (Hoàng bệnh: Bệnh vàng da) 'SLEṢMIKÀ (Đàm ẩm) SANDIPATIKÀ (Lỵ bệnh : Bệnh tiêu chảy, kiết lỵ) SARVA JVARÀ (tất cả Nhiệt bệnh)

'SIRORTTI (Đầu thống : Đau nhức cái đầu) ARDHÀBHEDHAKA (Bán đầu thống) AROCAKA (Bất Thực bệnh : Bệnh chẳng chịu ăn) AKṢI ROGAṂ (Nhãn thống) MUKHA ROGAṂ (Khẩu thống) HṚDROGAṂ (Tổng thống : Đau nhức tổng quát) KARṆAḌA 'SÙLAṂ (Nhĩ thống) DANDA 'SÙLAṂ (Nha Thống) HṚDAYA 'SÙLAṂ (Tâm thống) MARMA 'SÙLAṂ (Cốt tiết đông thống : Đau nhức buốt đốt xương) PARA'SVA 'SÙLAṂ (Hiếp thống : Đau hông sườn) PṚṢṬI 'SÙLAṂ (Bối thống : Đau lưng) UDARA 'SÙLAṂ (Phúc thống : đau bụng) KAṬI 'SÙLAṂ (Yêu thống : đau eo lưng) BASTI 'SÙLAṂ (Khỏa thống: đau mắt cá chân) URÙ 'SÙLAṂ (Thoái bệ thống: đau bắp đùi) JAṂGHA 'SÙLAṂ (Uyển thống: đau cổ tay) HASTA 'SÙLAṂ (Thủ thống: đau bàn tay) PÀDA 'SÙLAṂ (Cước thống : đau bàn chân) SARVÀṄGA PRATYUṄGA 'SÙLAṂ (Nhất thiết chi tiết đông thống :đau buốt tất cả chi tiết)

BHÙTA VETÀḌA (Khởi Thi Quỷ) ḌAKÀ ḌÀKIṆÌ (Yểm Quỷ) JVARA DADRUKAṆTYU (Thiên Hành Quỷ) KIṬI (Tri Thù sang: Nhọt do dời ăn) BHALOTÀVAI (Đinh sang) SARPALOHÀ (Xâm Dâm sang) LIṄGA (Xích sang) 'SOṢATRÀ (chưa biết rõ ?) SAGARA (chưa biết rõ ?) VIṢA YOGA (Cổ Độc) AGNI (Lửa) UDAKA (Nước) MARAVERÀ (chưa biết rõ ?) KÀNTARA (Thú: Loài thú) AKÀLÀ MṚTYU (Chết yểu không đúng thời) TRAIMUKA (Tên loài trùng) TRAILÀṬAKA (Tên loài trùng)

BṚ'SCIKA (Bò cạp) SARPA (Rắn) NAKULA (Thử Lang _ Chuột hoang) SÌṂHA (Sư Tử) VYÀGHRA (Cọp) RIKṢA (Gấu) TARARIKṢA (Bi : Loài gấu lớn) CAMARA JÌVIBHE (Miêu Ngưu : Loài trâu Yak)

TEṢÀṂ SARVEṢÀṂ (Như thị nhất thiết tai nạn)

SITÀTAPATRAṂ (Thị Bạch Tản Cái) MAHÀ VAJROṢṆÌṢAṂ (Đại Kim Cương Đỉnh) MAHÀ PRATYUṄGIRAṂ (Đại Năng Điều Phục linh chư tai nạn tự nhiên thoái tán) YÀBA DVÀDA'SA YOJANÀBHYÀNTAREṆA (Nãi chí Thập Nhị *(Hoặc 20*) Do Tuần nội : Cho đến bên trong khoảng 12 Do Tuần)

SÌMÀ BANDHAṂ KAROMI (Ngã tác kết giới)

DI'SA BANDHAṂ KAROMI (Ngã tác thập phương kết phộc)

PARAVIDYA BANDHAṂ KAROMI (Ngã tác Năng Thắng Minh kết phộc)

TEJO BANDHAṂ KAROMI (Ngã tác Quang Tụ kết phộc)
HASTÀ BANDHAṂ KAROMI (Ngã tác thủ kết phộc)
PÀDA BANDHAṂ KAROMI (Ngã tác túc kết phộc)

SARVÀṄGA PRATYUṄGA BANDHAṂ KAROMI (Ngã tác nhất thiết chi tiết kết phộc linh bỉ chư nạn bất đắc nhập dã)

_ TADYATHÀ (Liền nói Chú là) **OṂ _ ANALE ANALE _ VI'SADA VI'SADA – BANDHA BANDHA _ BANDHANI BANDHANI _ VAIRA VAJRAPÀṆI PHAṬ _ HÙṂ BHRÙṂ PHAṬ _ SVÀHÀ**

NAMO STATHÀGATÀYA (Quy mệnh Như Lai) *SUGATÀYA* (Thiện Thệ) *ARHATE* (Ứng Cúng) *SAMYAKSAṂBUDDHÀYA* (Chính Đẳng Chính Giác) *SIDDHYANTU* (Thành tựu) *MANTRA PADÀ* (Chân Ngôn Cú) *SVÀHÀ*

Chân Ngôn này là bản dịch của Tam Tạng Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG ở đời nhà Đường. Do Nhật Bản Mật Tông A Xà Lê Bí Tạng sao lục và cho lưu thông

01/09/1995

ĐẠI TẠNG KINH- QUYỂN 61 _ No. 2234 (Tr.602 _ Tr. 606)

GIẢI THÍCH ĐẠI PHẬT ĐỈNH CHÂN NGÔN

Hán văn : NỮ NGUYỆT
Việt dịch : HUYỀN THANH

Phàm không một cũng chẳng nhiều là Thật Tướng, không đồng mà chẳng khác là Nhất Thừa. Vì thế Biến Chiếu Luân Quang có nhiếu Bộ ngang đồng với nhau. Do một Đạo Thanh Tĩnh này mà Quần Phẩm đều giải được, thấy Thật Tướng ở Phổ Môn ắt mọi Nghiệp quy về gốc rễ , ngộ Thật Tính nơi tiếng chữ tức mọi Tâm mở Giác .

Nay nói **Đại Phật Đỉnh Chân Ngôn** là bên trong chứng được ***Luật Bí Mật*** của Thánh Trí còn bên ngoài là áo ***Giáo Bí Mật*** hộ giúp cho sinh giới. Tuy thế người Trì Tụng chỉ vì Hồ Âm (Tiếng Ấn Độ) mới có sự sai lầm, huống chi hiểu rõ được thứ bậc của cú nghĩa mà phiên dịch đây! Hoà Thượng LINH NGHIÊM của tôi vào nước Đại Đường thỉnh được bản dịch của Chân Ngôn này . Lại về nước Nhật chuyên trì Nghi Quỹ của Tôn ấy. Tôi ở Nam Trung được thọ Pháp và được truyền cho bản dịch đó. Có thể nói Phục Tàng là nơi mà kẻ nghèo túng nhìn biết được ngọc báu. Đêm dài mờ mịt chỉ mong thấy ánh mặt trời, tìm kiếm liền được Hòa Thượng ấn khả. Lấy bản Phạn của BẤT KHÔNG ở trong sách Hán có ghi 2 chữ Phạn Hán rồi bền bỉ ghi chép thứ tự từng đoạn riêng biệt mà dịch cú nghĩa. Nếu người trì tụng hiểu rõ ý tứ của sự giải thích này rồi đem làm đường lối tu hành ắt học được Nghi Quỹ ấy. Chữ và câu tương ứng thì chỉ khoảng sát na chứng được Tất Địa, miệng và ý bình đẳng thì thân liền đến Bồ Đề.

Hưởng Hòa năm thứ 14, Đinh Mão, mùa Hạ _ NỮ NGUYỆT ghi chú

Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

*) Dịch tên là : **Đại Phật Đỉnh Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Vô Hữu Năng Cập Thậm Năng Điều Phục Đà La Ni**

Phạn Hán khó học, nếu giữ đủ Phạn Ngữ có thể nói là **Tát-đa tha nghiệt đố ô sắt-ni sá, tất đa đa bát đa-lam, a ba la nhĩ đảm, bát-la đăng nghi lam, đà la ni**.

Có thể dịch theo Hán Ngữ là : **Đại Phật Đỉnh Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Vô Hữu Năng Cập Thậm Năng Điều Phục Tổng Trì**

Sa-đá tha nga đổ (Như Lai) **Ô sắt-nị sam** (Đỉnh kế) **tất đàn bát-đá lam** (Bạch cái: Cái lọng màu trắng) **A bả la nhĩ đả** (Vô hữu năng cập : Không có gì không theo kịp) **Bát-la để-dựng kỳ lam** (Thậm năng điều phục : Rất hay điều phục) **Đà La Ni** (Tổng trì)

*) Đà La Ni này có 5 Phật Đỉnh Minh làm một Đại Chân Ngôn, chia làm 4 đoạn

I _ Kim Luân Phật Đỉnh

II _ Phổ Thông Thành Tựu Phật Đỉnh
III _ Bạch Tản Cái Phật Đỉnh và Quang Tụ Phật Đỉnh
IV _ Biện Sự Phật Đỉnh

I _ Đoạn đầu có 6 phần
1) Quy mệnh các Tôn
2) MINH hay trừ các chướng
3) Các Bậc hay hộ trì riêng
4) MINH cầu nguyện
5) Nói Chú
6) Lại cầu nguyện

1) Quy Mệnh đầu tiên lại có 2 phần là : trước Tổng, sau Biệt

a) **Tổng Quy Mệnh** là :

Nẵng mô tát phộc mẫu đà , mạo địa tát đát-phệ tỳ-dược (Kính lễ tất cả chư Phật với chúng Bồ Tát)

Nẵng mô táp đá nẫm, sam miệu sam mẫu đà, câu đê nẫm, sa thất-la phộc ca, tăng già nẫm (Kính lễ 7 câu đê Chính Đẳng Chính Giácvới Chúng Thanh Văn Tăng)

Nẵng mô lô kê, a la-hãn đá nẫm (Kính lễ Thế Gian A La Hán Chúng)

Nẵng mô tô-lỗ đá bán nẵng nẫm (Kính lễ Dự Lưu Chúng)

Nẵng mô tắc ngật-lị đá nga nhĩ nẫm (Kính lễ Nhất Lai Quả)

Nẵng mô a nẵng nga mi nẫm (Kính lễ Bất Lai Quả)

Nẵng mô lộ kế sam miệu nga đá nẫm (Kính lễ Bậc đã cứu độ các Thế Gian) **sam miệu bát-la để bán nẵng nẫm** (Bậc đã trụ nơi chân thật)

Nẵng mô la đát-nẵng đát la dạ gia (Kính lễ Tam Bảo)

b) **Biệt lễ** là :

Nẵng mô bà nga phộc đế, nễ-lị trà thâu la tẩy nẵng, bát-la ha la noa, nhạ nhạ gia, đát tha nga đá gia, a la-ha đế, sam miệu sam mẫu đà gia (Kính lễ Dũng Mãnh Vô Song Dược Vương Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn)

Nẵng mô bà nga phộc đế, a nhĩ đá bà gia, đát tha nga đá gia, a la-ha đế , sam miệu sam mẫu đà gia (Kính lễ Vô Lượng Quang Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn)

Nẵng mô bà nga phộc đế, a khuất-số bệ-dạ gia, đát tha nga đá gia, a la-ha đế, sam miệu sam mẫu đà gia (Kính lễ A Súc Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn)

Nẵng mô bà nga phộc đế , bối sát nhĩ-gia, ngu lỗ, phệ nữ ly gia, bát-la bà, la nhạ gia, đát tha nga đá gia, a la-ha đế, sam miệu sam mẫu đà gia (Kính lễ Dược Sư Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn)

Nẵng mô bà nga phộc đế, sam bổ sáp-tỳ đá, sa luyện ná-la la nhạ gia, đát tha nga đá gia, a la-ha đế, sam miệu sam mẫu đà gia (Kính lễ Sa La Thọ Vương Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn)

Nẵng mô bà nga phộc đế, xá chỉ-dã mẫu nẵng duệ, đát tha nga đá gia, a la-ha đế, sam miệu sam mẫu đà gia (Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn)

Nẵng mô bà nga phộc đế, la đát-nẵng , câu tô ma, kê đô, la nhạ gia, đát tha nga đá gia, a la-ha đế, sam miệu sam mẫu đà gia (Kính lễ Bảo Hoa Vương Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn)

Nẵng mô bà nga phộc đế, đát tha nga đá, câu la gia (Kính lễ Như Lai Chủng Tính Thế Tôn)

Nẵng mô bà nga phộc đế, bát ná-ma, câu la gia (Kính lễ Liên Hoa Chủng Tính Thế Tôn)

Nẵng mô bà nga phộc đế, phộc nhật-la, câu la gia (Kính lễ Kim Cương Chủng Tính)

Nẵng mô bà nga phộc đế, ma ni, câu la gia (Kính lễ Ma Ni Chủng Tính)

Nẵng mô bà nga phộc đế , nghiệt nhạ, câu la gia (Kính lễ Bạch Tụ Chủng Tính)

Nẵng mô nê phộc, lật-sứ nẫm (Kính lễ tất cả các Thiên Tiên)

Nẵng mô tất đà , vĩ nễ-dã , đà la nẫm (Kính lễ Trì Chú Tiên)

Nẵng mô tất đà, vĩ nễ-dã, đà la, lị-sứ nẫm (Kính lễ Thệ Năng Trì Chú Tiên) **xá ba noa, nghiệt-la ha, sa mạt la-tha nẫm** (Nhiếp ác tác thiện)

Nẵng mô một-la ha-ma ni (Kính lễ các Phạm Thiên)

Nẵng mô ấn nại-la gia (Kính lễ các Đế Thích)

Nẵng mô bà nga phộc đế, lỗ nại-la gia, ô mãng bát đế, sa hê dạ gia (Kính lễ Đại Tự Tại Thế Tôn với Hậu (vợ) và Đẳng Chúng)

Nẵng mô na la diên noa gia (Kính lễ Na La Diên Thế Tôn) **Lạc khất-sâm nhĩ, sa hê dạ gia**

Bán già ma ha mẫu nại-la, nẵng ma tắc ngật-lị đá gia (Kính lễ 5 Đại Ấn)

Nẵng mô ma ha ca la gia, để-lị bổ la nẵng nga la, vĩ nại-la bả noa, ca la gia, a địa mục đắc ca , xả-ma xả nẵng phộc tất nễ, ma để-lị nga noa, nẵng mô tắc ngật-lị đá gia (Kính lễ Đại Hắc Thiên Thần phá 3 vòng thành, nơi lễ kính của chúng Bản Mẫu vui thích ở gò mả (hay rừng Thi Đà))

Ế biều, nẵng mô tắc ngật-lị đá-phộc, y my (Như vậy lễ xong)

2) Bên trong Minh hay trừ các nạn lại có 2 phần

a) Riêng xưng Bản Tôn **Vô Năng Cập :**

Bà nga phộc đá, sa-đá tha nga đổ sắt-nị sam, tất đàn đá bát đá-lam, nẵng mãng bả la nhĩ đá (Kính lễ Thế Tôn Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Giả Vô Hữu Năng Cập)

b) Chính trừ các nạn :

Bát-la để-dựng kỳ lam. Tát phộc nê phộc nẵng ma tắc ngật-lị đam
Tát phộc nê phộc, thi-giả bả lị bá lị đam
Tát phộc bộ đa, nga-la ha, nhĩ nga-la ha, ca lị-diễm
(Rất hay điều phục chư Thiên , Bộ Đa Đẳng, tất cả Quỷ Thần)
Bả la vĩ nễ-dã , thiết na nẵng , ca lị-diễm (Hay cắt đứt các Thần Chú Pháp)
Một nan đá nẫm, tát đá-phộc nẫm, ná ma kiếm
Một sắt-tra nẫm, nễ phộc la nê-diễm
A ca la một-lị để-dữu, bát-la xa ma nẵng, ca lị-diễm (Hay cột trói ách nạn chết không đúng thời)
Tát phộc mãn đà nẵng, mục ngật-xoa nẵng, ca lị-diễm (Cắt đứt sự cột trói của tất cả chúng sinh)
Tát phộc nộ sắt-tra , một tắc-phộc bát-nẵng , nễ phộc la nê-diễm (Cột tất cả mộng ác chẳng lành)
Giả đô la, thí để nẫm, nghiệt-la ha, sa ha sa-la nẫm, vĩ đặc phụng sa nẵng, ca lị-diễm (Cũng hoạu diệt 84000 sự sợ hãi gây hại)
A sắt-tra vĩ-dựng, xả để nẫm, nhược ngật-sát đa-la nẫm (Cũng khiến cho 28 vị Tinh Tú vui vẻ) **Bát-la sa ná nẵng, ca lị-diễm**
A sắt-tra nẫm, ma ha nga-la ha nẫm, vĩ đặc-phụng sa nẵng, ca lị-diễm (Hoại 8 Đại Ác Tinh)
Tát phộc xả khuất-lỗ , nhĩ phộc la nê-diễm (Đẩy lui tất cả oán địch)
Ngu lam, nộ sa-phộc bát la nẵng, nan giả nẵng xả nễ-diễm (Tiêu diệt các mộng ác khác thường)
Vĩ sa, thiết sa đá-la, a kỳ-nễ, ô noa ca, ô đá-la nê-diễm (Hay độ thoát uy thế của thuốc độc, dao gậy, lửa, nước)

3) Các Bậc hay hộ trì riêng :
A bả la nễ đá ngu la (Vô Năng Cập Giả)
Ma ha chiến noa nẫm (Đại Lực Sân Nộ)
Ma ha điếm bột-đam (Đại Phu)
Ma ha đế nhiễm (Đại Uy Đức)
Ma ha thủy-phệ đam (Đại Bạch Thiên)
Nhập-phộc la (Hỏa Diễm)
Ma ha mạt la thất-la giả (Đại Lực Nữ)
Bán noa la phộc đồ nễ-diễm (Bạch Phất Nữ)
A lị-gia đá la, tỳ-lị câu tri-diễm (Hiền Độ Thiên Nữ và Sân Nữ)
Chế phộc nhiễm, phộc nhật-la, ma lễ để, vĩ thâu lỗ-đảm (Danh Xưng Anh Tướng Kim Cương)
Bát nột-ma ca-mị, phộc nhật-la, nhĩ hạ-phộc giả (Liên Hoa Anh Tướng Kim Cương Tướng)
Mãng la, chế phộc, bả la nhĩ đá (Thù Anh Tịch Năng Vô Năng Cập)
Phộc nhật-la nan nị, vĩ xá la giả (Danh Xưng Thiên Nữ Kim Cương Lịch)
Phiến đá phệ ni ha, bố nhĩ đá (Hòa Hàng Thiên Nữ Cúng Dường Giả)
Táo mê, lỗ ba, ma ha thủy-phệ đá (Thiện Mạo Uy Thế Đại Thiên Nữ)

A lị-gia đá la, ma ha mạt la (Hiền Độ Siêu Việt Đại Lực Nữ)

A bả la, phộc nhật-la, thương ca la, chế phộc (Sợi Xích báu của Kim Cương Bất Tử)

Phộc nhật-la ha sa-đá giả, ma hạ vĩ nễ-dã (Chấp Kim Cương Chú Kim Anh Giả)

Đát tha kiến giả nẵng , ma lý ca (4 Thiên Vương với Thái Tử)

Câu tô-án bà, la đát nẵng, chế phộc (Đại Bảo Liên Hoa Hồng Lam Hoa)

Phệ lô giả nẵng, câu ná la-thố sắt-nị sa (Kim Cương Kế Xưng Năng Phổ Chiếu)

Vĩ tích-lâm bà ma noa giả (La Sát Thần Nữ)

Phộc nhật-la, ca nẵng ca (Kim Cương Uy Thế)

Bát-la bà, lô giả nẵng (Liên Hoa Mục)

Phộc nhật-la đốn nị giả (Kim Cương Nhãn)

Thủy-phệ đá giả, ca ma la ngật-xoa, xả thí bát-la bà (Đại Bạch Thiên Nữ với Nguyệt Quang)

Y để-duệ đế, mẫu nại-la nga noa (Tất cả các Chú Ấn như vậy)

4) Cầu Nguyện :

Tát phệ, lạc khất-sam, câu la-vãn đổ, ma tả (Nguyện thành tựu đều thủ hộ cho tôi với tất cả Chúng Sinh Đẳng)

5) Nói Chú :

Án, lật-sứ nga noa (Tiên Chúng) **Bát-la xả sa đá** (Thiện Chúng) **Đát tha nghiệt đố sắt-nị sa** (Nhất thiết Như Lai Đỉnh Kế) **Hồng, bố-lâm**

Nhiễm bà nẵng (Áp lãnh) **Hồng, bố-lâm**

Sa –đảm bà nẵng (Trấn thủ) **Hồng, bố-lâm**

Mạo ha nẵng, hồng, bố-lâm

Ma tha nẵng, hồng, bố-lâm

Bả la vĩ nễ-dã , sam bạc ngật-xoa noa, ca la , hồng, bố-lâm

Tát phộc nột sắt-tra nẫm, sa-đảm bà nẵng, ca la (Kêu gọi đẩy lùi người khác) **Hồng, bố-lâm**

Tát phộc dược xoa (Dũng Mãnh) **La sát sa nga-la ha nẫm, vĩ đặc-phụng sa nẵng, ca la** (Đánh phá) **hồng, bố-lâm**

Giả đốt la thí để nẫm, tát-la ha , sa ha sa-la nẫm (84000 Thần Vương Chúng) **Vĩ nẵng xả nẵng, ca la, hồng, bố-lâm**

A sắt-tra vĩ-dựng, thiết để nẫm, nhược ngật-xoa đát-la nẫm, bát-la sa ná nẵng, ca la, hồng, bố-lâm

A sắt-tra nẫm, ma ha nga-la ha nẫm, vĩ đặc-phụng sa nẵng, ca la

6) Cầu Nguyện :

Lạc khất-xoa, lạc khất-xoa, mị (Thủ hộ cho tối với tất cả chúng sinh)

II _ PHỔ THÔNG THÀNH TỰU PHẬT ĐỈNH :

Ở trong đoạn này có 4 phần
1) Khen ngợi tướng kỳ lạ của Bản Tôn
2) Đạo Trường Sở Trú của Minh
3) Nói Chú
4) Cầu Nguyện

1) Khen ngợi Bản Tôn :
Bà nga noan, sa-đá tha nga đố sắt-nị sái, ma ha bát-la để-dựng nghi lệ (Thế Tôn Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Đại Thậm Năng Điều Phục Giả)
Ma ha sa ha sa-la, bộ thệ (Đại Thiên Tý)
Sa ha sa-la , thi lị-sái (Đại Thiên Đầu)
Câu đê, xả đá, sa ha sa-la , ninh đế-lệ (Bách Thiên Câu Đê Nhãn)
A tiện nễ-dã, nhập-phộc lý đá nẵng tra nẵng ca, ma ha phộc nhật-lộ ná la (Vô Biệt Dị Hỏa Diễm Kim Cương Xử)

2) Đạo Trường Sở Trú của Minh :
Đế-lị bộ phộc nẵng, man noa la (Bên trong Đàn Trường rộng rãi chân thật của Tam Giới (3 cõi))

3) Nói Chú :
Án

4) Cầu Nguyện :
Sa-phộc tất-để-la bà phộc đổ, ma ma (Nguyện cho chúng tôi với tất cả đều được tốt lành)

III _ BẠCH TẢN CÁI PHẬT ĐỈNH và QUANG TỤ PHẬT ĐỈNH :
1) Các nạn riêng biệt
2) Các Quỷ Túy riêng biệt
3) Các Thực Quỷ riêng biệt
4) Cắt đứt các Chú Thuật riêng biệt
5) Cầu Nguyện
6) Đỉnh lễ Bản Tôn
7) Nói Chú trừ các nhóm nạn

1) Các nạn riêng biệt :
La nhạ , bà gia (Nạn vua chúa)
Chủ la, bà gia (Nạn giặc cướp)
A ngh-nễ, bà gia (Nạn lửa thiêu đốt)
Ô ná ca , bà gia (Nạn nước cuốn chìm)
Vi sa, bà gia (Nạn chất độc)
Xả sa đá-la, bà gia (Nạn dao gậy)
Bả la chước ngật-la, bà gia (Nạn binh trận)

Nột tích khất-xoa, bà gia (Nạn đói khát)
A xả nễ, bà gia (Nạn mưa đá)
A ca la, một-lị để-dữu, bà gia (Nạn chết đột ngột)
Đà la ni, bộ di, kiếm ba, bà gia (Nạn động đất)
Ô lặc-ca ba đá, bà gia (Nạn ở đường xá nguy hiểm)
La nhạ nan noa, bà gia (Nạn hình phạt của vua chúa)
Nẵng nga, bà gia (Nạn do loài Rồng gây ra)
Vĩ nễ-dữu , bà gia (Nạn sét đánh)
Tô bát-la ni, bà gia (Nạn do loài Kim Xí Điểu gây ra)

2) Các Quỷ Túy riêng biệt :
Dược khất-xoa, nga-la ha
La khất-xoa sa, nga-la ha
Tất-lệ đá, nga-la ha (Ngạ Quỷ : Quỷ đói)
Bộ đa, nga-la ha (Thần Quỷ Chúng)
Cưu bàn noa, nga-la ha (Thủ Cung Phụ Nữ Quỷ)
Bố đan na, nga-la ha (Xú Quỷ : Quỷ hôi thối)
Yết tra bố đan na, nga-la ha (Quỷ hôi thối lạ kỳ)
Tắc-kiền ná , nga-la ha (Cưu Ma La Đồng Tử)
A bả sa-ma la, nga-la ha (Dương Đầu Quỷ : Quỷ đầu dê)
Ổn mãng ná, nga-la ha (Quỷ điên cuồng)
Xa gia, nga-la ha (Ảnh Quỷ : Quỷ hớp bóng)
Lê phộc để, nga-la ha (Âm Mưu Quỷ)

3) Các Thực Quỷ riêng biệt :
Ô nhạ ha lị nhạ (Loài ăn tinh khí sắc loại của con người)
Nghiệt bà ha lị nhạ (Loài ăn bào thai)
Nhạ đá ha lị nhạ (Loài ăn sinh khí)
Nhĩ vĩ đá ha lị nhạ (Loài ăn thọ mệnh)
Lỗ địa la ha lị nhạ (Loài ăn máu huyết)
Phộc sa ha lị nhạ (Loài ăn thứ dơ do sinh đẻ)
Mãng sa ha lị nhạ (Loài ăn thịt)
Mê ná ha lị nhạ (Loài ăn mỡ)
Mạt nhạ ha lị nhạ (Loài ăn tủy)
Vạn đá ha lị nhạ (Loài ăn thứ nôn mửa)
A thâu già ha lị nhạ (Loài ăn thứ bất tịnh)
Chất già ha lị nhạ (Loài ăn Tâm)
Đế sam, tát phệ sam (Chúng Đẳng như vậy)

4) Cắt đứt các Thần Chú Thuật riêng biệt :
Tát phộc nghiệt-la ha nẫm (Tất cả Quỷ Thần) **Vĩ niệm** (Minh Chú) **sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ** (Khắp cả đều ngăn cấm cắt đứt)

Ba lị một-la nhạ ca (Giặc Ngoại Đạo) **ngật-lị đảm, vĩ niệm** (Chú) **sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ** (Bẻ gẫy cột trói tội lỗi)

Noa ca, noa chỉ nhĩ (Hồ Mỵ Quỷ) **ngật-lị đảm, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

Ma ha bả thâu bả để, lỗ nại-la (Đại Tự Tại Thiên) **ngật-lị đảm, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

Đát đá-phộc, tát lộ noa, tố hệ gia (Kim Xí Điểu Vương) **ngật-lị đảm, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

Ma ha ca la (Đại Hắc Thiên Thần) **ma để-lị nga noa, ngật-lị đảm, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

Ca bả lý ca (Độc Lâu Ngoại Đạo) **ngật-lị đảm, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

Nhạ gia ca la, mạt độ ca la, tát phộc la-tha sa đà nẵng (Chư tác cường thắng, chư tác Kiêu Mạn, Sở dục thành tựu nhất thiết sự giả. Xưa ghi là cầm giữ tất cả vật) **ngật-lị đảm, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

Giả đốt la bạc nghi nễ (4 chị em Thần Nữ) **ngật-lị đảm, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

Bột-lăng lăng lị trí ca (Đấu Chiến Thần) **Nan nễ** (Ngoại Đạo) **cưu thi-phộc la** (Khổng Tước Vương) **nga noa bả để** (Hoan Hỷ Vương) **sa hê gia** (Anh em của Dã Xoa Vương 3 người đều lãnh 28 vạn) **ngật-lị đảm, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

Nẵng nga-nẵng thất-la ma noa (Ngoại Đạo khỏa thân) **ngật-lị đảm, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

A la-hán đá (La Hán) **ngật-lị đảm, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

Vĩ đá la nga (Ly Ái Trước Thiên. Xưa ghi là Khởi Thi Quỷ) **ngật-lị đảm, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

Phộc nhật-la bá ni (Chấp Kim Cương Thần) **ngật-lị đảm, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

Một-la ha-ma, ngật-lị đảm. Lỗ ná-la, ngật-lị đảm. Nẵng la diên na, ngật-lị đảm, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ

Phộc nhật-la bá ni ngọc tứ-dã ca (Mật Tích Lực Sĩ) **địa bát để** (Tổng Quản) **ngật-lị đảm, vĩ niệm, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

5) Cầu Nguyện :

Lạc khất-xoa, lạc khất-xoa, mê (Xưng tên…. Thủ hộ cho tôi với tất cả Chúng Đẳng)

6) Đỉnh lễ Bản Tôn :

Bà nga phạm, tất đá đá bát đá-la , ná mô tố đổ (Quy mệnh đỉnh lễ Bạch Cái Thế Tôn)

7) Nói Chú trừ nhóm nạn :

A đồ đá nẵng la la-ca (Hào quang trắng rõ ràng) **bát-la bà , sa-phổ tra vĩ ca, tất đá bát đát-lệ, nhập-phộc la nhập-phộc la, đà ca đà ca, vĩ đà ca vĩ đà ca, ná la ná la, vĩ ná la vĩ ná la, sân ná sân ná, tần ná tần ná, hồng hồng, phán tra phán tra, sa-phộc ha**

Hê hê, phán tra

A mục già gia, phán tra (Bất Không Đại Sứ)

A bát-la để ha đa gia, phán tra (Không có Chướng Ngại)

Phộc la bát-la ná gia, phán tra (Dữ Nguyện)

A tố la vĩ ná-la bả ca gia, phán tra (Tu La phá bại)

Tát phộc nệ phệ tỳ-dược, phán tra (Tất cả Đại Chúng)

Tát phộc nẵng nghệ tệ-gia, phán tra (Tất cả Chúng Rồng)

Tát phộc dược khất-sái tệ-gia, phán tra (Tất cả Quỷ Thần dũng mãnh)

Tát phộc la khất-sát tệ-gia, phán tra

Tát phộc nga lỗ nễ tệ-gia, phán tra

Tát phộc hiến đạt phệ tệ-gia, phán tra (Tất cả Thần Âm Nhạc)

Tát phộc a tố lệ tệ-gia, phán tra

Tát phộc khẩn ná lệ tệ-gia, phán tra

Tát phộc ma hộ la nghệ tệ-gia, phán tra

Tát phộc bộ đế tệ-gia, phán tra

Tát phộc tỳ xá chế tệ-gia, phán tra

Tát phộc cung bát nãi tệ-gia, phán tra

Tát phộc bố đan nễ tệ-gia, phán tra

Tát phộc yết tra bố đan nễ tệ-gia, phán tra

Tát phộc nột lăng kỳ đế tệ-gia, phán tra (Tất cả nạn lỗi lầm)

Tát phộc nộ sắt bát-la khất-xoa đế tệ-gia, phán tra (Tất cả nạn, phát khiển)

Tát phộc nhập-phộc lệ tệ-gia, phán tra (Tất cả Ngược Bệnh Quỷ : Quỷ gây bệnh sốt rét)

Tát phộc a bả sa-ma lệ tệ-gia, phát tra (Kiện Vong. Xưa ghi là tất cả Ngoại Đạo Sĩ)

Tát phộc thất-la ma nễ tệ-gia, phán tra (Tất cả Trì Chú)

Tát phộc để lật-thể cưu tệ-gia, phán tra (Tất cả Ngoại Đạo)

Tát phộc ổn mãng nhĩ tệ-gia, phán tra (Tất cả Ác Sinh)

Tát phộc vĩ nễ-dã giá lị-duệ tệ-gia, phán tra (Tất cả hàng Trì Chú Bác Sĩ)

Nhạ gia ca la (Cường Thắng) **Mạt độ ca la** (Kiêu Mạn) **tát phộc lật-tha sa đà cưu biều** (Tất cả Dục Thành) **vĩ nễ-dã giá la-duệ tệ-gia, phán tra** (Xưa ghi là Trì Chú Bác Sĩ)

Giả đốt-la bạc lệ nễ tệ-gia, phán tra (4 chị em Thần Nữ)

Phộc nhật-la cưu mãng lị (Kim Cương Đồng Tử) **câu lan đà lị** (Trì Tính Nữ) **vĩ nễ-dã la thệ tệ-gia, phán tra** (Nữ Vương. Xưa ghi là Chú Vương Đẳng)

Ma ha bát-la để-dựng nhĩ tệ-gia, phán tra

Phộc nhật-la thương ca la gia (Kim Cương Liên Tỏa) **Bát-la để-dựng nghĩ la, la nhạ gia, phán tra**

Ma ha ca la gia (Đại Hắc Thiên Thần) **Mang để-lị nga noa** (Quỷ Thần Chúng) **nẵng ma tắc ngật-lị đá gia, phán tra**

Ấn ná-la gia, phán tra

Một-la ha-nhĩ duệ, phán tra (Phạm Thiên)

Lỗ ná-la gia, phán tra

Vĩ sắt-noa vĩ duệ, phán tra (Tỳ Nữu Thiên Tử)

Vĩ sắt-nãi vĩ duệ, phán tra

Vật-la ha-di duệ, phán tra

A nghĩ-nễ duệ, phán tra (Hỏa Thiên)

Ma ha ca lý duệ, phán tra (Đại Hắc Thiên Nữ)

Lao niết-lị duệ, phán tra (Phẫn Nộ Thần)

Ca la nan đà duệ, phán tra (Đại Quỷ Súy Hắc Áo Thần)

Ái niết-lị duệ, phán tra (Đế Thích)

Mang để-lị duệ, phán tra

Giá muộn nị duệ, phán tra (Nộ Thần)

Ca la, la để-lị duệ, phán tra

A địa mục ngật-đức ca, xả-ma xả nẵng , phộc tất nễ duệ, phán tra

IV _ BIỆN SỰ PHẬT ĐỈNH :

Bên trong có 12 phần

1) Loại tâm ác riêng biệt sinh ra từ bản thân mình
2) Thực Quỷ riêng biệt
3) Nơi nhiễu túy của Quỷ có tâm ác riêng biệt
4) Bệnh nhiệt của nhóm Ngược Quỷ riêng biệt
5) Nơi đau nhức của các bệnh riêng biệt
6) Đẳng loại Quỷ riêng biệt
7) Loại ung nhọt riêng biệt
8) Nhóm tai nạn riêng biệt
9) Đức hay trừ tai nạn của Minh
10) Hạn lượng kết Phương Ngung và phần cột trói các chướng của Minh
11) Chính thuyết Chân Ngôn trừ tai nạn kết giới kết trói buộc
12) Quy mệnh kính lễ Bản Tôn, nói ra lời là ***:" Khiến cho Chân Ngôn thành tựu, đã xong "***

1) Loại ác riêng biệt sinh ra từ bản thân mình :

Duệ kế , chất đá sa đát-phộc (Phát tâm chúng sinh) **ma ma** (Nơi ta)

Một sắt-tra, chất đá (Tâm ác. Hợp cả câu trên liền thành ***Nếu có chúng sinh đối với ta sinh các tâm ác***)

Bá bả, chất đá (Tâm tội lỗi)

Lao ná la, chất đá (Tâm phẫn nộ)

Vĩ nễ-phệ sa, chất đá (Tâm giận ghét)

A muội đát-la, chất đá (Tâm không hiền lành)

Ô đá-bả ná diễn để, chỉ la diễn để, mạn đát-la diễn để, nhạ bán để, tô hãn để

2) Thực Quỷ riêng biệt :

Ô nhạ ha la (Quỷ ăn tinh khí nhan sắc)
Nghiệt bà ha la (Quỷ ăn thai tạng)
Lỗ địa la ha la (Loài ăn máu huyết)
Mãng sa ha la (Loài ăn thịt)
Mê ná ha la (Loài ăn mỡ)
Mạt nhạ ha la (Loài ăn tủy)
Phộc sa ha la (Loài ăn thứ do mới sinh đẻ)
Nhạ đá ha la (Loài ăn sinh khí)
Nhĩ vĩ đá ha la (Loài ăn thọ mệnh)
Mạt lược ha la (Loài ăn tóc)
Phộc lược ha la (Loài ăn sức lực)
Hiến đà ha la (Loài ăn hương khí)
Bổ sắt-ba ha la (Loài ăn bông hoa)
Phả la ha la (Loài ăn ngũ cốc trái cây)
Tát tả ha la (Loài ăn hạt giống)

3) Nơi nhiễu túy của loài Quỷ có tâm ác riêng biệt :

Bả bá , chất đá (Tâm tội lỗi gây nhiễu túy)
Nộ sắt-tra , chất đá (Tâm ác)
Nê phộc , nghiệt-la ha (Thiên túy)
Nẵng nga , nghiệt-la ha
Dược khất-xoa , nghiệt-la ha
La khất-sát sa , nghiệt-la ha
A tố la , nghiệt-la ha
Nghiệt lỗ noa , nghiệt-la ha
Khẩn ná la , nghiệt-la ha
Ma hô la nga , nghiệt-la ha
Tất-lệ đá , nghiệt-la ha
Bô đa , nghiệt-la ha
Bố đan nẵng , nghiệt-la ha
Ca tra bố đan nẵng , nghiệt-la ha
Cưu bàn noa , nghiệt-la ha
Tắc-kiến ná , nghiệt la ha
Ổn mãng ná , nghiệt-la ha
Xa gia , nghiệt-la ha (Ảnh Quỷ)
A bả sa mãng la , nghiệt-la ha (Quỷ đầu dê như chồn hoang)
Noa ca, noa nghi nễ , nghiệt-la ha (Yểm Cổ Nữ Quỷ)

Lê phộc để , nghiệt-la ha (Như cẩu *(Con chó*) Não Tiểu Nhi Quỷ)
Nhạ nhĩ ca , nghiệt-la ha (Như Điểu (*con chim*))
Nan nễ ca , nghiệt-la ha (Như Miêu *(Con mèo*))
Lam vĩ ca , nghiệt-la ha (Như Xà *(Con rắn*))
Kiến đà bá ni , nghiệt-la ha (Như Kê (*Con gà*))

4) Bệnh nhiệt của nhóm Ngược Quỷ riêng biệt :
Nhập-phộc la (Nhiệt Ngược Quỷ) **Ê ca tứ ca** (1 ngày phát bệnh 1 lần) **Nễ-phệ để dã ca** (2 ngày phát bệnh 1 lần) **Để-lệ để dã ca** (3 ngày phát bệnh 1 lần) **Giả đốt tha ca** (4 ngày phát bệnh 1 lần)
Nễ để-dã (Thường tráng nhiệt : Thường nóng sốt cao)
Phộc để ca (Bệnh trúng gió)
Bối để ca (Bệnh vàng da)
Thủy-lệ sâm-di ca (Bệnh đàm rãi)
Tán nễ bả để (Bệnh kiết lỵ)
Tát phộc nhập-phộc la (Tất cả bệnh nhiệt)

5) Nơi đau nhức của các bệnh riêng biệt :
Thủy lỗ lật-để (Đau đầu)
A la-đà phộc bệ đà ca (Đau nhức nửa đầu)
A lô giả ca , a khất-sử lô nghiêm (Đói chẳng thể ăn)
Mục khư lỗ nghiêm (Đau miệng)
Yết-lị nột-lô nghiêm (Đau toàn thể. Xưa ghi là Quỷ buồn rầu)
Yết la-noa thâu lam (Đau tai)
Nan đa thâu lam (Đau răng)
Hột-lị ná gia thâu lam (Đau tim)
Ma mạ thâu lam (Đau buốt đốt xương)
Bá la thi-phộc thâu lam (Đau hông sườn)
Ca trí thâu lam (Đau eo lưng)
Phộc sa-để thâu lam (Đau xương mắt cá chân)
Ô lô thâu lam (Đau bắp đùi)
Nhưỡng già thâu lam (Đau cổ tay)
Hạ sa-đa thâu lam (Đau bàn tay)
Bá ná thâu lam (Đau bàn chân)
Tát võng nga bát-la để-dựng nga thâu lam (Đau tất cả chi tiết)

6) Nhóm Quỷ riêng biệt :
Bộ đá phệ đá noa (Khởi Thi Quỷ)
Noa ca, noa chỉ nhĩ (Yểm Quỷ)
Phộc la noa nột-lô kiến nữu (Thiên Hành Quỷ)

7) Loại ung nhọt riêng biệt :

Chỉ trí (Tri Thù : Nhọt do Dời ăn)
Ba lỗ đa (Đinh sang)
Phệ tát bả lỗ ha (Xâm dâm sang)
Lăng nga (Xích sang)

8) Nhóm não nạn riêng biệt :
Thâu sa đát-la sa nga la
Vĩ sái dụ nga (Cổ Độc)
A nghi-nễ
Ô ná ca (Nước)
Mạt la phệ la
Kiến đá la (Loài thú)
A ca la một-lị để-dữu (Chết đột ngột)
Đế-lai mục ca, đế-lê la tra ca
Một-lị thủy-chỉ ca (Bò cạp)
Tát bả (Rắn)
Nẵng câu la (Thử Lang : Chuột hoang)
Tư-dựng hạ (Sư tử)
Vĩ-tha già-la (Đại Trùng)
Lị-khất sa (Gấu)
Đá la khất-sa (Bi : Loài gấu lớn)
Giá mạt la nhĩ vĩ bệ (Cá Ma Kiệt)
Đế sam, tát phệ sam (Như vậy tất cả nạn)

9) Đức hay trừ các nạn của Minh :

Tất đá đa bát đát-la, ma ha phộc bạch-lỗ ô sắt-nị sam, ma ha bát-la để-dựng nghi lam (Bạch Cái Đại Kim Cương Đỉnh Kế đó hay khiến cho các nạn tự nhiên lui tan)

10) Hạn lượng kết Phương Ngung Giới và chi phần trói buộc loài gây chướng của Minh :

Dạ phộc, ná-phộc xả, dụ nhạ nẵng , tiện đa lệ noa (Cho đến bên trong 12 Do Tuần)

Sam mãng , mãn đặng, ca lỗ nhĩ (Ta tác Giới kết buộc . Hợp với câu trên sẽ nói là: Cho đến bên trong 12 Do Tuần , Ta tác Giới kết buộc)

Nễ xả, mãn đặng, ca lỗ nhĩ (Ta tác: Hay cột buộc các kết buộc ở 10 phương)

Bả la vĩ nễ-dạ , mãn đặng, ca lỗ nhĩ (Ta tác : Hay cột buộc sự kết buộc của Minh)

Đế thù, mãn đặng, ca lỗ nhĩ (Ta tác Kết buộc của nhóm ánh sáng *(Quang Tụ)*)

Ha sa-đá , mãn đặng, ca lỗ nhĩ (Ta tác kết buộc của bàn tay)

Bá ná , mãn đặng, ca lỗ nhĩ (Ta tác kết buộc của bàn chân)

Tát võng nga, bát-la để-dựng nga, mãn đặng, ca lỗ nhĩ (Ta tác kết buộc của tất cả chi tiết. Hợp lại thì nói là : Ta tác Phật Đỉnh Quang Tụ kết giới kết buộc chẳng được cho vào giới)

11) Chính thuyết Chân Ngôn trừ nạn kết giới kết buộc :

Đát nễ-dã tha (Liền nói Chú là)

Án_ A nẵng lệ, a nẵng lệ _ Vĩ xá ná, vĩ xá ná_ mãn đà, mãn đà_ mãn đà nễ, mãn đà nễ_ phệ la phộc nhật la bá ni, phán tra _ Hồng, bố-lâm, phán tra_ Sa-phộc ha

12) Quy mệnh Bản Tôn kết giới :

Nẵng mô sa-đá tha nga đá gia (Quy mệnh Như Lai) **Tố nga đá gia** (Thiện Thệ) **la-ha đế** (Ứng Cúng) **Tam miệu tam một đà gia** (Chính Chân Đẳng Giác) **tất điện đô, mạn đát-la bả ná** (Thành tựu Thân Chân Ngôn đã xong) **sa-phộc ha** (Thành tựu Phước Trí hay Vô Trụ Niết Bàn)

Nếu lại có người hoặc ở trên giấy trắng, hoặc trên vỏ cây hoa, hoặc trên lá Bối viết **Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Vô Hữu Năng Cập Thậm Năng Điều Phục Đà La Ni** này. Hoặc đeo trên thân, hoặc cột ở cổ … cho đến lúc chết thì chất độc chẳng thể hại, dao chẳng thể gây thương tích, nước chẳng thể cuốn chìm, trùng độc thú dữ tự nhiên tiêu diệt, chết đột ngột chẳng đúng thời cũng chẳng thể hại. Cũng khiến cho các Quỷ Thần ác, Tỳ Na Dạ Ca thảy đều vui vẻ. Cũng khiến cho 84 ức Na Do Tha các Kim Cương Tính cũng thường thủ hộ vui vẻ cung kính. Có thể biết các việc đời trước trong 84 trăm ngàn kiếp. Cuối cùng chẳng thọ nhận thân nghèo cùng hạ tiện, Dạ Xoa, Quỷ đói, Yết Tra Bố Đan Na. Cũng hay viên mãn vô lượng vô biên hằng hà sa số các nhóm Phước Đức của Phật Thế Tôn

Nếu có người trì Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Vô Hữu Năng Cập Thậm Năng Điều Phục Đà La Ni này thì chẳng có Phạm Hạnh cũng thành Phạm Hạnh, chẳng hay điều phục cũng tự điều phục, chẳng thanh tĩnh cũng tự thanh tĩnh, chẳng ăn một bữa tự sẽ ăn một bữa, gây ra 5 Tội Nghịch cũng tự tiêu diệt, diệt sạch Nghiệp Chướng đời trước không còn dư sót.

Nếu người nữ muốn cầu con cái , nên trì Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Vô Hữu Năng Cập Thậm Năng Điều Phục Đà La Ni này sẽ được sinh con trai con gái đoan chính có Phước Trí.

Hoặc ở đồng trống , dựng cây phướng cao, treo Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Vô Hữu Năng Cập Thậm Năng Điều Phục Đà La Ni này rồi cung kính lễ bái thì bao nhiêu tai dịch, oán địch bên ngoài đến xâm nhiễu sẽ tự nhiên quay trở về và lui tan

Điều Phục Đà La Ni này làm cho người thọ trì được đầy đủ Phước Đức, sống lâu an vui. Khi chết sẽ sinh về nước An Lạc

Nếu bị Dịch Lệ , dịch lục súc (Súc vật nuôi trong nhà) oán địch bên ngoài đến xâm nhiễu… Hoặc ở trước cổng thành, hoặc ở trong làng xóm phường ấp cũng đặt bày thì liền được ngưng trừ tai nạn .

ĐẠI PHẬT ĐỈNH NHƯ LAI ĐỈNH KẾ BẠCH CÁI ĐÀ LA NI (Hết)

Đốt-lỗ-hồng (ꣻ:ṬRÙṂ) là một chữ của **Biện Sự Phật Đỉnh** vậy

Bản Phạn này và sự phiên dịch, ỗi mỗi câu chữ có thêm bớt chẳng giống nhau. Nhân Huyền Sưu lấy các Bản đã dịch mà làm . Tuy thế còn một số câu chưa phiên dịch được , mong bậc Đại Giác bổ sung cho.

Nguyện đem Công Đức này
Phổ biến khắp tất cả.
Tôi cùng với chúng sinh
Đồng chứng Đại Tất Địa

Đại Phật Đỉnh Như Lai Phóng Quang tất đát đa bát đát la đà la ni

Đời Đường, chùa Thanh Long, Nội Cúng Dường Sa Môn ĐÀM TRINH tu sửa dựng lại bản bia của Chân Ngôn

01/10/1999

Đại Tạng Kinh, quyển 61 _ No.2235 (Tr.606 _ Tr.610)

KIỂM TRA VÀ GHI CHÚ
ĐẠI PHẬT ĐỈNH NHƯ LAI PHÓNG QUANG
TẤT ĐÁT ĐA BÁT ĐÁT LA ĐÀ LA NI

Phạn Hán : MINH GIÁC
Phạn Việt dịch : HUYỀN THANH

STATHAGATO (Như Lai) UṢṆÌṢA (Đỉnh Kế) SITÀTA (Bạch: màu trắng) PATRAṂ (Cái : Dù, lọng) APARAJITAṂ (Vô Hữu Năng Cập) PRATYUṄGIRAṂ (Thậm Năng Điều Phục) DHARAṆI (Tổng Trì)

Phần trên là **Đề Danh**

I _

NAMAḤ (Kính lễ) SARVA (Tất cả) BUDDHÀ (Phật, đấng giác ngộ) BODHISATVEBHYAḤ (Hàng Bồ Tát, Giác Chúng Sinh (Tâm) đẳng)

Kính lễ tất cả chư Phật với chúng Bồ Tát

NAMO (Kính lễ) SAPTÀNAṂ (7) SAMYAKSAṂBUDDHÀ (SAMYAK : Chính, SAṂ : Đẳng, BUDDHÀ : Giác. Tức là Chính Đẳng Giác) KOṬÌNÀṂ (Câu đê, ức : 100 triệu) SA'SRÀVAKA (Thanh Văn) SAṂGHANÀṂ (Chúng)

Kính lễ 7 câu đê (700 triệu) **Chính Chân Đẳng Giác với chúng Thanh Văn Tăng**

NAMO (như trước) LOKE (Thế Gian) ARHANTÀNÀṂ (chư A La Hán)

Kính lễ chúng A La Hán ở Thế Gian

NAMO 'SROTÀPANNÀNAṂ (Chư Thuận Lưu Chúng. Xưa ghi là : Tu Đà Hoàn. 'SROTA : Lưu , APANNA : Nhập , cho nên nói là **Nhập Lưu ,** NÀṂ : Nhiều , nên nói là **Chư**)

Kính lễ chúng Thuận Lưu Quả

NAMO SUKṚTÀGÀMINÀṂ (Chư Nhất Lai Quả . SUKṚTA : Nhất, một. AGÀMI : Lai, đi lại, NÀṂ : Nhiều)

Kính lễ chúng Nhất Lai Quả

NAMO ANÀGÀMINÀṂ (ANA : Bất, chẳng phải. AGÀMI : Lai, đi đến. Nên Đại Luận nói là **Bất Lai** . Lại GAMI : Hành, A : Bất. Hành còn ghi là **Hoàn** nên nói là **Bất Hoàn**)

Kính lễ chúng Bất Hoàn Quả

NAMO LOKE SAMYAGAGATANÀṂ (Dĩ độ : Đã vượt qua. Huyền Trang ghi là : **Chính Chí** tức là tên của **4 Quả** . SAMYAGA là Tam Miệu , đây là **Chính** . GATA : Hành, NÀṂ : Nhiều) SAMYAKPRATIPANNÀNÀṂ (Dĩ sinh chân thật sở : Đã sinh vào nơi chân thật. Huyền Trang nói là **Chính Hạnh** tức là tên của **4 Hướng**. SAMYAK là Tam Miệu , đây là **Chính** , PRATIPANNA : Hành, Hướng)

Kính lễ Bậc đã vượt qua Thế Gian , Bậc đã sinh vào nơi chân thật

NAMO RATNATRAYÀYA

Kính lễ Tam Bảo

NAMO BHAGAVATE (Thế Tôn) DṚḌHA (Kiên Cố) ‘SURA (Dũng mãnh) SENA (Quân) PRAHARAṆA (Kích, đánh) RAJÀYA (Vương, vua) TATHÀGATÀYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng) SAMYAKSAṂBUDDHÀYA (Chính Đẳng Giác)

Kính lễ Dũng Mãnh Phản Kích Vương Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn

NAMO BHAGAVATE AMITÀBHA (Vô Lượng Quang) TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Kính lễ Vô Lượng Quang Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn

NAMO BHAGAVATE AKṢOBHYÀYA (A Súc, Bất Động) TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Kính lễ A Súc Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn

NAMO BHAGAVATE BHAṢAJYA (Dược, Thuốc) GURU (Sư đẳng, bậc thầy) VAITURYA (Phệ Lưu Ly) PRABHA (Quang, ánh sáng) RÀJÀYA (Vương) TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Kính lễ Dược Sư Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn

NAMO BHAGAVATE SAṂPUṢPÌTA (Khai Sổ Hoa. SAṂ : Khai sổ tức là bóc mở, PUṢPÌ là bông hoa) SÀLA (Tên cái cây) INDRA (Đế Vương) RÀJÀYA (Vương) TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Kính lễ Sa La Thọ Vương Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn

NAMO BHAGAVATE ‘SÀKYA (Thích Ca, Năng) MUNAYE (Mâu Ni, Tịch) TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn

NAMO BHAGAVATE RATNA (Bảo, báu) KUSUMA (Hoa) KETU (Tràng, cây phướng) RÀJÀYA (Vương) TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Kính lễ Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn

NAMO BHAGAVATE TATHÀGATÀ (Như Lai) KULÀYA (KULA : Bộ, Tộc . YA là tiếng đệm sau chữ)

Kính lễ Như Lai Chủng Tính Thế Tôn

NAMO BHAGAVATE PADMA (Liên hoa, hoa sen) KULÀYA

Kính lễ Liên Hoa Chủng Tính Thế Tôn

NAMO BHAGAVATE VAJRA (Kim Cương) KULÀYA

Kính lễ Kim Cương Chủng Tính Thế Tôn

NAMO BHAGAVATE MAṆI (Bảo, báu) KULÀYA

Kính lễ Ma Ni Chủng Tính Thế Tôn

NAMO BHAGAVATE GARJA (Bạch Tụ, nhóm tụ màu trắng) KALÀYA

Kính lễ Bạch Tụ Chủng Tính Thế Tôn

NAMO DEVA (Thiên, hàng Trời) RṢÌ (Tiên) ṆÀṂ (Nhiều)

Kính lễ tất cả chúng Thiên Tiên

NAMO SIDDHA (Thành tựu) VIDYA (Minh) DHARÀ (Trì, cầm giữ) ṆÀṂ

Kính lễ chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên

NAMO SIDDHA VIDYÀDDHÀRA RṢÌṆÀMṂ

Kính lễ chúng Thệ Năng Thành Tựu Minh Tiên

'SÀPÀNUGAHASAMARTHÀṆÀMṂ

Kính lễ chúng Nhiếp ác tác thiện

NAMO BRAHMAṆE

Kính lễ các Phạm Thiên

NAMO INDRAYA

Kính lễ các Đế Thích

NAMO BHAGAVATE RURÀYA (Đại Tự Tại Thiên) UMÀPATI (Thiên Hậu) SAHEYÀYA (Với hàng quyến thuộc)

Kính lễ Đại Tự Tại Thiên Tôn với hàng Hậu Phi

NAMO NÀRÀYAṆÀYA (Kính lễ Na La Diên Thiên Đẳng) RAKṢAṂMI SAHEYÀYA (Thủ hộ cho tôi với hàng quyến thuộc. RAKṢAṂ là thủ hộ)

PAṂCA (5) MAHÀ (Đại, to lớn) MUDRA (Ấn) NAMO (Lễ) SKṚTÀYA (Tác, làm)

Người kính lễ 5 Đại Ấn

NAMO MAHÀ (Đại) KALÀYA (Hắc, màu đen) TRI (3) PURA (Cung, cung điện) NAGARA (Thành, cái thành) VIDRÀPAṆA KÀRÀYA (Phá hoại) ADHIMUKTOKA (Lạc, vui thích, ưa thích) 'SMA 'SÀNA (Rừng Thi Đà hay nơi có gò mả) MÀTṚGAṆA (Bản Mẫu chúng hay Quỷ Thần Chúng. GAṆA là chúng) NAMAḤ (Kính lễ) SKṚTÀYA (Tác, làm)

Kính lễ Đại Hắc Thiên Thần hoại 3 trùng thành , chúng Bản Mẫu thích cư ngụ ở gò mả

EBHYO (Như vậy) NAMAḤ (Lễ) SKṚ (Tác, làm) TVA (Xong) IMAṂ (Cái này, điều này)

Như vậy lễ xong

BHAGAVATE (Thế Tôn) STATHÀGATA UṢṆÌṢA (Như Lai Đỉnh Kế) SITÀTAPATRAṂ (Bạch cái, cái lọng màu trắng) NAMÀ (Quy mệnh) APARAJITAṂ (Vô Hữu Năng Cập) PRATYUṄGIRAṂ (Thậm Năng Điều Phục)

SARVA DEVA (Tất cả Trời) NAMASKṚTÀṂ (Tác lễ giả , người làm lễ)

SARVA DEVEBHYAḤ (Tất cả hàng Trời) PÙJITAṂ (nơi cúng dường)

SARVA DEVE (Tất cả Thiên Nữ) 'SCA (Đẳng) PURI (Đều) PÀLITÀṂ (Hộ)

SARVA (Tất cả) BHÙTA (Ác Quỷ) NIGRAHÀ KARÌṂ

Rất hay điều phục chư Thiên, hàng Bộ Đa, tất cả Quỷ Thần

PARA (Cái khác) VIDYA (Minh) CCHEDANA (Cắt đứt) KARÌṂ (Tác, làm)

Cũng cắt đứt các Thần Chú Pháp

DURDATANÀṂ (DUDBHATTÀNÀṂ: Khó giáng phục) SATVÀNÀṂ (Chúng sinh) DAMAKAṂ (Giáng phục)

Giáng phục các chúng sinh khó giáng phục

DUṢṬANÀṂ (Chư ác) NIVÀRAṆÌṂ (Ngăn che , chận đứng)

Ngăn che chận đứng các ác

AKÀLA (Không đúng thời) MṚTYU (Chết) PRA'SAMANA (Hay trừ bỏ) KARÌṂ (Tác, làm)

Hay trừ ách nạn chết không đúng thời

SARVA (Tất cả) BANDHANA (Trói buộc) MOKṢANA (Giải thoát) KARÌṂ (Tác, làm)

Hay cắt đứt tất cả sự trói buộc của chúng sinh

SARVA DUṢṬA (Tất cả ác) DUSVAPNA (Mộng ác) NIVÀRAṆÌṂ (Chướng, ngăn che)

Hay cột trói tất cả mộng ác chẳng lành

CATURA 'SÀTÌNÀṂ (84) GRAHA (Chấp) SAHASRÀ (1000) NÀṂ (Nhiều) VIDHVAṂSANA (Hoại) KARÌṂ (Tác, làm)

Hoại 84000 các phiền não

AṢṬA (8) VIṂ'SATÌNÀṂ (20) NAKṢATRÀNAṂ (Các Tú) PRASÀDANA (Vui vẻ) KARÌṂ (Tác, làm)

Cũng khiến cho 28 Tú vui vẻ

AṢṬANÀṂ (8) MAHÀ (Đại) GRAHÀNÀṂ (Chấp, ác tinh) VIDHVAṂSANA (Hoại) KARÌṂ (Tác, làm)

Hoại 8 đại ác tinh

SARVA 'SATRÙ (Tất cả oan gia) NIVÀRANÌṂ (Ngăn che)

Đẩy lui tất cá oán địch

GURÀṂ (Nặng nề) DU (Ác) SVAPNA (Mộng) NÀṂCA (Đẳng) NÀ'SANÌṂ (Tiêu diệt)

Tiêu diệt các mộng ác khác thường

VIṢA (Chất độc) 'SASTRA (Dao gậy) AGNI (Lửa) UDAKA (Nước) UTRANÌṂ (Độ thoát)

Hay vượt thoát uy thế của thuốc độc, dao gậy , lửa, nước

APARÀJITÀ 'SURA (Vô Năng Cập Giả)

MAHÀ CAṆṬHANAṂ (Đại Đao Sân Nộ. **Ma hạ bả thâu** (Mahà pa'su) là Đại Đao)

MAHÀ DÌPTÀṂ (Đại Thiên, Đại Uy Quang)

MAHÀ 'SVETAṂ (Đại Bạch Thiên)

JVALA (Quang Diễm hay Hỏa Diễm)

MAHÀ BALÀ (Đại Lực) 'SRÌYA (Cát Tường)

Đại Lực Cát Tường

PAṆḌARA (Bạch : màu trắng) VÀSINIṂ (Phất, cây phất trần)

Bạch Phất Nữ

ARYA TÀRÀ (Thánh Cứu Độ) BHṚKUṬÌṂ (Sân Nữ)

Hiền Độ Thiên Nữ và Sân Nữ

CEVAJAṂ (Tối Thắng Bồ Tát) VAJRA MALETI (Kim Cương Man :Vòng hoa Kim Cương) VI'SRÙTAṂ (Tối thắng)

Danh Xưng Anh Tướng Thắng Kim Cương

PADMÀKAMḤ (Liên Hoa Anh Tướng) VAJRA JIHVÀCAḤ (Kim Cương Thiệt : cái lưỡi Kim Cương)

Liên Hoa Anh Tướng Kim Cương Tướng

MALÀ (Anh : chuỗi Anh Lạc) CEVA (Tối diệu) APARÀJITAḤ (Vô Năng Cập)

Thù Anh Thắng Diệu Vô Năng Cập

VAJRA DAṆḌÌ (Kim Cương Thần Xử : Cái chày của Thần Kim Cương) VI'SALÀCA (Thiên Thần Lực Sĩ)

Danh Xưng Thiên Nữ Kim Cương Lịch

'SANTÀ (Hoà Hàng, cùng bay lượn) VAIDEHA (Thiên Chúng) PÙJITÀḤ (Cúng Dường)

Hoà Hàng Thiên Chúng Cúng Dường Giả

SAUME (Thiện) RÙPA (Mạo) MAHÀ 'SVETÀ (Đại Bạch Thiên)

Thiện Mạo Uy Thế Đại Thiên Nữ

ARYA (Hiền) TÀRÀ (Độ) MAHÀ (Đại) BALÀḤ (Gia)

Hiền Độ Siêu Việt Đại Lực Nữ

APARA (Không có cái khác) VAJRA 'SAṄKALA (Kim Cương Liên Tỏa) CEVAḤ (Tối Thắng)

Cái khóa hoa sen của Kim Cương Bất Tử (Kim Cương Bất Tử chi Liên Tỏa)

VAJRA KAUMÀRÌḤ (Kim Cương Đồng Nữ) KULA (Tính) NDHARÌ (Trì Nữ)

Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ

VAJRA HASTÀCA (Kim Cương Thủ) MAHÀ VIDYA (Đại Minh, Đại Chú) TATHÀ (Chân: sự thật) KÀMCANÀ (Chân Kim : vàng ròng) MALIKAḤ (Anh Lạc)

Chấp Kim Cương Chú Kim Anh Giả

KUSUMBHA (Hồng Lam) RATANA (Bảo, báu) CEVA (Tối Thắng)

Đại Bảo Liên Hoa Hồng Lam Hoa

VAI (Phổ) ROCANA (Chiếu) KUDÀRTHOṢṆÌṢA

Kim Cương Kế Xưng Năng Phổ Chiếu

VIJYAMBHA MÀṆÀCA (La Sát Thần Nữ)

VAJRA KANAKA (Kim Cương Uy Thế . KANAKA : Kim, vàng)

PRABHA LOCANÀḤ (Liên Hoa Mục. PRABHA : Quang, ánh sáng)

VAJRA TUṆḌÌCA (Kim Cương Nhãn)

'SVETÀCA (Bạch : màu trắng)

KAMALÀKṢA (Liên Hoa Mục . AKṢA : Con mắt)

'SA'SI (Nguyệt: mặt trăng) PRABHÀ (Quang, ánh sáng)

ITYETE (Như vậy) MUDRA (Ấn) GAṆAḤ (Đẳng)

Tất cả các Ấn Chú như vậy

SARVE RÀKṢAMḤ (Tất cả hộ cho tôi) KURBBANTU (Tác làm ở) MAMASYA (Ngã, tôi)

Nguyện đều thành, đều thủ hộ cho tôi với tất cả chúng sinh đẳng

II _

OṂ ṚṢÌ (Tiên) GAṆAṂ (Chúng. Xưa hợp lại là Tiên Chúng) PRA'SASTA (Thiện Tướng : Tướng hiền lành) TATHÀGATOṢṆÌṢA (Như Lai Đỉnh Kế) HÙṂ BHRÙṂ (Chủng Tử)

JAMBHANA (Áp trấn) HÙṂ BHRÙṂ

STAMBHANA (Trấn thủ) HÙṂ BHRÙṂ

BOHANAḤ (Mê hoặc) HÙṂ BHRÙṂ

MATHÀNA HÙṂ BHRÙṂ

PRAVIDYA (Bài Minh khác) SAMBHAKṢAṆA KARA _ HÙṂ BHRÙṂ

SARVA DUṢṬANÀṂ (Tất cả ác) STAMBHANA KARA (Trấn thủ) HÙṂ BHRÙṂ

SARVA YAKṢA (Tất cả Dũng Mãnh) RAKṢASA (La Sát) GRAHÀṆÀṂ (Túy, loài Ma gây mê hoặc) VIDHVAṂSANA KARA (Đánh phá, phá hoại) HÙṂ BHRÙṂ

CATURA (4) 'SÌTÌNÀṂ (80) GRAHA (Quỷ Thần) SAHASRÀNÀṂ (1000) (84000 Chúng Thần Vương) VINÀ'SANA (Diệt) KARA (Tác, làm) HÙṂ BHRÙṂ

AṢṬA (8) VI'SÀTÌNÀṂ (20) NAKṢATRÀNÀṂ (Tú, Tinh Tú) PRASÀDANA (Vui vẻ) KARA (Tác, làm) HÙṂ BHRÙṂ

Cũng khiến cho 28 Tú vui vẻ

RAKṢA RAKṢA MAṂ (Ủng hộ cho tôi)

Thủ hộ cho tôi (tên là ....) với tất cả chúng sinh

BHAGAVÀṂ (Thế Tôn) STATHÀGATOṢṆÌṢA (Như Lai Đỉnh Kế) MAHÀ (Đại , to lớn) PRATYUṄGIRE (Thậm Năng Điều Phục)

Thế Tôn Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Đại Thậm Năng Điều Phục Giả

MAHÀ (Đại) SAHASRA (1000) BHUBHO (Tý, cánh tay ? BHÙJE)

Đại Tý Đại Thần

SAHASRA 'SIRṢE (Thiên Đầu Thần : vị Thần có 1000 cái đầu)

KOṬI (Câu đê : 100 triệu) 'SATI (100) sahàsra (1000) NETRE (Mục, con mắt)

Bách Thiên Câu Đê Nhãn Thần

ABHAIDYA (Nội, bên trong) JVALATI (Diễm, ánh lửa) NAṬANAKA (Không có sai khác) VAJRODARA (Kim Cương Xử Quảng) TṚBHUVANA (Tam Hữu : 3 cõi) MAṆḌALA (Đàn Trường)

Chày Kim Cương tỏa ánh lửa không sai khác bên trong Đàn Trường rộng rãi chân thật của 3 cõi

OṂ (Quy mệnh, cảnh giác, nhiếp phục, trừ chướng, cúng dường. Lại có 3 thân là: Pháp Thân, Ứng Thân, Hóa Thân)

SVASTIBHAVATU (Nguyện chúng tôi với tất cả đều được cát tường. Hoặc cho tôi bình đẳng. MAMA là Tôi, BHAVA là đắc được)

III _

RÀJA BHAYA (Nạn vua chúa)
CORA BHAYA (Nạn giặc cướp)
AGNI BHAYA (Nạn lửa)
UDAKA BHAYA (Nạn nước)
VIṢA BHAYA (Nạn chất độc)
'SASTRA BHAYA (Nạn dao gậy)
PRACAKRA BHAYA (Nạn binh trận)
DURBHIKṢA BHAYA (Nạn đói khát)
A'SANI BHAYA (Nạn mưa đá)
AKÀLA (Phi Thời , đột ngột) MṚTYU (Chết) BHAYA (Sợ hãi)
Nạn chết đột ngột
DHARAṆI (Đất) BHUMI (Đất đai) KAṂPA (Chấn động) BHAYA
Nạn động đất
ULKAPÀ BHAYA (Nạn đường xá nguy hiểm)
RAJA DAṆḌA BHAYA (Nạn hình phạt của vua chúa)
NAGA BHAYA (Nạn Rồng)
VIDYU BHAYA (Nạn sét đánh)
SUPARṆI BHAYA (Nạn Kim Xí Điểu)
YAKṢA GRAHÀ (Dược Xoa Túy)
RAKṢASA GRAHÀ (La Sát Túy)
PRETA GRAHÀ (Ngạ Quỷ Túy)
PI'SÀCA GRAHÀ (Xí Thần Túy)
BHÙTA GRAHÀ (Thần Quỷ Túy)
KUMBHAṆḌA GRAHÀ (Thủ Cung Sản Nữ Quỷ Túy)
PÙTANA (Xú Quỷ Túy)
KAṬAPÙTANA GRAHÀ (Kỳ Xú Quỷ Túy)
SKANDA GRAHÀ (Cưu Ma La Đồng Tử Túy)
APASMÀRA GRAHÀ (Dương Đầu Quỷ Túy)
UNMÀDA GRAHÀ (Cuồng Quỷ Túy)
CCHÀYÀ GRAHÀ (Ảnh Quỷ Túy)
REVATI GRAHÀ (Âm Mưu Quỷ Túy)
ÙJÀHÀRIṆYÀ (Thực Sinh Khí Nhân Sắc Giả . ÙJA là sinh. AHÀRIṆYA là ăn)
GARBHÀHÀRIṆYÀ (Loài ăn bào thai)
JATÀHÀRIṆYÀ (Loài ăn sinh khí. JATA là sinh)
JÌVITÀHÀRIṆYÀ (Loài ăn thọ mệnh)
RUDHIRÀHÀRIṆYÀ (Loài ăn máu huyết. RUDHIRA là máu huyết)
BASÀHÀRIṆYÀ (Loài ăn thứ do sinh đẻ)
MÀṂSÀHÀRIṆYÀ (Loài ăn thịt . MÀṂSA là thịt)
MEDÀHÀRIṆYÀ (Loài ăn mỡ)
MAJJÀHÀRIṆYÀ (Loài ăn tủy)
BÀNTÀHÀRIṆYÀ (Loài ăn thức nôn mửa, loài ăn gió)
A'SUCYÀHÀRIṆYÀ (Loài ăn thứ bất tịnh. 'SUCYA là Tịnh)
CITTÀHÀRIṆYÀ (Loài ăn Tâm)

TEṢÀṂ SARVEṢAṂ (Chúng đẳng như vậy)

SARVA GRAHÀṆÀṂ (Tất cả Chấp Thần Chúng) VIDYAṂ (Minh Chú) CCHINDA (Cắt đứt) YÀMI (Nay tôi) KÌLA (Cấm) YÀMI (Nay tôi)

PARIBRÀHÀKA (Giặc Ngoại Đạo) KṚTÀṂ (Sở tác) VIDYÀṂ (Minh Chú) CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI (Sở hữu Minh Chú, nay tôi cấm dứt)

ḌAKA ḌKIṆÌ (Hồ Mỵ) KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI

MAHÀ PA'SUPATI RUDRA (Đại Tự Tại Thiên) KṚTÀṂ VIDYAṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

TATVA GARUḌA SAHAYA (Kim Xí Điểu Vương) KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

MAHÀ KÀLA MATṚGAṆAṂ (Đại Hắc Thiên Thần. MAHÀ là Đại, KÀLA là Hắc, MATṚ là Mẫu , GAṆAṂ là Chúng) KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

KÀPALIKA (Độc Lâu Ngoại Đạo) KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

JAYA (Thắng) KARA (Tác) MADHU (Kiêu Mạn) KARA (Tác) SARVÀTHA (Tất cả Nghĩa Lợi) SÀDHANA (Thành tựu) **Các tác cường thắng, các tác kiêu mạn, sở dục nhất thiết sự thành tựu**) KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

CATURBHAGINÌ (4 Chị em Thần Nữ . BHAGINÌ là tên chung của 4 chị em) KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

BHṚGIRIṬIKA (Đấu Chiến Quỷ) NANDI (Ngoại Đạo) KE'SVARA (Khổng Tước Vương) GAṆAPATI (Hoan Hỷ Vương) SAHEYA (Dã Xoa Vương. 3 anh em đều lãnh 28 vạn. SAHEYA còn nói là Quyến Thuộc) KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI

NAGNA 'SRAMAṆA (Khỏa Hình Ngoại Đạo) KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI

ARHÀNTA (La Hán) KṚTÀṂ VIDYÀṂ CHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

VÌTARAGAṆÀ (Ly Ái Trước Thiên, Khởi Thi Quỷ) KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

VAJRAPÀṆI (Chấp Kim Cương Thần) KṚTÀṂ VIDYÀṂ CHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

BRAHMA KṚTÀṂ (Phạm Thiên sở tác) RUDRA KṚTÀṂ (Tự Tại Thiên Chú) NARÀYAṆA (Na La Diên Thiên) KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

VAJRAPÀṆI GÙHYAKA (Chấp Kim Cương Mật Tích Lực Sĩ . GÙHYAKA là Mật Tích) ADHIPATI (Chủ) KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

RAKṢA RAKṢA MÀṂ (Thủ hộ cho tôi… với tất cả chúng sinh đẳng)

IV _

BHAGAVÀṂ (Thế Tôn) SITÀTAPATRA (Bạch Cái) NAMOSTUTE (Đỉnh lễ)

Quy mệnh đỉnh lễ Bạch Cái Thế Tôn

ASITÀNALÀRKAḤ (Hào quang trắng rõ ràng) PRABHA (Ánh sáng) SPHUṬA (Hiển hiện) VIKA (Tối thắng) SITÀTAPATREḤ (Bạch Cái) JVALA JVALA (Phóng quang, phóng quang) DHAKA DHAKA (Uy Quang, Uy Quang) VIDHAKA VIDHAKA (Biến uy quang, biến uy quang) DARA DARA (Giáng phục) VIDARA VIDARA , CCHINDA CCHINDA (Cắt Đứt) BHINDA BHINDA (Xuyên qua) HÙṂ HÙṂ , PHAṬ PHAṬ , SVÀHÀ

HE HE (Hô triệu) PHAṬ (Phá bại)

AMOGHAYA (Bất Không) PHAṬ (Phá bại)

Bất Không Đại Sứ phá bại

APRATIHATAYÀ PHAṬ (Vô chướng ngại phá bại)

VARAPRADAYÀ PHAṬ (Dữ Nguyện phá bại. VARA là Nguyện, PRADÀYA là Dữ : Ban cho)

ASURA (Phi Thiên) VIDRÀPAKÀYA (Phá hoại) PHAṬ (Phá bại)

A Tu La phá bại

SARVA DEVEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Thiên Chúng phá bại. DEVA là Thiên: Trời, EBHYAḤ là Chúng)

SARVA NÀGEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Long Chúng phá bại)

SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Quỷ Thần Dũng Mãnh phá bại)

SARVA RÀKṢASEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả La Sát Thần Chúng phá bại)

SARVA GARUḌEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Kim Xí Điểu Thần Chúng phá bại)

SARVA GANDHARVEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Âm Nhạc Thần Chúng phá bại)

SARVA ASUREBHYAḤ PHAṬ (Tất cả A Tu La Thần Chúng phá bại)

SARVA KINDAREBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Nghi Thần Chúng phá bại)

SARVA MAHORAGEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Đại Phúc Hành Thần Chúng phá bại)

SARVA BHÙTEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Ác Quỷ Chúng phá bại)

SARVA PI'SÀCEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Tỳ Xá Già Quỷ Chúng phá bại)

SARVA KUMBHAṆḌEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Vưu Bàn Trà Quỷ Chúng phá bại)

SARVA PÙTAṆEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Xú Quỷ Chúng phá bại)

SARVA KAṬAPÙTAṆEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Kỳ Xú Quỷ Chúng phá bại)

SARVA DURLAṂGHITEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Nột Ngộ Chúng phá bại. DURA là Nột: nói năng chậm chạp, LAṂGHITA là ngộ : sai lầm)

SARVA DUṢPRAKṢITEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Nột Phát Khiển Chúng phá bại. DUṢA là Nột:nói năng chậm chạp , PRAKṢITA là Phát Khiển)

SARVA APASMAREBHYAḤ PHAṬ (Kiện Vong. Tất cả Ngoại Đạo Sĩ phá bại)

SARVA 'SRAMAṆIBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Trì Chú Chúng phá bại. 'SRAMAṆE là Sa Môn, người trì Chú)

SARVA TÌRTHIKEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Ngoại Đạo Chúng phá bại)

SARVA UNMAṂDEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Ác Sinh Chúng phá bại)

SARVA VIDYÀCÀRYEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Trì Chú Bác Sĩ phá bại. VIDYA là Minh, ACÀRYE là Bác Sĩ)

JAYÀ KÀRA (Tác tối thắng) MADHU KARA (Tác kiêu mạn) SARVÀRTHA (Tất cả nghĩa lợi) SADDHÀNEBHYÀ (Tất cả sự thành tựu) VIDYÀCÀRYEBHYAḤ (Trì Minh Bác Sĩ) PHAṬ (Phá bại)

CATURBHAGINÌBHYAḤ PHAṬ (4 chị em Thần Nữ phá bại)

VAJRA KAUMARÌ (Kim Cương Đồng Nữ) KULANDHARÌ (Trì Tính Nữ) VIDYÀ RAJEBHYAḤ PHAṬ (Minh Vương Đẳng phá bại)

MAHÀ PRATYUṄGIREBHYAḤ PHAṬ (Đại Điều Phục Giả Đẳng phá bại)

VAJRA SAṄKALÀYA (Kim Cương Liên Tỏa) PRATYUṄGIRA RÀJAYA PHAṬ (Đại Điều Phục Vương phá bại)

MAHÀ KÀLÀYA (Đại Hắc Thiên Thần) MATṚGAṆA (Quỷ Thần Chúng) NAMASKṚTÀYA PHAṬ (Tác lễ giả phá bại)

INDRAYÀ PHAṬ (Đế Thích phá bại)

BRAHMAṆÌYE PHAṬ (Phạm Thiên Phi phá bại)

RUDRÀYA PHAṬ (Tự Tại Thiên phá bại)

VIṢṆAVIYE PHAṬ (Tỳ Nữu Thiên Tử phá bại)

VIṢṆEVIYE PHAṬ (Tỳ Nữu Thiên Nữ phá bại)

BRAHMÌYE PHAṬ (Phạm Thiên Thiên Tử phá bại)

VARAKÌYE PHAṬ (Trư Đầu Thần phá bại)

AGNIYE PHAṬ (Hỏa Thiên phá bại)

MAHÀ KÀLÌYE PHAṬ (Đại Hắc Thiên Thần Phi phá bại)

RAUDRÌYE PHAṬ (Sân Nộ Thần phá bại)

KÀLA DAṆḌÌYE PHAṬ (Đại Quỷ Súy Thần Hắc Áo Thần phá bại)

AINDRÌYE PHAṬ (Đế Thích phá bại)

MÀTRÌYE PHAṬ (Quỷ Thần phá bại)

CAMUṆḌÌYE PHAṬ (Nộ Thần phá bại)

KALARÀTRÌYE PHAṬ (Hắc Dạ Thần phá bại. RATRÌ là ban đêm (dạ))

KÀPÀRÌYE PHAṬ (Độc Lâu Thần Nữ phá bại)

ADHIMUKTOKA 'SMA 'SÀNA VÀSINIYE PHAṬ (Lạc Cư Tủng Sở Nữ phá bại : Âm Nữ vui thích ở gò mả phá bại)

V _

YEKE CITTA SATVA (Phát tâm chúng sinh) MAMA (Nơi tôi)

DUṢṬA CITTÀ (Tâm ác) PÀPA CITTÀ (Tâm tội lỗi) RAUDRA CITTÀ (Tâm phẫn nộ) VIDVAIṢA CITTÀ (Tâm giận ghét) AMAITRA CITTÀ (Tâm không hiền)

UTPADAYANTI (Sinh dã) KÌLAYANTI (Cấm dã) MANTRAYANTI (Mật Ngữ dã) JÀPANTI (Tụng dã) JOHANTI (Sinh dã)

ÙJÀHÀRÀ (Loài ăn tinh khí, Ngư Quỷ .UJA là sinh, AHÀRÀ là ăn)

GARBHÀHÀRÀ (Thực Thai Quỷ)

RUDHIRÀHÀRÀ (Thực huyết Quỷ)
MEDÀHÀRÀ (Thực ám Quỷ)
MAJJÀHÀRÀ (Thực Tủy Quỷ)
BASÀHÀRÀ (Thực Sơ Sản Quỷ)
JATÀHÀRÀ (Thực Sinh Khí Quỷ)
MALYÀHÀRÀ (Loài ăn tóc)
GANDHÀHÀRÀ (Loài ăn hương khí)
PUṢPÀHÀRÀ (Loài ăn bông hoa)
PHÀLÀHÀRÀ (Loài ăn ngũ cốc. Tư ghi PHALA là quả trái)
SASYÀHÀRÀ (Loài ăn hạt giống)
PÀPA CITTÀ (Tâm tội lỗi) DUṢṬA CITTÀ (Tâm ác)
DEVA GRAHÀ (Thiên Túy)
NÀGA GRAHÀ (Long Túy)
YAKṢA GRAHÀ (Dược Xoa Túy)
RAKṢASA GRAHÀ (La Sát Túy)
ASURA GRAHÀ (A Tu La Túy)
GARUṆA GRAHÀ (Ca Lâu La Túy)
KINDARÀ GRAHÀ (Khẩn Na La Túy)
MAHORÀGA GRAHÀ (Ma Hầu La Giá Túy)
PRETA GRAHÀ (Ngạ Quỷ Túy)
PI'SÀCA GRAHÀ (Tỳ Xá Già Quỷ Túy)
BHÙTA GRAHÀ (Bộ Đa Quỷ Túy)
PÙTANA GRAHÀ (Bố Đan Na Túy)
KAṬAPÙTANA GRAHÀ (Yết Tra Bố Đan Na Quỷ Túy)
KUMBHAṆḌA GRAHÀ (Câu Bàn Trà Quỷ Túy)
SKANDA GRAHÀ (Tắc Khiển Na Quỷ Túy)
UNMÀDA GRAHÀ (Ổn Mãng Quỷ Túy)
CCHÀYA GRAHÀ (Ảnh Quỷ Túy)
APASMÀRÀ GRAHÀ (Dương Đầu Quỷ Chi Hình Nữ Dã Hồ Quỷ)
ḌAKA ḌAKIṆÌ GRAHÀ (Yểm Mỵ Nữ Quỷ Túy)
REVATI GRAHÀ (Như Cẩu Não Nhi Túy)
JAMIKÀ GRAHÀ (Như Mã Quỷ Túy)
'SAKUNI GRAHÀ (Như Điểu Hình Quỷ Túy)
NANDÌKÀ GRAHÀ (Như Miêu Hình Quỷ Túy)
LAṂVIKA GRAHÀ (Như Xà Hình Quỷ Túy)
KAṆṬHAPAṆI GRAHÀ (Như Kê Hình Quỷ Túy)

JVARÀ (Nhiệt Ngược Quỷ) EKAHIKÀ (1 ngày phát sốt rét 1 lần) DVAITIYAKÀ (2 ngày phát sốt rét 1 lần) TRETIYAKÀ (3 ngày phát sốt rét 1 lần) CATURTHAKÀ (4 ngày phát sốt rét 1 lần)

NITYÀ JVARA (Luôn nóng sốt cao)
VIṢAMA JVARÀ (Nóng sốt cao)
VÀTIKÀ (Phong bệnh)
PATTAKÀ (Bệnh vàng da)
'SLEṢMIKA (Đàm ẩm)

SANDIPATIKA (Bệnh kiết lỵ)
SARVA JVARÀ (Tất cả bệnh nhiệt)
'SARORTTI (Đau nhức đầu)
ARDHÀVABHEDHAKA (Đau nhức nửa đầu)
AROCAKA (Bệnh chẳng ăn được)
AKṢI ROGAṂ (Đau mắt . AKṢI là con mắt, ROGA là đau nhức)
MUKHA ROGAṂ (Đau miệng)
HṚDROGAṂ (Đau nhức toàn thể)
KARṆḌA 'SULAṂ (Đau tai. KARṆA là lỗ tai)
DANDA 'SULAṂ (Đau răng)
HṚDAYA 'SULAṂ (Đau tim)
MARMA 'SULAṂ (Đau buốt đốt xương)
PÀRÀ 'SULAṂ (Đau hông sườn)
PṚṢṬA 'SULAṂ (Đau lưng)
UDARA 'SULAṂ (Phúc bệnh : bệnh về cái bụng)
KAṬI 'SULAṂ (Đau eo lưng)
BASTI 'SULAṂ (Đau bắp đùi)
JAMGHA 'SULAṂ (Đau cổ tay)
HASTA 'SULAṂ (Đau bàn tay)
PÀDA 'SULAṂ (Đau bàn chân)

SARVAṄGA PRATYUṄGA 'SULAṂ (Đau nhức tất cả chi tiết. AṄGA là Chi, PRATYU là Tiết)

BHÙTA VETÀḌÀ (Khởi Thi Quỷ. BHÙTA là Bộ Đa Quỷ, VETÀḌA là Thi Quỷ)

ḌÀKA ḌÀKIṆÌ (Yểm Quỷ)
JVARA DRADRUKAṆTU (Thiên Hành Quỷ)
KIṬI (Tri Thù Sang : Nhọt do Dời ăn)
BHAILOTAVAI (Đinh Sang)
SARPALOHÀ (Xâm Dâm Sang)
LIṄGA (Xích Sang)
'SOṢATRA SAGARA
VIṢA YOGA (Cổ Độc)
AGNI (Lửa) UDAKA (Nước)
MARAVERÀ
KÀNTARÀ (Thú)
AKÀLÀ MṚTYU (Chết đột ngột)
TRAIMUKA _ TRAILOṬAKA

BṚ'SIKA (Bò Cạp) SARPA (Rắn) NAKULA (Thử Lang : Chuột hoang) SIṂHA (Sư Tử) VYAGHRA (Cọp, Đại Trùng) RIKṢA (Gấu, gấu heo) ḌARARIKṢA (Gấu Ngựa) CAMARA JÌVIBHE (Cá Ma Kiệt)

TEṢAṂ SARVEṢAṂ (Như vậy tất cả tai nạn)

SITÀTAPATRA (Bạch Cái) MAHÀ VAJROṢṆÌṢA (Đại Kim Cương Đỉnh) MAHÀ PRATYUṄGIRAṂ (Đại Điều Phục)

Bạch Cái Đại Kim Cương Đỉnh Kế này hay khiến cho các nạn tự nhiên lui tan

YÀBA (Cho đến) DVA (2) DA'SA (10) YOJANÀ (Do Tuần) BHYÀNTARENA (Bên trong. ABHYÀNTARA là bên trong)

Cho đến bên trong 12 Do Tuần

SÌMA (Giới) BANDHAMỊ (Cột buộc) KAROMI (Tác Ngã)

Kết Giới kết Phộc tác ngã . Hay bên trong 12 Do Tuần ta kết buộc giới

DI'SÀ (10 Phương) BANDHAMỊ KAROMI

Ta tác 10 phương kết buộc

PARA (Đều khác) VIDYA (Minh) BANDHAMỊ KAROMI

Ta tác Năng Thắng Minh kết buộc

TEJA (Quang : ánh sáng) BANDHAMỊ KAROMI

Ta tác Quang Tụ kết buộc

HASTA (Bàn tay) BANDHAMỊ KAROMI

Ta tác bàn tay kết buộc

PÀDA (Bàn chân) BANDHAMỊ KAROMI

Ta tác bàn chân kết buộc

SARVAṄGA PRATYUṄGA (Tất cả chi tiết) BANDHAMỊ KAROMI

Ta tác tất cả chi tiết kết buộc. Hay ta tác Phật Đỉnh Quang Tụ kết Giới kết buộc, chẳng được cho vào Giới

TADYATHÀ (Liền nói Chú là)

OMỊ _ ANALE ANALE _ VI'SADA VI'SADA _ BANDHA BANDHA _ BANDHANI BANDHANI _ VAIRA VAJRAPÀṆI (Kim Cương Thủ) **PHAṬ** (Phá bại) **HÙMỊ BHRÙMỊ PHAṬ _ SVÀHÀ**

NAMO STATHÀGATÀYA (Quy mệnh Như Lai) SUGATÀYA (Thiện Thệ .SU là Thiện, GATA là đi , SUGATA là Bậc đi đến nẻo lành) ARHATE (Ứng Cúng) SAMYAKSAMỊBUDDHÀYA (Chính Chân Đẳng Giác) SIDDHYAMỊTU (Thành Tựu) MANTRA (Chân Ngôn) PADA (Cú)

Quy mệnh tất cả Như Lai Chính Đẳng Giác khiến cho con thành tựu Chân Ngôn Cú

SVÀHÀ (Thành tựu Phước Trí)

ĐẠI PHẬT ĐỈNH ĐÀ LA NI NHẤT ĐẠO xong

Đà La Ni này bắt đầu có **Như Lai Đỉnh Kế** cho đến **Tổng Trì** . Đây là **Đề Mục**

Phàm Phạn Văn trong các Kinh thông biệt , các Chú , khởi đầu có câu **Quy Mệnh** tiếp có chính tông, cuối cùng của Kinh Chú có đề mục kết thúc là SAMÀPTAḤ tức là **Đã Xong** . Ý nói rằng Chú của Kinh đó đã xong rồi.

Nay Chú này bắt đầu thì để Đề Mục của bản Phạn. Đây là dựa theo lúc kết thúc Kinh Sách của đất Hán (Trung Quốc) mà để khởi đầu, có bản không có đề mục này.

Dựa theo Kinh Chú thì Chân Ngôn này gom hợp **Phương Quỹ Trì Chú** với **Chính Đà La Ni** làm thành một Chú . Y theo ý chú giải thì nơi gia chú (chú giải

thêm) như bên trên. Có điều Phạn Ngữ có nhiều hàm ý chẳng phải một cách. Tư dựa theo bản khác mà phân chia văn. Minh khởi đầu là Phương Quỹ Trì Chú, tiếp đến là Chính Thuyết Đà La Ni.

Phương Quỹ Trì Chú có 3 phần

1) Quy mệnh các Tôn

2) Niệm Chú Đức

3) Thỉnh Gia Hộ

1) **Quy mệnh các Tôn** có 2 phần

a) ***Tổng Quy Mệnh*** : Kính lễ tất cả chư Phật cho đến Kính lễ Tam Bảo

b) ***Biệt Quy Mệnh*** : Kính lễ Dũng Mãnh cho đến Bản Mẫu Chi Chúng kính giả

Tiếp theo là EBHYO NAMAḤSKṚTVÀ là Như vậy lễ xong. Đây là Kết phần Quy Mệnh các Tôn bên trên

2) **Niệm Chú Đức :**

Thoạt đầu là IMAṂ BHAGAVATA STATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRAṂ NAMA . Đây là tên gọi **Thế Tôn Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái** .Ý là Như vậy lễ xong, lại nên niệm lời *tên Chú này là* ***Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái***

Khảo xét phần trước sau của bản giải thích này tựa như dùng **Vô Hữu Năng Cập Thậm Năng Điều Phục** cũng là tên của Chú (Xuất Chú Danh) cho nên biết tên chính của Chú này là **Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái** vậy, cong **Vô Hữu Năng Cập Thậm Năng Điều Phục** tức là ghi phần dụng của Chú . Phạn Ngữ có nhiều hàm ý cho nên khi phiên dịch chẳng muốn làm trái ngược với ý đã giải thích.

Tiếp từ PARAJITA trở xuống là **Chính Niệm Chú Đức .** Chữ (MÀ) bên trên đã có chữ (A) cho nên nói **Vô Hữu Năng Cập Thậm Năng Điều Phục** tức niệm dụng của Chú , nên nói rằng **Tất cả Thiên Chúng lễ bái cúng dường, điều phục các Quỷ** cho đến **Uy thế của nước, lửa ...** cũng là niệm Đức vậy

3) Tiếp trong **Thỉnh gia hộ thủ** có 2 phần

a) Khởi đầu từ **Vô Năng Cập Giả** cho đến **Nguyệt Quang Giả** là các Hộ Giả (Bậc Thủ Hộ) riêng biệt.*(Đây y theo ý khởi đầu* ***Tất cả Thiên Chúng cúng dường lễ bái ủng hộ Đức*** *mà Thỉnh Gia Hộ)*

b) Tiếp từ (OṂ) trở xuống là **Chính Thuyết Chú** cho nên trong Kinh ghi là : **Đát điệt tha : Ô hồng ....** Là các Chú thông thủ vậy

Doanh Bảo, năm thứ 3, tháng 7, ngày 10. Hạ Châu Ẩn Giả MINH GIÁC tùy theo khả năng mà kiểm tra ghi chú xong

Văn Trị, năm thứ 5 (Kỷ Dậu), tháng 10, ngày 10. Sao chép ở sách **Thiền Song** của Liêm Thương. THÍCH TÍNH NGÃ ghi xong

Diên Bảo, năm thứ 2, tháng 9, ngày 27. Dùng bản để trong rương của chùa Cao Sơn ghi chép xong. Lúc đó Viện Sĩ SA lại gia trì lần nữa. Ẩn Giả HIỂN CHỨNG (78 tuổi)

12/11/1999

ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM ĐÀ LA NI

Dựa theo Quảng Bản của Ngài BẤT KHÔNG
Phục hồi và chú thích Phạn Văn : HUYỀN THANH

ĐỀ DANH CHÚ :
[illegible]
STATHÀGATOṢṆÌṢAṂ SITATÀPATRAṂ APARÀJITAṂ PRATYUṄGIRAṂ DHÀRAṆÌ

Stathàgata : Tất cả Như Lai
Uṣṇìṣa : Đỉnh kế, đỉnh cổ, nhục kế là phần thịt nổi cao tròn trên đỉnh đầu. Đây là một trong 32 tướng tốt của Đức Phật
Stathàgatoṣṇìṣaṃ : Nhất thiết Như Lai Đỉnh Kế hay Đỉnh kế của tất cả Như Lai
Sitàta : Có tính màu trắng
Patra : Cái lọng, cái dù
Sitàtapatraṃ : Bạch Tản Cái tức cái lọng màu trắng
Aparàjitaṃ : Vô năng thắng tức không có gì vượt thắng hơn được
Pratyuṅgiraṃ: Rất khéo điều phục (Thậm năng điều phục) hay cứu thoát (năng cứu thoát)
Dhàranì : Tổng Trì tức gìn giữ tổng thể
*) **Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái Vô Năng Thắng Thậm Năng Điều Phục Đà La Ni**

I_ HỘI THỨ NHẤT :
[illegible]
NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATVEBHYAḤ
Namaḥ : Kính lễ
Sarva : Tất cả (Nhất thiết)
Buddha : Bậc Giác Ngộ , vị Phật
Bodhisatva : Giác Hữu Tình , vị Bồ Tát
Ebhyaḥ : Đẳng cấp, hàng
Kính lễ tất cả Phật với hàng Bồ Tát
[illegible]
NAMO SAPTÀNÀṂ SAMYAKSAṂBUDDHA KOṬÌNÀṂ SA'SRÀVAKA SAṂGHÀNÀṂ
Namo : Quy mệnh, quy y, lễ bái, cúng dường, cứu ngã, độ ngã
Sapta : số 7_ Nàṃ là nhiều. Trong văn tự Tất Đàn thì saptànàṃ được dùng để kết hợp nhân số 7 với một số lớn hơn đặt ở phía sau danh từ cần phải tính đếm
Samyak : Chính, Chính Đẳng
Saṃbuddha : Biến giác , biến tri tức là cái biết khắp cả
Samyaksaṃbuddha : Chính Biến Tri, Chính Đẳng Chính Giác

Koṭì : Ức, 100 triệu_ Koṭìnàṃ kết hợp với Saptànàṃ phía trên thành 7 ức hay 700 triệu

'Sravàka: Thanh Văn chỉ người do nghe giảng học hỏi mà chứng Đạo giải thoát. Sa'sravàka là Diệu Thanh Văn

Sañgha: còn viết là saṃgha, saṅgha chỉ vị tu sĩ Phật Giáo (Tăng)_ sañghànàṃ là Tăng Chúng

Quy mệnh 7 ức Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng



NAMO LOKE ARHANTÀNÀṂ

Loka : Thế gian_ Loke là bên trong Thế Gian

Arhanta : còn viết là Arhàt, arhate tức A La Hán là quả vị thứ tư trong 4 quả Thanh Văn. A La Hán có 3 nghĩa là : Sát Tặc (Giết giặc phiền não) Vô Sinh (Không còn sinh tử luân hồi) Ứng Cúng (Bậc Thánh xứng đáng nhận sự cúng dường của tất cả chúng sinh). Arahantànàṃ là Chúng A La Hán

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian



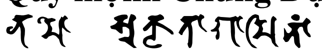
NAMO SROTÀPANNÀNÀṂ

Srota :Giòng chảy (Lưu)

Apanna : Tham dự vào, nhập vào

Srotàpanna : Tu Đà Hoàn là quả vị thứ nhất trong 4 quả Thanh Văn thường dịch là Nhập Lưu (bước vào dòng Thánh), Dự Lưu, Nghịch Lưu (Ngược giòng sinh tử)

Quy mệnh Chúng Dự Lưu



NAMO SUKṚTÀGAMÌNÀṂ

Sukṛta : Một (Nhất)

Agami : Đi đến (Lai)

Sukṛtàgami: Tu Đà Hoàn là quả vị thứ hai trong 4 Quả Thanh Văn thường dịch là Nhất Lai

Quy mệnh Chúng Nhất Lai



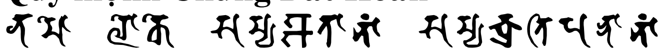
NAMO ANÀGAMÌNÀṂ

Ana : Chẳng phải (Bất)

Agami : Đi đến (Lai), quay trở lại (Hoàn)

Anàgami : A Na Hàm là quả vị thứ ba trong 4 Quả Thanh Văn thường dịch là Bất Lai, Bất Hoàn

Quy mệnh Chúng Bất Hoàn



NAMO LOKE SAMYAGGATÀNÀṂ SAMYAKPRATIPANNÀNÀṂ

Samyag : Chính

Gata : Vượt Qua, đã đi qua, nơi đã đến

Samyaggatànàṃ : Chúng Chính Chí tức tên gọi 4 Quả Thanh Văn
Samyak : Chính
Pratipanna : Nổi lên, lộ ra, bắt kịp, theo kịp, đến gần, nơi hay lui tới
Samykpratipannàṃ: Chúng Chính Hành, Chúng Chính Hướng là tên của 4 Hướng tiến đến 4 Quả Thanh Văn
Quy mệnh Chúng đạt 4 Quả với Chúng đạt 4 Hướng trong Thế Gian

NAMO RATNATRAYÀYA
Ratna : Vật báu (Bảo)
Traya : Có 3 phần
Aya : Đẳng, nhóm
Ratnatrayàya : Nhóm 3 báu Phật , Pháp , Tăng
Quy mệnh 3 báu Phật, Pháp, Tăng

NAMO BHAGAVATE DṚḌHA 'SURASENAPRAHARAṆA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA
Bhagavate : còn ghi là Bhagavàt, Bhagavàn, Bhagavaṃ là Bậc Tôn Qúy trong Thế Gian (Thế Tôn) . Dịch ý là Tác Hữu Đức, Hữu Đại Công Đức, Hữu Danh Thanh, Chúng Hữu (Mọi Thần ngầm giúp), Xảo Phân Biệt, Năng Phá, Thế Tôn, Tôn Qúy. Tại Ấn Độ dùng để xưng tán Bậc Thánh Hiền, vị Thần có uy đức gồm có 6 nghĩa là : Tự tại, chính nghĩa, ly dục, cát tường, danh xưng, giải thoát
Trong Phật Giáo dùng Bhagavat để tôn xưng Đức Phật. Lại nhân Phật Đà có đủ mọi Đức là : có đủ đức, hay phân biệt, nhận sự tôn kính của mọi người, hay phá trừ phiền não cho nên Bhagavat có đủ 4 nghĩa là : Hữu Đức, Xảo Phân Biệt, Hữu Danh Thanh, Năng Phá.
Phật Địa Kinh Luận, Quyển 1 ghi : Bạc Già Phạm có đủ 6 nghĩa là : Tự Tại, Xí Thịnh, Đoan Nghiêm, Danh Xưng, Cát Tường, Tôn Qúy
Dṛḍha : Kiên cố, bền chắc
'Sura : Dũng mãnh, anh hùng
Sena : Quân lính
Praharaṇa : Gõ , đánh, kích (đâm), chiến đấu, chống cự lại, phản kích
Ràjàya : Vương đẳng, hàng vua chúa
Tathàgata : Như Lai
Arhate : Ứng Cúng
Samyaksaṃbuddha : Chính Đẳng Chính Giác
Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kích Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

NAMO BHAGAVATE AMITÀBHÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA
Amita : Vô lượng
Abha : Ánh sáng (Quang)

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác



NAMO BHAGAVATE AKṢOBHYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Akṣobhya : Bất động

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác



NAMO BHAGAVATE BHAIṢAIJYA GURU VAIḌURYA PRABHA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Bhaiṣaijya : Thuốc men (Dược)

Guru : danh từ chỉ vị Đạo Sư

Vaiḍurya : Lưu Ly, thủy tinh

Prabha : Ánh sáng (Quang)

Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác



NAMO BHAGAVATE SAṂPUṢPÌTA SÀLENDRA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Saṃ là bóc mở khắp cả. Puṣpa là Bông hoa. Saṃpuṣpìta là Khai Phu Hoa (Bóc mở bông hoa)

Sàla là cây Sa La.Indra là đế vương. Sàlendra là Sa La Thọ Vương

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác



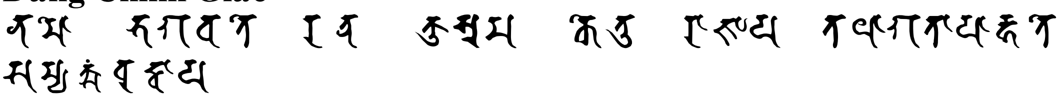
NAMO BHAGAVATE 'SÀKYAMUṆÀYE TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

'Sàkya : Thích Ca được dịch là Năng Nhân

Muṇi : Tịch Mặc, sự êm ả vắng lặng

'Sàkyamuṇi : Bậc Tịch Mặc (Hiền Thánh) của giòng họ Thích Ca

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác



NAMO BHAGAVATE RATNA KUSUMA KETU RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Ratna : Vật báu (Bảo)

Kusuma : một loài hoa

Ketu : Cây phướng (Tràng)

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

𑖡𑖦𑖺 𑖥𑖐𑖪𑖝𑖸 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝 𑖎𑖲𑖩𑖯𑖧

NAMO BHAGAVATE TATHÀGATA KULÀYA

Kula : Tộc, giòng họ, chủng tộc

Kulàya : Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

𑖡𑖦𑖺 𑖥𑖐𑖪𑖝𑖸 𑖢𑖟𑖿𑖦 𑖎𑖲𑖩𑖯𑖧

NAMO BHAGAVATE PADMA KULÀYA

Padma : Hoa sen hồng

Quy mệnh Thế Tôn Liên Hoa Bộ Tộc

𑖡𑖦𑖺 𑖥𑖐𑖪𑖝𑖸 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖎𑖲𑖩𑖯𑖧

NAMO BHAGAVATE VAJRA KULÀYA

Vajra: Kim Cương

Quy mệnh Thế Tôn Kim Cương Bộ Tộc

𑖡𑖦𑖺 𑖥𑖐𑖪𑖝𑖸 𑖦𑖜𑖰 𑖎𑖲𑖩𑖯𑖧

NAMO BHAGAVATE MAṆI KULÀYA

Maṇi : Viên ngọc như ý

Quy mệnh Thế Tôn Ma Ni Bộ Tộc

𑖡𑖦𑖺 𑖥𑖐𑖪𑖝𑖸 𑖐𑖨𑖿𑖕 𑖎𑖲𑖩𑖯𑖧

NAMO BHAGAVATE GARJA KULÀYA

Garja : Kho tàng, khố tàng

Quy mệnh Thế Tôn Khố Tàng Bộ Tộc

𑖡𑖦𑖺 𑖟𑖸𑖪 𑖆𑖬𑖱𑖜𑖯𑖽

NAMO DEVA ṚṢÌNÀṂ

Deva : cõi Trời, chư Thiên

Ṛṣì : Tiên, người tiên

Ṛṣìnàṃ : Chúng Tiên

Quy mệnh Chúng Thiên Tiên

𑖡𑖦𑖺 𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠 𑖪𑖰𑖟𑖿𑖧 𑖠𑖯𑖨𑖯𑖜𑖯𑖽

NAMO SIDDHA VIDYA DHÀRÀNÀṂ

Siddha : thành tựu

Vidya : Minh, Minh Chú

Dhàra : Cầm giữ (Trì)

Vidyadhàra : Trì Minh

Quy mệnh Chúng Thành Tựu Trì Minh

𑖡𑖦𑖺 𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠 𑖪𑖰𑖟𑖿𑖧𑖠𑖯𑖨 𑖆𑖬𑖱𑖜𑖯𑖽 𑖫𑖢𑖯𑖡𑖲 𑖐𑖿𑖨𑖮 𑖭𑖦𑖨𑖿𑖞𑖯𑖡𑖯𑖽

NAMO SIDDHA VIDYADHÀRA ṚṢÌNÀṂ 'SAPÀNU GRAHÀ SAMARTHÀNÀṂ

'Sapànu : Thuận theo sự đáng nguyền rủa

Grahà :Chấp thủ, Sao La Hầu, Cái đầu của con Rồng, các hành tinh báo điềm, sự phá hủy, sự phiền não, Quỷ Thần xấu ác, loài Ma gây phiền não (Túy)

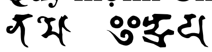
Samartha : Khéo hủy diệt
'Sapànu grahà samartha : Phá hủy sự phiền não xấu ác. Dịch ý là Nhiếp ác tác thiện

Quy mệnh Chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên và Chúng Nhiếp Ác Tác Thiện



NAMO BRÀHMAṆE
Bràhma : Phạm Thiên
Bràhmaṇe : Chúng Phạm Thiên

Quy mệnh Chúng Phạm Thiên



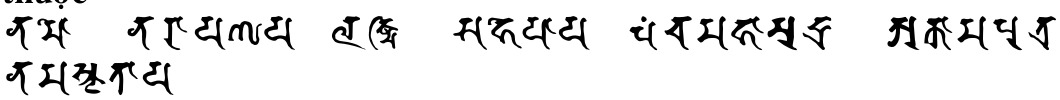
NAMO INDRÀYA
Indra: Đế Thích, vị chủ tể của cõi Tam Thập Tam Thiên (Trayastriṃ'sa). Cõi này còn gọi là Đao Lợi Thiên, Đế Thích Thiên
Indràya : Chư Thiên ở cõi Trời Đế Thích

Quy mệnh Chúng Đế Thích Thiên



NAMO BHAGAVATE RUDRÀYA UMÀPATÌ SAHEYÀYA
Rudra : Tự Tại Thiên
Umà : Vợ của Trời Tự Tại, một vị Nữ Thần trong Ấn Độ Giáo
Patì : Người chủ
Saheya : Quyến thuộc

Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Thiên Hậu U Ma với hàng quyến thuộc



NAMO NÀRÀYAṆÀYA LAKṢMI SAHEYÀYA PAṂCA MAHÀ MUDRA AKÀMAPUTRA NAMASKṚTÀYA
Nàràyaṇa : Na La Diên Thiên. Dịch ý là : Kiên Cố Lực Sĩ, Kim Cương Lực Sĩ, Câu Tỏa Lực Sĩ, Nhân Trung Lực Sĩ, Nhân Sinh Bản Thiên, Tỳ Nữu Thiên (Viṣṇu)
Lakṣmi : Cát Khánh Thiên Nữ (Cát Tường Thiên Nữ) là vợ của Na La Diên Thiên
Pañca : còn ghi là Paṃca tức số 5
Mahà : to lớn (Đại)
Mudra : Ấn, hình thức con dấu biểu thị cho điều gì đó
Kàma : Nhục dục, dục vọng, sự thèm khát, mong muốn tính dục, tình yêu, lòng mong muốn ước vọng. Theo truyền thuyết Ấn Độ thì Kàma là vị Thần Tình Yêu, con trai của Lakṣmi và Nàràyaṇa.
Khi lòng mong muốn làm điều thiện mà không phải là sự thèm muốn tính dục (Akàma) thì Kàma được tôn sùng và nâng lên thành phẩm giá của Thần Thánh.Điều này có nghĩa là Dục Vọng là sự biểu hiện đầu tiên của cái tuyệt đối

Rig_Veda có ghi : “Dục Vọng (Kàma) nảy sinh trong cái tuyệt đối, nguồn gốc của ý thức mà các vị Thánh đã phát hiện từ đáy lòng của mình do sự tìm kiếm nhằm thống nhất thực thể tuyệt đối với Thế Giới hiện tượng “

Do ý nghĩa này mà Thần Tình Yêu Kàma còn được gọi là **Đức con yêu không có dục vọng thấp hèn** (Akàmaputra_Vô Ái Tử)

Nama là Kính lễ. Skṛta là tạo tác, làm nên. Namasḳtàya là nơi tác kính lễ

Quy mệnh Na La Diên Thiên, Thiên Hậu Cát Khánh, các hàng quyến thuộc, 5 Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô Ái Tử



NAMO MAHÀ KÀLÀYA TRIPURA NAGARA VIDARAPAṆA KARÀYA ADHIMUKTIKA ‘SMA ‘SANA VASINI MÀTṚGAṆA NAMASKṚTÀYA

Mahà Kàla : Đại Hắc Thiên

Tri là số 3. Pura là lâu đài , cung điện . Nagara là thành phố. Tripuranagara là 3 cung thành

Vidara là Xé rách, phá hoại. Paṇa là Đụng chạm. Vidarapaṇa là phá hủy, phá hoại

Kara : bàn tay biểu tượng cho sự tự làm, tự tạo tác

Adhimuktika hay adhimukti là tin cậy, có xu hướng

‘Sama viết tắt là ‘Sma : nghỉ ngơi, êm đềm, yên lặng, yên tĩnh

‘Sana : im lặng, bình lặng, mềm mại

‘Sma ‘sana thường được dịch là : Nơi vắng vẻ lặng yên, rừng lạnh (Hàn Lâm), Thi Đà Lâm (Nơi bỏ xác người chết ở Ấn Độ), nơi có gò mả (Tủng xứ)

Vasi : sự trú ngụ, nơi cư ngụ, nhà ở, quần áo. Vasini là cư ngụ

Màtṛ: Mẫu, khuôn đúc ra cái tương tự

Gaṇa : Chúng, nhiều chúng sinh

Màtṛgaṇa được dịch là : Chúng Quỷ Mẫu, Chúng Âm Mẫu , Chúng Mẫu

Quy mệnh Đại Hắc Thiên phá hoại 3 cung thành, vui thích ở nơi gò mả là nơi kính lễ của Chúng Âm Mẫu



EBHYO NAMAḤSKṚTVÀ

Ebhyo : các hàng như vậy

Tác kính lễ các hàng như vậy xong



IDÀṂ BHAGAVATE STHATHÀGATOṢṆÌṢAṂ SITÀTAPATRAṂ NAMAḤ

Idàṃ : Cái này, việc này, người này

Namaḥ: Kính lễ

Kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này



APARAJITAṂ PRATYUṄGÌRAṂ

Ngài là Vô Năng Thắng Thậm Năng Điều Phục Mẫu

SARVA DEVA NAMASKṚTAṂ

Ngài là nơi kính lễ của tất cả chư Thiên



SARVA DEVEBHYAḤ PÙJITAṂ

Devebhyaḥ : Thiên Đẳng, Thiên Chúng

Pùjita : Sự cúng dường

Ngài là nơi cúng dường của Thiên Chúng



SARVA DEVE'SCA PARIPÀLITAṂ

Deve'sca : Hàng Thiên Nữ

Pari là đều khắp. Pàla là hộ giúp, hộ vệ. Paripàlitaṃ là đều hộ vệ

Ngài là đấng tối cao mà các Thiên Nữ đều theo hộ vệ



SARVA BHÙTA GRAHÀ NIGRAHA KARÌṂ

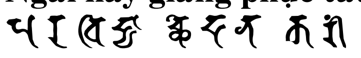
Bhùta: Trở nên, trở thành, đã đi qua, quá khứ, sự thật xảy ra, theo đúng sự thật, chính xác, nghiêm chỉnh đúng đắn, tên của 'Siva, thầy tế của Thượng Đế, linh hồn, vong linh tốt xấu, ma quỷ độc ác. Phật Giáo thường dịch là Hóa Sinh Quỷ, Ác Sinh Chúng

Grahà : Quỷ túy, sự phiền não

Nigraha : Không có phiền não nên được dịch là Hay giáng phục

Karìṃ: Tự mình tác làm

Ngài hay giáng phục tất cả loài quỷ ác gây phiền não



PARAVIDYA CCHEDANA KARÌṂ

Para là cái khác, điều khác. Paravidya là Minh Chú khác

Cchedana hay Ccheda là cắt đứt, chặt đứt

Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác



DURDATTANÀṂ SATVÀNÀṂ DAMAKAṂ

Durdattanàṃ: Đem lại điều xấu, khó giáng phục

Satvànàṃ : Chúng Hữu Tình

Damaka : Giáng phục, bẻ gẫy. Damakaṃ là giáng phục khắp cả

Ngài hay giáng phục chúng Hữu Tình khó giáng phục



DUṢṬÀNÀṂ NIVÀRAṆÌṂ

Duṣṭa là điều xấu ác. Duṣṭanàṃ là những điều xấu ác

Nivàraṇa : Chướng ngại, sự ngăn che . Nivàraṇìṃ là tự gây chướng ngại, tự tạo ngăn che, tự ngăn chận

Ngài hay ngăn chận các điều ác



AKÀLA MṚTYU PRA'SAMANA KARÌṂ

Kàla là thời. Akàla là phi thời, không đúng lúc

Mṛta là sự chết. Mṛtyu là sự chết yểu, chết non

Pra'samana : chận đứng, miễn trừ

Ngài hay chận đứng sự chết yểu không đúng thời

SARVA BANDHANA MOKṢANA KARÌṂ

Bandha là trói buộc, cột trói. Bandhana là sự trói buộc

Mokṣa hay Mukṣa là giải thoát, vượt khỏi, thoát ra khỏi. Mokṣana là sự giải thoát, sự vượt thoát

Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc

SARVA DUṢṬA DUḤSVAPNA NIVÀRAṆÌṂ

Duḥ : Điều xấu

Svapna : giấc mộng, giấc mơ

Duḥsvapna : Giấc mộng xấu

Ngài hay chận đứng tất cả giấc mộng xấu ác

CATUR A'SÌTÌNÀṂ GRAHÀ SAHASRÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KARÌṂ

Catur là số 4.

A'sìtì là số 80.

Sahasra là số 1000

Grahà : Phiền não

Vidhvaṃsana : tồi hoại, làm cho hư hoại tàn rụi

Ngài hay tồi hoại 84000 phiền não

AṢṬA VIṂ'SATÌNÀṂ NAKṢTRÀNÀṂ PRASÀDA KARÌṂ

Aṣṭa : Số8

Viṃ'satì : số 20

Nakṣatra : Tinh tú, ngôi sao

Prasàda : vui vẻ, hoan hỷ

Ngài hay khiến cho 28 vị Tinh Tú vui vẻ

AṢṬÀNÀṂ MAHÀ GRAHÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KARÌṂ

Aṣtanàṃ mahà grahànàṃ : 8 Đại phiền não hay làm thương tổn căn lành tu đạo là : lợi, bất lợi (Suy), nói xấu (Hủy), khen ngợi (Dự), chê bai (Cơ), kính trọng (Xưng), Đau khổ (khổ), vui sướng (Lạc)

Ngài hay tồi hoại 8 phiền não lớn

SARVA 'SATRÙ NIVÀRAṆÌṂ

'Satrù : Oan gia, oán địch

Ngài hay chận đứng tất cả oan gia

GURÀMỊ DUḤSVAPNÀNÀMỊ CANÀ’SANÌMỊ
Gura là nặng nề. Guràmị là các sự nặng nề
Cana’sanìmị : Không bao giờ ném vào, không bao giờ gửi đến, loại bỏ
Ngài hay loại bỏ giấc mộng xấu ác nặng nề

VIṢA ‘SASTRA AGNI UDAKA UTTRAṆÌMỊ
Viṣa : Chất độc
‘Sastra : Dao gậy, khí trượng
Agni : Lửa
Udaka : Nước
Uttraṇa là băng qua, vượt qua, độ thoát. Uttraṇìmị là Tự độ thoát, tự cứu thoát
Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về : chất độc, dao gậy, lửa, nước

APARÀJITÀGURÀ
Apraràjita : Vô năng thắng, không có gì không chiến thắng
Agurà : không có sự nặng nề tức nhẹ nhàng khinh an
Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu

MAHÀ CAṆḌANÀMỊ
Mahà : To lớn (Đại)
Caṇḍa là bạo nộ, sân nộ. Caṇḍanàmị là mọi sự bạo nộ
Đại Sân Nộ Mẫu

MAHÀ DÌPTÀMỊ
Dìpta là rực sáng. Dìptàmị là uy quang
Đại Uy Quang Mẫu

MAHÀ TEJÀMỊ
Teja là lửa, ánh sáng, năng lực. Tejàmị là Uy Diệu
Đại Uy Diệu Mẫu

MAHÀ ‘SVETÀMỊ JVALA
‘Sveta là màu trắng. ‘Svetàmị là vật có màu trắng
Jvala : ngọn lửa, ánh lửa, quang diễm
Đại Bạch Quang Diễm Mẫu

MAHÀ BALA ‘SRÌYA
Bala : Sức lực, sức mạnh
‘Srì là điều tốt lành. ‘Srìya là nhóm tốt lành, sự cát tường
Đại Lực Cát Tường Mẫu

PAṆḌARA VASINÌMỊ

Paṇḍara : màu trắng
Vasinìṃ : quần áo
Bạch Y Mẫu
ÀRYA TÀRÀ
Àrya : Vị Thánh, bậc Thánh
Tàrà : Cứu Độ Mẫu, Hiền Độ Mẫu, Đa La Bồ Tát
Thánh Cứu Độ Mẫu
BHṚKUṬÌṂ
Bhṛkuṭi : Tỳ Câu Chi Bồ Tát, Phẫn nộ Mẫu
Phẫn Nộ Mẫu
CIVA VIJAYA VAJRA MALATI VI'SRUTÀṂ
Civa: Bao trùm. Phủ khắp, Phổ Mãn
Vijaya : Tối Thắng
Vajra : Kim Cương
Malati : bông hoa Malati

Vi'sruta là nghe xa rộng, nổi tiếng, lừng danh, cử hành nghi lễ, ca ngợi tán tụng, tên con trai của Vasudeva, con của Bhavabhùti

Vi'srutàṃ là danh xưng
Phổ mãn tối thắng Kim Cương Hoa Danh Xưng Mẫu
PADMÀGMÀṂ
Padma : Hoa sen hồng, liên hoa
Agmaṃ: Trận chiến, cuộc xung đột
Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu
VAJRA JIHVAKAḤ
Jihva hay jihvaka là cái lưỡi (Thiệt)
Kim Cương Thiệt Mẫu
MÀLÀ CIVA APARAJITAḤ
Màlà: Vòng hoa, chuỗi Anh Lạc
Anh Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu
VAJRA DAṆḌI VI'SÀLAKA
Daṇḍa hay Daṇḍi là Cây Bổng, cây gậy

Vi'sàlaka : Tên của một Dạ Xoa (Yakṣa) thường dịch là Thiên Thần Lực Sĩ

Kim Cương Bổng Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu
'SÀNTÀ VAIDEHA PÙJITÀḤ

‘Sànta : Vắng lặng (Tịch Tĩnh), nhu thiện
Vaideha : hình thức tốt đẹp, Hảo Tướng
Pùjitàḥ : Cúng Dường
Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Dường Mẫu

SAUMI RÙPA MÀHÀ ‘SVETÀ
Saumi : Lành tốt , Thiện Hảo
Rùpa : Sắc, hình sắc
Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu

ÀRYA TÀRÀ MAHÀ BALÀḤ
Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu

APARA VAJRA ‘SAṄKARA CIVAḤ
Apara : Thượng hạng, tối thượng
Vajra : Kim Cương
‘Saṅkara còn viết là ‘Saṃkara, ‘sañkara là cái khoá (Toả)
Tối Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mẫu

VAJRA KAUMARÌ KULANDHARÌ
Vajra Kaumarì :Kim Cương Đồng Nữ
Kulandhàrì : Trì Tính Nữ
Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu

VAJRA HASTÀKA
Vajra Hastàka : Người cầm chày Kim Cương
Kim Cương Thủ Mẫu

MAHÀ VIDYÀ TATHÀ KAṂPANA MÀLIKAḤ
Mahà Vidyà : Đại Minh
Tathà : Chân, chân thật
Kaṃpana : Rung động nhẹ
Màlikaḥ : Chuỗi Anh Lạc
Đại Minh Chân Thật Niệm Châu Mẫu

KUSUMBHA RATNA CIVA
Kusumbha : Uất Kim hương, màu vàng nghệ , màu của hoa Sufflower
Ratna : vật báu
Civa : Phổ mãn, bao phủ khắp
Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu

VAIROCANA CODÀRTHA UṢṆÌṢA
Vairocana : Biến Chiếu

Coda : Vượt hơn , trội hơn
Artha : Của cải, sự lợi ích, nghĩa lợi
Uṣṇìṣa : Đỉnh kế
Biến Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu

VIJṚMBHAMÀNADA VAJRA
Vijṛmbha : Uốn cong, đan dệt, móc nối, gắn chặt
Mànada : Phá hủy sự ngạo mạn, tàn phá sự kiêu hãnh
Vijṛmbhamànada : Được dịch là La Sát Thần Nữ
La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu

KANAKA PRABHÀ LOCANÀḤ
Kanaka : Vàng (Kim loại vàng)
Prabhà : Ánh sáng (Quang)
Locana : Chiếu sáng, tỏa sáng, rọi sáng, con mắt, tên vị Phật Mẫu
Kim Quang Nhãn Mẫu

VAJRA TUṆḌIKA
Tuṇḍi : Cái mõm, mũi, đầu vòi
Tuṇḍika : Vật trang bị với cái đầu vòi, ngọn đuốc (Chúc)
Kim Cương Chúc Mẫu

'SVETÀKA
'Svetàka : Màu trắng, kim loại bạc
Bạch Sắc Mẫu

KAMALÀKṢA
Kamala : Hoa sen đỏ
Akṣa hay Akṣi là con mắt
Liên Hoa Nhãn Mẫu

'SA'SI PRABHÀ
'Sa'si : Mặt trăng
Nguyệt Quang Mẫu

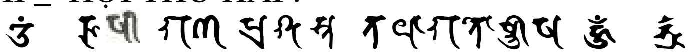
ITYETI MUDRAGAṆAḤ SARVE RAKṢAṂ KURVATTU MAMAṢYA
Ityeti : Như vậy
Mudra : Ấn , dấu hiệu biểu tượng
Mudragaṇaḥ : Ấn chúng, mọi ấn
Sarve : Tất cả
Rakṣaṃ : Ủng hộ
Kurvat : Hành động như một người đầy tớ hay một người đại diện

Kurvattu : Thủ hộ cho

Mamaṣya : Chúng tôi

Mọi Ấn như vậy hết thảy đều ủng hộ , thủ hộ cho chúng tôi

II _ HỘI THỨ HAI :



OṂ ṚSÌGAṆA PRA'SASTA TATHÀGATOṢṆÌṢA HÙṂ BHRÙṂ

Oṃ : biểu thị cho các nghĩa 3 Thân, quy mệnh, cúng dường, cảnh giác, nhiếp phục

Rṣìgaṇạ : Tiên chúng, các vị Tiên

Pra'sasta : Quý trọng, thiện quý

Tathàgatoṣṇìṣa : Như Lai Đỉnh Kế

Hùṃ : Chủng tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề

Bhrùṃ : Chủng tử biểu thị cho nơi quy thú của mọi Công Đức

Quy mệnh chủng tử HÙṂ BHRÙṂ của Tiên Chúng Thiện Quý Như Lai Đỉnh Kế



JAMBHANA HÙṂ BHRÙṂ

Jambhana : Nghiền nát, đè bẹp, tiêu diệt, phá hủy

Với Hùṃ Bhrùṃ thường nghiền nát mọi nghiệp tội



STAMBHANA HÙṂ BHRÙṂ

Stambhana : Làm cho vững chắc kiên cố, tán trợ, trấn hộ

Với Hùṃ Bhrùṃ thường uy trấn hộ trì Thân Căn



MOHANAḤ HÙṂ BHRÙṂ

Moha : Ý mê hoặc

Mohanaḥ : Làm cho tiêu tan ý mê hoặc

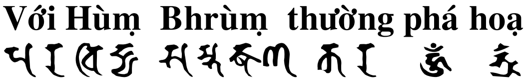
Với Hùṃ Bhrùṃ thường trừ bỏ Tâm Ý mê hoặc



MATHÀNA HÙṂ BHRÙṂ

Mathana : Phá hoại, rung lắc, lay chuyển, công kích, quấy rối

Với Hùṃ Bhrùṃ thường phá hoại mọi sự ngăn trở



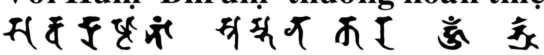
PARAVIDYA SAṂBHAKṢAṆA KARA HÙṂ BHRÙṂ

Paravidya : Bài Minh Chú khác

Saṃbhakṣaṇa :Hoàn thiện cứu lấy

Kara : Tác làm, tạo tác

Với Hùṃ Bhrùṃ thường hoàn thiện Minh Chú khác



SARVA DUṢṬANÀṂ STAMBHANA KARA HÙṂ BHRÙṂ

Với Hùṃ Bhrùṃ thường trấn hộ tất cả điều ác

SARVA YAKṢA RÀKṢASA GRAHÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KARA HÙṂ BHRÙṂ

Yakṣa : Dạ Xoa, Dược Xoa

Rakṣasa : La Sát

Grahànàṃ : Mọi sự phiền não

Vidhvaṃsana : Tồi hoại

Với Hùṃ Bhrùṃ thường tồi hoại tất cả loài Dạ Xoa, La Sát gây phiền não



CATUR A'SÌTÌNÀṂ GRAHÀ SAHASRÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KARA HÙṂ BHRÙṂ

Với Hùṃ Bhrùṃ thường tồi hoại 84000 phiền não



AṢṬA VIṂ 'SATÌNÀṂ NAKṢTRÀNÀṂ PRASÀDANA KARA HÙṂ BHRÙṂ

Với Hùṃ Bhrùṃ thường khiến cho 28 vị Tinh Tú vui vẻ



AṢṬÀNÀṂ MAHÀ GRAHÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KARA HÙṂ BHRÙṂ

Với Hùṃ Bhrùṃ thường tồi hoại 8 phiền não lớn



RAKṢA RAKṢA MÀṂ

Ủng hộ, ủng hộ tôi



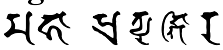
BHAGAVAṂ

Đức Thế Tôn



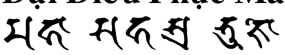
STHATHÀGATOṢṆÌṢA

Ngài là Nhất Thiết như Lai Đỉnh Kế Mẫu



MAHÀ PRATYUṄGÌRA

Đại Điều Phục Mẫu



MAHÀ SAHASRA BHÙYE

Bhùye : Cánh tay

Đại Thiên Tý Mẫu



SAHASRA 'SIRṢAI

'Sirṣai : Cái đầu

Thiên Đầu Mẫu



KOṬI 'SATA SAHASRA NETRE

Koṭi : Ức, 100 triệu

'sata : 100 (bách)
sahasra : 1000 (Thiên)
Netre : con mắt (Nhãn)
Ức Bách Thiên Nhãn Mẫu

ABHEDYA JVALA TANAṬAḌÀKÀ MAHÀ VAJRODARA
Abhedya : bên trong cái này (Nội)
Jvala : Lửa tỏa ánh sáng,Quang Diễm
Tana : Đời sau, hậu duệ
Ṭaḍàkà : Sự tráng lệ huy hoàng, nét nguy nga hùng vĩ
Mahà : To lớn
Vajra : kim Cương
Udara : Cái bụng (Phúc)

Vajrodara: tên của một loài La Sát, Kim Cương Phúc (Cái bụng Kim Cương), kim Cương Tràng (Bộ ruột Kim Cương), Kim Cương Vị (Bao tử Kim Cương)

Nội Diễm Cụ Chủng Tướng Đại Kim Cương Phúc Mẫu

TṚBHUVANA MAṆḌALA
Tṛbhuvana : 3 Cõi (Tam Hữu)
Maṇḍala : Đạo Trường, Đàn Trường
Tam Hữu Đàn Trường Mẫu

OṂ SVASTIRBHAVATU MAMA
Oṃ : nhiếp triệu
Svastir : Thịnh vượng, phát đạt, tốt lành
Bhavatu : Có được, đắc được
Mama : Tôi
Hãy khiến cho tôi đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành

III) HỘI THỨ BA :

RÀJA BHAYA
Bhaya : Sự đáng sợ, tai nạn
Nạn vua chúa

CORA BHAYA
Nạn giặc cướp

AGNI BHAYA
Nạn lửa

UDAKA BHAYA

Nạn nước

VIṢA BHAYA

Nạn chất độc

'SASTRA BHAYA

Nạn dao gậy

PARACAKRA BHAYA

Nạn chiến tranh

DURBHIKṢA BHAYA

Nạn đói khát

A'SANÌ BHAYA

Nạn sấm sét

AKÀLA MṚTYU BHAYA

Nạn chết yểu không đúng thời

DHARAṆÌ BHUMI KAṂPA BHAYA

Dharaṇì : Trái đất, lãnh thổ, mặt đất, khu đất

Bhumi: Mặt đất, khu đất trồng trọt, quốc thổ, địa phận, khu vực, địa điểm, vị trí

Kaṃpa : Sự rung chuyển, lay động

Nạn động đất

ULKOPÀTI BHAYA

Ulkà : Lửa rơi xuống từ Thiên Đường, Hiện tượng nảy lửa trên trời, sao băng

Upàti : Thêm sự thặng dư, đi băng qua

Ulkopàti : Nơi sao băng đi qua

Nạn sao băng

RÀJA DAṆḌA BHAYA

Daṇḍa : Cây bổng, cây gậy, biểu tượng cho hình phạt

Nạn hình phạt của vua chúa

NÀGA BHAYA

Nạn Rồng hại

VIDYU BHAYA

Vidyu : Điển quang, làn sét

Nạn sét đánh



SUPARṆI BHAYA

Suparṇi : Loài chim cực lớn tức Kim Xí Điểu

Nạn Kim Xí Điểu



YAKṢA GRAHÀ

Grahà : Chấp thủ, sao La Hầu, cái đầu của con Rồng, các hành tinh báo điềm, Quỷ Thần xấu ác, loài ma gây phiền não (Túy), sự phá hủy, sự phiền não

Dạ Xoa Túy



RÀKṢASA GRAHÀ

La Sát Túy



PRETA GRAHÀ

Ngạ Quỷ Túy



PI'SÀCA GRAHÀ

Pi'sàca : Loài ăn tinh khí của ngũ cốc với con người. Do loài này hay ở nhà cầu nên dịch là Xí trung Quỷ

Xí trung Quỷ Túy



BHÙTA GRAHÀ

Hóa Sinh Quỷ Túy



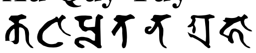
KUMBHÀṆḌA GRAHÀ

Ung Hình Quỷ Túy



PUTANA GRAHÀ

Xú Quỷ Túy



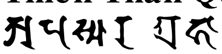
KAṬAPUTANA GRAHÀ

Kỳ Xú Quỷ Túy



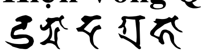
SKANDA GRAHÀ

Thiên Thần Quỷ (Quỷ vẹo môi) **Túy**



APASMÀRA GRAHÀ

Kiện Vong Quỷ Túy



UNMÀDA GRAHÀ

Unmàda : Điên cuồng, thái quá, vượt quá mức, hoang dại, điên rồ quá mức

Điên Cuồng Quỷ Túy

CCHÀYA GRAHÀ

Ảnh Quỷ Túy

CCIṆḌA GRAHÀ

Cciṇḍa : Quả bầu, quả bí…nên hay dịch là Lô Hình Quỷ (Quỷ có hình cái lò) hay Bình Đại Ma (Loài ma có hình cái bình cái túi)

Lô Hình Quỷ Túy

REVATI GRAHÀ

Não Nhi Quỷ Túy

ÙRJÀHÀRIṆYÀ

Ùrja : Sức mạnh, năng lực, tinh khí

Ahàraṇyà : Ăn nuốt (Thực)

Loài ăn tinh khí

GARBHÀHÀRIṆYÀ

Garbha : Bào thai

Loài ăn bào thai

JATÀHÀRIṆYÀ

Jata : Sinh khí

Loài ăn sinh khí

JÌVITÀHÀRIṆYÀ

Jìvita : Thọ mệnh

Loài ăn thọ mệnh

RUDHIRÀHÀRIṆYÀ

Rudhira : Máu huyết

Loài ăn máu huyết

VA'SÀHÀRIṆYÀ

Va'sa : Sự sinh đẻ, nhà chứa (Thanh Lâu) nguồn gốc, sự thèm muốn, có ý định, ước muốn, lời chúc tụng

Loài ăn thứ đồ dơ của sự sinh đẻ

MAṂSÀHÀRIṆYÀ

Maṃsa : Thịt

Loài ăn thịt

MEDÀHÀRIṆYÀ
Meda : Loại thảo mộc có chất như mỡ
Loài ăn thảo mộc có chất như mỡ

MAJJÀHÀRIṆYÀ
Majja : Xương tủy
Loài ăn xương tủy

VÀNTÀHÀRIṆYÀ
Vànta : Hơi thở ra vào
Loài ăn hơi thở ra vào

A'SUCYÀHÀRIṆYÀ
A'suci : Dơ bẩn, không tinh khiết,không trong trắng, hôi hám ghê tởm
A'sucya : Thứ bất tịnh, ám tối
Loài ăn thứ bất tịnh

CITTÀHÀRIṆYÀ
Citta : Tâm, Tập Khởi Tâm, Tâm Thức
Loài ăn Tâm Thức

TEṢÀṂ SARVEṢÀṂ SARVA GRAHÀNÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI
Teṣàṃ : Như vậy
Sarveṣàṃ : Tất cả loại
Sarva grahànàṃ vidyàṃ : Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não
Cchinda : Cắt đứt, chặt đứt
Yàmi : Nay tôi
Kìla : Giết chết, cấm đoán
Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não thuộc tất cả loại như thế

PARIBRÀJAKA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI
Paribràjaka : Giặc Ngoại Đạo
Kṛtàṃ : Sở tác, đã tạo làm
vidyàṃ : Chú Ngữ , Minh Chú
Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo

ḌÀKA ḌÀKIṆÌ KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI
Ḍàka : Không Hành Nam
Ḍàkiṇì : Không Hành Nữ

Theo Ấn Độ thì Dàkiṇì là một con Quỷ cái tiến hóa trong cảnh giới Thần Thánh. Các Đạo Sư Trung Hoa thì dịch Dàkiṇì là Ly Mị nhưng theo Tây Tạng thì Dàkiṇì (Khadroma) là người nữ tiến hóa trong lãnh vực hiện thực cao nhất và biểu thị cho việc hiểu chân lý không che đậy không vướng mắc như hư không nên dịch là Không Hành Nữ. Dàkiṇì có sứ mệnh hợp nhất những sức mạnh của người Thiền Định giải thoát và đưa vào tiến trình Hữu Hình Hoá (Sàdhana_ Nghi thức thành tựu)

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Không Hành Nam và Không Hành Nữ



MAHÀ PA’SUPATI RUDRA KṚTÀM̟ VIDYÀM̟ CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Mahà pa’supati : Đại Thú Chủ

Rudra : Tự Tại Thiên

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thú Chủ và Tự Tại Thiên



TATVA GARUḌA SAHEYA KṚTÀM̟ VIDYÀM̟ CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Tatva : Điều kiện như thế, trạng thái của đồ vật như thế, trở nên như thế

Garuḍa : Kim Xí Điểu , một loài chim Thần có thần thông biến hóa

Saheya : Quyến thuộc

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Loài Kim Xí Điểu và Quyến thuộc của chúng



MAHÀ KÀLA MÀTṚGAṆA KṚTÀM̟ VIDYÀM̟ CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Mahà Kàla : Đại Hắc Thiên

Màtṛgaṇa : Chúng Âm Mẫu, chúng Quỷ Mẫu

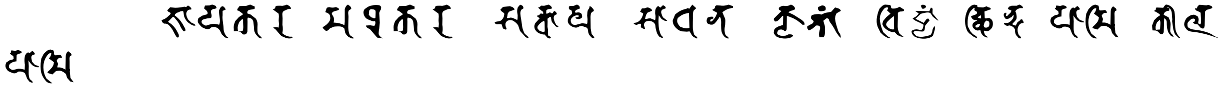
Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên và chúng Âm Mẫu



KÀPALIKA KṚTÀM̟ VIDYÀM̟ CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Kàpalika : Độc Lâu Ngoại Đạo

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo



JAYA KARA _ MADHU KARA _ SARVÀRTHA SÀDHANA KṚTÀM̟ VIDYÀM̟ CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Jaya : Thắng, vượt hơn

Kara : Việc làm bằng bàn tay, sự tạo tác

Madhu : Ngọt ngào, khoái lạc, diễm lệ, duyên dáng, mật, đường, nước trái cây, rượu của Thiên Thần

Sarva : Tất cả.

Artha : Nghĩa lợi, của cải.

Sàdhana : Nghi thức thành tựu

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tựu tất cả Nghĩa Lợi



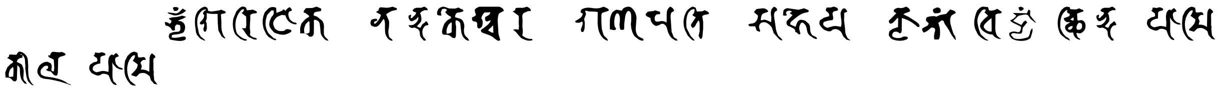
CATURBHAGINÌ KṚTÀMṂ VIDYÀMṂ CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Catur : Số 4

Bhaganì : Chị em gái

Caturbhaganì : 4 chị em Thần Nữ gồm có Ajità , Jayà , Vijayà , Aparajità

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ



BHṚMṂGIRITIKA NÀNDIKE'SVARA GAṆAPATI SAHEYA KṚTÀMṂ VIDYÀMṂ CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Bhṛmṃgiritika còn ghi là Bhṛiñgiriṭika là tên 2 người phục vụ của 'Siva, thường dịch là Chiến Đấu Quỷ

Nàndike'svara : Hỷ Tự Tại Thiên

Gaṇapati : Chúng Chủ. Gaṇa là tên của vị Thần đầu voi Gaṇe'sa chuyên chủ về ban Phúc Lợi và dứt trừ sự ngu tối nên Gaṇapati còn dịch là Hoan Hỷ Thiên

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Chiến Đấu Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên và quyến thuộc của họ



NAGNA'SRAMAṆA KṚTÀMṂ VIDYÀMṂ CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Nagna : Loã thể, trần truồng, không mặc quần áo

'Sramaṇa : Sa Môn tức danh từ chỉ chung các vị tu sĩ ở Ấn Độ

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo lõa thể



ARHANTA KṚTÀMṂ VIDYÀMṂ CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Arhanta: Sống một cuộc đời đáng kính trọng đáng khen đáng thưởng. Đây là một tên của 'Siva

Phật Giáo thường dịch Arhanta là A La Hán, Sát Tặc, Ứng Cúng , Vô Sinh. Theo quan điểm Đại Thừa thì hàng A La Hán chưa phải là bậc toàn thiện nên trong Kinh Đại Bạch Tản Cái Đà La Ni dịch Arhanta là Hoại Oán

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Sát Tặc



VETÀLA GAṆA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Vetàla còn ghi là Vetàḍa tức vua của Ma Quỷ, linh hồn, Thiên Thần, Quỷ hút máu, tên người phục vụ của 'Siva

Phật Giáo thường dịch Vetàla là Khởi Thi Quỷ

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Chúng Khởi Thi Quỷ

VAJRAPÀṆI KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Vajrapàṇi: Cầm chày Kim Cương trong lòng bàn tay tức là vị Thần Dạ Xoa cầm chày Kim Cương phòng hộ cho chư Thiên ở 33 cõi Trời (Tam Thập Tam Thiên)

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú ngữ của hàng Thần Dạ Xoa cầm chày Kim Cương

VAJRAPÀṆI GÙHYAKÀDHIPATI KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI KÌLA YÀMI

Vajrapàṇi : Kim Cương Thủ

Gùhyaka : Bí mật, ẩn kín

Adhipati : Người chủ

Vajrapàṇi gùhyakàdhipati: Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ tức vị Thần cầm chày Kim Cương theo hầu Đức Phật và thường hay tuyên nói Mật Pháp

Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ

OṂ NAMO BHAGAVATE STATHÀGATOṢṆÌṢA SITATÀPATRA RAKṢA RAKṢA MÀṂ SARVA SATVÀNÀṂCA SVÀHÀ

Quy mệnh Kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái . Xin hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng Hữu Tình thành tựu tốt lành

IV _ HỘI THỨ TƯ :

BHAGAVAṂ SITATÀPATRA NAMOSTUTE

Namostute : Quy mệnh lễ kính

Quy mệnh kính lễ Bạch Tản Cái Thế Tôn

ASITÀNALÀRKAḤ PRABHA SPHUṬA VIKACA SITATÀPATREḤ JVALA JVALA

Asita: Màu đen, màu tối, màu thẫm sẫm, sự xấu xa nham nhiểm, sự tối tăm dốt nát.

Asita là tên của mọi vị Chủ Tể của bóng tối và Ma Thuật. Một con rắn đen, một Thần Chú của con rắn đen đó. Một kẻ thù dấu mặt

Asita là tên của một Apsara , tên của mọi Devala hay Asita Devala

Trong trường hợp đặc biệt. Sita là màu trắng, lại xuất hiện chữ Asita để hình thành từ chữ này (Sita) mà có thể là nguyên bản và không cần sự kết hợp giữa A và Sita . Ví dụ như Asura và Sura đều chỉ chung cho hàng Phi Thiên (Tự điển Sanskṛit_ English của Monier Williams , tr.120). Như vậy Asita có thể dịch là màu trắng.

Anala : Ngọn lửa linh thiêng

Arkaḥ: Cây căm của bánh xe

Prabha : Ánh sáng

Sphuṭa : Mở ra, phồng lên, hiển hiện

Vikaca : Chiếu sáng lóng lánh rực rỡ

Sitatàpatreḥ: Cái lọng màu trắng (Bạch Tản Cái)

Jvala : Ngọn lửa, ánh lửa bập bùng, phóng quang

Ngọn lửa linh thiêng màu trắng lóe ánh sáng thẳng tắp tròn đầy lóng lánh rực rỡ , là ánh lửa của Bạch Tản Cái phóng tỏa chiếu sáng.



DHÀKA DHÀKA

Dhàka : Cái túi, vật chứa, trụ cột, mốc phát xuất hay đến mức, nơi thông báo tin tức, vị trí công tác

Trong bài Minh Chú này thì Dhaka là nơi phát ra ánh sáng rực rỡ nên dịch là Uy Quang



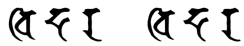
VIDHÀKA VIDHÀKA

Vidhàka : Ánh sáng có uy lực chiếu soi tràn khắp nên dịch là Biến Uy Quang



DARA DARA

Dara : Chẻ, bổ, xẻ, bẻ gẫy nên dịch là Giáng Phục



VIDARA VIDARA

Vidara: Xé rách, phá nát, riêng biệt từng mảnh nên dịch là Giáng Phục khắp cả (Biến Giáng Phục)



CCHINDA CCHINDA

Cchinda : Cắt đứt



BHINDA BHINDA

Bhinda : Xuyên thấu, xỏ qua



HÙṂ HÙṂ

Hùṃ : Chủng Tử chỉ sự khủng bố



PHAṬ PHAṬ
Phaṭ : Phá bại



HE HE PHAṬ
He he : Hô triệu
Hô triệu phá bại



AMOGHÀYA PHAṬ
Amogha : Bất Không. Amoghàya là Bất Không Thiên Sứ
Bất Không Thiên Sứ phá bại



APRATIHATÀYA PHAṬ
Apratihata : Vô chướng ngại, không có sự trở ngại
Phá bại không chướng ngại



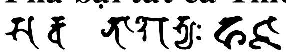
VARAPRADÀYA PHAṬ
Vara : Nguyện theo, y theo
Pradàya : Ban cho
Nguyện ban cho phá bại



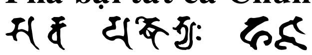
ASURA VIDARA PAKÀYA PHAṬ
Asura : Phi Thiên
Vidara : Xé rách, phá hoại
Paka : Nấu chín, đốt cháy, quay nướng
Vidara pakàya : Đốt cháy phá hoại
Phá bại sự đốt cháy phá hoại của Phi Thiên



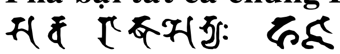
SARVA DEVEBHYAḤ PHAṬ
Deva : Hàng Trời, chư Thiên
Devebhyaḥ: Thiên Đẳng, Thiên Chúng
Phá bại tất cả Thiên Chúng



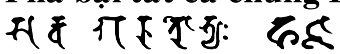
SARVA NÀGEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả Chúng Rồng



SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa



SARVA RÀKṢASEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng La Sát



SARVA GARUḌEBHYAḤ PHAṬ
Garuḍa : Loài Chim Thần Kim Xí Điểu

Phá bại tất cả chúng Kim Xí Điểu

SARVA GANDHARVEBHYAḤ PHAṬ

Gandharva : Hương Thực Thần, Tầm Hương Thần, Hương Thần, Dược Thần Là Nhạc Thần của Trời Đế Thích, thường tấu nhạc cho Trời Đế Thích nghe

Phá bại tất cả chúng Hương Thực Thần

SARVA ASUREBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Phi Thiên

SARVA KIMṆAREBHYAḤ PHAṬ

Kiṃnara còn ghi là Kinnara tức là Nghi Thần, Ca Thần, Âm Nhạc Thiên. Hàng này thường ca múa và tấu Pháp Nhạc cho Trời Đế Thích thưởng thức

Phá bại tất cả chúng Nghi Thần

SARVA MAHORAGEBHYAḤ PHAṬ

Mahoraga : Đại Mãng Xà, Địa Long, Đại Phúc Hành Thần tức Thần Rắn. Đây cũng là Thần âm nhạc

Phá bại tất cả chúng Đại Phúc Hành Thần

SARVA MANUṢYEBHYAḤ PHAṬ

Manuṣya: Con người, loài người

Phá bại tất cả Nhân Chúng

SARVA AMANUṢYEBHYAḤ PHAṬ

Amanuṣya: Loài Phi Nhân. Thông thường thì 3 hàng Kim Xí Điểu, Nghi Thần, Đại Phúc Hành Thần được gọi là loài Phi Nhân

Phá bại tất cả chúng Phi Nhân

SARVA BHÙTEBHYAḤ PHAṬ

Bhùta : Loài Bộ Đa, Hóa Sinh Quỷ

Phá bại tất cả chúng Hóa Sinh Quỷ

SARVA PI'SÀCEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Xí Trung Quỷ

SARVA KUMBHAṆḌEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Ung Hình Quỷ

SARVA PÙTANEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Xú Quỷ

SARVA KAṬAPÙTANEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Kỳ Xú Quỷ

SARVA DURLAṂGHYEBHYAḤ PHAṬ

Durlaṃghya: Bị phạm tội, vượt quá quyền hạn của mình, vượt quá vi phạm Pháp Luật. Đây là kẻ có lỗi là tưởng sai lầm (Ngộ Tưởng Quá)

Phá bại tất cả chúng Ngộ Tưởng Quá

SARVA DUṢPREKṢITEBHYAḤ PHAṬ

Duṣprekṣita : Kẻ có lỗi là nhìn thấy sai lầm (Ngộ Kiến Quá)

Phá bại tất cả chúng Ngộ Kiến Quá

SARVA JVAREBHYAḤ PHAṬ

Jvara : Cơn sốt, bệnh sốt, người lãnh đạo và vua của mọi thứ bệnh tật, nỗi đau buồn, tai họa, tinh thần đau khổ, điên cuồng đau khổ

Phá bại tất cả chúng Nhiệt Bệnh Quỷ

SARVA APASMÀREBHYAḤ PHAṬ

Apasmàra : Điên cuồng, mất trí nhớ (Kiện vong), bệnh động kinh. Đây là một trong 15 loài Quỷ hại trẻ con

Phá bại tất cả chúng Kiện Vong Quỷ

SARVA 'SRAMAṆEBHYAḤ PHAṬ

'Sramaṇa: Sa Môn Chúng, Trì Chú chúng

Phá bại tất cả chúng Trì Chú

SARVA TÌRTHIKEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo

SARVA UNMÀDEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Điên Cuồng Quỷ

SARVA VIDYACÀRYEBHYAḤ PHAṬ

Càrya: Hạnh , hành.

Vidyacàrya : Minh Hạnh. Xưa dịch là Trì Chú Bác Sĩ

Phá bại tất cả chúng Minh Hạnh

JAYÀ KARA, MADHU KARA, SARVÀRTHA SÀDHANEBHYAḤ , VIDYACÀRYEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại hàng Tác Thắng, Tác Mật, Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu, Minh Hạnh chúng

CATURBHAGINÌBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng của 4 chị em Thần Nữ

VAJRA KAUMÀRÌ KULANDHÀRI VIDYARÀYEBHYAḤ PHAṬ
Vajra Kaumàrì kulandhàri : Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ
Phá bại chúng của Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Minh Vương

MAHÀ PRATYUṄGÌREBHYAḤ PHAṬ
Phá bại chúng Đại Điều Phục

VAJRA 'SAṄKARÀYA PRATYUṄGÌRA RÀJÀYA PHAṬ
'Saṅkara : Cái khóa (Tỏa)
Vajra 'saṅkara : Kim Cương Tỏa. Xưa dịch là Kim Cương Liên Tỏa
Phá bại hàng Kim Cương Tỏa Điều Phục Vương

MAHÀ KÀLÀYA , MÀTṚGAṆÀYA NAMAḤSKṚTÀYA PHAṬ
Phá bại hàng Đại Hắc Thiên, nơi kính lễ của chúng Âm Mẫu

INDRÌYE PHAṬ
Indri : Đế Thích Thiên Phi
Phá bại hàng Đế Thích Thiên Phi

BRAHMÌṆÌYE PHAṬ
Phá bại hàng Phạm Thiên Phi

RUDRÌYE PHAṬ
Phá bại hàng Tự Tại Thiên Phi

VIṢṆAVÌYE PHAṬ
Phá bại hàng Tỳ Nữu Mẫu Thiên

VIṢṆEVÌYE PHAṬ
Phá bại hàng Tỳ Nữu Thiên Phi

VARÀHÌYE PHAṬ
Varàha : Thần đầu heo
Varàhi : Nữ Thần đầu heo
Phá bại hàng Trư Đầu Thần Nữ

AGNIYE PHAṬ
Agna : Ngọn lửa, Hỏa Thiên
Agni : Hỏa Thiên Phi
Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi

MAHÀ KÀLÌYE PHAṬ

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi

RAUDRÌYE PHAṬ

Raudra : Phẫn Nộ, Phẫn Nộ Thần

Raudri : Phẫn Nộ Thần Nữ

Phá bại hàng Phẫn Nộ Thần Nữ

KÀLA DAṆḌÌYE PHAṬ

Kàla : Hắc Thiên

Daṇḍa : Cây gậy, cây bổng

Kàla daṇḍa : Hắc Thiên Bổng và được dịch ý là Quỷ Súy Hắc Áo Thần

Phá bại hàng Quỷ Súy Hắc Áo Thần Nữ

AINDRIYE PHAṬ

Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ

MÀTṚYE PHAṬ

Phá bại hàng Âm Mẫu

CÀMUṆḌÌYE PHAṬ

Càmuṇḍa: Một hình thức của Nữ Thần Durga, một trong 7 Mẫu là Nộ Thần Nữ, một trong 8 Nàyikà của Durga hay Brahma, tên của một Tác Giả, tên của một Thành Phố.

7 Mẫu: 7 Mẫu Thiên, 7 Mẫu Nữ Thiên, 7 chị em là quyến thuộc của Diễm Ma Thiên hoặc Đại Hắc Thiên gồm có Càmuṇḍà, Kauvari, Viṣṇavi, Kaumàri, Indri, Raudri, Bràhmi

Phá bại hàng Nộ Thần Nữ

KÀLA RÀTṚYE PHAṬ

Kàla Ràtṛ : Hắc Dạ (Đêm đen), Hắc Dạ Thần Nữ

Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ

KAPÀLÌYE PHAṬ

Kapàla : Đầu lâu, Độc Lâu Ngoại Đạo, Độc Lâu Thần

Kapàli : Độc Lâu Thần Nữ

Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ

ADHIMUKTIKA 'SMA 'SANA VASINÌYE PHAṬ

Phá bại hàng Lạc Cư Tủng Gian Nữ (Âm Nữ vui thích ở nơi gò mả và chốn hoang vắng)

OṂ_ HÙṂ BHRÙṂ BANDHA BANDHA RAKṢA RAKṢA MÀṂ

Quy mệnh Hùm Bhrùm. Hãy cột trói Ngoại Chướng và Nội Chướng. Ủng hộ, ủng hộ cho tôi

V _ HỘI THỨ NĂM :

YENA CITTÀ SATVÀ MAMA : DUṢṬA CITTÀ , PÀPA CITTÀ , RAUDRA CITTÀ , VIDVAIṢA CITTÀ , AMAITRA CITTÀ , UTPÀDAYANTI KÌLAYANTI MANTRAYANTI JAPANTI YUHOTI

Yena : Bởi ai, bởi điều gì, bởi đường nào, trong chỉ thị nào, ở đâu, đến đâu

Citta : Tâm, Tập Khởi Tâm

Satva : Hữu Tình

Mama : Tôi

Duṣṭa citta : Tâm độc ác

Pàpa citta : Tâm tội lỗi

Raudra citta : Tâm phẫn nộ

Vidvaiṣa citta : Tâm giận ghét

Amaitra citta : Tâm không hiền lành (Vô Từ Tâm)

Utpàdayanti : Sinh khởi

Kìlayanti : Cấm đoán

Mantrayanti : Dùng Thần Chú, dùng Mật Ngữ

Japayanti : Chuyển tụng

Yuhoti : Ứng dụng Nghi Thức cúng tế

Phàm có Hữu Tình đối với Ta khởi Tâm độc ác, Tâm gây tội lỗi, Tâm phẫn nộ, Tâm giận ghét, Tâm không hiền lành mà phát khởi sự cấm đoán, đọc tụng Thần Chú cúng bái cầu đảo... để hãm hại

ÙRJÀHÀRÀ

Ùrja : Sức mạnh, năng lực, tinh khí, sự siêu phàm

Ahàra : Thâu nhiếp, ăn nuốt

Loài ăn tinh khí

GARBHÀHÀRÀ

Loài ăn bào thai

RUDHIRÀHÀRÀ

Loài ăn máu huyết

MAṂSÀHÀRÀ

Loài ăn thịt

MEDÀHÀRÀ
Loài ăn Thảo Mộc có chất như mỡ

MAJJÀHÀRÀ
Loài ăn xương tuỷ

VA'SÀHÀRÀ
Loài ăn thứ do sinh đẻ

JATÀHÀRÀ
Loài ăn sinh khí

JÌVITÀHÀRÀ
Loài ăn Thọ Mệnh

MALYÀHÀRÀ
Loài ăn tóc

BALYÀHÀRÀ
Loài ăn sức lực

GANDHÀHÀRÀ
Loài ăn mùi thơm

PUṢPÀHÀRÀ
Loài ăn bông hoa

PHALÀHÀRÀ
Loài ăn quả trái

SASYÀHÀRÀ
Loài ăn hạt giống

PÀPA CITTÀ
Loài có tâm gây tội lỗi

DUṢṬA CITTÀ
Loài có Tâm ác độc

DEVA GRAHÀ
Deva : Thiên, cõi Trời
Graha : Loài Ma (Túy)
Thiên Túy (Loài Ma của hàng Trời)

NÀGA GRAHÀ
Long Túy

YAKṢA GRAHÀ
Dạ Xoa Túy

RÀKṢASA GRAHÀ
La Sát Túy

ASURA GRAHÀ
Phi Thiên Túy

GARUḌA GRAHÀ
Kim Xí Điểu Túy

KIṂNARA GRAHÀ
Nghi Thần Túy

MAHORAGA GRAHÀ
Đại Phúc Hành Thần Túy

PRETA GRAHÀ
Ngạ Quỷ Túy

PI'SÀCA GRAHÀ
Xí Trung Quỷ Túy

BHÙTA GRAHÀ
Hóa Sinh Quỷ Túy

PÙTANA GRAHÀ
Xú Quỷ Túy

KAṬAPÙTANA GRAHÀ
Kỳ Xú Quỷ Túy

KUMBHÀṆḌA GRAHÀ
Ung Hình Quỷ Túy

SKANDA GRAHÀ
Thiên Thần Quỷ Túy (Loài Ma của hàng Quỷ vẹo môi)

UNMÀNDA GRAHÀ
Điên Cuồng Quỷ Túy

CCHÀYA GRAHÀ
Ảnh Quỷ Túy

APASMÀRA GRAHÀ
Kiện Vong Quỷ Túy

ḌÀKA ḌÀKIṆÌ GRAHÀ
Không Hành Quỷ Túy

REVATI GRAHÀ
Não Nhi Quỷ Túy

JAṄGHIKA GRAHÀ
Jaṅghika : Con Lạc Đà, một loài Linh Dương
Như Linh Dương Quỷ Túy

‘SAKUNI GRAHÀ
‘Sakuna hay ‘Sakuni là con chim
Điểu Hình Quỷ Túy

NANDIKÀ GRAHÀ
Nandìka : Con chim trống của loài Gia Cầm
Như Gia Cầm Hình Quỷ Túy

LAṂBIKA GRAHÀ
Laṃbika : Con chim cu hay con gà trống của người Ấn Độ
Như Kê Hình Quỷ Túy

KAṆṬAPÀṆI GRAHÀ
Kaṇṭa : Cây gai, bụi gai, cây có nhiều gai (Cức)
Pàṇi : Bàn tay
Kaṇṭa pàṇi : Loài Quỷ có bàn tay đầy gai. Đạo Sư Tây Tạng dịch là Trừ Cức Quỷ

Loài Ma của hàng Quỷ có bàn tay đầy gai

JVARÀ : EKÀHIKÀ , DVAITYAKÀ , TRETIYAKÀ , CATURTHAKÀ
Jvara : Sốt nóng, Quỷ gây ra bệnh sốt rét (Ngược Quỷ)
Ekàhika : 1 ngày phát bệnh 1 lần
Dvaityaka : 2 ngày phát bệnh 1 lần
Tretiyaka : 3 ngày phát bệnh 1 lần

Caturthaka : 4 ngày phát bệnh 1 lần

Quỷ gây bệnh sốt rét : 1 ngày phát 1 lần, 2 ngày phát 1 lần, 3 ngày phát 1 lần, 4 ngày phát 1 lần

NITYÀ JVARÀ

Nitya : Thường thường, luôn luôn

Luôn luôn nóng sốt cao (Thường tráng nhiệt)

VIṢAMA JVARÀ

Viṣama: không đồng bộ, không ngang sức, gồ ghề, khó khăn, nguy hiểm, xấu, bất lợi, không công nhận, cấm, gớm ghiếc, kinh khủng

Bệnh nóng sốt gây nguy hiểm

VÀTIKÀ

Phong bệnh, bệnh nhiễm gió, bị trúng gió

PAITTIKÀ

Bệnh vàng da

'SLEṢMAKÀ

'Sleṣmaka : Đàm rãi, tính phớt đời, sự hài hước hóm hỉnh

Bệnh đàm rãi

SAṂNIPATIKÀ

Bệnh do mọi thứ hòa hợp

SARVA JVARÀ

Tất cả bệnh nóng sốt

'SIRORTI

Bệnh đau đầu, bệnh nhức đầu (Đầu Thống)

ARDHÀVABHEDAKA

Ardha : Một nửa

Avabhedaka : Làm nhức nhối, làm nhức buốt, làm buốt cái đầu

Bệnh đau nửa đầu (Bán Đầu Thống)

AROCAKA

Bệnh chẳng ăn được

AKṢI ROGAṂ

Akṣi : Con mắt

Rogaṃ: Bệnh tật, sự hủ bại, suy nhược cơ thể, sự đau yếu

Bệnh đau mắt



MUKHA ROGAṂ

Mukha : Cái miệng, cái mồm

Bệnh đau miệng



HṚDROGAṂ

Hṛd : Chứng liệt tim, suy tim, linh hồn, sức sống, sức truyền cảm, cá nhân, tâm trí, tinh thần

Bệnh đau toàn thể con người



KARṆA 'SÙLAṂ

Karṇa : Lỗ tai, cái tai

'Sùlaṃ: Cái giáo, cái thương, cái lao, đâm thủng, chọc thủng, nỗi đau buồn, nỗi sầu khổ, tai họa, tuyệt vọng, đau khổ, sự đau đớn

Đau tai



DANTA 'SÙLAṂ

Đau răng



HṚDAYA 'SÙLAṂ

Đau tim



MARMAN 'SÙLAṂ

Marman: Điểm gây chết chóc, phần nhạy cảm của cơ thể, yếu ớt, thiếu nghị lực, dễ bị tổn thương, liều mạng vào nơi nguy hiểm, chỗ yếu. Xưa dịch là đốt xương

Đau buốt đốt xương



PÀR'SVA 'SÙLAṂ

Đau hông sườn



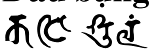
PṚṢṬA 'SÙLAṂ

Đau lưng



UDARA 'SÙLAṂ

Đau bụng



KAṬI 'SÙLAṂ

Kaṭi : Eo lưng, mông đít

Đau eo lưng, đau mông đít



ÙRU 'SÙLAṂ

Ùru : Bắp đùi, bắp vế, ống chân, xương ống chân

Đau bắp đùi



JAṂGHA 'SÙLAṂ

Đau ống chân



VASTI 'SÙLAṂ

Vasti : Sự tận cùng của cái áo đầm bằng vải, điểm cuối cùng, . Xưa dịch là mắt cá chân (Điểm cuối cùng của ống chân)

Đau mắt cá chân



HASTA 'SÙLAṂ

Đau bàn tay



PÀDA 'SÙLAṂ

Đau bàn chân



SARVAGÀPRATYUṄGIRA 'SÙLAṂ

Sarvaga : Tỏa khắp tất cả, thâm nhập khắp cả, lan tràn khắp tất cả, nước, Thiên Thần, linh hồn, tên của Bràhma hay 'Siva, có mặt khắp nơi

Apratyuṅgira : Không thể cứu thoát, không thể điều phục

Đau buốt tất cả chi tiết trên thân không thể chữa khỏi



BHÙTA VETÀLA

Hóa Sinh Khởi Thi Quỷ (Ma Quỷ nhập vào xác chết đứng dậy đi)



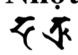
ḌÀKA ḌÀKIṆÌ

Không Hành Nam và Không Hành Nữ



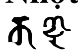
JVARA

Nhọt do bị thiêu đốt



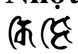
DATRÙ

Nhọt do bị cùi hủi



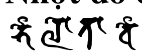
KAṆṬYU

Nhọt ghẻ mọc dầy như gai



KIṬṬI

Nhọt do ở bẩn, nhọt do Dời ăn (Tri Thù Sang)



BHAILOTÀVAI

Đinh sang

SARPALOHÀ

Xâm dâm sang

LIṄGA

Xích sang

‘SOṢATRA

Nhọt do da khô nứt

SAGARÀ

Nhọt Trĩ

VIṢAYOGA

Cổ độc

AGNI

Lửa

UDAKA

Nước

MARA VELÀ KÀNTÀRA

Mara : Sự chết, lúc chết, lúc hấp hối

Velà : Cái vườn

Kàntàra : Khu rừng rậm

Vườn rừng gây sự chết chóc (Tử Viên Lâm)

AKÀLA MṚTYU

Chết yểu không đúng thời

TRAIMUKHA

Một loài trùng

TRAILÀṬAKA

Một loài mòng

VṚ’SCIKA

Vṛ’scika : Một loại sâu bướm phủ đầy khắp với lông lởm chởm, một loài động vật có nhiều chân, bò cạp

Bò Cạp

SARPA

Rắn

NAKULA

Một loài chồn ở Bengal là kẻ thù của chuột và rắn

SIṂHA

Sư tử

VYÀGHRA

Cọp

ṚIKṢA TARAṚIKṢA

Ṛikṣa : Độc hại, bị thương, gây tai hại, một loại táo, tên ngọn núi, tốt, tuyệt hảo, con gấu.Xưa dịch là gấu ngựa

Tara: Mang qua, phụ giúp mang qua, ở bên kia, vượt xa hơn, tuyệt hảo, ngọn lửa, giỏ áo.

Taraṛikṣa : Một loài gấu lớn (Bi), gấu heo

Gấu Ngựa, gấu Heo

CAMARA

Một loài bò gọi là Yak, loài trâu Yak ở Tây Tạng

JIVAKA

Jivaka : Đời sống, người đầy tớ, hành khất, người bắt rắn, tên của MumaraBhùta, đời sống ban cho nhân tố, nước.

Jivaka còn được dịch là loài sống dưới nước

Loài sống dưới nước

Nếu dựa theo nghĩa của Bản xưa thì tên những con vật còn thiếu có thể đọc thêm là :

Mèo : Bidàla
Bò : Dhenu
Bò Mộng : Vṛsabha
Chó sói : Vṛka hay Tarakṣa
Cá Ma Kiệt, cá Sấu : Makàra
Chấy rận : Rikṣà
Gấu : Bhallùka
Con ong : Tarala

TEṢÀṂ SARVEṢÀṂ SITATÀPATRÀṂ MAHÀ VAJROṢṆÌṢÀṂ MAHÀ PRATYUṄGÌRAṂ YÀBA DVÀDA'SA YOJANÀBHYANTARÌNA

Vajra : Kim Cương
Uṣṇìṣa : Đỉnh kế

Vajroṣṇìṣa : Kim Cương Đỉnh Kế
Yàba : Cho đến
Dvada'sa: 12
Yojana: Do Tuần, một đơn vị đo lường
Abhyantarìna : Ở trong khoảng

Do Bạch Tản Cái Đại Kim Cương Đỉnh Kế có năng lực to lớn điều phục tất cả bệnh tật tai nạn như vậy cho đến trong khoảng 12 Do Tuần khiến mọi Tật Nạn ấy tự nhiên lui tan

SÌMA BANDHAṂ KAROMI
Sìma : Giới Đàn
Bandha : Cột trói
Kara : Tác làm.
Umi: Nay Tôi
Kara + Umi =Karomi (Nay tôi tác làm)

Nay tôi kết buộc Giới

DI'SA BANDHAṂ KAROMI
Di'sa : Phương hướng

Tôi kết buộc mười phương

PRAVIDYÀ BANDHAṂ KAROMI
Pravidya : Minh Chú thù thắng, Minh Chú năng thắng

Tôi kết Năng Thắng Minh

TEJO BANDHAṂ KAROMI
Tejo : Nhóm ánh sáng (Quang tụ)

Tôi buộc nhóm ánh sáng

HASTÀ BANDHAṂ KAROMI

Tôi kết buộc bàn tay

PÀDA BANDHAṂ KAROMI

Tôi kết buộc bàn chân

SARVAGA PRATYUṄGA BANDHAṂ KAROMI

Tôi kết buộc tất cả mọi chi tiết

TADYATHÀ

Như vậy, liền nói Chú là

OṂ_ ANALE ANALE _ VI'SADA VI'SADA _ BANDHA BANDHA _ BANDHANI BANDHANI _ VAIRA VAJRAPÀṆI PHAṬ_ HÙṂ BHRÙṂ PHAṬ_ SVÀHÀ

Oṃ: Nhiếp triệu, cảnh giác

Anale : Ngọn lửa linh thiêng, ngọn lửa của Thượng Đế, Ngọn lửa, năng lực siêu phàm

Vi'sada : Sự thanh tịnh

Bandha : Cột trói, cột buộc

Bandhani : Cột buộc

Vaira : Sự chống lại, dũng cảm, can đảm, có năng lực khác thường

Vajrapàṇi : Kim Cương Thủ. Vị Thần cầm chày Kim Cương

Phaṭ : Phá bại

Hùṃ : Chủng Tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề

Bhrùṃ : Chủng Tử biểu thị cho nơi quy thú của mọi Công Đức

Phaṭ : Phá bại

Svàhà : Quyết định thành tựu

TÁN THÁN CHÚ :



NAMO STATHÀGATÀYA SUGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA SIDDHYANTU MANTRAPÀDA SVÀHÀ

Sugata : Bậc Thiện Thệ, bậc khéo đi đến nẻo lành

Siddhyantu : khiến cho thành tựu

Mantrapàda : Chân Ngôn cú, câu chữ của Chân Ngôn

Svàhà: Viên mãn cát tường

Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác. Hãy khiến cho con thành tựu Chân Ngôn Cú , viên mãn cát tường

03/01/2002

ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM ĐÀ LA NI

Việt dịch : HUYỀN THANH

ĐỀ DANH CHÚ :

Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái Vô Năng Thắng Thậm Năng Điều Phục Đà La Ni

I) HỘI THỨ NHẤT :

Kính lễ tất cả Phật với hàng Bồ Tát

Quy mệnh bảy ức Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

Quy mệnh chúng Dự lưu

Quy mệnh chúng Nhất Lai

Quy mệnh chúng Bất Hoàn

Quy mệnh chúng đạt bốn Quả với chúng đạt bốn Hướng trong Thế Gian

Quy mệng ba báu Phật, Pháp , Tăng

Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kích Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Liên Hoa Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Kim Cương Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Ma Ni Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Khố Tàng Bộ Tộc

Quy mệnh chúng Thiên Tiên

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên với chúng Nhiếp Ác Tác Thiện

Quy mệnh chúng Phạm Thiên

Quy mệnh chúng Đế Thích

Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Thiên Hậu Ô Ma với hàng quyến thuộc

Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, Thiên Hậu Cát Khánh, hàng quyến thuộc, năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô ái Tử

Quy mệnh Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi kính lễ của chúng Âm Mẫu

Kính lễ các hàng ấy xong rồi

Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này

Ngài là Vô Năng Thắng Thậm Năng Điều Phục Mẫu
Ngài là nơi kính lễ của tất cả chư Thiên
Ngài là nơi cúng dường của Thiên Chúng
Ngài là Đấng tối cao mà các Thiên Nữ đều theo hộ vệ
Ngài hay giáng phục tất cả quỷ ác gây phiền não
Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác
Ngài hay giáng phục chúng Hữu Tình khó giáng phục
Ngài hay ngăn chặn các điều ác
Ngài hay chặn đứng sự chết yểu không đúng thời
Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc
Ngài hay chặn đứng tất cả giấc mộng xấu ác
Ngài hay tồi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não
Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ
Ngài hay tồi hoại tám phiền não lớn
Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia
Ngài hay loại bỏ các giấc mộng xấu hãi hùng
Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về : chất độc, dao gậy, lửa , nước…
Ngài hay sai khiến tất cả Ấn chúng :
Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu
Đại Sân Nộ Mẫu
Đại Uy Quang Mẫu
Đại Uy Diệu Mẫu
Đại Bạch Quang Diễm Mẫu
Đại Lực Cát Tường Mẫu
Bạch Y Mẫu
Thánh Cứu Độ Mẫu
Phẫn Nộ Mẫu
Phổ Mãn Tối Thắng Kim Cương Hoa Danh Xưng Mẫu
Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu
Kim Cương Thiệt Mẫu
Anh Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu
Kim Cương Bổng Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu
Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Dường Mẫu
Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu
Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu

Tối Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mẫu
Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu
Kim Cương Thủ Mẫu
Đại Minh Chân Thật Niệm Châu Mẫu
Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu
Biến Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu
La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu
Kim Quang Nhãn Mẫu
Kim Cương Chúc Mẫu
Bạch Sắc Mẫu
Liên Hoa Nhãn Mẫu
Nguyệt Quang Mẫu
Mọi Ấn như vậy, hết thảy đều ủng hộ thủ hộ cho chúng con

II) HỘI THỨ HAI :

Quy mệnh chủng tử HÙM, BỜ-HỜ-RUM của Tiên Chúng Thiện Quý Như Lai Đỉnh Kế

Với HÙṂ BHRÙṂ thường nghiền nát mọi nghiệp tội
Với HÙṂ BHRÙṂ thường uy trấn hộ trì thân căn
Với HÙṂ BHRÙṂ thường trừ bỏ tâm ý mê hoặc
Với HÙṂ BHRÙṂ thường phá hoại mọi sự ngăn trở
Với HÙṂ BHRÙṂ thường hoàn thiện Minh Chú Khác
Với HÙṂ BHRÙṂ thường trấn ngự tất cả điều ác
Với HÙṂ BHRÙṂ thường tồi hoại tất cả loài Dạ Xoa, La Sát gây phiền não
Với HÙṂ BHRÙṂ thường tồi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não
Với HÙṂ BHRÙṂ thường khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ
Với HÙṂ BHRÙṂ thường tồi hoại tám phiền não lớn
Hãy ủng hộ! Ủng hộ cho con !

Hỡi Đức Thế Tôn ! Ngài là Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Mẫu, Đại Điều Phục Mẫu, Đại Thiên Tý Mẫu, Thiên Đầu Mẫu, Ức Bách Thiên Nhãn Mẫu, Nội Diễm Cụ Chủng Tướng Kim Cương Phúc Mẫu, Tam Hữu Đàn Trường Mẫu

Xin hãy khiến cho con đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành

III) HỘI THỨ BA :

Phàm có mọi tai nạn gây ra từ : Vua chúa, giặc cướp, lửa, nước, chất độc, dao gậy, chiến tranh, đói khát, sấm sét, chết yểu không đúng thời, động đất, sao băng, hình phạt của vương pháp, Rồng độc, sét đánh, Kim Xí Điểu…

Lại có sự phiền não do các loài gây ra như : Dạ Xoa, La Sát, Quỷ đói, Quỷ ở trong nhà cầu, Quỷ có hình ung nhọt, Quỷ hôi thối, Quỷ hôi thối lạ kỳ, Quỷ vẹo môi, Quỷ Kiện Vong, Quỷ điên cuồng, Quỷ hớp bóng (Ảnh Quỷ), Quỷ có hình cái túi, Quỷ gây hại cho con nít, loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn máu huyết, loài ăn đồ dơ của sự sinh sản, loài ăn thịt, loài

ăn thảo mộc có chất như mỡ, loài ăn xương tủy, loài ăn hơi thở ra vào, loài ăn thứ bất tịnh, loài ăn tâm thức…

Nay con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não thuộc tất cả loại như thế

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Không Hành Nam và Không Hành Nữ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thú Chủ và Tự Tại Thiên

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điểu cùng với quyến thuộc của chúng

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên và chúng Âm Mẫu

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của các hàng : Tác Thắng, Tác Mật, Thành tựu tất cả Nghĩa Lợi

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Đấu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyến thuộc của họ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo lõa thể

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Sát Tặc

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Khởi Thi Quỷ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Thần Dạ Xoa cầm chày Kim Cương

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của các hàng : Phạm Thiên, Tự Tại Thiên, Na La Diên Thiên

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ

Quy mệnh kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái. Xin hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng Hữu Tình đều được thành tựu tốt lành.

IV) HỘI THỨ TƯ :

Cúi đầu con quy mệnh
Bạch Tản Cái Thế Tôn
Hào quang lửa tròn đầy
Màu trắng tinh rực rỡ
Ánh sáng Bạch Tản Cái
Phóng muôn tia long lanh
Uy quang soi mọi chốn
Giáng phục khắp tất cả
Cắt đứt và xuyên thấu
Khủng bố rồi phá bại

Diệt hai chướng trong ngoài
Thành tựu sự tốt lành
Nay hô triệu Phá bại
Hàng Bất Không Thiên Sứ
Nguyện ban cho phá bại
Phá bại sự phá hoại của hàng A Tu La
Phá bại tất cả Thiên chúng
Phá bại tất cả chúng Rồng
Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa
Phá bại tất cả chúng La Sát
Phá bại tất cả chúng Kim Xí Điểu
Phá bại tất cả chúng Hương Thực Thần
Phá bại tất cả chúng Phi Thiên
Phá bại tất cả chúng Nghi Thần
Phá bại tất cả chúng Đại Phúc Hành Thần
Phá bại tất cả Nhân chúng (Loài người)
Phá bại tất cả chúng Phi Nhân
Phá bại tất cả chúng Quỷ Hóa Sinh
Phá bại tất cả chúng Quỷ ở trong nhà cầu
Phá bại tất cả chúng Quỷ có hình ung nhọt
Phá bại tất cả chúng Quỷ hôi thối
Phá bại tất cả chúng Quỷ hôi thối lạ kỳ
Phá bại tất cả chúng Ngộ Tưởng Quá
Phá bại tất cả chúng Ngộ Kiến Quá
Phá bại tất cả chúng Quỷ gây bệnh nóng sốt
Phá bại tất cả chúng Quỷ gây bệnh mất trí nhớ
Phá bại tất cả chúng Trì Chú
Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo
Phá bại tất cả chúng Quỷ điên cuồng
Phá bại tất cả chúng Trì Chú Bác Sĩ
Phá bại tất cả chúng Minh Hạnh của các hàng: Tác Thắng, Tác Mật, Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu
Phá bại chúng của bốn chị em Thần Nữ
Phá bại chúng của Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Minh Vương
Phá bại chúng Đại Điều Phục
Phá bại hàng Kim Cương Tỏa Điều Phục Vương
Phá bại hàng Đại Hắc Thiên và nơi kính lễ của chúng Âm Mẫu
Phá bại hàng Đế Thích Thiên Phi
Phá bại hàng Phạm Thiên Phi
Phá bại hàng Tự Tại Thiên Phi
Phá bại hàng Tỳ Nữu Mẫu Thiên
Phá bại hàng Tỳ Nữu Thiên Phi
Phá bại hàng Trư Đầu Thần Nữ
Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi
Phá bại hàng Phẫn Nộ Thần Nữ
Phá bại hàng Quỷ Súy Hắc Áo Thần Nữ
Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ
Phá bại hàng Âm Mẫu
Phá bại hàng Nộ Thần Nữ
Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ
Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ
Phá bại hàng Quỷ Nữ vui thích ở nơi gò mả

Quy mệnh HÙM̟ BHRÙM̟ . Hãy cột trói hai chướng trong ngoài và ủng hộ, ủng hộ cho con.

V) HỘI THỨ NĂM :

Phàm có các Hữu Tình đối với ta khởi sinh tâm độc ác, tâm tội lỗi, tâm phẫn nộ, tâm giận ghét, tâm không hiền lành mà phát ra sự cấm đoán, đọc tụng Thần Chú , cúng bái cầu đảo để hãm hại

Lại có các loài gây não hại như : loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu huyết, loài ăn thịt, loài ăn cây cỏ có chất như mỡ, loài ăn xương tủy, loài ăn thứ dơ bẩn do sự sinh đẻ, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn tóc, loài ăn sức lực, loài ăn mùi thơm, loài ăn bông hoa, loài ăn quả trái, loài ăn hạt giống, loài có tâm tội lỗi, loài có tâm độc ác…

Lại có nhóm ma của hàng Trời, nhóm ma của loài Rồng, nhóm ma của hàng Dạ Xoa, nhóm ma của hàng La Sát, nhóm ma của hàng A Tu La, nhóm ma của loài Kim Xí Điểu, nhóm ma của hàng Nghi Thần, nhóm ma của hàng Đại Phúc Hành Thần, nhóm ma của loài Quỷ đói, nhóm ma của loài Quỷ ở trong nhà cầu, nhóm ma của loài Quỷ Hóa Sinh, nhóm ma của loài Quỷ hôi thối, nhóm ma của loài Quỷ hôi thối lạ kỳ, nhóm ma của loài Quỷ có hình ung nhọt, nhóm ma của loài Quỷ vẹo môi, nhóm ma của loài Quỷ điên cuồng, nhóm ma của loài Quỷ hớp bóng (Ảnh Quỷ), nhóm ma của loài Quỷ khiến cho mất trí nhớ, nhóm ma của hàng Không Hành Nam và Không Hành Nữ, nhóm ma của loài Quỷ não hại con nít, nhóm ma của loài quỷ có hình như con Linh Dương, nhóm ma của loài Quỷ có hình con chim, nhóm ma của loài Quỷ có hình như loại gia cầm, nhóm ma của loài Quỷ có hình con gà, nhóm ma của loài Quỷ có bàn tay đầy gai.

Lại có loài Quỷ gây bệnh sốt rét : một ngày phát một lần, hai ngày phát một lần, ba ngày phát một lần , bốn ngày phát một lần

Lại có các thứ bệnh tật như : thường nóng sốt cao, bệnh nóng sốt gây nguy hiểm, bệnh nhiễm gió, bệnh vàng da, bệnh kéo đàm rãi, bệnh do mọi thứ hòa hợp, tất cả bệnh nóng sốt, bệnh đau nhức đầu, bệnh đau nhức nửa đầu, bệnh chẳng ăn được, bệnh đau mắt, bệnh đau miệng, bệnh đau toàn thể thân xác và tâm hồn, bệnh đau tai, bệnh đau răng, bệnh đau tim, bệnh đau đốt xương, bệnh đau hông sườn, bệnh đau lưng, bệnh đau bụng, bệnh đau eo lưng hay mông đít, bệnh đau bắp đùi, bệnh đau ống chân, bệnh đau mắt cá chân, bệnh đau bàn tay, bệnh đau bàn chân, bệnh đau buốt các chi tiết trên thân

Lại có hàng Bộ Đa (Ma Quỷ độc ác), hàng Khởi Thi Quỷ, Không Hàng Nam, Không Hành Nữ

Lại có các loại ung nhọt do bị thiêu đốt, nhọt do cùi hủi, nhọt ghẻ mọc dầy như gai, nhọt do Dời ăn, Đinh Sang, Xâm Dâm Sang, nhọt do da bị khô nứt, nhọt trĩ

Lại có tai nạn phát sinh do Cổ Độc, lửa, nước, vườn rừng gây sự chết chóc, chết yểu không đúng thời, loài trùng Traimukha, loài mòng trailaṭaka , bò cạp, rắn, chồn dữ, sư tử, cọp, gấu heo, gấu ngựa, loài trâu Yak, loài sống dưới nước…

Tất cả tật nạn như trên. Dùng Bạch Tản Cái Đại Kim Cương Đỉnh Kế Đại Năng Điều Phục sẽ khiến cho chúng tự nhiên lui tan Trong vòng 12 Do Tuần , tất cả tai nạn bệnh tật ấy không thể nào xâm phạm được.

Nay ta kết buộc Giới
Kết buộc khắp mười phương
Ta kết Năng Thắng Minh
Ta kết nhóm ánh sáng (Quang Tụ)
Ta kết buộc bàn tay
Ta kết buộc bàn chân
Ta dùng mọi chi tiết
Kết buộc khắp tất cả
Khiến cho các tật nạn
Chẳng thể xâm nhiễu được
Liền nói Thần Chú là ;

OM_ A NA LÊ , A NA LÊ _ VI XÁ ĐÁ, VI XÁ ĐÁ_ BAN ĐA , BAN ĐA _ BAN ĐA NI , BAN ĐA NI_ VAI RA VA DI-RA BÁ NI , PHẠT _ HÙM, BỜ-HỜ-RUM, PHẠT _ XỜ-VA HA

TÁN THÁN CHÚ :

Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác _ Hãy khiến cho con thành tựu Chân Ngôn Cú viên mãn cát tường

04/ 01/ 2002

PHẬT THUYẾT ĐẠI PHẬT ĐỈNH NHƯ LAI PHÓNG QUANG TẤT ĐÁT THA BÁT ĐA LA ĐẠI THẦN LỰC ĐÔ NHIẾP NHẤT THIẾT CHÚ VƯƠNG ĐẾ TỔ LA THÍ KIM CƯƠNG ĐẠI ĐẠO TRƯỜNG TAM MUỘI ĐÀ LA NI

(ĐÔN HOÀNG TẠNG BẢN)

_ NAMO SARVA TATHÀGATÀYA SUGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATTVEBHYAḤ

_ NAMAḤ SAPTÀNÀṂ SAMYAKSAṂBUDDHA KOṬINÀṂ_ SA'SRAVAKA SAṂGHÀNÀṂ

_ NAMO LOKE ARHANTÀNÀṂ

_ NAMAḤ SROTÀPANNÀNÀṂ

_ NAMAḤ SUKṚTÀGÀMÌNÀṂ

_ NAMO ANÀGAMÌNÀṂ

_ NAMO LOKE SAMYAG- GATÀNÀṂ SAMYAK-PRATIPANNÀNÀṂ

_ NAMO DEVA ṚṢÌṆÀṂ

_ NAMAḤ SIDDHA VIDYADHÀRÀNÀṂ

_ NAMAḤ SIDDHA VIDYÀDHÀRA ṚṢÌṆÀṂ_ 'SÀPÀNU GRAHÀ SAMARTHÀNÀṂ

_ NAMO BRAHMAṆE

_ NAMA INDRÀYA

_ NAMO BHAGAVATE RUDRÀYA UMÀPATI SAHÌYÀYA

_ NAMO BHAGAVATE NÀRÀYAṆÀYA PAṂCA MAHÀ MUDRA NAMASKṚTÀYA

_ NAMO BHAGAVATE MAHÀ KÀLÀYA TRIPURA NAGARA VIDRÀVAṆA KÀRÀYA_ ADHIMUKTAKA 'SMA 'SÀNA VASINÌYE MÀTṚGAṆA NAMASKṚTÀYA

_ NAMO BHAGAVATE TATHÀGATA KULÀYA

_ NAMO PADMA KULÀYA

_ NAMO VAJRA KULÀYA

_ NAMO MAṆI KULÀYA

_ NAMO GAJA KULÀYA

_ NAMO BHAGAVATE DṚḌHA 'SURASENA PRAHARAṆA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE AMITÀBHÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE AKṢOBHYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE BHAIṢAIJYA GÙRU VAIḌÙRYA PRABHA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE SAṂPUṢPÌTA SÀLENDRA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE 'SÀKYAMUṆÀYE TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE RATNA KUSUMA KETU RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE SAMANTABHADRA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE VAIROCANÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE VIKASITANAYANA-UTPALA-GANDHA-KETU RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE DHARMA-SAMUDRA-VEGA-‘SRÌ-RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE SATYA-PRATIPAD- RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE ‘SÀNTI-PRABHA-‘SRÌ -RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE KETU-PRABHA-‘SRÌ-RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE MERU-PRABHA-‘SRÌ-RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE SARVA SATTVA-SAMANVÀHÀRATU-‘SRÌ-RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE DHARMA-‘SRÌ-RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE SAṂGHA-‘SRÌ-RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE SÀGARA-‘SRÌ-RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE DEVENDRA-CÙḌÀ-MAṆI-MAKUṬA-GARBHÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE SARVA-ÀKÀREDRÀYA-SUTÀRA-‘SRÌYE TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO BHAGAVATE DEVENDRA-GARBHA-‘SRÌ-RÀHÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

_ NAMO DHARMA-‘SRÌ-RÀJÀYA BODHISATTVÀYA

_ EBHYO TASYA NAMASKṚTVA

_IDAṂ BHAGAVATAS , TATHÀGATOṢṆÌṢÀṂ , SITÀTAPATRAṂ

_ NAMO APARÀJITAṂ PRATYAṄGIRÀṂ

_ SARVA DEVÌ NAMASKṚTÀṂ

_ SARVA DEVÌ PÙJITÀṂ
_ SARVA DEVE'SAPARIPÀLITAṂ
_ SARVA BHÙTA GRAHA NIGRAHA KARAṆÀṂ
_ PARAVIDYÀ CCHEDANAM
_ DURDÀNTÀNÀṂ SATTVÀNÀṂ DAMAKAṂ .
_ DUṢṬÀNÀṂ NIVÀRAṆAṂ
_ AKÀLA MṚTYU PARI-TRÀYAṆAṂ
_ SARVA BANDHANA MOKṢANA KARI
_ SARVA BHAYA NÀ'SANI
_ SARVA DUṢṬA DUḤSVAPNA NIVÀRAṆI
_ CATUR A'SITÌNÀṂ GRAHÀ SAHASRÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KARI
_ AṢṬA VIṂ'SATÌNÀṂ NAKṢATRÀNÀṂ PRASÀDANA KARI
_ AṢṬANAṂ MAHÀ GRAHÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KARI
_ SARVA 'SATRÙ NIVÀRANI
_ GHORÀṂ DUṢṬA DUḤSVAPNÀNÀṂ CANÀ'SANI
_ VIṢA , 'SASTRA , AGNI , UDAKA UTTÀRANI
_ APARAJÌTA MAHÀ-GHORÀ
_ MAHÀ BALÀ
_ MAHÀ CAṆḌÀ
_ MAHÀ DÌPTÀ
_ MAHÀ TEJÀ
_ MAHÀ 'SVETÀ JVALA MÀLÀ
_ MAHÀ BALÀ PAṆḌARAVÀSINÌ
_ ÀRYA TÀRÀ
_ BHṚKUṬÌ CEVA
_ JAYA JAYA
_ VIJAYA VIJAYA
_ NAMAḤ 'SRÌ MAHÀ DEVÌYE
_ VIJAYA VAJRA MALATI
_ VI'SRÙTÀṂ PADMÀKṢÀN
_ VAJRA JIHVA CA RATNA MÀLÀ CEVÀPARÀJITA
_ VAJRA DAṆDI VI'SÀLÀ CA
_ 'SÀNTÀ VAIDEHÀ PÙJITÀ
_ SAUMYA RÙPA MAHÀ 'SVETÀ
_ ÀRYA TÀRÀ
_ MAHÀ BALA APARAJITA
_ VAJRA SAṂKALÀ CEVA TATHÀ
_ VAJRA KAUMÀRÌ KULAṂDHARÌ
_ VAJRA HASTÀ CA MAHÀ VIDYA KAṂCANA MÀLIKÀ
_ KUSUMBHÀ RATNA CEVA VAIROCANA KÙṬASTHOṢṆÌṢA VI'SRUTÀ
_ VIJṚṂBHA MÀNÀ CA VAJRA KANAKA PRABHA LOCANA
_ VAJRA TUṆḌI CA 'SVETÀ CA KAMALÀKṢÀ

_ 'SA'SI PRABHA

_ ITYEDI MUDRA GAṆÀ SAṂBHÀRA VAKṢYÀMI SARVE RAKṢAṂ_ KURVATTU MAMA (Tỳ Khưu thọ trì)

TADYATHÀ : OṂ_ṚṢÌGAṆA , PRA'SASTAS TATHÀGATOṢṆÌṢA _ HÙṂ ṬRÙṂ

_ JAMBHANA KARA _HÙṂ ṬRÙṂ

_ STAMBHANA KARA _ HÙṂ ṬRÙṂ

_ MOHANA KARA _ HÙṂ ṬRÙṂ

_ MATHANA KARA _ HÙṂ ṬRÙṂ

_ PARAVIDYÀ SAMBHAKṢAṆA KARA_ HÙṂ ṬRÙṂ

_ SARVA DUṢṬANÀṂ STAMBHANA KARA_ HÙṂ ṬRÙṂ

_ SARVA YAKṢA RÀKṢASA GRAHÀṆÀṂ VIDHAVAṂSANA KARA_ HÙṂ ṬRÙṂ

_ CATUR A'SITINÀṂ GRAHÀ SAHASRÀNÀṂ VIDHAVAṂSANA KARA_ HÙṂ ṬRÙM

_ AṢṬÀ VIṂ'SATÌNÀṂ NAKṢATRÀNÀṂ PRASÀDANA KARA _ HÙṂ ṬRÙṂ

_ AṢṬÀNÀṂ MAHÀ GRAHÀṆÀṂ VIDHVAṂSANA KARA _ HÙṂ ṬRÙṂ

_ RAKṢA MAMASYA

_ BHAGAVAN STATHÀGATOṢṆÌṢA MAHÀ SITÀTAPATRA

_ MAHÀ VAJROṢṆÌṢA

_ MAHÀ PRATYAṄGIRE

_ MAHÀ SAHASRA BHÙJE

_ SAHASRA 'SÌRṢE

_ KOṬI 'SATA SAHASRÀ NETRE

_ ABHEDYA JVÀLITA ÀTATAKA

_ MAHÀ VAJRODÀRA

_ TRIBHUVANA MAṆḌALA

_ OṂ_ SVASTIRBHAVATU MAMAṢYA

_RÀJA BHAYÀ _ CORA BHAYÀ _ AGNI BHAYÀ _ UDAKA BHAYÀ _ 'SASTRA BHAYÀ _ PRACAKRA BHAYÀ _ DURBHIKṢA BHAYÀ _ A'SANI BHAYÀ _ AKÀLA MṚTYU BHAYÀ _ DHARAṆI BHUMI KAṂPA BHAYÀ _ ULKÀPÀTA BHAYÀ _ RÀJA DAṆḌA BHAYÀ _ NÀGA BHAYÀ _ VIDYU BHAYÀ _ SUPARṆI BHAYÀ

_ YAKṢA GRAHÀ_ RÀKṢASA GRAHÀ_ PRETA GRAHÀ_ BHÙTA GRAHÀ_ PI'SÀCA GRAHÀ _ KUṂBHÀṆḌA GRAHÀ_ PÙTANA GRAHÀ_ KAṬA PÙTANA GRAHÀ_ SKANDA GRAHÀ_ APASMÀRA GRAHÀ_ UNMÀDA GRAHÀ_ CHÀYÀ GRAHÀ_ DÀKA ḌÀKINÌ GRAHÀ _ REVATÌ GRAHÀ.

_ OJO HARAṆYA_ GARBHA HARAṆYA_ JÀTA HARAṆYA_ JÌVITA HARAṆYA_ RUDHIRA HARAṆYA_ VASA HARAṆYA_ MÀṂSA HARAṆYA_ MEDHA HARAṆYA_ MAJJA HARAṆYA_ VÀNTA HARAṆYA_ A'SUCYA HARAṆYA_ CITTA HARAṆYA

_ TEṢÀṂ SARVEṢÀṂ_ SARVA GRAHÀNÀṂ VIDYÀṂ CHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

_ PARIVRÀJAKA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

_ DÀKA-ḌÀKIṆÌ KṚTÀṂ VIDYÀṂ CHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

_ MAHÀ PA'SUPATÀYA , RUDRA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

_ NÀRAYÀNÀ KṚTÀṂ VIDYÀṂ CHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

_ TATTVA GARUḌA SAHÌYA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

_ MAHÀ KÀLA MÀTṚGAṆA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

_ KÀPÀLIKA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

_ JAYA KARA , MADHU KARA , SARVÀTHA SÀDHANA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

_ CATUR BHAGINÌ KṚTÀṂ VIDYÀṂ CHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

_ BHṚṂ GIRITIKA , NANDIKE'SVARA , GAṆAPATI SAHÌYA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

_ NAGNA 'SRAMAṆA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

_ ARHANTA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

_ VÌTARÀGA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

_ VAJRAPÀṆI GUHYAKÀDHIPATI KṚTÀṂ VIDYÀṂ CHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

_ RAKṢA RAKṢA BHAGAVAṂ

_ BHAGAVAṂ SITÀTAPATRA NAMO STUTE

_ AṢITA DAR'SANA JVÀLITÀNALÀRKA PRABHA SPHUṬA VIKÀḤ SITÀTAPATRA _ JVALA JVALA_ DHAKA DHAKA_ DARA DARA_ VIDARA VIDARA_ CHIDA CHIDA_ BHIDA BHIDA _ HÙṂ HÙṂ _ PHAṬ PHAṬ _ SVÀHÀ

_ HEHE PHAT

_ HUHU PHAṬ

_ AMOGHAYA PHAṬ

_ APRATIHATAYA PHAṬ

_ VARA PRADAYA PHAṬ

_ ASURA VIDRÀVAṆA KARÀYA PHAṬ

_ SARVA DEVÌ GAṆEBHYAḤ PHAṬ

_ SARVA NÀGEBHYAḤ PHAṬ

_ SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAT

_ SARVA RÀKṢASEBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA GANDHARVEBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA ASUREBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA KIṂNAREBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA GARUḌEBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA PÙTANEBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA KAṬAPÙTANEBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA MAHORAGEBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA MANUṢYEBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA AMANUṢYEBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA PRETEBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA DURLAṂGHITEBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA DUṢPREKṢITEBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA JVAREBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA UNMÀDEBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA APASMÀREBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA KUMBHÀṆḌEBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA 'SRAMAṆEBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA GRAHEBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA TÌRTHIKEBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA VIDYÀ ÀCÀRYEBHYAḤ PHAṬ
_ JAYA KARA , MADHU KARA , SARVÀRTHA SÀDHANEBHYAḤ PHAṬ
_ SARVA VIDYÀ ÀCÀRYEBHYAḤ PHAṬ
_ CATUR BHAGINÌBHYAḤ PHAṬ
_ VAJRA KAUMARÌ VIDYÀ ÀCÀRYEBHYAḤ PHAṬ
_ MAHÀ PRATYAṄGIREBHYAḤ PHAṬ
_ VAJRA SAṂKALAYA MAHÀ PTATYAṄGIRI RÀJÀYA PHAṬ
_ MAHÀ KÀLÀYA PHAṬ
_ MAHÀ MÀTṚGAṆA NAMASKṚTÀYA PHAṬ
_ VARÀHÌYE PHAṬ
_ VAIṢṆAVÌYE PHAṬ
_ BRÀHMAṆÌYE PHAṬ
_ AGNÌYE PHAṬ
_ RUDRAYA PHAṬ
_ MAHÀ KÀLÌYE PHAṬ
_ MAHÀ KÀPÀLÌYE PHAṬ
_ KÀLA DAṆḌÌYE PHAṬ
_ AINDRÌYE PHAṬ
_ RAUDRÌYE PHAṬ
_ MÀTṚYE PHAṬ
_ CÀMUṆḌÌYE PHAṬ
_ RÀTRÌYE PHAṬ

_ KÀLA RÀTRÌYE PHAṬ
_ KÀPALÌYE PHAṬ
_ ADHIMUKTIKA 'SMA'SANA VÀSINÌYE PHAṬ

_ YE KE-CID SATTVA MAMASYA
_ DUṢṬA CITTÀ_ PÀPA CITTÀ _ RAUDRA CITTÀ _ VIDVEṢA CITTÀ _ AMITRA CITTÀ _ UTPÀDAYANTI , KÌLAYANTI , MANTRAYANTI , JÀPANTI , CHID HANTI
_ OJO HÀRÀ_ GARBHAHÀRÀ_ JÀTÀHÀRÀ _ JÌVITÀHÀRÀ _ RUDHIRÀHÀRÀ_ VASÀHÀRÀ _ MÀṂSÀHÀRÀ _ MEDHÀHÀRÀ_ _MAJJÀHÀRA_ BALYÀHÀRÀ_ GANDHÀHÀRÀ_ PUṢPÀHÀRÀ_ PHALÀHÀRÀ_ SASYÀHÀRÀ_ VÀNTÀHÀRÀ
_ YAKṢA GRAHÀ_ RÀKṢASA GRAHÀ_ PRETA GRAHÀ_ PI'SÀCA GRAHÀ_ BHÙTA GRAHÀ_ PÙTANA GRAHÀ _ KAṬAPÙTANA GRAHÀ _KUṂBHÀṆḌA GRAHÀ_ SKANDA GRAHÀ_ UNMÀDA GRAHÀ_ APASMÀRA GRAHÀ_ CHÀYÀ GRÀHÀ _ ḌÀKA ḌÀKIṆÌ GRAHÀ_ REVATI GRAHÀ_ JAMIKA GRAHÀ_ 'SAKUNI GRAHÀ_ MÀTṚNANDI GRAHÀ _ AMBÀ GRAHÀ _KAṆṬHAPÀṆINI GRAHÀ
_ JVARÀ EKÀHIKÀ_ DVAITÌYAKÀ _ TRATÌYAKÀ _ CÀTURTHAKÀ_ NITYA JVARA
_ VIṢAMA JVARÀ _ VÀTIKÀ_ PAITTIKÀ_ 'SLAIṢMIKÀ_ SÀṂNIPÀTIKÀ _ SARVA JVARÀ_ SARVA ROGA _ 'SIRORTI_ ARDHÀVABHEDAKA_ AROCAKA_ AKṢI ROGAṂ_ MUKHA ROGAṂ_ HÀṚDA ROGAṂ_ GALA GRAHAṂ _ KARṆA 'SÙLAṂ_ DANTA ‘SULAṂ _ HṚDAYA ‘SULAṂ _ MARMAN 'SÙLAṂ_ PÀR'SVA 'SÙLAṂ_ PṚṢṬHA 'SÙLAṂ_ UDARA 'SÙLAṂ_ KAṬI 'SÙLAṂ_ VASTI 'SÙLAṂ_ ÙRU 'SÙLAṂ_ NAKHA ‘SULAṂ _ HASTA 'SÙLAṂ_ PÀDA 'SÙLAṂ_ SARVA AṄGA PRATYAṄGA 'SÙLAṂ
_ BHÙTA VETÀḌA_ ḌAKA ḌÀKIṆÌ
_ JVARA_ DADRU _ KAṆḌU_ KIṬI BHA , LÙTÀ_ VAISARPA - LOHÀ_ LIṄGA_ 'SAṢṬRA_ SAṂGARA
_ VIṢAYOGA_ AGNI_ UDAKA_ MÀRA - VAIRAKÀNTÀRA_ AKÀLA MṚTYU
_ TRYAMBUKA_ TRAILÀṬAKA_ VṚ'SCIKA_ SARPA_ NAKULA_ SIṂHA_ VYAGHRA_ ṚKṢA_ TARAKṢA_ MṚGA_ SVAD PARAJÌVA
_ TEṢÀṂ SARVEṢÀṂ_ SITÀTAPATRE MAHÀ VAJROṢṆÌṢA MAHÀ PRATYAṄGIRÌ
_ YÀVAD DVÀDA'SA YOJANA ABHYANTAREṆA
_ SÌMÀ BANDHAṂ KAROMI
_ DI’SÀ BANDHAṂ KAROMI
_ PARAVIDYÀ BANDHAṂ KAROMI
_ TEJO BANDHAṂ KAROMI
_ HASTA BANDHAṂ KAROMI

_ PÀDA BANDHAṂ KAROMI

_ SARVA AṄGA PRATYAṄGA BANDHAṂ KAROMI

_ TADYATHÀ : **OṂ_ ANALE ANALE _ VI'SADE VI'SADE_ VÌRA VAJRADHARA_ BANDHA BANDHA _ BANDHANI BANDHANI_ VAJRAPÀṆI PHAṬ_ HÙṂ ṬRÙṂ PHAṬ_ HÙṂ HÙṂ HÙṂ _ PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ _ SVÀHÀ**

NAMAḤ SARVA TATHÀGATÀYA SUGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA SIDHYANTU MANTRA PADANI SVÀHÀ

TADYATHÀ : OṂ ÀVÌRE ÀVÌRE , ASAME ASAME, VÌRA VÌRA , SUME SUME , SARVA BUDDHA ADHIṢṬHÀNA ADHIṢṬHITE , SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRE HÙṂ HÙṂ SVÀHÀ

HÙṂ MAMA HÙṂ MAṆI SVÀHÀ

Sưu tập từ trang web www.siddham-sanskrit.com

22/03/2006

Mật Tạng Bộ 2 _ No.945 (Tr.133_ Tr.136)

ĐẠI PHẬT ĐỈNH NHƯ LAI
PHÓNG QUANG TẤT ĐÁT ĐA BÁT ĐÁT LA
BỒ TÁT VẠN HẠNH PHẨM
QUÁN ĐỈNH BỘ LỤC XUẤT NHẤT DANH:
TRUNG ẤN ĐỘ NA LAN ĐÀ MAN TRÀ LA
QUÁN ĐỈNH KIM CƯƠNG ĐẠI ĐẠO TRƯỜNG THẦN CHÚ

Hán dịch : Đời Đường_ Thiên Trúc Sa Môn BÁT LẠT MẬT ĐẾ
Việt dịch : HUYỀN THANH

I _

1) Nam mâu tát đát tha tô già đá gia (Quy mệnh tất cả chư Phật)

2) A la ha đế tam miệu tam bồ đà gia (Quy mệnh tất cả Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác)

3) Ná mâu tát bà bột đà (Kính lễ tất cả chư Phật)

4) Bột đà tát đá phệ (Quy mệnh Bồ Tát tỳ gia)

5) Ná mâu táp đá nẫm tam miệu tam bồ đà câu chi nẫm (Kính lễ Chính Biến Tri)

6) Tát thất la bá ca tăng già nẫm (Kính lễ Bích Chi Phật và Bậc thuộc 4 quả)

7) Ná mâu lô kê a la hát đá nẫm (Quy mệnh A La Hán Đẳng Chúng)

8) Ná mâu tát lỗ đá bán na nẫm

9) Ná mâu tắc yết-lị đà già di nẫm (Kính lễ Tư Đà Hàm, A Na Hàm Chúng)

10) Ná mâu lô kê tam miệu già đá nẫm (Kính lễ quá khứ vị lai)

11) Ná mâu tam miệu bát-la để bán na nẫm

12) Ná mâu đề bà lị sử nẫm (Kính lễ 33 Thiên với tất cả hàng Thiên Tiên)

13) Ná mâu vi tất đà già vi địa-dã đà la nẫm (Kính lễ Chú Tiên)
14) Ná mâu tất đà vĩ địa-dã đà la, lật sử nẫm (Kính lễ người trì Chú thành tựu)
15) Xá ba noa yết la ha sa ha ma la-đà nẫm (Nhiếp ác tác thiện)
16) Ná mâu bá-la ha-ma nê (Quy mệnh Phạm Thiên)
17) Ná mâu nhân đà-la gia (Quy mệnh Đế Thích)
18) Ná mâu bà già phộc đế (Quy mệnh Thế Tôn)
19) Lỗ đà-la gia (Đại Tự Tại Thiên)
20) Ô ma bát để (Thiên Hậu) Sa hê dạ gia (Với hàng quyến thuộc)
21) Ná mâu bà già phiệt đế (Thế Tôn)
22) Na la diên noa gia (Địa Kỳ Chúng)
23) Bán giá ma ha một đà la (Đại Ấn)
24) Ná mâu tắc khất-lị đa gia (Đỉnh lễ Thế Tôn)
25) Ná mâu bà già phiệt đế , ma ha ca la gia (Đại Hắc Thiên Thần)
26) Để-lị bổ la na già la (cái thành)
27) Tỳ đà la bá noa, ca la gia (Phá hoại)
28) A địa mục đa ca, thi ma xá na, phộc tất bệ (Trong rừng Thi Đà)
29) Ma đát-lị già noa (Chúng Quỷ Thần)
30) Ná mâu tắc khất-lị đa gia
31) Ná mâu bà già phiệt đế, đát tha yết đa, câu la gia (Như Lai Tộc)
32) Ná mâu bát đầu-ma , câu la gia (Quy mệnh Liên Hoa Tộc Bồ Tát Đẳng)
33) Ná mâu phiệt chiết la, câu la gia (Quy mệnh Kim Cương Tộc)
34) Na mâu ma ni, câu la gia (Quy mệnh Bảo Tộc)
35) Ná mâu già xà , câu la gia (Quy mệnh Chúng Tộc)
36) Ná mâu bà già phiệt đế
37) Địa-lị trà thâu la tây na
38) Bát-la ha la noa, la xà gia (Đại mãnh tướng đều cầm khí trượng nhập vào)
39) Đát tha yết đa gia (Như Lai)
40) Ná mâu bà già phiệt đế
41) A di đà bà gia (Vô Lượng Thọ Phật)
42) Đát tha yết đa gia
43) A la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia (Ứng Chính Đẳng Giác)
44) Ná mâu bà già phiệt đế
45) A sô bệ dã (A Súc Như Lai)
46) Đát tha yết đa gia
47) A la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia
48) Ná mâu bà già phiệt đế
49) Tỳ sa xà câu-lỗ phệ lưu ly lị gia (Dược Sư Như Lai)
50) Bát-la bà , la xà gia (Quang Vương)
51) Đát tha yết đa gia
52) A la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia
53) Ná mâu bà già phiệt đế
54) Tam bố sắt tất đa sa la, la xà dạ (Sa La Hoa Vương)

55) Đát tha yết đa gia
56) A la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia
57) Ná mâu bà già phiệt đế
58) Xá chỉ-dã mẫu ná duệ (Thích Ca Mâu Ni Phật)
59) Đát tha yết đa gia
60) A la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia
61) Ná mâu bà già phiệt đế
62) Đát la na, câu tô ma (Bảo Hoa)
63) Kê bộ, la xà gia (Bảo Tràng Vương)
64) Đát tha yết đa gia
65) A la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia
66) Ná mâu tắc khất-lị đa bá, ế ma hàm, bà già phiệt đa
67) Tát đát tha yết đô, ô sắt ni sam (Như Lai Phật Đỉnh)
68) Tất đát đa bát đát-lam (Hoa Cái)
69) Ná mâu a ba la chi đan (Kính lễ Thị Thần Thắng)
70) Bát la đặng nghi la
71) Tát phộc bộ đa yết-la ha, ca la ni (Tất cả Thần Chúng tác phạt)
72) Bà la vi địa-dã, chế đà nễ (Hay cắt đứt Chú khác)
73) A ca la muội-lị trú (Hoạnh tử, chết đột ngột)
74) Ba lị đát la gia na, yết lị
75) Tát phộc bạn đà na, mạo khất xoa na, ca lị (Giải thoát tất cả cấm đoán trói buộc)
76) Tát phộc đột sắt-tra (Trừ tất cả ác)
77) Đột sa bát na , nễ phộc la ni (mộng ác)
78) Giả đô la thất để nẫm (8 vạn 4 ngàn Chúng Thần)
79) Yết la ha, sa ha sa la nẫm
80) Vi đà phòng sa na, yết lị (đánh phá)
81) A sắt tra băng thiết để nẫm
82) Nhược sắt tra nẫm
83) Bát-la sa đà na, yết lị (Chính hành) A sắt-tra nẫm
84) Ma ha yết la ha nẫm (Thần)
85) Vĩ đà-phòng tát na, yết lị (đánh phá)
86) Tát phộc xá đô-lỗ , nễ phộc la ni (Trừ tất cả ác)
87) Cự la nẫm
88) Đột thất-phạp bát ná nan, giá na xá ni (Trừ khước nghiêm ác)
89) Tỳ sa, thiết tát đát la (Khí trượng)
90) A kỳ ni (lửa)
91) Ô đà ca, la ni (nước)
92) A ba la thị đa, cụ la (Vô năng thắng nghiêm)
93) Ma ha bạt la chiến noa (Sân nộ)
94) Ma ha đề đá (Hỏa Thiên)
95) Ma ha đế xà (Đại uy)
96) Ma ha thuế-vĩ đa (Thái Bạch)
97) Thập-phạt la (Quang diễm)

98) Ma ha bạt la (Đại lực)
99) Báb trà la, phộc tất nễ (Bạch Phất)
100) A lị gia đa la (Thánh Giả)
101) Tỳ-lị câu tri, chế phộc tỳ xà gia (Tối Thắng Bồ Tát)
102) Phiệt chiết-la, ma lễ để, tỳ thâu lỗ đa (Tồi Toái Kim Cương)
103) Bát đạp võng ca (Giáng phục)
104) Bạt chiết la, nhi ha phộc giả (Kim Cương Lực Sĩ)
105) Ma ha chế phộc (Tùy nhất toại)
106) Bát la thất đa (Kim Cương Thần Xử : Cái chày của thần Kim Cương)
107) Bạt chiết-la đàn trì (Kim Cương Thần Xử)
108) Tỳ xá la ma giá (Thiên Thần Lực Sĩ)
109) Phiến đa, xá tỳ đề phộc, bồ thất đa, tô ma lỗ ba (Sân Thần, Nhật Nguyệt Thiên Tử với 28 Tú)
110) Ma ha thuế-vĩ đa (Thái Bạch Tinh)
111) A lị gia đa la
112) Ma ha bạt la, a ba la
113) Bạt chiết-la thương khư yết la, chế bà (Kim Cương Liên Tỏa)
114) Đát tha (Thiên) bạt chiết la câu ma lị ca (Kim Cương Đồng Nữ)
115) Câu lam tha lị (Kim Cương đồng tử)
116) Bạt chiết la, ha tát-đá giả (Kim Cương Thủ)
117) Vĩ địa ca (Đại Minh Chú Tạng)
118) Càn giá na, ma lị ca (Tứ Thiên Vương Thái Tử)
119) Câu tô bà, hát la đát la đát na
120) Tỳ lỗ giá na, na câu lị gia
121) Thao viêm dạ la, ô sắt-ni sa (Phật Đỉnh)
122) Tỳ chiết lam bà ma la giá (La Sát Thần Nữ)
123) Bạt chiết la, ca na ca (Kim Cương Sứ Giả)
124) Bát-la bà, kỳ giá na (Phủng Hoa Thần Chúng : Chúng Thần dâng hoa)
125) Bạt chiết-la đơn ni giá (Kim Cương nâng núi)
126) Thuế vĩ đa giá, ca ma la khất-xoa
127) Xá thí, bát-la bà, ế đế di đế (Nhóm như vậy)
128) Mẫu đà-la ni yết noa (Chúng Ấn)
129) Sa phệ, sa khất-sám (tất cả hộ cho tôi)
130) Câu la-phạn đô. Ấn thố na mạ mạ (Tôi, tên là…) na tả (Người tụng chú đến chỗ này đều tự xưng tên)

II _

131) Ô-hồng, mâu lị-sắt, yết noa (Tiên Chúng)
132) Bát-la xá tát đa (Thiện Tướng)
133) Tát đát tha yết đô (tất cả Như Lai)
134) Ô sắt ni sá
135) Hô-hồng, đốt-lỗ-hồng
136) Chiêm bà na (Áp lãnh)
137) Hô-hồng, đốt-lỗ-hồng
138) Tát đam bà na (Trấn hộ)

139) Hô hồng, đốt-lỗ-hồng
140) Bà la vi địa dã, tam bà khất xoa na la
141) Hô-hồng, đốt-lỗ-hồng
142) Tát bà bộ sắt tra nẫm
143) Tắc đàm bà na, yết la (Khiết khước tha Chú)
144) Hô-hồng, đốt-lỗ-hồng
145) Tát phộc dược xoa (Dũng mãnh)
146) Hát la sát sa, yết la ha nẫm
147) Vĩ đà phòng sa na, yết la (đánh phá)
148) Hô-hồng, đốt-lỗ-hồng
149) Giả đô la thi để nẫm
150) Yết la ha, sa ha sa la nẫm (8 vạn 4 ngàn Thần Vương Chúng)
151) Tỳ đà phòng sa na, yết la
152) Hô-hồng, đốt-lỗ-hồng
153) A sắt-tra vi ma xá đế nẫm
154) Na khư sa đát la nẫm
155) Sa la ma đà na, già la
156) Hô-hồng, đốt-lỗ-hồng
157) La sát, la sát (Được tất cả chư Phật, Bồ Tát, Kim Cương, Thiên Tiên đều hộ giúp)
158) Bạc già phạm (Phật)
159) Tát đát tha yết đô, ô sắt ni sa (Phật Đỉnh)
160) Bát la đăng nghi lị
161) Ma ha , tát ha tát la, bộ nhi (Thiên Tý Đại Thần : Vị thần có 1000 tay)
162) Sa ha sa la, thất sái (Thiên Đầu : 1000 cái đầu)
163) Câu chi, xá đa, sa ha tát la, ninh đát lê (Bách Thiên Nhãn Thần : Vị Thần có một trăm ngàn con mắt)
164) A bệ địa dã, thập phộc lị đa na tra ca
165) Ma ha bạt chiết lỗ đà la (Đại Luân Kim Cương)
166) Đế lị tát phộc na (Tam Thế : 3 đời)
167) Man trà la (Đàn Trường)
168) Ô hồng, sa tất để
169) Bạc bà đô (Cùng tôi bình đẳng)
170) Ấn thố ma ma (Tôi, tên là…)

III _

171) La xà, bà giạ (Nạn vua chúa)
172) Chủ la, bà dạ (Nạn giặc cướp)
173) A kỳ ni, bà dạ (Nạn lửa)
174) Ô đà ca, bà dạ (Nạn nước)
175) Phệ sa, bà dạ (Nạn chất độc)
176) Xá tát đa la, bà dạ (Nạn dao gậy)
177) Ba la chước yết la, bà dạ (Nạn quân binh)
178) Đột lật xoa, bà dạ (Nạn đói khát mất mùa)
179) A xá nễ, bà dạ (Nạn mưa đá)

180) A ca la, mật lật thú, bà dạ (Nạn chết đột ngột, hoạnh tử)
181) A đà la ni, bộ di, kiếm ba (Tổng trì địa động, động đất)
182) Già ba đá, ba dạ (Nạn nguy hiểm)
183) Ô la la ca ba đa, bà dạ (Nạn đường xá)
184) La xà đàn trà, bà dạ (Nạn hình phạt của vua chúa)
185) Na già, bà dạ (Nạn Rồng gây sợ hãi)
186) Vi địa du, bà dạ (Nạn sét đánh)
187) Tô bạt lật ni, bà dạ (Nạn Kim Xí Điểu)
188) Dược xoa, yết la ha
189) La sát sa, yết la ha
190) Tất lị đá, yết la ha (Quỷ đói)
191) Tỳ xá già, yết la ha (Thần nhà xí)
192) Bộ đa, yết la ha (Chúng Thần Quỷ)
193) Cưu bàn trà, yết la ha (Thủ Cung Phụ Nữ Quỷ)
194) Bố đan na, yết la ha (Quỷ hôi thối)
195) Yết tra bố đan na, yết la ha (Quỷ hôi thối lạ lùng)
196) Tắc kiền đà, yết la ha (Cưu Ma La Thiên đồng tử)
197) A bà sa ma la, yết la ha (Quỷ đầu dê)
198) Ô đàn ma đà, yết la ha (Nhiệt Quỷ)
199) Xa gia, yết la ha (Ảnh Quỷ : Quỷ hớp bóng)
200) Lô bà để, yết la ha (Ám Mưu Quỷ)
201) Xà để ha lị ni (Thực Sơ Sản Quỷ : Quỷ ăn thứ vừa mới sinh đẻ)
202) Yết la bà ha lị bệ (Quỷ ăn bào thai)
203) Lô địa la hạ lị ni (Quỷ ăn máu huyết)
204) Mãng sa ha lị ni (Quỷ ăn thịt)
205) Kế đà hạ lị ni (Quỷ ăn mỡ)
206) Ma xà hạ lị ni (Quỷ ăn tủy)
207) Xà đa hạ lị ni (Quỷ ăn khí)
208) Thị phệ đá ha lị ni (Quỷ ăn thọ mệnh)
209) Bà đa hạ lị ni (Quỷ ăn Phong Khí)
210) Bá đa ha lị nẫm, a du già ha lị ni (Quỷ ăn thứ Bất Tịnh)
211) Chất đa ha lị ni (Quỷ ăn trái tim)
212) Đế sam, tát tỳ sam (Chúng đẳng như vậy)
213) Tát phộc yết la ha nẫm (tất cả Chấp Thần Quỷ)
214) Tỳ địa dã (Minh Chú Tạng)
215) Sân đà dạ di (Trảm phạt tội giả : Chém phạt tội lỗi)
216) Chỉ la dạ di (Đoạn Phạt : Chặt đứt trừng phạt)
217) Ba lị bạt la chước ca la (Ngoại Đạo)
218) Khất-lị chiêm, vĩ địa dã (Minh Chú Tạng)
219) Sân đà dạ di
220) Chỉ la dạ di
221) Trà chỉ ni (Hồ Mỵ Quỷ)
222) Khất-lị chiêm, vi địa dã (Minh Chú)
223) Sân đà dạ di, chỉ la dạ di

224) Ma ha bát thâu để dạ
225) Lô đà la (Đại Tự Tại Thiên)
226) Khất lị đam, vi địa dã
227) Sân đà dạ di, chỉ la dạ di
228) Na la gia noa gia (Thiên Thần)
229) Khất lị đam, vi địa dã (Minh Chú)
230) Sân đà dạ di, chỉ la dạ di
231) Đát đát phộc già lỗ trà (Kim Xí Điểu Vương)
232) Khất-lị đam, vi địa dã
233) Sân đà dạ di, chỉ la dạ di
234) Ma ha ca la (Đại Hắc Thiên Thần)
235) Ma đát la già noa, khất lị đam, vi địa dã
236) Sân đà dạ di, chỉ la dạ di
237) Ca ba lị ca (Độc Lâu Ngoại Đạo)
238) Khất lị đam, vi địa dã
239) Sân đà dạ di, chỉ la dạ di
240) Xà dạ yết la
241) Mạn độ yết la
242) Tát bà la tha sa đạt ni (Cầm giữ tất cả vật)
243) Khất lị đam, vi địa dã
244) Sân đà dạ di, chỉ la dạ di
245) Giả đô lật bạc kỳ ni (Chị em Thần Nữ)
246) Khất lị đam, vi địa dã
247) Sân đà dạ di
248) Chỉ la dạ di
249) Ngu nghi lị tri (Đấu Chiến Thắng Thần với Khí Trượng)
250) Nan ni (Ngoại Đạo) Kê thủ bà la (Khổng Tước Vương Khí trượng)
251) Già na bát để (Tỳ Na Dạ Ca Vương)
252) Sa hê dạ (Anh em Dã Xoa Vương, 2 người đều lãnh 28 vạn chúng)
253) Khất lị đam, vĩ địa dã
254) Sân đà dạ di
255) Chỉ la dạ di
256) Na diên na, thất la bà noa (Khỏa Hình Ngoại Đạo)
257) Khất lị đam, vi địa dã
258) Sân đà dạ di
259) Chỉ la dạ di
260) A la ha đa (La Hán)
261) Khất lị đam, vi địa dã
262) Sân đà dạ di
263) Chỉ la dạ di
264) Vĩ đát la ca (Khởi Thi Quỷ)
265) Khất lị đam, vi địa dã
266) Sân đà dạ di
267) Chỉ la dạ di

268) Bạt chiết la ba nễ (Chấp Kim Cương Thần)
269) Bạt chiết la ba ni
270) Cụ hê dạ ca (Mật Tích Lực Sĩ)
271) Địa bát để (Tổng Quản)
272) Khất lị đam, vi địa dã
273) Sân đà dạ di, chỉ la dạ di
274) La xoa, la xoa võng (Tất cả chư Phật, Bồ Tát, Thiên Tiên, Long Thần Phương … hộ giúp)
275) Bạc già phạm
276) Ấn thố na ma ma na tả (Tôi, tên là ….)

IV _

277) Bạc già phạm, tát đát tha yết đô , ô sắt ni sa
278) Tất đát đa bát đát la (Hoa Cái)
279) Nam vô tốt đô đê (Đỉnh lễ)
280) A tất đa na la la ca (Ánh sáng trắng rõ ràng)
281) Bát la bà, tỳ tát phổ tra
282) Tỳ ca tất đát đa
283) Bát để lị
284) Thập phộc la, thập phộc la (Quang diễm : Lửa tỏa ánh sáng)
285) Đà la, đà la
286) Tần đà la, tần đà la
287) Sân đà, sân đà
288) Hàm hồng, hàm hồng
289) Phán, phán, phán
290) Phán tra, phán tra
291) Sa bá ha
292) Hê hê, phán
293) A mâu già gia, phán (Bất Không Đại Sứ)
294) A bát la để ha đa, phán (Không có chướng ngại)
295) Bá la bát la đà, phán (Dữ nguyện)
296) A tố la, tỳ đà la bá ca (Tu La phá bại)
297) Tát bá đề phệ tệ, phán (Tất cả Thiên Thần)
298) Tát bá na na ca bệ, phán (Tất cả chúng Rồng)
299) Tát bá dược xoa tệ, phán (Tất cả Quỷ Thần dũng mãnh)
300) Tát bá càn đạt bà tệ, phán (Tất cả Thần âm nhạc)
301) Tát bá a tố la tệ, phán
302) Tát bá yết lỗ trà tệ, phán
303) Tát bá khẩn na la tệ, phán
304) Tát bá ma hộ la già tệ, phán
305) Tát bá la sát sa tệ, phán
306) Tát bá ma nỗ sái tệ, phán
307) Tát bá a ma nỗ sái tệ, phán
308) Tát bá bố đan na tệ, phán
309) Tát bá ca tra bố đan na tệ, phán

310) Tát bá đột lan chỉ đế tệ, phán (Tất cả Ly Quá)
311) Tát bá đột sắt tra tất lị khất sử đế tệ, phán
312) Tát bá thập bá lê tệ, phán (Tất cả ngược tráng nhiệt)
313) Tát bá a ba la ma lệ tệ, phán (Tất cả Ngoại Đạo xuất)
314) Tát bà xa la bá noa tệ, phán
315) Tát phộc để lật sỉ kê tệ , phán
316) Tát bồ đát đa đề tệ, phán (Tất cả Nộ Quỷ)
317) Tát bá vi địa dã, la thệ già lê tệ, phán (Tất cả hàng Trì Chú Bác Sĩ)
318) Xa gia yết la, ma độ yết la
319) Tát bà la tha sa đà kê tệ, phán (Tất cả vật Trì Chú Bác Sĩ)
320) Vi địa dã, già lê duệ tệ, phán
321) Giả đốt la nam bạc kỳ nễ tệ, phán (4 chị em Thần Nữ)
322) Bạt chiết la, câu ma lị ca tệ, phán (Kim Cương Đồng Tử)
323) Bạt chiết la, câu lam đà lợi tệ, phán
324) Vi địa dã, la xà tệ, phán (Chú Vương Đẳng)
325) Ma ha bát la đăng kỳ sái tệ, phán
326) Bạt chiết la, thương yết la dạ, phán (Kim Cương Liên Tỏa)
327) Bát la đăng kỳ la, la xà gia, phán
328) Ma ha yết la ca, phán (Đại Hắc Thiên Thần)
329) Ma ha ma đát-lị già noa gia, phán (Chúng Quỷ)
330) Ná mâu tắc yết-lị đa gia, phán
331) Tỳ sắt noa vĩ duệ, phán (Tỳ Nữu Thiên Tử)
332) Bá la hàm ma ni duệ, phán
333) A kỳ ni duệ, phán (Hỏa Thiên)
334) Ma ha ca lị duệ, phán (Đại Hắc Thiên Nữ)
335) Ca la đàn trì duệ, phán (Đại Quỷ Súy Hắc Áo Thần)
336) Miệt ni lị duệ, phán (Đế Thích)
337) Giá văn trì duệ, phán (Nộ Thần)
338) Lao đát lị duệ, phán (Sân Nộ Thần)
339) Ca la đát lị duệ, phán
340) Ca ba lệ duệ, phán
341) A địa mục chỉ đa ca, thi ma xá na, bá tất nễ duệ, phán

V _

342) Duệ kế giả noa, tát đát tát đát bá (Nếu có chúng sinh)
343) Đột sắt tra, chất đa (Ác Tâm Quỷ)
344) Lao trì la, chất đa
345) Ô xà ha la (Thực Tinh Khí Quỷ)
346) Yết bà ha la (Thực Thai Tạng Quỷ)
347) Lao địa la ha la (Thực Huyết Quỷ)
348) Mãng sa ha la (Thực Nhục Quỷ)
349) Ma xã ha la (Thực Sản Quỷ)
350) Xã đa ha la
351) Thị vi đa ha la (Thực Thọ Mệnh Quỷ)
352) Bá lược gia ha la (Thực Tế Quỷ : Quỷ ăn đồ cúng tế)

353) Kiến đà ha la (Thực Hương Quỷ)
354) Bố sắt ba ha la (Thực Hoa Quỷ)
355) Phá la ha la (Thực Ngũ Quả Quỷ)
356) Tát bả ha la (Thực Ngũ Cốc Chủng Tử)
357) Bạ ba chất đa, đột sắt tra chất đa (Ác Tâm Quỷ)
358) Lao đà la, chất đa (Sân Tâm Quỷ)
359) Đà la chất đa, dược xoa yết la ha
360) La sát sa, yết la ha
361) Bế lệ đa yết la ha, tỳ xá già yết la ha
362) Bộ đa ,yết la ha (Chúng Thần)
363) Cưu bàn trà, yết la ha
364) Tắc kiền đà, yết la ha
365) Ô đát ma đà, yết la ha
366) Xa dạ , yết la ha (Ảnh Quỷ)
367) A ba sa ma la, yết la ha (Quỷ đầu dê như chồn hoang)
368) Trạch ca, trà thi ni, yết la ha (Mỵ Quỷ, Mỵ Nữ Quỷ)
369) Lê bà để, yết la ha (Não Nhi Quỷ như con chó)
370) Xà nhĩ ca, yết la ha (Như Điểu Quỷ)
371) Xá câu ni, yết la ha (Như Mã Quỷ)
372) Mạn đát la nan đề ca , yết la ha (Như Miêu Quỷ)
373) A lam bá , yết la ha (Như Xà)
374) Ha nô kiến độ ba ni, yết la ha (Như Kê)
375) Thập bá la (Phi Nhiệt Bệnh Quỷ) ế ca kê ca (1 ngày sốt rét 1 lần) đức phệ để ca (2 ngày phát bệnh 1 lần) đế lị đế dược ca (3 ngày phát bệnh 1 lần)
376) Chiết đốt lật tha ca (4 ngày phát bệnh 1 lần)
377) Ni đề thập bá la (Thường Tráng Nhiệt Quỷ)
378) Tỳ sa ma thập bá la (Tráng Nhiệt Quỷ)
379) Bá đề ca (Phong bệnh) Bối đề ca (Hoàng Bệnh Quỷ)
380) Thất lễ sắt di ca (Đàm bệnh)
381) Sa nễ ba để ca (Lỵ bệnh : bệnh kiết lỵ)
382) Tát bá thập bá la (Tất cả tráng nhiệt : nóng sốt cao)
383) Thất lỗ hát la để (Đầu Thống : Đầu bị đau nhức)
384) A la đà bá đế (Bán Đầu Thống : Đau nhức nửa bên đầu)
385) A khất sữ lô kiếm (Cơ Bất Thực Quỷ)
386) Mục khư lô kiềm (Đau miệng)
387) Yết lị đột lô kiềm (Yết Hầu Đông Quỷ)
388) Yết la ha du lam (Bệnh đau nhức thân)
389) Yết noa du lam (Đau tai)
390) Đàn đa du lam (Đau răng)
391) Hiệt lị đà gia du lam (Đau tim)
392) Mạt ma du lam
393) Bạt la thất bà du lam (Đau hông sườn)
394) Bối lị sắt tra du lam (Đau lưng)
395) Ô đà la du lam (Đau bụng)

396) Đàn tri du lam (Đau eo lưng)
397) Bả tất đế du lam (Đau xương mắt cá chân)
398) Ô lô du lam (Đau bắp chân)
399) Thường già du lam (Đau cổ tay)
400) Hát tát đa du lam (Đau bàn tay)
401) Ba đà du lam (Đau bàn chân)
402) Tần già bát la đăng du lam (Đau nhức lóng của 4 chi)
403) Bộ đa phệ đát trà (Khởi Thi Quỷ)
404) Trà kỳ ni (Mỵ Quỷ)
405) Thập bá la, đà đột lô kiến nữu
406) Cát tri (Hồ Mỵ) Ba lộ đa (Đinh sang)
407) Phệ tát la ba lỗ ha (Xâm dâm sang) Lăng già (Xích sang)
408) Du sa đa la , sa na ca la , tỳ sa dụ ca
409) A thị ni (Lửa) ô đà ca (Nước) Ma la phệ la kiến đa la
410) A ca la, mật lật trú (Hoạng tử : Chết đột ngột)
411) Đát lệ bộ ca, địa lị la tra tỳ thất chi ca (Loài trùng)
412) Tát ba la (Rắn)
413) Na câu la (Cọp sói)
414) Tăng già (Sư tử)
415) Phệ tha yết la (Đại Trùng)
416) Đát khất xoa (Gấu heo)
417) Đát la khất xoa mạt la (Gấu ngựa) Thị bá đế sam (Nhóm này)
418) Tát tỳ sam, tát tỳ sam (Tất cả điều nói đây)
419) Tất đát đa bát đát la (Hoa Cái)
420) Ma ha bạt chiết lỗ (Đại Kim Cương Tạng)
421) Sắt ni sam, ma ha bát la đăng kỳ lam
422) Dạ bà đỏa đà xá dụ xã na (Cho đến 12 Do Tuần thành Giới Địa)
423) Tiện đát lệ noa, tỳ địa dạ, bạn đà, ca lỗ nhĩ (Đại Minh Chú của Ta kết giới cấm phộc trong 12 Do Tuần không cho vào)
424) Đế thù, bạn đà, ca lỗ nhĩ (Phật Đỉnh Quang Tụ kết phộc, chẳng được vào trong Giới)
425) Ba la vĩ địa dã, bạn đà, ca lỗ nhĩ (Hay cột trói tất cả Quỷ Thần ác)
426) Đát điệt tha (Liền nói Chú là)
427) **Án**
428) **A na lệ, tỳ xá đề**
429) **Bệ la**
430 **) Bạt chiết la**
431) **A lị bàn đà**
432) **Tỳ đà nễ**
433) **Bạt chiết la ba ni, phán**
434) **Hô-hồng**
435) **Đốt-lỗ-hồng**
436) **Sa bá ha**

437) **Án, hồng**
438) **Tỳ lỗ đề**
439) **Sa bá ha**

18/01/1999

Mật Tạng bộ 2 - No. 945 (Tr. 133 _ Tr.136)

ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ

(Bản ghi trong Kinh Lăng Nghiêm của Ngài Bát Lạt Mật Đế)

*) Phục hồi và dịch nghĩa Phạn Văn : HUYỀN THANH

I. HỘI THỨ NHẤT :

_ NAMO STATHÀGATÀYA SUGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_ NAMAḤ SARVA BUDDHÀ BODHISATVEBHYAḤ

Quy mệnh tất cả Phật Bồ Tát Đẳng

_ NAMO SAPTÀNÀṂ SAMYAKSAṂBUDDHA KOṬINÀṂ_ SA'SRÀVAKA SAṂGHÀNÀṂ

Quy mệnh bảy ức (700 Triệu) Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng

_ NAMO LOKE ARHANTÀNÀṂ

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

_ NAMO SROTÀPANNÀNÀṂ

Quy mệnh chúng Dự Lưu Quả

_ NAMO SUKṚTÀGÀMÌNÀṂ

Quy mệnh chúng Nhất Lai Quả

NAMO ANÀGAMÌNÀṂ

Quy mệnh Chúng Bất Hoàn Quả

_NAMO LOKE SAMYAGGATÀNÀṂ SAMYAKPRATIPANNÀNÀṂ

Quy mệnh chúng đạt bốn Quả và Chúng đạt bốn Hướng trong Thế Gian

_ NAMO DEVA ṚṢÌṆÀṂ

Quy mệnh chúng Thiên Tiên

_ NAMO SIDDHA VIDYÀDHÀRÀNÀṂ

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh

_ NAMO SIDDHA VIDYÀDHÀRA ṚSÌṆÀṂ_ 'SAPÀNU GRAHÀ SAHASRA MATHÀNÀṂ

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên với chúng Nhiếp Ác Tác Thiện

_ NAMO BRAHMAṆE

Quy mệnh chúng Phạm Thiên

_ NAMO INDRÀYA

Quy mệnh chúng Đế Thích Thiên

_ NAMO BHAGAVATE RUDRÀYA UMÀPATÌ SAHEYÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Ô Ma Phi với hàng quyến thuộc

_ NAMO BHAGAVATE NÀRAYAṆÀYA PAṂCA MAHÀ MUDRA AKÀMAPUTRA NAMASKṚTÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô Ái Tử

_ NAMO BHAGAVATE MAHÀ KÀLÀYA TṚPURA NAGARA VIDARAPAṆA KÀRÀYA_ ADHIMUKTIKA 'SMA'SANA VASINI MÀTṚGAṆA NAMASKṚTÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi kính lễ của chúng Quỷ Mẫu

_ NAMO BHAGAVATE TATHÀGATÀ KULÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

_ NAMO PADMA KULÀYA

Quy mệnh Liên Hoa Bộ Tộc

_ NAMO VAJRA KULÀYA

Quy mệnh Kim Cương Bộ Tộc

_ NAMO MAṆI KULÀYA

Quy mệnh Bảo Bộ Tộc

_ NAMO GARJA KULÀYA

Quy mệnh Khố Tàng Bộ Tộc

_ NAMO BHAGAVATE DṚḌHA 'SURASENA PRAHARAṆA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kích Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_ NAMO BHAGAVATE AMITÀBHÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_ NAMO BHAGAVATE AKṢOBHYÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_ NAMO BHAGAVATE BHAIṢAIJYA GÙRU VAIḌURYA PRABHA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_ NAMO BHAGAVATE SAṂPUṢPÌTÀ SÀLENDRA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_ NAMO BHAGAVATE 'SÀKYAMUṆÀYE TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_ NAMO BHAGAVATE RATNA KUSUMA KETU RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_ EBHYO NAMAḤSKṚTVA

Kính lễ các Đẳng ấy xong rồi

_ IDÀṂ BHAGAVATE , STATHÀGATA UṢṆÌṢA , SITÀTAPATRAṂ NAMAḤ

Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này

_ APARÀJITAṂ PRATYUṄGIRA

Ngài là Vô Năng Thắng Thậm Năng Điều Phục Mẫu

_ SARVA BHÙTA GRAHÀ NIGRAHÀ KARÌṂ
Ngài hay giáng phục tất cả loài Quỷ ác gây phiền não

_ PARAVIDYÀ CCHEDANA KARÌṂ
Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác

_ ÀKÀLA MṚTYU PRA'SAMANA KARÌṂ
Ngài hay chặn đứng sự chết yểu không đúng thời

_ SARVA BANDHANA MUKṢANA KARÌṂ
Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc

_ SARVA DUṢṬA DUḤSVAPNA NIVÀRAṆÌṂ
Ngài hay ngăn chặn tất cả giấc mộng xấu ác

_ CATUR A'SITÌNÀṂ GRAHÀ SAHASRÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KARÌṂ
Ngài hay tồi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

_ AṢṬA VIṂ'SATÌNÀṂ NAKṢATRÀNÀṂ PRASÀDANA KARÌṂ
Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ

_ AṢṬANAṂ MAHÀ GRAHÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KARÌṂ
Ngài hay tồi hoại tám phiền não lớn

_ SARVA 'SATRÙ NIVÀRANÌṂ
Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia

_ GURÀṂ DUḤSVAPNANÀṂ CANÀ'SANÌṂ
Ngài hay loại bỏ các giấc mộng xấu nặng nề

_ VIṢA , 'SASTRA, AGNI, UDAKA UTTRANÌṂ
Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về : chất độc, dao gậy, lửa, nước…

_ APARAJÌTA AGURÀ
Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu

_ MAHÀ BALÀ CAṆḌÀNÀṂ
Đại Lực Sân Nộ Mẫu

_ MAHÀ DÌPTÀṂ
Đại Uy Quang Mẫu

_ MAHÀ TEJÀṂ
Đại Uy Diệu Mẫu

_ MAHÀ 'SVETA JVALA
Đại Bạch Quang Diễm Mẫu

_ MAHÀ BALÀ 'SRÌYA
Đại Lực Cát Tường Mẫu

PAṆḌARAVAṢINÌM
Bạch Y Mẫu

_ ÀRYA TÀRÀ
Thánh Cứu Độ Mẫu

_ BHṚKUṬÌṂ
Phẫn Nộ Mẫu

_ CIVA VIJAYA VAJRA MALATI VI'SRÙTÀṂ
Phổ Mãn Tối Thắng Kim Cương Man Mẫu

_ PADMA AGMAṂ
Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu

_ VAJRA JIHVAKAḤ
Kim Cương Thiệt Mẫu

_ MÀLA CIVA APARAJITAḤ
Anh Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu

_ VAJRA DAṆḌI VI'SALAKA
Kim Cương Bổng Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu

_ 'SÀNTÀ VAIDEHÀ PÙJITAḤ
Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Dường Mẫu

_ SAUMI RÙPA MAHÀ 'SVETÀ
Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu

_ ÀRYA TÀRÀ MAHÀ BALÀḤ
Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu

_ APARA VAJRA 'SAṄKARA CIVAḤ

Tối Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mẫu

_ VAJRA KAUMÀRÌḤ KULANDHÀRÌ

Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu

_ VAJRA HASTAKA

Kim Cương Thủ Mẫu

_ VIDYA KAṂPANA MÀLIKAḤ

Minh Chú Niệm Châu Mẫu

_ KUSUMBHA RATNA CIVA

Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu

_ VAIROCANA CODÀRTHA UṢṆÌṢA

Biến Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu

_ VIJṚMBHA MÀNADA VAJRA

La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu

_ KANAKA PRABHÀ LOCANÀḤ

Kim Quang Nhãn Mẫu

_ VAJRA TUṆḌÌKA

Kim Cương Chúc Mẫu

_ 'SVETAKA

Bạch Sắc Mẫu

_ KAMALÀKṢA

Liên Hoa Nhãn Mẫu

_ 'SA'SI PRABHÀ

Nguyệt Quang Mẫu

_ ITYETE MUDRA GAṆAḤ SARVE RAKṢAṂ_ KURVATTU MAMAṢYA

Hết thảy Ấn Chúng như vậy hãy ủng hộ , thủ hộ cho chúng con

_ INDHANA MAMAṢYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

II. HỘI THỨ HAI :

_ OṂ_ṚṢÌGAṆA , PRA'SASTRA TATHÀGATA UṢṆÌṢÀṂ _ HÙṂ ṬRÙṂ

Quy mệnh chủng tử HÙM , TỜ-RU-UM của Tiên Chúng Thiện Quý Như Lai Đỉnh Kế

_ JAMBHANA_HÙṂ ṬRÙṂ

Với HÙṂ ṬRÙṂ thường nghiền nát mọi nghiệp tội

_ STAMBHANA_ HÙṂ ṬRÙṂ

Với HÙṂ ṬRÙṂ thường uy trấn hộ trì thân căn

_ PARAVIDYÀ SAMBHAKṢAṆA KARA_ HÙṂ ṬRÙṂ

Với HÙṂ ṬRÙṂ thường hoàn thiện các Minh Chú khác

SARVA DUṢṬAṂ STAMBHANA KARA HÙṂ ṬRÙṂ

Với HÙṂ ṬRÙṂ thường trấn ngự các điều ác

_ SARVA YAKṢA RÀKṢASA GRAHÀṆÀṂ VIDHAVAṂSANA KARA_ HÙṂ ṬRÙṂ

Với HÙṂ ṬRÙṂ thường tồi hoại tất cả loài Dạ Xoa, La sát gây phiền não

_ CATUR A'SÌTÌNÀṂ GRAHÀ SAHASRÀNÀṂ VIDHAVAṂSANA KARA_ HÙṂ ṬRÙṂ

Với HÙṂ ṬRÙṂ thường tồi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

_ RAKṢA RAKṢA

Hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng sinh

_ BHAGAVAṂ

Đức Thế Tôn

_ STATHÀGATA UṢṆÌṢA

Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Mẫu

_ PRATYUṄGIRE

Điều Phục Mẫu

_ MAHÀ SAHASRA BHÙJE

Đại Thiên Tý Mẫu

_ SAHASRA 'SIRṢAI

Thiên Đầu Mẫu

_ KOṬI 'SATA SAHASRÀ NETRE
Ức Bách Thiên Nhãn Mẫu

_ ABHEDYA JVALI TANAṬAḌÀKA MAHÀ VAJRODÀRA
Nội Diễm Cụ Chủng Tướng Đại Kim Cương Phúc Mẫu

_ TṚBHUVANA MAṆḌALA
Tam Hữu Đàn Trường Mẫu

_ OṂ_ SVASTIRBHAVATU
Hãy khiến cho đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành

_ INDHANA MAMAṢYA
Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

III. HỘI THỨ BA :

RÀJA BHAYA
Nạn vua chúa

CORA BHAYA
Nạn giặc cướp

AGNI BHAYA
Nạn lửa thiêu đốt

UDAKA BHAYA
Nạn nước cuốn trôi

VIṢA BHAYA
Nạn thuốc độc

'SASTRA BHAYA
Nạn dao gậy

PARACAKRA BHAYA
Nạn quân binh

DURBHIKṢA BHAYA
Nạn đói khát

A'SANI BHAYA

Nạn sấm sét

AKÀLA MṚTYU BHAYA

Nạn chết không đúng thời

DHARAṆI BHUMI KAṂPA BHAYA

Nạn động đất

ULKOPÀTI BHAYA

Nạn trên đường đi nguy hiểm

RÀJA DAṆḌA BHAYA

Nạn bị hình phạt của vua chúa

NÀGA BHAYA

Nạn do loài Rồng gây hại

VIDYU BHAYA

Nạn sét đánh

SUPARṆI BHAYA

Nạn do loài Kim Xí Điểu gây ra

_ YAKṢA GRAHÀ

Hàng Dạ Xoa gây ra điều ma quái (Dạ Xoa Túy)

RÀKṢASA GRAHÀ

Điều ma quái của hàng La Sát (La Sát Túy)

PRETA GRAHÀ

Ngạ Quỷ Túy

PI'SÀCA GRAHÀ

Thực Huyết Nhục Quỷ Túy

BHÙTA GRAHÀ

Hóa Sinh Quỷ Túy

KUMBHAṆḌA GRAHÀ

Ung Hình Quỷ Túy

PUTANA GRAHÀ

Xú Quỷ Túy

KAṬA PUTANA GRAHÀ
Kỳ Xú Quỷ Túy

SKANDA GRAHÀ
Điều ma quái của loài Quỷ vẹo môi (Thiên Thần Quỷ Túy)

APASMÀRA GRAHÀ
Kiện Vong Quỷ Túy

UNMÀDA GRAHÀ
Điên Cuồng Quỷ Túy

CCHÀYÀ GRAHÀ
Ảnh Quỷ Túy

REVATI GRAHÀ.
Não Nhi Quỷ Quý

_ ÙRJA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn tinh khí

GARBHA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn bào thai

RUDHIRA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn máu huyết

MÀṂSA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn thịt

MEDA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn thảo mộc có chất như mỡ

MAJJA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn xương tủy

JAṬA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn sinh khí

JÌVITA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn Thọ Mệnh

VÀNTA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn hơi thở ra vào

VA'SA AHÀRIṆYÀ

Loài ăn thứ đồ dơ của sự sinh đẻ

A'SUCYA AHÀRIṆYÀ

Loài ăn thứ bất tịnh

CITTA AHÀRIṆYÀ.

Loài ăn tâm thức

_ TEṢÀṂ SARVEṢÀṂ_ SARVA GRAHÀNÀṂ VIDYÀṂ CCHINDHA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não thuộc tất cả loại như thế

_ PARIBRÀJAKA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo

_ ḌÀKIṆÌ KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Không Hành Mẫu

_ MAHÀ PA'SUPATI , RUDRA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thú Chủ Tự Tại Thiên

_ NÀRAYAṆA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Na La Diên Thiên

_ TATVA GARUḌA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Cũng như vậy. Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điểu

_ MAHÀ KÀLA MÀTṚGAṆA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên với chúng Quỷ Mẫu

_ KÀPALIKA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo

_ JAYA KARA , MADHU KARA , SARVÀRTHA SÀDHANA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tựu Tất cả Nghĩa Lợi

_ CATUR BHAGINÌ KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ

_ BHṚṂGIRIṬIKA , NANDIKE'SVARA , GAṆAPATI SAHEYA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Đấu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyến thuộc của họ

_ NAGNA 'SRAMAṆA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo Lõa Thể

_ ARHANTA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Sát Tặc

_ VETÀLAGAṆA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của chúng Khởi Thi Quỷ

_ VAJRAPÀṆI GUHYAKA ADHIPATI KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ.

_ RAKṢA RAKṢA MÀṂ_ BHAGAVAṂ

Con xin Đức Thế Tôn hãy ủng hộ, ủng hộ cho con

_ INDHANA MAMAṢYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

IV. HỘI THỨ TƯ :

_BHAGAVAṂ STATHÀGATA UṢṆÌṢA SITÀTAPATRA NAMO STUTE

Quy mệnh kính lễ Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Bạch Tản Cái Thế Tôn

_ ASITA ANALA ARAKÀḤ PRABHA SPHUṬA VIKACA SITÀTAPATREḤ_ JVALA JVALA_ DARA DARA_ VIDARA VIDARA_ CCHINDA CCHINDA_ HÙṂ HÙṂ HÙṂ HÙṂ HÙṂ _ PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ_ SVÀHÀ

Aṣita anala arakàḥ prabha sphuṭa vikaca sitàtapatreḥ jvala jvala: Ngọn lửa linh thiêng màu trắng lóe ánh sáng thẳng tắp tròn đầy lóng lánh rực rỡ, là ánh lửa của Bạch Tản Cái phóng tỏa chiếu sáng

Dara dara: Giáng phục

Vidara vidara: Giáng phục khắp

Cchinda cchinda: Cắt đứt sự trói buộc bên trong và bên ngoài

Hùṃ hùṃ hùṃ hùṃ hùṃ : Chủng tử chỉ sự khủng bố các chướng ngại

Phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ: Phá bại Tham Sân Si Mạn Nghi

Svàhà: Quyết định thành tựu

_ HEHE PHAṬ

Hô Triệu phá bại

_ AMOGHÀYA PHAṬ

Bất Không Thiên Sứ phá bại

_APRATIHATÀYA PHAṬ

Phá bại không chướng ngại

_ VARA PRADÀYA PHAṬ

Nguyện ban cho phá bại

_ ASURA VIDARAPAKÀYA PHAṬ

Phá bại sự đốt cháy hủy hoại của A Tu La (Phi Thiên)

_ SARVA DEVEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả Thiên Chúng

_ SARVA NÀGEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Rồng

_ SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa

_ SARVA GANDHARVEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Càn Thát Bà (Hương Thực Thần)

SARVA ASUREBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng A Tu La (Phi Thiên)

SARVA GARUḌEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Kim Xí Điểu

SARVA KIMNAREBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Khẩn Na La (Nghi Thần)

SARVA MAHORAGEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Ma Hầu La Già (Đại Phúc Hành Thần)

SARVA RÀKṢASEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng La Sát

SARVA MANUṢYEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả loài người

SARVA AMANUṢYEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Phi Nhân

_ SARVA PUTANEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Xú Quỷ

_ KAṬAPUTANEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Kỳ Xú Quỷ

_ SARVA DURLAṂGHYEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Ngộ Tưởng Quá (kẻ có lỗi do tưởng sai lầm)

_ SARVA DUṢPREKṢITEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Ngộ Kiến Quá (Kẻ có lỗi do nhìn thấy sai lầm)

_ SARVA JVAREBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Nhiệt Bệnh Quỷ

_ SARVA APASMÀREBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Kiện Vong Quỷ

_ SARVA 'SRAMAṆEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Trì Chú

_ SARVA TÌRTHIKEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo

_ SARVA UNMÀDEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Điên Cuồng Quỷ

_ SARVA VIDYÀ RÀJA CÀRYEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Minh Vương Hạnh

_ JAYA KARA, MADHU KARA, SARVÀRTHA SÀDHANEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại hàng: Tác Thắng, Tác Mật, Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu

_ VIDYÀ CÀRYEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại chúng Minh Hạnh

_ CATUR BHAGINÌBHYAḤ PHAṬ
Phá bại chúng của 4 chị em Thần Nữ

VAJRA KAUMARÌKEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại chúng Kim Cương Đồng Nữ

VAJRA KULANDHÀRÌBHYAḤ PHAṬ
Phá bại chúng Kim Cương Trì Tính Nữ

VIDYÀ RÀJEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại chúng Minh Vương

_ MAHÀ PRATYUṄGIREBHYAḤ PHAṬ
Phá bại chúng Đại Điều Phục

VAJRA SAṄKARÀYA PHAṬ
Phá bại hàng Kim Cương Tỏa

MAHÀ PRATYUṄGIRA RÀJÀYA PHAṬ
Phá bại hàng Đại Điều Phục Vương

_ MAHÀ KÀLÀYA , MÀTṚGAṆA NAMAḤSKṚTÀYA PHAṬ
Phá bại hàng Đại Hắc Thiên, nơi kính lễ của chúng Ấm Mẫu

_ VIṢṆAVÌYE PHAṬ
Phá bại hàng Tỳ Nữu Mẫu Thiên

_ BRAHMÌṆÌYE PHAṬ
Phá bại hàng Phạm Thiên Phi

_ AGNÌYE PHAṬ
Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi

_ MAHÀ KÀLÌYE PHAṬ
Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi

_ KÀLA DAṆḌÌYE PHAṬ
Phá bại hàng Quỷ Súy Hắc Ám Thần Nữ

_ AINDRIYE PHAṬ
Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ

_ CAMUṆḌÌYE PHAṬ
Phá bại hàng Nộ Thần Nữ

_ RAUDRÌYE PHAṬ
Phá bại hàng Phẫn Nộ Thần Nữ

_ KÀLA RÀTRÌYE PHAṬ
Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ

_ KÀPALÌYE PHAṬ
Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ

_ ADHIMUKTOKA 'SMA'SANA VASINÌYE PHAṬ
Phá bại hàng Ám Nữ vui thích ở gò mả và chốn hoang vắng

_ INDHANA MAMAṢYA
Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

V. HỘI THỨ NĂM :

_ YEKE CITTÀ SATVA MAMA
Phàm có Hữu Tình khởi tâm đối với ta

_ DUṢṬA CITTÀ
Tâm độc ác

RAUDRA CITTÀ
Tâm phẫn nộ

_ ÙRJA AHÀRÀ
Loài ăn tinh khí

GARBHA AHÀRÀ
Loài ăn bào thai

RUDHIRA AHÀRÀ
Loài ăn máu huyết

MAJJA AHÀRA
Loài ăn Xương tủy

JATA AHÀRÀ
Loài ăn sinh khí

JÌVITA AHÀRÀ
Loài ăn thọ mệnh

BALYA AHÀRÀ
Loài ăn sức lực

GANDHA AHÀRÀ
Loài ăn mùi thơm

PUṢPA AHÀRÀ
Loài ăn bông hoa

PHALA AHÀRÀ
Loài ăn quả trái

SASYA AHÀRÀ
Loài ăn hạt giống

PÀPA CITTÀ
Tâm tội lỗi

DUṢṬA CITTÀ
Tâm độc ác

RAUDRA CITTÀ
Tâm giận dữ

AMAITRA CITTÀ
Tâm không hiền lành

_ YAKṢA GRAHÀ
Dạ Xoa Túy

RÀKṢASA GRAHÀ
La Sát Túy

PRETA GRAHÀ

Ngạ Quỷ Túy

PI'SÀCA GRAHÀ

Xí Trung Quỷ Túy

BHÙTA GRAHÀ

Hóa Sinh Quỷ Túy

KUMBHÀṆḌA GRAHÀ

Ung Hình Quỷ Túy

SKANDA GRAHÀ

Thiên Thần Quỷ Túy

UNMÀDA GRAHÀ

Điên Cuồng Quỷ Túy

CCHÀYÀ GRAHÀ

Ảnh Quỷ Túy

APASMÀRA GRAHÀ

Kiện Vong Quỷ Túy

ḌÀKA ḌÀKIṆÌ GRAHÀ

Không Hành Quỷ Túy

REVATI GRAHÀ

Não Nhi Quỷ Túy

JAṄGHIKA GRAHÀ

Như Linh Dương Quỷ Túy

'SAKUNI GRAHÀ

Điểu Hình Quỷ Túy

NANDIKÀ GRAHÀ

Như Gia Cầm Hình Quỷ Túy

LAMBIKA GRAHÀ

Như Kê Hình Quỷ Túy

KAṆṬAPÀṆI GRAHÀ

Loài ma của hàng quỷ có bàn tay đầy gai

_ JVARA
Quỷ gây bệnh nóng sốt

EKÀHIKÀ
Một ngày phát bệnh một lần

DVAITYAKÀ
Hai ngày phát bệnh một lần

TRETYAKÀ
Ba ngày phát bệnh một lần

CATURTHAKÀ
Bốn ngày phát bệnh một lần

NITYÀ JVARA
Luôn luôn nóng sốt cao

_ VIṢAMA JVARA
Bệnh nóng sốt gây nguy hiểm

VÀTIKÀ
Phong bệnh

PAITTIKÀ
Bệnh vàng da

'SLEṢMIKÀ
Bệnh đàm rãi

SÀṂNIPATIKÀ
Bệnh do mọi thứ hòa hợp

SARVA JVARÀ
Tất cả bệnh nóng sốt

'SIRORTTI
Bệnh đau nhức đầu (Đầu thống)

ARDHÀVABHADAKA
Bệnh đau nhức nửa đầu

AROCAKA

Bệng chẳng ăn được

AKṢI ROGAṂ

Bệnh đau mắt

MUKHA ROGAṂ

Bệnh đau miệng

HṚDROGAṂ

Bệnh đau toàn thể con người

GRAHÀ 'SÙLAṂ

Đau nhức do Ma Quỷ gây ra

MARMAN 'SÙLAṂ

Đau buốt xương

PÀR'SVA 'SÙLAṂ

Đau hông sườn

PṚṢṬA 'SÙLAṂ

Đau lưng

UDARA 'SÙLAṂ

Đau bụng

KAṬI 'SÙLAṂ

Đau eo lưng, đau mông đít

VASTI 'SÙLAṂ

Đau mắt cá chân

ÙRU 'SÙLAṂ

Đau bắp đùi

JAṂGHA 'SÙLAṂ

Đau ống chân

HASTA 'SÙLAṂ

Đau bàn tay

PÀDA 'SÙLAṂ

Đau bàn chân

SARVAGA PRATYUṄGIRA 'SÙLAṂ
Đau buốt tất cả chi thể trên thân không thể chữa khỏi

_ BHÙTA VETÀLA
Hóa Sinh Khởi Thi Quỷ

ḌÀKIṆÌ
Không Hành Nữ

_ JVARA
Nhọt do bị thiêu đốt

DATRÙ
Nhọt do cùi hủi

KAṆṬYU
Nhọt ghẻ mọc dầy như gai

KIṬṬI
Nhọt do dời ăn , nhọt do ở bẩn

BHAILOTÀVAI
Đinh Sang

SARPALOHÀ
Xâm Dâm Sang

LIṄGA
Xích Sang

'SOṢATRÀ
Nhọt do da khô nứt

SAGARÀ
Nhọt trĩ

_ VIṢAYOGA
Cổ Độc

AGNI
Lửa

UDAKA

Nước

MÀRAVELAKÀNTÀRA

Vườn rừng gây sự chết chóc (Tử Viên Lâm)

AKÀLA MṚTYU

Chết yểu không đúng thời

_ TRAIMUKHA

Loài trùng có 3 cái miệng

TRAILÀṬAKA

Một loài mòng

VṚ'SCIKA

Bò cạp

SARPA

Rắn

NAKULA

Một loài chồn ở Bengal là kẻ thù của chuột và rắn

SIṂHA

Sư tử

VYÀGHRA

Cọp

ṚIKṢA

Gấu ngựa

TARAṚIKṢA

Gấu heo

CAMARA

Loài bò Yak, loài trâu Yak ở Tây Tạng

JIVIKA

Loài sống dưới nước

_ TEṢÀṂ SARVEṢÀṂ_ SITÀTAPATRA MAHÀ VAJRA UṢṆÌṢÀṂ MAHÀ PRATYUṄGIRAṂ

Tất cả tai nạn bệnh tật như trên, dùng Bạch Tản Cái Đại Kim Cương Đại Điều Phục khiến cho chúng tự nhiên lui tan

_ YÀBA DVÀDA'SA YOJANA ABHYANTARÌṆA

Trong vòng 12 Do Tuần tất cả tật nạn ấy không thể nào xâm phạm được.

_ VIDYA BANDHAṂ KARA UMI

Tôi kết buộc Minh Chú

_ TEJA BANDHAṂ KARA UMI

Tôi kết buộc nhóm ánh sáng

_ PRAVIDYA BANDHAṂ KARA UMI

Tôi kết buộc Năng Thắng Minh

_ TADYATHÀ : OṂ_ ANALE VI'SUDDHE_ VÌRA VAJRADHÀRI_ BANDHA BANDHANI_ VAJRAPÀṆI PHAṬ_ HÙṂ ṬRÙṂ PHAṬ_ SVÀHÀ _ OṂ HÙṂ VI'SUDDHE SVÀHÀ

Tadyatha: Liền nói Chú là

Anale: Ngọn lửa linh thiêng, năng lực siêu phàm

Vi'suddhe: Khiến cho thanh tịnh

Vìra: Tinh tiến dũng mãnh

Vajradhàri: Trì Kim Cương

Bandha:Cột trói , cột buộc

Bandhani: Cột trói

Vajrapàṇi: Kim Cương Thủ

Phaṭ : Phá bại

Hùṃ: Chủng tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề

Ṭrùṃ : Chủng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra tất cả Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn**

Phaṭ : Phá bại

Svàhà : Quyết định thành tựu

Oṃ: Ba Thân quy mệnh

Hùṃ : Tâm Bồ Đề

Vi'suddhe : Khiến cho thanh tịnh

Svàhà :Thành tựu cát tường

Hiệu chỉnh xong phần Phạn Văn
07/06/2006

ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ

(Dựa theo Bài Chú ghi trong Kinh Lăng Nghiêm của Ngài Bát Lạt Mật Đế)

Việt dịch : HUYỀN THANH

I_ HỘI THỨ NHẤT :

Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh tất cả Phật Bồ Tát Đẳng

Quy mệnh bảy ức (700 Triệu) Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

Quy mệnh chúng Dự Lưu Quả

Quy mệnh chúng Nhất Lai Quả

Quy mệnh chúng Bất Hoàn Quả

Quy mệnh chúng đạt bốn Quả trong Thế Gian

Quy mệnh chúng đạt bốn Hướng

Quy mệnh chúng Thiên Tiên

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên với chúng Nhiếp ác tác thiện

Quy mệnh chúng Phạm Thiên

Quy mệnh chúng Đế Thích Thiên

Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Ô Ma Phi với hàng quyến thuộc

Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô Ái Tử

Quy mệnh Thế Tôn Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi kính lễ của chúng Quỷ Mẫu

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

Quy mệnh Liên Hoa Bộ Tộc

Quy mệnh Kim Cương Bộ Tộc

Quy mệnh Bảo Bộ Tộc

Quy mệnh Khố Tàng Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kích Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Kính lễ các Đẳng ấy xong rồi

_ Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này
Ngài là Vô Năng Thắng Thậm Năng Điều Phục Mẫu
Ngài hay giáng phục tất cả loài Quỷ ác gây phiền não
Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác
Ngài hay chận đứng sự chết yểu không đúng thời
Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc
Ngài hay ngăn chận tất cả giấc mộng xấu ác
Ngài hay tồi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não
Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ
Ngài hay tồi hoại tám phiền não lớn
Ngài hay chận đứng tất cả oan gia
Ngài hay loại bỏ các giấc mộng xấu nặng nề
Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về : chất độc, dao gậy, lửa, nước…

_ Ngài hay khiến cho tất cả Ấn Chúng
Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu
Đại Uy Quang Mẫu
Đại Uy Diệu Mẫu
Đại Bạch Quang Diễm Mẫu
Đại Lực Cát Tường Mẫu
Bạch Y Mẫu
Thánh Cứu Độ Mẫu
Phẫn Nộ Mẫu
Phỗ Mãn Tối Thắng Kim Cương Man Mẫu
Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu
Kim Cương Thiệt Mẫu
An Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu
Kim Cương Bổng Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu
Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Dường Mẫu
Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu
Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu
Tối Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mẫu
Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu
Kim Cương Thủ Mẫu
Minh Chú Niệm Châu Mẫu
Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu
Biến Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu
La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu
Kim Quang Nhãn Mẫu
Kim Cương Chúc Mẫu

Bạch Sắc Mẫu
Liên Hoa Nhãn Mẫu
Nguyệt Quang Mẫu
Hết thảy Ấn Chúng như vậy hãy ủng hộ , thủ hộ cho chúng con
_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con
II _ HỘI THỨ HAI :
Quy mệnh chủng tử HÙM , TỜ-RU-UM của Tiên Chúng Thiện Quý Như Lai Đỉnh Kế
Với HÙM TRÙM thường nghiền nát mọi nghiệp tội
Với HÙM TRÙM thường uy trấn hộ trì thân căn
Với HÙM TRÙM thường hoàn thiện các Minh Chú khác
Với HÙM TRÙM thường trấn ngự tất cả điều ác
Với HÙM TRÙM thường tồi hoại tất cả loài Dạ Xoa, La sát gây phiền não
Với HÙM TRÙM thường tồi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não
Với HÙM TRÙM thường khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ
Hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng sinh
_ Hỡi Đức Thế Tôn ! Ngài là Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Mẫu, Điều Phục Mẫu, Đại Thiên Tý Mẫu, Thiên Đầu Mẫu, Ức Bách Thiên Nhãn Mẫu, Nội Diễm Cụ Chủng Tướng Đại Kim Cương Phúc Mẫu, Tam Hữu Đàn Trường Mẫu
Hãy khiến cho chúng con đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành
_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con
III _ HỘI THỨ BA :
Phàm có các tai nạn gây ra từ : vua chúa, giặc cướp, lửa, nước, chất độc, dao gậy, quân binh, đói khát, sấm sét, chết yểu không đúng thời, động đất, sao băng, hình phạt của phép vua, rồng độc, sét đánh, Kim Xí Điểu…Lại có các loài gây ra sự phiền não như : Dạ Xoa, La Sát, Quỷ đói, Quỷ ăn máu thịt, Quỷ Hoá Sinh, Quỷ có hình ung nhọt, Quỷ hôi thối, Quỷ hôi thối lạ kỳ, Quỷ vẹo môi, Quỷ Kiện Vong, Quỷ điên cuồng, Quỷ hớp bóng (Ảnh Quỷ), Quỷ hại trẻ con, loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu huyết, loài ăn thịt, loài ăn cây cỏ có chất như mỡ,loài ăn xương tủy, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn thứ sinh đẻ,loài ăn hơi thở ra vào, loài ăn thứ bất tịnh, loài ăn tâm thức
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được tất cả loài như thế
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Không Hành Mẫu
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thú Chủ Tự Tại Thiên
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Na La Diên Thiên
Cũng như vậy. Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điểu
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên với chúng Quỷ Mẫu

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tựu Tất cả Nghĩa Lợi

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Đấu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyến thuộc của họ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo Lõa Thể

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Sát Tặc

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của chúng Khởi Thi Quỷ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Thần Dạ Xoa cầm chày Kim Cương cùng với Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ.

Con xin Đức Thế Tôn hãy ủng hộ, ủng hộ cho con

_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

IV _ HỘI THỨ TƯ :

Cúi đầu con quy mệnh

Nhất Thiết Như Lai Đỉnh

Bạch Tản Cái Thế Tôn

Hào quang lửa tròn đầy
Màu trắng tinh rực rỡ
Ánh sáng Bạch Tản Cái
Phóng muôn tia long lanh
Giáng phục, giáng phục khắp
Cắt đứt mọi trói buộc
Khủng bố các chướng ngại
Phá bại Tham, Sân, Si
Cùng phá bại Mạn, Nghi
Thành tựu sự cát tường
_ Nay hô triệu phá bại
Hàng Bất Không Thiên Sứ
Phá bại không chướng ngại
Nguyện ban cho phá bại
Phá bại sự phá hoại của A Tu La
Phá bại tất cả Thiên Chúng
Phá bại tất cả Chúng Rồng
Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa
Phá bại tất cả chúng Hương Thực Thần
Phá bại tất cả chúng A Tu La
Phá bại tất cả chúng Kim Xí Điểu
Phá bại tất cả chúng Nghi Thần
Phá bại tất cả chúng Đại Phúc Hành Thần
Phá bại tất cả chúng La Sát
Phá bại tất cả Nhân chúng (Loài người)

Phá bại tất cả chúng Phi Nhân
Phá bại tất cả chúng Quỷ hôi thối
Phá bại tất cả chúng Quỷ hôi thối lạ kỳ
Phá bại tất cả chúng có lỗi do tưởng sai lầm (Ngộ Tưởng Quá)
Phá bại tất cả chúng có lỗi do nhìn thấy sai lệch (Ngộ Kiến Quá)
Phá bại tất cả chúng Quỷ gây bệnh nóng sốt
Phá bại tất cả chúng Quỷ Kiện Vong
Phá bại tất cả chúng Trì Chú
Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo
Phá bại tất cả chúng Quỷ Hóa Sinh
Phá bại tất cả chúng Minh Vương Chính Hạnh
Phá bạit ất cả chúng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tựu tất cả Nghĩa Lợi
Phá bại tất cả chúng Minh Hạnh (Trì Chú Bác Sĩ)
Phá bại chúng của bốn chị em Thần Nữ
Phá bại chúng Kim Cương Đồng Nữ
Phá bại chúng Kim Cương Trì Tính Nữ
Phá bại chúng Minh Vương
Phá bại chúng Đại Điều Phục
Phá bại hàng Kim Cương Tỏa
Phá bại hàng Điều Phục Vương
Phá bại Đại Hắc Thiên nơi kính lễ của chúng Quỷ Mẫu
Phá bại hàng Tỳ Nữu ThiênPhi
Phá bại hàng Phạm Thiên Phi
Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi
Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi
Phá bại hàng Quỷ Súy Hắc Ao Thần Nữ
Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ
Phá bại hàng Phẫn Nộ Thần Nữ
Phá bại hàng Sân Nộ Thần Nữ
Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ
Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ
Phá bại chúng Nữ Quỷ vui thích cư ngụ ở gò mả
_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con
V _ HỘI THỨ NĂM :
Phàm có Hữu Tình đối với ta khởi tâm độc ác, tâm phẫn nộ

Lại có các loài gây não hại như : loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu huyết, loài ăn thịt, loài ăn xương tủy, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn sức lực, loài ăn mùi thơm, loài ăn bông hoa, loài ăn quả trái, loài ăn hạt giống, loài có tâm tội lỗi, loài có tâm độc ác, loài có tâm phẫn nộ, loài có tâm không hiền lành.

Lại có nhóm ma của hàng Dạ Xoa, nhóm ma của hàng La Sát, nhóm ma của loài Quỷ đói, nhóm ma của Quỷ ở nhà xí, nhóm ma của Quỷ Hóa Sinh, nhóm ma của Quỷ có hình ung nhọt, nhóm ma của Quỷ vẹo môi, nhóm ma của Quỷ điên cuồng, nhóm ma của Ảnh Quỷ, nhóm ma của Quỷ Kiện Vong, nhóm ma của Không Hành Nữ và Không Hàng Nam, nhóm ma của Quỷ hại trẻ con, nhóm ma của Quỷ có

hình như con Linh Dương, nhóm ma của Quỷ có hình con chim, nhóm ma của Quỷ có hình Gia Cầm, nhóm ma của Quỷ có hình con gà, nhóm ma của Quỷ có bàn tay đầy gai.

Lại có Quỷ gây bệnh sốt rét: một ngày phát một lần, hai ngày phát một lần, ba ngày phát một lần, bốn ngày phát một lần, thường nóng sốt cao

Lại có các thứ bệnh như : nóng sốt cao, nhiễm gió (Phong bệnh) , vàng da, đàm rãi, bệnh do mọi thứ hòa hợp, tất cảbệnh nhiệt, đau đầu, đau nhức nửa đầu, không ăn được, đau mắt, đau miệng, đau toàn thân, đau nhức do Ma Quỷ gây ra,đau tai, đau răng, đau tim, đau buốt đốt xương, đau hông sườn, đau lưng, đau bụng, đau eo lưng, đau xương mắt cá chân, đau bắp đùi, đau ống chân, đau bàn tay, đau bàn chân, đau buốt tất cả chi tiết…

Lài có loài Bộ Đa, Khởi Thi Quỷ, Không Hành Nữ với các loại ung nhọt như : nhọt do bị thiêu đốt, nhọt do bị cùi hủi, nhọt ghẻ dầy như gai, nhọt dời ăn (Tri Thù Sang), Đinh Sang, Xâm Dâm Sang, Xích Sang, nhọt do da khô nứt, nhọt trĩ…

Lại có tai nạn phát sinh do Cổ Độc, lửa, nước, vườn rừng gây sự chết chóc, chết yểu không đúng thời, loài trùng Traimukha, loài mòng Trailaṭaka , rắn, chồn dữ, sư tử, cọp, gấu heo, gấu ngựa, loài trâu Yak, loài sống dưới nước…

Tất cả tai nạn bệnh tật như trên, dùng Bạch Tản Cái Đại Kim Cương Đại Điều Phục khiến cho chúng tự nhiên lui tan. Trong vòng 12 Do Tuần tất cả tật nạn ấy không thể nào xâm phạm được.

Nay Ta kết Minh Chú
Ta kết nhóm Ánh Sáng (Quang Tụ)
Kết buộc Năng Thắng Minh
Liền nói Thần Chú là:

Om, a na lê, vi xút đê, vi ra va-di ra đa ri , ban đa, ban đa ni, va-di ra pa ni, phạt, hùm, tờ-ru-um , phạt, sờ-va ha.

Om, hùm, vi xút đê, sờ-va ha

06/ 01/2002

ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM
THẦN CHÚ

I. HỘI THỨ NHẤT :

1) Nam mô tát đát tha, sô ga ta gia, a ra ha tê, sam mya sam bô đa sê
2) Nam mô sát tát tha, bu đa cô ti, si ni sam
3) Nam mô sát va, bu đa bu ti, sát ta bệ tê
4) Nam mô sát ta nam, sam mya sam bô đa cô ti nam
5) Sa rê ra pa ca, săng ga nam
6) Nam mô lu kê a ra han ta nam
7) Nam mô su ru ta pa na nam
8) Nam mô sa khít ri ta ca mi nam
9)Nam mô lu kê sam mya ca ta nam
10) Sam mya ca pa ra, ti pa ta na nam
11) Nam mô đê va li si nan
12) Nam mô si ta gia pi ti gia, ta ra li si nan
13) Sê pa nu, gơ ra ha, sô ha sa ra ma tha nam
14) Nam mô pát ra ha ma ni
15) Nam mô in đa ra gia
16) Nam mô ba ga va tê
17) Ru đa ra gia
18) U ma pun ti
19) Sô hê dạ gia
20) Nam mô ba ga va tê
21) Na ra gia, na gia
22) Phun cha ma ha, sam mu ta ra
23) Nam mô si khít ri ta gia
24)Nam mô ba ga va tê
25) Ma ha ca ra gia
26) Ti ri pa ra na ga ra
27) Pi ta ra, pa na ca ra gia
28) A ti mu tê
29) Si ma sa na ni, ba si ni
30) Ma tát ri ga na
31) Nam mô si khít ri ta gia
32) Nam mô ba ga va tê
33) Ta tha ga ta cô ra gia
34) Nam mô pát tâu ma cô ra gia
35) Nam mô pát cha ra cô ra gia
36) Nam mô ma ni cô ra gia
37) Nam mô ga cha cô ra gia
38) Nam mô ba ga va tê
39) Ti ri đa su ra si na

40) Pa ra ha ra na ra cha gia
41) Ta tha ga ta gia
42) Nam mô ba ga va tê
43) Nam mô a mi ta ba gia
44) Ta tha ga ta gia
45) A ra ha tê
46) Sam mya sam bô đa gia
47) Nam mô ba ga va tê
48) A sô bi gia
49) Ta tha ga ta gia
50) A ra ha tê
51) Sam mya sam bô đa gia
52) Nam mô ba ga va tê
53) Bi sa cha gia, cu ru phi chu ri gia
54) Pa ra bà ra cha gia
55) Ta tha ga ta gia
56) Nam mô ba ga va tê
57) Sam pu su pi ta
58) Sát lin nai ra si cha gia
59) Ta tha ga ta gia
60) A ra ha tê
61) Sam mya sam bô đa gia
62) Nam mô ba ga va tê
63) Sê kê dê mu na dây
64) Ta tha ga ta gia
65) A ra ha tê
66) Sam mya sam bô đa gia
67) Nam mô ba ga va tê
68) Si tát na kê tu ra cha gia
69) Ta tha ga ta gia
70) A ra ha tê
71) Sam mya sam bô đa gia
72) Ti piêu, nam mô sát khít ri ta
73) Ê đam, ba ga va ta
74) Sát tát tha, ga tu si ni sam
75) Sát tát ta, pát tát lam
76) Nam mô a ba ra si đam
77) Pát ra ti, đang ky ra
78) Sát ra ba, pu ta gơ ra ha
79) Ni gơ ra ha, khít ca ra ha ni
80) Pát ra, pi ti gia, cha đa ni
81) A ca ra, mớt ri chu
82) Pát ri tát ra gia, nang khít ri
83) Sát ra ba, pun đa na, mu sa ni

84) Sát ra ba, tát si cha
85) Tát si pháp, pun na ni, phát ra ni
86) Chê tu ra, si ti nam
87) Gơ ra ha, sô ha sát ra nha cha
88) Pi ta pang sa na khít ri
89) A si cha pinh sê ti nam
90) Na sa sát tát ra nha cha
91) Pa ra sát tha na khít ri
92) A si cha nam
93) Ma ha gơ ra ha nha cha
94) Pi ta pang sát na khít ri
95) Sát va sê tu ru, ni ra ba ra nha cha
96) Hu lam tát si pháp, nan cha na sê ni
97) Pi sa sê, si tát ra
98) A kít ni, u đa ca ra nha cha
99) A pát ra si ta khu ra
100) Ma ha pát ra chên chi
101) Ma ha típ ta
102) Ma ha ti cha
103) Ma ha suê ta cha ba ra
104) Ma ha pát ra pun đa ra, ba si ni
105) A ri gia ta ra
106) Pi ri cô ti
107) Si va pi cha gia
108) Pát cha ra, ma ly ty
109) Pi sê ru ta
110) Pút tang mang ca
111) Pát cha ra, chi hô na a cha
112) Ma ra chi ba, pát ra chi ta
113) Pát cha ra sin chi
114) Pi sê ra cha
115) Sin ta sê, bê đê va, pu si ta
116) Su ma ru pa
117) Ma ha suê ta
118) A ri gia ta ra
119) Ma ha ba ra, a pát ra
120) Pát cha ra, xương khít ra chê ba
121) Pát cha ra, cu ma ri
122) Cu lam ta ri
123) Pát cha ra, hốt sát ta cha
124) Pi ti gia khin chê na, ma ri ca
125) Quát su mu, ba khít ra ta na
126) Vê rô cha na, cu ri gia
127) Gia ra thâu, si ni sam

128) Pi chi lam ba ma ni cha
129) Pát cha ra, Ca na, ca pa ra ba
130) Rô cha na, pát cha ra, tán chi cha
131) Suê ta cha, ca ma ra
132) Sát ra si, pa ra ba
133) Ê tê di tê
134) Mu ta ra, khít na
135) Sô bê ra sam
136) Quát pham tu
137) In thâu na, ma ma sê

II. HỘI THỨ HAI :

138) U hum
139) Ry si kít na
140) Pa ra, sê si ta
141) Sát tát tha, ga tu si ni sam
142) Hu hum
143) Tu ru ung
144) Chim ba na
145) Hu hum
146) Tu ru ung
147) Si đam ba na
148) Hu hum
149) Tu ru ung
150) Pa ra si đi gia, sam pát soa, na khít ra
151) Hu hum
152) Tu ru ung
153) Sát va đác sa, hát ra sát sa
154) Gơ ra ha nha cha
155) Pi tang pang sát, na khít ra
156) Hu hum
157) Tu ru ung
158) Chê tu ra, si ti nam
159) Gơ ra ha, sa ha sát ra nam
160) Pi tang pang sát na ra
161) Hu hum
162) Tu ru ung
163) Ra soa
164) Ba ga va
165) Sát tát tha, ga tu si ni sam
166) Pa ra tim, cha kít ri
167) Ma ha, sô ha sát ra
168) Bút su sa, ha sát ra, si ri sa
169) Cô ti, sô ha sát ni, ti tê

170) A pi đi si, ba ri ta
171) Cha cha ang ca
172) Ma ha pát cha ra ta ra
173) Ti ri bô ba na
174) Man ta ra
175) U hum
176) Sa si ti, bô ba tu
177) Ma ma
178) In thâu na, ma ma sê

III. HỘI THỨ BA :

179) Ra cha ba gia
180) Chu ra pát gia
181) A chi ni ba gia
182) U đa ca ba gia
183) Pi sa ba gia
184) Sê sát ta ra ba gia
185) Ba ra chước khiết ra ba gia
186) Tát sít soa ba gia
187) A sê ni ba gia
188) A ca ra mơ ri chu ba gia
189) Đa ra ni, pu mi kim, ba ga va ta ba gia
190) U ra ca, ba đa ba gia
191) Rát cha than đa ba gia
192) Na ga ba gia
193) Pi thiêu tát ba gia
194) Sô pa ra na ba gia
195) Dác soa gơ ra ha
196) Ra soa si gơ ra ha
197) Pê ri ta gơ ra ha
198) Pi sa cha gơ ra ha
199) Pu ta gơ ra ha
200) Cu ban đa gơ ra ha
201) Pu tan na gơ ra ha
202) Ca cha pu tan na gơ ra ha
203) Si kin tu gơ ra ha
204) A pa si ma ra gơ ra ha
205) U than ma ta gơ ra ha
206) Sa gia gơ ra ha
207) Hê ri ba ti gơ ra ha
208) Sê ta ha ni nam
209) Khít ba ha ri nam
210) Ru ti ra ha ri nam
211) Mang sa ha ri nam

212) Mê ta ha ri nam
213) Ma cha ha ri nam
214) Cha ta ha ri nu
215) Si pi ta ha ri nam
216) Pi ta ha ri nam
217) Ba đa ha ri nam
218) A su cha ha ri nu
219) Chít ta ha ri nu
220) Ti sam tát bi sam
221) Sát va gơ ra ha nam
222) Pi đa gia cha san đa gia mi
223) Kê ra gia mi
224) Pa ri pát ra chê ca, cát ri tam
225) Pi đa gia cha, san đa gia mi
226) Kê ra gia mi
227) Đa din ni, cát ri tam
228) Pi đa gia cha, san đa gia mi
229) Kê ra gia mi
230) Ma ha pát su pát tát gia
231) Ru đa ra, cát ri tam
232) Pi đa ra cha, san đa gia mi
233) Kê ra gia mi
234) Na ra gia na, cát ri tam
235) Pi đa gia cha, san đa gia mi
236) Kê ra gia mi
237) Tát toa ga ru đa si, cát ri tam
238) Pi đa gia cha, san đa gia mi
239) Kê ra gia mi
240) Ma ha ca ra, ma tát ri ga na, cát ri tam
241) Pi đa gia cha, san đa gia mi
242) Kê ra gia mi
243) Ca pa ri ca, cát ri tam
244) Pi đa gia cha, san đa gia mi
245) Kê ra gia mi
246) Cha gia khít ra, ma tu khít ra
247) Sát va ra tha sa tát na, cát ri tam
248) Pi đa gia cha, san đa gia mi
249) Kê ra gia mi
250) Chư chát ra, ba ky ni, cát ri tam
251) Pi đa gia cha, san đa gia mi
252) Kê ra gia mi
253) Pi ri dang, cát ri chi
254) Nan đa kê sa ra, ga na phun ti
255) Sát hê gia, cát ri tam

256) Pi đa gia cha, san đa gia mi
257) Kê ra gia mi
258) Na khít na sa ra ba na, cát ri tam
259) Pi đa gia cha, san đa gia mi
260) Kê ra gia mi
261) A ra han, cát ri tam, pi đa gia cha, san đa gia mi
262) Kê ra gia mi
263) Pi ta ra ga, cát ri tam
264) Pi đa gia cha, san đa gia mi
265) Kê ra gia mi , Pát cha ra pa mi
266) Cu hê gia cu hê gia
267) Ca đi pát ti cát ri tam
268) Pi đa ra cha, san đa gia mi
269) Kê ra gia mi
270) Ra soa mang
271) Ba ga va
272) In thâu na, ma ma sê

IV. HỘI THỨ TƯ :

273) Ba ga va
274) Si ta ta, pa tơ ra
275) Nam mô suy tu tê
276) A si ta na ra chi ca
277) Pa ra va, si phu cha
278) Pi ca sát tát ta pát ti ri
279) Sập phật ra, sập phật ra
280) Đa ra , đa ra
281) Văn đa ra, văn đa ra, san đa san đa
282) Hu hum
283) Hu hum
284) Phun cha
285) Phun cha, phun cha, phun cha, phun cha
286) Sô ha
287) Hê hê phun
288) A mâu ca gia phun
289) A pa ra đê ha ta phun
290) Ba ra pa ra ta phun
291) A sô ra, Pi ta ra, pa ca phun
292) Sát va đê bê pi phun
293) Sát va na ga pi phun
294) Sát va dác sa pi phun
295) Sát va gan đa va pi phun
296) Sát va pu ta na pi phun
297) Ca cha pu ta na pi phun

298) Sát va tát lang chi ti pi phun
299) Sát va tát sít pi lây, cát ti pi phun
300) Sát va sấp ba lay pi phun
301) Sát va a pa si mô lay pi phun
302) Sát va sê ra ba na pi phun
303) Sát va ti tê kê pi phun
304) Sát va tát ma ta ky pi phun
305) Sát va pi ta gia ra si cha lây pi phun
306) Cha gia khít ra, ma tu khít ra
307) Sát va ra tha sa đa kê pi phun
308) Pi ti gia cha lây pi phun
309) Chê tu ra, phác ky ni pi phun
310) Pát cha ra, cu ma ri
311) Pi ta gia, ra si pi phun
312) Ma ha pa ra tinh dang, soa ky ri pi phun
313) Pát cha ra sang khít ra gia
314) Pa ra chang ky ra cha gia phun
315) Ma ha ca ra gia
316) Ma ha mút tát ri ca na
317) Nam mô sa khít ri ta gia phun
318) Pi si na phi dây phun
319) Pu ra ha mau ni dây phun
320) A ky ni dây phun
321) Ma ha khít ri dây phun
322) Khít ra than chi dây phun
323) Mít tát ri dây phun
324) Ru tát ri dây phun
325) Cha man đa dây phun
326) Khít la ra tát ri dây phun
327) Ca phun ri dây phun
328) A ti mu chít ta, ca si ma sa na
329) Ba su ni dây phun
330) Din kít chít
331) Sát tô va sê
332) Ma ma, in thâu na, ma ma sê

V. HỘI THỨ NĂM :

333) Tát si cha chít ta
334) A mút tát ri chít ta
335) U cha ha ra
336) Ga ba ha ra
337) Rô ti ra ha ra
338) Ba sa ha ra
339) Ma cha ha ra

340) Cha ta ha ra
341) Si pi ta ha ra
342) Pát lác gia ha ra
343) Khin ta ha ra
344) Pu sư pa ha ra
345) Phô ta ha ra
346) Ba sê ha ra
347) Pún cha chít ta
348) Tát si cha chít ta
349) Lu ta ra chít ta
350) Dác sa gơ ra ha
351) Ra sát sa gơ ra ha
352) Pay lê ta gơ ra ha
353) Pi sa cha gơ ra ha
354) Pu ta gơ ra ha
355) Cu ban đa gơ ra ha
356) Si khin ta gơ ra ha
357) U tát ma ta gơ ra ha
358) Sê dê gơ ra ha
359) A pa sát ma ra gơ ra ha
360) Chác khu cát, đa ky ni gơ ra ha
361) Ri pút ti gơ ra ha
262) Cha mi ca gơ ra ha
363) Sa cu ni gơ ra ha
364) Mu ta ra, nan ti ca gơ ra ha
365) A tam ba gơ ra ha
366) Khin tu pa ni gơ ra ha
367) Sập phạt ra, in ca hê ca
368) Chuy ti dác ca
369) Tát lê ti dác ca
370) Chê tác thát ca
371) Ni đê sập phạt ra, pi sam ma sập phạt ra
372) Pô ti ca
373) Pi ti ca
374) Sít lê si mi ca
375) Sa ni pun ti ca
376) Sát va sập phạt ra
377) Sít ru kít tê
378) Mút đa bi tát ru chê kim
379) A y ru khim
380) Mu khu ru khim
381) Khít ri tát ru khim
382) Khít ra ha, khít lam
383) Khít na su lam

384) Tan ta su lam
385) Ngát ri gia su lam
386) Mát ma su lam
387) Pát ri si ba su lam
388) Pi lát si cha su lam
389) U ta ra su lam
390) Khít chi su lam
391) Pát si ti su lam
392) U ru su lam
393) Sang ca su lam
394) Hát si ta su lam
395) Pát ta su lam
396) Sa phang ang ca pát ra, chang kha su lam
397) Pu ta pi ta đa
398) Đa ky ni sấp ba ra
399) Ta tát ru ca, kin chát ru kít chi, ba lu ta pi
400) Sát pát ru ha lang ca
401) Su sa tát ra, sa na khít ra
402) Pi sa du ca
403) A ky ni, u ta ca
404) Mát ra bê ra, kin ta ra
405) A ca ra, mít ri chát, than lim pu ca
406) Ti lất chi cha
407) Pi ri sít chít ca
408) Sát va na khu ra
409) Si dan ga pi, khít ra ri dác sa, tát ra sô
410) Mát ra si, phê ti sam sa bê sam
411) Si ta ta, pa tơ ra
412) Ma ha pát cha ra, sít ni sam
413) Ma ha pa ra chang ky lam
414) Gia pa tát đa sa du cha na
415) Pin tan ly na
416) Pi đa gia, ban đam ca ru mi
417) Ti su, ban đam ca ru mi
418) Pát ra bi đa, ban đam ca ru mi
419) Ta đya tha
420) Aôm
421) A na lê
422) Bi su đê
423) Bê ra, pát cha ra, đa ri
424) Pun đa pun đa ni
425) Pát cha ra pang ni phun
426) Hu hum, tu ru ung, phun

427) Sô va ha

Sao chép từ Kinh THỦ LĂNG NGHIÊM, Quyển 7 (Tr.9_ Tr.29) do Bồ Tát Giới TUỆ NHUẬN VĂN QUANG THÙY Cư sĩ giảng dịch và được Hội Việt Nam Phật Tử xuất bản năm 1949 tại Hà Nội

30/09/1997

ĐẠI PHẬT ĐỈNH
THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ
(Bản phổ thông ghi trong Kinh Nhật Tụng)

Hán dịch : Thiên Trúc sa Môn BÁT LẠT MẬT ĐẾ

I_HỘI THỨ NHẤT :
1) **Nam mâu tát đát tha tô già đá gia, a la ha đế tam miệu tam bồ đà tả**
2) **Tát đát tha phật đà câu đê sắt ni sam**
3) **Nam mô tát bà bột đà bột địa tát đá bệ tệ**
4) **Nam mô tát đa nam tam miệu tam bồ đà câu tri nam**
5) **Sa xá la bà ca tăng già nẫm**
6) **Nam mô lô kê a la hán đá nẫm**
7) **Nam mô tô lô đa ba na nẫm**
8) **Nam mô sa yết lị đà già di nẫm**
9) **Nam mô lô kê tam miệu già đá nẫm**
10) **Tam miệu già ba la để bà đa na nẫm**
11) **Nam mô đề bà ly sắt noản**
12) **Nam mô tất đà gia tỳ địa gia đà la ly sắt noản**
13) **Xá ba nô yết la ha sa ha sa la ma tha nẫm**
14) **Nam mô bạt la ha ma ni**
15) **Nam mô nhân đà la gia**
16) **Nam mô bà già bà đế**
17) **Lô đà la gia**
18) **Ô Ma bát đế**
19) **Sa hê dạ gia**
20) **Nam mô bà già bà đế**
21) **Na La dã noa gia**
22) **Bà giá ma ha tam mộ đà la**
23) **Nam mô tất yết lị đa gia**
24) **Nam mô bà già bà đế**
25) **Ma ha ca la gia**
26) **Địa lị bát lạt na già la**
27) **Tỳ đà la ba noa ca la gia**
28) **A địa mục đế**
29) **Thi ma xá na nê bà tất nê**
30) **Ma đát lị già noa**
31) **Nam mô tất yết lị đa gia**
32) **Nam mô bà già bà đế**
33) **Đa tha già đa câu la gia**
34) **Nam mô bát đầu ma câu la gia**
35) **Nam mô bạt xà la câu la gia**

36) **Nam mô ma ni câu la gia**
37) **Nam mô già xà câu la gia**
38) **Nam mô bà già bà đế**
39) **Đế lị tra du la tây na**
40) **Ba la ha la noa la xà gia**
41) **Đá tha già đa gia**
42) **Nam mô bà già bà đế**
43) **Nam mô a di đa bà gia**
44) **Đá tha già đa gia**
45) **A la ha đế**
46) **Tam miệu tam bồ đà gia**
47) **Nam mô bà già bà đế**
48) **A sô bệ gia**
49) **Đá tha già đa gia**
50) **A la ha đế**
51) **Tam miệu tam bồ đà gia**
52) **Nam mô bà già bà đế**
53) **Bệ sa xà gia câu lô phệ trụ lị gia**
54) **Bát la bà la xà gia**
55) **Đá tha già đa gia**
56) **Nam mô bà già bà đế**
57) **Tam bổ sư bí đa**
58) **Tát lân nại la lạt xà gia**
59) **Đá tha già đa gia**
60) **A la ha đế**
61) **Tam miệu tam bồ đà gia**
62) **Nam mô bà già bà đế**
63) **Xá kê dã mẫu na duệ**
64) **Đá tha già đa gia**
65) **A la ha đế**
66) **Tam miệu tam bồ đà gia**
67) **Nam mô bà già bà đế**
68) **Lạt đát na kê đô la xà gia**
69) **Đá tha già đa gia**
70) **A la ha đế**
71) **Tam miệu tam bồ đà gia**
72) **Đế biều. Nam mô tất yết lị đa**
73) **Ế đàm bà già bà đế**
74) **Tát đát tha già đô sắt ni sam**
75) **Tát đát đa bát đát lam**
76) **Nam mô a bà la thị đam**
77) **Bát la đế dương kỳ la**

78) **Tát la bà bộ đa yết la ha**
79) **Ni yết la ha , yết ca la ha ni**
80) **Bạt la tỉ địa gia sất đà nễ**
81) **A ca la mật lị trụ**
82) **Bát lị đát la gia nãnh yết lị**
83) **Tát la bà bàn đà na mục xoa ni**
84) **Tát bà đột sắt tra**
85) **Đột tất phạp bát na nễ phạt la ni**
86) **Giả đô la thất để nam**
87) **Yết la ha sa ha tát la nhã xà**
88) **Tỳ đa băng sa na yết lị**
89) **A sắt tra băng xá đế nam**
90) **Na xoa sát đát la nhã xà**
91) **Ba la tát đà na yết lị**
92) **A sắt tra nam**
93) **Ma ha yết la ha nhã xà**
94) **Tỳ đa băng tát na yết lị**
95) **Tát bà xá đô lô nễ bà la nhã xà**
96) **Hô lam đột tất phạp nan giá na xá ni**
97) **Bí sa, xá tất đát la**
98) **A cát ni, ô đà ca, la nhã xà**
99) **A bát la thị đa cụ la**
100) **Ma ha bát la chiến trì**
101) **Ma ha điệp đa**
102) **Ma ha đế xà**
103) **Ma ha thuế đa xà bà la**
104) **Ma ha bạt la bạn đà la bà tất nễ**
105) **A lị gia đa la**
106) **Tỳ lị câu tri**
107) **Thệ bà tỳ xà gia**
108) **Bạt xà la ma lễ để**
109) **Tỳ Xá Lô đa**
110) **Bột đằng võng ca**
111) **Bạt xà la chế hạt na a giá**
112) **Ma la chế bà bát la chất đa**
113) **Bạt xà la đàn trì**
114) **Tỳ xá la giá**
115) **Phiến đa xá bệ đề bà bổ thị đa**
116) **Tô ma lô ba**
117) **Ma ha thuế đa**
118) **A lị gia đa la**
119) **Ma ha ba la a bát la**

120) **Bạt xà la thương yết la chế bà**
121) **Bạt xà la câu ma lị**
122) **Câu lam đà lị**
123) **Bạt xà la hạt tát đa giá**
124) **Tỳ địa gia, càn giá na ma lị ca**
125) **Khuất tô mẫu bà yết la hàm na**
126) **Bệ lô giá na câu lị gia**
127) **Dạ la thố sắt ni sam**
128) **Tỳ chiết lam bà ma ni giá**
129) **Bạt xà la ca na ca ba la bà**
130) **Lô xà na bạt xà la đốn trĩ giá**
131) **Thuế đa giá ca ma la**
132) **Sát xa thi ba la bà**
133) **Ê đế di đế**
134) **Ấn đà la yết noa**
135) **Sa bệ la sám**
136) **Quật phạm đô**
137) **Ấn thố na mạ mạ tả**
Người tụng Chú đến câu này thì xưng là :" Đệ tử (Họ tên...) xin thọ trì "

II_HỘI THỨ HAI :
138) **Ô hồng**
139) **Lị sắt yết noa**
140) **Bát lạt xá tất đa**
141) **Tát đát tha già đô sắt ni sam**
142) **Hổ hồng**
143) **Đô lô ung**
144) **Chiêm bà na**
145) **Hổ hồng**
146) **Đô lô ung**
147) **Tất đam bà na**
148) **Hổ hồng**
149) **Đô lô ung**
150) **Ba la sắt địa gia tam bát xoa noa yết la**
151) **Hổ hồng**
152) **Đô lô ung**
153) **Tát bà dược xoa hạt la sát sa**
154) **Yết la ha nhã xà**
155) **Tỳ đằng băng tát na yết la**
156) **Hổ hồng**
157) **Đô lô ung**
158) **Giả đô la thi để nam**

159) **Yết la ha sa ha tát la nam**
160) **Tỳ đằng băng tát na yết la**
161) **Hổ hồng**
162) **Đô lô ung**
163) **La xoa**
164 **) Bạc già phạm**
165) **Tát đát tha già đô sắt ni sam**
166) **Ba la điểm xà cát lị**
167) **Ma ha sa ha tát la**
168) **Bột thọ sa ha tát la thất lị sa**
169) **Câu tri sa ha tát nê đế lệ**
170) **A tệ đề thị bà lị đa**
171) **Tra tra anh ca**
172) **Ma ha bạt xà lô đà ra**
173) **Đế lị bồ bà na**
174) **Mạn trà la**
175) **Ô hồng**
176) **Sá tát đế bạc bà đô**
177) **Ma ma**
178) **Ấn thố na mạ mạ tả**
Đến câu này , y theo trước xưng :” Đệ tử (Họ tên...) xin thọ trì “

III_HỘI THỨ BA :
179) **La xà bà dạ**
180) **Chủ la bạt dạ**
181) **A kỳ ni bà dạ**
182) **Ô đà ca bà dạ**
183) **Tỳ sa bà dạ**
184) **Xả tát đa la bà dạ**
185) **Bà la chước yết la bà dạ**
186) **Đột sắt xoa bà dạ**
187) **A xá nễ bà dạ**
188) **A ca la mật lị trụ bà dạ**
189) **Đà la ni bộ di kiếm ba già ba đà bà dạ**
190) **Ô la ca bà đa bà dạ**
191) **Lạt xà đàn trà bà dạ**
192) **Na già bà dạ**
193) **Tỳ điều đát bà dạ**
194) **Tô ba la noa bà dạ**
195) **Dược xoa yết la ha**
196) **La sát tư yết la ha**
197) **Tất lị đa yết la ha**

198) **Tỳ xá già yết la ha**
199) **Bộ đa yết la ha**
200) **Cưu bàn trà yết la ha**
201) **Bổ đan na yết la ha**
202) **Ca tra bổ đan na yết la ha**
203) **Tất kiền độ yết la ha**
204) **A bá tất ma la yết la ha**
205) **Ô đàn ma đà yết la ha**
206) **Xa dạ yết la ha**
207) **Hê lị bà đế yết la ha**
208) **Xã đa ha lị nam**
209) **Yết bà ha lị nam**
210) **Lô địa la ha lị nam**
211) **Mang sa ha lị nam**
212) **Mê đà ha lị nam**
213) **Ma xà ha lị nam**
214) **Xà đa ha lị nữ**
215) **Thị tỷ đa ha lị nam**
216) **Tỳ đa ha lị nam**
217) **Bà đa ha lị nam**
218) **A du giá ha lị nữ**
219) **Chất đa ha lị nữ**
220) **Đế sam tát bệ sam**
221) **Tát bà yết la ha nam**
222) **Tỳ đà gia xà sân đà dạ di**
223) **Kê la dạ di**
224) **Ba lị bạt la giả ca ngật lị đảm**
225) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
226) **Kê la dạ di**
227) **Trà diễn ni ngật lị đảm**
228) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
229) **Kê la dạ di**
230) **Ma ha bát du bát đát dạ**
231) **Lô địa la ngật lị đảm**
232) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
233) **Kê la dạ di**
234) **Na la dạ noa ngật lị đảm**
235) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
236) **Kê la dạ di**
237) **Đát đỏa già lô trà tây ngật lị đảm**
238) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
239) **Kê la dạ di**

240) **Ma ha ca la ma đát lị già noa ngật lị đảm**
241) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
242) **Kê la dạ di**
243) **Ca ba lị ca ngật lị đảm**
244) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
245) **Kê la dạ di**
246) **Xà gia yết la ma độ yết la**
247) **Tát bà la tha sa đạt na ngật lị đảm**
248) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
249) **Kê la dạ di**
250) **Giả đốt la bà kỳ nễ ngật lị đảm**
251) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
252) **Kê la dạ di**
253) **Tỳ lị dương ngật lị tri**
254) **Nan đà kê sa la già noa bát đế**
255) **Sách hê dạ ngật lị đảm**
256) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
257) **Kê la dạ di**
258) **Na yết na xá la bà noa ngật lị đảm**
259) **Tỳ đạ dạ xà sân đà dạ di**
260) **Kê la dạ di**
261) **A la hán ngật lị đảm .Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
262) **Kê la dạ di**
263) **Tỳ đa la già ngật lị đảm**
264) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
265) **Kê la dạ di .Bạt xà la ba nễ**
266) **Cụ hê dạ cụ hê dạ**
267) **Ca địa bát đế ngật lị đảm**
268) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**
269) **Kê la dạ di**
270) **La xoa võng**
271) **Bà già phạm**
272) **Ấn thố na mạ mạ tả**
Đến đây, y theo trước xưng :” Đệ tử (Họ tên...) xin thọ trì “

IV_HỘI THỨ TƯ :
273) **Bạc già phạm**
274) **Tất đát đa bát đát la**
275) **Nam mô Tốt đô đế**
276) **A tất đa na la lạt ca**
277) **Ba la bà tất phổ tra**
278) **Tỳ ca tát đát đa bát đế lị**

279) **Thập phật la thập phật la**
280) **Đà la đà la**
281) **Tần đà la tần đà la _ sân đà sân đà**
282) **Hổ hồng**
283) **Hổ hồng**
284) **Phán tra**
285) **Phán tra, phán tra, phán tra, phán tra, phán tra**
286) **Sa ha**
287) **Hê hê phán**
288) **A mâu ca gia phán**
289) **A ba la đề ha đa phán**
290) **Bà la ba la đà phán**
291) **A tố la Tỳ đà la ba ca phát**
292) **Tát bà đề bệ tệ phán**
293) **Tát bà na già tệ phán**
294)**Tát bà dược xoa tệ phán**
295) **Tát bà càn đạt bà tệ phán**
296) **Tát bà bổ đan na tệ phán**
297) **Ca tra bổ đan na tệ phán**
298) **Tát bà đột lang chỉ đế tệ phán**
299) **Tát bà đột sáp tỷ lê ngật sắt đế tệ phán**
300) **Tát bà thập bà lê tệ phán**
301)**Tát bà a bá tất ma lê tệ phán**
302) **Tát bà xá la bà noa tệ phán**
303) **Tát bà địa đế kê tệ phán**
304) **Tát bà đát ma đà kê tệ phán**
305) **Tát bà tỳ đà gia la thệ giá lê tệ phán**
306) **Xà dạ yết la, ma độ yết la**
307) **Tát bà la tha sa đà kê tệ phán**
308) **Tỳ đà dạ giá lê tệ phán**
309) **Giả đô la phộc kỳ nễ tệ phán**
310) **Bạt xà la câu ma lị**
311) **Tỳ đà dạ la thệ tệ phán**
312) **Ma ha ba la đinh dương xoa kỳ lị tệ phán**
313) **Bạt xà la thương yết la dạ**
314) **Ba la trượng kỳ la xà gia phán**
315) **Ma ha ca la dạ**
316) **Ma ha mạt đát lị ca noa**
317) **Nam mô sa yết lị đa dạ phán**
318) **Bí sắt noa tỳ duệ phán**
319) **Bột la ha mâu ni duệ phán**
320) **A kỳ ni duệ phán**

321) **Ma ha yết lị duệ phán**
322) **Yết la đàn trì duệ phán**
323) **Miệt đát lị duệ phán**
324) **Lạo đát lị duệ phán**
325) **Giá văn trà duệ phán**
326) **Yết la la đát lị duệ phán**
327) **Ca bát lị duệ phán**
328) **A địa mục chất đa thi ma xá na**
329) **Bà tư nễ duệ phán**
330) **Diễn cát chất**
331) **Tát đỏa bà tả**
332) **Ma ma**
Ấn thố na mạ mạ tả
Đến câu này, y theo trước xưng :" Đệ tử (Họ tên...) xin thọ trì "

V_HỘI THỨ NĂM :
333) **Đột sắt tra chất đa**
334) **A mạt đát lị chất đa**
335) **Ô xà ha ra**
336) **Già bà ha la**
337) **Lô địa la ha la**
338) **Bà sa ha la**
339) **Ma xà ha la**
340) **Xà đa ha la**
341) **Thị tỷ đa ha la**
342) **Bạt lược dạ ha la**
343) **Kiền đà ha la**
344) **Bố sử ba ha la**
345) **Phả la ha la**
346) **Bà tả ha la**
347) **Bát bà chất đa**
348) **Đột sắt tra chất đa**
349) **Lao đà la chất đa**
350) **Dược xoa yết la ha**
351) **La sát sa yết la ha**
352) **Bế lệ đa yết la ha**
353) **Tỳ xá già yết la ha**
354) **Bộ đa yết la ha**
355) **Cưu bàn trà yết la ha**
356) **Tất kiền đà yết la ha**
357) **Ô đát ma đà yết la ha**
358) **Xa dạ yết la ha**

359) **A bá tát ma la yết la ha**
360) **Trạch khư cách trà kỳ ni yết la ha**
361) **Lị phật đế yết la ha**
362) **Xà di ca yết la ha**
363) **Xá câu ni yết la ha**
364) **Mụ đà la nan địa yết la ha**
365) **A lam bà yết la ha**
366) **Kiền độ ma ni yết la ha**
367) **Thập phật la yên ca hê ca**
368) **Trụy đế dược ca**
369) **Đát Lệ Đế Dược Ca**
370) **Giả Đột Thác Ca**
371) **Ni đề thập Phạt la. Bí sam ma thập phạt la**
372) **Bạc Để Ca**
373) **Ty Để Ca**
374) **Thất Lệ Sắt mật ca**
375) **Sa Nễ Bát Đế Ca**
376) **Tát Bà Thật Phạt La**
377) **Thất Lô cát đế**
378) **Mạt đà bệ đạt lô chế kiếm**
379) **A ỷ lô kiềm**
380) **Mục khư lô kiềm**
381) **Yết Lị Đột Lô kiềm**
382) **Yết La Ha yết Lam**
383) **Yết Noa Du lam**
384) **Đạn Đa Du Lam**
385) **Hất lị dạ du lam**
386) **Mạt ma du lam**
387) **Bạt lị thất bà du lam**
388) **Bí Lật Sắt tra du lam**
389) **Ô đà la du lam**
390) **Yết tri du lam**
391) **Bạt tất đế du lam**
392) **Ô lô du lam**
393) **Thường già du lam**
394) **Hạt tất đa du lam**
395) **Bạt đà du lam**
396) **Sa phòng áng già bát la trượng già du lam**
397) **Bộ đa bí đá trà**
398) **Trà kỳ ni . Thập bà la**
399) **Đà đột lô ca kiến đốt lộ , cát tri, bà lộ đà tỳ**
400) **Tát bà lô ha, lăng già**

401) **Du sa đát la , bà na yết la**
402) **Tỳ sa dụ ca**
403) **A kỳ ni, ô đà ca**
404) **Mạt la bệ la, kiến đá la**
405) **A ca la mật lị trụ , đốt đát liễm bộ ca**
406) **Địa lật lạt tra**
407) **Bí lị sắt chất ca**
408) **Tát bà , na câu la**
409) **Tứ già , tệ yết la , Lị dược xoa , đát la sô**
410) **Mạt la , thị phệ , đế sam tát bệ sam**
411) **Tất đát đa bát đát la**
412) **Ma ha bạt xà lô sắt ni sam**
413) **Ma ha bát lặc trượng kỳ lam**
414) **Dạ bà đột đà xá du xà na**
415) **Biện đát lệ noa**
416) **Tỳ đà bàn đàm ca lô di**
417) **Đế thù bàn đàm ca lô di**
418) **Bát la tỳ đà bàn đàm ca lô di**
419) **Đát điệt tha**
420) **Án**
421) **A na lệ**
422) **Tỳ xá đề**
423) **Bệ la bạt xà la đà lị**
424) **Bàn đà bàn đà nễ**
425) **Bạt xà la báng ni phán**
426) **Hổ hồng , đô lô ung, phán**
427) **Sá bà ha**

(Hết)

ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ

(Bản Phổ Thông của Ngài Bát Lạt Mật Đế)

*) Phục hồi và dịch nghĩa Phạn Văn : HUYỀN THANH

I. HỘI THỨ NHẤT :

_ NAMO STATHÀGATÀYA SUGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA_ STATHÀGATA KOṬI UṢṆÌṢAṂ

Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác cùng với một ức (100 triệu) đỉnh kế tuyệt hảo của tất cả Như Lai

_ NAMAḤ SARVA BUDDHÀ BODHISATVEBHYAḤ

Quy mệnh tất cả Phật Bồ Tát Đẳng

_ NAMO SAPTANÀṂ SAMYAKSAṂBUDDHA KOṬINÀṂ_ SA'SRÀVAKA SAṂGHÀNÀṂ

Quy mệnh bảy ức (700 Triệu) Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng

_ NAMO LOKE ARHANTÀNÀṂ

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

_ NAMO SROTÀPANNÀNÀṂ

Quy mệnh chúng Dự Lưu Quả

_ NAMO SUKṚTÀGÀMÌNÀṂ

Quy mệnh chúng Nhất Lai Quả

[NAMO ANÀGAMÌNÀṂ

Quy mệnh Chúng Bất Hoàn Quả]

NAMO LOKE SAMYAGGATÀNÀṂ SAMYAKPRATIPANNÀNÀṂ

Quy mệnh chúng đạt bốn Quả và Chúng đạt bốn Hướng trong Thế Gian

_ NAMO DEVA ṚṢÌṆÀṂ

Quy mệnh chúng Thiên Tiên

_ NAMO SIDDHA VIDYÀDHÀRA ṚṢÌṆÀṂ_ 'SAPÀNU GRAHÀ SAHASRA MATHÀNÀṂ

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên với chúng khéo hủy diệt hàng ngàn phiền não đáng ghét

_ NAMO BRAHMAṆE

Quy mệnh chúng Phạm Thiên

_ NAMO INDRÀYA

Quy mệnh chúng Đế Thích Thiên

_ NAMO BHAGAVATE RUDRÀYA UMÀPATÌ SAHEYÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Ô Ma Phi với hàng quyến thuộc

_ NAMO BHAGAVATE NÀRAYAṆÀYA PAṂCA MAHÀ MUDRA AKÀMAPUTRA NAMASKṚTÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô Ái Tử

_ NAMO BHAGAVATE MAHÀ KÀLÀYA TRIPURA NAGARA VIDÀRAPAṆA KÀRÀYA_ ADHIMUKTIKA 'SMA'SANA NIVASINI MÀTṚGAṆA NAMASKṚTÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi kính lễ của chúng Quỷ Mẫu

_ NAMO BHAGAVATE TATHÀGATÀ KULÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

_ NAMO PADMA KULÀYA

Quy mệnh Liên Hoa Bộ Tộc

_ NAMO VAJRA KULÀYA

Quy mệnh Kim Cương Bộ Tộc

_ NAMO MAṆI KULÀYA

Quy mệnh Bảo Bộ Tộc

_ NAMO GARJA KULÀYA

Quy mệnh Khố Tàng Bộ Tộc

_ NAMO BHAGAVATE DṚḌHA 'SURASENA PRAHARAṆA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kích Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_ NAMO BHAGAVATE AMITÀBHÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMḲBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_ NAMO BHAGAVATE AKṢOBHYÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMḲBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_ NAMO BHAGAVATE BHAIṢAIJYA GURU VAIḌURYA PRABHA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMḲBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_ NAMO BHAGAVATE SAMḲPUṢPÌTÀ SÀLENDRA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMḲBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_ NAMO BHAGAVATE 'SÀKYAMUṆÀYE TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMḲBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_ NAMO BHAGAVATE RATNAKETU RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMḲBUDDHÀYA

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_ EBHYO NAMAḤSKṚTVA

Kính lễ các Đẳng ấy xong rồi

_ IDÀMḲ BHAGAVATE , STATHÀGATA UṢṆÌṢA , SITÀTAPATRAMḲ NAMAḤ

Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này

_ APARÀJITAMḲ PRATYUṄGIRAMḲ

Ngài là Vô Năng Thắng Thậm Năng Điều Phục Mẫu

_ SARVA BHÙTA GRAHÀ NIGRAHÀ KARÌMḲ

Ngài hay giáng phục tất cả loài Quỷ ác gây phiền não

_ PARAVIDYÀ CCHEDANA

Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác



_ ÀKÀLA MṚTYU PRA'SAMANA KARÌṂ

Ngài hay chặn đứng sự chết yểu không đúng thời



_ SARVA BANDHANA MUKṢANA

Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc



_ SARVA DUṢṬA DUḤSVAPNA NIVÀRAṆÌṂ

Ngài hay ngăn chặn tất cả giấc mộng xấu ác



_ CATUR A'SITÌNÀṂ GRAHÀ SAHASRÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KARÌṂ

Ngài hay tồi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não



_ AṢṬA VIṂ'SATÌNÀṂ NAKṢATRÀNÀṂ PRASÀDANA KARÌṂ

Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ



_ AṢṬANAṂ MAHÀ GRAHÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KARÌṂ

Ngài hay tồi hoại tám phiền não lớn



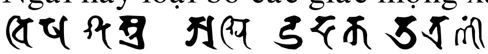
_ SARVA 'SATRÙ NIVÀRANÌṂ

Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia



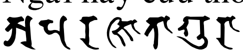
_ GURÀṂ DUḤSVAPNANÀṂ CANÀ'SANÌṂ

Ngài hay loại bỏ các giấc mộng xấu nặng nề



_ VIṢA , 'SASTRA , AGNI , UDAKA UTTRANÌṂ

Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về : chất độc, dao gậy, lửa, nước…



_ APARAJÌTA AGURÀ

Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu



_ MAHÀ BALÀ CAṆḌÀNÀṂ

Đại Lực Sân Nộ Mẫu



_ MAHÀ DÌPTÀṂ

Đại Uy Quang Mẫu



_ MAHÀ TEJÀṂ

Đại Uy Diệu Mẫu



_ MAHÀ 'SVETA JVALA
Đại Bạch Quang Diễm Mẫu

_ MAHÀ BALÀ PAṆḌARAVAṢINÌṂ
Đại Lực Bạch Y Mẫu

_ ÀRYA TÀRÀ
Thánh Cứu Độ Mẫu

_ BHṚKUṬÌṂ
Phẫn Nộ Mẫu

_ CIVA VIJAYA VAJRA MALATI VI'SRÙTÀṂ
Phỗ Mãn Tối Thắng Kim Cương Man Mẫu

_ PADMA AGMAṂ
Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu

_ VAJRA JIHVAKAḤ
Kim Cương Thiệt Mẫu

_ MÀLA CIVA APARAJITAḤ
Anh Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu

_ VAJRA DAṆDI VI'SALACA
Kim Cương Bổng Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu

_ 'SÀNTÀ VAIDEHÀ PÙJITAḤ
Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Dường Mẫu

_ SAUMI RÙPA MAHÀ 'SVETÀ
Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu

_ ÀRYA TÀRÀ MAHÀ BALÀḤ
Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu

_ APARA VAJRA 'SAṄKARA CIVAḤ
Tối Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mẫu

_ VAJRA KAUMÀRÌḤ KULANDHÀRÌ
Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu

_ VAJRA HASTAKA

Kim Cương Thủ Mẫu

_ VIDYA KAṂPANA MÀLIKAḤ

Minh Chú Niệm Châu Mẫu

_ KUSUMBHA RATNA CIVA

Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu

_ VAIROCANA CODÀRTHA UṢṆÌṢA

Biến Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu

_ VIJṚMBHA MÀNADA VAJRA

La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu

_ KANAKA PRABHÀ LOCANÀḤ

Kim Quang Nhãn Mẫu

_ VAJRA TUṆḌÌKA

Kim Cương Chúc Mẫu

_ 'SVETAKA

Bạch Sắc Mẫu

_ KAMALÀKṢA

Liên Hoa Nhãn Mẫu

_ 'SA'SI PRABHÀ

Nguyệt Quang Mẫu

_ ITYETE MUDRA GAṆAḤ SARVE RAKṢAṂ_ KURVATTU MAMAṢYA

Hết thảy Ấn Chúng như vậy hãy ủng hộ , thủ hộ cho chúng con

_ INDHANA MAMAṢYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

II. HỘI THỨ HAI :

_ OṂ_ṚṢÌGAṆA , PRA'SASTRA TATHÀGATA UṢṆÌṢÀṂ _ HÙṂ ṬRÙṂ

Quy mệnh chủng tử HÙM , TỜ-RU-UM của Tiên Chúng Thiện Quý Như Lai Đỉnh Kế

_ JAMBHANA_HÙM ṬRÙM

Với HÙM ṬRÙM thường nghiền nát mọi nghiệp tội

_ STAMBHANA_ HÙM ṬRÙM

Với HÙM ṬRÙM thường uy trấn hộ trì thân căn

_ PARAVIDYÀ SAMBHAKṢAṆA KARA_ HÙM ṬRÙM

Với HÙM ṬRÙM thường hoàn thiện các Minh Chú khác

_ SARVA YAKṢA RÀKṢASA GRAHÀṆÀM VIDHVAṂSANA KARA_ HÙM ṬRÙM

Với HÙM ṬRÙM thường tồi hoại tất cả loài Dạ Xoa, La sát gây phiền não

_ CATUR A'SÌTÌNÀṂ GRAHÀ SAHASRÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KARA_ HÙM ṬRÙM

Với HÙM ṬRÙM thường tồi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

_ RAKṢA RAKṢA

Hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng sinh

_ BHAGAVAṂ

Đức Thế Tôn

_ STATHÀGATA UṢṆÌṢA

Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Mẫu

_ PRATYUṄGIRE

Điều Phục Mẫu

_ MAHÀ SAHASRA   BHÙJE

Đại Thiên Tý Mẫu

_ SAHASRA 'SIRṢAI

Thiên Đầu Mẫu

_ KOṬI 'SATA SAHASRÀ NETRE

Ức Bách Thiên Nhãn Mẫu

_ ABHEDYA JVALI TANAṬAḌÀKA MAHÀ VAJRODÀRA

Nội Diễm Cụ Chủng Tướng Đại Kim Cương Phúc Mẫu

_ TṚBHUVANA MAṆḌALA

Tam Hữu Đàn Trường Mẫu

_ OṂ_ SVASTIRBHAVATU MAMA
Hãy khiến cho chúng con đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành

_ INDHANA MAMAṢYA
Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

III. HỘI THỨ BA :

RÀJA BHAYA
Nạn vua chúa

CORA BHAYA
Nạn giặc cướp

AGNI BHAYA
Nạn lửa thiêu đốt

UDAKA BHAYA
Nạn nước cuốn trôi

VIṢA BHAYA
Nạn thuốc độc

'SASTRA BHAYA
Nạn dao gậy

PARACAKRA BHAYA
Nạn quân binh

DURBHIKṢA BHAYA
Nạn đói khát

A'SANI BHAYA
Nạn mưa đá

AKÀLA MṚTYU BHAYA
Nạn chết không đúng thời

DHARAṆI BHUMI KAṂPA BHAYA
Nạn động đất

ULKOPÀTI BHAYA

Nạn trên đường đi nguy hiểm

RÀJA DAṆḌA BHAYA
Nạn bị hình phạt của vua chúa

NÀGA BHAYA
Nạn do loài Rồng gây hại

VIDYU BHAYA
Nạn sét đánh

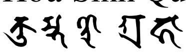
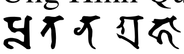
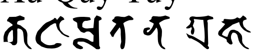
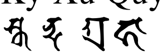
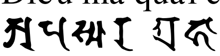
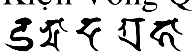
SUPARṆI BHAYA
Nạn do loài Kim Xí Điểu gây ra

_ YAKṢA GRAHÀ
Hàng Dạ Xoa gây ra điều ma quái (Dạ Xoa Túy)

RÀKṢASA GRAHÀ
Điều ma quái của hàng La Sát (La Sát Túy)

PRETA GRAHÀ
Ngạ Quỷ Túy

PI'SÀCA GRAHÀ
Thực Huyết Nhục Quỷ Túy

BHÙTA GRAHÀ
Hóa Sinh Quỷ Túy

KUMBHAṆḌA GRAHÀ
Ung Hình Quỷ Túy

PUTANA GRAHÀ
Xú Quỷ Túy

KAṬA PUTANA GRAHÀ
Kỳ Xú Quỷ Túy

SKANDA GRAHÀ
Điều ma quái của loài Quỷ vẹo môi (Thiên Thần Quỷ Túy)

APASMÀRA GRAHÀ
Kiện Vong Quỷ Túy


UNMÀDA GRAHÀ
Điên Cuồng Quỷ Túy

CCHÀYÀ GRAHÀ
Ảnh Quỷ Túy

REVATI GRAHÀ.
Não Nhi Quỷ Quý

_ ÙRJA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn tinh khí

RUDHIRA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn máu huyết

MÀṂSA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn thịt

MEDA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn thảo mộc có chất như mỡ

MAJJA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn xương tủy

JATA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn sinh khí

JÌVITA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn Thọ Mệnh

VÀNTA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn hơi thở ra vào

VA'SA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn thứ đồ dơ của sự sinh đẻ

A'SUCYA AHÀRIṆYÀ
Loài ăn thứ bất tịnh

CITTA AHÀRIṆYÀ.
Loài ăn tâm thức

_ TEṢÀṂ SARVEṢÀṂ_ SARVA GRAHÀNÀṂ VIDYÀṂ CCHINDHA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não thuộc tất cả loại như thế

_ PARIBRÀJAKA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo

_ ḌÀKIṆÌ KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Không Hành Mẫu

_ MAHÀ PA'SUPATÌYA , RUDRA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thú Chủ Tự Tại Thiên

_ NÀRAYAṆA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Na La Diên Thiên

_ TATVA GARUḌA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Cũng như vậy. Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điểu

_ MAHÀ KÀLA MÀTṚGAṆA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên với chúng Quỷ Mẫu

_ KÀPALIKA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo

_ JAYA KARA, MADHU KARA, SARVÀRTHA SÀDHANA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tựu Tất cả Nghĩa Lợi

_ CATUR BHAGINÌ KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ

_ BHṚṂGIRIṬIKA , NANDIKE'SVARA , GAṆAPATI SAHEYA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Đấu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyến thuộc của họ

_ NAGNA 'SRAMAṆA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo Lõa Thể

_ ARHANTA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Sát Tặc

_ VETÀLAGAṆA KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI , KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của chúng Khởi Thi Quỷ

_ VAJRAPÀṆI GUHYAKA ADHIPATI KṚTÀṂ VIDYÀṂ CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ.

_ RAKṢA RAKṢA MÀṂ_ BHAGAVAṂ

Con xin Đức Thế Tôn hãy ủng hộ, ủng hộ cho con

_ INDHANA MAMAṢYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

VI. HỘI THỨ TƯ :

_BHAGAVAṂ SITÀTAPATRA NAMO STUTE

Quy mệnh kính lễ Bạch Tản Cái Thế Tôn

_ AṢITA ANALA ARAKÀḤ PRABHA SPHUṬA VIKACA SITÀTAPATREḤ_ JVALA JVALA_ DARA DARA_ VIDARA VIDARA_ CCHINDA CCHINDA_ HÙṂ HÙṂ_ PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ_ SVÀHÀ

Aṣita anala arakàḥ prabha sphuṭa vikaca sitàtapatreḥ jvala jvala: Ngọn lửa linh thiêng màu trắng lóe ánh sáng thẳng tắp tròn đầy lóng lánh rực rỡ, là ánh lửa của Bạch Tản Cái phóng tỏa chiếu sáng

Dara dara: Giáng phục

Vidara vidara: Giáng phục khắp

Cchinda cchinda: Cắt đứt sự trói buộc bên trong và bên ngoài

Hùṃ hùṃ: Chủng tử chỉ sự khủng bố 2 chướng trong ngoài

Phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ: Phá bại Tham Sân Si Mạn Nghi

Svàhà: Quyết định thành tựu

_ HEHE PHAṬ

Hô Triệu phá bại

_ AMOGHÀYA PHAṬ
Bất Không Thiên Sứ phá bại
_APRATIHATÀYA PHAṬ
Phá bại không chướng ngại
_ VARA PRADÀYA PHAṬ
Nguyện ban cho phá bại
_ ASURA VIDARAPAKÀYA PHAṬ
Phá bại sự đốt cháy hủy hoại của A Tu La (Phi Thiên)
_ SARVA DEVEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả Thiên Chúng
_ SARVA NÀGEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Rồng
_ SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa
_ SARVA GANDHARVEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Càn Thát Bà (Hương Thực Thần)
_ SARVA PUTANEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Xú Quỷ
_ KAṬAPUTANEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Kỳ Xú Quỷ
_ SARVA DURLAṂGHYEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Ngộ Tưởng Quá (kẻ có lỗi do tưởng sai lầm)
_ SARVA DUṢPREKṢITEBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Ngộ Kiến Quá (Kẻ có lỗi do nhìn thấy sai lầm)
_ SARVA JVAREBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Nhiệt Bệnh Quỷ
_ SARVA APASMÀREBHYAḤ PHAṬ
Phá bại tất cả chúng Kiện Vong Quỷ
_ SARVA 'SRAMAṆEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Trì Chú

_ SARVA TÌRTHIKEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo

_ SARVA UNMÀDEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Điên Cuồng Quỷ

_ SARVA VIDYÀ RÀJA CÀRYEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Minh Vương Hạnh

_ JAYA KARA , MADHU KARA , SARVÀRTHA SÀDHANEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại hàng: Tác Thắng, Tác Mật, Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu

_ VIDYÀ CÀRYEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng Minh Hạnh

_ CATUR BHAGINÌBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng của 4 chị em Thần Nữ

_ VAJRA KAUMARÌḤ VIDYÀ RÀJEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng Kim Cương Đồng Nữ Minh Vương

_ MAHÀ PRATYUṄGIREBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng Đại Điều Phục

_ VAJRA 'SÀṄKARÀYA PRATYUṄGIRA RÀJÀYA PHAṬ

Phá bại hàng Kim Cương Tỏa Điều Phục Vương

_ MAHÀ KÀLÀYA , MÀTṚGAṆA NAMAḤSKṚTÀYA PHAṬ

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên, nơi kính lễ của chúng Ấm Mẫu

_ VIṢṆAVÌYE PHAṬ

Phá bại hàng Tỳ Nữu Mẫu Thiên

_ BRAHMÌṆÌYE PHAṬ

Phá bại hàng Phạm Thiên Phi

_ AGNÌYE PHAṬ

Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi

_ MAHÀ KÀLÌYE PHAṬ

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi

_ KÀLA DAṆḌÌYE PHAṬ

Phá bại hàng Quỷ Súy Hắc Áo Thần Nữ

_ AINDRIYE PHAṬ

Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ

_ RAUDRÌYE PHAṬ

Phá bại hàng Phẫn Nộ Thần Nữ

_ CAMUṆḌÌYE PHAṬ

Phá bại hàng Nộ Thần Nữ

_ KÀLA RÀTRÌYE PHAṬ

Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ

_ KÀPALÌYE PHAṬ

Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ

_ ADHIMUKTOKA 'SMA'SANA VASINÌYE PHAṬ

Phá bại hàng Ám Nữ vui thích ở gò mả và chốn hoang vắng

_ INDHANA MAMAṢYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

VII. HỘI THỨ NĂM :

_ YEKE CITTÀ SATVAṢYA MAMA

Phàm có chúng Hữu Tình khởi tâm đối với ta

_ DUṢṬA CITTÀ

Tâm độc ác

AMAITRA CITTÀ

Tâm không hiền lành

_ ÙRJA AHÀRÀ

Loài ăn tinh khí

GARBHA AHÀRÀ

Loài ăn bào thai

RUDHIRA AHÀRÀ
Loài ăn máu huyết

VA'SA AHÀRÀ
Loài ăn thứ do sinh đẻ

MAJJA AHÀRA
Loài ăn Xương tủy

JAṬA AHÀRÀ
Loài ăn sinh khí

JÌVITA AHÀRÀ
Loài ăn thọ mệnh

BALYA AHÀRÀ
Loài ăn sức lực

GANDHA AHÀRÀ
Loài ăn mùi thơm

PUṢPA AHÀRÀ
Loài ăn bông hoa

PHALA AHÀRÀ
Loài ăn quả trái

SASYA AHÀRÀ
Loài ăn hạt giống

PÀPA CITTÀ
Tâm tội lỗi

DUṢṬA CITTÀ
Tâm độc ác

RAUDRA CITTÀ
Tâm giận dữ

_ YAKṢA GRAHÀ
Dạ Xoa Túy

RÀKṢASA GRAHÀ
La Sát Túy

PRETA GRAHÀ
Ngạ Quỷ Túy

PI'SÀCA GRAHÀ
Xí Trung Quỷ Túy

BHÙTA GRAHÀ
Hóa Sinh Quỷ Túy

KUMBHÀṆḌA GRAHÀ
Ung Hình Quỷ Túy

SKANDA GRAHÀ
Thiên Thần Quỷ Túy

UNMÀDA GRAHÀ
Điên Cuồng Quỷ Túy

CCHÀYÀ GRAHÀ
Ảnh Quỷ Túy

APASMÀRA GRAHÀ
Kiện Vong Quỷ Túy

ḌÀKA ḌÀKIṆÌ GRAHÀ
Không Hành Quỷ Túy

REVATI GRAHÀ
Não Nhi Quỷ Túy

JAṄGHIKA GRAHÀ
Như Linh Dương Quỷ Túy

'SAKUNI GRAHÀ
Điểu Hình Quỷ Túy

NANDIKÀ GRAHÀ
Như Gia Cầm Hình Quỷ Túy

LAMBIKA GRAHÀ
Như Kê Hình Quỷ Túy

KAṆṬAPÀṆI GRAHÀ
Loài ma của hàng quỷ có bàn tay đầy gai

_ JVARA
Quỷ gây bệnh nóng sốt

EKÀHIKÀ
Một ngày phát bệnh một lần

DVAITYAKÀ
Hai ngày phát bệnh một lần

TRETYAKÀ
Ba ngày phát bệnh một lần

CATURTHAKÀ
Bốn ngày phát bệnh một lần

NITYÀ JVARA
Luôn luôn nóng sốt cao

_ VIṢAMA JVARA
Bệnh nóng sốt gây nguy hiểm

VÀTIKÀ
Phong bệnh

PAITTIKÀ
Bệnh vàng da

'SLEṢMIKÀ
Bệnh đàm rãi

SÀṂNIPATIKÀ
Bệnh do mọi thứ hòa hợp

SARVA JVARÀ
Tất cả bệnh nóng sốt

'SIRORTTI
Bệnh đau nhức đầu (Đầu thống)

ARDHÀVABHADAKA
Bệnh đau nhức nửa đầu

AKṢI ROGAṂ
Bệnh đau mắt
MUKHA ROGAṂ
Bệnh đau miệng
HṚDROGAṂ
Bệnh đau toàn thể con người
GRAHÀ 'SÙLAṂ
Đau nhức do Ma Quỷ gây ra
DANTA 'SÙLAṂ
Bệnh đau răng
HṚDAYA 'SÙLAṂ
Đau tim
MARMAN 'SÙLAṂ
Đau buốt xương
PÀR'SVA 'SÙLAṂ
Đau hông sườn
PṚṢṬA 'SÙLAṂ
Đau lưng
UDARA 'SÙLAṂ
Đau bụng
KAṬI 'SÙLAṂ
Đau eo lưng, đau mông đít
VASTI 'SÙLAṂ
Đau mắt cá chân
ÙRU 'SÙLAṂ
Đau bắp đùi
JAṂGHA 'SÙLAṂ
Đau ống chân
HASTA 'SÙLAṂ

Đau bàn tay

PÀDA 'SÙLAṂ

Đau bàn chân

SARVAGA PRATYUṄGIRA 'SÙLAṂ

Đau buốt tất cả chi thể trên thân không thể chữa khỏi

_ BHÙTA VETÀLA

Hóa Sinh Khởi Thi Quỷ

ḌÀKIṆÌ

Không Hành Nữ

_ JVARA

Nhọt do bị thiêu đốt

DATRÙ

Nhọt do cùi hủi

KAṆṬYU

Nhọt ghẻ mọc dầy như gai

KIṬṬI

Nhọt do dời ăn , nhọt do ở bẩn

BHAILOTÀVAI

Đinh Sang

SARPALOHÀ

Xâm Dâm Sang

LIṄGA

Xích Sang

'SOṢAṬRÀ

Nhọt do da khô nứt

SAGARÀ

Nhọt trĩ

_ VIṢAYOGA

Cổ Độc

AGNI
Lửa

UDAKA
Nước

MÀRAVELAKÀNTÀRA
Vườn rừng gây sự chết chóc (Tử Viên Lâm)

AKÀLA MṚTYU
Chết yểu không đúng thời

_ TRAIMUKHA
Loài trùng có 3 cái miệng

TRAILÀṬAKA
Một loài mòng

VṚ'SCIKA
Bò cạp

SARPA
Rắn

NAKULA
Một loài chồn ở Bengal là kẻ thù của chuột và rắn

SIṂHA
Sư tử

VYÀGHRA
Cọp

ṚIKṢA
Gấu ngựa

TARAṚIKṢA
Gấu heo

CAMARA
Loài bò Yak, loài trâu Yak ở Tây Tạng

JIVIKA

Loài sống dưới nước

_ TEṢÀṂ SARVEṢÀṂ_ SITÀTAPATRA MAHÀ VAJRA UṢṆÌṢÀṂ MAHÀ PRATYUṄGIRAṂ

Tất cả tai nạn bệnh tật như trên, dùng Bạch Tản Cái Đại Kim Cương Đại Điều Phục khiến cho chúng tự nhiên lui tan

_ YABA DVÀDA'SA YOJANA ABHYANTARÌṆA

Trong vòng 12 Do Tuần tất cả tật nạn ấy không thể nào xâm phạm được.

_ VIDYA BANDHAṂ KARA UMI

Tôi kết buộc Minh Chú

_ TEJA BANDHAṂ KARA UMI

Tôi kết buộc nhóm ánh sáng

_ PRAVIDYA BANDHAṂ KARA UMI

Tôi kết buộc Năng Thắng Minh

_ TADYATHÀ : OṂ_ ANALE VI'SUDDHE_ VAIRA VAJRADHÀRI_ BANDHA BANDHANI_ VAJRAPÀṆI PHAṬ_ HÙṂ ṬRÙṂ PHAṬ_ SVÀHÀ

Tadyatha: Liền nói Chú là

Anale: Ngọn lửa linh thiêng, năng lực siêu phàm

Vi'suddhe: Khiến cho thanh tịnh

Vaira: Sự chống lại, dũng cảm, có năng lực khác thường

Vajradhàri: Trì Kim Cương

Bandha:Cột trói , cột buộc

Bandhani: Cột trói

Vajrapàṇi: Kim Cương Thủ

Phaṭ : Phá bại

Hùṃ: Chủng tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề

Ṭrùṃ : Chủng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra tất cả Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn**

Phaṭ : Phá bại

Svàhà : Quyết định thành tựu

Hiệu chỉnh xong phần Phạn Văn

06/06/2006

ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ

(Dựa theo Bài Chú Lăng Nghiêm phổ thông của Ngài Bát Lạt Mật Đế)

Việt dịch : HUYỀN THANH

I_ HỘI THỨ NHẤT :

Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác cùng với một ức (100 triệu) đỉnh kế tuyệt hảo của tất cả Như Lai

Quy mệnh tất cả Phật Bồ Tát Đẳng

Quy mệnh bảy ức (700 Triệu) Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

Quy mệnh chúng Dự Lưu Quả

Quy mệnh chúng Nhất Lai Quả

Quy mệnh chúng Bất Hoàn Quả

Quy mệnh chúng đạt bốn Quả và chúng đạt bốn Hướng trong Thế Gian

Quy mệnh chúng Thiên Tiên

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên với chúng khéo hủy diệt hàng ngàn phiền não đáng ghét

Quy mệnh chúng Phạm Thiên

Quy mệnh chúng Đế Thích Thiên

Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Ô Ma Phi với hàng quyến thuộc

Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô Ái Tử

Quy mệnh Thế Tôn Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi kính lễ của chúng Quỷ Mẫu

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

Quy mệnh Liên Hoa Bộ Tộc

Quy mệnh Kim Cương Bộ Tộc

Quy mệnh Bảo Bộ Tộc

Quy mệnh Khố Tàng Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kích Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Kính lễ các Đẳng ấy xong rồi

_ Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này

Ngài là Vô Năng Thắng Thậm Năng Điều Phục Mẫu

Ngài hay giáng phục tất cả loài Quỷ ác gây phiền não

Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác

Ngài hay chặn đứng sự chết yểu không đúng thời

Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc

Ngài hay ngăn chặn tất cả giấc mộng xấu ác

Ngài hay tồi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ

Ngài hay tồi hoại tám phiền não lớn

Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia

Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về : chất độc, dao gậy, lửa, nước…

_ Ngài hay khiến cho tất cả Ấn Chúng

Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu

Đại Lực Sân Nộ Mẫu

Đại Uy Quang Mẫu

Đại Uy Diệu Mẫu

Đại Bạch Quang Diễm Mẫu

Đại Lực Bạch Y Mẫu

Thánh Cứu Độ Mẫu

Phẫn Nộ Mẫu

Phỗ Mãn Tối Thắng Kim Cương Man Mẫu

Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu

Kim Cương Thiệt Mẫu

An Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu

Kim Cương Bổng Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu

Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Dường Mẫu

Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu

Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu

Tối Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mẫu

Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu

Minh Chú Niệm Châu Mẫu

Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu

Biến Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu

La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu

Kim Quang Nhãn Mẫu

Kim Cương Chúc Mẫu

Bạch Sắc Mẫu

Liên Hoa Nhãn Mẫu

Nguyệt Quang Mẫu

Hết thảy Ấn Chúng như vậy hãy ủng hộ , thủ hộ cho chúng con

_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

II _ HỘI THỨ HAI :

Quy mệnh chủng tử HÙM, TỜ-RU-UM của Tiên Chúng Thiện Quý Như Lai Đỉnh Kế

Với HÙM ṬRÙM thường nghiền nát mọi nghiệp tội

Với HÙM ṬRÙM thường uy trấn hộ trì thân căn

Với HÙM ṬRÙM thường hoàn thiện các Minh Chú khác

Với HÙM ṬRÙM thường tồi hoại tất cả loài Dạ Xoa, La sát gây phiền não

Với HÙM ṬRÙM thường tồi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

Hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng sinh

_ Hỡi Đức Thế Tôn ! Ngài là Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Mẫu, Điều Phục Mẫu, Đại Thiên Tý Mẫu, Thiên Đầu Mẫu, Ức Bách Thiên Nhãn Mẫu, Nội Diễm Cụ Chủng Tướng Đại Kim Cương Phúc Mẫu, Tam Hữu Đàn Trường Mẫu

Hãy khiến cho chúng con đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành

_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

III _ HỘI THỨ BA :

Phàm có các tai nạn gây ra từ : vua chúa, giặc cướp, lửa, nước, chất độc, dao gậy, quân binh, đói khát, sấm sét, chết yểu không đúng thời, động đất, sao băng, hình phạt của phép vua, rồng độc, sét đánh, Kim Xí Điểu…

Lại có các loài gây ra sự phiền não như : Dạ Xoa, La Sát, Quỷ đói, Quỷ ăn máu thịt, Quỷ Hoá Sinh, Quỷ có hình ung nhọt, Quỷ hôi thối, Quỷ hôi thối lạ kỳ, Quỷ vẹo môi, Quỷ Kiện Vong, Quỷ điên cuồng, Quỷ hớp bóng (Ảnh Quỷ), Quỷ hại trẻ con, loài ăn tinh khí, loài ăn máu huyết, loài ăn thịt, loài ăn cây cỏ có chất như mỡ,loài ăn xương tủy, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn hơi thở ra vào, loài ăn thứ sinh đẻ, loài ăn thứ bất tịnh, loài ăn tâm thức

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được tất cả loài như thế

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Không Hành Mẫu

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thú Chủ Tự Tại Thiên

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Na La Diên Thiên

Cũng như vậy. Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điểu

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên với chúng Quỷ Mẫu

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tựu Tất cả Nghĩa Lợi

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Đấu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyến thuộc của họ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo Lõa Thể

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Sát Tặc
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của chúng Khởi Thi Quỷ
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ.
Con xin Đức Thế Tôn hãy ủng hộ, ủng hộ cho con
_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

IV _ HỘI THỨ TƯ :
Cúi đầu con quy mệnh
Bạch Tản Cái Thế Tôn
Hào quang lửa tròn đầy
Màu trắng tinh rực rỡ
Ánh sáng Bạch Tản Cái
Phóng tỏa khắp muôn nơi
Giáng phục, giáng phục khắp
Cắt đứt mọi trói buộc
Khủng bố trừ hai Chướng
Phá bại Tham ,Sân , Si
Cùng phá bại Mạn , Nghi
Thành tựu sự cát tường
_ Nay hô triệu phá bại
Hàng Bất Không Thiên Sứ
Phá bại không chướng ngại
Nguyện ban cho phá bại
Phá bại sự phá hoại của A Tu La
Phá bại tất cả Thiên Chúng
Phá bại tất cả Chúng Rồng
Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa
Phá bại tất cả chúng Hương Thực Thần
Phá bại tất cả chúng Quỷ hôi thối
Phá bại tất cả chúng Quỷ hôi thối lạ kỳ
Phá bại tất cả chúng có lỗi do tưởng sai lầm (Ngộ Tưởng Quá)
Phá bại tất cả chúng có lỗi do nhìn thấy sai lệch (Ngộ Kiến Quá)
Phá bại tất cả chúng Quỷ gây bệnh nóng sốt
Phá bại tất cả chúng Quỷ Kiện Vong
Phá bại tất cả chúng Trì Chú
Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo
Phá bại tất cả chúng Quỷ Hóa Sinh (Chúng Bộ Đa)
Phá bại tất cả chúng Minh Vương Hạnh
Phá bại tất cả chúng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tựu tất cả Nghĩa Lợi
Phá bại tất cả chúng Minh Hạnh (Trì Chú Bác Sĩ)
Phá bại chúng của bốn chị em Thần Nữ
Phá bại chúng Kim Cương Đồng Nữ Minh Vương
Phá bại chúng Đại Điều Phục
Phá bại hàng Kim Cương Tỏa Điều Phục Vương

Phá bại Đại Hắc Thiên nơi kính lễ của chúng Đại Quỷ Mẫu
Phá bại hàng Tỳ Nữu Thiên Phi
Phá bại hàng Phạm Thiên Phi
Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi
Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi
Phá bại hàng Quỷ Súy Hắc Áo Thần Nữ
Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ
Phá bại hàng Phẫn Nộ Thần Nữ
Phá bại hàng Sân Nộ Thần Nữ
Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ
Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ
Phá bại chúng Nữ Quỷ vui thích cư ngụ ở gò mả
_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

V _ HỘI THỨ NĂM :

Phàm có Hữu Tình đối với ta khởi tâm độc ác, tâm không hiền lành

Lại có các loài gây não hại như : loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu huyết,loài ăn thứ sinh đẻ, loài ăn xương tủy, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn sức lực, loài ăn mùi thơm, loài ăn bông hoa, loài ăn quả trái, loài ăn hạt giống, loài có tâm tội lỗi, loài có tâm độc ác, loài có tâm phẫn nộ.

Lại có nhóm ma của hàng Dạ Xoa, nhóm ma của hàng La Sát, nhóm ma của loài Quỷ đói, nhóm ma của Quỷ ở nhà xí, nhóm ma của Quỷ Hóa Sinh, nhóm ma của Quỷ có hình ung nhọt, nhóm ma của Quỷ vẹo môi, nhóm ma của Quỷ điên cuồng, nhóm ma của Ảnh Quỷ, nhóm ma của Quỷ Kiện Vong, nhóm ma của Không Hành Nam và Không Hành Nữ, nhóm ma của Quỷ hại trẻ con, nhóm ma của Quỷ có hình như con Linh Dương, nhóm ma của Quỷ có hình con chim, nhóm ma của Quỷ có hình Gia Cầm, nhóm ma của Quỷ có hình con gà, nhóm ma của Quỷ có bàn tay đầy gai.

Lại có Quỷ gây bệnh sốt rét: một ngày phát một lần, hai ngày phát một lần, ba ngày phát một lần, bốn ngày phát một lần, thường nóng sốt cao

Lại có các thứ bệnh như : nóng sốt cao, nhiễm gió (Phong bệnh), vàng da, đàm rãi, bệnh do mọi thứ hòa hợp, tất cả bệnh nhiệt, đau đầu, đau nhức nửa đầu, đau mắt, đau miệng, đau toàn thân, đau nhức do Ma Quỷ gây ra, đau răng, đau tim, đau buốt đốt xương, đau hông sườn, đau lưng, đau bụng, đau eo lưng, đau xương mắt cá chân, đau bắp đùi, đau ống chân, đau bàn tay, đau bàn chân, đau buốt tất cả chi tiết…

Lài có loài Bộ Đa, Khởi Thi Quỷ, Không Hành Nữ với các loại ung nhọt như : nhọt do bị thiêu đốt, nhọt do bị cùi hủi, nhọt ghẻ dầy như gai, nhọt dời ăn (Tri Thù Sang) Đinh Sang, Xâm Dâm Sang, Xích Sang, nhọt do da khô nứt, nhọt trĩ…

Lại có tai nạn phát sinh do Cổ Độc, lửa, nước, vườn rừng gây sự chết chóc, chết yểu không đúng thời, loài trùng Traimukha, loài mòng Trailaṭaka ,Bò Cạp, rắn, chồn dữ, sư tử, cọp, gấu heo, gấu ngựa, loài trâu Yak, loài sống dưới nước…

Tất cả tai nạn bệnh tật như trên, dùng Bạch Tản Cái Đại Kim Cương Đại Điều Phục khiến cho chúng tự nhiên lui tan. Trong vòng 12 Do Tuần tất cả tật nạn ấy không thể nào xâm phạm được.

Nay Ta kết Minh Chú
Ta kết nhóm Ánh Sáng (Quang Tụ)
Kết buộc Năng Thắng Minh
Liền nói Thần Chú là:

Om, a na lê, vi xút đê, vai ra va-di ra đa ri , ban đa, ban đa ni, va-di ra pa ni, phạt, hùm, tờ-ru-um , phạt, sờ-va ha.

16/ 01/2002



CÔNG ĐỨC CỦA BÀI CHÚ LĂNG NGHIÊM

(Trích trong Kinh Lăng Nghiêm, quyển 7)

_ Chú Lăng Nghiêm hay bài Chú **Phật Đỉnh Quang Tụ Tất Đát Đa Bát Đát La** hàm chứa những vần thơ bí mật, những câu văn vi diệu. Là nguyên nhân sinh ra tất cả chư Phật trong mười phương

_ Mười phương Như Lai do Tâm Chú này mà được thành Vô Thượng Chính Biến Tri Giác (hay quả vị Toàn Giác)

_ Mười phương Như Lai trì Tâm Chú này mà hàng phục được các Tà Ma, Ngoại Đạo

_ Mười phương Như Lai dùng Tâm Chú này làm xe sen báu để đi ứng hóa nơi vô số Quốc Độ

_ Mười phương Như Lai dùng Tâm Chú này để chuyển bánh xe Đại Pháp trong vô số Quốc Độ

_ Mười phương Như Lai trì Tâm Chú này nên hay xoa đầu thọ ký cho các hàng Bồ Tát,Thanh Văn và những người chưa chứng Quả Vị ở khắp mười phương

_ Mười phương Như Lai y theo Tâm Chú này mà cứu vớt tất cả Chúng Sinh ở khắp mười phương thoát khỏi mọi sự khổ não của Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh,

đui, điếc, câm, ngọng, 8 điều khổ đồng thời giải thoát các ách nạn : Giặc cướp, binh đao, phép vua, tù ngục, bão lụt, lử, nước, đói khát, nghèo nàn…

_ Mười phương Như Lai tùy theo Tâm Chú này mà đi khắp mười phương để phụng sự các bậc Thiện Tri Thức. Trong bốn oai nghi đi,đứng, nằm ngồi đều được như ý cúng dường vô lượng vô số chư Phật. Ở trong Pháp Hội của Như Lai đều được suy tôn là Đại Pháp Vương Tử.

_ Mười phương Như Lai thực hành Tâm Chú này mà hay đi khắp mười phương để nhiếp thọ những người có nhân duyên và khiến cho hàng Tiểu Thừa nghe thấy Bí Tạng, chẳng sinh lòng khiếp sợ

_ Mười phương Như Lai tụng Tâm Chú này mà ngồi dưới gốc cây Bồ Đề thành tựu Đạo Vô Thượng Giác cho đến khi vào Đại Niết Bàn

_ Mười phương Như Lai truyền lại Tâm Chú này để sau khi diệt độ, phó chúc Pháp Phật cho người sau giữ gìn được đến nơi đến chốn cùng tột và đều giữ gìn trong sạch những Giới Luật nghiêm tịnh.

_ Nếu có ai ngộ nhập vào những chữ những câu trong Tâm Chú Lăng Nghiêm thì mới biết tất cả chúng Hữu Tình và Vô Tình cũng thường nói Chú này. Do đó Chú này còn gọi là **Như Lai Đỉnh.**

CÔNG NĂNG CỦA THẦN CHÚ THỦ LĂNG NGHIÊM

(Trích trong Kinh Lăng Nghiêm, quyển 7)

Như hàng Hữu Học chưa thoát khỏi Luân Hồi, có Tâm chí thành cầu tu chứng quả vị A La Hán. Nếu ở trong Đạo Trường, không trì bài Chú này thì thân tâm của Hành Giả khó có thể tránh thoát khỏi được sự quấy nhiễu của Tà Ma.

Nếu có chúng sinh tùy theo vật dụng có được trong nước mình cư ngụ như : Vỏ cây hoa,lá cây Bối, giấy trắng, nhung trắng… đem viết bài Chú này vào rồi đựng trong một cái túi thơm. Như người ấy ngu muội chẳng thể tụng nhớ được thì đeo ở trên thân mình hoặc để trong nhà thì trọn đời người ấy chẳng bị các thứ độc làm hại.

Bài Chú Lăng Nghiêm hay cứu chúng sinh thoát khỏi mọi sự sợ hãi và giúp cho chúng sinh tu thành Trí Tuệ xuất Thế Gian.

Trong thời Mạt Pháp. Nếu có người trì tụng hoặc dạy người khác trì tụng Thần Chú Lăng Nghiêm thì kẻ ấy không bị các nạn : Lửa đốt, nước cuốn trôi, độc hại… cho đến tất cả Chú Ngữ độc ác của các hàng Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Yêu Tinh, Ma, Mỵ… đều chẳng thể hại được. Khi trì tụng bài Chú này mà Tâm được chính định rồi thì hết thảy mọi thứ bùa chú, nọc độc, thuốc độc, các hơi độc ở vàng, bạc, cỏ cây, rắn, rết, sâu bọ và các loài khác … nếu lọt vào trong miệng người ấy cũng đều hóa thành vị Cam Lộ. Tất cả các vị Hung Tinh, Ác Quỷ, Ác Thần dù có Tâm ác hãm hại người cũng không dám khởi Tâm làm hại Người Trì Chú ấy. Các loài Tần Na Dạ Ca và chúa Quỷ ác cùng với quyến thuộc đã thọ ân sâu của Phật Pháp thường đến ủng hộ những người trì tụng Chú ấy.

Bài Chú Lăng Nghiêm thường có tám vạn bốn ngàn vô số Chủng Tộc Bồ Tát Kim Cương Tạng Vương, mỗi mỗi vị đều có quyến thuộc ngày đêm hộ vệ. Nếu có chúng sinh, Tâm còn tán loạn chẳng thể vào Tam Ma Địa được mà kẻ ấy : Tâm trì, miệng tụng bài Chú Lăng Nghiêm thì các vị Kim Cương thường theo ủng hộ kẻ ấy huống chi là người có Tâm quyết định vào Đạo Bồ Đề. Các vị Kim Cương này thường đem sức thần ủng hộ khiến cho người ấy tinh tiến thân tâm, phát khởi Thần Thức, ngay đó nhớ lại những việc từ tám vạn bốn ngàn hằng hà sa số kiếp cho đến nay,mỗi mỗi đều rõ ràng, chẳng có nghi hoặc. Kể từ lúc mới tu học là Kiếp thứ nhất cho đến khi thành Phật là Kiếp cuối cùng, dù phải trải qua bao nhiêu Kiếp nữa thì chẳng khi nào phải sinh làm Quỷ Dạ Xoa, Quỷ La Sát , Quỷ bệnh tật, Quỷ ung thối, Quỷ Yểm Mỵ, Quỷ hút tinh khí, cùng các loài Ngạ Quỷ có hình vô hình , có tưởng vô tưởng và những xứ ác độc.

Bậc Thiện Tri Thức ấy hoặc đọc tụng hoặc đeo giữ và cúng dường Tâm Chú này thì kiếp kiếp chẳng sinh vào những chốn nghèo nàn hèn hạ và những nơi chẳng an lành. Các chúng sinh này dù cho tự thân chẳng làm Phước Nghiệp thì mười phương Như Lai cũng ban công đức cho họ , do đó trong vô số kiếp thường sinh đồng một chỗ với chư Phật, liên kết chặt chẽ vô lượng vô số công đức để cùng tu tập tại một nơi với nhau. Cho nên Tâm Chú này khiến cho người đã Phá Giới lại được Giới Căn trong sạch, ngườichưa đắc Giới khiến cho đắc Giới, người chưa tinh tiến khiến cho tinh tiến, người không có Trí Tuệ khiến cho được Trí Tuệ, người chẳng thanh

tịnh khiếncho mau chóng thanh tịnh, người chưa giữ được Trai Giới khiến cho giữ được Trai Giới.

Kẻ Thiện Nam Tử ấy . Giả sử trước kia có phạm Giới Cấm thì sau khi trì Chú , các tội Phá Giới chẳng kể nặng nhẹ đều được tiêu diệt. Dù cho đã uống rượu, ăn ngũ tân và các thứ Bất Tịnh thì tất cả chư Phật, Bồ Tát, Kim Cương, Thiên Tiên, Quỷ Thần cũng chẳng cho là có lỗi mà bắt tội nữa. Dù có mặc quần áo rách rưới bẩn thỉu, khi đi đứng trì niệm Thần Chú cũng vẫn được coi như người thanh tịnh. Dù chẳng lập Đàn, chẳng vào Đạo Trường cũng chẳng hành Đạo mà trì tụng Chú này thì cũng được công đức đầy đủ như là người lập Đạo Trường hành Đạo.

Nếu những kẻ trước kia đã tạo ra năm tội Nghịch và cái tội nặng đáng đọa vào Địa Ngục Vô Gián, hoặc các Tăng Ni đã phạm tội Tứ Khí , Bát Khí , tuy trong các đời trước chưa kịp sám hối. Nay biết đọc tụng, biên chép bài Chú này , đeo giữ trên mình hoặc để ở nơi cư ngụ thì những Nghiệp tích chứa từ trước đều tiêu tan hết, chẳng bao lâu sẽ được Vô Sinh Nhẫn.

Như người phụ nữ chưa có con. Nếu muốn cầu con mà hay chí Tâm tưởng niệm hoặc đeo Chú này thì sẽ sinh được những đứa con trai, con gái có phước đức Trí Tuệ. Kẻ nào cầu sống lâu được sống lâu, cầu Phước Báo được Phước Báo, cho đến cầu thân thể xinh đẹp khỏe mạnh sẽ đều được như thế. Sau khi chết, tùy Nguyện vãng sinh trong mười phương Quốc Độ, chắc chắn chẳng sinh vào nơi biên địa, giòng tộc hạ tiện và không phải mang những thân hình uế tạp.

Nếu có các Quốc Độ, châu huyện, làng xóm bị nạn đói kém, ôn dịch hoặc những nơi bị binh loạn, giặc cướp đánh nhau và tất cả những nơi có tai nạn khác… thì cứ viết bài Chú này dán ở bốn cửa thành, các Tháp Miếu hoặc viết lên ngọn cờ, cây phướng và khiến chúng sinh nơi ấy thừa phụng bài Chú này , cung kính lễ bái, nhất tâm cúng dường đồng thời khiến mỗi người dân đeo bài Chú trên mình hoặc để ở nơi cư ngụ thì tất cả tai nạn thảy đều tiêu diệt.

Nếu có chúng ở các Quốc Độ. Hễ chỗ nào có bài Chú này thì Trời Rồng vui mừng , mưa gió thuận hòa, ngũ cốc được mùa, dân chúng an vui. Những tai chướng do tất cả Ác Tinh biến quái ở mọi nơi đều chẳng thể sinh khởi, người chẳng chết yểu, gông cùm xiềng xích chẳng dính vào thân, ngày đêm ngủ yên thường chẳng gặp mộng ác.

Cõi Ta Bà này có tám vạn bốn ngàn tai biến do Ác Tinh, do 28 Ác Tinh làm Thượng Thủ. Lại có 8 Đại Ác Tinh làm chủ hay xuất hiện trên đời với nhiều hình dạng hay gây các tai họa kỳ lạ cho chúng sinh, hễ có bài Chú này thì hết thảy đều bị tiêu diệt. Trong phạm vi 12 Do Tuần , các tai biến hung dữ trọng chẳng thể xâm phạm

Đức Như Lai nói bài Chú này để bảo hộ cho người tu hành mới vào Đạo trong khi tu Thiền Định, thân tâm được thư thái an ổn không bị những Tà Ma, Quỷ Thần, Tiền Oan Nghiệp Chướng, nợ nần tích lũy từ đời vô thủy đến quấy phá hãm hại.

Nếu người tu hành y theo Pháp, Trì Giới trong Đạo Trường lại được vị Thầy Truyền Giới trong sạch. Đối với Tâm Chú này chẳng sinh nghi hoặc thì ngay tại thân máu thịt do cha mẹ sinh này sẽ được Tâm sáng suốt. Nếu chẳng được như vậy thì mười phương Như Lai đều nói lời hư vọng.

HỘ PHÁP CỦA THẦN CHÚ LĂNG NGHIÊM

(Trích trong Kinh Lăng Nghiêm, Quyển 7)

Bấy giờ trong Hội có vô số trăm ngàn vị Kim Cương đều chấp tay đỉnh lễ Đức Phật và bạch rằng:" Như lời Phật dạy, chúng con xin thành tâm bảo hộ người tu Đạo Bồ Đề"

Khi ấy Phạm Vương, Đế Thích, Tứ Thiên Vương cũng cùng nhau đỉnh lễ Đức Phật và bạch rằng:" Nếu có người Thiện Nhân tu học như thế thì chúng con xin hết lòng chí thành bảo hộ khiến cho suốt đời người ấy tu hành đều được như nguyện"

Lại có vô số vị Dược Xoa Đại Tướng , các chúa Quỷ La Sát, chúa Quỷ Phú Đan Na, chúa Quỷ Cưu Bàn Trà, chúa Quỷ Tỳ Xá Già, Sứ Giả Tần Na Dạ Ca và các Quỷ Súy đều chấp tay đỉnh lễ Đức Phật và bạch rằng:" Chúng con thề nguyện hộ trì cho người tu hành ấy khiến cho mau chóng được viên mãn Tâm Bồ Đề"

Lại có vô số vị Thiên Tử ở Nhật Cung và Nguyệt Cung, các vị Thần Gió, Thần mưa, Thần sấm, Thần chớp, các vị Tuần Quan Đương Niên và những quyến thuộc của các vì sao cũng ở trong Hội ấy cùng nhau đỉnh lễ dưới chân Đức Phật và bạch rằng:" Chúng con cũng xin bảo hộ người tu hành ấy lập được Đạo Trường yên ổn không phải sợ hãi gì"

Lại có vô số vị Thần núi, Thần biển, Thần Thổ Địa, Thần dưới nước, Thần trên cạn, Thần trên sông, các Thần làm chủ mọi vật khác , cả Thần gió và cõi Trời Vô Sắc cũng đỉnh lễ dưới chân Đức Phật và bạch rằng:" Chúng con cũng xin bảo vệ người tu hành ấy được thành Đạo Bồ Đề , không bao giờ có những sự Tà Ma"

Khi ấy tám vạn bốn ngàn ức hằng hà sa số Bồ Tát Kim Cương Tạng Vương cùng ở trong Đại Hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đỉnh lễ dưới chân Đức Phật và bạch rằng:" Bạch Thế Tôn ! Như chúng con đã tu thành Bồ Đề từ lâu nhưng chẳng thủ chứng Niết Bàn,thường chỉ đi theo bài Chú này cứu giúp những người chân chính tu hành Pháp Đại Định trong thời Mạt Pháp.

Bạch Đức Thế Tôn ! Những người tu Tâm cầu Pháp **Chính Định** như thế . Dù ở Đạo Trường hay lúc kinh hành cho đến khi đi dạo chơi thì con và Đồ Chúng của con thường theo hộ vệ người ấy. Dù cho Ma Vương ở cõi Trời Đại Tự Tại muốn tìm cách quấy nhiễu cũng chẳng thể được.Còn những Quỷ Thần nhỏ phải cách xa người ấy hơn 10 Do Tuần, ngoại trừ họ đã phát tâm tu Chính Pháp Thiền Định thì mới được gần người ấy.

Bạch Đức Thế Tôn ! Nếu những Ác Ma hay quyến thuộc của Ma muốn đến xâm nhiễu người ấy thì chung con dùng chày Kim Cương đập nát đầu chúng tan ra như bụi nhỏ để khiến cho người Thiện Nhân ấy tu hành được như nguyện"

SO SÁNH KINH ĐẠI BẠCH TẢN CÁI ĐÀ LA NI VÀ THẦN CHÚ LĂNG NGHIÊM

ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ (Bản ghi trong Kinh Lăng Nghiêm của Ngài Bát Lạt Mật Đế)	**PHẬT ĐỈNH ĐẠI BẠCH TẢN CÁI ĐÀ LA NI KINH** *Hán dịch : Tam Tạng Pháp Sư SA BA LA phụng chiếu dịch*
	Như vậy tôi nghe, một thời Đức Bạc Già Phạm ngự tại Thiện Pháp Đường trên cõi Tam Thập Tam Thiên cùng với các vị Tỳ Kheo, các Đại Bồ Tát, Thiên Chủ Đế Thích, vô lượng chúng đến dự. Bấy giờ Đức Bạc Già Phạm ngồi kiết già, liền nhập vào Ô SẮT VĨ SA Tam Muội (Uṣṇịṣa Samàdhi _ Đỉnh Kế Tam Muội) . Thời đột nhiên từ nhục kế của Đức Bạc Già Phạm diễn ra Pháp Hạnh vi diệu bí mật:
❐ HỘI THỨ NHẤT : **_ namo stathàgatàya sugatàya arhate samyaksaṃbuddhàya** **_ namaḥ sarva buddha bodhisatvebhyaḥ**	_Nam mô tất cả chư Phật, chư Đại Bồ Tát chúng
	_Nam mô Phật Đà Gia Nam mô Đạt Ma gia Nam mô Tăng Già gia
namo saptànàṃ samyaksaṃbuddha koṭinàṃ sa'sravaka sañghànàṃ	_Nam mô bảy câu đê (700 Triệu) Phật, chư Đại Thanh Văn chúng
_namo loke arhantànàṃ	_Nam mô hết thảy chúng A La Hán của Thế Gian
_ namo srotàpannànàṃ	_Nam mô tất cả Dự Lưu chúng
_ namo sukṛtàgàmìnàṃ	_Nam mô tất cả Nhất Lai chúng
_ namo anàgamìnàṃ	_Nam mô tất cả Bất Hoàn chúng
_namo loke samyaggatànàṃ samyakpratipannànàṃ	_Nam mô Thế Gian chư Chính Hạnh chúng Nam mô chư Hướng Chính Hạnh chúng

_ namo deva ṛṣìṇàṃ	_Nam mô chư Đại Thiên Tiên chúng hay dùng Chú Trớ Yểm đảo cũng hay làm việc nhiêu ích
_namo siddha vidyadhàrànàṃ	_Nam mô Thành tựu Trì Minh chúng
namo siddha vidyàdhàra ṛṣìṇàṃ 'sapànu grahà samarthànàṃ	_Nam mô Đại Phạm Thiên Vương chúng
_ namo brahmaṇe	_Nam mô Thiên Chủ Đế Thích chúng
_ namo indràya	_Nam mô Lô Đà La Gia (Tự Tại Thiên) Ô Ma Bát Đế (Thiên Hậu) Sa Hê Dạ Gia (cùng với hàng quyến thuộc) chúng
_namo bhagavate rudràya umàpatì saheyàya	
_namo bhagavate nàrayanàya paṃca mahà mudra akàmaputra namaskṛtàya	_Nam mô Vô ái Tử Ngũ Đại Thủ Ấn mà chúng kính lễ
_ namo bhagavate mahà kàlàya tṛpura nagara vidarapaṇa kàràya_ adhimuktika 'sma 'sàna vasini màtṛgaṇa namaskṛtàya	_Nam mô Tồi Tam Giới Thành Lạc Xứ Hàn Lâm Mẫu quỷ cung kính Ma Ha Ca Lạt chúng
_namo bhagavate tathàgata kulàya	_Nam mô Bạc Già Phạm Như Lai câu la gia (Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc)
_ namo padma kulàya	_Nam mô Liên Hoa Câu La gia (Liên Hoa Bộ Tộc)
_ namo vajra kulàya	_Nam mô Kim Cương câu la gia (Kim Cương Bộ Tộc)
_ namo maṇi kulàya	_Nam mô Bảo Châu câu La Gia (Bảo Bộ Tộc)
_ namo garja kulàya	_Nam mô Đại Tượng câu la gia (Đại Tượng Bộ Tộc)
	Nam mô Nhu Đồng câu la gia (Nhu Đồng Bộ Tộc)
	Nam mô Long Chủng câu la gia (Long chủng Bộ Tộc)
_namo bhagavate dṛḍha	_Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Dũng Kiên Bộ

'surasena praharaṇa ràjàya tathàgatàya arhate samyaksaṃbuddhàya	Khí Giới Vương Phật
_ namo bhagavate amitàbhàya tathàgatàya arhate samyaksaṃbuddhàya	_Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Vô Lượng Quang Phật
_ namo bhagavate akṣobhya tathàgatàya arhate samyaksaṃbuddhàya	_Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Bất Động Tôn Phật
_ namo bhagavate bhaiṣaijya gùru vaitùrya prabha ràjàya tathàgatàya arhate samyaksaṃbuddhàya	_Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật
_ namo bhagavate saṃpuṣpìta sàlendra ràjàya tathàgatàya arhate samyaksaṃbuddhàya	_Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Sa La Thọ Hoa Phổ Biến Khai Phu Vương Phật
_namo bhagavate 'sàkyamuṇàye tathàgatàya arhate samyaksaṃbuddhàya	_Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Thích Ca Mâu Ni Phật
_ namo bhagavate ratna kusuma ketu ràjàya tathàgatàya arhate samyaksaṃbuddhàya	_Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Bảo Tràng Vương Phật
	Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Phổ Hiền Vương Phật
	Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Tỳ Lô Giá Na Phật
	Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Quảng Mục Ưu Bát La Hoa Hương Tràng Vương Phật
	_Như vậy kính lễ các Phật đẳng xong.
_ ebhyo namaḥskṛtva	_Đức BÀ GIÀ BÀ ĐẾ (Thế Tôn) PHẬT ĐỈNH ĐẠI BẠCH TẢN CÁI VÔ HỮU NĂNG CẬP BÁT-LA ĐƯƠNG KÊ LA Mẫu hay diệt tất cả Bộ Đa Quỷ My, cắt đứt các Minh Chú, giải thoát sự trói buộc. Mau chóng xa lìa sự chết yểu, chết đột ngột, ưu não, mộng ác. Tồi hoại 84 ngàn yêu Ma với 8 vị Chấp
_ idàṃ bhagavate , tathàgata uṣṇìṣàṃ , sitàtapatraṃ namaḥ	
_aparajitaṃpratyuṅgira	
_ sarva bhùta grahà nigrahà karìṃ	

_ paravidyà cchedana karìṃ	Diệu, lại hay khiến cho 28 vị Tinh Tú sinh vui vẻ lớn. Cũng hay dời qua tất cả oán hại, tiêu diệt hết thảy tất cả loài khởi độc hại và các mộng ác. Lại hay cứu trừ các nạn về thuốc độc, khí giới, nước, lửa...
_ akàla mṛtyu pra'samana karìṃ	
_ sarva bandhana mokṣana karìṃ	
_ sarva duṣṭa duḥsvapna nivàraṇìṃ	
_ catur a'sitìnàṃ grahà sahasranàṃ vidhvaṃsana karìṃ	
_ aṣṭa viṃ'satìnàṃ nakṣatrànàṃ prasàdana karìṃ	
_ aṣṭanaṃ mahà grahànàṃ vidhvaṃsana karìṃ	
_ sarva 'satrù nivàranìṃ	
_ guràṃ duḥsvapnànàṃ canà'sanìṃ	_Vô Địch đại thế lực
_ viṣa , 'sastra , agni , udaka uttranìṃ	Bạo ác đại lực Mẫu _Xí thịnh uy quang Mẫu
_ aparajìta agurà	
_mahà dìptàṃ	_Bạch Cái đại lực Mẫu
_ mahà tejàṃ	
	_Diễm man Bạch Y Mẫu _Đa La Tần Tức Tướng
_ mahà 'sveta jvala	
_ mahà bala 'srìyà	_Xưng Man thắng Kim Cương
_ paṇḍaravaṣinìṃ	
_ àrya tàrà	_Liên Tướng Kim Cương Tướng
_ bhṛkuṭìṃ	
_ civa vijaya vajra malati vi'srùtàṃ	_Cụ Man Vô Năng Địch
_ padma agmaṃ	_Kim Cương Tường Tồi Mẫu
_ vajra jihvakaḥ	_Chư Thiện Thiên cung kính
_ màla civa aparajitaḥ	_Thiện Tướng Đại uy Quang
_ vajra daṇdi vi'sàlaka	_Cứu Độ Đại lực Mẫu
_ 'sàntà vaidehà pùjitaḥ	_Kim Cương Đỉnh, các Đẳng
_ saumi rùpa mahà 'svetà	_Kim Cương Đồng Trì chủng
_ àrya tàrà mahà balàḥ	_Trì Xử chủng Kim Man
_ apara vajra 'saṅkara civaḥ	
_ vajra kaumarìḥ kulandhàrì	_Xích Sắc Bảo Châu Mẫu
_ vajra hastaka	

_ vidya kaṃpana màlikaḥ **_ kusumbha ratna civa**	_Quang Minh Kim Cương Man _Yểu Điệu Mẫu Trì Xử _Nhãn như Kim Quang Mẫu
_ vairocana codàrtha uṣṇìṣa **_ vijṛṃbha mànada vajra** **_ kanaka prabha locanàḥ** **_ vajra tuṇḍika** **_ 'svetàka** **_ kamalàkṣa** **_ 'sa'si prabhà**	_Kim Cương Cự, Bạch Mẫu _Liên Hoa, Nhật Nguyệt Quang
_ ityeti mudra gaṇaḥ sarve rakṣaṃ_ kurvattu **_ indhana mamaṣya**	_Các chúng Thủ Ấn, nguyện ủng hộ cho con, nguyện ủng hộ cho con
❒ hội thứ hai :	
_ oṃ_ṛṣìgaṇa, pra'sastra tathàgata uṣṇìṣà _ hùṃ ṭrùṃ	**- Án lị sắt yết noa bát-la xả tất-đa gia - Tát lị-phộc đát tha già đá - Ô sắt ni sa tất đát đa bát đế-lị, hồng đỗ-lô-úng**
_ jambhana_hùṃ ṭrùṃ	**- Tạm bát noa ca lị, hồng đỗ-lô-úng**
_ stambhana_ hùṃ ṭrùṃ	**- Tất-đam phộc noa ca lị, hồng đỗ-lô-úng**
	- Ma nghiệt noa già lị, hồng đỗ-lô-úng **- Ma ha bức điệt-gia ma la khư noa ca lị, hồng đỗ-lô-úng** **- Bát-la bức điệt-gia tam phộc khư noa ca lị, hồng đỗ-lô-úng**
_ paravidyà sambhakṣaṇa kara_ hùṃ ṭrùṃ	**- Tát lị-phộc đỗ sắt-đát nẫm - Tất đam bát noa ca lị, hồng đỗ-lô-úng**
_ sarva duṣṭaṃ stambhana kara_ hùṃ ṭrùṃ	
_ sarva yakṣa ràkṣasa grahàṇàṃ vidhavaṃsana kara_ hùṃ ṭrùṃ	**- Tát lị-phộc dược xoa la sát tát khất-la ha nẫm - Tỳ đam tát noa ca lị, hồng đỗ-lô-úng**
_ catur a'sitinàṃ grahà sahasrànàṃ vidhavaṃsana kara_ hùṃ ṭrùṃ	**- Tạt đỗ la thi để nẫm - Khất-la ha tát ha tất-la nẫm - Tỳ đam tát noa ca lị, hồng đỗ-lô-úng**
	- A thất-đán tần xá đế nẫm - Noa xoa đát-la nẫm - Bát-la tát đát noa ca lị, hồng đỗ-lô-úng **- A thất-đán nẫm - Ma ha khất-la ha nẫm - Tỳ tát noa ca lị, hồng đỗ-**

	lô-úng
	- La xoa la xoa hàm
_ rakṣa rakṣa	Nguyện ủng hộ cho con, nguyện ủng hộ cho con
_ bhagavaṃ **_ stathàgata uṣṇìṣà** **_ pratyuṅgire** **_ mahà sahasra bhùje** **_ sahasra 'sirṣai** **_ koṭi 'sata sahasrà netre** **_ abhedya jvali tanaṭaḍàka mahà vajrodàra** **_ tṛbhuvana maṇḍala**	_Bà Già Bà Đế PHẬT ĐỈNH ĐẠI BẠCH TẢN CÁI KIM CƯƠNG ĐỈNH MAN BÁT-LA ĐƯƠNG KẾ LA Mẫu là vị Mẫu Kim cương Quảng Đại có tướng Xí thịnh không hai, có ngàn bàn tay ngàn cánh tay, trăm ngàn câu đê na con mắt được tự tại trong tam giới
_ oṃ_ svastirbhavatu **_ indhana mamaṣya**	Nguyện ủng hộ cho con, nguyện ủng hộ cho con.
❒ hội thứ ba :	
ràja bhaya cora bhaya_ agni bhaya_ udaka bhaya_ viṣa bhaya_ 'sastra bhaya_ pracakra bhaya_ durbhikṣa bhaya_ a'sani bhaya_ akàla mṛtyu bhaya_ dharaṇi bhumi kaṃpa bhaya_ ulkopàti bhaya_ ràja daṇḍa bhaya_ nàga bhaya_ vidyu bhaya_ suparṇi bhaya	_ÁN - quốc vương bố, tặc quan bố, hỏa bố, thủy bố, độc dược bố, binh khí bố, tha binh lai xâm bố, cơ cận (đói khát) bố, oan nạn bố, bệnh tật bố, phích lịch (sét đánh) bố, phi thời yểu tử bố, địa chấn động bố, tinh xạ (sao sa)bố, ngục bố, thiên (Trời) bố, Long (rồng) bố, Điểu (Chim) bố, phi không (Bay trên hư không) bố, ác mộng bố
_ yakṣa grahà_ ràkṣasa grahà_ preta grahà_ pi'sàca grahà_ bhùta grahà_ kuṃbhàṇḍa grahà_ putana grahà_ kaṭa putana grahà_ skanda grahà_ apasmàra grahà_ unmàda grahà_ cchàyà grahà_ revati grahà.	Lại có : Thiên mỵ, Long Mỵ, Phi Thiên Mỵ, Phong Thần mỵ, Phi Không Mỵ, Tầm hương mỵ, Nhân phi nhân mỵ, Đại Phúc hành mỵ, Thí ngại mỵ, La xoa mỵ, Ngạ quỷ mỵ, Không hành mẫu mỵ, Thực nhục (Ăn thịt) mỵ, Bộ Đa mỵ, Úng phúc (bụng như cái lọ) mỵ, Xú quỷ (Quỷ có mùi hôi thối) mỵ, Cực Xú quỷ mỵ, Tắc Kiền Đà mỵ, Hôn vọng Mỵ, Điên mỵ, Ma mỵ Phục (nằm sát) mỵ, Lị Bát Đế mỵ Đối với các quỷ mỵ, nguyện cho con được an ổn
	- Lại có : Loài ăn tinh thần, loài ăn tinh khí, loài ăn thai, loài ăn máu, loài ăn dầu mỡ, loài ăn thịt, loài ăn mỡ,

_ urja ahàriṇyà_ garbha ahàriṇyà_ rudhira ahàriṇyà_ màṃsa ahàriṇyà_ meda ahàriṇyà_ majja ahàriṇyà_ jaṭa ahàriṇyà_ jìvita ahàriṇyà_ vànta ahàriṇyà_ va'sa ahàriṇyà_ a'sucya ahàriṇyà_ citta ahàriṇyà.	loài ăn tủy, loài ăn thứ sinh sản, loài cướp đoạt mệnh, loài ăn thứ nhổ ra, loài ăn thứ bất tịnh, loài ăn thứ tiểu tiện, loài ăn nước dò rỉ, loài ăn thứ dư sót, loài ăn thứ nôn mửa, loài ăn nước rãi, loài ăn nước mũi, loài ăn mủ, loài ăn đồ thí thực, loài ăn tóc, loài ăn hương, loài ăn mùi thơm, loài cướp đoạt ý, loài ăn hoa, loài ăn qủa, loài ăn ngũ cốc, loài ăn thứ thiêu đốt bố thí, Đối với nhóm này, nguyện cho con được an ổn
_ teṣàṃ sarveṣàṃ_ sarva grahànàṃ vidyàṃ cchindha yàmi , kìla yàmi	_Minh Chú tuyên nói của các Quỷ mỵ với nhóm như vậy thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương quyết
_ paribràjaka kṛtàṃ vidyàṃ cchinda yàmi , kìla yàmi	_Minh Chú tuyên nói của hàng Biến Hành thảy đều đoạn trừ , đóng Kim Cương Quyết
_ ḍàkiṇì kṛtàṃ vidyàṃ cchinda yàmi , kìla yàmi	_Minh Chú tuyên nói của Không hành Không Hành Mẫu thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương quyết
_ mahà pa'supati , rudra kṛtàṃ vidyàṃ cchinda yàmi , kìla yàmi	_Minh Chú tuyên nói của Đại Bát Tu Bát Đế thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết
_ nàrayàna kṛtàṃ vidyàṃ cchinda yàmi , kìla yàmi	_Minh Chú tuyên nói của Vô ái Tử thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết
_ tatva garuḍa kṛtàṃ vidyàṃ cchinda yàmi , kìla yàmi	_Minh Chú tuyên nói của Phi Không Chính Chúng thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết
_ mahà kàla màtṛgaṇa kṛtàṃ vidyàṃ cchinda yàmi , kìla yàmi	_Minh Chú tuyên nói của Ma Ha Ca Lạt (Đại Hắc Thiên Thần), chư Mẫu Quỷ chúng thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết
_ kàpalika kṛtàṃ vidyàṃ cchinda yàmi , kìla yàmi	_Minh Chú tuyên nói của kẻ cầm đầu lâu thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết
_ jaya kara , madhu kara ,	_Minh Chú tuyên nói của kẻ Năng Thắng, Tác Mật, biện chư sự nghiệp thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết _Minh Chú tuyên nói của bốn chị em Thần Nữ thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

sarvàtha sàdhana kṛtàṃ vidyàṃ cchinda yàmi , kìla yàmi **_ catur bhaginì kṛtàṃ vidyàṃ cchinda yàmi , kìla yàmi**	_Minh Chú tuyên nói của Tỳ Ngật lợi Đế Dục Lạc Tự Tại Tập Chủ Đẳng chúng thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết
_bhṛṃ giritika, nàndike'svara, gaṇapati saheya kṛtàṃ vidyàṃ cchinda yàmi , kìla yàmi	_Minh Chú tuyên nói của Vô Y Động Thiện thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết _Minh Chú tuyên nói của a La Hán thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết
_ nagna 'sramaṇa kṛtàṃ vidyàṃ cchinda yàmi , kìla yàmi	_Minh Chú tuyên nói của hàng Ly Dục thảy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết
_ arhanta kṛtàṃ vidyàṃ cchinda yàmi , kìla yàmi **_ vetàlagaṇa kṛtàṃ vidyàṃ cchinda yàmi , kìla yàmi**	_Minh Chú tuyên nói của Mật Tích Kim Cương Thủ thảy đều đoân trừ, đóng Kim Cương Quyết
_ vajrapàṇi_ vajrapàṇi gùhyaka adhipati kṛtàṃ vidyàṃ cchinda yàmi , kìla yàmi **_ rakṣa rakṣa màṃ_ bhagavaṃ** **_ indhana mamaṣya**	**Nam mô Bà Già Bà Đế Phật Đỉnh Đại Bạch Tản Cái Mẫu** nguyện ủng hộ cho con, nguyện ủng hộ cho con.
❒ hội thứ tư : **_ bhagavaṃ _ stathàgata uṣṇìṣa sitàtapatra namo stute** **_ aṣita anala arakàḥ prabha sphuṭa vikaca sitàtapatreḥ_ jvala jvala_ dara dara_ vidara vidara_ cchinda cchinda_ hùṃ hùṃ hùṃ hùṃ hùṃ_ phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ_ svàhà**	**1) Án, a tất đát, a noa lạt la-ca bát-la bà tất-phổ tra tỳ ca, tất đát đát bát đế-lị** **2) Tạt lạt, tạt lạt** **3) Ca đát ca đát đà la đà la** **4) Tỳ đà la, tỳ đà la** **5) Đỗ đà , đỗ đà** **6) Tần đà, tần đà** **7) Hồng hồng** **8) Phát tra, phát tra, sa-phộc ha** **9) Hê hê, phát tra** **10) Hô hô phát tra** **11) A mâu nghiệt gia phát tra** **12) A bát-la đế ha đát gia, phát tra** **13) Bát la bát-la đát gia, phát tra** **14) A tố la mạo đát-la bà noa**

_ hehe phaṭ	ca la gia, phát tra
_ amoghàya phaṭ	15) Tát lị-phộc đề bệ tỳ-dược, phát tra
_ apratihatàya phaṭ	16) Tát lị-phộc noa ca tỳ-dược, phát tra
_ vara pradàya phaṭ	
_ asura vidarapàkàya phaṭ	17) Tát lị-phộc A tố lị tỳ-dược, phát tra
_ sarva devebhyaḥ phaṭ	18) Tát lị-phộc Ma lộ đế na tỳ-dược, phát tra
_ sarva nàgebhyaḥ phaṭ	19) Tát lị-phộc ca lô đế tỳ-dược, phát tra
_ sarva yakṣebhyaḥ phaṭ	20) Tát lị-phộc kiến đạt-lị mạo tỳ-dược, phát tra
_ sarva gandharvebhyaḥ phaṭ	21) Tát lị-phộc khẩn na la tỳ-dược , phát tra
_ sarva asurebhyaḥ phaṭ	22) Tát lị-phộc ma hô la khất tỳ-dược, phát tra
_ sarva garuḍebhyaḥ phaṭ	23) Tát lị-phộc dạ xoa tỳ-dược, phát tra
	24) Tát lị-phộc la xoa sa tỳ-dược, phát tra
_ sarva kiṃnarebhyaḥ phaṭ	25) Tát lị-phộc tỳ-lị đế tỳ-dược, phát tra
_ sarva mahoragebhyaḥ phaṭ	26) Tát lị-phộc bệ xà chất tỳ-dược, phát tra
	27) Tát lị-phộc bộ đế tỳ-dược , phát tra
_ sarva ràkṣasebhyaḥ phaṭ	28) Tát lị-phộc câu-lô ban đế tỳ-dược, phát tra
_ sarva manuṣyebhyaḥ phaṭ	29) Tát lị-phộc bổ đát vĩ tỳ-dược, phát tra
_ sarva amanuṣyebhyaḥ phaṭ	30) Tát lị-phộc ca tra bổ đan ni tỳ-dược, phát tra
	31) Tát lị-phộc tất kiền đế tỳ-dược, phát tra
	32) Tát lị-phộc ngộ ma đế tỳ-dược, phát tra
_ sarva putanebhyaḥ phaṭ	33) Tát lị-phộc xà di tỳ-dược, phát tra
_ sarva kaṭa putanebhyaḥ	34) Tát lị-phộc a bá tất-ma lị tỳ-dược, phát tra

phaṭ	35) Ô tất-đát la khất đế tỳ-dược, phát tra
	36) Tát lị-phộc đổ-lô cái khất-lị đế tỳ-dược, phát tra
	37) Tát lị-phộc cứu sắt tỳ-lị khế để tỳ-dược, phát tra
	38) Tát lị-phộc tạt lị tỳ-dược, phát tra
	39) Tát lị-phộc khất-lị đát-na ca-la ma vĩ ca-la đế tỳ-dược, phát tra
	40) Khất la noa bệ đát đát-la tỳ-dược, phát tra
_ sarva durlaṃghyebhyaḥ phaṭ	41) Chất xa bát-la sa ca , tát lị-phộc đột xà-lị địa đế tỳ-dược, phát tra
_ sarva duṣprekṣitebhyaḥ phaṭ	42) Đột-lô bổ đế tỳ-dược, phát tra
	43) Tát lị-phộc để-lị đề khất tỳ-dược, phát tra
_ sarva jvarebhyaḥ phaṭ	44) Tát lị-phộc sa-la ma ni tỳ-dược, phát tra
_ sarva apasmàrebhyaḥ phaṭ _ sarva 'sramaṇebhyaḥ phaṭ	45) Tát lị-phộc tỳ chí-gia đát lị tỳ-dược, phát tra
	46) Tạt gia yết la ma độ yết la gia tỳ-dược, phát tra
	47) Tát lị-phộc a lị-đạt tát đát ngật tỳ-dược, phát tra
_ sarva tìrthikebhyaḥ phaṭ _ sarva unmàdebhyaḥ phaṭ	48) Tỳ điệt-gia tạt lị tỳ-dược, phát tra
	49) Tạt bộ-lô tất-dược bà ngật ni di tỳ-dược, phát tra
_ sarva vidyà ràja càryebhyaḥ phaṭ	50) Tát lị-phộc qua ma lị di tỳ-dược, phát tra
_ jaya kara , madhu kara, sarvàrtha sàdhanebhyaḥ phaṭ	51) Bệ điệt-gia la già di tỳ-dược, phát tra
_ vidyà càryebhyaḥ phaṭ	52) Ma ha bát-la đương kê la tỳ-dược, phát tra
_ catur bhaginìbhyaḥ phaṭ	53) Phộc nhật-la thương ca lạt bát-la đương kê la la gia, phát tra
_ vajra kaumarìkebhyaḥ phaṭ	54) Ma ha ca lạt gia ma đế-lị già noa gia ma tất ngật-lị đát di, phát tra

_ vajra kulandhàrìbhyaḥ phaṭ	**55) Giải sắt-noa bệ di, phát tra**
_ vidyà ràjebhyaḥ phaṭ	**56) Bột-la ha-mâu ni di, phát tra**
_ mahà pratyuṅgirebhyaḥ phaṭ	**57) A kỳ ni di, phát tra**
_ vajra 'sàṅkaràya phaṭ	**58) Ma ha yết lị di, phát tra**
_ pratyuñgira ràjàya phaṭ	**59) Yết lạt đàn trì di, phát tra**
_ mahà kàlàya, mahà màtṛgaṇa namaḥskṛtàya phaṭ	**60) Nhân đế-lị di, phát tra** **61) Lô đế-lị di, phát tra** **62) Qua ma lị di, phát tra** **63) Bà la hê di, phát tra**
_ viṣṇavìye phaṭ	**64) Tạt môn đế di, phát tra**
_ brahmìṇìye phaṭ	**65) Lô để-lị di, phát tra**
_ agnìye phaṭ	**66) Yết lạt la để-lị di, phát tra**
_ mahà kàlìye phaṭ	**67) Gia ma đan đế di, phát tra**
_ kàla daṇḍìye phaṭ	**68) Yết bát lật di, phát tra**
_ aindrìye phaṭ	**69) A địa mục đế thi ma xá noa bà tất ni di, phát tra**
_ camuṇḍìye phaṭ **_ raudrìye phaṭ** **_ kàla ràtrìye phaṭ** **_ kàpalìye phaṭ** **_ adhimuktika 'sma'sana vasinìye phaṭ** **_ indhana mamaṣya** **❒ hội thứ năm :** **_ yena città satva mama** **_ duṣṭa città_ raudra città** **_ urja ahàrà_ garbha ahàrà_ rudhira ahàrà_ majja ahàra_ jaṭa ahàrà_ jìvita ahàrà_ balya ahàrà_ gandha ahàrà_ puṣpa ahàrà_ phala**	Nếu có chúng sinh đối với ta là : kẻ khởi tâm oán hại, kẻ khởi tâm ác độc, loài ăn tinh thần, loài ăn tinh khí, loài ăn thai, loài ăn máu, loài ăn dầu mỡ, loài ăn thịt, loài ăn mỡ, loài ăn tủy, loài ăn thứ sinh sản, loài cướp đoạt mệnh, loài ăn thứ khạc nhổ, loài ăn đồ bất tịnh, loài ăn thứ tiểu tiện, loài ăn chất nước dò rỉ tuôn chảy, loài ăn thực phẩm dư thừa, loài ăn thứ nôn mửa, loài ăn nước rãi, loài ăn nước mũi, loài ăn mủ, loài ăn thực phẩm bố thí, loài ăn tóc, loài ăn hương, loài ăn mùi thơm, loài cướp đoạt ý, loài ăn hoa, loài ăn qủa, loài ăn ngũ cốc, loài ăn thứ thiêu đốt bố thí. Lại có loài khởi tâm sân hận, loài khởi tâm độc hại, loài khởi tâm bạo ác, chúng Thiên my, chúng Long my,

ahàrà_ sasya ahàrà **_pàpa città_ duṣṭa città_ raudra città_ amaitra città** **_ yakṣa grahà_ ràkṣasa grahà_ preta grahà_ pi'sàca grahà_ bhùta grahà_ kuṃbhàṇḍa grahà_ skanda grahà_ unmàda grahà_ cchàyà grahà_ apasmàra grahà_ ḍàka ḍàkiṇì grahà_ revati grahà_ jaṅghika grahà_ 'sakuni grahà_ nandìka grahà_ laṃbika grahà_kaṇṭapàṇi grahà**	chúng Phi Thiên Mỵ, chúng Phong Thần mỵ, chúng Tầm Hương mỵ, chúng Nhân Phi Nhân mỵ, chúng Đại Phúc Hành mỵ, chúng Dược Xoa mỵ, chúng La Sát mỵ, chúng Ngạ Quỷ mỵ, chúng Không Hành Mẫu mỵ, chúng Thực Nhục mỵ, chúng Bộ Đa mỵ, chúng Ung Phúc (Bụng như cái lọ) mỵ, chúng Xú Quỷ mỵ, chúng Cực Xú Quỷ mỵ, chúng Tắc Kiền Đà mỵ, chúng Hôn Vọng mỵ, chúng Điên mỵ, chúng Ma mỵ, chúng Phục (nằm sát đất) mỵ, Chúng Lỵ Bát Đế mỵ, chúng Diễm Ma mỵ, chúng Cầm (loài chim) mỵ , chúng Mẫu quỷ hỷ mỵ, chúng Biến La mỵ, chúng Trừ Cức (cây nhiều gai) mỵ...
_ jvara_ ekàhikà_ dvaityaka_ tretyaka_ caturthakà_ nityà jvara **_ viṣama jvara_ vàtikà_ paittikà_ 'sleṣmikà_ sàṃnipatika_ sarva jvarà_ 'sirortti_ ardhàvabhadhaka_ arocaka_ akṣi rogaṃ_ mukha rogaṃ_ hṛdrogaṃ_ grahà 'sùlaṃ_ marman 'sùlaṃ_ pàr'sva 'sùlaṃ_ pṛṣṭa 'sùlaṃ_ udara 'sùlaṃ_ kaṭi 'sùlaṃ_ vasti 'sùlaṃ_ ùru 'sùlaṃ_ jaṃgha 'sùlaṃ_ hasta 'sùlaṃ_ pàda 'sùlaṃ_ sarvaga pratyuṅgira 'sùlaṃ**	Hoặc có bệnh sốt rét phát bệnh theo chu kỳ: 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày, 4 ngày phát một lần. Hoặc thường bị bệnh nhiệt, bệnh cực phiền nhiệt, bệnh phát theo thời tiết, bệnh do quỷ Bộ Đa gây ra, bệnh Phong Hoàng Đàm, bệnh do mọi thứ hòa hợp. Hết thảy bệnh nhiệt, bệnh đau đầu, bệnh đau nửa đầu... nguyện đều tiêu trừ. Lại có bệnh ngạnh ế (mắt có hột cứng che mờ) bệnh về mắt, bệnh mũi, bệnh miệng, bệnh sau cổ, bệnh tim, bệnh cổ họng, bệnh tai, bệnh răng, đau tim, đau óc, đau lưng, đau bụng, đau eo, đau nơi ẩn mật, đau dạ dày, đau ngón tay, đau bàn tay, đau bàn chân, đau nhức mọi chi tiết... Nguyện khiến tiêu trừ, nguyện khiến ủng hộ cho con. _Đại Bạch Tản Cái Kim Cương Đỉnh Kế Bát-La Đương Kế La Mẫu kết Kim Cương Giới trong 12 do tuần. Hết thảy loài Bộ Đa, Không Hành Mẫu và Quỷ, bệnh nhiệt, bệnh ghẻ chóc, bệnh hắc lào, bệnh cùi, bệnh thần kinh, bệnh ung thư, bệnh nhọt ngứa, bệnh kinh phong, Bảo độc trùng, yểm đảo độc,

	nước, lửa, oan gia oán hận não hại, chết yểu đột ngột...loài Để Ma Bổ Già, Phong Để Lạt Đát, loài rắn lớn, bò cạp, chuột độc, rồng, cọp, gấu chó, gấu heo, chó, sói, như các loài ong độc cướp đoạt hại mạng.
_ bhùta vetàla_ ḍàkiṇì **_ jvara_ dadrù_ kaṇṭyu_ kiṭṭi_ bhailotàvai_ sarpalohà_ liṅga_ 'soṣṭra_ sagarà** **_ viṣayoga_ agni_ udaka_ màravelàkàntàra_ akàla mṛtyu** **_ traimukha_ trailàṭaka_ bṛ'scika_ sarpa_ nakula_ siṃha_ vyaghra_ ṛikṣa_ taraṛikṣa_ camara jivaka**	Như vậy đều dùng Minh Chú cột trói (Hệ Phộc), cột buộc uy thần, cột buộc các Minh Chú, hết thảy Quỷ Mỵ cũng đều cột buộc
_ teṣàṃ sarveṣàṃ_ sitàtapatra mahà vajra uṣṇìṣàṃ mahà pratyuṅgiraṃ **_ yàba dvàda'sa yojana abhyantareṇa** **_ vidya bandhaṃ kara umi** **_ tejo bandhaṃ kara umi** **_ pravidya bandhaṃ kara umi** **_ Tadyathà : oṃ** **anale** **vi'suddhe** **vìra** **vajradhàri** **bandha bandhani** **vajrapàṇi phaṭ** **hùṃ ṭrùṃ phaṭ svàhà** **oṃ hùṃ vi'suddhe svàha**	**1) Đát chí-gia tha : Án** **2) A noa lê, a noa lê** **3) Bí sắt đế, bí sắt đế** **4) Tị la, tị la** **5) Phộc nhật-la đà lị** **6) Ban đà, ban đà** **7) Phộc nhật-la bạt ni, phát tra** **8) Hồng hồng, phát tra phát tra** **9) Hồng đổ-lỗ-úng ban đà, phát tra, sa-phộc ha** Nếu nhập vào ngang bằng với Phật Đỉnh Đại Bạch Tản Cái Bát-la Đương Kê La Mẫu Đà La Ni Kinh này. Hoặc dùng vỏ cây hoa, Cụ Diệp Tố giao (chất keo dán) viết chép Kinh này rồi đeo trên thân hoặc đeo trên cổ, nên biết người đó cho đến cuối đời chẳng thể bị chất độc làm hại. Các khí giới, nước, lửa, Bảo Độc Trùng, Chú Trớ độc chẳng thể hại, cũng không bị chết yểu chết đột ngột. Hết thảy chúng Quỷ Mỵ nhìn thấy đều sinh vui vẻ, lại có 84000 Kim Cương Bộ chúng sinh vui vẻ lớn

	thường theo phòng hộ. Ở trong 84000 kiếp được Túc Mệnh Trí. Đời đời kiếp kiếp chẳng sinh vào loài Dạ Xoa, La Sát, Phú Đan Na, Ca Tra Phú Đan Na, Tất Độ Đa quỷ... với các nẻo ác. Cũng chẳng thọ sinh vào nơi bần cùng hạ tiện (nghèo túng thấp hèn) đắc được nhóm phước đức của vô lượng vô biên hằng hà sa số chư Phật. Nếu có người trì Phật Đỉnh Đại Bạch Tản Cái Bát-La Đương Kê La Mẫu Đà La Ni Kinh này thì chẳng có Phạm Hạnh cũng thành Phạm Hạnh, chẳng Trì Giới cũng thành Trì Giới, chẳng Thanh Tịnh cũng thành Thanh Tịnh, Chẳng có Bố Tát cũng thành Bố Tát, chẳng có Thanh Trai cũng thành Thanh Trai. Nếu bị 5 tội Vô Gián và hết thảy tai họa có từ thời vô thủy đến nay, tội nghiệp xa xưa thảy đều diệt hết không còn sót. Nếu gặp người bị bệnh, gia súc bị bệnh, bệnh dịch não hại, đấu tranh bức bách, binh nước khác xâm nhiễu với tất cả ách nạn thì đem Phật Đỉnh Đại Bạch Tản Cái Vô Hữu Năng Địch Bát-La Đương Kê La Mẫu Đà La Ni này cột trên đầu cây phướng rồi cúng dường rộng rãi, làm đại Phật Sự, phụng nghinh Chú đó đặt ở 4 cửa Thành hoặc ở các tụ lạc, đô ấp, thôn dã lễ bái cung kính nhất tâm cúng dường thì hết thảy binh trận liền tiêu diệt ngay. Các bệnh dịch lệ, các bệnh não hại, đấu tranh, binh nước khác xâm nhiễu , tất cả tai ách thảy đều tiêu diệt . **1) Đát điệt-gia tha** **2) Án, sắt đổ lô-úng** **3) Ban đà ban đà** **4) Nguyện ủng hộ con, nguyện ủng hộ con, sa-phộc ha_ La xoa la xoa hàm** ♦ TADYATHÀ : OṂ _ ṢṬOṂ

	BANDHA BANDHA MAMA RAKṢA RAKṢA MÀMḤ **1) Án, hồng sắt, đổ-lô-úng** **2) Ban đà ban đà** **3) Phộc nhật-la nguyện ủng hộ con** **4) La xoa la xoa hàm** **5) Phộc nhật-la bát ni di, hồng phát tra, sa-phộc ha** ♦ OṂ HÙṂ ṢṬOṂ BANDHA BANDHA VAJRA MAMA RAKṢA RAKṢA MÀṂ _ VAJRAPÀṆIYE HÙṂ PHAṬ SVÀHÀ (ND: Hai câu Chú trên chính là **Đại Bạch Tản Cái phẫn nộ Kim Cương khiển Ma ủng hộ Chú**) **1) Án, tát lị-phộc đa tha già đá** **2) Ô sắt ni sa** **3) A phộc lô kê đế** **4) Mâu-lị đà đế tả la sắt** ♦ OṂ SARVA TATHÀGATA UṢṆÌSA AVALOKITEC URṆATE JVARASÌ **1) Án, tạt lạt tạt lạt** **2) Già đà già đà** **3) Đà la đà la** **4) Bí đà la, bí đà la** **5) Thân đà, thân đà** **6) Tần đà, tần đà** **7) Hồng hồng, phát tra phát tra, sa-phộc ha** ♦ OṂ _ JVALA JVALA _ DHAKA DHAKA _ DARA DARA _VIDARA VIDARA _ CCHINDHA CCHINDHA _ BHINDHA BHINDHA _ HÙṂ HÙṂ PHAṬ PHAṬ_ SVÀHÀ (ND: Hai câu Chú trên là: **Đại Bạch Tản Cái thường hằng trì Tâm Chú**) ♦ **Án, tát lị-phộc đa tha già đá_ Ô sắt ni sa _ Hồng phát tra phát tra_ sa-phộc ha** ♦ OṂ _ SARVA TATHÀGATA

	UṢṆÌṢA HÙṂ PHAṬ PHAṬ _ SVÀHÀ (ND: Câu chú trên là: **Đại Bạch Tản Cái tăng trưởng thân** (gần gũi) **thân** (thể xác) **Tâm Chú**) **1) Đát điệt-gia tha** **2) Án, a noa lệ** **3) A noa lệ** **4) Già tát di** **5) Già tát di** **6) Tị la** **7) Tị la** **8) Sá di** **9) Sá di** **10) Tát lị-phộc phật đà** **11) A đế sắt-tha noa** **12) A đế sắt-đề đế** **13) Tát lị-phộc đa tha già đá** **14) Ô sắt ni sá** **15) Tất đát đa bát để-lị** **16) Hồng phát tra, sa-phộc ha** ♦ TADYATHÀ : OṂ _ ANALE ANALE _ KHASAMI KHASAMI _ VAIRE VAIRE _ SOME SOME _ SARVA BUDDHA ADHIṢṬHANA ADHIṢṬHITE _ SARVA TATHÀGATA UṢṆÌṢA SITÀTAPATRE HÙṂ PHAṬ_ SVÀHÀ (ND: Câu Chú trên là: **Đại Bạch Tản Cái Nhiếp Thụ Chú**) **17) Hồng ma ma hồng ni** **18) Sá-phộc ha** ♦ HÙṂ MAMA HÙṂ NI SVÀHÀ (ND: Câu Chú trên là: **Đại Bạch Tản Cái Kiên Giáp Chú**) Nếu hay y theo Phật tu tập thì hết thảy các Trời Long Vương đều tùy thuận giáng mưa ngon ngọt đúng theo thời tiết Bấy giờ tất cả chư Phật, chư Đại Bồ Tát, Trời, Rồng, Dược Xoa, Kiền đạt

	Phộc, A tố Lạc, Yết Lộ Trà, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, Nhân Phi Nhân... Tất cả Đại Chúng nghe lời Phật nói thảy đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành. PHẬT ĐỈNH ĐẠI BẠCH TẢN CÁI ĐÀ LA NI KINH (Hết)

Ý NGHĨA CĂN BẢN VỀ ĐẠO TRƯỜNG LĂNG NGHIÊM

Kinh Lăng Nghiêm , quyển 7 có ghi :

"Đức Phật bảo A Nan. Nếu có người đời Mạt Pháp muốn lập Đạo Trường. Trước tiên phải lấy phân nhuyễn mịn của loài trâu trắng ở Tuyết Sơn hoà với đất vàng và mười thứ thảo mộc thơm như Chiên Đàn, Trầm Hương để làm nền Đạo Trường. Nơi đất bằng đào sâu năm thước, xây Đàn hình bát giác chu vi rộng mười sáu thước. Chính giữa Đàn chưng một hoa sen bằng kim loại, trong hoa sen để một bát nước đựng nước sương mù tháng tám, trong nước để nhiều lá sen, chung quanh bát sen đặt tám cái gương tròn nơi tám góc, bên ngoài gương để mười sáu bông sen xen với mười sáu lư hương, trong lư đốt bột Trầm Hương và dùng các thứ đồ ăn quý làm bánh sữa đựng trong mười sáu cái chén để cúng dường chư Phật và Đại Bồ Tát. Trước Đàn để một lư than nhỏ, đến mỗi bữa ăn hoặc nửa đêm, dùng mật ong và tô lạc đổ vào lư than, đốt lên cúng dường Phật Bồ Tát. Bốn phía bên ngoài treo phướng, hoa. Bốn vách trong Đàn treo hình tượng chư Phật Bồ Tát. Hai bên cửa treo tượng Hộ Pháp Long Thiên. Lại lấy tám cái gương treo trên hư không chiếu thẳng vào tám gương tròn trong Đàn khiến thành hình bóng xen nhau, trùng trùng vô tận.

Trong Thất đầu, chí thành đỉnh lễ chư Phật , Đại Bồ Tát và A La Hán. Sáu thời nhiễu Đàn tụng Chú, chí tâm hành đạo

Thất thứ hai, chuyên tâm phát Nguyện Bồ Tát chẳng gián đoạn

Thất thứ ba, mười hai Thời luôn luôn trì Chú. Đến ngày thứ bảy, mười phương Như Lai cùng hiện tiền trong ánh sáng gương, được Phật xoa đầu, liền ở Đạo Trường vào Tam Ma Địa

Người đời Mạt Pháp tu học như thế thì thân tâm được sáng tỏ, trong sạch như ngọc Lưu Ly

Này A Nan ! Nếu Bản Sư Truyền Giới của Tỳ Kheo này và mười Tỳ Kheo đồng tu trong Đàn , trong đó có một người giữ Giới chẳng được trong sạch thì Đạo Trường này chẳng thể thành tựu

Sau Thất thứ ba, tĩnh tọa an cư , trải qua một trăm ngày. Nếu người lợi căn có thể ngay đó chứng Sơ Quả, dẫu cho thân tâm chưa thành chính quả nhưng tự biết sẽ thành Phật chẳng sai. Ngươi hỏi cách kiến lập Đạo Trường là như thế đó "

Theo truyền thống phổ thông của Mật Giáo thì Đạo Trường được gọi là **Đàn Trường** (Maṇḍala) hay vòng đai pháp thuật để có thể tách biệt với khu vực phàm tục chung quanh ngỏ hầu hiển lộ được thần lực và thâu đạt trực kiến các luật lệ tâm linh. Do đó Maṇḍala là một biểu đồ chỉ một Thần Tính trong sự liên hệ Tâm Linh hay vũ trụ , trong đó Thần Tính được biểu thị qua hình ảnh nhân vật hoặc minh họa những căn vận qua chữ Cổ Phạn hay nương nhờ vào những hình tượng khác. Một số Maṇḍala biểu thị cho sự cô đọng toàn thể vũ trụ gồm có chư Phật, chư Bồ Tát, Chư Thiên, chư Thần Thánh, Ma Quỷ, sông, núi, biển, cung điện, vật báu, văn tự Kinh Điển, Ấn Quyết…Nói cách khác Maṇḍala tượng trưng cho Chân Thật Giới bằng

hình tướng và sắc thể, biểu thị cho tướng mạo sai biệt biến hiện trên 6 Đại (Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Thức) qua hình tượng hoặc căn vận. Mỗi Maṇḍala có một câu Chú (Mantra) hay Chủng Tự (Bìja) hướng dẫn và sau khi được một Đạo Sư (Guru) ấn chứng nghĩa là di chuyển sức mạnh huyền bí (Pràṇa Pratiṣṭha) của mình vào trong đó thì Maṇḍala sẽ biến hóa vô cùng tùy theo công năng và căn cơ của người thực hiện để minh xác năng lực tâm linh. Vì thế Maṇḍala chính là cây cầu nối giữa Thế Giới thường ngày của tri giác có thời gian tính với Thế Giới Trí Tuệ không có thời gian tính. Một khi Hành Giả đã quán tưởng và gia trì các Chân Ngôn đến chỗ tự đồng hóa là một với Maṇḍala thì Hành Giả sẽ thành tựu quyền năng vượt thoát những xiềng xích của cuộc sống khổ đau.

Pháp tu Mật ở Ấn Độ nói là:" *Để ngăn ngừa Ma Chướng xâm nhập mà vẽ khu vực hình tròn, hình vuông hoặc xây dựng Đàn đất. Có lúc bên trên vẽ tượng Phật Bồ Tát. Khi xong việc rồi thì phá bỏ tượng đi cho nên thường dùng khu vực vẽ hình tròn hoặc hình vuông để làm Địa Vực và gọi là Man Trà La (Maṇḍala). Do coi bên trong Địa Vực ấy tràn đầy chư Phật và Bồ Tát mà gọi là* ***Luân Viên Cụ Túc*** "

Ở trong Luật cũng nói là*: "Tránh sự bất tịnh mà ở mỗi trường hợp làm Man Trà La"*

Theo nghĩa rộng hơn, Maṇḍala được dịch âm là Man Đà La, Man Trà La, Mạn Trà La, Mạn Noa La, Mãn Noa La và được dịch ý là Đàn, Đạo Trường, Tụ Tập, Luân Viên Cụ Túc.

Đại Nhật Kinh Sớ quyển 4 ghi là *:" Man Trà La có các ý nghĩa là*

1) ***Luân Viên Cụ Túc****: là các Tôn như bánh xe xoay vòng bốn phía ở Phổ Môn của Đại Nhật Như Lai, hiệp trợ Đức Đại Nhật khiến cho chúng sinh được vào Phổ Môn*

2) ***Phát Sinh*** *: là hay nuôi dưỡng Phật Chủng để sinh Phật Thọ Vương (Phật Quả). Lại do ý nghĩa của Phạn Ngữ , Maṇḍala là tinh chế sữa bò làm Đề Hồ cho nên Maṇḍala biểu thị cho sự thuần tĩnh dung diệu của Phật Quả tức là địa vị Cực Vô Tỷ không có địa vị nào hơn"*

Mật Giáo đời sau nhận định rằng sự chủ yếu của Man Trà La là ý **Tụ Tập** tức là đất cư ngụ của chư Phật , Bồ Tát, Thánh Giả . Ấn Độ đắp Đàn đất tức là y theo đồ hình trên làm các Tôn, sau khi xong việc lại phá bỏ đi. Ở Trung Hoa, Nhật Bản thì chuyên dùng giấy và lụa để vẽ hình các Tôn.

Man Trà La có 4 loại gọi là **Tứ Chủng Man Trà La** hay gọi tắt là **Tứ Man** gồm có :

1) **Đại Man Trà La *(Tôn Hình Man Trà La)***: là hình vẽ các Tôn đầy đủ dung mạo, tướng tốt

2) **Tam Muội Gia Man Trà La**: Do Tam Muội Gia (Samaya) của các Tôn biểu thị cho Bản Thệ , là các vật khí được cầm trong tay như : Đao, kiếm, gậy, bổng, khí trượng, Kinh Điển… Khi dùng hình vẽ ghi các vật hoặc tạo tay kết Ấn Khế mà được gọi là Tam Muội Gia Man Trà La

3) **Pháp Man Trà La *(Chủng Tử Man Trà La*)**: là hình vẽ các chủng tử với Chân Ngôn của các Tôn đặt ở Bản Vị của các Tôn. Hoặc dùng Tam Ma Địa (Samàdhi) của Pháp Thân (Dharmakàya) rồi lấy tất cả văn nghĩa của Kinh Luận mà ghi nhận Tôn Vị

4) **Yết Ma Man Trà La**: là hình tượng biểu thị các sự nghiệp uy nghi của các Tôn

Bốn loại Man Trà La này đều có 3 thứ Man Trà La là :

a) **Đô Hội** ***(Đô Môn , Phổ Môn)*** **Man Trà La**: là các Tôn cùng tụ tập một chỗ như Đại Nhật Như Lai (Vairocana Tathàgata) được dùng làm trung tâm cho 2 Bộ Man Trà La (Thai Tạng Giới Man Trà la và Kim Cương Giới Man Trà La)

b) **Bộ Đô Man Trà La**: là bộ phận của các Tôn như Phật Đỉnh Man Trà La của Phật Bộ (Buddha kulàya), Thập Nhất Diện Quán Âm Man Trà La của Liên Hoa Bộ (Padma Kulàya)

c) **Biệt Tôn** ***(Nhất Môn)*** **Man Trà La**: là dùng một Tôn làm trung tâm như Thích Ca Man Trà La, Như Ý Luân Man Trà La

Y theo sự thuyết Pháp của Kinh Đại Nhật thì có thể quy nạp nơi ba loại thân bí mật là :

1_ **Chữ**: là Pháp Man Trà La (Dharma Maṇḍala)

2_ **Ấn**: là Tam Muội Gia Man Trà La (Samaya Maṇḍala)

3_ **Hình**: là Đại Man Trà La (Mahà Maṇḍala)

Ba Thân này đều đầy đủ sự nghiệp uy nghi nên gọi là Yết Ma Man Trà La (Karma Maṇḍala)

Bốn loại Man Trà La này tuy viên mãn đầy đủ vạn Đức nhưng tổng quát thì quy về một mà siêu việt sự tương đối, đây là **Thể Đại Man Trà La**. Do đầy đủ sự sai biệt của mọi tướng nên gọi là **Tướng Đại Man Trà La**. Do đầy đủ nghiệp dụng của 3 Mật nên gọi là **Dụng Đại Man Trà La**

Lại nữa do 4 Man Trà La nhiếp tất cả tướng trạng tồn tại nên đối với 6 Đại, Thể Đại, Tam Mật Dụng Đại mà gọi là **Tứ Man Tướng Đại** .

Ngoài ra còn có thuyết nói về **Tam Chủng Tứ Man Trà La** là :

1) Nói về đời quá khứ : Tập trung chúng Thánh nơi Pháp Hội do Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai nói Pháp, gọi là **Tự Tính Hội Tứ Man**

2) Nói về đời vị lai: Ảnh tượng với sự ghi chép tô vẽ, gọi là **Thế Gian Trụ Trì Man Trà La**

3) Nói về đời hiện tại : Du Hành Giả gọi là Hành Giả tu hành Tứ Man

Riêng 4 Trí Ấn (Tứ Ấn) gồm Đại Trí Ấn, Tam Muội Gia Trí Ấn, Pháp Trí Ấn, Yết Ma Trí Ấn cùng với 4 Man có chỗ dị đồng tức là đồng thể mà khác tên. Hoặc nói là Tứ Man đối với *Thể vốn có của Hữu Tình* mà có tên , còn Tứ Ấn thì đối với sự tu hành sinh ra mà có tên

Dựa vào ý nghĩa **Phát sinh chư Phật**, các bậc Đạo Sư Mật Giáo thường cúng dường Maṇḍala và truyền dạy cho Môn Đồ nắm vững Mật Ý tu hành Chính Pháp qua việc xây dựng Đạo Trường và tạo dựng hình tượng các Tôn . Sự kiện này nhằm nhắc nhở Hành Giả tu trì Mật Pháp phải biết phối hợp Kinh Giáo với Mật Điển một cách nhuần nhuyễn để đừng bao giờ lãng quên ý hướng tu tập của mình đồng thời tránh xa sự chấp trước vào năng lực thần thông có được trong khi tu hành…

Theo ý nghĩa này thì cách tạo lập **Đạo Trường Lăng Nghiêm** hàm chứa những nghĩa thú như sau :

"Phân nhuyễn mịn của loài trâu trắng ở Tuyết Sơn hòa với đất vàng và mười thứ thảo mộc thơm như Chiên Đàn, Trầm Hương...để làm nền Đạo Trường"

Đây là ý niệm cơ bản của sự kết cấu thành Đạo Trường gồm 3 đỉnh giác ngộ mà Kinh Đại Nhật đã nói là*: "Tâm Bồ Đề là Nhân, Đại Bi là gốc rễ, Phương Tiện Thiện Xảo là Cứu Cánh (Quả)"*

_ Phân nhuyễn mịn của loài trâu trắng ở Tuyết Sơn

Trâu trắng ở núi Tuyết (Hìmalàya) là loài trâu khỏe mạnh , chịu đựng được mọi sự khắc nghiệt của giá lạnh, chuyên ăn các loại cỏ thơm tốt nên phân của nó không có mùi hôi thối. Vì thế các Hành Giả Mật Giáo thường hay dùng phân của nó để xoa tô Đạo Trường

Theo ý nghĩa khác thì **con trâu** biểu thị cho Pháp Đại Thừa (Mahà Yàna). **Màu trắng** biểu thị cho nghĩa vượt qua 160 Tâm Hữu Tình và cũng là màu sắc biểu thị cho đức tin trong sạch. Vì thế **con trâu trắng** biểu thị cho Pháp Đại Thừa trong trắng thanh tịnh

Phân của loài trâu trắng: biểu thị cho phương tiện Đại Bi vô tận của Như Lai nhằm nhắc nhở cho chúng sinh nhận biết rằng ***Mình* vốn có Trí Tuệ viên mãn giống như Phật không có sai khác**

Núi Tuyết (Hìmalàya) là dãy núi có ngọn cao nhất so với các ngọn núi khác trên quả địa cầu này nên nó biểu thị cho Trí Tuệ của Đấng Toàn Giác

Do đó nguyên câu này biểu thị cho ý nghĩa là: "Lòng tin sâu rộng vào Pháp Đại Thừa trong trắng thanh tịnh tức là niềm tin chân thật rằng mình vốn có Tâm Tĩnh Bồ Đề giống như chư Phật không có sai khác"

_ Đất vàng:

Đất là nơi nương tựa của tất cả chúng sinh

Màu vàng biểu thị cho Niệm, lúc một Niệm tương ứng thì Định Tuệ cân bằng mở bày 7 Giác Phần. Hoặc màu vàng biểu thị cho sự tu trì hạt giống Bồ Đề nuôi dưỡng vạn hạnh qua Tâm Đại Bi bình đẳng

Như vậy đất màu vàng biểu thị cho Tâm Đại Bi bình đẳng. Là gốc rễ nuôi lớn Phước Đức, làm rạng rỡ muôn điều lành

_ Mười thứ thảo mộc thơm :

Mười thứ thảo mộc thơm thường dùng là :

1 _ **Chiên Đàn Hương**: có mùi thơm ngát , nên còn gọi là **Bố Thí Hương**

2 _ **Bạch Giao Hương**: Trừ khí ác, trị ghẻ nên biểu thị cho sự trừ bỏ những điều bất thiện của thân. Do đó gọi là **Giới Hương**

3 _ **Tô Hợp Hương**: có thính sát Quỷ trừ Tà , chế ngự Ma Quỷ nên còn gọi là **Nhẫn Hương**

4 _ **Thanh Mộc Hương**: có tính trừ bỏ sự mất ngủ giúp cho ngủ ngon nên còn gọi là **Tinh Tiến Hương**

5 _ **Huân Lục Hương**: có tính làm dứt sự đau nhức nên còn gọi là **Định Hương**

6 _ **Linh Lăng Hương**: có tính làm cho sáng mắt nên còn gọi là **Tuệ Hương**

7 _ **Trầm Thủy Hương**: có bột lõi rất nặng, thả xuống nước liền chìm nên biểu thị cho sự cùng tột của các Pháp. Do đó gọi là **Bồ Đề Hương**

8 _ **Uất Kim Hương**: có tính an thần nên biểu thị cho sự diệt ám phá chấp. Do đó gọi là **Pháp Hương**

9 _ **Cam Tùng Hương**: có tính trừ bụng bị chướng hoặc hạ khí. Do hòa hợp các mùi thơm nên còn gọi là **Giải Thoát Hương**

10 _ **Kê Thiệt Hương**: Khi uống vào thì thân miệng lúc nào cũng tỏa mùi thơm nên biểu thị cho sự dùng tất cả phương tiện đi vào khắp các cảnh giới. Do đó gọi là **Giải Thoát Tri Kiến Hương**

Nói theo cách khác thì 10 thứ hương biểu thị cho 10 câu Duyên Sinh mà các Bồ Tát tu hành Hạnh Bồ Tát trong Chân Ngôn Môn phải quán sát để thông đạt tác chứng nơi Hạnh Chân Ngôn :

1) Như ảo: Ví như Chú Thuật, sức của thuốc hay tạo ra các loại sắc tướng làm mê hoặc con mắt khiến cho mắt thấy những sự việc chưa từng có đang sinh hóa lưu chuyển qua lại khắp 10 phương. Tất nhiên hiện tượng đó chẳng có đi, chẳng phải không đi. Tại sao thế ? Vì bản tính tĩnh lặng nên Chân Ngôn tuy là ảo nhưng nếu trì tụng thành tựu lại có thể sinh ra tất cả.

2) Như dợn nước dưới ánh nắng: Tất cả dợn nước dưới ánh nắng vốn là Không ('Sùnya : Trống rỗng). Nó chỉ dựa vào vọng tưởng của người đời thành ra có chuyện để đàm luận. Như vậy Tướng của Chân Ngôn chỉ là **Giả Danh**

3) Như mộng: Ví như nằm mộng, chỉ trong khoảng khắc mà thấy mình trải qua mấy năm dài với những cảnh khác lạ và thọ nhận các điều sướng khổ. Khi tỉnh giấc thì không thấy gì. Như vậy nên biết rằng Hạnh của Chân Ngôn cũng như giấc mộng.

4) Như ảnh: Lấy ảnh làm ví dụ thì hiểu rõ Chân Ngôn có thể phát sinh Tất Địa (Siddhi) như soi mặt vào gương thì thấy hình tượng của mặt. Như thế nên biết rằng Tất Địa của Chân Ngôn cũng như ảnh vậy.

5) Như thành Càn Thát Bà: Dùng thành Càn Thát Bà làm ví dụ thì hiểu rõ sự thành tựu của Cung Tất Địa

6) Như tiếng vang: Lấy tiếng vang dội làm ví dụ thì hiểu rõ âm thanh của Chân Ngôn. Giống như duyên theo âm thanh mà có tiếng vang dội. Người trì Chân Ngôn nên hiểu như thế

7) Như bóng trăng dưới nước: Do mặt trăng xuất hiện soi chiếu xuống giếng nước lặng yên mà hiện ra bóng trăng dưới nước. Như vậy Chân Ngôn cũng như bóng trăng dưới nước. Bậc Trì Minh nên nói như thế

8) Như bọt nổi: Như trời đổ mưa tạo thành bọt bong bóng nước. Các biến hóa của Tất Địa thuộc Chân Ngôn ấy cũng nên biết như vậy

9) Như hoa đốm giữa hư không: Ví như trong hư không không có chúng sinh, không có thọ mệnh, kẻ làm điều ấy cũng chẳng thể được. Vì dùng Tâm mê loạn nên phát sinh các loại Vọng Kiến như thế

10) Như vòng lửa tròn: Ví như lửa sắp tàn. Nếu có người cầm cục than lửa trên tay rồi quay tròn trong hư không thì trên hư không sẽ xuất hiện một vòng lửa. Do đó nên biết rõ các Câu Đại Thừa, câu của Tâm, câu Vô Đẳng Đẳng, câu Tất Định, câu Chính Đẳng Giác lần lượt đến các câu Sinh Đại Thừa. Theo thứ tự như thế

sẽ được đầy đủ các Pháp Tài , sẽ sinh ra được các loại công xảo Đại Trí , biết khắp tất cả Tướng Tâm như thật

_ **Nền Đạo Trường:** Là căn bản của các Pháp phát sinh chư Phật

Nguyên đoạn văn trên có ý nghĩa là

Người tu hạnh Chân Ngôn muốn chứng được Phật Trí thì nền tảng căn bản là phải biết phát khởi Tâm Bồ Đề nghĩa là tự tin rằng ***Ta vốn có đầy đủ Giác Tính như chư Phật chỉ do vọng niệm Vô Minh che lấp mà phải nổi trôi trong biển sinh tử .****Nay Ta phải sám hối mọi lỗi lầm Vô Minh, dũng mãnh phát Tâm tu thành bậc Chính Đẳng Chính Giác, quán sát 10 câu Duyên Sinh để xa lìa mọi vọng tưởng chấp trước, biết khắp cả tướng Tâm như thật và rốt ráo thành tựu Phật Quả Vô Thượng*

"Nơi đất bằng đào sâu năm thước, xây Đàn hình bát giác chu vi rộng mười sáu thước "

_ **Đất bằng :** biểu thị cho sự sửa trị Tâm cho đúng đắn , xa lià mọi sự chấp trước thiên lệch, xây dựng tâm bình đẳng. Đối với người tu tập Hạnh Bồ Tát thì phải cương quyết trừ bỏ tất cả bợn nhơ hết sức vi tế của tâm Vô Minh, phát khởi tâm vắng lặng bình đẳng, phát khởi tâm Bồ Đề Chân Thật.

_ **Đào sâu năm thước** : Biểu thị cho sự trừ diệt 5 loại lỗi lầm (Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi) phát khởi 5 loại căn lành (Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ) để thông nhiếp muôn hạnh

_ **Xây Đàn hình bát giác** : Trái tim thịt (Hṛdaya) của chúng sinh có 8 múi vốn là hoa sen 8 cánh nhiếp trì Mạn Trà La của chư Tôn. Nơi đây hiển thị cho nghĩa **Tất cả chúng sinh thảy đều có Lý Thú của Phật Tính** và đấy là nơi xây dựng Đàn Trường.

Ý nghĩa này được biểu thị bằng Đàn bát giác (8 góc)

_ **Chu vi rộng mười sáu thước**: Biểu thị cho 16 lớp Huyền Nghĩa minh họa cho thứ lớp tu tập dần dần chứng nhập Phật Quả gồm có: 6 bậc Vô Úy và 10 Địa. Đây là căn bản của Pháp tu Mật Giáo để **mau chóng thành Phật**

.) Sáu bậc Vô Úy gồm có :

1 _ **Thiện Vô Úy** : Do tu các nghiệp lành (5 Giới, 10 Thiện) và dứt trừ được các nghiệp chẳng lành (Tránh được mọi khổ não của 3 đường ác) khiến thân tâm được an ổn mà được Bậc Vô Úy thứ nhất. Đây là giai đoạn vào Đạo Trường và bắt đầu thực hành 3 Mật. Trong Bậc này, Hành Giả dùng Pháp Quán **Chữ của tiếng** mà tu hạnh Mạn Đà La

2 _ **Thân Vô Úy**: Do biết **Ngã như thật** nên vất bỏ mọi sự dính mắc đến cái Ngã (Àtma) đi đến chỗ không còn thấy sợ hãi cho bản thân mà được Bậc Vô Úy thứ hai. Đây là giai đoạn thực thi 3 Mật đạt đến trình độ thấy hình tướng của Bản Tôn bằng cái thấy của Tâm. Trong Bậc này, Hành Giả vào trong Pháp Quán **Hữu Tướng** mà tu hạnh Mạn Đà La

3 _ **Vô Ngã Vô Úy**: Do thấy chỗ nhóm họp của các Thủ Uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) là Ngã Thân bèn quán sắc tượng rồi tự xả bỏ sự chấp trước vào

cá vị của bản thân , thực chứng Ngã Không mà được bậc Vô Úy thứ ba. Đây là giai đoạn người tu Du Già suy tư về tự tính của Tâm, thấy Tâm chẳng thể đắc liền bỏ Ngã chẳng sinh kiêu mạn. Trong Bậc này, Hành Giả vào trong **Tâm chỉ có Uẩn Vô Ngã** mà tu hạnh Mạn Đà La

Ba Bậc này là quá trình dẹp bỏ vọng chấp thô thiển , thực chứng Đạo Lý Vô Ngã

4 _ **Pháp Vô Úy**: Do dứt trừ Uẩn, trụ trong Pháp Phan Duyên (Duyên bám níu) mà được bậc Vô Úy thứ tư. Đây là giai đoạn người hành Chân Ngôn thực thi 3 Mật, thấy các hình tướng hiện tiền vốn thật không có hiện hữu giống như bóng trăng dưới nước, hiểu rõ các Pháp Uẩn đều là rỗng không. Trong Bậc này, Hành Giả vào trong **Tâm duyên Pháp** mà tu hạnh Mạn Đà La

5 _ **Pháp Ngã Vô Úy**: Do dứt trừ Pháp, trụ vào **Không Duyên** mà được bậc Vô Úy thứ năm. Người hành Chân Ngôn hiểu rằng tất cả hình tướng thấy được đều là những trạng thái của chính tâm ta. Quán thấy 3 cõi chỉ do Tâm , ngoài Tâm không có Pháp và chính Tâm Ta cũng rỗng không nên đạt được cái dụng tự tại của Tâm. Trong Bậc này, Hành Giả vào trong **Tâm Vô Duyên** mà tu hạnh Mạn Đà La

Hai Bậc này là quá trình diệt trừ sự vọng chấp sâu kín, thực chứng Đạo Lý về sự rỗng không của các Pháp trong chính 5 Uẩn

6 _ **Nhất thiết Pháp tự tính bình đẳng Vô Úy**: Do đối với tất cả Uẩn, Xứ, Giới, Năng Chấp, Sở Chấp, Ngã, Thọ Mệnh… với Vô Duyên Không, Tự Tính Vô Tính của Pháp mà sinh **Không Trí** (‘Sùnya Jñàna _ Trí biết rõ sự trống rỗng) đạt được bậc Vô Úy thứ sáu. Hành Giả tu môn Chân Ngôn hiểu rằng các Pháp không hề có tự tính mà chỉ do các nhân quả chuyền níu nhau mà sinh ra nên thực chứng được tính bình đẳng của các Pháp, thực chứng Đạo Lý **Nhất Thừa** (Eka Yàna). Trong Bậc này, Hành Giả vào trong **Tâm bình đẳng** mà tu hạnh Mạn Đà La

Đây là giai đoạn diệt trừ hết mọi vọng chấp rất vi tế về sự tin tưởng có tính Nhị Nguyên giữa chủ thể với đối tượng và cuối cùng là thừa nhận sự trống vắng trọn vẹn, sự không có tự tính của mọi Pháp và của chính Tâm Ta, thực chứng một phần trạng thái không dơ giống như hư không của Tâm Tĩnh Bồ Đề. Sau khi vào 10 Địa thì Hành Giả sẽ chứng ngộ hoàn toàn trạng thái chân thật của Tâm Tĩnh Bồ Đề.

.) **Mười Địa** (Da’sa Bhùmi) :

Theo Hiển Giáo thì mười Địa này là 10 trình độ của Đạo Hạnh gồm có :

1) **Hoan Hỷ Địa** (Pramudità): Hành Giả được bản tính Hiền Thánh đầu tiên và đạt đến Tịnh Lạc khi đã đoạn trừ mê hoặc ở **Kiến Đạo** (Dar’sana Màrga) và đã hoàn toàn chứng đắc 2 thứ Tính Không (Nhân Không và Pháp Không)

2) **Ly Cấu Địa** (Vimalà): Hành Giả đạt đến Giới Đức viên mãn và hoàn toàn vô nhiễm đối với Giới Hạnh

3) **Phát Quang Địa** (Prabhà karì): Hành Giả đạt được Nhẫn Nhục viên mãn và thoát khỏi những mê vọng của **Tu Đạo** (Bhàvana Màrga) sau khi đã đạt được Nội Quán thâm sâu

4) **Diệm Tuệ Địa** (Arcis Matì): Hành Giả đạt được sự viên mãn của Tinh Tiến, nhân đó càng lúc càng tăng gia năng lực Quán Hạnh

5) **Nan Thắng Địa** (Sudurjayà): Hành Giả đạt được sự viên mãn của Thiền Định, nhân đó mà đạt được sự tương ứng của Nhị Đế (Tục Đế và Chân Đế) trong hoạt động tâm linh

6) **Hiện Tiền Địa** (Abhimukhì): Hành Giả đạt được sự viên mãn của Trí Tuệ (Prajñà) và giữ mãi Bình Đẳng Tính đối với Tịnh và Bất Tịnh

7) **Viễn Hành Địa** (Dùraṃgama): Hành Giả đã bỏ xa tình trạng Ngã Chấp của Nhị Thừa. Ở Địa này , Hành Giả thành tựu sự viên mãn của phương tiện (Upàya) và bắt đầu tu tập Đại Bi đối với tất cả chúng sinh

8) **Bất Động Địa** (Acalà): Hành Giả thành tựu Nguyện Viên Mãn (Pranidhàna) và trụ trong Vô Tướng (Alakṣana) mà du hành tự tại tùy theo bất kỳ cơ hội nào

9) **Thiện Tuệ Địa** (Sàdhu Matì): Hành Giả đạt được 10 Thần Lực, sau khi đã thành tựu Lực viên mãn (Bala) và giảng Pháp khắp nơi đồng thời phán xét những người đáng cứu độ và những người không được cứu độ

10) **Pháp Vân Địa** (Dharma Megha): Hành Giả có thể giảng Pháp cho tất cả Thế Giới một cách bình đẳng như những đám mây tuôn xuống những cơn mưa lớn trong mùa đại hạn. Thực tế đây là địa vị của Đức Phật biểu hiện nơi một Bồ Tát

Theo Mật Giáo thì mười Địa có tên gọi giống như trên nhưng lại biểu thị cho 10 phần Công Đức của Tâm Tĩnh Bồ Đề. Do 10 Địa này đều ở trong Hạnh Tín Giải nên được gọi chung là **Địa Cứu Cánh** của Nhất Thiết Trí Trí

Nhờ vào 10 Trụ Địa này, Hành Giả sẽ thực chứng được 10 Pháp bất khả tư nghị của chư Phật là :

1 _ Thân tướng tối thắng chẳng thể luận bàn
2 _ Đại Trí tối thắng chẳng thể luận bàn
3 _ Âm thanh diệu hảo chẳng thể luận bàn
4 _ Ánh sáng vi diệu chẳng thể luận bàn
5 _ Giới Định viên mãn chẳng thể luận bàn
6 _ Thần Túc rộng lớn chẳng thể luận bàn
7 _ Mười loại Trí Lực chẳng thể luận bàn
8 _ Bốn Vô Sở Úy chẳng thể luận bàn
9 _ Tâm Đại Bi chẳng thể luận bàn
10 _ Phật Pháp Bất Cộng chẳng thể luận bàn

Trong mỗi Tự Địa này đều quán trong Tâm cho nên việc tu Hạnh Mạn Đà La nói gọn lại là: ***"Lấy Hạnh Vị chia ra thành mười sáu tầng lớp sâu cạn chẳng đồng nhau"***

Dựa vào ý nghĩa của 6 Vô Úy và 10 Địa, các bậc Đạo Sư Mật Giáo đã khẳng định đây là đường lối giúp cho Hành Giả mau chóng chứng đắc Phật Quả

Nguyên đoạn văn trên có nghĩa là :

Muốn tu Hạnh Mạn Đà La , Hành Giả phải biết cách sửa trị Tâm cho đúng đắn và phải niệm trì quán chiếu 16 lớp tu chứng Phật Quả

Chính giữa Đàn chưng một hoa sen bằng kim loại, trong hoa sen để một bát nước sương mù tháng tám, trong nước để nhiều lá sen. Chung quanh sen đặt tám

cái gương tròn ở tám góc, bên ngoài gương dựng mười sáu bông sen xen với mười sáu lư hương. Trong lư đốt bột Trầm Hương và dùng các thứ đồ ăn quý làm bánh sữa đựng trong mười sáu cái chén để cúng dường chư Phật Bồ Tát

_ Chính giữa Đàn : Biểu thị cho Thật Tướng của Tâm, thật tướng của Trí Tuệ tự nhiên

_ Hoa sen bằng kim loại : Biểu thị cho Trí Thể Kim Cương thâm diệu của Phật ở nơi Thể Thường Tịch mà hiển hiện Pháp Thân Bản Địa quan hệ với sự tác nghiệp Vô Vi. Đây là chân thân của chư Phật, tức là Pháp Thân thường trụ, Pháp Tính của Lý Trí đầy đủ tự nhiên thường hằng trong 3 đời và từ Thân này lưu xuất các Chúng Bồ Tát nói Pháp 3 Mật. Thân này được Thần Cách Hóa thành Đại Nhật Như Lai biểu thị cho Pháp Giới Thể Tính Trí (Dharma-dhàtu parakṛti Jñàna) và được gọi là Tự Tính Pháp Thân

_ Bát nước đựng nước sương mù tháng tám , bên trong để nhiều lá sen

.) Nước sương mù tháng tám : Biểu thị cho Đại Bi Thệ Thủy

.) Bát nước đựng nước sương mù tháng tám : Biểu thị cho Bản Thệ Đại Bi của Như Lai. Lúc hành Đạo Bồ Tát, Ngài có lập lời Nguyện rằng***: "Ta sẽ thành tựu tất cả chư Phật. Độ thoát Pháp Giới với hết thảy chúng sinh giới không dư sót***". Nay Sở Nguyện đã mãn nhưng còn phải độ chúng sinh chưa hết tức là Pháp Giới chưa được thành tựu đầy khắp cho nên Như Lai siêng tu sự nghiệp không có ngừng nghỉ.

Do nhân duyên Bản Nguyện này nên tất cả Như Lai đồng tập hội (nhiều lá sen trong bát nước) để cùng nhau dùng Thần Lực gia trì cho người tu Hạnh Mạn Đà La

_ Tám cái gương tròn ở tám góc: Biểu thị cho Công Đức của Diệu Pháp Bản Tâm vốn có nơi Phật và tất cả Chúng Sinh, lưu xuất ra 8 bậc Thiện Tri Thức đi vào cửa Pháp Giới gồm có 4 Trí của Như Lai và 4 Hạnh của Như Lai

.) 4 cái gương ở 4 phương : Biểu thị cho 4 Trí của Như Lai

_ Cái gương ở phương Đông : Biểu thị cho Tâm Bồ Đề (Bodhicitta) vốn là cái tối sơ của muôn Hạnh. Nó được Thần Cách Hóa thành **Bảo Tràng Như Lai** (Ratnaketu Tathàgata) biểu thị cho **Đại Viên Kính Trí** (Adar'sa Jñàna) là cái Trí xa lìa tất cả phân biệt cấu nhiễm, tính tướng thanh tĩnh như tấm gương tròn lớn chiếu soi khắp cả Lý Sự của vạn tượng. Do đó Đại Viên Kính Trí được xem là Tự Thọ Dụng Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai, tức là Trí Pháp Nhiên Thủy Giác, tự thọ dụng Pháp Lạc

_Cái gương ở phương Nam : Biểu thị cho sự thành tựu vạn Hạnh Đại Bi, viên mãn vạn Đức, mở bày Tâm Phật. Nó được Thần Cách Hóa thành **Khai Phu Hoa Vương Như Lai** (Saṃpuṣpìtà sàlendra Ràjàya Tathàgata _ Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai) biểu thị cho **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatà Jñàna) là Trí quán sát tất cả Pháp **Tự Tha** Hữu Tình thảy đều bình đẳng. Do tương ứng hỗ cộng với Đẳng Đại Bi mà bình đẳng phổ độ chúng sinh. Vì thế Bình Đẳng Tính Trí được

xem là Tha Thọ Dụng Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai là Thân ứng hiện 10 Địa gia trì cho Chúng Bồ Tát để họ tự Nội Chứng được Pháp Thân

_Cái gương ở phương Tây : Biểu thị cho Trí Phương Tiện Phổ Môn của Như Lai, là sự tu hành viên mãn đắc được Quả Đức tự chứng nên còn gọi là **Chứng Bồ Đề**. Nó được Thần Cách Hóa thành **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitàyus Tathàgata) biểu thị cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave Kṣana Jñàna) là Trí khéo biết tướng chung tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chuyển, lại y theo từng loại căn cơ của chúng Hữu Tình mà tự tại thuyết Pháp giáo hóa chúng sinh. Do đó Diệu Quán Sát Trí được xem là Ứng Hóa Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai là Thân giáo hóa nhiếp thọ Bồ Tát Sơ Địa, Nhị Thừa, Phàm Phu

_Cái gương ở phương Bắc : Biểu thị cho Trí Niết Bàn của Như Lai, là sự chứng nhập vào cảnh giới thâm sâu vắng lặng của Đại Niết Bàn. Nó được Thần Cách Hóa thành **Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai** (Divya Duṇḍubhi Magha Nirghoṣa Tathàgata) biểu thị cho **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya Muṣṭhàna Jñàna) là Trí dùng 3 Nghiệp thân khẩu ý của Như Lai làm lợi lạc cho chúng Hữu Tình. Vì chúng sinh hành Thiện, thành Bản Nguyện Lực, Sở Ứng Tác Sự. Do đó Thành Sở Tác Trí được xem là Đẳng Lưu Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai, là Thân đi vào muôn loài mang đầy đủ uy nghi, âm thanh, tướng mạo của từng loài để hoàn thiện việc Phật và việc Thế Gian

.) Bốn cái gương ở bốn góc : Biểu thị cho 4 Hạnh của Như Lai

_Cái gương ở góc Đông Nam : Biểu thị cho Hạnh Thâm Nhập Tâm Bồ Đề. Nó được Thần Cách Hóa thành **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta Bhadra Bodhisatva) tức là giai đoạn Tịnh Tâm Bồ Đề

_Cái gương ở góc Tây Nam : Biểu thị cho Hạnh Trưởng Dưỡng Tâm Bồ Đề. Nó được Thần Cách Hóa thành **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Maṃju'srì Bodhisatva) tức là giai đoạn nuôi lớn Bát Nhã

_Cái gương ở góc Tây Bắc: Biểu thị cho Hạnh Toàn Thiện Tâm Bồ Đề. Nó được Thần Cách Hóa thành **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokite'svara Bodhisatva) tức là giai đoạn chứng ngộ Bồ Đề

_Cái gương ở góc Đông Bắc: Biểu thị cho Hạnh Kết Kim Cương Thân. Nó được Thần Cách Hóa thành **Di Lặc Bồ Tát** (Maitreya Bodhisatva) tức là giai đoạn Nhập Niết Bàn

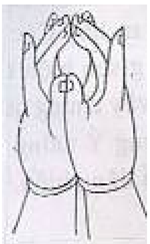
Vì 4 Hạnh là **Nhân Đức** của Như Lai, 4 Trí là **Quả Đức** của Như Lai nên 4 Hạnh và 4 Trí là Đức Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai, tức là 8 Đại Pháp của Đại Nhật Tôn. Trong 9 Tôn này thì Đại Nhật biểu thị cho Tổng Thể nên là Phật Bộ (Buddha Kulàya), 4 vị Phật biểu thị cho Giác Trí nên là Kim Cương Bộ (Vajra Kulàya), 4 vị Bồ Tát biểu thị cho Đức của Đại Bi nên là Liên Hoa Bộ (Padma Kulàya) và 9 Tôn này biểu thị cho Lý Thú của Phật Tính (Buddhatà) vốn có trong tâm của tất cả chúng sinh.

_ Mười sáu bông sen : Biểu thị cho 16 Pháp, mỗi một Pháp đều là Pháp Giới bình đẳng. Do 8 loại Thiện Tri Thức, mỗi vị đều giữ một Tuệ Ấn Kim Cương và một Chân Ngôn tương ứng nên tổng cộng thành 16 Pháp. Tám Tuệ Ấn Kim Cương còn

gọi là **Tám Ấn Bí Mật** tức là Bí Ấn Quán Đỉnh của Đại Nhật Như Lai, biểu thị cho Đức của 4 Trí và 4 Hạnh của Như Lai

1) **Đại Uy Đức Sinh Ấn :** Ấn này do Đại Uy Đức của Đại Nhật Như Lai sinh ra (Thế lực của Tâm Bồ Đề thanh tịnh) nên gọi là **Đại Uy Đức Sinh** . Đây là Ấn của Bảo Tràng Như Lai ở phương Đông biểu thị cho Tâm Bồ Đề thanh tịnh hay sinh ra vạn Đức

Tướng Ấn là: Chắp hai tay lại giữa trống không (Không Tâm Hợp Chưởng) bung tán 2 ngón trỏ, 2 ngón út như phóng tán ánh lửa.

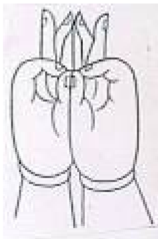


Chân Ngôn là :

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ RAṂ RAḤ _ SVÀHÀ

2) **Kim Cương Bất Hoại Ấn:** Trí kiên cố bất hoại của Đại Nhật Như Lai giống như Kim Cương nên gọi là **Kim Cương Bất Hoại** . Đây là Ấn của Sa La Thọ Vương Như Lai ở phương Nam , biểu thị cho địa vị đạt đến Kim Cương chân thật.

Tướng Ấn là: Dựa theo Không Tâm Hợp Chưởng, co 2 ngón trỏ đặt trên 2 ngón cái như hình chữ Phộc (_VA), dựng thẳng bung tán 2 ngón giữa.

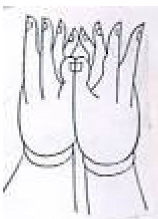


Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ VAṂ VAḤ _ SVÀHÀ

3) **Liên Hoa Tạng Ấn :** Còn gọi là Như Lai Tạng Ấn. Đây là Ấn của A Di Đà Như Lai ở phương Tây, biểu thị cho Đức hàm chứa Đại Bi.

Tướng Ấn là: Dựa theo Không Tâm Hợp Chưởng, bung tán 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa, 2 ngón trỏ như hoa sen 8 cánh.

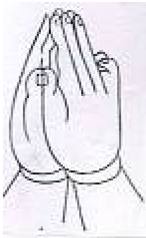


Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ SAṂ SAḤ _ SVÀHÀ

4) **Vạn Đức Trang Nghiêm Ấn:** Còn gọi là Nội Ngoại Trang Nghiêm Ấn . Các Đức trong ngoài của Như Lai thảy đều đầy đủ nên gọi là **Vạn Đức Trang Nghiêm**. Đây là Ấn của Thiên Cổ Như Lai ở phương Bắc, biểu thị cho Đức thành mãn sự nghiệp **tự lợi, lợi tha** nên còn gọi là Nội Ngoại Trang Nghiêm.

Tướng Ấn là: Dựa theo Không Tâm Hợp Chưởng, co 2 ngón út vào trong lòng bàn tay.

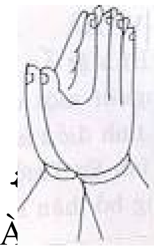


Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ HAṂ HAḤ _ SVÀHÀ

5) **Nhất Thiết Chi Phần Sinh Ấn:** Còn gọi là Tùng Phật Chi Phần Sinh Ấn. Đây là Ấn của Phổ Hiền Bồ Tát ở góc Đông Nam, biểu thị cho Đức của Tâm Bồ Đề được sinh ra từ từng phần của Đức Phật.

Tướng Ấn là: Chắp 2 tay lại như hình đóa hoa chưa nở (Vị Khai Phu Hoa Hợp Chưởng) dựng thẳng đứng 2 ngón cái rồi hơi co lại.

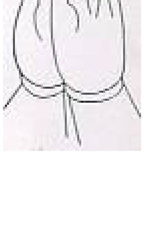


Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀ… _ AṂ AḤ _ SVÀHÀ

6) **Đà La Ni Ấn:** Còn gọi là Thế Tôn Đà La Ni Ấn. Đây là Ấn của Quán Tự Tại Bồ Tát ở góc Tây Bắc, biểu thị cho nghĩa Tổng Trì là Thể Tính Pháp Môn

Tướng Ấn là: Dựa theo Vị Khai Phu Hoa Hợp Chưởng, co 2 ngón giữa vào trong lòng bàn tay.

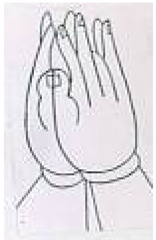


Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM̤ _ BUDDHA DHÀRAṆI SMṚTI _ BALÀ DHÀNA KARI _ DHÀRA DHÀRA DHÀRÀYA _ SARVA BHAGAVATI ÀKÀRA VATI SAMAYE _ SVÀHÀ

7) **Pháp Trụ Ấn:** còn gọi là Như Lai Pháp Trụ Ấn. Đây là Ấn của Văn Thù Bồ Tát ở góc Tây Nam, biểu thị cho Đức trụ bền lâu nơi tất cả Pháp Môn nên gọi là Pháp Trụ.

Tướng Ấn là: Chắp 2 tay lại giữa trống rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng) mở bung 2 ngón giữa.

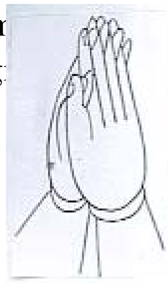


Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM̤ _ À VEDA VIDE _ SVÀHÀ

8) **Tấn Tật Trì Ấn:** Còn gọi là Thế Tôn Tấn Tật Trì Ấn. Đây là Ấn của Di Lặc Bồ Tát ở góc Đông Bắc, biểu thị cho lực gia trì nhanh chóng của sức Thần Biến Bí Mật của Như Lai.

Tướng Ấn là: Hai tay kết Hư Tâm ng, đan chéo 10 đầu ngón tay với nhau, bên phải đè bên trái, cùng nhau g oay chuyển.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM̤ _ MAHÀ YOGA YOGINI YOGE'SVARI _ KHAM̤ JALIKE _ SVÀHÀ

16 Pháp **Ấn Chú** này là cửa ngõ bí mật để thực chứng được Thật Tướng của Tâm, nghĩa là thực chứng được Pháp Thân Thường Trụ của Phật.

_ Mười sáu lư hương:

Lư Hương là nơi phát sinh mùi thơm thanh tịnh. Vì Giới Hương, Tính của nó vốn tịnh, không đến không đi mà thường đầy khắp Pháp Giới cho nên chư Phật thường theo Giới Hương mà đến. Do đó 16 lư hương biểu thị cho 16 Quỹ Giới của 16 Pháp Cảnh Thiền Định

_ Mười sáu chén thức ăn quý :

Chư Phật Bồ Tát dùng Pháp vui Thiền Duyệt làm nghĩa **Ăn** (Thiền Duyệt Thực). Do đó 16 chén thức ăn quý biểu thị cho mùi vị thượng diệu không gì sánh bằng của 16 cảnh giới Thiền Định của 8 Tôn và 8 Ấn Bí Mật

Kinh Đại Nhật, Phẩm 14, 8 Ấn Bí Mật ghi rằng*: "Tự thân trụ vào hình của Bản Tôn bền chắc chẳng động. Như Bản Tôn, rồi lại an trụ như Bản Tôn thì sẽ được Tất Địa"*

Nguyên đoạn văn trên có nghĩa là:

*Hành Giả phải kiến lập được Maṇḍala **Bát Diệp Cửu Tôn** (9 Tôn trong hoa sen 8 cánh) ngay trong Bản Tâm mình để nắm vững Lý Thú của Phật Tính vốn có xưa nay trong Tâm của mọi chúng sinh đồng thời phát khởi niềm tin chắc thực rằng **Ta là Phật sẽ thành** . Từ đấy Hành Giả tinh tiến giữ gìn Thân Khẩu Ý cho thật trong sạch và mạnh dạn bước vào con đường tu trì Thiền Định cho đến khi Hành Giả nhập vào được Pháp Giới , thực chứng được những biểu tượng của chư Phật Bồ Tát vốn là những điểm linh quang hiện hữu trong Tâm mình. Ngay lúc đó, Hành Giả sẽ trực nhận được Trí Giác Nguyên Thủy và mau chóng vượt qua các thứ lớp tu chứng, thành tựu Phật Quả*

Trước Đàn để một lư than nhỏ. Đến mỗi bữa ăn hoặc nửa đêm dùng Mật Ong và Tô Lạc đổ vào lư than, đốt lên cúng dường chư Phật Bồ Tát

_ Lư than nhỏ : Biểu thị cho Nhiệt Tâm đam mê ích kỷ. Sau khi được lửa 3 Mật nung nóng sẽ chuyển thành nguyên lý phản chiếu rõ ràng mọi chân tướng của vạn vật

_ Mỗi bữa ăn hoặc nửa đêm : Biểu thị cho thời điểm tu tập Thiền Định hoặc trì tụng Đà La Ni

_ Mật ong : Biểu thị cho Vị Tịnh Diệu của Pháp Thực

_ Tô lạc : Biểu thị cho sự tinh thuần của Pháp Thực

_ Cúng dường chư Phật Bồ Tát: Biểu thị cho việc dùng Pháp Thực **Tịnh Diệu Tinh Thuần** cúng dường phụng thí chư Tôn thì ngược lại chư vị sẽ cho Hành Giả mãn nguyện mong cầu và thường khiến được đầy đủ Vị **Bất sinh bất tử**

Nguyên đoạn văn trên có nghĩa là :

*Hành Giả tu Hạnh Maṇḍala dùng phương tiện **3 Mật** tu trì Thiền Định để khuấy động sữa Phật Tính của bản tâm cho đến khi nó thành Đề Hồ Diệu Giác Thuần Tịnh , dung hòa vi diệu. Dựa vào đó mà tất cả Trí Ấn Kim Cương cùng nhóm họp trong Vị Cam Lộ bậc nhất để phát kiến Trí Giác Nguyên Thủy*

Bốn phía ngoài treo phương, hoa . Bốn vách trong Đàn treo hình tượng chư Phật Bồ Tát. Hai bên cửa treo tượng Hộ Pháp Long Thiên. Lại lấy tám cái gương treo trên hư không chiếu thẳng vào 8 cái gương tròn trong Đàn khiến thành hình bóng xen nhau trùng trùng vô tận

_ **Phướng** : Biểu thị cho phép tắc của Tâm Đại Bồ Đề

_ **Hoa** : Biểu thị cho Tính Tuệ thành tựu, là điềm khai phát mầm thiện

_ **Hình tượng chư Phật Bồ Tát** : Biểu thị cho sự kết tinh và dẫn dắt lời cầu nguyện của Hành Giả. Đây chính là phương tiện thiện xảo nhằm kêu gọi, đánh thức Phật Tính vốn có ngay trong bản tâm của Hành Giả

_ **Hình tượng Hộ Pháp Long Thiên**: Biểu thị cho Tâm Ý dứt trừ Pháp bất thiện, xa lìa Pháp phiền não trói buộc và nuôi lớn Pháp Thiện, bảo vệ giữ gìn Chính Pháp Giải Thoát

_ Tám cái gương treo trên hư không chiếu thẳng vào tám cái gương tròn trong Đàn

Theo nghĩa ngoài thì 8 cái gương treo trên hư không là 8 Phật Đỉnh biểu thị cho Quả Đức u huyền của Đại Nhật Như Lai. Trong đó 3 Phật Đỉnh (Quảng Đại Phật Đỉnh, Cực Quảng Đại Phật Đỉnh, Vô Biên Âm Thanh Phật Đỉnh) biểu thị cho 3 Đức Tính của 3 Bộ . Năm Phật Đỉnh (Bạch Tản Cái Phật Đỉnh, Thắng Phật Đỉnh, Tối Thắng Phật Đỉnh,Quang Tụ Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh) biểu thị cho 5 Trí của Thích Ca Như Lai. Thứ tự phương vị của 8 Phật Đỉnh là:

1_ Tối Thắng Phật Đỉnh ở phương Đông

2 _ Vô Biên Âm Thanh Phật Đỉnh ở góc Đông Nam

3 _ Quang Tụ Phật Đỉnh ở phương Nam

4 _ Cực Quảng Đại Phật Đỉnh (Phát Sinh Phật Đỉnh) ở góc Tây Nam

5 _ Bạch Tản Cái Phật Đỉnh ở phương Tây

6 _ Thắng Phật Đỉnh ở góc Tây Bắc

7 _ Trừ Chướng Phật Đỉnh ở phương Bắc

8 _ Quảng Đại Phật Đỉnh (Quảng Sinh Phật Đỉnh) ở góc Đông Bắc

Đây là Pháp Tướng gia trì của 8 Phật Đỉnh tương ứng với 8 Đại Pháp của Đại Nhật Tôn

Theo nghĩa bên trong thì Tính của Tâm vốn tịnh giống như gương sáng trong. Tuy thanh tịnh không có bụi dơ nhưng hay phản chiếu tất cả hình tượng. Các hình tượng trong gương chẳng từ gương sinh ra, chẳng từ ngoại chất sinh ra, chẳng cùng sinh cũng chẳng không Nhân Duyên mà có, các loại hý luận đều chẳng tương ứng, lại cũng chẳng thể nắm giữ được, chỉ thuộc các Nhân Duyên mà ra, Duyên hợp chẳng sinh, Duyên tan chẳng diệt. Tức là Vô thường, vô đoạn, vô khứ (Không có đi), vô lai (không có đến). Nếu hiểu được **Tức tượng là gương, tức gương là tượng** thì thấy được thực tướng của các Pháp, biết được tự tính của Tâm vốn chẳng nhiễm ô

Nay dùng 8 cái gương như Tâm đó để xem xét phản chiếu 8 Đại Pháp của Đại Nhật Tôn ắt sẽ nhận biết được 4 Hạnh, 4 Trí của Như Lai với 8 cái gương Tâm ấy không hai không khác. Từ đó xem xét Pháp Giới như thế thì sẽ được Tam Muội **Trừ Cái Chướng,** có thể vì chúng sinh làm việc lợi ích không gì sánh bằng.

Nguyên đoạn văn trên có nghĩa là :

Hành Giả tu Hạnh Chân Ngôn phải quyết Tâm xa lìa Tà Pháp, giữ gìn Chính Pháp Giải Thoát, cương quyết noi theo dấu bước của chư Phật Bồ Tát tu tập các hạnh lành, phát khởi và nuôi lớn Tâm Bồ Đề. Dùng cái Tâm như gương để xem xét

*cái gương như tâm , nghĩa là **Tự Tâm thấy Tâm, Tâm tự biết Tâm** cho đến khi nhận biết được tự tính của Tâm vốn chẳng nhiễm ô. Lúc ấy mới có thể chuyển mê khai ngộ và thoát khỏi xiềng xích kềm tỏa của vòng Luân Hồi*

Trong Thất đầu chí thành đỉnh lễ chư Phật , Đại Bồ Tát và A La Hán. Sáu thời nhiễu Đàn tụng Chú , chí Tâm hành Đạo

_ Đỉnh lễ chư Phật , Đại Bồ Tát và A La Hán:

Chư Phật, Đại Bồ Tát và A La Hán là các Quả Vị vượt thoát biển sinh tử luân hồi của các Đấng Giác Ngộ. Đây chính là các mục tiêu mà Hành Giả tu theo Phật Giáo cần phải đạt được tùy theo sự phát Tâm của mình

Đỉnh lễ: Biểu thị cho sự tôn kính các Đấng Giác Ngộ Giải Thoát và cũng là phương pháp giúp cho Hành Giả dẹp tan Tâm kiêu mạn . Đồng thời **Đỉnh lễ** cũng giúp cho Hành Giả phát khởi Tâm Ý Hổ thẹn , thực hiện Pháp Sám Hối để làm tiêu mòn 3 Độc tham sân si và từ bỏ 2 loại chướng ngại bên ngoài với bên trong

Do vậy **Đỉnh lễ chư Phật, Đại Bồ Tát và A La Hán** chính là phương tiện giúp cho Hành Giả **Thấy Quả mà gieo Nhân** và một khi thường xuyên thực hành phương pháp này thì Hành Giả sẽ mau chóng nương theo hình tượng biểu thị cho Giác Tính bên ngoài (Phật, Đại Bồ Tát, A La Hán) để đánh thức Tính Giác vốn có xưa nay trong bản tâm của mình. Như Đức Phật có nói: "**Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành**"

_ Sáu Thời nhiễu Đàn tụng Chú

Sáu Thời : là 6 kỳ hạn tu tập trong một ngày, biểu thị cho ý chí tinh tiến tu tập không ngưng nghỉ

Đàn biểu thị cho ý nghĩa **Phát sinh chư Phật.**

Nhiễu Đàn (Đi vòng quanh Đàn) biểu thị cho sự di chuyển nhưng luôn luôn chú tâm quán chiếu Chính Pháp **Phát Sinh chư Phật**

Tụng Chú : Biểu thị cho Pháp tu **Thiền Định với Âm Thanh** là phương pháp tương đối thích hợp nhất với căn cơ của chúng sinh trong Thế Giới Ta Bà (Sàha Loka) vì Thế Giới này thường dùng âm thanh của ngôn ngữ để giao tiếp với nhau

Thoạt tiên Hành Giả có thể đọc tụng Thần Chú Lăng Nghiêm một cách lớn tiếng hoặc ngâm nga như ca tán kèm với sự chú tâm để giảm bớt sự xâm nhập quấy nhiễu của Trần Cảnh đồng thời kêu gọi sự tiếp độ hộ trì của Chư Phật, các Đại Bồ Tát, các vị Hiền Thánh Hộ Pháp

Thời gian sau Hành Giả đọc tụng Thần Chú một cách nhẹ nhàng từ tốn kèm với sự chú ý của tâm. Dần dần Hành Giả kết hợp Thần Chú với hơi thở qua cách đọc tụng thầm thì nhằm liên kết Thần Chú và ý thức. Cuối cùng Hành Giả mặc niệm Thần Chú trong Tâm Trí để hợp nhất Thân Khẩu Ý của mình với Thần Chú tạo thành nền tảng thâm nhập vào Đại Định

6 Thời nhiễu Đàn tụng Chú chính là một phương pháp thu thúc 6 Căn , ngăn cản không cho ngoại giới chi phối Tâm Ý của mình đồng thời đánh thức Trí Giác vốn có xưa nay trong tâm nhằm tịnh hóa 3 nghiệp Thân Khẩu Ý , làm tiêu giảm

năng lực của nghiệp chướng đời quá khứ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tu hành Thiền Định

_ **Chí Tâm hành Đạo :**Biểu thị cho Tâm Ý quyết định và thành khẩn để dấn thân vào con đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát

Theo quan điểm của Thần Bí Giáo thì Thần Chú (Mantra) là cửa ngõ để cho con người giao tiếp với Thần Linh . Khi sự giao tiếp ấy đã trở thành sự cảm thông lâu dài giữa Thần Linh và con người thì sẽ biến hóa bản thân, tinh thần và vật chất của người tu hành khiến cho nó trở thành một cái hang Thánh Hóa

Điều kiện căn bản tạo nên sự giao tiếp cảm thông ấy là Hành Giả phải có tâm chân thành, niềm tin tuyệt đối vào hiệu lực của Thần Chú đồng thời Hành Giả phải biết cách phát âm đúng Thần Chú. Vì Thần Chú (Mantra) là âm tiết hay một chuỗi âm tiết chuyển tải năng lực vi diệu tự nhiên của vũ trụ qua dạng rung động. Do đó nếu phát âm đúng Mantra thì những rung động của Mantra sẽ vang dội trong không gian và tác động trực tiếp đến những trung tâm vi diệu của thân thể, khai mở dòng năng lực ngủ quên của Hành Giả và giúp cho Hành Giả mau chóng đạt được một số quyền năng siêu phàm , cũng như dễ dàng giao tiếp cảm thông với cõi siêu hình để tái tạo cơ thể thiêng liêng thoát tục.

Theo quan điểm của Mật Tông Phật Giáo thì mục tiêu cơ bản của Hành Giả là chứng ngộ được Chính Pháp Giải Thoát và mục đích cứu cánh là chứng đạt được mùi vị an lạc tự tại của Đại Niết Bàn để vượt thoát biển khổ luân hồi.Chính vì thế mà mọi quy tắc **Lễ bái, tán tụng, Ấn Quyết, Thần Chú**, **Đàn Giới** đều hàm chứa Lý Thú giải thoát hoặc biểu thị cho bản nguyện Từ Bi phổ độ của các vị Hiền Thánh, còn quyền năng siêu phàm chỉ là dấu hiệu ấn chứng tạm thời cho trình độ Tâm Linh bởi vì nó có thể được Bậc Thầy cho mượn, hoặc chỉ hiện hữu trong một vài giai đoạn và có thể mất hẳn sau một thời gian nào đó. Đây là lý do mà các bậc Đạo Sư Mật Tông Phật Giáo không lưu ý đến quyền năng có được mà chỉ chú trọng vào mức độ trong sáng của Tâm Linh đối với vạn Pháp .

Như vậy ***Thất đầu tiên*** *là giai đoạn mà Hành Giả cần phải xác định được mục tiêu chân chính để tu tập , xác lập tâm Chính Tín, chân thành siêng năng hành trì Chân Ngôn để tịnh hóa Tâm Thức và tịnh trừ Nghiệp Chướng*

Thất thứ hai, chuyên tâm phát nguyện Bồ Tát chẳng gián đoạn

Khi Tâm Hành Giả đã được an trụ, Nghiệp Chướng đã tiêu giảm bớt. Đối với muôn sự muôn vật, Hành Giả có cái nhìn vô tư hơn trong sáng hơn. Nhưng Ngã Chấp chưa được tiêu trừ mà lại có thể phát tâm kiêu mạn coi thường chúng sinh vì thế dễ đọa lạc vào các nẻo bất thiện. Do đó trong giai đoạn này, Hành Giả cần phải phát khởi Tâm Đại Bi , nuôi dưỡng lòng thương xót không bờ bến đối với chúng sinh và luôn tìm cách giúp đỡ họ tùy theo mọi phương tiện có được. Đây chính là tâm nguyện của các Bồ Tát . Cụ thể là tham cứu và thực hiện 4 Thệ Nguyện Căn Bản là:

1) Nguyện cứu độ tất cả chúng sinh không còn sót một ai

2) Nguyện sẽ dứt bỏ mọi phiền não

3) Nguyện sẽ học tinh thông mọi giáo lý Giải Thoát

4) Nguyện sẽ đạt được sự Giác Ngộ tối thượng

Một khi Hành Giả đã chuyên tâm tu tập Tâm Đại Bi qua công hạnh **Phục vụ vị tha** thì Hành Giả sẽ mau chóng xa lìa tâm ý **vị kỷ vong tha** và tiêu giảm năng lực của **Ngã Chấp, Ngã Ái** hủy diệt tâm kiêu mạn. Nhờ vậy nhận thức của Hành Giả sẽ được thanh lọc, mọi phiền não nghiệp chướng được tịnh hóa và trực nhận được bản tâm thanh tịnh vô cấu nhiễm vốn có nơi mình y như các Bậc Giác Ngộ không có sai khác

Nói cách khác, do Tâm hay tạo ra vạn Pháp. Nếu Hành Giả biết cách phác thảo ra hình tượng hoàn thiện và chuyên tâm điều chỉnh thân khẩu ý của mình tiến dần tới hình tượng hoàn thiện ấy thì năng lực vốn có của vũ trụ sẽ tự nhiên đưa đẩy Hành Giả đạt đến trạng thái hoàn hảo đó (Đây là lý do hình thành các cõi Tịnh Độ của chư Phật mười phương). Như các bậc Cổ Đức nói:

"Khi còn mê muội thì chúng ta luôn cầu khẩn chư vị Bồ Tát phù hộ cho chúng ta có thêm các phương tiện thiện xảo để cải sửa thân tâm và giúp ích những người chung quanh tự tiến bộ. Nhưng khi Giác Ngộ , chúng ta lại thấy rằng ai cũng có Phật Tính và các vị Bồ Tát lại ở ngay trong lòng chúng ta, là chính ngay chúng ta"

Từ ý nghĩa này, các vị Đạo Sư Mật Giáo thường truyền dạy cho môn đồ phương pháp **Quán Hóa Thần** để mau chóng thể nhập vào trạng thái giải thoát phiền não. Từ đó tạo dựng nền tảng để mau chóng thành Phật

Đường nét tốt nhất để tu Quán Hóa Thần là khẩn cầu Bản Tôn của Pháp tu để khai triển dòng Tâm Thức và quy hướng tâm ý vào Bồ Tát Đạo. Điều cần nhớ là Hành Giả phải xem Bản Tôn như là vị Thần Hộ Mệnh của mình. Từ đó qua sự khẩn cầu, những lực gia trì của chư Phật Bồ Tát và Bản Tôn sẽ thấm ướt dòng tâm thức của Hành Giả và Hành Giả sẽ mau chóng thực chứng được **Chính Pháp Cá Nhân** của mình

Khi khẩn cầu, Hành Giả ngồi Bán Già (Chân phải gác lên chân trái), điều chỉnh cột xương sống cho ngay thẳng, chú tâm điều hòa hơi thở để an định thân thể. Sau đó trì niệm Quy Y và phát Tâm Bồ Đề

Nam mô Phật

Nam mô Pháp

Nam mô Tăng

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

Nam mô thập phương thường trụ chư vị Hiền Thánh, Hộ Pháp Chúng

Con (Họ tên… Pháp Danh…) từ nay cho đến khi thành Chính Đẳng Chính Giác, con nguyện thệ cứu độ vô lượng vô biên chúng Hữu Tình khiến cho tất cả đều được giải thoát như con không khác. Nguyện xin chư Phật, Bồ Tát, Hiền Thánh Từ Bi chứng biết và khuyến tấn cho con mau viên mãn lời thệ nguyện (3 lần)

_ Tiếp theo Hành Giả quán tưởng tất cả các Pháp và sự tồn tại của Bản Ngã đều trống rỗng và tan thành Tính Không ('Sùnyatà) và trì niệm Thần Chú TỰ TÍNH 3 lần

Tự Tính của con vốn thanh tịnh

Như tự tính thanh tịnh của các Pháp

OM̥ _ SVABHÀVA ‘SUDDHA _ SARVA DHARMA SVABHÀVA ‘SUDDHA UHAM̥

Từ khoảng không của sự trống rỗng mênh mông này xuất hiện chữ (PAM̥_ Chủng tử biểu thị cho Đệ Nhất Nghĩa Vô Nhiễm) màu trắng tinh. Chữ PAM̥ biến thành hoa sen màu trắng , trên hoa sen này có chữ (ÀḤ_ Chủng tử biểu thị cho Ngữ Giác Ngộ là nguyên lý bao quát tất cả nghĩa của Chú Thuật hay âm thanh sáng tạo) màu trắng. Chữ ÀḤ biến thành vành trăng tròn trịa, bên trong vành trăng có chứa chữ (LAM̥_ Chủng tử biểu thị cho ánh sáng Trí Tuệ che trùm khắp Pháp Giới chúng sinh) màu trắng tinh. Chữ LAM̥ tỏa ánh sáng trắng rực rỡ đem lại sự tốt lành cho các loài Hữu Tình, sau đó ánh sáng quay trở về nhập vào chữ LAM̥. Liền đó chữ LAM̥ biến thành Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn có thân hình màu trắng đầy đủ mọi tướng tốt đẹp, ngồi trên tòa sen trắng, tay phải kết Ấn Dữ Nguyện, tay trái cầm hoa sen và trên hoa sen có cái lọng màu trắng. Toàn thân phóng tỏa ánh sáng Đại Bi màu trắng tinh rực rỡ chiếu soi cứu độ muôn loài chúng sinh trong Pháp Giới

_ Khi quán thấy Bản Tôn rõ ràng, Hành Giả liền xưng tán

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài là nơi chư Thiên cùng đỉnh lễ

Con khẩn cầu Thầy : Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM̥ MAHÀ SITÀTAPATROṢṆÌṢA HÙM̥ BHRÙM̥

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài là Đấng cao cả mà các Thiên Nữ thường theo hầu cận

Con khẩn cầu Thầy : Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM̥ MAHÀ SITÀTAPATROṢṆÌṢA HÙM̥ BHRÙM̥

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay giáng phục các loài Quỷ gây bệnh

Con khẩn cầu Thầy : Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM̥ MAHÀ SITÀTAPATROṢṆÌṢA HÙM̥ BHRÙM̥

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay che cấm được các Chú Lực

Con khẩn cầu Thầy : Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM̥ MAHÀ SITÀTAPATROṢṆÌṢA HÙM̥ BHRÙM̥

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay giáng phục các chúng sinh khó giáng phục

Con khẩn cầu Thầy : Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM̥ MAHÀ SITÀTAPATROṢṆÌṢA HÙM̥ BHRÙM̥

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay ngăn dứt các điều ác

Con khẩn cầu Thầy : Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM̥ MAHÀ SITÀTAPATROṢṆÌṢA HÙM̥ BHRÙM̥

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay miễn trừ mọi sự chết yểu
Con khẩn cầu Thầy : Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ MAHÀ SITÀTAPATROṢṆÌṢA HÙṂ BHRÙṂ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay giải thoát các sự trói buộc
Con khẩn cầu Thầy : Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ MAHÀ SITÀTAPATROṢṆÌṢA HÙṂ BHRÙṂ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay làm mất mọi hiện tượng ác
Con khẩn cầu Thầy : Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ MAHÀ SITÀTAPATROṢṆÌṢA HÙṂ BHRÙṂ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay đập tan 84000 phiền não
Con khẩn cầu Thầy : Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ MAHÀ SITÀTAPATROṢṆÌṢA HÙṂ BHRÙṂ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay khiến cho 28 vị Tinh Tú vui vẻ
Con khẩn cầu Thầy : Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ MAHÀ SITÀTAPATROṢṆÌṢA HÙṂ BHRÙṂ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay chặn đứng mọi kẻ oan gia và tiêu diệt tất cả mộng ác hãi hùng
Con khẩn cầu Thầy : Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ MAHÀ SITÀTAPATROṢṆÌṢA HÙṂ BHRÙṂ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài luôn kịp thời cứu thoát những kẻ bị nạn nơi thuốc độc, dao gậy, nước, lửa
Con khẩn cầu Thầy : Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ MAHÀ SITÀTAPATROṢṆÌṢA HÙṂ BHRÙṂ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài là hiện thân cho mọi tướng của Như Lai
Con khẩn cầu Thầy : Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ MAHÀ SITÀTAPATROṢṆÌṢA HÙṂ BHRÙṂ

Tiếp theo Hành Giả khẩn cầu Bản Tôn ban rải năng lực gia trì để tịnh hóa 3 nghiệp Thân Khẩu Ý của mình
Hỡi Đức Bản Sư Tôn Quý của con
Xin hãy an vị trên Tòa Sen trong vành trăng trên đỉnh đầu của con
Xin xót thương con vì lòng Bi Mẫn
Cho con thành tựu về Thân, lời, Ý
OṂ ÀḤ HÙṂ _ MAHÀ SITÀTAPATROṢṆÌṢA HÙṂ BHRÙṂ _ SARVA SIDDHI HÙṂ (3 lần)
Nay con xin quay về nương tựa Bậc Thầy và ba ngôi báu

Xin ban phước cho dòng tâm thức của con

Xin gia hộ cho con: Tịnh trừ được tất cả chướng ngại Nội Tâm và Ngoại Cảnh để mau chóng thực chứng được Đạo Bồ Đề

OṂ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRE HÙṂ PHAṬ _ HÙṂ MAMA HÙṂ NI SVÀHÀ (108 lần)

Trong khi trì niệm, Hành Giả quán tưởng từ Bản Tôn tỏa ra ánh sáng trắng chiếu khắp châu thân, từ trên đỉnh đầu xuống tận gót chân, đẩy mọi Tập Khí nghiệp ác, các chướng do nghiệp Thân Khẩu Ý gây tạo ra khỏi thân thể Hành Giả qua các lỗ chân lông thành dạng sương khói đen kịt. Dần dần thân thể Hành Giả trở thành sắc chói rạng trắng tinh.

Sau đó Hành Giả quán tưởng Bản Tôn hóa thành luồng ánh sáng trắng tinh chui vào đỉnh đầu xuống trái tim và tan biến ngay trong tim Hành Giả.

_ Cuối buổi Quán Niệm, Hành Giả chí thành Hồi Hướng

Nam mô Phật. Nam Mô Pháp, Nam Mô Tăng

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

Nam mô Thập Phương thường trụ chư vị Hiền Thánh, Hộ Pháp Chúng

Nguyện cho tất cả chúng sinh thường được an vui

Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não

Nguyện cho tất cả chúng sinh sớm khởi Từ Bi

Nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng Bồ Đề

Sau đó Hành Giả xả bỏ và hoàn tất buổi công phu

Trong giai đoạn này , Hành Giả luôn luôn tìm hiểu và thâm nhập vào mọi nghĩa thú của Tâm Đại Bi với các Hạnh Nguyện của chư Phật Bồ Tát

Thất thứ ba, mười hai thời luôn trì Chú. Đến ngày thứ bảy , mười phương Như Lai cùng hiện trong ánh sáng gương, được Phật xoa đầu, liền nơi Đạo Trường được vào Tam Ma Địa

Sau hai giai đoạn tu tập trước, nếu Hành Giả tự biết Tâm mình đã được an định nhiều hơn, Tri Thức rộng mở hơn, lòng thương xót chúng sinh cũng gia tăng hơn, khi đối cảnh thì Tâm Ý vô tư bình đẳng hơn. Như vậy Hành Giả đã tương ưng được đôi phần với Bản Tôn.Tiếp theo Hành Giả gia công gấp đôi, một ngày đêm 12 Thời vừa trì niệm Thần Chú Lăng Nghiêm vừa tìm hiểu nghĩa thú của Thần Chú, vừa thu nhiếp Tâm Ý để bước vào Lăng Nghiêm Tam Muội (Suraṃgama Samàdhi)

Đến giai đoạn này, Hành Giả lặng lẽ điềm nhiên dùng **cái tâm như gương** để xem xét cái **gương như tâm** cho đến lúc thực chứng được Bản Tôn, chư Phật, Bồ Tát, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp đều là những điểm linh quang hiện hữu trong Tâm của mình qua trạng thái Thiền Định. Nếu được thành tựu như thế thì thân tâm Hành Giả sẽ được sáng tỏ, trong sạch như ngọc Lưu Ly. Nghĩa là **Đất Tâm đã** được tinh sạch và sẵn sàng gieo mầm chủng Bồ Đề. Đây cũng là ý nghĩa của Kinh Văn **Mười phương chư Phật cùng hiện trong ánh sáng gương xoa đầu thọ ký**

Sau Thất thứ ba, tĩnh tọa an cư, trải qua một trăm ngày. Nếu người lợi căn có thể chứng ngay Sơ Quả . Dẫu cho thân tâm chưa thành Chính Quả nhưng tự biết nhất định sẽ thành Phật chẳng sai

Khi Đất Tâm được sửa trị trong sạch, tự thân lại tiếp nhận được lực gia trì của Bản Tôn và chư vị Hiền Thánh. Nhưng nếu chưa được Đạo Quả thì Hành Giả dễ sinh tâm kiêu mạn, nảy sinh chấp trước mà uổng phí công phu. Vì thế Hành Giả cần phải lặng lẽ quán niệm lại thân tâm của mình, đối chiếu tâm ý của mình khi đối cảnh với cách hành xử của chư Phật Bồ Tát, Hiền Thánh để kiểm tra tâm ý của mình. Thường xuyên nhận biết lỗi lầm của mình cho đến khi biết chắc đã gieo trồng được mầm giống Bồ Đề vào đất tâm thanh tịnh thì quyết định rằng mình sẽ thành Phật cũng như mau chóng chứng đắc Sơ Quả Bồ Đề

Có điều trong thời Mạt Pháp này, nếu có duyên lành thì Hành Giả sẽ được các bậc Thánh Giải Thoát tự tìm đến ấn chứng cho trình độ Giác Ngộ của mình. Nếu không được như vậy, Hành Giả càng phải cố gắng kiểm soát tâm ý của mình, đừng để cho bản tâm thanh tịnh bị tỳ vết mà uổng phí công phu tu hành.

Ý NGHĨA VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA HỒNG DANH THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Theo **Đại Trí Độ Luận** và **Câu Xá Luận**: Cách nay khoảng 3 vô số kiếp, Đức Bản Sư Gautama có gặp Đức Phật hiệu là **Thích Ca Mâu Ni**. Do đối trước Đức Phật ấy phát tâm Bồ Đề , nguyện ngày sau sẽ được như Ngài, vì thế khi thành Chính Đẳng Chính Giác, Đức Bản Sư Gautama cũng có danh hiệu là **Thích Ca Mâu Ni .**

Thích Ca Mâu Ni (‘Sàkya Muṇi) được dịch là Năng Nhân Tịch Mặc trong đó Năng Nhân (‘Sàkya) là dòng họ Thích Ca và Tịch Mặc (Muṇi) là bậc Đại Thánh. Như vậy Thích Ca Mâu Ni có nghĩa là Bậc Đại Thánh của dòng họ Thích Ca.

Theo ý nghĩa khác thì **Năng** biểu thị cho Đại Hùng Lực, **Nhân** biểu thị cho Đại Từ Bi, **Tịch Mặc** biểu thị cho Đại Trí Giác . Như vậy Hồng danh Thích Ca Mâu Ni biểu thị cho Phước Trí viên mãn của Đấng Toàn Giác.

Dựa vào ý nghĩa này, Thiền Sư **Đạo Nguyên** đã viết trong phần cuối của **Tu Chứng Nghĩa** là: *“Nói chư Phật tức là nói Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật là **Tức Tâm là Phật** .Tất cả chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai khi thành Phật đều là Thích Ca Mâu Ni Phật”*

Do đó phái Tào Động không chấp nhận Tọa Thiền là phương tiện để đạt sự chứng ngộ mà **Tọa Thiền** chính là việc làm của Phật, là Thiền **Tự Thọ Dụng Tam Muội** của Đức Thích Ca Mâu Ni sau khi đã thành Đạo. Điều này có thể nói là **Tọa Thiền** trên căn bản an tâm về Bản Chứng, chính là Pháp tu vi diệu. Như vậy nội dung Chính Tín của phái Tào Động (Nhật Bản) gồm 3 điểm:

1) Bản Tôn là Thích Ca Mâu Ni Phật

2) Bản Chứng là Tọa Thiền

3) Báo ân là Hành Trì

Theo nghĩa khác thì **Năng Nhân** biểu thị cho sự chẳng tạm ở Niết Bàn, **Tịch Mặc** biểu thị cho sự chẳng trụ ở sinh tử và **Năng Nhân Tịch Mặc** biểu thị cho ý nghĩa ***Tùy Cơ phổ hiện, thuyết Pháp lợi sinh***

Do ý nghĩa này, hệ thống Mật Giáo nhận định rằng: *“Chư Phật đều có phương tiện, chẳng phải thật Diệt Độ. Ở đất này hiển hiện sự diệt độ mà lại thật trú ở địa phương khác ví như Đức Thích Ca Mâu Ni hiện sự diệt độ ở rừng cây Sa La mà thật ra vẫn giảng Pháp ở núi Linh Thứu. Điều này còn có nghĩa là: **“Nghi thức của chư Phật ba đời đều giống nhau. Sau vô lượng vô biên A Tăng Kỳ Kiếp , giả hiện có diệt độ để thay đổi trú xứ. Do càng thay đổi trú xứ thì càng có thể hóa độ vô lượng chúng sinh ”***

Kinh Pháp Hoa, Phẩm Như Lai Thọ Lượng có ghi rằng: *“Các ông hãy lắng nghe sức bí mật thần thông của Đức Như Lai. Tất cả Thế Gian đều tưởng rằng Đức Phật Thích Ca khi rời hoàng cung đến thàng Già Gia, ngồi Đạo Trường, chứng quả Vô Thượng Bồ Đề . Nhưng sự thật, Ta thành Phật từ vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức kiếp không thể tính được. Từ đó đến nay, Ta luôn ở Ta Bà thuyết Pháp giáo hóa và cũng ở vô lượng nước khác giáo hóa chúng sinh. Mỗi nơi, Ta tự xưng danh*

hiệu không giống nhau và cho biết tuổi tác lớn nhỏ cũng khác nhau, lại nói sẽ nhập Niết Bàn và dùng nhiều phương tiện khác để chỉ bày Pháp vi diệu. Như Lai thấy chúng sinh ưa thích Pháp nhỏ, Đức mỏng, tội nặng cho nên vì những hạng người này mà nói lúc trẻ xuất gia được Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Đây chỉ là phương tiện giáo hóa chúng sinh để vào Phật Đạo. Như Lai thấy rõ không sai lầm Tướng của ba cõi. Nhưng chúng sinh , căn tính khác nhau, ý muốn khác nhau, tưởng nhớ khác nhau nên Như Lai phải thuyết Pháp khác nhau cho họ sinh căn lành. Việc Phật sự, Ta chưa ngừng nghỉ. Như vậy từ khi Ta thành Phật đến nay, thọ mệnh Ta dài vô lượng. Ta xưa tu hành Đạo Bồ Tát kết thành thọ mệnh, nay vẫn chưa hết mà còn hơn số như vậy. Cho nên dù chưa thật diệt độ, Ta vẫn nói sẽ diệt độ để làm phương tiện giáo hóa chúng sinh. Vì nếu Phật ở lâu trên cuộc đời, những người Đức mỏng không chịu trồng căn lành, ham ưa năm món Dục, sinh tâm lười biếng kiêu mạn, không sinh lòng khát ngưỡng gặp Phật………"

Cuối cùng Đức Phật kết luận*:" Từ lúc thành Phật đến nay, vô lượng a tăng kỳ kiếp nhưng vì phương tiện cứu độ chúng sinh mà nói diệt độ, vì thế không thể nói Thế Tôn phạm lỗi hư dối"* (Bản dịch của ông **Đoàn Trung Còn**)

Cụ thể vào khoảng Thế Kỷ IV, Đời Trần và Đời Tùy, Ngài **Trí Khải** Đại Sư chuyên tụng Kinh Pháp Hoa, trải qua 14 ngày đến câu:"**Thị chân tinh tiến, thị danh chân Pháp, cúng dường Như Lai"** (Trong Phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự) thì thoạt nhiên nhập Định. Trong Định, Ngài thấy Đức Phật thuyết Pháp tại Pháp Hội Linh Sơn chưa tan. Xuất Định, Ngài đem sở đắc ấy thuật lại cho Tổ **Nam Nhạc** (Huệ Tư) nghe. Tổ Nam Nhạc khen: ***"Chỉ có ông chứng được, chỉ Ta mới biết***"

Như vậy, nếu dựa vào quan điểm trên thì Đức Phật Thích Ca quả là Đấng Cha Lành (Từ Phụ) luôn luôn để ý theo dõi cứu độ chúng sinh. Nếu chúng ta thường xuyên lễ bái, quán tưởng, trì niệm Hồng Danh của Ngài thì chắc chắn chúng ta sẽ mau thọ nhận ân sũng của Ngài để tiến hóa vững chắc trên con đường vượt khổ đau lìa sinh tử, chứng đạt sự tự tại vô ngại của quả vị giải thoát

Theo truyền thống của hệ Bắc Truyền , sau khi được Đức Phật Thích Ca trao cho Chính Pháp Nhãn Tạng trong Pháp Hội Linh Sơn, Đại Đức **Ma Ha Ca Diếp** (Mahà Kà'syapa) đã mở Hội Nghị kết tập Pháp Điển tại động Tất Ba La Diên ở phía Đông Nam thành Vương Xá (Ràja Gṛha). Hội Nghị này được thành lập khỏang 90 ngày sau khi Đức Phật diệt độ, có khoảng 500 vị A La Hán hợp tụng (Saṃgiti) và không có bút ký. Lần kết tập thứ nhất này được gọi là **Vương Xá Thành Kết Tập** hay **Ngũ Bách Kết Tập** . Sau đó khoảng 20 hay 30 năm, Đại Đức Ma Ha Ca Diếp đi đến núi Kê Túc ở phía Tây Nam thành Vương Xá, quyết định nhập diệt. Khi đã ngồi yên trên tòa cỏ, Ngài tự phát nguyện rằng: "***Hôm nay , Ta dùng thần lực giữ gìn nhục thân này, dùng y phấn tảo che phủ trên mình để đến 67 ức năm sau, khi Bồ Tát Di Lặc giáng sinh thành Phật, Ta sẽ đến bái kiến Ngài, giúp Ngài giáo hóa chúng sinh"***

Sự kiện Ngài Đại Ca Diếp giữ gìn Y Bát của Đức Phật Thích Ca, ở lại núi Kê Túc đợi đến thăm Đức Phật Di Lặc , trao lại Y Bát cho Ngài hàm chứa ý nghĩa là***: "Những ai có duyên lành với Đức Phật Thích Ca qua việc xưng tán, cúng dường, tu***

tập Chính Pháp của Phật, mà chưa đắc Đạo thì sẽ nương vào Nhân Duyên này để gặp Đức Phật Di Lặc ở thời tương lai và được Ngài hóa độ "

_ Kinh **Di Lặc Hạ Sinh Thành Phật** có ghi:

_ Thiên Thượng Thiên Nhân Tôn
Đại Từ Bi Thánh Chủ
Quán khắp mọi Tâm xong
Diễn nói Pháp thiết yếu
Bảo Chúng: "Ngươi nên biết
Từ Bi Thích Ca Chủ
Dạy ngươi tu **Chính Đạo**
Đến sinh trong Pháp Ta
_ Hoặc đem hương, vòng hoa
Phướng, phan, lọng nghiêm sức
Cúng dường **Mâu Ni Chủ**
Đến sinh trong Pháp Ta
_ Hoặc Uất Kim, Trầm Thủy
Bùn thơm dùng xoa lau
Cúng dường tháp Mâu Ni
Đến sinh trong Pháp Ta
_ Hoặc quy Phật Pháp Tăng
Cung kính, thường gần gũi
Nên tu các Hạnh lành
Đến sinh trong Pháp Ta
_ Hoặc ở trong Phật Pháp
Thọ trì các chỗ học
Khéo giữ, không khuyết phạm
Đến sinh trong Pháp Ta
_ Hoặc với Tăng bốn phương
Cho quần áo, ăn uống
Dâng phụng thuốc men tốt
Đến sinh trong Pháp Ta
_ Hoặc vào bốn ngày Trai
Với tại tháng Thần Thông
Thọ trì Giới **tám chi**
Đến sinh trong Pháp Ta"

_ Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện, Phẩm Phân Thân Tập Hội có ghi*:"Địa Tạng! Ông xem Ta đã trải qua bao nhiêu số kiếp nhọc nhằn độ thoát những chúng sinh cương cường đầy tội khổ khó khai hóa như thế. Ngoài ra , những kẻ chưa điều phục được thì phải theo nghiệp thọ báo.*

Nếu khi Chúng đó có bị đọa vào đường dữ, chịu nhiều sự thống khổ thì ông nên nghĩ nhớ Ta ở cung Trời Đao Lợi ân cần phó chúc đây mà gắng độ chúng sinh, làm cho chúng sinh trong cõi Ta Bà này đến lúc Phật Di Lặc ra đời đều được giải thoát khỏi hẳn các đường khổ, gặp Phật được Đức Phật thọ Ký".

Bấy giờ những Hóa Thân Địa Tạng Bồ Tát ở các Thế Giới hiệp chung lại một hình , rơi lệ thương cảm mà bạch cùng Đức Phật rằng:" Từ vô số kiếp lâu xa đến nay, con nhờ Đức Thế Tôn tiếp độ dắt dìu làm cho con được Thần Lực chẳng thể nghĩ bàn, đầy đủ Trí Tuệ rộng lớn. Con phân hiện thân hình ra ở cùng khắp trăm

nghìn muôn ức thân. Mỗi thân đó hóa hiện trăm nghìn muôn ức người làm cho quy kính Tam Bảo, khỏi hẳn vòng sinh tử, hưởng vui Niết Bàn

Như chúng sinh nào ở nơi Phật Pháp chỉ làm một việc lành bằng một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một bụi nhỏ, hoặc bằng chừng mảng lông tóc. Con đều độ thoát lần lần làm cho chúng sinh đó được lợi ích lớn

Cúi mong Đức Như Lai chớ vì những chúng sinh Ác Nghiệp trong đời sau mà sinh lòng lo lắng ! ... Cúi mong Đức Như Lai chớ vì những chúng sinh Ác Nghiệp trong đời sau mà sinh lòng lo lắng ! "

Ngài Địa Tạng Bồ Tát bạch cùng Đức Phật ba lần như thế

(Bản dịch của Thượng Tọa **Thích Trí Tịnh**)

Căn cứ vào truyền thống này , nếu chúng sinh nào có duyên lành với Giáo Pháp của Đức Phật Thích Ca mà chưa đắc quả. Hoặc phát tâm kính ngưỡng trì niệm Hồng Danh của Ngài sẽ được Thần Lực của Ngài và chư Hiền Thánh dìu dắt hướng dẫn cho họ gặp Chính Pháp của Phật Di Lặc trong tương lai

Lại nữa Đức Phật Thích Ca là Giáo Chủ hiện tại của cõi Ta Bà nên mọi Giáo Pháp Giải Thoát hiện hành trong cõi này Ngài đều thấy biết rõ ràng và mỗi một căn tính của từng chúng sinh, Ngài đều thấu tỏ. Do lòng Đại Bi thương xót chúng sinh như con đẻ nên sau khi diệt độ, Ngài hóa thân thành Thần Chú **Bộ-Lâm** (_ BHRÙṂ) để giữ gìn Giáo Pháp Giải Thoát. Ngoài ra Đức Phật Thích Ca còn nhắn nhủ các hàng quyến thuộc phải tinh tiến trong công việc hoằng hóa độ sinh. Vì thế vô lượng quyến thuộc của Ngài cùng với vô lượng bậc Thiện Tri Thức ở cõi Ta Bà này đều y theo Tâm Nguyện của Ngài mà cứu độ hộ trì các chúng sinh đã gieo duyên lành với Ngài

_ Kinh Đại Đà La Ni Mạt Pháp Trung Nhất Tự Tâm Chú có ghi:

Hết thảy các Phật Tử
Các ông nay lắng nghe
Ta nói câu Chú này
Đầy đủ các Công Đức
Sau này khi đời ác
Pháp Ta sắp muốn diệt
Hay ở trong thời ấy
Hộ trì Mạt Pháp Ta
Hay trừ ác Thế Gian
Độc hại các Quỷ Thần
Và các Thiên Ma Nhân
Hết thảy các Chú Pháp
Nếu nghe danh Chú này
Thảy đều tự nép phục
Sau khi Ta diệt độ
Phân khắp Xá Lợi rồi
Sẽ ẩn các tướng tốt
Biến thân làm Chú này (_BHRÙṂ)
Phật có hai thứ Thân

Chân Thân và Hóa Thân
Nếu hay cúng dường ấy
Phước Đức không có khác
Chú này cũng như thế
Tất cả các Trời người
Thường sinh lòng hy hữu
Thọ trì và cúng dường
Đã được các Công Đức
Như thân Ta không khác
Công đức Chú Vương này
Ta nay chỉ lược nói
(Bản dịch của Sa Môn **Thích Viên Đức**)

_ Kinh **Uế Tích Kim Cương Cấm Bách Biến Pháp Môn** có ghi :

Khi ấy vị Kim Cương (Uế Tích Kim Cương) lại nói rằng: "Nếu có chúng sinh hành Pháp này. Tôi liền đi đến hiện thân trước mặt người đó và ban cho mọi sự nguyện cầu. Tôi cũng khiến cho người đó được mọi thứ biến hiện, mọi loại Thần Thông, nơi làm không bị trở ngại. Thường nên niệm Đức Bản Sư ***Thích Ca Mâu Ni Phật*** *của tôi. Tôi liền thường tùy toại khiến cho tất cả đều trợ giúp cho thành tựu"*

_ Kinh **A Sá Nang Chi** (Atanatiya Suttanta) thuộc Kinh Trường Bộ có ghi :

"Bốn vị Thiên Vương trấn giữ bốn phương gồm Trì Quốc Thiên Vương với quyến thuộc Càn Thát Bà ở phương Đông, Tỳ Lâu Lặc Xoa Thiên Vương với quyến thuộc Cưu Bàn Trà ở phương Nam, Tỳ Lâu Bác Xoa Thiên Vương với quyến thuộc Na Già ở phương Tây, Tỳ Sa Môn Thiên Vương với quyến thuộc Dạ Xoa ở phương Bắc đều đỉnh lễ Đức Phật Thích Ca với câu xưng tán là :

Quý vị xin đỉnh lễ
Gotama chiến thắng !
Chúng con xin đỉnh lễ
Gotama chiến thắng !
Đỉnh lễ Gotama
Bậc Trí Đức viên mãn

Các vị này đều sẵn lòng giúp đỡ các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ thoát khỏi sự hãm hại của các hàng Phi Nhân không tin Phật Pháp đồng thời che chở cho bốn Chúng được sống thoải mái hạnh phúc"

(Bản dịch của Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam)

_ Hệ thống Mật Giáo Tây Tạng cho rằng phương pháp tốt nhất để triển khai dòng Tâm Thức là khẩn cầu Bậc Thầy (Guru). Do kết quả của sự khẩn cầu thì Hành Giả sẽ triển khai được những kinh nghiệm Tôn Giáo và thực chứng trong dòng Tâm Thức nhờ những năng lực gia trì mà Hành Giả nhận được. Tất cả bậc Đạo Sư Tây Tạng đều nhận định rằng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là bậc Đạo Sư cao cả nhất trong tất cả các bậc Thầy , Ngài là ruộng phước tốt nhất cho mọi sự cúng dường , Ngài là chỗ nương tựa tối thượng… Vì thế trong khi Thiền Quán , các vị Đạo Sư Tây Tạng thường khuyên dạy Môn Đồ hãy quán vị Thầy trên đầu của mình trở thành Đức Thích Ca Mâu Ni, Đạo Sư của chúng ta, đồng thời xem Ngài như Hiện Thân

của mọi chỗ Quy Y và dâng cúng Ngài một Maṇḍala với sự cầu nguyện gồm 7 thành phần:

1 _ **Kính lễ chư Phật, Hiền Thánh** : để làm tiêu tan sự kiêu mạn

2 _ **Cúng dường** : làm tiêu tan tính keo kiệt và Ngã Sở Chấp

3 _ **Sám Hối** : làm tiêu mòn 3 độc Tham, Sân , Si và từ bỏ 2 loại chướng ngại

4 _ **Tùy hỷ Công Đức** : để dứt trừ tâm ganh tỵ tranh đấu và phát triển căn lành

5 _ **Thỉnh chuyển Pháp Luân** : nhằm dứt trừ sự thiếu thốn Phật Pháp, được Phạn Âm như Phật

6 _ **Thỉnh Phật trụ Thế** : nhằm dứt trừ tâm ý chê bai bậc Thầy và thực biết về thọ mệnh của thân Kim Cương

7 _ **Hồi hướng Công Đức** : nhằm dứt trừ sự nóng vội và thấu hiểu tất cả đức tính của một vị Phật

Hãy làm sự khẩn cầu như thể Hành Giả làm với sự hiện thân của Tam Bảo và tất cả chỗ nương tựa.

(Theo bản dịch của Sư Cô **Thích Nữ Trí Hải**) những câu sau đây rút từ quyển sách Thần Diệu của phái Gelugpa cho nên rất linh nghiệm:

_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, Chúa Tể của bốn Thân
Con khẩn cầu Thầy: Thích Ca Mâu Ni _ Kim Cương Trì
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con , Chúa Tể Pháp Thân vô ngại
Con khẩn cầu Thầy : Thích Ca Mâu Ni _ Kim Cương Trì
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, Chúa Tể Báo Thân Phúc Lạc
Con khẩn cầu Thầy : Thích Ca Mâu Ni _ Kim Cương Trì
_ Bậc Thầy Thánh Thiện của con, Chúa Tể vô lượng Ứng Thân
Con khẩn cầu Thầy : Thích Ca Mâu Ni _ Kim Cương Trì
_ Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả vị Thầy
Con khẩn cầu Thầy : Thích Ca Mâu Ni _ Kim Cương Trì
_ Bậc Thầy Thánh Thiện của con , hiện thân của tất cả vị Trời
Con khẩn cầu Thầy : Thích Ca Mâu Ni _ Kim Cương Trì
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả chư Phật
Con khẩn cầu Thầy : Thích Ca Mâu Ni _ Kim Cương Trì
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả Pháp
Con khẩn cầu Thầy : Thích Ca Mâu Ni _ Kim Cương Trì
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của Tăng Già
Con khẩn cầu Thầy : Thích Ca Mâu Ni _ Kim Cương Trì
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của Nam Thần
Con khẩn cầu Thầy: Thích Ca Mâu Ni _ Kim Cương Trì
_ Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của mọi Thần Hộ Pháp
Con khẩn cầu Thầy: Thích Ca Mâu Ni _ Kim Cương Trì
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả chỗ Quy Y
Con khẩn cầu Thầy: Thích Ca Mâu Ni _ Kim Cương Trì

(Chú ý : Độ dài các dòng trên đây phải bằng nhau, không nên phá hủy nhịp điệu)

_ Theo hệ thống Thuần Mật ở Trung Hoa thì Đại Nhật Như Lai (Mahà Vairocana Tathàgata) đã dùng 2 Đức: **Trí** (Jñàna), **Bi** (Kàruṇa) hiện thân thành Thích Ca Mâu Ni Như Lai (‘Sàkya Muṇàye Tathàgata) để hóa độ chúng sinh. Vì thế Đức Thích Ca Mâu Ni là thân biến hóa của Đức Đại Nhật, biểu thị cho Bản Địa Pháp Thân vô dị và là nghĩa của quả đức u huyền

Do Đức Phật Thích Ca nhập vào Tam Muội **Bảo Xứ** (Dựa vào Tam Muội này mà Như Lai xuất hiện ở đời để nuôi lớn mầm giống Phật) tuyên nói **Tự Tâm Chân Ngôn** cùng với **Tâm Chân Ngôn** của các hàng quyến thuộc, cho nên 39 Tôn trong viện Thích Ca thuộc Thai Tạng Giới Mạn Đà La (Garbhadhàtu Maṇḍala) biểu thị cho phương tiện Nhiếp Hóa, Thuyết Pháp Lợi Sinh của Đại Nhật Như Lai

Các Tôn trong viện Thích Ca gồm có :

a) Thích Ca Như Lai biểu thị cho Phật Bảo, Quán Tự Tại Bồ Tát biểu thị cho Pháp Bảo, Hư Không Tạng Bồ Tát biểu thị cho Tăng Bảo. Cả 3 Tôn này biểu thị cho 3 Đức đầy đủ của Tam Bảo

b) Tám Phật Đỉnh biểu thị cho Quả Đức u huyền

.) 3 Phật Đỉnh : Quảng Đại Phật Đỉnh, Cực Quảng Đại Phật Đỉnh, Vô Biên Âm Thanh Phật Đỉnh biểu thị cho 3 đức tính của 3 Bộ trong Thai Tạng Giới

.) 5 Phật Đỉnh : Bạch Tản Cái Phật Đỉnh, Thắng Phật Đỉnh, Tối Thắng Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh biểu thị cho 5 Trí của Đức Thích Ca Như Lai

c) 26 Tôn biểu thị cho Tự Tính Pháp Thân thường trụ xưa nay của Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai,gồm có :

.) Như Lai Từ, Như Lai Bi, Như Lai Mẫn, Như Lai Hỷ, Như Lai Xả, Như Lai Hào Tướng, Như Lai Nha, Như Lai Thiệt, Như Lai Ngữ, Như Lai Tiếu, Như Lai Xước Khất Để, Nhất Thiết Như Lai Đẳng

.) Đa Ma La Hương Tích Chi Phật, Chiên Đàn Hương Tích Chi Phật, Luân Bức Tích Chi Phật, Bảo Bức Tích Chi Phật

.) Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diệp Bà, Tu Bồ Đề, Câu Hy La, A Nan, Ca Chiên Diên, Ưu Bà Ly, Trí Câu Hy La, Cúng Dường Vân Hải

d) Hai Tôn : Vô Năng Thắng Minh Vương và Vô Năng Thắng Minh Phi biểu thị cho Đức Giáng Ma của Đại Nhật Như Lai khi Ngài ngồi dưới gốc cây Bồ Đề tại Đạo Trường

Ngoài ra, Đức Thích Ca Như Lai còn biểu thị cho sự xa lìa khỏi 5 Độc của Thế Gian nên Ngài có Mật Hiệu là **Tịch Tĩnh Kim Cương** (‘Sànti Vajra)

_ Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển 7 có ghi :

"*Khi ấy từ nhục kế của Đức Thế Tôn phóng ra trăm thứ hào quang. Trong hào quang hiện ra hoa sen báu ngàn cánh , có vị Hóa Phật ngồi trong hoa sen , trên đỉnh phóng ra mười tia sáng , trong mỗi tia đều hiện ra mười hằng hà sa số vị Kim Cương đội núi, cầm chày...đầy khắp hư không. Đại Chúng ngó thấy đều kính mến cầu Phật gia hộ, một lòng nghe Phóng Quang Như Lai nơi Vô Kiến Đỉnh Tướng của Phật, tuyên nói Thần Chú*"

Căn cứ vào truyền thống này thì Đức Thích Ca Như Lai biểu thị cho Đức Pháp Thân là **Đại Định Môn**. Vị Hóa Phật tức Bạch Tản Cái Phật Đỉnh biểu thị cho Đức Giải Thoát là **Đại Bi Môn**. Các vị Kim Cương Hộ Pháp biểu thị cho Đức Bát Nhã là **Đại Trí Môn**. Cả 3 Môn này nhằm tịnh hóa 3 nghiệp Thân Khẩu Ý của chúng sinh để dẫn nhiếp họ vào Chính Pháp Giải Thoát

Nói cách khác, Đức Thích Ca Như Lai biểu thị cho Pháp Lý của vũ trụ là Phật Tính (Buddhatà) vốn có trong tâm của mọi chúng sinh. Bạch Tản Cái Phật Đỉnh biểu thị cho Quả Đức thành tựu do công năng tu hành, là Đại Bi vạn hạnh hay làm tươi tốt muôn điều lành. Các vị Kim Cương Hộ Pháp biểu thị cho phương tiện tùy cơ giáo hóa, là lực dụng của Trí Tuệ Như Lai có thể nghiền nát mọi chướng ngại phiền não cho chúng sinh.

Chính vì thế cho nên muốn thành tựu được Pháp tu trì Bạch Tản Cái Phật Đỉnh thì căn bản là phải gieo trồng được duyên lành với Đức Phật Thích Ca, nghĩa là phải thường xuyên cung kính đỉnh lễ trì niệm Hồng Danh và tìm hiểu Giáo Pháp của Ngài

Tóm lại :

_ Đối với bậc Thượng Căn: Nếu trì niệm Hồng Danh **Thích Ca Mâu Ni Phật** cho đến khi niệm niệm nhất niệm thì trực kiến được Bản Địa Pháp Thân của Như Lai. Từ đó mọi Chân Pháp, Chân Trí được nảy nở trong Tâm của Hành Giả và thúc đẩy Hành Giả hoàn thiện Đạo Quả giải thoát

_ Đối với bậc Trung Căn: Hồng Danh **Thích Ca Mâu Ni Phật** là cửa ngõ để trực kiến được cảnh giới vi diệu của chư Phật, thể hội được ánh quang minh trắng tinh vô nhiễm cấu của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh, mau chóng trực ngộ được diệu lý Thiền Định, tiến tu các Thánh Vị, dứt trừ mọi phiền não trong 3 cõi, hoàn thiện từng phần Pháp Thân và mau chóng chứng đắc Quả Vị Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác

_ Đối với bậc Hạ Căn: Hồng Danh **Thích Ca Mâu Ni Phật** là món duyên lành giúp cho Hành Giả gieo trồng mầm giống Phật, kết duyên với chư Phật 3 đời, được sự che chở giúp đỡ của các vị Bồ Tát, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp… để vững chắc tinh tiến trên con đường giải thoát chân chính

Như các bậc Cổ Đức có nói: "**Thành Tâm lễ Phật, niệm Phật, tu đúng như Phật, quyết định sẽ thành Phật**"

VÀI PHƯƠNG CÁCH TU TRÌ
BẠCH TẢN CÁI PHẬT ĐỈNH PHÁP

Trên căn bản thì Pháp tu trì **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh** chuyên về Pháp Tức Tai (‘Sàntika) nghĩa là ngăn ngừa, dứt trừ mọi tai họa tội chướng để hỗ trợ cho Pháp tu Thiền Định. Vì thế người trì Chú cần phải nắm vững cách thức liên hệ với Bản Tôn để nhận được sự gia trì . Một khi nhận được sự gia trì của Bản Tôn thì Hành Giả có thể phá bại hoặc ngăn cấm được các thế lực gây chướng ngại khác (Tức là Pháp Hàng Phục _ Abhicàruka) đồng thời lại tăng thêm được Phước Đức Trí Tuệ (Tức là Pháp Tăng Ích_Puṣṭika) và được muôn loài thương yêu kính trọng (Tức là Pháp Kính Ái _Va’sikaraṇa). Từ ý nghĩa này , các Đạo Sư Mật Tông Tây Tạng thường nhấn mạnh vào phương thức khẩn cầu Bản Tôn. Tương tự, các Pháp Tắc trì tụng phổ thông thường nhấn mạnh vào Pháp Tức Tai.

Để có thể khẩn cầu và tương ứng với Bản Tôn, Hành Giả cần phải nắm vững những điều cần thiết của Bản Tôn như là : Dòng Phái tu tập, Tâm Nguyện, Cấm Giới, Thời khắc, Nghi Thức… Riêng Đại Bạch Tản Cái Thế Tôn thì yêu cầu Hành Giả phải có Tâm chân thật, ý nguyện cương quyết vượt qua mọi chướng ngại phiền não trên con đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát, ưa thích tu Thiền Định và phải tìm hiểu thâm sâu về Bản Thể của Ngài là Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngoài ra điều kiện chung cho mọi Bản Tôn là Hành Giả phải có Tâm Tàm Quý (Tức là phải biết xấu hổ trước việc làm sai trái kém cỏi của mình và phải có ý chí cương quyết sửa chữa cho đúng với Chính Pháp), thành tâm thọ trì **Tam Quy, Ngũ Giới** quyết chí lánh xa Pháp bất thiện, gần gũi Pháp Thiện và tự thanh lọc Tâm ý của mình cho thật trong sạch như Đức Phật đã dạy là :

Đừng làm các việc ác
Nên làm mọi điều lành
Tự tịnh tâm ý mình
Đấy là lời Phật dạy

Đồng thời Hành Giả cần phải tìn hiểu nghĩa thú và thực hành **8 Niệm Quang Phổ Chiếu Trang Nghiêm** là :

1) Nhớ nghĩ tất cả điều lành, thường không quên bỏ
2) Đã tu Thiện Căn, phải khiến cho tăng trưởng
3) Tùy chỗ nghe Pháp, nhớ nghĩ không quên
4) Đối với nghĩa thâm sâu vi tế, phải hiểu rõ
5) Tâm không bị chuyển theo 6 Trần Cảnh
6) Thường lấy Chính Niệm thủ hộ Căn Môn
7) Vì đoạn hết thảy Pháp bất thiện, vì khiến Pháp thiện đầy đủ nên thường **Niệm Phật**
8) Vì muốn thủ hộ thành quách của Phật Pháp

Điều cần nhớ trong khi tu tập, Hành Giả nên thường xuyên nhìn thấy lỗi lầm của mình để nhanh chóng tu sửa kịp thời cho khỏi uổng phí công phu tu hành

Sau đây là vài phương pháp tu hành căn bản về **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Pháp**

I _ **Phương Pháp Phổ Thông :**

1) Trì tụng toàn bài **Phật Thuyết Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni Kinh**

2) Trì tụng **Lăng Nghiêm Đại Bi Thập Chú** theo Nghi Thức buổi sáng

3) Dựa theo ý nghĩa của toàn bài Chú Lăng Nghiêm , trì niệm từng đoạn thích hợp để đối trị từng việc

4) Trì tụng **Lăng Nghiêm Trường Chú** hoặc chuyên trì **Tâm Chú Lăng Nghiêm**

5) Trì tụng nghĩa của toàn bài Chú Lăng Nghiêm rồi chuyên trì Tâm Chú Lăng Nghiêm

6) Chuyên trì **Bạch Tản Cái Phật Mẫu Tổng Trì Tán Thán Đảo Chúc Kệ** như sau

Án_ Diệu Tòa trong trăng trên hoa sen
Kim Cương Già Phu, thân sắc trắng
Tay trái ngang ngực cầm lọng trắng
Đủ nơi lọng trắng, xưng tán lễ
Tay phải kết nơi Vô Úy Ấn
Khuôn mặt tươi cười, thân yểu điệu
Phật Mẫu nhiếp thọ mọi Chính Giác
Tất cả xưng tán lễ nơi ấy
Điều phục tất cả chốn Hữu Tình
Tùy loại hóa hiện muôn thứ thân
Đại Bảo trang nghiêm cực mỹ diệu
Duyệt Ý Mẫu Xứ, xưng tán lễ

OṂ _ APÀRAJITÀGURA _MAHÀ CAṆḌANAṂ _ MAHÀ DÌPTÀṂ _ MAHÀ TEJÀṂ _ MAHÀ ‘SVETÀṂ JVALA _ MAHÀ BÀLA ‘SRÌYA _ PAṆḌARA VASINÌṂ _ ÀRYA TÀRÀ _ BHṚKUṬÌṂ _ CIVA VIJAYA VAJRA MALATI VI’SRUTÀṂ _ PADMÀGMÀṂ _ VAJRA JIHVAKAḤ _ MÀLÀ CIVA APARAJITAḤ _ VAJRA DAṆḌI VI’SÀLAKA _ ‘SÀNTÀ VAIDEHA PÙJITÀḤ _ SAUMI RÙPA MAHÀ ‘SVETÀ _ ÀRYÀ TÀRÀ MAHÀ BALÀḤ _ APARA VAJRA ‘SAÑKARA CIVAḤ _ VAJRA KAUMARÌ KULANDHÀRÌ _ VAJRA HASTÀKA _ MAHÀ VIDYA TATHÀ KAṂPANA MÀLIKAḤ _ KUSUMBHA RATNA CIVA _ VAIROCANA CODÀRTHA UṢṆÌṢA _ VIJṚMBHAMÀNADA VAJRA _ KANAKA PRABHÀ LOCANÀḤ _ VAJRA TUṆḌIKA _ ‘SVETÀKA _ KAMALÀKṢA _ ‘SA’SI PRABHÀ

Xưng tán lễ nơi Tụ Thủ Ấn

BHAGAVAṂ STATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRAṂ _ MAHÀ VAJROṢṆÌṢA MAHÀ PRATYUṄGIRA _ MAHÀ SAHASRA BHÙYE _ SAHASRA ‘SIRṢAI _ KOṬI ‘SATA SAHASRA NETRE _ ABHEDYA JVALA TANAṬAḌÀKÀ VAJRODARA _ TṚBHUVANA MAṆḌALA

Tối cực nơi con , cầu ủng hộ
Tối cực nơi con, xin che giúp

Án _ Quốc vương , giặc cướp, nước, lửa, độc
Khí giới, đói khát, Tà Ma, tật
Sét đánh, phi thời và chết yểu
Sấm sét, phi không, các Bố tán
Loài cọp, thú ác, trong nạn lớn
Trong tất cả Thời, xin che giúp

Thiên Ma, các Ma gây trở ngại
Loài đoạt uy lực và Quỷ đói
Nhóm Phong Đảm Đàm trong đại bệnh
Trong tất cả Thời, xin che giúp

Nhóm tham sân si, các phiền não
Mười nghiệp bất thiện, năm Vô Gián
Ngăn che tự tính gây nghiệp tội
Nẻo ác, quả khổ trong sợ hãi
Ngu Tư (Vốn tính ngu muội) nay con cầu che giúp

Dùng Thiết Câu của Đại Từ Bi
Giống như con yêu, xin hộ trì
Trong tất cả Thời, ủng hộ con
OṂ _ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRE HÙṂ PHAṬ
HÙṂ MAMA HÙṂ NI _ SVÀHÀ

II _ **Phương Pháp riêng biệt** :

1) Sám Hối theo Chú Lăng Nghiêm của Ngài VAJRA HAṂSA

Trong 49 ngày Sám Hối. Hành Giả cần phải giữ gìn trai giới cho trong sạch. Sắm sửa hương, hoa, quả trái, thức ăn uống … để cúng dường và hàng ngày thay đổi vật cúng dường (Nếu không đủ khả năng sắm sửa vật cúng dường thì dùng hương, đèn, nước trong sạch cũng được. Chủ yếu là phải nhất tâm cung kính cúng dường tu tập)

Trong 7 ngày đầu, Hành Giả chỉ trì tụng riêng Hội thứ nhất của Chú Lăng Nghiêm, mỗi lần trì tụng 7 biến sau đó kết Ấn **Tội Chướng Trừ** và tụng Tâm Chú Lăng Nghiêm 108 biến

7 ngày thứ hai chỉ tụng riêng Hội thứ hai và kết Ấn tụng Tâm Chú

7 ngày thứ ba chỉ tụng Hội thứ ba và kết Ấn tụng Tâm Chú

7 ngày thứ tư chỉ tụng Hội thứ tư và kết Ấn tụng Tâm Chú

7 ngày thứ năm chỉ tụng Hội thứ năm và kết Ấn tụng Tâm Chú

14 ngày cuối. Hành Giả trì tụng đủ cả 5 Pháp Hội (Tức là trì tụng đủ toàn bài Chú Lăng Nghiêm) và kết ấn trì tụng Tâm Chú 108 biến

Sau 49 ngày Sám Hối, nếu Hành Giả nằm mộng thấy các điềm lành thì tự biết nghiệp chướng của mình đã được tiêu giảm. Ngược lại nếu thấy mộng dữ thì Hành Giả nên tiếp tục Sám Hối lại từ đầu . Điều cần nhớ là ngoài những lúc Sám Hối, Hành Giả nên chuyên tâm trì niệm Hồng Danh Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

2) Tu trì 5 Phật Đỉnh Minh tạo thành bài Chú Lăng Nghiêm của Hoà Thượng LINH NGHIÊM :

a _ Trì tụng hết **Đoạn một** sau đó kết Ấn và trì tụng Kim Luân Phật Đỉnh Chú 108 biến

b _ Trì tụng hết **Đoạn hai** sau đó kết Ấn và trì tụng Phổ Thông Thành Tựu Phật Đỉnh Chú 108 biến

c _ Trì tụng hết **phần năm** của **Đoạn ba** sau đó kết Ấn và trì tụng Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Chú 108 biến

d _ Trì tụng hết **phần 6, phần 7** của **Đoạn ba** sau đó kết Ấn và trì tụng Quang Tụ Phật Đỉnh Chú 108 biến

e _ Trì tụng hết **Đoạn bốn** sau đó kết Ấn và trì tụng Biện Sự Phật Đỉnh Chú 108 biến

Tất cả các giai đoạn trên đều trì tụng liền nhau trong một Thời Khóa

3) Trì tụng Chú Lăng Nghiêm theo phương cách sau;

Nam mô Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái Vô Năng Thắng Thậm Năng Điều Phục Đà La Ni (3 lần)

I) HỘI THỨ NHẤT :

Kính lễ tất cả Phật với hàng Bồ Tát

Quy mệnh bảy ức Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

Quy mệnh chúng Dự lưu

Quy mệnh chúng Nhất Lai

Quy mệnh chúng Bất Hoàn

Quy mệnh chúng đạt bốn Quả với chúng đạt bốn Hướng trong Thế Gian

Quy mệng ba báu Phật, Pháp , Tăng

Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kích Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Liên Hoa Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Kim Cương Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Ma Ni Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Khố Tàng Bộ Tộc

Quy mệnh chúng Thiên Tiên

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên với chúng Nhiếp Ác Tác Thiện

Quy mệnh chúng Phạm Thiên

Quy mệnh chúng Đế Thích

Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Thiên Hậu Ô Ma với hàng quyến thuộc

Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, Thiên Hậu Cát Khánh, hàng quyến thuộc, năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô ái Tử

Quy mệnh Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi kính lễ của chúng Âm Mẫu

Kính lễ các hàng ấy xong rồi

Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này

Ngài là Vô Năng Thắng Thậm Năng Điều Phục Mẫu

Ngài là nơi kính lễ của tất cả chư Thiên

Ngài là nơi cúng dường của Thiên Chúng

Ngài là Đấng tối cao mà các Thiên Nữ đều theo hộ vệ

Ngài hay giáng phục tất cả quỷ ác gây phiền não

Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác

Ngài hay giáng phục chúng Hữu Tình khó giáng phục

Ngài hay ngăn chận các điều ác

Ngài hay chận đứng sự chết yểu không đúng thời

Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc

Ngài hay chận đứng tất cả giấc mộng xấu ác

Ngài hay tồi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ

Ngài hay tồi hoại tám phiền não lớn

Ngài hay chận đứng tất cả oan gia

Ngài hay loại bỏ các giấc mộng xấu hãi hùng

Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về : chất độc, dao gậy, lửa , nước…

Ngài hay sai khiến tất cả Ấn chúng :

Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu

Đại Sân Nộ Mẫu

Đại Uy Quang Mẫu
Đại Uy Diệu Mẫu
Đại Bạch Quang Diễm Mẫu
Đại Lực Cát Tường Mẫu
Bạch Y Mẫu
Thánh Cứu Độ Mẫu
Phẫn Nộ Mẫu
Phổ Mãn Tối Thắng Kim Cương Hoa Danh Xưng Mẫu
Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu
Kim Cương Thiệt Mẫu
Anh Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu
Kim Cương Bổng Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu
Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Dường Mẫu
Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu
Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu
Tối Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mẫu
Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu
Kim Cương Thủ Mẫu
Đại Minh Chân Thật Niệm Châu Mẫu
Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu
Biến Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu
La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu
Kim Quang Nhãn Mẫu
Kim Cương Chúc Mẫu
Bạch Sắc Mẫu
Liên Hoa Nhãn Mẫu
Nguyệt Quang Mẫu
Mọi Ấn như vậy, hết thảy đều ủng hộ thủ hộ cho chúng con

II _ HỘI THỨ HAI :
OṂ ṚṢÌGAṆA PRA'SASTA TATHÀGATOṢṆÌṢA HÙṂ BHRÙṂ
JAMBHANA HÙṂ BHRÙṂ
STAMBHANA HÙṂ BHRÙṂ
MOHANAḤ HÙṂ BHRÙṂ
MATHANA HÙṂ BHRÙṂ
PARAVIDYA SAṂBHAKṢAṆA KARA HÙṂ BHRÙṂ
SARVA DUṢṬANÀṂ STAMBHANA KARA HÙṂ BHRÙṂ
SARVA YAKṢA RAKṢASA GRAHÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KARA HÙṂ BHRÙṂ

CATUR A'SÌTÌNÀṂ GRAHÀ SAHASRÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KARA HÙṂ BHRÙṂ
AṢṬA VIM'SATÌNÀṂ NAKṢTRÀNÀṂ PRASÀDANA KARA HÙṂ BHRÙṂ

AṢṬÀNÀṂ MAHÀ GRAHÀNÀṂ VIDHVAṂSANA KARA HÙṂ BHRÙṂ
RAKṢA RAKṢA MÀṂ
BHAGAVAṂ
STHATHÀGATOṢṆÌṢA
MAHÀ PRATYUṄGÌRA
MAHÀ SAHASRA BHUYE
SAHASRA 'SIRṢAI
KOṬI 'SATA SAHASRA NETRE
ABHEDYA JVALA TANAṬAḌÀKÀ VAJRODARA
TṚBHUVANA MAṆḌALA
OṂ SVASTIRBHAVATU MAMA

III) HỘI THỨ BA :

Phàm có mọi tai nạn gây ra từ : Vua chúa, giặc cướp, lửa, nước, chất độc, dao gậy, chiến tranh, đói khát, sấm sét, chết yểu không đúng thời, động đất, sao băng, hình phạt của vương pháp, Rồng độc, sét đánh, Kim Xí Điểu…

Lại có sự phiền não do các loài gây ra như : Dạ Xoa, La Sát, Quỷ đói, Quỷ ở trong nhà cầu, Quỷ có hình ung nhọt, Quỷ hôi thối, Quỷ hôi thối lạ kỳ, Quỷ vẹo môi, Quỷ Kiện Vong, Quỷ điên cuồng, Quỷ hớp bóng (Ảnh Quỷ) , Quỷ có hình cái túi, Quỷ gây hại cho con nít, loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn máu huyết, loài ăn đồ dơ của sự sinh sản, loài ăn thịt, loài ăn thảo mộc có chất như mỡ, loài ăn xương tủy, loài ăn hơi thở ra vào, loài ăn thứ bất tịnh, loài ăn tâm thức…

Nay con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não thuộc tất cả loại như thế

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Không Hành Nam và Không Hành Nữ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thú Chủ và Tự Tại Thiên

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điểu cùng với quyến thuộc của chúng

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên và chúng Âm Mẫu

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của các hàng : Tác Thắng, Tác Mật, Thành tựu tất cả Nghĩa Lợi

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Đấu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyến thuộc của họ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo lõa thể

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Sát Tặc
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Khởi Thi Quỷ
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Thần Dạ Xoa cầm chày Kim Cương
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của các hàng : Phạm Thiên, Tự Tại Thiên, Na La Diên Thiên
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ
Quy mệnh kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái. Xin hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng Hữu Tình đều được thành tựu tốt lành.

IV _ HỘI THỨ TƯ :
BHAGAVAṂ SITATÀPATRA NAMOSTUTE
ASITÀNALÀRKAḤ PRABHA SPHUṬA VIKACA SITATÀPATREḤ JVALA JVALA
DHÀKA DHÀKA
VIDHÀKA VIDHÀKA
DARA DARA
VIDARA VIDARA
CCHINDA CCHINDA
BHINDA BHINDA
HÙṂ HÙṂ
PHAṬ PHAṬ
HE HE PHAṬ
AMOGHÀYA PHAṬ
APRATIHATÀYA PHAṬ
VARAPRADÀYA PHAṬ
ASURA VIDARA PAKÀYA PHAṬ
SARVA DEVEBHYAḤ PHAṬ
SARVA NÀGEBHYAḤ PHAṬ
SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAṬ
SARVA RÀKṢASEBHYAḤ PHAṬ
SARVA GARUḌEBHYAḤ PHAṬ
SARVA GANDHARVEBHYAḤ PHAṬ
SARVA ASUREBHYAḤ PHAṬ
SARVA KIṂNAREBHYAḤ PHAṬ
SARVA MAHORAGEBHYAḤ PHAṬ
SARVA MANUṢYEBHYAḤ PHAṬ
SARVA AMANUṢYEBHYAḤ PHAṬ
SARVA BHÙTEBHYAḤ PHAṬ
SARVA PI'SÀCEBHYAḤ PHAṬ
SARVA KUMBHAṆḌEBHYAḤ PHAṬ
SARVA PÙTANEBHYAḤ PHAṬ

SARVA KAṬAPÙTANEBHYAḤ PHAṬ
SARVA DURLAṂGHYEBHYAḤ PHAṬ
SARVA DUṢPREKṢITEBHYAḤ PHAṬ
SARVA JVAREBHYAḤ PHAṬ
SARVA APASMÀREBHYAḤ PHAṬ
SARVA 'SRAMAṆEBHYAḤ PHAṬ
SARVA TIRTHIKEBHYAḤ PHAṬ
SARVA UNMÀDEBHYAḤ PHAṬ
SARVA VIDYACÀRYEBHYAḤ PHAṬ
JAYÀ KARA, MADHU KARA, SARVÀRTHA SÀDHANEBHYAḤ , VIDYACÀRYEBHYAḤ PHAṬ
CATURBHAGINÌBHYAḤ PHAṬ
VAJRA KAUMARÌ KULANDHÀRI VIDYARÀYEBHYAḤ PHAṬ
MAHÀ PRATYUṄGÌREBHYAḤ PHAṬ
VAJRA 'SAṄKARÀYA PRATYUṄGÌRA RÀJÀYA PHAṬ
MAHÀ KÀLÀYA , MÀTṚGAṆÀYA NAMASKṚTAYA PHAṬ
INDRÌYE PHAṬ
BRAHMÌṆÌYE PHAṬ
RUDRÌYE PHAṬ
VIṢṆAVÌYE PHAṬ
VIṢṆEVÌYE PHAṬ
VARÀHÌYE PHAṬ
AGNÌYE PHAṬ
MAHÀ KÀLÌYE PHAṬ
RAUDRÌYE PHAṬ
KÀLA DAṆḌÌYE PHAṬ
AINDRÌYE PHAṬ
MÀTṚYE PHAṬ
CÀMUṆḌÌYE PHAṬ
KÀLA RÀTṚYE PHAṬ
KAPÀLÌYE PHAṬ
ADHIMUKTIKA 'SMA 'SANA VASINÌYE PHAṬ
OṂ_ HÙṂ BHRÙṂ BANDHA BANDHA RAKṢA RAKṢA MÀṂ

V) HỘI THỨ NĂM :

Phàm có các Hữu Tình đối với ta khởi sinh tâm độc ác, tâm tội lỗi, tâm phẫn nộ, tâm giận ghét, tâm không hiền lành mà phát ra sự cấm đoán, đọc tụng Thần Chú , cúng bái cầu đảo để hãm hại

Lại có các loài gây não hại như : loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu huyết, loài ăn thịt, loài ăn cây cỏ có chất như mỡ, loài ăn xương tủy, loài ăn thứ dơ bẩn do sự sinh đẻ, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn tóc, loài ăn sức lực, loài ăn mùi thơm, loài ăn bông hoa, loài ăn quả trái, loài ăn hạt giống, loài có tâm tội lỗi, loài có tâm độc ác…

Lại có nhóm ma của hàng Trời, nhóm ma của loài Rồng, nhóm ma của hàng Dạ Xoa, nhóm ma của hàng La Sát, nhóm ma của hàng A Tu La, nhóm ma của loài Kim Xí Điểu, nhóm ma của hàng Nghi Thần, nhóm ma của hàng Đại Phúc Hành Thần, nhóm ma của loài Quỷ đói, nhóm ma của loài Quỷ ở trong nhà cầu, nhóm ma của loài Quỷ Hóa Sinh, nhóm ma của loài Quỷ hôi thối, nhóm ma của loài Quỷ hôi thối lạ kỳ, nhóm ma của loài Quỷ có hình ung nhọt, nhóm ma của loài Quỷ vẹo môi, nhóm ma của loài Quỷ điên cuồng, nhóm ma của loài Quỷ hớp bóng (Ảnh Quỷ) , nhóm ma của loài Quỷ khiến cho mất trí nhớ, nhóm ma của hàng Không Hành Nam và Không Hành Nữ, nhóm ma của loài Quỷ não hại con nít, nhóm ma của loài quỷ có hình như con Linh Dương, nhóm ma của loài Quỷ có hình con chim, nhóm ma của loài Quỷ có hình như loại gia cầm, nhóm ma của loài Quỷ có hình con gà, nhóm ma của loài Quỷ có bàn tay đầy gai.

Lại có loài Quỷ gây bệnh sốt rét : một ngày phát một lần, hai ngày phát một lần, ba ngày phát một lần , bốn ngày phát một lần

Lại có các thứ bệnh tật như : thường nóng sốt cao, bệnh nóng sốt gây nguy hiểm, bệnh nhiễm gió, bệnh vàng da, bệnh kéo đàm rãi, bệnh do mọi thứ hòa hợp, tất cả bệnh nóng sốt, bệnh đau nhức đầu, bệnh đau nhức nửa đầu, bệnh chẳng ăn được, bệnh đau mắt, bệnh đau miệng, bệnh đau toàn thể thân xác và tâm hồn, bệnh đau tai, bệnh đau răng, bệnh đau tim, bệnh đau đốt xương, bệnh đau hông sườn, bệnh đau lưng, bệnh đau bụng, bệnh đau eo lưng hay mông đít, bệnh đau bắp đùi, bệnh đau ống chân, bệnh đau mắt cá chân, bệnh đau bàn tay, bệnh đau bàn chân, bệnh đau buốt các chi tiết trên thân

Lại có hàng Bộ Đa (Ma Quỷ độc ác), hàng Khởi Thi Quỷ, Không Hàng Nam , Không Hành Nữ

Lại có các loại ung nhọt do bị thiêu đốt, nhọt do cùi hủi, nhọt ghẻ mọc dầy như gai, nhọt do Dời ăn, Đinh Sang, Xâm Dâm Sang, nhọt do da bị khô nứt, nhọt trĩ

Lại có tai nạn phát sinh do Cổ Độc, lửa, nước, vườn rừng gây sự chết chóc, chết yểu không đúng thời, loài trùng Traimukha, loài mòng trailaṭaka , bò cạp, rắn, chồn dữ, sư tử, cọp, gấu heo, gấu ngựa, loài trâu Yak, loài sống dưới nước…

Tất cả tật nạn như trên. Dùng Bạch Tản Cái Đại Kim Cương Đỉnh Kế Đại Năng Điều Phục sẽ khiến cho chúng tự nhiên lui tan Trong vòng 12 Do Tuần , tất cả tai nạn bệnh tật ấy không thể nào xâm phạm được.

Nay ta kết buộc Giới
Kết buộc khắp mười phương
Ta kết Năng Thắng Minh
Ta kết nhóm ánh sáng (Quang Tụ)
Ta kết buộc bàn tay
Ta kết buộc bàn chân
Ta dùng mọi chi tiết
Kết buộc khắp tất cả
Khiến cho các tật nạn
Chẳng thể xâm nhiễu được
Liền nói Thần Chú là (Kết Ấn Tội Chướng Trừ)

OM_ A NA LÊ , A NA LÊ _ VI SÁ ĐÁ, VI SÁ ĐÁ_ BAN ĐA , BAN ĐA _ BAN ĐA NI , BAN ĐA NI_ VAI RA VA DI-RA BÁ NI , PHẠT _ HÙM , BỜ-HỜ-RUM , PHẠT _ XỜ-VA HA (108 Biến)

TÁN THÁN CHÚ :

Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác _ Hãy khiến cho con thành tựu Chân Ngôn Cú viên mãn cát tường

4) Quán tưởng và trì niệm Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Bách Tự Minh :

Hành Giả tắm gội sạch sẽ , mặc áo mới sạch, đối trước tượng Bản Tôn gieo 5 vóc sát đất , phát tâm ân trọng đỉnh lễ tất cả Như Lai với các Bồ Tát

Đệ tử, họ tên là …
Cúi đầu quy mệnh lễ
Khắp hư không Pháp Giới
Các Như Lai mười phương
Giáo **Tổng Trì Du Già**
Các Chúng Đại Bồ Tát
Và lễ Tâm Bồ Đề
Hay mãn nhóm Phước Trí
Khiến được Vô Thượng Giác

OṂ _ SARVA TATHÀGATA KÀYA, VÀK, CITTA VAJRA _ VANDANAṂ KARA UMI (3 lần)

Nam mô tận hư không biến Pháp Giới Phật , Pháp , Tăng , Thường Trụ Tam Bảo

Nam mô Tự Tính Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật
Nam mô Tự Thọ Dụng Pháp Thân Bảo Tràng Phật
Nam mô Tha Thọ Dụng Pháp Thân Khai Phu Hoa Vương Phật
Nam mô Biến Hóa Pháp Thân Vô Lượng Thọ Phật
Nam mô Đẳng Lưu Pháp Thân Thiên Cổ Lôi Âm Phật
Nam mô Thâm Nhập Bồ Đề Tâm Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát
Nam mô Trưởng Dưỡng Bồ Đề Tâm Hạnh Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát
Nam mô Toàn Thiện Kim Cương Tâm Hạnh Quán Tự Tại Bồ Tát
Nam mô Kết Kim Cương Thân Di Lặc Bồ Tát
Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Quảng Đại Phật Đỉnh
Nam mô Cực Quảng Đại Phật Đỉnh
Nam mô Vô Biên Âm Thanh Phật Đỉnh
Nam mô Thắng Phật Đỉnh
Nam mô Tối Thắng Phật Đỉnh
Nam mô Quang Tụ Phật Đỉnh
Nam mô Trừ Chướng Phật Đỉnh
Nam mô Bạch Tản Cái Phật Đỉnh
Nam mô Đại Bi Thai Tạng Hiền Thánh Chúng

(Mỗi câu lễ 1 lạy)

Tiếp theo, Hành Giả chân thành phát Tâm Bồ Đề như sau:

***“ Con** (Họ Tên… Pháp Danh…) **từ hôm nay trở đi cho đến khi thành Chính Đẳng Chính Giác . Con thề phát Tâm Bồ Đề , thệ nguyện cứu độ vô lượng vô biên chúng Hữu Tình khiến cho tất cả đều giải thoát như con không khác. Nguyện xin chư Phật Bồ Tát, Hiền Thánh từ bi chứng biết và khuyến tấn cho con mau viên mãn lời nguyện*”

OṂ _ BODHICITTAM UTPADA YÀMI (3 lần)

Tiếp đến là sự Thiền Định trên tự thân. Điều này bắt đầu bằng sự tinh lọc Thiền Định trong **Thức Không** (Vijñàna ‘Sùnya) nhờ sự trợ giúp của Thần Chú **Tự Tính**

Hành Giả ngồi Kiết Già, tự điều chỉnh thân thể và hơi thở, nhiếp tâm niệm tụng :

Tự Tính của con vốn thanh tịnh

Như tự tính thanh tịnh của các Pháp

OṂ _ SVABHÀVA ‘SUDDHA _ SARVA DHARMA SVABHÀVA ‘SUDDHA UHAṂ (3 lần)

Hành Giả quán tưởng tất cả các Pháp với sự tồn tại của Bản Ngã đều trống rỗng và tan thành **Tính Không** (‘Sùnyatà). Từ khoảng không của sự trống rỗng mênh mông này xuất hiện chữ PAṂ ( ) màu trắng tinh. Chữ PAṂ biến thành hoa sen màu trắng, trên hoa sen này có chữ ÀḤ ( ) màu trắng. Chữ ÀḤ biến thành vành trăng tròn đầy, bên trong vành trăng có chứa chữ LAṂ ( ) màu trắng. Chữ LAṂ tỏa ánh sáng chói rực tạo thành các lễ vật dâng lên Đức Thế Tôn và tạo ra mọi điều tốt lành cho chúng Hữu Tình. Sau đó ánh sáng lại quay về nhập vào chữ LAṂ . Tức thời chữ LAṂ biến thành **Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn** có thân hình màu trắng với đầy đủ mọi tướng tốt đẹp. Dung mạo Ngài là tướng Bồ Tát rất hoan hỷ đoan nghiêm. Tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có cái lọng màu trắng. Tay phải hơi gập cánh tay, co đều 5 ngón tay ngang vai, ngón cái vịn đầu ngón trỏ. Ngồi Kiết Già trên tòa sen trắng.

Tử chữ LAṂ trong vành trăng trên trái tim của Ngài phát ra những tia sáng trắng rực rỡ thỉnh mời các bậc Trí Giả (Jñàna Satva) giống hệt Ngài.

Hành Giả chí thành vận tâm tưởng dâng các lễ vật đến các vị ấy.

OṂ _ ARGHAṂ (Nước uống) PRATÌCCHÀYA _ SVÀHÀ

OṂ _ PÀDYAṂ (Nước rửa chân) PRATÌCCHÀYA _ SVÀHÀ

OṂ _ PUṢPE (Bông hoa) PRATÌCCHÀYA _ SVÀHÀ

OṂ _ DHÙPE (Trầm hương) PRATÌCCHÀYA _ SVÀHÀ

OṂ _ ÀLOKA (Đèn nến) PRATÌCCHÀYA _SVÀHÀ

OṂ _ GANDHE (Dầu thơm) PRATÌCCHÀYA _ SVÀHÀ

OṂ_ NAIVIDYE (Thực phẩm) PRATÌCCHÀYA _ SVÀHÀ

OṂ _ 'SABDA (Âm thanh, kỹ nhạc) PRATÌCCHÀYA _ SVÀHÀ

JAḤ HÙMṂ VAMṂ HOḤ

Sau đó các vị được triệu thỉnh hòa nhập thành một thể với Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn.Từ chữ LAṂ trong trái tim của Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh lại phát ra ánh sáng triệu thỉnh các Tôn đến quán đỉnh. Hành Giả liền khẩn cầu là :

"Hỡi chư Như Lai ! Xin hãy quán đỉnh cho con "

Chư Phật hài lòng ban Pháp Quán Đỉnh, các vị Phật Mẫu cầm bình nước báu rưới nước Cam Lộ Trí Giác và đọc kệ là :

"Giống như lúc Phật Đản Sinh
Chư Thiên hóa hiện xối nước tắm
Nay chúng ta cũng tắm cho người
Bằng nước Cam Lộ Quán Đỉnh Bí Mật"

OṂ _ SARVA TATHÀGATA ABHIṢEKATA SAMAYA 'SRÌYA HÙMṂ

Đọc kệ này xong, chư vị rưới nước Cam Lộ Trí Giác lên toàn thân của Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh. Phần nước dư thừa quyện trên đỉnh đầu thành hình tướng Đức Phật Tỳ Lô Giá Na (Vairocana Buddha) ngồi Kiết Già trên tòa sen báu, hai tay kết Định Ấn và ngự trên đầu của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh

Hành Giả thành tâm vận tưởng cúng dường tất cả chư Phật

OṂ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRA _ ARGHAṂ PRATÌCCHA HÙMṂ _ SVÀHÀ

OṂ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRA _ PÀDYAṂ PRATÌCCHA HÙMṂ _ SVÀHÀ

OṂ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRA _ PUṢPE PRATÌCCHA HÙMṂ _ SVÀHÀ

OṂ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRA _ DHÙPE PRATÌCCHA HÙMṂ _ SVÀHÀ

OṂ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRA _ ÀLOKA PRATÌCCHA HÙMṂ _ SVÀHÀ

OṂ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRA _ GANDHE PRATÌCCHA HÙMṂ _ SVÀHÀ

OṂ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRA _ NAIVIDYE PRATÌCCHA HÙMṂ _ SVÀHÀ

OṂ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRA _ 'SABDA PRATÌCCHA HÙMṂ _ SVÀHÀ

Hành Giả lại khẩn cầu :

" Bạch Đức Thế Tôn Bạch Tản Cái Phật Đỉnh ! Xin hãy gia trì cho con tẩy trừ được hết thảy hạt giống của nghiệp ác, phiền não chướng, sở tri chướng cùng với tội phạm Giới do con và chúng sinh gây ra"

Thỉnh nguyện xong, ánh hào quang phát ra từ chữ LAṂ trong trái tim của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh chiếu chạm đến các Hữu Tình. Tĩnh trừ các tội gây ra bởi

nghiệp ác, các chướng và tội hủy phạm Giới Cấm. Hào quang lại chiếu đến chư Phật Bồ Tát ở 10 phương tạo thành phẩm vật dâng cúng các Ngài

OṂ _ UṢṆÌṢA SITÀTAPATRA _ ARGHAṂ PRATÌCCHA HÙṂ _ SVÀHÀ

OṂ _ UṢṆÌṢA SITÀTAPATRA _ PÀDYAṂ PRATÌCCHA HÙṂ _ SVÀHÀ

OṂ _ UṢṆÌṢA SITÀTAPATRA _ PUṢPE PRATÌCCHA HÙṂ _ SVÀHÀ

OṂ _ UṢṆÌṢA SITÀTAPATRA _ DHÙPE PRATÌCCHA HÙṂ _ SVÀHÀ

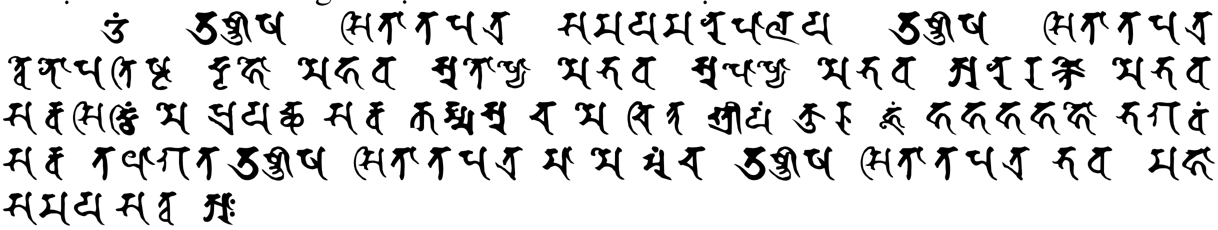
OṂ _ UṢṆÌṢA SITÀTAPATRA _ ÀLOKA PRATÌCCHA HÙṂ _ SVÀHÀ

OṂ _ UṢṆÌṢA SITÀTAPATRA _ GANDHE PRATÌCCHA HÙṂ _ SVÀHÀ

OṂ _ UṢṆÌṢA SITÀTAPATRA _ NAIVIDYE PRATÌCCHA HÙṂ _ SVÀHÀ

OṂ _ UṢṆÌṢA SITÀTAPATRA _ 'SABDA PRATÌCCHA HÙṂ _ SVÀHÀ

Các năng lực tác Pháp do thân khẩu ý của các Ngài tạo thành sự gia trì chúc phúc rồi biến thành ánh sáng quay về chữ LAṂ nơi trái tim của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh. Đức Bạch Tản Cái trở nên chói sáng và tràn đầy Bi Trí . Chung quanh chữ LAṂ ở trái tim của Ngài hiện ra bài chú Bách Tự Minh



OṂ _ UṢṆÌṢA SITÀTAPATRA SAMAYAM ANUPÀLAYA _ UṢṆÌṢA SITÀTAPATRA TVENA UPATIṢṬA _ DṚḌHO ME BHAVA _ SUTOṢYO ME BHAVA _ SUPOṢYO ME BHAVA _ ANURAKTO ME BHAVA _ SARVA SIDDHIṂ ME PRAYACCHA _ SARVA KARMASU CA ME CITTAṂ 'SRÌYAṂ KURU HÙṂ _ HA HA HA HA HOḤ _ BHAGAVAṂ _ SARVA TATHÀGATÀYA UṢṆÌṢA SITÀTAPATRA MA ME MUÑCA _ UṢṆÌṢA SITÀTAPATRA BHAVA _ MAHÀ SAMAYASATVA _ ÀḤ



Ánh sáng chiếu ra từ những chữ này , tĩnh trừ các tập khí nghiệp ác , các chướng ngại trên đường Đạo của Hữu TÌnh và biến thành vô lượng phẩm vật cúng dường chư Phật Bồ Tát. Các lực Thệ Nguyện do thân khẩu ý của các Thánh Giả quay trở về và hoà nhập vào các chữ này.

Một dòng nước Cam Lộ màu trắng từ các chủng tự Chú này tuôn chảy trong thân của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh rồi tuôn chảy vào đỉnh đầu của Hành Giả tràn đầy khắp châu thân. Đẩy mọi tập khí nghiệp ác, các chướng do nghiệp thân khẩu ý gây tạo ra khỏi thân Hành Giả qua các khiếu với lỗ chân lông thành dạng sương khói đen kịt.

Hành Giả liền thanh tịnh được mọi nghiệp chướng ác. Dòng nước Cam Lộ Trí Giác tràn đầy thân Hành Giả thành sắc chói rạng trắng tinh. Các Trí Tuệ và Đạo Pháp thù thắng tuôn chảy vào Hành Giả

(Trong khi quán tưởng như vậy, Hành Giả luôn trì niệm Bách Tự Minh)

Xong rồi, Hành Giả lại khẩn cầu

“ Do vô minh lầm lạc
Con đã vi phạm các Cấm Giới
Xin Đấng Đạo Sư thủ hộ
Hãy độ trì khuyến tấn cho con
Nhất là Đức Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
Vua của các chúng sinh
Xin hãy làm chỗ cho chúng con nương tựa ”

Bạch Tản Cái Phật Đỉnh đáp rằng:

“ Này Thiện Nam Tử ! Các nghiệp chướng xấu ác và sự phạm Giới của ngươi đã được thanh tịnh ”

Nói xong, Ngài biến thành chữ LAMÏ (लं). Chữ LAMÏ tan thành ánh sáng chiếu vào đỉnh đầu Hành Giả đi qua đỉnh môn đến trái tim và khiến cho thân khẩu ý của Hành Giả trở thành một với thân khẩu ý của Ngài.

Sau khi xả Thiền, Hành Giả chí thành Hồi Hướng :

Nam mô Phật , Nam Mô Pháp, Nam Mô Tăng
Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
Nam mô Đại Bi Thai Tạng Giới Thánh Chúng

Nguyện cho tất cả chúng sinh đều được an vui
Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não
Nguyện cho chúng sinh sớm khởi Từ Bi
Nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng Bồ Đề

5) Quán niệm Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Đạo Sư Du Già :

Hành Giả tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới sạch, đối trước tượng Bản Tôn, điều chỉnh thân thể ngay ngắn, điều hòa hơi thở, ngồi Kiết Già rồi phát nguyện:

" Vì tất cả Hữu Tình đang luân hồi trong sáu nẻo, khiến cho hết thảy được giải thoát. Nguyện cho con thành Cứu Cánh Giác"

Phát nguyện xong, Hành Giả hướng lên không trung tưởng Bạch Tản Cái Phật Hội. Ngay nơi ấy dùng Tâm chân thật trì niệm :

_Quy mệnh khắp Pháp Giới
Chư Như Lai các cõi
Hoá tướng Tôn Kỳ đặc
Dòng Phật Đỉnh tối thắng
_Kính lễ đấng Đại Bi
Chúng Bồ Tát cầm hoa
Tĩnh trừ nghiệp Cấu Chướng
Lợi khắp các Hữu Tình
_Quy y Bí Mật Chủ
Kim Cương Thủ Tạng Vương
Theo Phật nhận gian khó
Hộ trì cho tất cả
_Chúng Đại Tiên,Minh Tôn
Hàng Thanh Văn, Duyên Giác
Trời, Rồng , Tô (A Tu La), Dược Xoa
Ngày đêm thường cung kính
_Đại Bạch Tản Cái này
Che khắp cả Đại Thiên
Thần Biến lìa tư nghị
Hư Không không chướng ngại
_Chư Phật hay khen ngợi
Gọi **Đại Phật Đỉnh Vương**
Nhân đây chứng Bồ Đề
Hay chuyển Pháp vô thượng
_Chúng Thánh cùng du học
Con cũng tùy thuận tu
Cầu xin được gia hộ

Mau chóng chứng Bồ Đề

Trì niệm xong , Hành Giả quán tưởng Phật Hội tan thành ánh sáng rực rỡ nhập vào thân của mình , rồi thân mình hóa thành thân ánh sáng.Trong sắc thân ánh sáng, Hành Giả trì niệm Thần Chú Tự Tính

Tự Tính của con vốn thanh tịnh

Như tự tính thanh tịnh của các Pháp

OṂ _ SVABHÀVA 'SUDDHA _ SARVA DHARMA SVABHÀVA 'SUDDHA UHAṂ (3 lần)

Hành Giả quán tưởng tất cả các Pháp với sự tồn tại của Bản Ngã đều trống rỗng và tan thành **Tính Không**

Từ khoảng không của sự trống rỗng mênh mông này, xuất hiện chữ PAṂ () màu trắng tinh. Chữ PAṂ biến thành hoa sen trắng, trên hoa sen có chữ ÀḤ () màu trắng. Chữ ÀḤ biến thành vành trăng tròn đầy, bên trong vành trăng có chứa chữ LAṂ () màu trắng. Chữ LAṂ tỏa ra ánh sáng tạo thành các lễ vật dâng lên Đức Thế Tôn và tạo ra mọi điều tốt lành cho các loài Hữu Tình, sau đó ánh sáng quay trở về nhập vào chữ LAṂ . Tức thời chữ LAṂ biến thành Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn với thân hình màu trắng tinh khiết, dung mạo hoan hỷ đoan nghiêm… Tay trái cầm hoa sen, bên trên hoa sen có cái lọng màu trắng biểu thị cho bản nguyện **Dùng tàn lọng Từ Bi trắng tươi để che chở cho chúng sinh**. Tay phải hơi co gập cánh tay, co đều 5 ngón ngang vai với ngón cái vịn đầu ngón trỏ biểu thị cho ý nghĩa **Trí Tuệ che trùm khắp Pháp Giới Chúng Sinh.** Ngồi Kiết Già trên tòa sen báu. Trên đỉnh đầu của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn có vành trăng chứa chữ OṂ () màu trắng, trên cổ họng có vành trăng chứa chữ ÀḤ () màu đỏ, trên trái tim có vành trăng chứa chữ HÙṂ () màu xanh lam

Từ chữ HÙṂ nơi trái tim của Ngài phát ra những tia sáng triệu thỉnh Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai từ cung Pháp Giới Kim Cương được bao quanh bởi vô lượng chư Phật Bồ Tát

Từ Cung Pháp Giới Kim Cương rộng lớn

Phát sinh từ chủng tử HÙṂ rực rỡ

Chủng tử HÙṂ đang phát sáng

Ánh sáng rực rỡ hay cứu thoát chúng Hữu Tình

Hỡi Đức Tỳ Lô Giá Na Phật và quyến thuộc

Cầu xin các Ngài hãy đến

JAḤ HÙṂ VAṂ HOḤ

Chư vị được triệu thỉnh đều hòa hợp lại và trở thành một thể với Bạch Tản Cái Phật Đỉnh

Hành Giả chân thành vận tâm cúng dường và dâng Maṇḍala tượng trưng cho toàn thể vật báu trong Thế Giới (Xem thứ lớp quán tưởng ở đồ hình Meru Maṇḍala)

OṂ VAJRABHÙMI AḤ HÙṂ (Đây là đất Kim Cương vàng ánh)

OṂ VAJRAREKHE AḤ HÙṂ (Đây là rào sắt Kim Cương vây bọc)

Ở chính giữa là núi Tu Di (Sumeru) vua của các núi

Phương Đông là lục địa Thắng Thân Châu

Phương Nam là cõi Diêm Phù Đề

Phương Tây là Ngưu Hóa Châu
Phương Bắc là Câu Lô Châu
Tiếp ở phương Đông có hai lục địa nhỏ là : Thân Châu và Thắng Châu
Phương Nam có hai lục địa nhỏ là : Phất Châu và Diệu Phất Châu
Phương Tây có hai lục địa nhỏ là: Siểm Châu và Thắng Đạo Hạnh Châu
Phương Bắc có hai lục địa nhỏ là: Câu Lô Châu và Câu Lô Nguyệt Châu
Núi châu báu, cây Như Ý, con bò ước và lúa gạo tự nhiên không do cầy cấy
Vành xe báu, viên ngọc báu, người nữ báu, quân thần báu, voi báu, ngựa báu, tướng quân báu, bình chứa ngọc châu báu
Những Nữ Thần : Sắc đẹp, tràng hoa, ca hát , nhảy múa, bông hoa, hương thơm, ánh sáng, dầu thơm
Mặt trời, mặt trăng, cây lọng báu, cây phướng tôn thắng
Đây là tất cả tài sản mỹ lệ của chư Thiên và nhân loại. Con xin dâng tất cả thứ này lên Đấng Đạo Sư Bản Tôn đầy lòng Từ Bi của con cùng với chư Thiên và tất cả quyến thuộc
Vì chúng Hữu Tình, xin Ngài hãy rũ lòng xót thương mà nạp thọ và ban cho con các Nguyện Lực
IDAṂ GURU _ RATNA MAṆḌALAKAṂ _ NIRYÀTA YÀMI

_ Tiếp theo Hành Giả lại khẩn cầu:
Con xin đỉnh lễ Đấng Đạo Sư tôn quý
Ngài là viên ngọc báu Như Ý ban cho con các Nguyện
Nhờ lòng Từ Bi của Ngài
Mà con sớm thành tựu quả Đại An Lạc

_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, Chúa Tể của bốn Thân
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ _ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA HÙṂ ṬRÙṂ
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, Chúa Tể Pháp Thân Vô Ngại
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ _ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA HÙṂ ṬRÙṂ
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, Chúa Tể Báo Thân Phước Lạc
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ _ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA HÙṂ ṬRÙṂ
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, Chúa Tể vô lượng Ứng Thân
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ _ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA HÙṂ ṬRÙṂ
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả vị Thầy
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ _ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA HÙṂ ṬRÙṂ
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả vị Trời
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ _ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA HÙṂ ṬRÙṂ
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả chư Phật

Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ _ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA HÙṂ ṬRÙṂ
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả Pháp
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ _ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA HÙṂ ṬRÙṂ
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của Tăng Già
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ _ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA HÙṂ ṬRÙṂ
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả Nam Thần
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ _ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA HÙṂ ṬRÙṂ
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của chư Thần Hộ Pháp
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ _ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA HÙṂ ṬRÙṂ
_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả chỗ Quy Y
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OṂ _ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA HÙṂ ṬRÙṂ

Hành Giả lại khẩn cầu:

Hỡi Đấng Đạo Sư Tôn Quý ! Xin hãy gia trì khiến cho con sớm phát sinh thành tựu về Đạo Quả Thế Gian và Xuất Thế Gian. Xin Ngài hãy gia trì khiến cho con mau chóng tĩnh trừ được các sự trở ngại của Duyên xấu ác và sung mãn được các Duyên hiền thiện để viên mãn mọi ước nguyện

OṂ ÀḤ HÙṂ _ UṢṆÌṢA SITÀTAPATRA _ SARVA SIDDHI HÙṂ (3 lần)

Vị Đạo Sư mỉm cười hài lòng, ánh sáng trắng từ chữ OṂ trên đỉnh đầu Ngài chiếu vào đỉnh đầu Hành Giả, tràn ngập toàn thân khiến cho thân thể Hành Giả phát ra ánh hào quang trắng tịnh hóa các Nghiệp ác do thân của Hành Giả gây ra. Hành Giả được Đạo Sư ban Pháp **Bình Báu Quán Đỉnh** và gieo trồng hạt giống của thân Kim Cương cho Hành Giả.

Ánh sáng đỏ từ chữ ÀḤ trên cổ họng Đạo Sư chiếu vào cổ họng Hành Giả, tràn ngập toàn thân làm cho thân thể Hành Giả phát ra ánh hào quang đỏ, tịnh hóa các Nghiệp ác do miệng của Hành Giả gây ra. Hành Giả được Đạo Sư ban Pháp **Bí Mật Quán Đỉnh** và gieo trồng hạt giống của Ngữ Kim Cương cho Hành Giả

Ánh sáng xanh lam phát ra từ chữ HÙṂ trên trái tim Đạo Sư chiếu vào trái tim Hành Giả, tràn ngập toàn thân khiến cho thân thể Hành Giả phát ra ánh hào quang xanh lam, tịnh hóa các Nghiệp ác do ý của Hành Giả gây ra. Hành Giả được Đạo Sư ban Pháp **Trí Giác Quán Đỉnh** và gieo trồng hạt giống của Ý Kim Cương cho Hành Giả

Cuối cùng ánh sáng đủ màu phát ra từ khắp thân phần của Đạo Sư chiếu phủ khắp mọi phía rồi nhập vào thân Hành Giả, tịnh hóa các Nghiệp ác vi tế do thân khẩu ý của Hành Giả gây ra. Hành Giả được Đạo Sư ban Pháp **Quán Đỉnh thứ tư** và gieo trồng hạt giống của thân ngữ ý Kim Cương làm cho kết hợp không rời

Xong Đạo Sư từ phía trước hạ xuống đỉnh môn của Hành Giả,hòa nhập vào thân thể Hành Giả khiến cho thân khẩu ý của Hành Giả trở thành một thể với thân khẩu ý của Đạo Sư và thân ánh sáng của Hành Giả lại biến thành sắc thân bình thường.

Sau khi xả Thiền, Hành Giả chí thành Hồi Hướng
_Bao nhiêu chút ít Công Đức con có được
Do việc tu tập ngày hôm nay
Con đều xin Hồi Hướng cho sự Toàn Giác của con
Sỡ dĩ con gặp được Giáo Lý của đấng Đạo Sư Vô Thượng
Là nhờ vào lòng tử tế của Thầy con
Xin cho tất cả Hữu Tình đều được những Đạo Sư chăm sóc
_ Như Bồ Tát Văn Thù biết cách Hồi Hướng
Như Bồ Tát Phổ Hiền cũng biết cách
Con xin Hồi Hướng tất cả công đức này
Để học làm theo cách của các Ngài ấy
Theo cách mà tất cả chư Phật ba đời
Đều ca tụng là tốt nhất
Con xin Hồi Hướng đến những hành vi cao cả ấy
_ Nam mô Phật_ Nam mô Pháp _ Nam mô Tăng
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
Nam mô các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp thường ở khắp mười phương
Nguyện cho tất cả chúng sinh thường được an vui
Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não
Nguyện cho tất cả chúng sinh sớm khởi Từ Bi
Nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng Bồ Đề

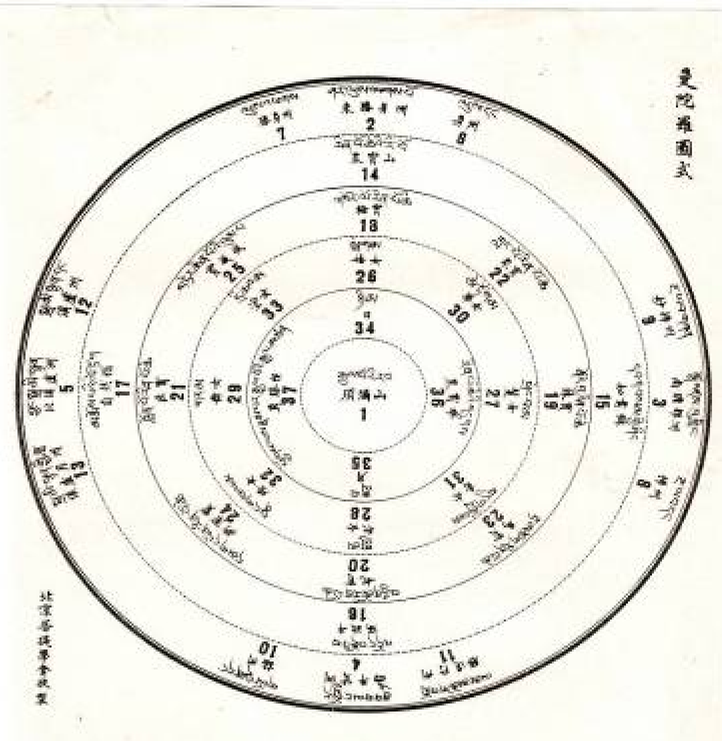


PLATE 8. The Mt. Meru Maṇḍala (Tibetan-Chinese).

***_ Ghi chú đồ hình Meru Maṇḍala :**

1) Núi Tu Di (Sumeru) : Vua của các ngọn núi
2) Đông : Thắng Thân Châu (Pùrvavideha)
3) Nam : Thiệm Bộ Châu (Jaṃbudvìpa)
4) Tây : Ngưu Hóa Châu (Aparagodànìya)
5) Bắc : Câu Lô Châu (Uttara Kuru)
6) Thân Châu (Deha)
7) Thắng Thân Châu (Videha)
8) Phất Châu (Càmara)
9) Diệu Phất Châu (Apara Càmara)
10) Siểm Châu (‘Sàthà)
11) Thắng Đạo Hạnh Châu (Uttara Mantriṃ)
12) Câu Lô Châu (Kuvara)
13) Câu Lô Nguyệt Châu (Kauvara)
14) Chúng Bảo Sơn (Uparatna Giri _ Núi chứa mọi vật báu)
15) Như Ý Thọ (Kalpa Vṛkṣa _ Cây Như Ý)
16) Mãn Dục Ngưu (Kàma Dhenu_ Con bò ước)
17) Tự Nhiên Đạo (Mahà U’sadhi _ Cây thuốc, lúa tự nhiên có)
18) Luân Bảo (Cakra Ratna _ Bánh xe báu)
19) Châu Bảo (Maṇi Ratna _ Viên ngọc báu)
20) Phi Bảo (Strì Ratna _ Người vợ báu)
21) Thần Bảo (Puraṣa Ratna _ Bề tôi báu)
22) Tượng Bảo (Hasti Ratna _ Voi báu)
23) Mã Bảo (A’sva Ratna _ Ngựa báu)

24) Tướng Quân Bảo (Khaḍga Ratna)
25) Bảo Tạng Bình (? Ratnagarbha Kuṇḍali)
26) Hý Nữ (Vajra Hàsye)
27) Man Nữ (Vajra Làsye)
28) Ca Nữ (Vajra Gìte)
29) Vũ Nữ (Vajra Nṛtye)
30) Hoa Nữ (Vajra Puṣpe)
31) Hương Nữ (Vajra Gandhe)
32) Đăng Nữ (Vajra Aloke)
33) Đồ Nữ (Vajra Dhùpe)
34) Nhật (Sùrye _ Mặt Trời)
35) Nguyệt (Candra _ Mặt trăng)
36) Chúng Bảo Tản (? Uparatna Patra)
37) Tối Thắng Tràng (Kuṇḍa Dhvaja)

31/12/2001

MAHÀ KÀRUṆIKA CITTA DHÀRAṆÌ

ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Phục hồi Phạn Ngữ và chú thích : HUYỀN THANH

1) Nam mô hạt la đát na đá la dạ gia

NAMO (Quy y) RATNA (Bảo, Vật báu) TRAYÀYA (Tam đẳng,ba nhóm)

NAMO RATNATRAYÀYA : Quy y Tam Bảo

2) Nam mô a lị gia

NAMAḤ (Quy mệnh) ÀRYA (Bậc thánh)

NAMAḤ ÀRYA : Quy mệnh Thánh

3) Bà lô yết đế thước bát la gia

AVALOKITA (Quán sát, xem xét) I'SVARÀYA (Đấng tự tại)

AVALOKITE'SVARÀYA : Quán Tự Tại

4) Bồ đề tát đỏa bà gia

BODHI (Giác tuệ, Phật trí) SATVÀYA (Loài Hữu Tình)

BODHI SATVÀYA : Bồ Tát (Bậc Giác Hữu Tình)

5) Ma ha tát đỏa bà gia

MAHÀ (Đại, to lớn) SATVÀYA (Loài Hữu Tình)

MAHÀ SATVÀYA : Đại Giác Hữu Tình

6) Ma ha ca lô ni ca gia

MAHÀ (Đại) KÀRUṆIKÀYA (Bậc có Tâm Bi)

MAHÀ KÀRUṆIKÀYA : Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi

7) Án

OṂ (Ba Thân, quy mệnh, cúng dường, cảnh giác, nhiếp phục)

OṂ :Quy mệnh

8) Tát bà la phạt duệ

SARVA (Tất cả) RABHAYE (Cấp đẳng thường hay gánh vác đảm nhận công việc khó khăn)

SARVA RABHAYE : Tất cả Thánh Tôn thanh tịnh

9) Số đát na đát tỏa

'SUDDHA (Thanh tịnh) NÀDA (Âm thanh, âm giọng) ṢYA (Đẳng nhóm)

'SUDDHA NÀDA SYA : Đẳng nhóm có âm thanh thanh tịnh. Câu này có nghĩa là : Vui vẻ dạy lời triệu mời CHÍNH GIÁO THÁNH DIỆU



10) Nam mô tất kiết lật đỏa y mông a lị gia

NAMASKṚTVA (Quy y kính lễ) IMAṂ (Của tôi) ÀRYA (Bậc Thánh)



11) Bà lô cát đế thất phật la lăng đà bà

AVALOKITE'SVARA (Quán Tự Tại) LAṂTABHA (Sự nâng nhấc, nơi cư ngụ)

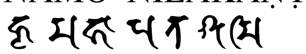
NAMASKṚTVA IMAṂ ÀRYA AVALOKITE'SVARA LAṂTABHA : Kính lễ núi Bổ Đà Lạc Ca (POTALAKA _ Hương sơn) là nơi cư ngụ của Bản Tôn Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát



12) Nam mô na la cẩn trì

NAMO (Quy Mệnh) NÌLAKAṆṬHA (Thanh cảnh_ Đấng có cái cổ màu xanh biểu thị cho Tâm Từ Bi Hiền ái của Bồ Tát Quán Tự Tại)

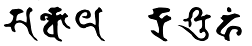
NAMO NÌLAKAṆṬHA : Quy mệnh Đức Thanh Cảnh Bồ Tát



13)Hê lị Ma ha bàn đá sa mế

HṚ (Nội tâm) MAHÀ (Đại) PATA (Ánh sáng)'SAMI (Hàm chứa ngọn lửa)

HṚ MAHÀ PATA'SAMI: Tâm từ bi hiền ái phóng tỏa ánh Đại Quang minh



14) Tát bà a tha đậu thâu bằng

SARVÀTHA (Khắp mọi nơi) DU (Đốt cháy) 'SUPHAṂ (Chiếu sáng)

SARVÀTHA DU 'SUPHAṂ : Đốt cháy khắp mọi nơi khiến cho chiếu sáng. Câu này biểu thị cho Vô Vi nghiêm tịnh.



15) A thệ dựng

AJIYAṂ (Không thể sánh, không thể vượt thắng hơn được)

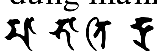
AJIYAṂ : Vô tỷ Pháp, Vô tỷ Giáo



16) Tát bà tát đá na ma bà già

SARVA (Tất cả) SATVA (Hữu tình, kẻ có Tâm dũng mãnh) NAMA (Danh xưng) BHAGA (Đức tính, đức hạnh, sự mong muốn hạnh phúc, hiệu lực, hiệu nghiệm)

SARVA SATVA NAMA BHAGA: Tất cả Đức hạnh, danh xưng của bậc có Tâm dũng mãnh. Câu này biểu thị cho Phật Pháp rộng lớn vô biên



17) Ma phạt đặc đậu

MÀ (Đừng làm như vậy, đừng bỏ rơi) BHÀTI (Chói lọi rực rỡ) DU (Đốt cháy, làm hư hỏng)

MÀ BHÀTI DU : Đừng làm hư hỏng sự chói lọi rực rỡ. Câu này biểu thị cho Bạn lành của Thế Gian mang thân cõi Trời (Thiên Thân Thế Hữu) khiến cho kẻ tu hành hết mê muội, giữ được Giới Thanh Tịnh

17 câu trên là phần :" QUY KÍNH TÔN ĐỨC MÔN "



18) Đát điệt tha

TADYATHÀ : như vậy, ấy là, liền nói Thần Chú là



19) Án , a bà lô hê

OṂ (Ba Thân, Quy mệnh, cảnh giác, cúng dường, nhiếp phục) AVALOKI (Quán sát xem thấu khắp mọi nơi)

OṂ AVALOKI : Cảnh giác kêu gọi Đức Quán Thế Âm



20) Lô ca đế

LOKATE (Hiểu biết, chiếu sáng)

LOKATE : Biểu hiện cho Thể Quang Minh



21) Ca la đế

KALATI (Tính đếm, trù hoạch, dự định, đặt để)

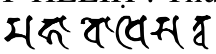
KALATI : Biểu thị cho lòng Bi Mẫn cứu khổ cứu nạn để hưng vượng sự nghiệp



22) Di hê lị

I (Kêu gọi vang lừng) HELIḤ (Mặt Trời, sự chiếu sáng một cách vô tư)

I HELIḤ : Thuận dạy Vô Tâm phổ hóa chúng sinh



23) Ma ha bồ đề tát đỏa

MAHÀ BODHISATVA : Đại Bồ Tát



24) Tát bà tát bà

SARVA (Tất cả)

SARVA SARVA: Hết thảy Phật Pháp Bình Đẳng làm lợi lạc cho tất cả Chúng Sinh



25) Ma la ma la

MALA (Chuỗi Anh lạc, tràng hoa biểu thị cho sự gom chứa pháp lành)

MALA MALA : Tăng trưởng Thiện Pháp Như Ý cho ta và người



26) Ma hê ma hê lị đà dựng

MASÌ (Nhìn về, trông vào, xem xét) HṚDAYAṂ (Tâm Đẳng)

MASÌ MASÌ HṚDAYAṂ : Quán sát Tâm mình và Tâm người để tu thành thân Kim Cương Pháp được ngồi trên Toà Hoa Sen báu

9 câu trên là phần :" PHỔ CHỨNG ĐẠI BI TÂM MÔN"

27) Câu lô câu lô yết mông

KURU (Tác làm) KARMAṂ (Nghiệp Đẳng)

KURU KURU KARMAṂ : Làm Pháp tác dụng Trang Nghiêm, thổi Loa Pháp kết Giới, gieo trồng các công đức

28) Độ lô độ lô, phạt xà gia đế

TURU (Nhanh chóng vượt thoát) BHAṢI (Ngôn ngữ, giáo pháp) YATI (Điều khiển hướng dẫn)

TURU TURU BHAṢI YATI: Hướng dẫn giáo pháp nghiêm tịnh rộng khắp khiến cho ta và chúng sinh nhanh chóng vượt thoát sự khổ não của sinh tử

2 câu trên là phần :" TỊNH HÓA LỤC ĐẠO MÔN"

29) Ma ha phạt xà gia đế

MAHÀ BHAṢI YATI : Hướng dẫn Đạo Pháp tối thượng rộng lớn hay giải thoát sinh tử khổ não chẳng bị các thứ độc làm hại

30) Đà la đà la

DHÀRA (Nhiếp trì, gia trì)

DHÀRA DHÀRA : Gia trì , gia trì

31) Địa lị ni

DHIRIṆI : Người Trì Chú (chẳng luận Nam Nữ)

32) Thất phật la gia

I'SVARÀYA (Tự Tại Đẳng)

I'SVARÀYA : Tự tại phóng ra Đại Quang Minh

4 câu trên là phần :" THIỆN MINH QUÁN ĐỈNH MÔN"

33) Giá la giá la

CALA (Lay động, tác động, hành động)

CALA CALA : Hiện tướng Đại Phẫn Nộ rống tiếng sấm Pháp phá hủy sự trì độn chậm chạp của chúng sinh

34) Ma ma phạt ma la

MAMA (Chỗ thọ trì của tôi) VIMALA (Xa lìa cấu nhiễm)

MAMA VIMALA : Chỗ thọ trì của tôi là nơi ly cấu tối thắng, là cảnh thâm diệu khó lường

35) Mục đế lệ

MUKTE : Giải thoát



36) Y hê di hê

EHYEHI (Khéo đến, khéo dạy dỗ)

EHYEHI : Thuận dạy, Tâm thuận theo các điều tự nhiên



37) Thất na thất na

'SINA (Quân nhân, chiến sĩ. Người có Tâm Kiên Định)

'SINA 'SINA : Tâm Đại kiên định sinh Đại Trí Tuệ



38) A la sâm phạt la xá lợi

ARAṢIṂ (Sự trống rỗng về cảm giác và mùi vị) BHALA (Trông thấy, chứng kiến) 'SARI (Loài thú hoang, mãnh thú, trực giác nhạy bén)

ARAṢIṂ BHALA 'SARI : Tu hành Pháp Thân thanh tịnh vượt ra khỏi các pháp chướng ngại (chứng ngộ sự trống rỗng của các Pháp) mà làm Bậc Pháp Vương ở Pháp Tự Tại



39) Phạt xa phạt sâm

BHAṢÀ (Ngôn ngữ, giáo pháp) BHAṢIṂ (Người thành thạo ngôn ngữ , người có Đạo Hạnh)

BHAṢÀ BHAṢIṂ : Kẻ Đạo Hạnh thành Đạo Chân Lạc



40) Phạt la xá gia

BHARA (Ủng hộ, tán trợ) 'SAYA (Ngọa, nằm. Dùng Pháp Y đắp thân nằm, chính niệm chính giác mà chẳng mất uy nghi)

BHARA 'SAYA : Tự tỉnh ngộ Bản Lai Diện Mục (Khuôn mặt xưa nay . Đây là thuật ngữ của Thiền Tông nhằm chỉ bậc đã kiến tánh)



41) Hô lô hô lô ma la

HULÙ (Nhanh chóng) PRA (Sự thắng thượng như ý)

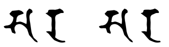
HULÙ HULÙ PRA : nhanh chóng làm pháp Như Ý Thắng thượng



42) Hô lô hô lô hê lị

HULÙ (nhanh chóng) 'SRÌ (Cát tường)

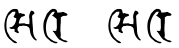
HULÙ HULÙ 'SRÌ : Nhanh chóng làm pháp Cát Tường tự tại



43) Sa la sa la

SARA (Kiên cố, bền chắc)

SARA SARA : Sức kiên cố, thật bền chắc



44) Tất lị tất lị

SIRI (Dũng mãnh thù thắng)

SIRI SIRI : Dũng mãnh thù thắng cát tường

45) Tô rô tô rô

SURU (Ban rải nước Cam Lộ)

SURU SURU : Ban nước Cam Lộ tế độ khắp cả chúng sinh

46) Bồ đề dạ, bồ đề dạ

BUDHIYA (Giác ngộ, tỉnh ngộ)

BUDDHIYA BUDDHIYA : Khiến cho khắp cả chúng sinh Giác ngộ tỉnh ngộ

47) Bồ đà dạ, bồ đà dạ

BUDDHÀYA (Tuệ giác, Trí giác)

BUDDHÀYA BUDDHÀYA : Khiến cho khắp cả chúng sinh đạt được Tuệ Giác Trí Giác

15 câu trên là phần :” THẦN LỰC GIA TRÌ MÔN”

48) Di đế lị dạ

MAITRIYA : Tâm Từ , ban vui cho người khác

49) Na la cẩn trì

NÌLAKAṆṬHA (Thanh cảnh, cái cổ màu xanh)

NÌLAKAṆṬHA : Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát là Đấng Hiền Thủ hay thương yêu kẻ hiền bảo vệ người lành

50) Tha lị sắt ni na

TRI (Ba) ‘SARAṆA (sự cứng bén)

TRI’SARAṆA : cương quyết tu Đạo của Ba Thừa (Thanh Văn Giác, Độc Giác, Toàn Giác)

51) Bà dạ ma na

ABHAYA (Bậc vô úy) MAṆA (Tâm ý)

ABHAYA MAṆA : Tâm Ý của Đấng Vô Úy

52) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

53) Tất đà dạ

SIDDHIYA (Thành tựu đẳng)

SIDDHIYA : Pháp cởi bỏ danh lợi, nhận thức rõ các điều chân giả

54) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

55) Ma ha tất đà dạ

MÀHÀ SIDDHIYA (Đại thành tựu đẳng)

MÀHÀ SIDDHIYA : Tất cả sự lợi ích rộng lớn trong Phật Pháp



56) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn



57) Tất đà dụ nghệ

SIDDHA (Thành tựu) YOGA (Du già, sự tương ứng)

SIDDHAYOGA : Thành tựu Du Già , tức là Pháp Vô Vi



58) Thất bàn la dạ

I'SVARÀYA : Tự tại đẳng

Siddhayoga+ I'svaràya = siddhayoge'svaràya



59) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn



60) Na la cẩn trì

NÌLAKAṆṬHA : Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát biểu thị cho công đức nội chứng của Quán Tự Tại Bồ Tát là Pháp vô lượng Từ Bi hiền ái



61) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn



62) Ma la na la

PRA (Thắng thượng) VARÀHA (heo)   MUKHÀYA (khuôn mặt)

PRAVARÀHA MUKHÀYA :Khuôn mặt heo thắng thượng biểu thị cho Đạo Như ý thắng thượng vô lượng bền chắc



63) Sa bà ha

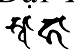
SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn



64) Tất la tăng a mục khư gia

'SRÌ (Cát Tường) SIṂHA (Sư Tử) MUKHÀYA (Diện mạo, khuôn mặt)

'SRÌ SIṂHA MUKHÀYA : Khuôn mặt sư tử cát tường biểu thị cho Tâm ái Hộ làm Đại Y Vương trừ các bệnh khổ não cho tất cả chúng sinh



65) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn



66) Sa bà ma ha a tất đà dạ

SARVA (Tất cả) MAHÀ (Đại, to lớn) MUKTÀYA (Viên ngọc)

SARVA MAHÀ MUKTÀYA : Tất cả viên ngọc to lớn biểu thị cho Tất cả Pháp Đại Thừa vô thượng vô tỷ



67) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn



68) Giả cát la a tất đà dạ

CAKRÀ (Luân, bánh xe) YUDHÀYA (Cây gậy)

CAKRÀ YUDHÀYA : Đạo Thanh Tịnh vô thượng dùng Kim Cương Luân và cây gậy báu hàng phục ma oán



69) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn



70) Ba đà ma yết tất đà dạ

PADMA (Hoa sen hồng) HASTÀYA (Thủ đẳng, bàn tay)

PADMA HASTÀYA : Liên Hoa Thủ Đẳng(chư vị cầm hoa sen trong bàn tay), tức là Pháp Thiện Thắng của hoa sen hồng hay giải thoát tất cả sự trói buộc của khổ não



71) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn



72) Na la cẩn trì bàn già la gia

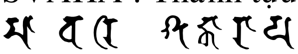
NÌLAKAṆṬHA (Thanh Cảnh) 'SAṄKHA (vỏ ốc biểu thị cho cái loa Pháp) RÀJA (Vương, vua chúa)

NÌLAKAṆṬHA 'SAṄKHA RÀJA : Thanh Cảnh Pháp Loa Vương Bồ Tát biểu thị cho sự chính tâm thành ý hay trừ bỏ sự ách nạn sợ hãi



73) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn



74) Ma bà lị thắng yết la dạ

MÀ (Đừng buông bỏ) VARI (Tâm nguyện) 'SAṄKARÀYA (Sự câu tỏa)

MÀ VARI 'SAṄKARÀYA : Đừng buông bỏ sự câu tỏa của Tâm nguyện tức là bản tính Đại chí đại dũng của hàng Bồ Tát



75) Sa bà ha

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

28 câu trên là phần :" THÂM NHẬP ĐẠI BI TÂM MÔN"



76) Nam mô hạt la đát na đá la dạ gia
NAMO (Quy y, quy mệnh) RATNA (Bảo, vật báu) TRAYÀYA (Ba nhóm)
NAMO RATNATRAYÀYA : Quy y Tam Bảo : Phật , Pháp, Tăng

77) Nam mô a lị gia
NAMAḤ (Quy mệnh) ÀRYA (Thánh)

78) Bà lô cát đế
AVALOKITA (Quán , xem xét khắp nơi)

79) Thước bàn la dạ
I'SVARÀYA (Tự tại đẳng)
NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA : Quy mệnh Đức Thánh Quán Tự Tại

80) Sa bà ha
SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn công đức nội chứng
5 câu trên là phần :" HIỂN HIỆN ĐẠI BI TÂM MÔN"

81) Án tất điện đô
OṂ (Thân khẩu ý) SIDDHI (Thành tựu) YANTU (Ban cho)
(SIDDHI YANTU viết gọn lại thành SIDDHYANTU)

82) Mạn đá la
MANTRA : Thần chú, Chân ngôn

83) Bạt đà gia
PADÀYA : Câu cú

84) Sa bà ha
SVÀHÀ : Thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết Bàn
4 câu trên là phần :" THÀNH TỰU NIẾT BÀN MÔN "

20/02/1999

ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Việt dịch : HUYỀN THANH

1) Quy kính Tôn Đức Môn :

- Con xin quy y Phật Pháp Tăng thường ở khắp mười phương
- Con xin quy mệnh Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát
- Con xin quy mệnh tất cả các bậc Thánh thanh tịnh hay dạy lời triệu mời CHÍNH GIÁO THÁNH DIỆU
- Con xin kính lễ núi Bổ Đà Lạc Ca là nơi cư ngụ của Bản Tôn Thánh Quán Tự Tại
- Con xin quy mệnh Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát là Bậc có Tâm từ bi hiền ái hay phóng tỏa ánh quang minh vô vi nghiêm tịnh, dạy Pháp không thể sánh là Phật Pháp rộng lớn vô biên khiến cho kẻ tu hành hết si mê giữ được giới thanh tịnh

2) Phổ chứng Đại Bi Tâm Môn:

Như vậy :

- Hỡi Đức Quán Thế Âm ! Ngài là bậc Đại Bồ Tát biểu hiện cho Thể Quang Minh , thường mang lòng Bi Mẫn cứu khổ cứu nạn hóa độ khắp cả chúng sinh
- Xin Ngài đem Phật Pháp bình đẳng làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh , giúp cho họ tăng trưởng Thiện Pháp Như Ý Thắng Thượng, tu thành thân Kim Cương, ngồi trên tòa hoa sen báu

3) Tịnh hóa Lục Đạo Môn :

- Xin Ngài làm Pháp tác dụng trang nghiêm, thổi Loa Pháp kết giới khiến cho chúng sinh gieo trồng Công Đức, tu hành theo Giáo Pháp Nghiêm Tịnh rộng khắp để mau chóng vượt thoát sự khổ não của sinh tử

4) Thiện Minh Quán Đỉnh Môn :

- Xin Ngài đem Pháp Tối Thượng rộng lớn gia trì cho người trì Chú, khiến họ được Pháp Quang Minh tự Tại

5) Thần Lực Gia Trì Môn :

- Xin Ngài hiện tướng Đại Phẫn Nộ, rống tiếng sấm Pháp phá hủy sự trì độn chậm chạp của chúng sinh, hiển hiện Đạo Cảnh Ly Cấu Tối Thắng thâm diệu khó lường, khiến cho người tu Pháp Giải Thoát thuận theo các điều tự nhiên, mau chóng kiên định Đạo Tâm, sinh Trí Tuệ lớn, tu thành Pháp Thân thanh tịnh, vượt ra kh`ỏi các Pháp chướng ngại (chứng ngộ sự trống rỗng của các Pháp) mà làm Bậc Pháp Vương ở Pháp tự tại
- Xin Ngài hãy khiến cho người có Đạo Hạnh tự chứng ngộ được Bản Lai Diện Mục
- Xin Ngài làm Pháp Như Ý Thắng Thượng, Pháp Cát Tường Tự Tại và đem sức kiên cố dũng mãnh thù thắng rưới nước Cam Lộ bất tử, tế độ khắp cả chúng sinh khiến cho họ giác ngộ thành đạt Trí Giác

6) Thâm nhập Đại Bi Tâm Môn :

- Xin Đấng Đại Từ Thanh Cảnh Bồ Tát hãy thương yêu kẻ hiền, bảo hộ người lành khiến cho họ cương quyết tu hành Đạo của Ba Thừa, thành tựu viên mãn Tâm Ý của Đấng Vô Úy và thành tựu mọi sự như :

.) Thành tựu viên mãn Pháp cởi bỏ danh lợi và nhận biết rõ các điều chân giả

.) Thành tựu viên mãn tất cả điều lợi ích rộng lớn trong Phật Pháp

.) Thành tựu viên mãn Pháp Du Già Tự Tại

.) Thành tựu viên mãn Chính Pháp vô lượng Từ Bi hiền ái của Đức Thanh Cảnh Bồ Tát

.) Thành tựu viên mãn Đạo Như Ý Thắng Thượng bền chắc

.) Thành tựu viên mãn Pháp Đại Y Vương hay trừ bỏ các bệnh khổ não cho chúng sinh

.) Thành tựu viên mãn Đạo Vô Thượng thanh tịnh, dùng Kim Cương Luân và cây gậy báu hàng phục ma oán

.) Thành tựu viên mãn Pháp Thiện thắng của hoa sen hồng để thoát khỏi sự trói buộc của khổ não

.) Thành tựu viên mãn sự chính tâm thành ý hay trừ bỏ mọi ách nạn sợ hãi của Đấng Thanh Cảnh Pháp Loa Vương Bồ Tát

.) Thành tựu viên mãn bản tính Đại Chí Đại Dũng của Bậc Đại Bồ Tát

7) Hiển hiện Đại Bi Tâm Môn :

- Nay con xin quy y ba Báu Phật Pháp Tăng
- Nay con xin quy mệnh công đức nội chứng của Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

8) Thành tựu Niết Bàn Môn :- Nguyện cho thân khẩu ý của con mau chóng tương ứng với sự thành tựu Chân Ngôn cú để thọ hưởng mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn

23/02/1999

NHƯ Ý BẢO LUÂN VƯƠNG ĐÀ LA NI

Sưu tập và dịch nghĩa Phạn Chú: HUYỀN THANH

1) CĂN BẢN CHÚ :

_ Nam mô Phật đà gia

*) NAMO BUDDHÀYA

Quy mệnh Phật Bảo

_ Nam mô Đạt ma gia

*) NAMO DHARMÀYA

Quy mệnh Pháp Bảo

_ Nam mô Tăng già gia

*) NAMO SAMGHÀYA

Quy mệnh Tăng Bảo

_ Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát

*) NAMO AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA_ MAHÀ SATVÀYA

_ Cụ Đại Bi Tâm Giả

*) MAHÀ KÀRUNIKÀYA

_ Đát diệt tha

*) TADYATHÀ

Khai mở Như Lai Tạng tuyên nói Thần Chú

_ Án

*) OṂ

Chữ OṂ được kết hợp bởi ba chữ A, U, MA trong đó

A là " Tất cả Pháp vốn chẳng sinh " biểu thị cho nghĩa của Pháp Thân

U là :" Tất cả Pháp Thí Dụ chẳng thể đắc " biểu thị cho nghĩa cả Báo Thân

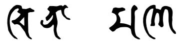
MA là :" Tất cả Pháp Ngô Ngã chẳng thể đắc " biểu thị cho nghĩa của Hóa Thân

Do đó OṂ nhiếp nghĩa vô biên, là đầu mối của các Chữ tức là chỗ phát sinh của tất cả các Pháp. Từ đây OṂ là Mẫu của các Đà La Ni nên thường đặt ở đầu câu. Ngoài ra, tùy theo ý nghĩa của câu Chú theo sau mà OṂ biểu thị cho các nghĩa : Tam Thân, Quy mệnh, Cúng dường, Cảnh giác, Nhiếp phục

_ Chước yết ra phạt để

*) CAKRA VARTTI

Hay chuyển bánh xe Vô Thượng, cũng có nghĩa là Tồi Phá



_ Chấn đa mạt ni

*) CINTÀ-MAṆI

Suy tư, cũng có nghĩa là Báu của Như Lai. Báu có 6 loại hay làm mãn ước nguyện của chúng sinh



_ Ma ha bát đằng mế

*) MAHÀ PADMA

Hoa sen lớn biểu thị cho sự tĩnh các Phi Pháp, vốn chẳng nhiễm dính



_ Rô rô rô rô

*) RURU

Lìa bụi dơ. Bụi có hai loại nên xưng hai lần. Ấy là : Nội Trần và Ngoại Trần

Nội Trần là năm căn : Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân

Ngoại Trần là năm trần : Hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, cảm xúc khi va chạm

Cả hai loại Trần đều không có Sở Đắc dùng làm phương tiện thành Du Già Quán Trí



_ Để sắt tra

*)TIṢṬA

Trụ, cũng nói là Vô Trụ. Vô Trụ dùng làm gốc của tất cả Pháp, cũng nói là: "Chẳng trụ Niết Bàn, chẳng trụ sinh tử " Do Đại Trí nên chẳng dính vào sinh tử, do Đại Bi nên chẳng trụ Niết Bàn



_ Thước la

*) JVALA

Cháy bùng. Ánh sáng chiếu diệu tràn khắp Hư Không Pháp Giới ở mười phương, cảnh giác chư Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng giáng tập phó hội. Bên dưới triệu tất cả tám Bộ Trời Rồng, loại hữu tình làm lợi ích gia trì



_ A yết rị sa dạ

*) AKARṢÀYA

Thỉnh triệu. Do sự thỉnh triệu này mà chư Phật, Bồ Tát, tám Bộ Trời Rồng ứng theo sự triệu đều vân tập , gia trì hộ niệm



_ Hồng

*) HÙṂ

HÙṂ có nghĩa là: "Tất cả Pháp không có Nhân" cũng nói là Bồ Đề Đạo Trường. Như Kim Cương Đỉnh Du Già Kinh nói: "Vừa mới phát tâm Bồ Đề liền ngồi Bồ Đề Đạo Trường, chuyển bánh xe Chính Pháp". Do dự tương ứng này mà một chữ của Chân Ngôn này ắt hay chứng ngộ tất cả Phật Pháp. Lúc niệm niệm chứng ngộ Phật Pháp thì đấy đầy đủ Tát Bà Nhã Trí (SARVA-JÑÀ-JÑÀNA_ Nhất Thiết Trí

Trí) thẳng đến cứu cánh ngồi tòa Kim Cương, bốn Ma hiện trước mặt ắt nhập vào ĐẠI TỪ Tam Ma Địa giáng phục bốn Ma mà thành Chính Giác.

Bốn Ma là : Uẩn Ma, Phiền Não Ma, Tử Ma, Thiên Ma đều tự giáng phục.

Lại nói là Pháp không có NHÂN y theo QUẢ của Thắng Nghĩa Đế cũng không có đắc. Vì không có NHÂN QUẢ cho nên xưa nay thanh tĩnh.

_ Phấn

* PHAṬ

Chữ PHA () có nghĩa là Phá Hoại, cũng có nghĩa là Tồi Hoại. Lúc được thành Phật thì tồi hoại bốn Ma, cũng nói ở trong ba Đức là ĐOẠN ĐỨC. Do dùng Trí cắt đứt tập khí phiền não của ba cõi, cũng cắt đứt 9 Địa Vị thảy đều viên mãn hai loại tư lương PHƯỚC ĐỨC, TRÍ TUỆ . Từ vô thuỷ đến nay , tất cả Hữu Tình dùng làm nơi gần gũi, vì nhớ Ân ấy nên đi đến nơi chuyển Pháp Luân diễn nói 12 Hạnh Pháp Luân.

Chữ Ṭ () có nghĩa là :" Tất cả Pháp không có Sở Đắc". Theo Phạn Thư thì chữ Ṭ có hình như nửa vành trăng nên giải thích là : Tất cả Pháp không có NGÃ, không có SỞ ĐẮC, dùng làm phương tiện ắt sinh thành KHÔNG, sinh BÁN KHÔNG (một nửa của cái KHÔNG).

_ Toá ha

* SVÀHÀ

Chữ SVÀ () nghĩa là: "Không có ngôn thuyết" làm thành Trí không của các Pháp, có nghĩa là Chữ đầy đủ (Mãn Tự) cũng nói là : Thành Tựu Đại Phước Đức.

Chữ HÀ () nghĩa là: Cắt đứt phiền não khiến cho các Hữu Tình gom chứa Đại Phước Đức, cắt đứt tất cả tập khí của Phiền Não và Tùy Phiền Não trong thân TA, NGƯỜI tràn khắp lời dạy của Mãn Tự, chứng được VÔ DƯ Y VÔ TRỤ NIẾT BÀN.

Toàn Bài CĂN BẢN CHÚ trên đây được Hòa Thượng TĨNH NGHIÊM ghi chú nghĩa thú.

Theo ý nghĩa khác thì :

OṂ có nghĩa là Tam Thân quy mệnh

CAKRA VARTTI có nghĩa là Chuyển luân Vương

CINTAMAṆI có nghĩa là Như Ý Bảo Châu (Viên Ngọc Như Ý)

MAHÀ PADMA có nghĩa là Đại Liên Hoa (Hoa Sen to lớn)

RURU có nghĩa là Xa lìa Nội Trần và Ngoại Trần

TIṢṬA có nghĩa là Kiên Trụ (An trú bền chắc)

JVALA có nghĩa là Phóng tỏa ánh sáng rực rỡ

AKARṢÀYA có nghĩa là Thỉnh Triệu

HÙṂ có nghĩa là NHÂN KHỦNG BỐ nhằm dứt trừ Tâm vị Ngã phát khởi Tâm Bồ Đề

PHAṬ có nghĩa là Phá Bại

SVÀHÀ có nghiã là Thành tựu cát tường.

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“ Nam mô Phật Bảo

Nam mô Pháp Bảo

Nam mô Tăng Bảo

Nam mô Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát

Như vậy !

Con xin quy mệnh với Đức CHUYÊN LUÂN VƯƠNG NHƯ Ý BẢO CHÂU ĐẠI LIÊN HOA là Bậc đã xa lìa Nội Trần và Ngoại Trần

Con xin an trụ theo ánh lửa rực rỡ của Ngài để thỉnh triệu Chư Phật, Bồ Tát, Hiền Thánh Chúng, Tám Bộ Trời Rồng, Chư Vị Hộ Pháp nhắm giúp cho con phá bại Tâm Vị Ngã phát khởi Tâm Bồ Đề, thành tựu cát tường “

2) ĐẠI TÂM CHÚ :



Án

* OṂ

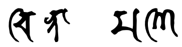
Tam Thân quy mệnh, cảnh giác



Bát đạp ma

* PADMA

Hoa sen



Chấn đa mạc ni

* CINTÀMAṆI

Viên ngọc Như Ý



Thước ra

* JVALA

Quang Diễm (Ánh sáng rực rỡ như ngọn lửa)



Hồng

* HÙṂ

Đẩy lui Tâm Vị Ngã thành tựu Tâm Bồ Đề

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“ Hỡi ánh sáng rực rỡ của LIÊN HOA NHƯ Ý BẢO CHÂU hãy giúp cho tôi thành tựu Tâm Bồ Đề “

3) **TÙY TÂM CHÚ**

𑖌𑖼

Án

* OṂ

Chữ OṂ có nghĩa là Tất cả Pháp Lưu Chú không có SỞ ĐẮC dùng làm phương tiện, cũng có nghĩa là GIÁC chẳng thể đắc.

𑖪 𑖨 𑖟

Bát lật đà

* VARADA

Chữ VA (𑖪) có nghĩa là Tất cả Pháp siêu việt (Vượt quá) dường ngôn ngữ chẳng thể đắc

Chữ RA (𑖨) có nghĩa là Tất cả Pháp lìa nhơ bẩn rốt ráo chẳng thể đắc

Chữ DA (𑖟) có nghĩa là Tất cả Pháp THÍ (Ban bố) rốt ráo không có sở đắc.

𑖢𑖟𑖿𑖦𑖸

Bát đẳng mế

* PADME

Chữ PA (𑖢) có nghĩa là Tất cả Pháp THẮNG TÍNH TƯỚNG chẳng thể đắc

Chữ DME (𑖟𑖿𑖦𑖸) có nghĩa là Tất cả Pháp lìa NGÃ THỦ CHẤP chẳng thể đắc

𑖮𑖳𑖽

Hồng

* HÙṂ

Chữ HÙṂ có nghĩa là Tất cả Pháp rốt ráo cũng chẳng thể đắc

Toàn Bài Chú trên đây được Hòa Thượng TĨNH NGHIÊM ghi chú nghĩa với mục đìch dùng Pháp BỐ TỰ (An bày Chữ) trên thân thể để quán tưởng tu tập

Chữ OṂ (𑖌𑖼) đặt trên đỉnh đầu

Chữ VA (𑖪) đặt nơi vầng trán

Chữ RA (𑖨) đặt trong hai con mắt

Chữ DA (𑖟) đặt nơi trái tim

Chữ PA (𑖢) đặt ở cái miệng

Chữ DME (𑖟𑖿𑖦𑖸) đặt ở hai bắp tay

Chữ HÙṂ (𑖮𑖳𑖽) đặt ở cái rốn

Quán chiếu các Chữ nói trên rõ ràng như mặt trời mới mọc tỏa ánh sáng rực rỡ chói chan rộng lớn vô cùng. Như Quán Chiếu này chẳng bao lâu sẽ chứng PHÁP THÂN Tam Muội

Theo ý nghĩa khác thì :

OṂ có nghĩa là Tam Thân Quy mệnh

VARADA có nghĩa là Dữ Nguyện , Thí Nguyện (Ban bố cho vật dụng tiền của)

PADME có nghĩa là Bên trong Hoa Sen. Vì hoa sen còn biểu thị cho Bản Tâm thanh tịnh không nhiễm cấu, nên PADME còn mang nghĩa là Bên trong Bản Tâm

HÙM̀ có nghĩa là Cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

" Khi phát khởi được sự ban bố cứu độ trong Tâm thì mới thật sự bước vào cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân "

25/05/1998

TIÊU TAI CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ

Sưu tập và dịch nghĩa Phạn Chú: HUYỀN THANH

Nẵng mồ tam mãn đa mẫu đà nẫm
* NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀMỤ
Quy mệnh phổ biến chư Phật

A bát ra để hạ đa xá ta nẵng nẫm
* APRATIHÀTA'SASANÀNÀMỤ
Các Bậc không có chướng ngại

Đát điệt tha
* TADYATHÀ
Như vậy, liền nói Chú là

Án
* OṂ
Tam Thân quy mệnh

Khư khư
* KHA KHA
Chữ KHA có nghĩa là Hư Không. Thế Gian cùng nhau công nhận là Pháp VÔ TÁC . Nếu tất cả các Pháp vốn chẳng sinh, lìa các sự tạo tác thì rốt ráo như tướng Hư Không. Các Pháp như tướng Hư Không đó là tướng chẳng hư dối. Do dùng hai lần chữ KHA biểu thị cho các Pháp vốn chẳng tạo tác, bìng đẳng như Hư Không.

Khư hứ, khư hứ
* KHAHI KHAHI
Chữ KHA là Hư Không
Chữ HI gồm có chữ HA là NHÂN và chữ I là CĂN GỐC
Do đó KHAHI tức là Nhân Căn của các Pháp như Hư Không. Vì dùng hai lần chữ KHAHI biểu thị cho Nhân Căn của các Pháp vốn chẳng sinh, bình đẳng như Hư Không
Do tướng Hư Không chẳng thể đắc nên KHAKHA KHAHI KHAHI biểu thị cho tướng VÔ KIẾN ĐỈNH của Như Lai.

Hồng Hồng
* HÙMỤ HÙMỤ
Chữ HÙMỤ là Nhân Khủng Bố. Do hai lần dùng chữ HÙMỤ nên phá diệt hai loại Phiền Não không còn dư sót khiến cho Trọng Chướng Nhị Biên rốt ráo thanh tĩnh



Nhập phạ ra, nhập phạ ra

* JVALA JVALA

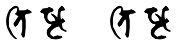
Chữ JVALA có nghĩa là Cháy Bùng nên biểu thị cho ánh lửa rực rỡ, hoặc mang nghĩa Tỏa ánh sáng rực rỡ (Phóng Quang) . Do hai lần dùng chữ JVALA nên thiêu cháy hết cả NĂNG CHẤP và SỞ CHẤP thành tựu sự thanh tịnh



Bát la nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra

* PRAJVALA PRAJVALA

Chữ PRAJVALA có nghĩa là Vô Thượng Quang Diễm (Ánh lửa rực rỡ vô thượng). Do hai lần dùng PRAJVALA biểu thị cho sự phóng ánh sáng Vô Thượng từ Đỉnh Kế của Phật gia trì cho chúng sinh trừ diệt các Ái để được sự chẳng nhiễm dính sáu Trần.



Để sắt sá, để sắt sá

* TIṢṬA TIṢṬA

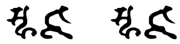
Chữ TIṢṬA có nghĩa là Kiên Trú . Do hai lần dùng chữ TIṢṬA nên biểu thị cho sự cầu nguyện được an trú vững chắc trong sự gia trì của Phật Đỉnh để diệt trừ các Ái chẳng nhiễm sáu Trần.



Sắt trí rị, sắt trí rị

* ṢṬRÌ ṢṬRÌ

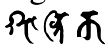
Chữ ṢṬRÌ có nghĩa là Bụi Trần phá hoại khiến cho trì độn chậm chạp. Do hai lần dùng chữ ṢṬRÌ biểu thị cho sự trì độn chậm chạp phá hoại của Nội Chướng và Ngoại Chướng.



Ta phấn tra, ta phấn tra

* SPHAṬ SPHAṬ

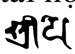
Chữ SPHAṬ có nghĩa là Phá Hoại Tồi Diệt . Do hai lần dùng chữ SPHAṬ nên phá bại diệt trừ được sự tàn phá trì độn chậm chạp của Nội Chướng và Ngoại Chướng.



Phiến để ca

* ‘SÀNTIKA

Chữ ‘SÀNTIKA có nghĩa là Tức Tai nên dùng chữ này để dứt trừ chặn đứng mọi tai họa, nạn chướng.



Thất rị duệ

* ‘SRÌYE

Chữ ‘SRÌYE có nghĩa là Cát Tường. Dùng Chữ này biểu thị cho sự đạt đến mọi điều an vui khoái lạc.

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Ta phạ ha

* SVÀHÀ

Thành tựu

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“ Quy mệnh hết thảy chư Phật, các Bậc Vô Chướng Ngại ở khắp mười phương

Như vậy ! hỡi ánh lửa rực rỡ của Như Lai Vô Kiến Đỉnh Tướng đã thiêu cháy mọi NĂNG CHẤP, SỞ CHẤP hãy tỏa sáng rực rỡ khiến cho con được an trú trong sự gia trì này nhằm phá tan sự trì độn chậm chạp của Nội Chướng và Ngoại Chướng. Đồng thời khiến cho con dứt trừ được mọi tai nạn, thành tựu sự an vui tốt lành

22/08/1997

CÔNG ĐỨC BẢO SƠN THẦN CHÚ

Phục hồi và dịch nghĩa Phạn Chú: HUYỀN THANH

- Nam mô Phật đà gia
♦ NAMO BUDDHÀYA
Quy mệnh Phật Bảo

- Nam mô Đạt Ma gia
♦ NAMO DHARMÀYA
Quy mệnh Pháp Bảo

- Nam mô Tăng Già gia
♦ NAMO SAMGHÀYA
Quy mệnh Tăng Bảo

- Án
♦ OM
Tam Thân quy mệnh

- Tất đế
♦ SIDDHI
Sự thành tựu

- Hô
♦ HOH
Vui vẻ , hoan hỷ

- Độ rô, tất độ rô
♦ DHURU SUDHURU
Bão trì (Ôm giữ) diệu bão trì (Khéo ôm giữ), lóe sáng, khéo lóe sáng

- Chỉ lị ba
♦ GARJA
Khố (cái kho)

- Kiết lị bà
♦ GARBHA
Tàng (Nơi cất chứa che dấu)

- Tất đạt rị
♦ SADHÀRI

Diệu trì (Khéo cầm nắm)



- Bố rô rị

♦ PÙRṆI

Mãn túc (Đầy đủ)



- Ta phạ ha

♦ SVÀHÀ

Thành tựu Tự Tính An lạc của Đại Niết Bàn

Toàn bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“ Quy Y Phật Bảo

Quy Y Pháp Bảo

Quy y Tăng Bảo

OM ! Vinh quang thay sự thành tựu ! Hãy vui vẻ ôm giữ, khéo ôm giữ kho tàng Chân Như ! Hãy khéo giữ gìn tự tính an lạc của Đại Niết Bàn “

23/08/1997

PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ THẦN CHÚ

Sưu tập và dịch nghĩa Phạn Chú: HUYỀN THANH

Khể thủ quy y Tô Tất Đế
Đầu diện đỉnh lễ thất câu đê
Ngã kim xưng tán Đại Chuẩn Đề
Duy nguyện từ bi thùy gia hộ

"Cúi lậy quy y **Diệu Thành** Tựu (susiddhi)
Đầu mặt đỉnh lễ bảy cu chi (7 Koṭi _700 triệu)
Nay con xưng tán Đại Chuẩn Đề
Nguyện xin từ bi thương gia hộ "

Nam mô tát đa nẫm tam miệu tam bồ đà cu chi nẫm
* NAMO SAPTÀNÀMṂ SAMYAKSAMṂBUDDHÀ KOṬINÀMṂ
Quy mệnh bảy trăm triệu Chính Đẳng Chính Giác

Đát điệt tha
* TADYATHÀ
Mở Như Lai Tạng nói Thần Chú là

Án
* OMṂ
Tam Thân quy mệnh

Chiết lệ
* CALE
Giác động, tức là lay động sự Giác Ngộ

Chủ lệ
* CULE
Trực khởi, tức là đi thẳng đến

Chuẩn Đề
CUṄDHE
Tự Tính thanh tịnh của Tâm Bồ Đề

Ta bà ha
* SVÀHÀ
Thành tựu vị an lạc của Đại Niết Bàn

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

" Quy mệnh Bảy trăm triệu Chính Đẳng Chính Giác

Như vậy : Khi Thân, Khẩu, Ý hợp nhất với sự Giác Ngộ Phật Tính sẽ đi thẳng vào Tự Tính thanh tịnh của Tâm Bồ Đề và thọ nhận mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn "

10/10/1997

THÁNH VÔ LƯỢNG THỌ
QUYẾT ĐỊNH QUANG MINH VƯƠNG ĐÀ LA NI

Sưu tập và dịch nghĩa Phạn Chú: HUYỀN THANH

Án nại mo
OṂ NAMO
Quy mệnh kính lễ

Bo cót ngỏa đế
BHAGAVATE
Thế Tôn

A ba na mật đạp, a ưu rị a nạp
APARAMITA AJURJÑÀNA
Vô Lượng Thọ Trí

Tô tất nễ, thật chấp đạp điệp tả
SUVINE 'SCITA TEJA
Quyết Định Quang Minh

Ra tể dã
RÀJÀYA
Vương (Vua Chúa)

Đát tháp cả đạt dã
TATHÀGATÀYA
Như Lai

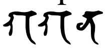
A ra ha tê
ARHATE
Ứng Cúng (A La Hán)

Tam dược tam bất đạt dã
SAMYAKSAṂBUDDHÀYA
Chính Đẳng Chính Giác

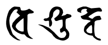
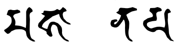
Án
OṂ
Tam Thân quy mệnh

Tát rị ba, tang tư cót rị
SARVA SAṂSKÀRA
Tất cả sự cúng tế ở nhà (Gia Tế) hay tất cả hoạt động của tâm trí

Bót rị thuật đạp
PARI'SUDDHA
Tối thượng thanh tịnh

Đạt ra mã đế
DHARMATE
Pháp Tính

Ca ca nại
GAGANA
Hư Không

Tam mã ngột ca đế
SAMUDGATE
Thắng thượng

Tát ba ngõa
SVABHÀVA
Tự Tính

Tỳ thuật đế
VI'SUDDHE
Thanh tịnh

Ma hắc na dã
MAHÀ NAYA
Rộng lớn bao la

Bát rị ngõa rị
PARIVÀRE
Thắng nguyện

Tóa hắc
SVÀHÀ
Thành tựu Tự Tính an lạc của Đại Niết Bàn

Toàn bài Đà La Ni trên có thể diễn dịch là :

" Quy mệnh kính lễ Đức Thế Tôn VÔ LƯỢNG THỌ TRÍ QUYẾT ĐỊNH QUANG MINH VƯƠNG Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Như vậy : OM

Tất cả hoạt động Tâm Ý đều là Pháp Tính cực thanh tịnh

Thanh tịnh như Tự Tính thắng thượng của Hư Không

Hãy phát khởi Thắng Nguyện rộng lớn để mau chóng đạt được sự an lạc thanh tịnh của Đại Niết Bàn "

12/02/1998

DƯỢC SƯ QUÁN ĐỈNH CHÂN NGÔN

Sưu tập và dịch nghĩa Phạn Chú: HUYỀN THANH

Nam mô bạc già phạt đế
* NAMO BHAGAVATE
Quy mệnh Thế Tôn

Bệ sái xã
* BHAIṢAIJYA
Dược (Thuốc)

Lũ rô
* GURU
Nghĩa đen là " Sức nặng "nhằm chỉ một người tràn đầy đức tính kỳ diệu, thể hiện Trí Tuệ, hiểu biết, Từ Bi và phương tiện thiện xảo nên thường dịch là SƯ (Người thầy)

Thích lưu ly
* VAIḌURYA
Ngọc Lưu Ly là thứ ngọc màu xanh biếc và trong vắt

Bát lặc bà
* PRABHA
Quang (Ánh sáng)

Hắc ra xà dã
* RÀJÀYA
Vương (Vua chúa)

Đát tha yết đa gia
* TATHÀGATÀYA
Như Lai

A ra hắc đế
* ARHATE
A La Hán, Ứng Cúng (Bậc xứng đáng thọ nhận vật cúng dường)

Tam miệu tam bột đà gia
* SAMYAKSAMḌBUDDHÀYA
Chính Đẳng Chính Giác

Đát điệt tha

* TADYATHÀ

Như Vậy, liền nói Chú là

Án

* OṂ

Tam Thân quy mệnh. Chân Ngôn này được tuyên nói trong ánh sáng trên đỉnh đầu của Đức Dược Sư Như Lai nên OṂ có thể mang ý nghĩa là Quy mệnh như Lai Đỉnh Tướng

Bệ sái thệ

* BHAISẠIJYE

Như Dược (Thuốc) Đây là quán niệm Thiện Căn Dược, tức là thuốc trị Nghiệp Tật và biếu thị cho Ý MẬT

Bệ sái thệ

* BHAIṢAIJYE

Như Dược. Đây là Chú Dược, tức là thuốc trị Quỷ Tật và biểu thị cho NGỮ MẬT

Bệ sái xã

* BHAIṢAIJYA

Như Dược. Đây là Y Dược, tức là thuốc trị bệnh về bốn Đại và biểu thị cho THÂN MẬT

Tam một yết đế

* SAMUDGATE

Thượng thắng, phát sinh, tự độ tha độ

Chân Ngôn này dùng chữ BHAI ( ) Làm Chủng Tử. Trong chữ BHAI có chứa chữ BHA ( ) biểu thị cho các Âm Quán , tức là Tam Quán (GIẢ QUÁN, KHÔNG QUÁN, TRUNG QUÁN) Do Bản Thệ của Đức Phật này trừ tất cả các bệnh về : Quả Báo, nghiệp ác, kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc…. Nên Ngài có tên là DƯỢC SƯ .

Lại nữa chữ BHA mang nghĩa của các Quán tức Tam Quán, vì thêm nét trên đầu chữ nên biểu thị cho Tam Muội TAM CHỈ (3 sự chận đứng). Do dùng Tam Chỉ Tam Quán Dược để diệt trừ bệnh của ba cõi (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới) nên được gọi là DƯỢC SƯ.

Toá ha

* SVÀHÀ

Quyết định thành tựu. Nguyện xin Đức Dược Sư cho con quyết định thành tựu Chú này

Đây cũng là Cảnh Phát Bản Nguyện khiến cho tác chứng minh, cũng có nghĩa là Vô Trụ Niết Bàn. Do trừ bệnh của Ba Cõi khiến trụ nơi an lạc bí mật của ba Đức (Pháp Thân Đức, Trí Đức, Phước Đức) nên lại nói là :" Cho đến lúc chứng được Vô Thượng Bồ Đề "

Toàn Bài Chân Ngôn trên có thể diễn dịch là

" Quy mệnh Đức Thế Tôn DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG VƯƠNG Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Như vậy OM !

Xin Ngài hãy ban cho con thuốc diệt trừ bệnh Quả Báo, bệnh Nghiệp Ác, bệnh Kiến Tư, bệnh Trần Sa, bệnh Vô Minh để cho con mau chóng phát sinh được đạo quả Vô Thượng Bồ Đề "

18/02/2010

QUÁN ÂM LINH CẢM CHÂN NGÔN

Phục hồi và dịch nghĩa Phạn Chú: HUYỀN THANH

Án, ma ni bát di hồng
*) OṂ_ MAṆI PADME HÙṂ

Ma hát nghê nha nạp tích đô đặc ba đạt
*) MAHÀ JÑÀNA KETU SAVÀDA
Tính chất mầu nhiệm của cây phướng Đại Trí

Tích đặc ta nạp
*) KETU 'SÀNA
Ngồi dưới cây phướng này

Vi đạt rị cát
*) VIDHÀRIYA
Xa lìa sự chấp giữ

Tát nhi cán nhi tháp, bốc rị tất tháp cát
*) SARVÀRTHA PARISÀDHAYA
Tác thành tựu trong khắp các cõi

Nạp bổ ra nạp
*) NÀPÙRṆA
Không có gì không đầy đủ

Nạp bốc rị
*) NÀPARI
Không có gì có thể vượt hơn được

Thưu thắt ban nạp
*) UTTÀPANÀ
Luyện căn, tinh luyện các căn làm cho trong sạch

Nại ma lô kiết thuyết ra gia
*) NAMAḤ LOKE'SVARÀYA
Quy mệnh Đức Thế Tự Tại

Tóa ha
*) SVÀHÀ
Thành tựu công Đức nội chứng củaNgài

Toàn bài Chú trên có thể diễn dịch là :

OM MA NI BÁT MÊ HÙM là Tính Chất mầu nhiệm của cây phướng Đại Trí. Hãy ngồi dưới cây phướng ấy, xa lìa mọi sự chấp giữ mà tác thành tựu trong khắp các cõi. Hãy luyện các căn cho tinh sạch sao cho không có gì không làm đầy đủ và không có gì có thể vượt hơn được.

Con xin quy mệnh Công Đức nội chứng của Đức Thế Tự Tại. Nguyện cho con được thành tựu như Ngài

25/06/1999

THẤT PHẬT DIỆT TỘI CHÂN NGÔN

Phục hồi và dịch nghĩa Phạn Chú: HUYỀN THANH

𑖨𑖸𑖢

_ Ly bà

*) REPA

Đáng khinh, đê tiện, thấp kém, hèn hạ, dữ tợn, hung ác, tàn bạo, tàn nhẫn

𑖨𑖸𑖢𑖝𑖸

_ Ly bà đế

*) REPATE

Tình chất thấp hèn đáng khinh

𑖎𑖲𑖮

_ Cầu ha

*) KUHA

Vị chúa tể của sự giàu có phước lạc uy quyền, tức là Tài Thần KUBERA

𑖎𑖲𑖮𑖝𑖸

_ Cầu ha đế

*) KUHATE

Tính chất cao quý phước lạc

𑖝𑖿𑖨𑖡𑖰𑖝𑖸

_ Đà la ni đế

*) TRANITE

TARA : Vượt qua, băng qua, lối đi

NITE : Mang vác, điều khiển, phẩm hạnh, hướng dẫn chỉ đạo, cánh vận chuyển, thái độ hành động đứng đắn

TARA NITE viết gọn là TRANITE biểu thị cho nghĩa **Đường lối của phẩm hạnh**

𑖡𑖰𑖐𑖩 𑖨𑖰𑖝𑖸

_ Ni ha ra đế

*) NIGALA RITE

NIGALA : Nuốt thức ăn, chịu đựng, cả tin , cấu xé, phá hủy, tiêu xài hoang phí

RITE : Di chuyển qua, đi theo, vận chuyển, kiến nghị, dòng nước, đuổi theo

NIGALA RITE : Tuân theo sự hấp thụ

𑖪𑖰𑖦 𑖨𑖰𑖝𑖸

_ Tỳ lê nễ đế

*) VIMA RITE

VIMA : Ánh sáng, sự xinh đẹp, mặt trăng, sự vinh quang, ánh sáng rực rỡ

RITE : Tuân theo

VIMA RITE : Tuân theo ánh sáng rực rỡ của sự vinh quang

Toàn bài Chú trên có thể diễn dịch là **:" Mọi đường lối Phẩm hạnh của sự thấp hèn và tính chất thấp hèn đều tuân theo sự hấp thụ điều cao quý và tính chất cao quý mà vận chuyển thành ánh sáng rực rỡ vinh quang** "

Riêng Bản lưu hành của chư Tổ có ghi thêm hai câu nữa nhằm minh họa rõ tính diệt trừ tội lỗi của câu Chú trên là :



_ Ma ha già đế

*) MAHÀ GATE : Đại thú hướng, tức là lối nẻo rộng lớn



_ Chân lăng kiền đế

*) 'SÀNTIMṆ KṚTE : Tác tức tai, hành động ngăn chận tai họa



_ Toá bà ha

*) SVÀHÀ

Viên mãn Phước Trí

Hai câu này có thể diễn dịch là **:" Đây là con đường rộng lớn hay chận đứng mọi tai họa để viên mãn Phước Trí "**

VÃNG SINH TỊNH ĐỘ THẦN CHÚ

Sưu tập và dịch nghĩa Phạn Chú: HUYỀN THANH

Nam mô a di đá bà dạ
* NAMO AMITÀBHÀYA
Quy mệnh Vô Lượng Quang (A Di Đà)

Đá tha già đá dạ
* TATHÀGATÀYA
Như Lai

Đa địa dạ tha
* TADYATHÀ
Như vậy, liền nói Chú là

A di lị đô bà tỳ
* AMṚTODBHAVE (AMṚTA-UDBHAVE)
Cam Lộ hiện lên

A di lị đá tất đam bà tỳ
* AMṚTA SAṂBHAVE
Cam Lộ phát sinh

A di lị đá tỳ ca lan đá
* AMṚTA VIKRÀNTE
Cam Lộ dũng mãnh

A di lị đá tỳ ca lan đá già di nị
* AMṚTA VIKRÀNTA GAMINE
Đạt đến Cam Lộ Dũng mãnh

Già già na, chỉ đa ca lệ
* GAGANA KÌRTTI KARE
Rải đầy Hư Không

Ta bà ha
* SVÀHÀ
Thành tựu cát tường

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“ Quy mệnh A Di Đà Như Lai.Như vậy OM ! Hiện lên Cam Lộ, phát sinh Cam Lộ, Cam Lộ dũng mãnh, đạt đến Cam Lộ dũng mãnh, rải đầy Hư Không, thành tựu Cát Tường “

25/08/1997

THIỆN NỮ THIÊN CHÚ

Phục hồi và dịch nghĩa Phạn Chú: HUYỀN THANH



_ **Nam mô Phật Đà gia**
*) NAMO BUDDHÀYA
Quy y Phật



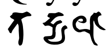
Nam mô Đạt Ma gia
*) NAMO DHARMÀYA
Quy y Pháp



Nam mô Tăng Già gia
*) NAMO SAṂGHÀYA
Quy y Tăng



Nam mô Thất lị, ma ha đề tỷ gia
*) NAMO ‘SRÌ MAHÀ DEVÀYA
Quy y Cát Tường Đại Thiên



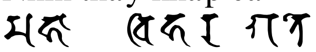
Đát nễ dã tha
*) TADYATHÀ
Như vậy, liền nói Chú là



Ba lị phú lâu na, giá lị
*) PARIPÙRṆA CALE
Lay động sự thắng mãn



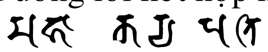
Tam mạn đà, đạt xá ni
*) SAMANTA DAR’SANI
Nhìn thấy khắp cả



Ma ha tỳ ra ha đế
*) MAHÀ VIHARA GATE
Đường lối phân ly rộng lớn



Tam mạn đà, tỳ ni già đế
*) SAMANTA VIDHÀNA GATE
Đường lối kết hợp hình thành rộng lớn



Ma ha ca lị dã ba nễ
*) MAHÀ KARYA PATI

Đại tác nghiệp Chủ

Ba ra ba nễ

*) SUPARIPÙRE

Đều khéo đầy đủ

Tát lị phạ lật tha, tam mạn đà, tu bát lê đế, phú lệ na

*) SARVÀRTHA SAMANTA SUPRATI PÙRṆA

Khắp tất cả mọi nơi khéo viên mãn tối thù thắng

A lị na, đạt ma đế

*) AYANA DHARMATE

Lý Thú Pháp Tính

Ma ha tỳ cổ tất đế

*) MAHÀ VIBHAṢITE

Tính chiếu diệu rộng lớn

Ma ha di lặc đế

*) MAHÀ MAITRE

Đại Từ

Lâu phả tăng kỳ đế

*) UPASAṂHÌTE

Gần gũi thân cận lợi ích chân chính

Hê đế tỷ

*) HE ! TITHU

Mừng thay ! Đấng ban rải yêu thương

Tăng kỳ hê đế

*) SAṂGṚHÌTE

Chân chính trì giữ lợi ích

Tam mạn đà, a tha a nậu đà la ni

*) SAMANTA ARTHA ANUPALANI

Giữ gìn lợi ích của cải cho khắp cả

Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

Quy y Phật

Quy Y Pháp

Quy y Tăng

Quy y Cát Tường Đại Thiên

Như vậy : Hỡi Đấng quyền năng hay ban bố sự viên mãn thù thắng !

Đấng chủ tể Đại Tác Nghiệp hay nhìn thấy khắp cả nẻo phân ly rộng lớn và nẻo kết hợp rộng lớn !

Hãy khéo léo làm cho tất cả đều được đầy đủ

Hãy khiến cho khắp tất cả mọi nơi đều được sự viên mãn thù thắng tối thượng

Hãy thể hiện lòng Đại Từ làm cho Lý Thú Pháp Tính phóng tỏa sáng màu nhiệm rộng lớn khiến cho con và chúng sinh được thích ứng với sự lợi ích chân chính

Mừng thay Đấng biểu hiện của lòng yêu thương

Đấng chân chính gìn giữ sự lợi ích

Hãy giúp cho con và chúng sinh đều gìn giữ được khắp mọi tài sản lợi ích

BÁT NHÃ TÂM KINH THẦN CHÚ

Sưu tập và giảng nghĩa Thần Chú: HUYỀN THANH

Bản **Bát nhã ba la mật đa Tâm Kinh** được kết thúc bằng câu Chú Nguyện:

𑖐𑖝𑖸 𑖐𑖝𑖸 𑖢𑖯𑖨𑖐𑖝𑖸 𑖢𑖯𑖨𑖭𑖽𑖐𑖝𑖸 𑖤𑖺𑖠𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

"Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bề đề, tát bà ha "

GATE GATE PÀRAGATE PÀRASAṂGATE BODHI SVÀHÀ

Câu Chú này hàm chứa đường lối thực hành Giáo Pháp giải thoát của Phật Giáo và nhấn mạnh vào lợi ích thật sự của Trí Tuệ Bát Nhã là dứt trừ tận gốc rễ sự trói buộc của phiền não khổ đau, đem lại sự an lành cho tất cả chúng sinh.Theo ý nghĩa của Từ Ngữ thì:

Yết Đế (𑖐𑖝𑖸_GATE) là **Vượt Qua**, có nghĩa là hãy vượt qua những sai lầm về Lý Trí đã do Ý Thức phát khởi lên nhiều thứ che mờ thật tại mà sinh ra sự kiêu mạn, sự nghi ngờ, sự thấy biết sai lệch của xác thân, sự hiểu biết sai Chân Lý, sự hiểu biết bởi thành kiến, tập quán, dục vọng hình thành, sự tu tập sai đường như : tuyệt thực, hành hạ xác thân, cầu trường sinh…. Do Giáo Lý Ngoại Đạo xây dựng. Nếu những ai đã cố gắng và thật sự vượt qua những mê lầm này (Diệt trừ KIẾN HOẶC) thì sẽ thấu hiểu chân lý VÔ NGÃ đồng thời nhận biết được lối đi chân chính. Giai đoạn này gọi là KIẾN ĐẠO

Yết đế (𑖐𑖝𑖸_GATE) là **vượt qua**. Khi đã thấy được lối đi chân chính thì thế lực của Tham Ái Chấp Thủ đã được giảm bớt. Tuy nhiên thế lực này đã được củng cố từ bao đời kiếp khó có thể phá vỡ hết được cho nên Hành Gỉa cần phải cố gắng chuyên chú vượt qua những sai lầm về Tình Cảm, tức là hãy vượt qua các Tâm Niệm về : Tham ái, sân hận, si mê được năm thức thân hỗ trợ khi đối đãi với năm trần cảnh. Do đó những ai nắm vững tinh thần VÔ SỞ TRỤ, VÔ SỞ CHẤP và đã học tập rèn luyện các Pháp Môn thích ứng với mình để thấm ướt năng lực giải thoát thì sẽ mau chóng vượt qua những phiền não chướng ngại này. Khi tham ái, sân hận, si mê đã bị tiêu diệt tận gốc rễ (Diệt trừ TƯ HOẶC) thì trạng thái an lạc giải thoát liền hiển hiện.

Ba la yết đế (𑖢𑖯𑖨𑖐𑖝𑖸_PÀRAGATE) LÀ **Vượt qua bờ bên kia** . Khi trạng thái an lạc giải thoát hiển hiện, tức là các Bậc Tu Hành đã thật sự xã kỷ diệt Ngã Chấp hoàn toàn để siêu hóa lý trí, chứng ngộ KHÔNG TÍNH của vạn hữu hay là biết Chuyển Y để biến Diệu Hữu thành Chân Không. Lúc này , các Bậc Tu Hành đã hoàn thiện công đức Vô Vi, mọi nợ nần của Tâm Thức đã được hoàn tất và chấm dứt sinh tử luân hồi (Dứt trừ LẬU HOẶC) Đây là trạng thái TỰ GIÁC VIÊN MÃN hay hoàn thiện Trí Tuệ Bát Nhã Bờ Bên Kia, tức là chứng ngộ Niết Bàn và là mục đích cuối cùng của hàng Nhị Thừa.

Ba la tăng yết đế (𑖢𑖯𑖨𑖭𑖽𑖐𑖝𑖸_ PÀRASAṂGATE) là **Vượt qua bờ bên kia hoàn toàn**. Đối với các Bậc Bồ Tát thì mục đích rốt ráo là chứng đắc quả vị Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác nên khi Thiện Căn chưa đầy đủ thì các Ngài không chịu chứng nhập quả vị Niết Bàn mà vận dụng Trí Tuệ Bát Nhã Bờ Cao Thượng chuyển Chân Không thành Diệu Hữu hay là rời Chân Đế hoà nhập cùng Thế Tục

Đế thi hành hạnh nguyện cao cả qua việc hóa độ chúng sinh để hoàn thiện Phước Báo Hữu Vi.Khi công hạnh Giác Tha đã viên mãn thì Vị Bồ Tát Nhất Sinh Bổ Xứ sẽ lâm phàm kiếp chót để hoàn chỉnh GIÁC HẠNH VIÊN MÃN, tức là hoàn thiện Phật Trí và chứng nhận quả vị Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác (Dứt trừ VÔ MINH HOẶC)

Bồ đề (𑖤𑖺𑖠𑖰_ BODHI) là **Giác ngộ, Giác Tuệ, Phật Trí**

Tát bà ha (𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 _ SVÀHÀ) là **Đem lại sự an lành phước tuệ cho tất cả chúng sinh**

Như vậy toàn bộ câu chú nguyện GATE GATE PÀRAGATE PÀRASAMGATE BODHI SVÀHÀ có thể diễn dịch là :

“ Vượt qua Kiến Hoặc, vượt qua Tư Hoặc, dứt trừ Lậu Hoặc, dứt trừ Vô Minh Hoặc, chứng đắc Phật Trí, đem lại sự an lành cho tất cả chúng sinh “

20/07/1985



ĐẠI BẠCH TẢN CÁI HỘ QUỐC TỨC TAI PHÁP HỘI NIỆM TỤNG NGHI QUỸ

Tạng Hán: Tây Khang Nặc Na Hô Đồ Khắc Đồ truyền thụ
Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH

1) TỨ QUY Y CHÂN NGÔN
_ NAMO GURUBHYAḤ
NAMO BUDDHAYA
NAMO DHARMAYA
NAMO SAÑGHAYA
Tụng 7 biến, hoặc 21 biến, hoặc 108 biến
2)

Hồng_ Kim Cương Đỉnh Kế đại Quýnh Già Mẫu, Cụ Thiên Thủ Thánh Mẫu, Thiên Diện Thánh Mẫu, Bách Thiên Vạn Nhãn Thánh Mẫu, Bất Nhị Xí Nhiên Cụ Chủng Tướng Kim Cương Khoan Quảng Đại Bạch Mẫu, Chủ Tể Tam Giới Trùng Vi Mẫu

Tương ngã dữ nhất thiết chúng sinh,vô tướng chi ma hữu tướng chi ma,tha nhất thiết quân binh đẳng, sở lai phương hại giả, hộ trì hộ trì (3 biến hoặc 7 biến)

3) ĐẠI BẠCH TẢN CÁI CHÚ THIẾT YẾU:
(Thiết yếu này là sự hợp thành của 3 chú. Như có thể tụng hết ắt cực tốt. Nếu chẳng có thể tụng hết thì lựa chọn 1 trong 3 chú này, đoan chính tâm trì tụng thì công đức cũng tương đồng)

a) OṂ ASITA ANALÀRKA PRABHA SPUṬA VIKA (? SPHUṬA VIKACA) **SITÀTAPATRE**

OṂ _ JVALA JVALA _ KHÀDA KHÀDA _ HANA HANA _DAHA DAHA_ DARA DARA _ VIDARA VIDARA _ CCHINDA CCHINDA _ BHINDA BHINDA _ HÙṂ HÙṂ _ PHAṬ PHAṬ _ SVÀHÀ

b) TADYATHÀ: OṂ ANALE ANALE _ KHASAME KHASAME _VAIRE VAIRE _ SOME SOME _ ‘SANTE ‘SANTE_ DÀNTE DÀNTE _ VIṢADE VIṢADE_ VÌRE VÌRE _ DEVI VAJR DHÀRI_ BANDHA BANDHANI _VAJRAPÀṆI PHAṬ

OṂ_ HÙṂ HÙṂ ṬRUṂ ṢṬOṂ PHAṬ SVÀHÀ . HÙṂ ṬRUṂ BANDHA PHAṬ VATAGALA ‘SRUTA SA’SIG SVÀHÀ

OṂ _ VAJRAPÀṆI BANDHA BANDHA PASINA MAMA _SARVA DUṢṬOṂ VINÀYAKA _ HÙṂ HÙṂ_ PHAṬ PHAṬ _ SVÀHÀ

c) OṂ_ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRE HÙṂ PHAṬ HÙṂ MAMA HÙṂ NI SVÀHÀ

Chú này có uy lực rất lớn, hay khiến cho cừu địch tự lùi tránh, thảy đều hàng phục tất cả Thiên Ma Ngoại đạo,hủy nát tất cả Cấm ngữ, ngoại trừ hạn kỳ của tuổi thọ đã đến, chỉ có thọ mệnh đã hết thì Đức Phật chẳng có thể vãn hồi.

Phàm trì chú này có thể trừ nguy hại,lại lao ngục xiềng xích chẳng thể xâm phạm đến. Hồn mộng chẳng an, thấy nghe chẳng tỏ,võng lượng (Ma Quỷ) hiện hình đều có thể ngầm tiêu tan.Tai ách của đao binh, nước, lửa, Tinh Tú biến đổi, đói khát, các chứng cùi hủi, kinh phong, trúng độc, lãng quên với 84000 ách nạn. Quyết định hay được mặt trời, mặt trăng, Tinh Đẩu (các vì Sao) vui vẻ hộ trì mà giáng cát tường

Nếu hay viết thọ trì đọc tụng hoặc cúng dường, đeo mang nguyên văn Chú này thì công đức như nhau. Sau khi chết chẳng bị đọa vào 6 nẻo,vãng sinh về Cực Lạc

4) ĐẠI BẠCH TẢN CÁI KIÊN GIÁP CHÚ:

♦ **HÙMỊ MAMA HÙMỊ NI SVÀHA**

Câu chú này với Pháp Bí Mật của Đại Mật Tông có công năng trấn hộ quốc gia, đẩy lùi giặc mạnh, ngưng tai giải nạn, là Chí Bảo dùng bảo vệ đất nước

Nay nước Ta (Trung Hoa) bị nạn biến loạn của nước ngoài không biết mất nước lúc nào. Thượng Sư TÂY KHANG NẶC NA HÔ ĐỒ KHẮC ĐỒ thương cho đất nước lâm vào cảnh gian nan,tưởng Tâm vận rộng đặc biệt truyền chú này và dặn phải lưu truyền rộng rãi để cứu quốc gia khỏi cảnh nguy vong

Thượng Sư nói rằng: "Nếu có thiện nam thiện nữ phát tâm tu trì chú này, ngoài những lúc thường trì với lúc tùy ý niệm. Nếu vì bảo vệ quốc gia làm ngưng tai nạn thảy nên cắt đứt tất cả niệm ác (xâm lăng, ăn trộm...dùng pháp này chẳng những vô hiệu mà còn bị nghiệp tội Vô Gián) phát tâm Đại Bồ Đề hộ trì cứu độ tất cả chúng sinh và chân thành Trai Giới, tắm gội xây dựng pháp hội ĐẠI BẠCH TẢN CÁI (Pháp hội chẳng hạn định số người, chỉ 1 người tu trì cũng được, nhiều người lại càng tốt. Từ ngày mồng một trải qua 1 ngày, 7 ngày, 21 ngày, 49 ngày đều được)

Xây dựng đàn tràngĐẠI BẠCH TẢN CÁI PHẬT MẪU làm cúng dường rộng lớn.liền tác niệm này: "**Nay tôi vì quốc gia làm ngưng tai nạn,Nguyện cho tất cả chúng sinh đều lìa biển khổ được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề**". Quán tưởng Đại Bạch Tản Cái giáng lâm Đạo Trường,chân thành Tam Quy Y. Sau đó dùng Chu Sa viết chép Chú này ở trên phướng màu vàng (1 mặt hoặc nhiều mặt cũng được). Mỗi ngày y theo thời vào Đàn tu Pháp chẳng được gián đoạn.Trước hết trì tụng ĐẠI BẠCH TẢN CÁI THIẾT YẾU mãn 10 vạn biến, kế đó trì KIÊN GIÁP CHÚ này cũng mãn 100 vạn biến.Lúc niệm tụng, tưởng Tâm Ấn chữ ÁN (_OṂ) của ĐẠI BẠCH TẢN CÁI PHẬT MẪU tuôn ra ánh sáng lớn chiếu trên cờ phướng. Phướng này phóng ra ánh sáng phản chiếu tức thời biến thành ĐẠI BẠCH TẢN CÁI HỘ QUỐC KIÊN GIÁP THOÁI ĐỊCH THẦN PHAN tai địch thảy đều tiêu diệt. Sau khi làm xong, liền đem cây phướng này cúng ở trên Phật Đàn hoặc chia ra,

rải cắm trên các đất đạo trường cúng dường. Khi thình lình cần đến, gặp lúc địch đánh liền ở trận địa giương cờ theo gió thổi về phía địch. Ắt ở vùng lân cận,vùng cao sát bên,đem treo phướng này đồng thời chân thành trì Chú này cầu xin Đức Phật Mẫu từ bi gia bị cứu hộ tất cả chúng sinh (Lúc giương cờ thì theo gió thổi về phía địch là tốt nhất. Như gió thổi cả hai bên hoặc không có gió cũng được. Như gió thổi về phía mình ắt bày vật nâng cao lên để tránh ngộ sự,có thể trì chú là xong). Sau khi giương cờ hoặc như hướng gió biến chuyển cũng nên giữ gìn nơi treo, giương cờ phát dương chú lực tràn khắp Pháp Giới. Như tu trì Pháp này sẽ có Đại uy thần lực chẳng thể tư nghị khiến cho địch tự sợ hãi mà thoái lui vậy.

02 / 11/ 1998

CHƯ MÔN PHỔ TRUYỀN CHÂN NGÔN TẬP

Tạng-Hán: Tây Khang NẶC NA HÔ ĐỒ KHẮC ĐỒ truyền thụ.
Đệ tử là: NGÔ NHUẬN GIANG biên thuật
Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH

CÔNG ĐỨC CỦA CHÂN NGÔN

Chân ngôn là Tâm Ấn thuộc âm thanh của Tâm Phật, Bồ Tát dùng để phổ độ chúng sinh, nói cứu cánh ấy liền tương đồng với công đức của tất cả Chân Ngôn. Lại vì nhân duyên tức căn cơ của vạn loại chúng sinh đều khác nhau. Do vậy Đức Thế Tôn nói 8 Vạn 4 ngàn môn Đà La Ni. Hai giáo **Hiển Mật** đều ở một nửa, dùng uy dùng đức, khắc cương khắc nhu không có gì không dựa theo Căn khí chẳng đồng của chúng sinh mà tùy bệnh cho thuốc.

Trong kinh ĐẠI BẠCH TẢN CÁI ĐÀ LA NI có 4 đoạn của Đại chú, phần cuối cùng lại chia làm 5 đoạn Tiểu Chú. Công đức của Chú ấy trong kinh đã ghi rõ ràng nhưng công đức của Tiểu chú thì trong kinh còn chưa nói đủ, riêng tôi cẩn trọng nói là***: "Vâng theo Thượng Sư NẶC NA HÔ ĐỒ KHẮC ĐỒ đối với công đức của Tiểu chú này mà khai thị, ghi thuật khái yếu ấy, biên thêm các Chân ngôn cũng đều vâng theo Thượng Sư đem công đức ấy ghi vào khiến cho hành giả có mọi thắc mắc đều thoả mãn cả".***

1) ĐẠI BẠCH TẢN CÁI PHẪN NỘ KIM CƯƠNG KHIỂN MA ỦNG HỘ CHÚ:

♦ **TADYATHÀ: OṂ ṢṬOṂ BANDHA BANDHA MAMA RAKṢA RAKṢA SVÀHÀ.**

OṂ ṢṬOṂ BANDHA BANDHA VAJRA MAMA RAKṢA RAKṢA VAJRAPÀṆI HÙṂ PHAṬ SVÀHÀ.

Thường trì Chú này, hay sai khiến tất cả Tà Ma, ủng hộ hành giả, miễn trừ nguy hiểm với mọi thứ tai nạn

2) ĐẠI BẠCH TẢN CÁI THƯỜNG HẰNG TRÌ TÂM CHÚ:

♦ **OṂ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA ANALE AVALOKITEC URṆATE JVARASÌ. OṂ JVALA JVALA , DHAKA DHAKA, DARA DARA, VIDARA VIDARA, CCHINDHA CCHINDHA, BHINDHA BHINDHA, HÙṂ HÙṂ PHAṬ PHAṬ SVÀHÀ**

Chú này hay tổng quát tất cả công đức của kinh Đại Bạch Tản Cái. Hành giả thường trì Chú này là phương tiện tốt nhất thành Pháp Bảo duy nhất của Pháp tu

3) ĐẠI BẠCH TẢN CÁI TĂNG TRƯỞNG THÂN (thể xác)THÂN (gần gũi) TÂM CHÚ:

♦ **OṂ SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA HÙṂ PHAṬ SVÀHÀ.**

Chú này hay tăng trưởng thọ mệnh và Phước Huệ khiến cho người kính yêu, mọi sự mong cầu như ý

4) ĐẠI BẠCH TẢN CÁI NHIẾP THỌ CHÚ:

♦ **TADYATHÀ:OṂ ANALE ANALE , KHASAMI KHASAMI , VAIRE VAIRE, SOME SOME , SARVA BUDDHA ADHIṢṬHANA ADHIṢṬHATE, SARVA TATHÀGATOṢṆÌṢA SITÀTAPATRE HÙṂ PHAṬ .**

Hành giả thường trì Chú này, tất cả Như Lai phóng ánh sáng nhiếp thụ. Sau khi chết vãng sinh về Cực Lạc. Lại trì Chú này cứu độ người chết, công năng rất lớn.

5) ĐẠI BẠCH TẢN CÁI KIÊN GIÁP CHÚ:

♦ **HÙṂ MAMA HÙṂ NI SVÀHÀ.**

Chú này với Pháp bí mật của Đại Mật Tông có công năng trấn hộ quốc gia,đẩy lùi giặc mạnh, ngưng giải tai nạn,là Chí Bảo dùng bảo vệ đất nước.

Dùng 5 Tiểu Chú trên đều đầy đủ tất cả Công Đức của kinh Đại Bạch Tản Cái và Công Đức của 4 đoạn thuộc Đại Chú không khác. Hành giả tùy chọn 1 Chú mà thọ trì thì Công Đức lúc trước chẳng thể luận bàn được.

6) LĂNG NGHIÊM TÂM CHÚ:

♦ **TADYATHÀ:OṂ ANALE ANALE , VI'SUDDHE VI'SUDDHE, VIRE VIRE, SOME SOME, VAJRA DHÀRIṆI, CCHINDHA CCHINDHA, BHINDHA BHINDHA, VAJRAPÀṆI HÙṂ PHAṬ SVÀHÀ**

HÙṂ ṬRÙṂ BANDHA PHAṬ SVÀHÀ

Công Đức của Chú này tương đồng với Đại Bạch Tản Cái Chú như kinh Đại Bạch Tản Cái và kinh Lăng Nghiêm đã nói.

7) A DI ĐÀ PHẬT VÃNG SINH TÂM CHÚ

♦ **OṂ PADMA DHARI HÙṂ**

Trì chú này hay tiêu trừ tất cả nghiệp chướng,vãng sinh về Thế giới Cực Lạc và hay siêu độ tất cả vong linh được sinh Tĩnh Thổ.

8) A DI ĐÀ PHẬT VÃNG SINH CHÚ:

♦ **NAMO BHAGAVATE AMITABHÀYA TATHÀGATAYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA**

TADYATHÀ: OṂ AMITE, AMITODBHAVE, AMITA SAMBHAVE, AMITA VIKRÀNTE , AMITA GAMINI , GAGANA KIRTI KARE, SARVA KLE'SA KṢAYAṂ KARI SVÀHÀ.

Chân thành siêng năng niệm Chú này có Công Đức như sau :

1) Đức Phật A Di Đà thường trụ trên đỉnh đầu, ngày đêm ủng hộ, oan gia chẳng có thể làm hại - Đời này an ổn, sau khi chết tùy ý mà vãng sinh .

2) Hay tiêu tai, diệt tội, tăng phước, diên thọ

3) Hay siêu độ tất cả vong linh vãng sinh về thế giới Cực Lạc

4) Hay khiến cho ta, người lúc đi đường lỡ đạp chết động vật thì chúng được siêu sinh.

5) Hay khiến cho người bình thường chẳng đoạn Huân (Tam yếm, ngũ tân) Trước khi ăn, tụng Chân Ngôn này 7 biến tức các động vật bị ăn đều được siêu độ .

6) Hay khiến cho động vật được phóng sinh kia, ngày sau đều được thành Phật .

9) A DI ĐÀ PHẬT TÂM CHÚ

♦ **OṂ ÀḤ HRÌḤ HÙṂ**

Chú này là Chân Ngôn Minh 4 chữ của tất cả chư Phật ở 4 phương - Trì Chú này thì tất cả 4 phương chư phật đều giáng lâm đạo trường ủng hộ hành giả. Công đức ấy tương đồng với Chú Vãng Sinh .

10) LỤC TỰ ĐẠI MINH CHÚ:

♦ **OṂ MAṆI PADME HÙṂ**

Đây là Tâm Chú căn bản của Quán Thế Âm Bồ Tát, hay mở tất cả Trí Tuệ,hay độ chúng sinh trong 6 nẻo, hay thành Đại Bồ Đề, hay cứu khổ cứu nạn, hay lợi ích cho tất cả hữu tình, hay giáng ma trị bệnh, hay khiến cho tất cả chúng sinh đều đầy đủ thức ăn quần áo, tiền tài, vật báu, mọi việc mong cầu đều như ý. Công Đức ích lợi vô biên đầy đủ như kinh Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương đã nói.

11) ĐẠI BI TÂM CHÚ:

♦ **NAMO RATNATRAYÀYA**

NAMO BHAGAVATE MAHÀ KARUṆIKÀYA VAJRASARA PRAMARBHAṆI (?PRAMARTHAṆI) **TATHÀGATAYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA**

TADTATHÀ: OṂ DHARA DHARA, DHIRI DHIRI, DHURU DHURU, IṆTE VAṆTE (? ITI VATI) **CALE CALE , PRACALE PRACALE_ SARVA KLE'SA SARVA KARMA ÀVARANAṆI , 'SUDDHE 'SUDDHE, VI'SUDDHE VI'SUDDHE , GAGANA SVABHÀVA VI'SUDDHE SVÀHÀ.**

Chú này hay trị bệnh khổ với tất cả tai nạn, hay độ chúng sinh đã chết. Công Đức Chú này tương đồng với Chú Vãng Sinh, Lục Tự Đại Minh, Chú Lục Độ Mẫu.

12) TRƯỜNG THỌ PHẬT CHÚ:

(ND: Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang minh Vương Đà La Ni).

♦ **OṂ NAMA BHAGAVATE APARIMITA ÀYURJÑÀNA SUVINE 'SCIDAHEJO** (? SUVINE 'SCITA TEJA) **RÀJAYA TATHÀGATAYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA**

TADYATHÀ: OṂ PÙṆYE PÙṆYE MAHÀ PÙṆYE , APARIMITA PÙṆYE APARIMITE PÙṆYE , JÑÀNA SAMBHÀROPA CITTE

OṂ SARVA SAṂSKÀRA PARI'SUDDHA DHARMATE GAGANA SAMUDGATE SVABHÀVA VI'SUDDHE MAHÀ NAYA PARIVERE SVÀHÀ.

Trì Chú này hay tăng trưởng thọ mệnh và Phước Tuệ, tiêu trừ tất cả tội nghiệp từ vô thủy đến nay. Sau khi chết vãng sinh về Tây Phương.

13) TRƯỜNG THỌ PHẬT TÂM CHÚ:

♦ **OṂ AMARANI JIVANA TEJE SVÀHÀ.**

Công Đức Chú này cũng tương đương Đại Chú.

14) LỤC ĐẠO KIM CƯƠNG CHÚ:

♦ **AḤ AḤ 'SAḤ SAḤ MAḤ HAḤ .**

15) ĐẠI MẬT TÔNG CĂN BẢN CHÚ:

♦ **MAMA KOLID SAMANTAḤ**

Công Đức của 2 Chú này tương đồng, chuyển độ chúng sinh trong 6 nẻo khiến cho họ thành Phật. Chân Ngôn 1 lần đi qua lỗ tai liền hay tiêu trừ nghiệp đời trước.Nếu người cần thành niệm tụng sẽ ngộ Vô Sinh Nhẫn.Lại Công Đức độ vong của Chú này rất lớn,nếu trải qua chân thành niệm tụng mãn 10 vạn biến làm căn bản,tức vào lúc độ vong niệm tụng 7 biến thì chúng sinh trong 6 nẻo được độ ngay lập tức vãng sinh về Cực Lạc. Lại trì Chú này nhiều biến gia trì vào đất cát, rải lên mộ người chết, nếu vong linh đã đọa vào 3 nẻo ác cũng có thể tiêu trừ tội chướng vãng sinh về Thế giới Cực Lạc,thấy Phật nghe Pháp.

16) KIM CƯƠNG TÁT ĐOẢ TÂM CHÚ:

♦ **OṂ VAJRASATVA HÙṂ AḤ**

Thường trì Chú này,hay tiêu trừ tội nghiệp từ vô thủy đến nay,tăng trưởng vô biên Phước Tuệ,sau khi chết vãng sinh về Tây Phương.

17) A DI ĐÀ PHẬT NHẤT TỰ TÂM CHÚ;

♦ **OṂ AMIDHEVA HRÌḤ**

Chú này là Tâm Ấn của Phật A Di Đà.Nếu người trì Nhất Tự Chân Ngôn nàysẽ hay trừ tai họa trị bệnh.Sau khi chết vãng sinh về Thế giới Cực Lạc được Thượng Phẩm Thượng Sinh.

18) HOÀNG VĂN THÙ BỒ TÁT TÂM CHÚ:

♦ **OṂ VAG I'SVARI MUṂ** (? MAṂ)

Công Đức của Chú này hay phát khai Trí Tuệ,kiên cố ký ức.

19) KIM CƯƠNG THỦ BỒ TÁT TÂM CHÚ:

♦ **OṂ VAJRAPÀṆI HÙṂ**

Công Đức của Chú này hay giáng Ma trừ chướng, miễn trừ nguy hiểm.

20) LIÊN HOA SINH ĐẠI SĨ TÂM CHÚ:

♦ **OṂ PADMA VAJRA HÙṂ**

Thọ trì Chân Ngôn này hay tiêu tai diên thọ,tăng trưởng Phước Tuệ,mọi việc mong cầu như ý.sau khi chết vãng sinh về Cực Lạc,hoặc tùy nguyện vãng sinh vào Thế giới của Đại Sĩ.

21) A SÚC PHẬT TÂM CHÚ:

♦ **NAMO BHAGAVATE AKṢOBHYÀYA SVÀHÀ.**

Bản Tôn được xưng là Đông Phương Bất Động Phật, cũng xưng là Cứu Độ Tam Tế Phật. Bản Tôn đối với việc cứu tế chúng sinh trong 3 nẻo ác có Bi Nguyện rất thâm sâu. Đối với sự siêu độ vong linh thì phá các khổ của Địa Ngục, Ngạ Quỷ (Quỷ đói), Súc Sinh mà làm Tôn Chủ duy nhất cho nên lúc độ vong, trì tụng Chú này thì Công Đức cực lớn.

22) DƯỢC SƯ PHẬT CHÚ:

♦ **OṂ NAMO BHAGAVATE BHAIṢAJYA GURU VAITURYA PRABHARÀJAYA TATHÀGATAYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA**

TADYATHÀ:OṂ BHAIṢAJYE BHAIṢAJYE MAHÀ BHAIṢAJYA RÀYA (RÀJA) **SAMUDGATE SVÀHÀ**

Công Đức của Chú này chuyên trừ bệnh khổ, tăng thọ mệnh, miễn mưa đá, hay tiêu trừ tất cả tai nghiệp.sau khi chết vãng sinh về Thế giới Thanh Tịnh Lưu Ly, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, thẳng đến thành Phật.

23) DƯỢC SƯ PHẬT TÂM CHÚ:

(Dược Sư Tâm Chú gia trì vào dược vật là pháp trị bệnh).

♦ **TADYATHÀ: OṂ BHAIṢAJYE BHAIṢAJYE MAHÀ BHAIṢAJYA RÀYA** (? RÀJA) **SAMUDGATE SVÀHÀ**.

Đức Phật Dược Sư có đầy đủ 32 tướng, thân khoác áo Cà Sa,tướng mạo giống như Đức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Tay trái kết Định Ấn ôm cái bát, trong bát đựng đầy nước Cam Lộ để trị bệnh. Tay phải cầm quả HA TỬ dùng giáng 3 độc (Hình dạng giống như Thanh Quả ở Tây Tạng) và duỗi tay ra đặt trên đầu gối.

Phàm trị bệnh tầm thường, lấy Dược Phẩm hoặc nước sạch,hoặc thực vật như quả Trám,Thanh quả, Hồng Táo,trà gạo.....một hai thứ chân thành tụng DƯỢC SƯ PHẬT TÂM CHÚ 1080 biến, quán tưởng Đức Phật Dược Sư giáng lâm Đàn Trường. Do Ấn của chữ HỒNG (𑖮𑖳𑖽: HÙṂ) phóng ra ánh sáng chiếu soi các Dược Vật. Gia trì như vậy xong, uống vào liền khỏi bệnh.

Như trị các chứng ác hiểm,cố tật cho đến bệnh câm,điếc,tất cả bệnh khó trị.Nên lấy dược vật đặt trong cái bình sạch, lấy giấy viết chữ HỒNG (𑖮𑖳𑖽: HÙṂ) xếp thành hình vuông, bọc giấy luạ màu hồng, lấy sợi tơ màu hồng cột lại rồi đặt lên trên Dược Vật, đầu giây để thừa một chút bỏ ở ngoài cái bình, miệng bình đậy

bằng luạ màu Hồng Hoàng (Vàng hồng), dùng chỉ màu hồng lục cột cuồn rồi đem cái bình đó cúng ở tịnh thất.Vào Đàn đốt hương lễ Phật,tay phải đặt ở vành ngoài cái bình.Chân thành tụng Dược Sư Tâm Chú, quán tưởng Đức Phật Dược Sư giáng lâm Đàn Trường.

Trước hết từ chữ HỒNG (ཧཱུྃ) ở trong bình phóng ra ánh sáng cúng dường Đức Phật Dược Sư. Tiếp theo, từ chữ Hồng (ཧཱུྃ) của Dược Sư Phật Tâm Ấn phóng ra ánh sáng cúng dường 10 phương Phật. 10 phương Phật cũng đều phóng ra ánh sáng tương ứng.Hai luồng ánh sáng gặp nhau,hỗn hợp thành một. 10 phương Phật thảy đều biến thành Đức Phật Dược Sư. Tất cả chúng sinh ở 6 nẻo cuả 10 phương với Ta gặp Công Đức của ánh quang minh này thảy đều tiêu diệt tội nghiệp,khỏi hết bệnh tật,hết thảy biến thành Đức Phật Dược Sư,thảy đều tụng Dược Sư Phật Chân Ngôn. Như vậy một lúc,tưởng ánh sáng này quay trở lại nhập vào Duợc Sư Phật Tâm Ấn tức chữ Hồng (ཧཱུྃ) với chữ Hồng trong bình. Lúc này, tất cả Công Đức của Dược Sư đều tụ ở trong cái bình. Thuốc trong bình đều biến thành Cam Lộ.Tất cả bệnh tật đều có thể trị lành. Ở đấy, dứt tuyệt ngoại duyên, chân thành trì tụng dược Sư Phật Tâm Chú và phát Tâm Đại Bồ Đề cứu độ bệnh khổ của tất cả chúng sinh.Mỗi lần trì tụng nên đủ 1080 biến, nhiều hơn càng tốt. Cứ như thế: 7 ngày, 21 ngày, hoặc 49 ngày. Mỗi ngày tu Pháp, 1 Đàn, 2 Đàn, 3 Đàn đều được. Đợi đến mãn kỳ, đem ra dùng ắt không có bệnh gì không trừ ngay được. Như chuyên tu Pháp này dùng làm thời khoá thì công hiệu càng lớn.

24) MIỄN HẠI ĐIẠ THƯỢNG ĐỘNG VẬT CHÚ;

♦ OṂ GAVIRAGAṂ SVÀHÀ

Ta và người khi đi đứng, mỗi lần đều sát hại chúng sinh trên mặt đất.Tụng Chân Ngôn này 21 biến thì khi đi, các chúng sinh bị làm thương hại trong lúc vô ý thảy đều được siêu độ. Lại thấy người khác đạp chết động vật, trì Chân Ngôn này 21 biến làm Pháp Hồi Hướng thì chúng sinh ấy cũng được siêu độ.

Lại do hoàn cảnh quan hệ chẳng có thể đoạn Huân, hoặc thấy người khác ăn Huân, hoặc vật chẳng nên ăn.Trì tụng Chú này liền đem sinh mệnh của vật Huân độ cho chúng vãng sinh về Thế giới Cực Lạc.

25) LỤC ĐỘ MẪU CHÚ:

♦ OṂ TÀRE TUTTARE (?TUTTÀRE) **TURE SVÀHÀ.**

Bản Tôn tức Đa La Quán Tự Tại Bồ Tát cũng xưng là Lục Cứu Độ Phật Mẫu, tức Nam Hải Phổ Đà Sơn Quán Thế Âm Bồ Tát.

Thường siêng năng tụng Chú này hay cắt đứt gốc rễ Luân Hồi, miễn trừ tất cả Ma Chướng, ôn dịch, bệnh khổ. Tiêu trừ tất cả tai nạn về nước, lửa, đao binh, trộm cướp....và hay tăng trưởng thọ mệnh với Phước Tuệ.

Phàm có sự mong cầu thì không gì không như nguyện.Thành tâm phụng trì thì linh ứng đến liền như âm dội của tiếng vang. Công Đức ấy rộng lớn,thật khó mà thuật hết được.

26) SƯ TỬ HỐNG QUÁN ÂM CĂN BẢN CHÚ:

♦ **NAMO RATNATRAYÀYA**

NAMO ÀRYA AVALOKITE'SVARAYA BODHISATVÀYA MAHÀSATVÀYA MAHÀ KARUṆIKÀYA.

TADYATHÀ:OṂ AKAṬE VIKAṬE NIKAṬE KATAṂKAṬE KAROṬE KAROKAṂTE VERYAI SVÀHÀ.

27) SƯ TỬ HỐNG QUÁN ÂM TÂM CHÚ:

♦ **OṂ AḤ HRÌ SIṂHA NADA HÙṂ BRUṂ AṂ JREṂ KHAṂ HÙṂ OṂ AḤ HÙṂ .**

Công Đức của 2 Chú này hay trị tất cả bệnh tật cũng hay trị Long Vương, Thổ Thần....các loại bệnh tật khó trị như chứng bệnh hủi. Chân thành niệm Chân Ngôn này mãn 10 vạn biến thì không có bênh gì không trừ hết được. Xong Chú này có uy lực cực lớn,chỉ hay mặc niệm chẳng thể cao giọng. Lại ở bên cạnh giòng nước với sông,biển đều chẳng thể niệm vì sợ làm kinh động đến Long Vương, nhiễu não chúng sinh. Người trì hãy cẩn thận.

28) NHẤT THIẾT PHẬT TÂM TRUNG TÂM CHÚ:

♦ **NAMA SARVA TATHÀGATÀ HRÌDAYA ANUGATE OṂ KURUṂGINI SVÀHÀ.**

Chú này tụ Công Đức của tất cả Phật, hay tiêu trừ tội nghiệp, thành tựu Nhất Thiết Chủng Trí.

29) ĐẠI BẢO LÂU CÁC TÂM CHÚ:

♦ **OṂ MAṆI VAJRA HÙṂ**

30) ĐẠI BẢO LÂU CÁC TÙY TÂM CHÚ:

♦ **OṂ MAṆI DARE** (? MAṆIDHÀRE) **HÙṂ PHAṬ**

Tụng Tâm Chú này 20 vạn biến liền thấy tất cả cõi Phật,tiêu trừ tất cả tội nghiệp, lại hay siêu độ chúng sinh trong 3 nẻo ác,vãng sinh về Cực Lạc.

31) BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA CHÚ:

♦ **TADYATHÀ: OṂ GATE GATE PÀRAGATE PÀRASAṂGATE BODHI SVÀHÀ.**

Đây là Tâm Chú của Bát Nhã Đại Phật Mẫu,hay đoạn tất cả phiền não sinh Đại Trí Tuệ. Lại hay siêu độ tất cả chúng sinh vãng sinh về Cực Lạc.

32) NGŨ PHƯƠNG PHẬT TÂM CHÚ:

a) TỲ LÔ PHẬT TÂM CHÚ:

♦ **OṂ ÀḤ JINAJIK OṂ HÙṂ .**

b) A XÚC PHẬT TÂM CHÚ:

♦ **OṂ ÀḤ VAJRA DHRIK HÙṂ HÙṂ .**

c) BẢO SINH PHẬT TÂM CHÚ:

♦ **OṂ ÀḤ RATNA DHRIK SVÀ HÙṂ .**

d) A DI ĐÀ PHẬT TÂM CHÚ:

♦ **OṂ ÀḤ AROLIK A HÙṂ .**

e) BẤT KHÔNG THÀNH TỰU TÂM CHÚ:

♦ **OṂ ÀḤ PRAJÑA DHRIK HÀ HÙṂ .**

Tâm Chú của 5 vị Phật này có đủ Công Đức của tất cả Phật,hay thành tựu tất cả sự nghiệp, Nhất Thiết Chủng Trí. Sự to lớn vô biên ấy không thể nói hết.

33) LIÊN HOA SINH ĐẠI SĨ CHÚ:

♦ **OṂ ÀḤ HÙṂ VAJRAGURU PADMA SIDDHI HÙṂ .**

Công Đức tương đồng với Liên Hoa Sinh Đại sĩ Tâm chú. Người trì Chú vui nhiều vui ít tùy ý lựa chọn một chú để trì tụng.

34) TIÊU TAI CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ:

(Đại Hỏa Luân Kim Cương Chú).

♦ **NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNAṂ APRATIHATA'SASANÀNAṂ**

OṂ KHAKHA, KHAHI KHAHI, HÙṂ HÙṂ, JVALA JVALA, PRAJVALA PRAJVALA, TIṢṬHA TIṢṬHA , PHAṬ PHAṬ SARVA DURANIMITTA DURASVAPAṂ 'SINTUṂ KURU (? 'SÀNTIṂ KURU) **SVÀHÀ**.

Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai nói: "Quá khứ **Sa La Vương Phật** có **Đại Phật Đỉnh Xí Thịnh Quang Tiêu Tai Cát Tường Chân Ngôn**. Nếu có quốc vương,đại thần với các quyến thuộc,tất cả dân chúng hoặc bị 5 vì sao La Hầu,Kế Đô,Tuệ Bột (sao Chổi) ....yêu quái, ác Tinh lấn hiếp Đế Tọa. Nơi đất nước nơi nhà ở, nơi trống vắng, nơi cung thất sở thuộc, tai nạn tranh nhau khởi.hoặc Trấn Tinh lấn hiếp tạo các chướng nạn. Thường ở nơi thanh tịnh,xây dựng Đạo Trường tụng Chân Ngôn này 108 biến hoặc 1000 biến. Như 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày cho đến 7 ngày, chí tâm trì tụng thì tất cà tai nạn thảy đều tiêu diệt chẳng có thể làm hại.

35) BẠCH ĐỘ MẪU CHÚ:

♦ **OṂ TÀRE TUTTÀRE TURE _ MAMA ÀYU** (? ÀYUḤ) **PUṆYE JÑÀNA PUṢṬIṂ KURU SVÀHÀ.**

Chú này tăng trưởng thọ mệnh,miễn trừ tất cả hung tai, Công Đức tương đồng với Lục Độ Mẫu Chú

36) THẬP TAM LUÂN KIM CƯƠNG CĂN BẢN CHÚ:

♦ **OṂ VAJRAPAṆI CAṆḌA MAHÀ ROṢANA HÙṂ PHAṬ .**

OṂ_ DHURU CAKRA (1) JAYA JAYACAKRA (2) HANA HANA CAKRA (3) BHURU BHURU CAKRA (4) BHRAMARA BHRAMARA CAKRA (5) BHIDÀ MAṆI CAKRA (6) JALA JALA CAKRA (7) SAMBHAVE GAGANAYA SARA CAKRA (8) SÀLAYA SÀLAYA CAKRA (9) NÀGA'SAYA NAGA'SAYA CAKRA (10) VAṂ VAṂ CAKRA (11)

HÙM HÙM PHAṬ PHAṬ SAMANTA GARA CAKRA (12) TAMTI CAKRA (13) HÙM PHAṬ .

Chú này hay ngưng tai nạn,đẩy lui địch.Công năng tương đồng với Chú Lăng Nghiêm, Chú Tiêu Tai Cát Tường.

37) ĐẠI PHẪN NỘ KIM CƯƠNG TÂM CHÚ:

♦ **OṂ VAJRA KÌLA KÌLAYA SARVA VIGHNAṂ VAṂ HÙṂ PHAṬ JAḤ HÙṂ AḤ .**

Thường trì Chú này hay giáng Ma, Tức Tai. Là Pháp Môn duy nhất để miễn trừ oán nạn.

38) A XÚC NHƯ LAI TỊNH TRỪ NGHIỆP CHƯỚNG CHÚ:

♦ **NAMO RATNATRAYÀYA**

OṂ KAṂKANI KAṂKANI, ROCANI ROCANI, TROṬANI TROṬANI, TRÀSANI TRÀSANI, PRATIHANA PRATIHANA, SARVA KARMA PARAṂ PARAṆI ME SARVA SATVA NÀNCA SVÀHÀ.

Thường trì Chú này hay tiêu diệt tất cả tội nghiệp từ vô thủy đến nay.Lại hay siêu độ vong linh bị đọa trong 3 nẻo ác,vãng sinh về cõi Phật thanh tịnh của Bản Tôn.

39) THÍCH CA MÂU NI PHẬT DIỆT ÁC THÚ VƯƠNG CĂN BẢN CHÚ:

♦ **OṂ NAMO BHAGAVATE SARVA DHURU-GATE** (? SARVA DURGATE) **PARI'SODHANI RÀJAYA TATHÀGATAYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHAYA**

TADYATHÀ: OṂ 'SODHANI 'SODHANI, SARVA PÀPAṂ VI'SODHANI, 'SUDDHE VI'SUDDHE , SARVA KARMA ÀVARAṆA VI'SUDDHE KURU SVÀHÀ.

Chú này là sở thuyết của Đại Nhật Thích Ca. Người trì hay diệt định nghiệp, sau khi chết vãng sinh về Cực Lạc.

40) KIM CƯƠNG TÁT ĐOẢ BÁCH TỰ MINH CHÂN NGÔN:

♦ **OṂ VAJRASATVA SAMAYAM ANAPÀLAYA** (? ANUPALÀYA) **VAJRASATVA TVENA UPATIṢṬHA, TIḌHO** (? DṚḌHO) **MEBHAVA SUTOṢYO MEBHAVA , SUPOṢYO MEBHAVA, ANURAKTO MEBHAVA, SARVA SIDDHIM ME PRAYACCHA, SARVA KARMÀ SU CA ME CITTAṂ 'SRÌYAṂ KURU , HÙṂ HA HA HA HA HOḤ , BHAGAVAN SARVA TATHÀGATÀ VAJRA MA ME MUÑCA, VAJRA BHÀVA , MAHÀ SAMAYA SATVA AḤ HÙṂ PHAṬ** .

Thường tụng Chú này có Công Đức như sau:

a) Hay sám hối và tiêu trừ tội nghiệp từ vô thủy đến nay.

b) Hay chận đứng tất cả niệm ác chẳng cho tăng trưởng

c) Hay phá trừ tất cả phiền não.

d) Hay tăng trưởng Phước Trí vô lượng vô biên.

e) Hay sinh mọi loại Công Đức.

g) Tùy Nguyện sở cầu mọi việc như ý.

Sau khi tu Pháp kia, lại hay tụng thêm Chú này. Nếu 1000 biến thì Pháp sở tu, thoảng có lỗi lầm sai trái khiến cho dò rỉ Pháp thì cũng chẳng trái nghịch với chư Phật Bồ Tát.

41) BỔ KHUYẾT CHÂN NGÔN:

♦ OṂ DHURU DHURU JAYA MUKHE SVÀHÀ.

Lúc xong mỗi khóa chiều, tụng Chân Ngôn này 7 lần. Sau đó Hồi Hướng, tức Kinh Chú niệm tụng trong ngày hay tăng thêm một ngàn vạn ức Công Đức.

Hiệu chỉnh xong vào ngày 20/10/2000

KỆ HỒI HƯỚNG

Nguyện đem công đức này
Tiêu trừ nghiệp xưa nay
Tăng trưởng các phước tuệ
Viên thành căn thắng thiện
Bao nhiêu kiếp đao binh
Cùng với nạn đói khát
Đều diệt sạch không còn
Nhân danh tập lễ tán
Tất cả giúp thành người
Người xoay chuyển lưu thông
Quyến thuộc nay an lạc
Tiên vong được siêu thăng
Mưa gió thường thuận hòa
Nhân dân đều khang ninh
Pháp giới các hàm thức
Đồng chứng đạo vô thượng .

10/08/1995

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I _ ANH VĂN :

_ A Sanskṛit English Dictionary __ Sir Monier-Williams

_ Meditations on the Lower Tantra__Glennh. Mullin

II _ PHẠN HÁN VĂN

_ Mật Tạng Bộ 2

_ Đại Tạng Kinh, Quyển 61

_ Mật Giáo Đồ Tượng, quyển 1 và quyển 3

_ Phật Quang Đại Từ Điển

_ Lăng Nghiêm Chú Phạn Anh Trung__Nhật Bản Mật Tông A Xà Lê Bí Tạng

_ Phật Thuyết Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni Kinh__Phật Sống Nặc Na truyền thụ _ Đệ tử Ngô Nhuận Giang biên thuật

_ Đĩa CD (CBETA Điện Tử Phật Điển Đại Chính Tạng)

_ Trang Web (www.siddham_sanskrit.com)

III _ VIỆT VĂN

_ Giải Thoát trong lòng bàn tay__Kyabje pabongka Rinpoche _ Sư cô Thích Nữ Trí Hải dịch

_ Đại Nhật Kinh Sớ__Nhất Hạnh _ Như Pháp Quân dịch

_ Nghiên cứu Kinh Đại Nhật __Tiến sĩ R. TAJIMA _Như Pháp Quân dịch

_ Kinh Trường Bộ 2, 32 __Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

_ Lịch sử Phật Giáo Ấn Độ__Thượng Tọa Thích Thanh Kiểm

_ Lịch sử Phật Giáo Trung Hoa__Thượng Tọa Thích Thanh Kiểm

_ Mạt Pháp Nhất Tự Đà La Ni__Sa Môn Thích Viên Đức dịch

_ Quảng Tụ Phật Đỉnh Đà La Ni Kinh__ Sa Môn Thích Quảng Trí dịch

_ Phật Học Phổ Thông__Thượng Tọa Thích Thiện Hoa

_ Các Tông Phái của Đạo Phật__ Juniro Tanakusa _ Tuệ Sĩ dịch

_ Đời sống Đức Thầy chỉ đạo của Tăng Già__Thượng Tọa Thích Trí Quang

_ Kinh Địa Tạng Bản Nguyện__Thượng Tọa Thích Trí Tịnh dịch

_ Kinh Pháp Hoa__Đoàn Trung Còn dịch

_ Kinh Di Lặc Hạ Sanh Thành Phật (Huyền Thanh dịch)

_ Thập Đại Đệ Tử Truyện __Thích Tịnh Vân_ Như Đức dịch

_ Thủ Lăng Nghiêm Trực Chỉ Đề Cương__Thượng Tọa Thích Từ Thông

_ Kinh Lăng Nghiêm __Thích Duy Lực dịch

_ Kinh Thủ Lăng Nghiêm Trực Chỉ __Thiền Sư Hàm Thị _ Thích Phước Hào dịch

_ Lăng Nghiêm Tông Thông __Nhẫn Tế Thiền Sư dịch

_ Kinh Thủ Lăng Nghiêm __Tâm Minh biên dịch

_ Kinh Thủ Lăng Nghiêm__ Tỳ Kheo Ni Bảo Giác dịch

_ Lăng Nghiêm Thần Chú__Ban dịch Kinh của chùa Quán Sứ Hà Nội

_ Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Chú__Cư Sĩ Thanh Tâm

_ Nhị Khóa Hiệp Giải _ Quán Nguyệt Pháp Sư _Hòa Thượng Thích Khánh Anh dịch

MỤC LỤC

PHẬT LỊCH 2556

ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM THẦN CHÚ PHÁP



BIÊN DỊCH : HUYỀN THANH